ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN (1947-2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc – Tổng Biên tập:
TS. Trần Chí Đạt

Biên tập:
Nguyễn Thị Lê – Nguyễn Thị Hảo – Trần Thị Huyền

Trình bày sách:
Hàn Hoàng Yến – Hà Diễm Quỳnh

Biên tập sách điện tử:
Nguyễn Tiến Phát – Bùi Hữu Lộ

Trình bày sách điện tử:
Nguyễn Thị Thảo

Thiết kế bìa:
Nguyễn Thị Kim Phúc

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
nxbthongtintruyenthong.vn | book365.vn | ebook365.vn | ebook.gov.vn

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
(024) 35772141/ 35772143 | nxb.tttt@mst.gov.vn
ĐT Phát hành: 024.35772138

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
211 Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
(028) 35127750 | cnsg.nxbtttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Miền Trung – Tây Nguyên
42 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
46 Y Jút, Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(0236) 3897467 / (0262) 3808088 | cndn.nxbtttt@mst.gov.vn

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2013-2025/CXBIPH/5-82/TTTT
Số quyết định xuất bản: 564/QĐ - NXB TTTT, ngày 12 tháng 6 năm 2025
Nộp lưu chiểu Quý II năm 2025
ISBN: 978-604-45-1130-6

ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN VĂN BÀN
(1947-2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890-1969)

Chỉ đạo nội dung

NGUYỄN ANH CHUYÊN - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy

Chỉ đạo biên soạn

NGUYỄN VĂN BÀN - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy

NGÔ HOÀI LINH - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện

ĐẶNG XUÂN PHƯƠNG - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy

NGUYỄN THỊ TRÂM - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy

LA TIẾN THUẬT - Ủy viên Ban Thường vụ,
Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện

LIỀNG A VẤN - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện

HÀ TIẾN SỰ - Chánh Văn phòng Huyện ủy

Ban Biên soạn

ĐẶNG XUÂN PHƯƠNG - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy

ĐÀM SÔNG HƯƠNG - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo
và Dân vận Huyện ủy

PHẠM XUÂN NĂM - Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị
huyện Văn Bàn

NGUYỄN THỊ THỦY - Chuyên viên Ban Tuyên giáo
và Dân vận Huyện ủy

NGUYỄN THỊ NGỌC - Chuyên viên Ban Tuyên giáo
và Dân vận Huyện ủy

NGUYỄN THỊ LÂM - Chuyên viên Ban Tuyên giáo
và Dân vận Huyện ủy

LỜI MỞ ĐẦU

Đảng bộ huyện Văn Bàn có bề dày lịch sử đấu tranh cách mạng. Ra đời từ nửa sau thập kỷ 40 của thế kỷ XX, Đảng bộ được tôi luyện trong lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập và kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược đầy cam go thử thách. Trong lãnh đạo địa phương khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ huyện Văn Bàn ngày càng trưởng thành. Trong 78 năm (1947-2025), gắn với những bước thăng trầm của lịch sử địa phương, Đảng bộ huyện Văn Bàn luôn khẳng định vai trò lãnh đạo, là nhân tố quyết định đưa phong trào cách mạng của huyện đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Với sự sáng tạo, nhạy bén, Đảng bộ đã kịp thời đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể, tạo sự đồng thuận giữa Đảng với nhân dân, phát huy nguồn lực của cả hệ thống chính trị tạo nên sức mạnh tổng hợp hoàn thành nhiệm vụ chính trị của huyện Văn Bàn trong từng giai đoạn lịch sử.

Nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nhận thức sâu sắc về truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng bộ huyện Văn Bàn, năm 1995 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tổ chức biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* tập II (1954-1975). Năm 1999, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn tiếp tục phát hành cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* tập I (1945-1954). Năm 2010, cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* tập III (1976-2000) tiếp tục ra mắt bạn đọc. Các tập sách là nguồn tư liệu quý phục vụ công tác xây dựng Đảng trong suốt thời gian qua.

Năm 2020, trên cơ sở hợp nhất nội dung 3 tập sách đã xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn đã biên soạn, xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn (1947-2017)*. Đây là công trình khoa học chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025. Năm 2025, trước yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, thực hiện các chủ trương của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính (cấp huyện kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cấp tỉnh và cấp xã); để công trình lịch sử Đảng phản ánh một cách hệ thống, liên tục sự ra đời và phát triển của Đảng bộ huyện trong 78 năm qua, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức nghiên cứu, biên soạn bổ sung chương VII để hoàn thiện cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn (1947-2025)*.

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn (1947-2025)* tái hiện quá trình ra đời, lãnh đạo, phát triển và trưởng thành của Đảng bộ huyện qua những thời kỳ lịch sử. Ngoài lời mở đầu, kết luận và phụ lục, cuốn sách được chia thành 7 chương, phản ánh sinh động sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, phong trào cách mạng của địa phương qua những chặng đường lịch sử vẻ vang của đất nước, của địa phương. Đây là tài liệu quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống của Đảng bộ huyện; có giá trị tổng kết lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa khơi dậy lòng tự hào, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn, chúng tôi chân thành cảm ơn Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cán bộ lão thành đã từng công tác tại huyện, Ban Tuyên giáo và Dân vận

Tỉnh ủy cùng cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Văn Bàn đã đóng góp ý kiến, cung cấp tư liệu giúp Ban Biên soạn hoàn thành nghiên cứu, biên soạn cuốn sách.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, biên soạn song cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi thiếu sót, hạn chế. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Lào Cai, tháng 5 năm 2025

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN

BÍ THƯ

NGUYỄN ANH CHUYÊN

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN

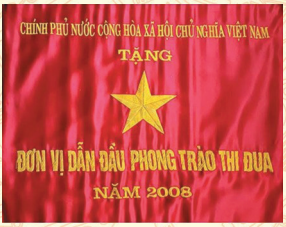

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN VĂN BÀN

HUYỆN VĂN BÀN

bản đồ hành chính

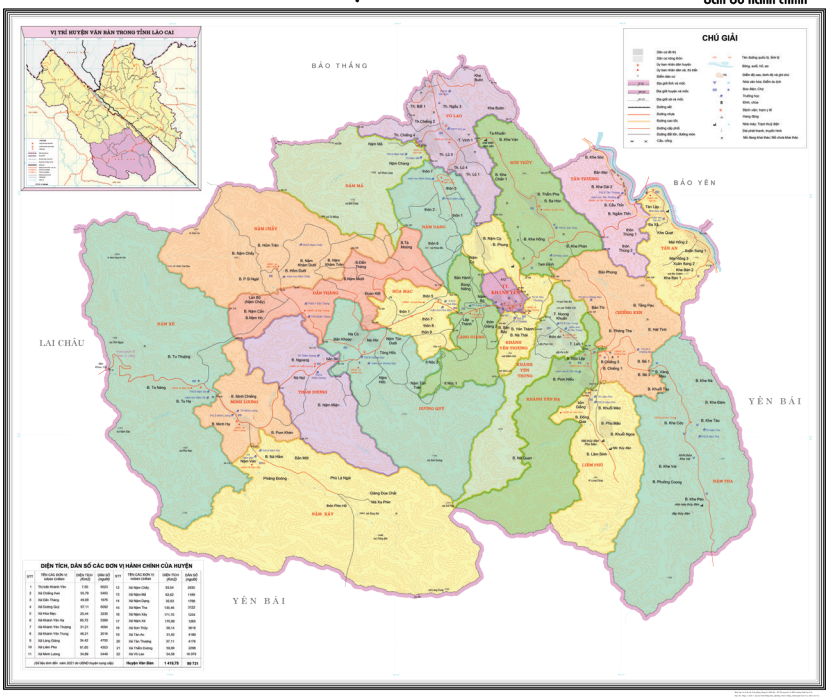

TỶ LỆ 1 : 50 000

Chương 1

VĂN BÀN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH

Văn Bàn là huyện miền núi vùng cao, từ năm 1976 trở về trước thuộc tỉnh Yên Bái, từ năm 1976 đến tháng 10/1991 thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn. Từ tháng 10/1991 tách tỉnh đến năm 2025 thuộc tỉnh Lào Cai. Vị trí huyện Văn Bàn ở tọa độ $103^0 55'$ đến $104^0 26'$ kinh độ Đông, $21^0 52'$ đến $22^0 15'$ vĩ độ Bắc. Phía đông giáp huyện Văn Yên, phía đông nam giáp Huyện Mù Cang Chải (Yên Bái); phía bắc giáp huyện Bảo Thắng, phía đông bắc giáp huyện Bảo Yên, phía tây bắc giáp huyện Sa Pa (Lào Cai), phía nam và tây nam giáp huyện Than Uyên (Lai Châu). Độ cao trung bình so với mặt nước biển là 200 m. Văn Bàn nằm giữa hai dãy núi cao là dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi. Diện tích đất chủ yếu là đồi núi, địa hình bị chia cắt bởi các dãy khá cao tạo nên nhiều thung lũng và các khe suối.

Các yếu tố khí hậu của huyện Văn Bàn mang đặc trưng khí hậu vùng núi phía bắc, mùa hè nóng, mùa đông lạnh, đôi khi có rét đậm, rét hại. Thời tiết, khí hậu nóng ẩm, gió nóng Tây - Nam xuất hiện từ tháng 3 đến tháng 9 hàng năm. Lượng mưa trung bình từ 1.400 mm đến 1.700 mm. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 đến 29^0C, thuận lợi cho việc khai thác và phát triển các loại hình du lịch.

Diện tích tự nhiên của huyện Văn Bàn là 141.978,15 ha. Đất nông nghiệp là 14.774 ha. Trên diện tích đất nông nghiệp đó, huyện hình thành được vùng cây, vùng con, như vùng thâm canh lúa ở Võ Lao, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ; vùng cây thảo quả ở Nậm Chày, Nậm Xây, Nậm Xé, Liêm Phú; vùng chăn nuôi đại gia súc ở các xã phía tây của huyện.

Rừng của huyện Văn Bàn có diện tích 97.072 ha, chiếm gần 65% diện tích, là địa phương có diện tích phủ xanh lớn nhất Tây Bắc. Văn Bàn hiện còn giữ được diện tích lớn rừng nguyên sinh ở các xã Dương Quỳ, Nậm Tha, Liêm Phú, Nậm Xé. Rừng Văn Bàn có khoảng 12 triệu m^3 gỗ với cây tre, nứa, vầu các loại. Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - huyện Văn Bàn có hệ động thực vật rừng còn tương đối phong phú. Riêng hệ thực vật đã thống kê được 1.487 loài, thuộc 747 chi, 179 họ. Đã ghi nhận 45 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm có tên trong sách Đỏ thế giới, sách Đỏ Việt Nam. Hệ động vật có 486 loài động vật thuộc 89 họ và 27 bộ, có 54 loài động vật nguy cấp, quý hiếm có tên trong sách Đỏ thế giới, sách Đỏ Việt Nam. Diện tích rừng và trữ lượng gỗ tự nhiên khá lớn cùng với thảm thực vật phong phú, sự đa dạng của các loài động vật là điều kiện thuận lợi để Văn Bàn phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp khai thác chế biến và du lịch. Đồng thời rừng còn giữ vai trò quan trọng trong việc phòng hộ môi trường, hạn chế lũ lụt hạn hán và bảo đảm cho quốc phòng, an ninh.

Tài nguyên khoáng sản đa dạng, phong phú, trữ lượng tương đối lớn như mỏ sắt Quý Xa ở xã Sơn Thuỷ, trữ lượng 114 triệu tấn; Fenspat ở Làng Giàng trữ lượng 10 triệu tấn; Mỏ Apatít bản Phúng thuộc xã Chiềng Ken, mỏ vàng ở Minh Lương, lưu huỳnh, pirit, than, vàng sa khoáng trên các dòng sông, suối, trên các bồn địa, phốt pho, đá vôi, đá xanh, cát vàng,

sỏi. Hầu hết các khoáng sản tại Văn Bàn đều có trữ lượng, hàm lượng khá lớn.

Trên địa phận Văn Bàn có sông Hồng từ Vân Nam Trung Quốc chảy qua, chạy song song với dải Hoàng Liên, dải Con Voi; có hệ thống suối khe tiếp nước cho sông Hồng. Mạng lưới sông suối của huyện khá dày như suối Nhù, suối Nậm Tha, suối Chăn. Các dòng suối này có độ dốc cao, là tiềm năng, thế mạnh cho việc xây dựng các công trình thuỷ điện nhỏ và vừa, xây dựng các công trình thuỷ lợi phục vụ nước sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Thời kỳ Hồng Bàng là thời kỳ đấu tranh hình thành bộ tộc và hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam. Hùng Vương là tù trưởng bộ lạc Văn Lang, bộ lạc mạnh nhất trong cộng đồng người Lạc Việt. Hùng Vương hình thành nhà nước, lấy quốc hiệu là Văn Lang, nhà nước đầu tiên của Việt Nam. Nhà nước Hùng Vương rất đơn sơ mang đậm dấu ấn bộ lạc-công xã tồn tại vào khoảng năm 2879 TCN-258 TCN. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì nước Văn Lang được phân thành 15 bộ, địa phận huyện Văn Bàn ngày nay, thời đó thuộc bộ Tân Hưng.

Thục Phán thôn tính Văn Lang, sáp nhập nước Văn Lang và nước Thục năm 257 TCN, lấy quốc hiệu là Âu Lạc, lấy hiệu là An Dương Vương. Hệ thống hành chính địa phương nước Âu Lạc, An Dương Vương chia thành 17 bộ lạc. Vùng đất huyện Văn Bàn thuộc bộ lạc Tây Vu.

Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất (207 TCN-40), Triệu Đà thôn tính được Âu Lạc, địa phận nước Âu Lạc gọi là Nam Việt. Triệu Đà phân chia Nam Việt (lãnh thổ Âu Lạc cũ) làm hai quận là quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân, bên dưới cấp quận không có đơn vị hành chính khác. Vùng đất huyện Văn Bàn nay,

thời đó thuộc quận Giao Chỉ. Đến thời Nhà Hán đánh chiếm Nam Việt từ năm 111 TCN, chia lãnh thổ Nam Việt làm 6 quận. Địa phận đất huyện Văn Bàn nay, bấy giờ thuộc quận Giao Chỉ.

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi, đất nước Âu Lạc thoát khỏi sự đô hộ của Nhà Hán và tồn tại được ba năm (40-43), trong khoảng thời gian ngắn ngủi, Trưng Trắc chưa kịp sắp xếp lại hệ thống hành chính. Địa phận đất huyện Văn Bàn nay thuộc quận Giao Chỉ.

Thời Bắc thuộc lần thứ hai (43-541), địa giới hành chính Việt Nam thời Bắc thuộc lần thứ hai có những biến động, qua tay 7 triều đại phong kiến phương Bắc: Đông Hán, Đông Ngô, Tào Ngụy, Tấn, Lưu Tống, Nam Tề, Lương.

Thời Đông Hán, lãnh thổ Việt Nam hiện nay thuộc bộ Giao Chỉ - gồm 9 quận, tức là lãnh thổ nước Nam Việt cũ cộng thêm đất 3 quận Đạm Nhĩ, Chu Nhai và Nhật Nam. Cuối thời Hán đổi gọi bộ Giao Chỉ thành Giao Châu như các châu của Trung Quốc. Địa phận đất huyện Văn Bàn nay, lúc bấy giờ thuộc quận Giao Chỉ, bộ Giao Chỉ (Giao Châu).

Từ cuối thời Tam Quốc, Đông Ngô cắt đất phía bắc ra khỏi Giao Châu để lập ra Quảng Châu, tách quận Giao Chỉ thuộc Giao Châu lập ra quận Tân Hưng, sau đổi tên là quận Tân Xương. Địa phận đất huyện Văn Bàn nay thuộc quận Tân Xương, Giao Châu.

Sang thời Lương có đặt thêm nhiều châu nhỏ do chính sách điều chỉnh địa giới hành chính của Lương Vũ Đế. Địa phận khu vực Tây Bắc của Việt Nam ngày nay, lúc đó hình thành các châu nhỏ ki mi (chủ yếu tự quản). Địa phận đất huyện Văn Bàn ngày nay thời đó thuộc châu Chu Quý.

Thời Tiền Lý và Triệu Việt Vương từ năm 541 kết thúc năm 602, cùng sự tồn tại của nước Vạn Xuân. Sau khi đánh đuổi

quân Lương về nước và đánh tan quân Lâm Ấp xâm lấn ở phía nam, Lý Bí lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Tiền Lý tự xưng là Nam Việt Đế, đặt niên hiệu Thiên Đức, lập trăm quan, dựng quốc hiệu là Vạn Xuân. Nhà Tiền Lý cơ bản kế thừa các cơ sở hành chính của nhà Lương, không có sự xáo trộn, sắp đặt mới. Địa phận đất huyện Văn Bàn thuộc châu Chu Quý.

Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba phản ánh bộ máy cai trị tại Việt Nam của hai triều đại phương Bắc là nhà Tùy và nhà Đường từ năm 602 đến năm 905.

Năm 602, Vạn Xuân hoàn toàn nằm dưới quyền cai trị của nhà Tùy. Nhà Tùy gộp hết các huyện của quận Giao Chỉ thời Bắc thuộc lần 2 làm 2 huyện Giao Chỉ và Long Uyên, lệ thuộc vào Giao Châu. Địa phận đất Văn Bàn ngày nay, bấy giờ thuộc đất huyện Giao Chỉ, thuộc Giao Châu.

Sang thời Tùy Dạng Đế, năm 607 lại đổi châu thành quận. Các quận đều thuộc chính quyền trung ương. Địa phận đất Văn Bàn ngày nay, lúc bấy giờ thuộc đất huyện Giao Chỉ, thuộc quận Giao Châu.

Sang thời nhà Đường, năm 621- 622, Đường Cao Tổ phỏng theo các quận thời Tùy, nhưng dưới các quận không phải là huyện mà đặt nhiều châu nhỏ. Trong châu nhỏ lại có các huyện nhỏ hơn. Thời kỳ này khá ngắn, chỉ kéo dài khoảng 5-6 năm.

Năm 627, Đường Thái Tông lên ngôi, chỉnh lại gọi các quận thời Đường (cũng là các quận thời Tùy) bằng tên châu lớn, trong châu lớn có các huyện. Về cơ bản là thay đổi gọi đơn vị hành chính lớn nhất dưới "Đô hộ phủ" từ "quận" thành "châu". Địa phận đất Văn Bàn ngày nay, bấy giờ thuộc đất huyện Giao Chỉ, thuộc Giao Châu. Năm 679, Đường Cao Tông đổi gọi Giao Châu là An Nam đô hộ phủ.

Năm 742, Đường Huyền Tông lại đổi các châu gọi là quận, nhưng với nhiều tên mới hoàn toàn, một số dùng lại tên quận thời Tùy. Các huyện trong các quận vẫn như cũ. Vùng đất Văn Bàn lúc đó thuộc huyện Giao Chỉ quận Giao Chỉ.

Năm 757, Đường Túc Tông đổi An Nam đô hộ phủ gọi là Trấn Nam đô hộ phủ. Đường Đại Tông đổi lại tên cũ là An Nam đô hộ phủ, đổi quận thành châu năm 766. Vùng đất Văn Bàn lúc đó thuộc huyện Giao Chỉ, Giao Châu.

Năm 866, Đường Ý Tông thăng An Nam đô hộ phủ làm Tĩnh Hải quân. Đối với các bộ lạc vùng núi xa xôi phía bắc Bắc Bộ Việt Nam hiện nay, nhà Đường không đặt châu quận cai quản trực tiếp mà đặt các phủ, châu ki mi (ràng buộc lỏng lẻo, chủ yếu tự quản), cho các tù trưởng cai quản bộ lạc của mình. Tại An Nam đô hộ phủ có tới 41 châu ki mi, như vùng Quy Hóa, Cam Đường thuộc vùng đất Yên Bái, Lào Cai nay, thượng du sông Đà, châu Bình Nguyên ở Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn hiện nay. Địa phận huyện Văn Bàn ngày nay thuộc châu ki mi Chu Quý.

Thời tự chủ, địa phận đất huyện Văn Bàn nay, lúc đó thuộc châu ki mi, là châu Chu Quý như thời Đường.

Thời nhà Ngô, tuy đại thắng quân Nam Hán ở trận Bạch Đằng nhưng lãnh thổ mà nhà Ngô quản lý chỉ còn 8 châu (so với 12 châu thời Tự chủ). Giai đoạn này, địa phận huyện Văn Bàn vẫn trong sự quản lý của Nam Hán, thuộc trong các châu ki mi, là châu Chu Quý.

Thời nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt từ năm 968-979 hành chính địa phương gồm 10 đạo, trong đó đạo Lâm Tây bao gồm các châu ki mi vùng Tây Bắc nay. Địa phận đất huyện Văn Bàn lúc bấy giờ là châu Chu Quý thuộc đạo Lâm Tây. Hệ thống hành chính cấp dưới được kế tục từ thời họ Khúc, họ Dương và họ Ngô gồm có giáp, xã.

Thời Tiền Lê từ năm 980 đến năm 1009, lãnh thổ nhà Tiền Lê kế tục nhà Ngô và Đinh nằm trên 8 châu thời thuộc Đường là Giao, Lục, Phong, Ái, Hoan, Phúc Lộc, Trường, Diễn. Địa phận huyện Văn Bàn thuộc châu ki mi Chu Quý vẫn thuộc Nam Hán quản lý.

Nước Đại Việt thời nhà Lý (1009-1225), chế độ hành chính của Đại Việt thời nhà Lý bao gồm 5 cấp, trong đó có 4 cấp địa phương, cao nhất là 24 phủ, lộ, đạo, châu, trại. Dưới phủ, lộ, châu, trại, đạo là huyện, hương, phường, tiếp dưới là giáp, dưới giáp chia thành các thôn, bản. Theo sách *Hưng hóa ký lược* của Phạm Thận Duật và sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn địa phận huyện Văn Bàn ngày nay, lúc bấy giờ thuộc đất Châu Đăng.

Thời nhà Trần, nước Đại Việt, sau khi giành được chính quyền, nhà Trần đã phân chia lại Đại Việt thành 12 lộ thay vì 24 phủ, lộ, châu, trại, đạo thời Lý. Bộ máy hành chính được củng cố theo hướng tăng tính tập quyền quan liêu. Năm 1397, Thái sư Hồ Quý Ly giúp vua Trần Thuận Tông sắp xếp cả nước có 24 đơn vị hành chính địa phương cao nhất. Cấp địa phương cao nhất gồm lộ, trấn, phủ. Huyện Văn Bàn và huyện Thủy Vĩ (huyện Thủy Vĩ là địa phận thành phố Lào Cai và huyện Bảo Thắng ngày nay) được thành lập và cùng huyện Yên Lập (tỉnh Phú Thọ hiện nay), huyện Văn Chấn (tỉnh Yên Bái) thuộc châu Quy Hóa, trấn Thiên Hưng. Huyện Văn Bàn chính thức có tên trong hệ thống hành chính quốc gia Việt Nam. Dưới châu, huyện là cấp giáp, đến thời Trần Nhân Tông thì đổi gọi là hương. Dưới hương là cấp xã, dưới xã còn có các thôn, làng, bản nhưng không phải đơn vị hành chính cơ sở do triều đình trực tiếp quản lý, mà được giao cho các xã quan.

Tại huyện Văn Bàn có 8 xã 1 trại đó là xã Xuân Giao, xã Văn Bàn (xã Cam Cọn, xã Sơn Hà, xã Sơn Hải nay), xã Vũ Lao (xã

Võ Lao, xã Văn Sơn, xã Nậm Mả, xã Nậm Dạng, một phần đất xã Sơn Thủy nay), xã Phú Nhuận, xã Kế Dương (một phần đất xã Hòa Mạc bên tả ngòi Chút, xã Dương Quỳ, xã Dần Thàng, xã Thẳm Dương, xã Nậm Chầy, xã Minh Lương, xã Nậm Xây, xã Nậm Xé nay), xã Khánh Yên (bên hữu ngạn ngòi Chút xã Hòa Mạc trở xuống, xã Làng Giàng, thị trấn Khánh Yên, xã Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Trung, xã Khánh Yên Hạ, xã Liêm Phú, xã Chiềng Ken xã Nậm Tha ngày nay), xã Châu Quế (xã Đông An, xã Châu Quế Hạ, xã Châu Quế Thượng, xã Phong Dụ Thượng, xã Phong Dụ Hạ huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái nay), xã Khảo Bàn (xã Kim Sơn, xã Bảo Hà huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai nay, xã Lâm Giang, xã Lang Thíp huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái nay), trại Khánh An (địa phận xã Tân An, xã Tân Thượng nay). Trong các triều đại phong kiến tự chủ, giặc phương Bắc luôn lăm le tiến quân xâm chiếm nước ta bằng đường sông, trong đó sông Hồng là tuyến đường thủy lợi hại. Do vậy các triều đại phong kiến từ thời nhà Trần trở về trước đã hình thành hệ thống các bảo tại các cửa sông ngòi tiếp nước cho sông Hồng, tại vị trí đắc địa để phòng ngự chặn đánh giặc phương Bắc tiến quân đường thủy sông Hồng và là nơi kiểm soát thu thuế giao thương đường sông với Vân Nam Trung Quốc, như: cửa quan Bảo Thắng nay là cửa khẩu Lào Cai, tại khu vực cửa ngòi Hút huyện Văn Yên có Bảo Đông Quang, tại khu vực cửa ngòi Lâu huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái nay có bảo Trấn Yên. Tại khu vực hai bên bờ sông Hồng thuộc địa phận xã Tân An, Tân Thượng huyện Văn Bàn hiện nay và địa phận xã Bảo Hà hiện nay (thời phong kiến là xã Khảo Bàn) lân cận cầu Tân An - Bảo Hà nay, các triều đại phong kiến đã dựa vào thế dòng sông khúc khuỷu, hẹp độ dốc cao chảy siết, hai bên bờ hệ thống đồi núi tiến sát bờ sông đã lập bảo Trấn Hà để án ngữ dòng sông. Đây là vị trí đắc địa, các triều đại phong kiến xác định là cửa quan thứ hai của quốc gia trên dòng sông Hồng, sau cửa quan Bảo Thắng. Tại bảo Trấn Hà

còn được xác định là yết hầu quốc gia và là nơi kiểm soát, thu thuế đường sông giao lưu hàng hóa với khu vực tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Tại vị trí bảo Trấn Hà còn là nơi kiểm soát tuyến đường bộ lưu thông từ khu vực đông bắc sang khu vực tây bắc của miền núi phía Bắc. Đường bộ được hình thành từ đèo Khau Bàn (nay là đèo Mã Yên) thuộc dải núi Con Voi chạy theo thung lũng khe, ngòi bắt nguồn từ đèo tiếp nước cho sông Hồng, đến bờ sông Hồng qua con đò ngay nơi đặt điểm bảo Trấn Hà, rồi theo dọc bờ bên hữu ngạn sông Hồng lên cửa suối Nhù và theo thung lũng suối Nhù ngược vào đến cửa suối Chăn tiếp nước cho suối Nhù đi theo thung lũng suối Chăn đến đèo Khau Co thuộc dải Hoàng Liên vào khu vực Tây Bắc. Vị trí đắc địa về quân sự, về sự kiểm soát thông thương đường sông, đường bộ, nên nhà Trần đã thành lập huyện Văn Bàn và đặt trung tâm huyện lỵ Văn Bàn tại bảo Trấn Hà. Trung tâm huyện lỵ Văn Bàn đặt tại bảo Trấn Hà tồn tại đến tận thời Pháp thuộc. Vị trí quan trọng liên quan đến định mệnh quốc gia trước các cuộc tiến quân xâm lược bằng đường thủy của giặc phương Bắc, các triều đại phong kiến mới hình thành trại là thiết chế quân sự và đặt tên tồn tại đến hết thời kỳ Pháp thuộc là trại Khánh An (tức bình an vững chắc). Khu vực trại Khánh An là địa phận xã Tân An, Tân Thượng nay. Sau ngày giải phóng, nhà nước ta tách xã Khảo Bàn thành lập các xã trong đó có xã Bảo Hà. Bảo Hà là tên gọi tắt của bảo Trấn Hà.

Thời nhà Hồ trong lịch sử Việt Nam phản ánh hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương nước Đại Ngu từ năm 1400 đến năm 1407. Từ khi Thái Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mất (1394), Hồ Quý Ly với thực quyền trong tay bắt đầu thực hiện những thay đổi trong quan chế, bộ máy chính quyền. Tuy nhiên, tác động chủ yếu của Hồ Quý Ly là vào chính quyền địa phương, còn chính quyền trung ương về cơ bản vẫn thừa kế

cơ cấu của nhà Trần. Phủ, lộ, trấn là cấp hành chính địa phương cao nhất của nước Đại Ngu. Cả nước có 24 đơn vị hành chính là phủ, lộ, trấn. Dưới lộ, phủ, trấn là châu, huyện Văn Bàn thuộc châu Quy Hóa, trấn Thiên Hưng. Dưới châu, huyện là hương, dưới hương là xã (đơn vị hành chính nhỏ nhất).

Thời kỳ Bắc thuộc lần 4 của Việt Nam kéo dài 20 năm. Năm 1406, nhà Minh dùng chiêu bài "phù Trần diệt Hồ" để mang quân sang xâm lược nước Đại Ngu. Nhà Hồ nhanh chóng thất bại hoàn toàn vào giữa năm 1407. Nước Đại Ngu bị tiêu diệt và bị sáp nhập vào lãnh thổ Trung Quốc, gọi là quận Giao Chỉ. Phần lớn các đơn vị hành chính thời thuộc Minh được đặt vào giữa năm 1407. Nhiều phủ, châu, huyện được đổi tên trong thời gian này, số còn lại giữ nguyên. Huyện Văn Bàn thuộc châu Quy Hóa, trấn Thiên Hưng, quận Giao Chỉ.

Đánh đuổi giặc Minh, năm 1428 Lê Lợi lên ngôi, lấy niên hiệu là Thuận Thiên (tuân theo Trời), chia đất nước thành 5 đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc (đều ở vùng Bắc Bộ) và Hải Tây (từ Thanh Hóa trở vào). Dưới đạo là trấn, dưới trấn là lộ, dưới lộ là châu và huyện, cấp hành chính địa phương thấp nhất là xã. Huyện Văn Bàn thuộc lộ Quy Hóa, trấn Thiên Hưng, đạo Tây. Dưới huyện, châu là hương, dưới hương là xã (đơn vị hành chính nhỏ nhất), dưới xã là thôn, làng, bản. Các xã huyện Văn Bàn vẫn ổn đình như thời nhà Trần.

Đến năm Quang Thuận thứ 5 (1464) thời vua Lê Thánh Tông, Đại Việt được chia thành 1 phủ và 12 đạo "thừa tuyên". Huyện Văn Bàn thuộc lộ Quy Hóa, trấn Thiên Hưng, đạo thừa tuyên Tây.

Đến năm Quang Thuận thứ 7 (1466), vua Lê Thánh Tông phân chia thành 12 đạo thừa tuyên, đổi lộ thành phủ, đổi trấn làm châu. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469) vua Lê Thánh Tông

đưa định lại bản đồ cả nước. Huyện Văn Bàn được đổi thành châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa, thừa tuyên Hưng Hóa.

Đến năm Hồng Đức thứ 31 (1490) đạo thừa tuyên Hưng Hóa đổi thành xứ Hưng Hóa. Châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa xứ Hưng Hóa.

Giai đoạn Hồng Thuận (1509-1516), Lê Uy Mục đổi xứ Hưng Hóa thành trấn Hưng Hóa và duy trì trong giai đoạn Lê Tương Dực (1516-1527). Châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa, trấn Hưng Hóa.

Thời Lê, châu Văn Bàn có 10 động và trại: động Văn Bàn, động Xuân Giao, động Khánh Yên, động Châu Quế, động Khảo Bàn, động Vũ Lao, động Kế Dương, động Phú Nhuận, trại Ngòi Thâu, trại Khánh An như thời nhà Trần chỉ khác là đổi xã thành động.

Thời Nam Bắc triều từ năm 1527 đến năm 1592, phản ánh bộ máy chính quyền trung ương tới địa phương của hai triều đình Lê-Mạc trong lịch sử Việt Nam. Khu vực Bắc Bộ hiện nay, lúc đó thuộc sự quản lý của nhà Mạc. Các đơn vị hành chính thời Mạc cơ bản vẫn giữ như thời Lê sơ, ngoài kinh đô Thăng Long, có đổi các trấn đơn vị hành chính địa phương cao nhất là đạo. Dưới đạo là phủ, dưới phủ là huyện hoặc châu, dưới châu có tổng, dưới tổng là xã (cấp hành chính cơ sở), dưới xã là thôn, làng, bản (thôn, làng, bản không phải là cấp hành chính). Châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa, đạo Hưng Hóa. Tại châu Văn Bàn có hai tổng là tổng Vũ Lao và tổng Khánh An.

+ Tổng Vũ Lao gồm: động Văn Bàn, động Xuân Giao, động Vũ Lao, động Kế Dương, động Phú Nhuận, trại Ngòi Thâu.

+ Tổng Khánh An bao gồm: động Khảo Bàn, động Châu Quế, động Khánh Yên, trại Khánh An.

Giai đoạn Nam Bắc triều Trịnh - Nguyễn phân tranh, cơ bản về hệ thống hành chính vẫn giữ nguyên thời Lê sơ.

Thời Tây Sơn (1786-1802), trừ xứ Sơn Nam và Thanh Hóa tách làm hai, các xứ, trấn khác đều giữ nguyên như thời Hậu Lê. Mỗi xứ (trấn) chia làm nhiều phủ, mỗi phủ chia làm nhiều huyện, mỗi huyện chia làm nhiều tổng, mỗi tổng chia làm nhiều xã, mỗi xã lại chia nhiều thôn. Châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hóa, đạo Hưng Hóa. Tại châu Văn Bàn có hai tổng là tổng Vũ Lao và tổng Khánh An, các xã, trại giữ nguyên như thời Lê sơ.

Hành chính Việt Nam thời Nguyễn phản ánh bộ máy cai trị từ trung ương tới địa phương của chính quyền nhà Nguyễn trong thời kỳ độc lập (1802-1884).

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ 19* viết vào năm (1810-1813) thời Gia Long, trên địa bàn châu Văn Bàn có ghi: châu Văn Bàn có 10 động, trại, xã gồm: động Văn Bàn, động Xuân Giao, động Khánh An, động Châu Quế, động Khảo Bàn, động Vũ Lao, động Kế Dương, động Phú Nhuận, trại Ngòi Thâu, trại Khánh An.

Đến thời Minh Mạng, để nhất thể hóa các đơn vị hành chính trong cả nước, năm 1831-1832 nhà vua thực hiện một cuộc cải cách hành chính lớn, theo đó bỏ các tổng, trấn, đổi các dinh, trấn thành tỉnh và đây là lần đầu tiên đơn vị hành chính "tỉnh" xuất hiện ở Việt Nam. Cả nước được chia thành 31 đơn vị hành chính địa phương cao nhất gồm phủ Thừa Thiên (còn gọi là Quảng Đức) là trung tâm và 30 tỉnh. Tỉnh Hưng Hóa (nay là đất các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái). Dưới tỉnh là phủ, hoặc huyện hoặc châu tiếp đến tổng, dưới tổng là xã. Châu Văn Bản thuộc tỉnh Hưng Hóa, có 2 tổng, 8 xã và 1 trại: tổng Khánh An gồm xã Khánh Yên, xã

Châu Quế, xã Khảo Bàn, trại Khánh An (xã Tân An, xã Tân Thượng ngày nay); tổng Vũ Lao gồm xã Vũ Lao, xã Xuân Giao, xã Văn Bàn, xã Phú Nhuận, xã Kế Dương.

Đến thời vua Đồng Khánh (1885-1888), nhà vua cho xây dựng bộ sách *Đồng Khánh địa dư chí*. Đây là bộ sách đồ sộ, trong đó có đơn vị hành chính châu Văn Bàn. Trong bộ sách nêu: Châu Văn Bàn gồm 2 tổng, 6 xã, 1 trại. Trong đó là tổng Vũ Lao gồm xã Vũ Lao, xã Văn Bàn, xã Xuân Giao (xã Xuân Giao bao gồm cả xã Nhú Nhuận trước đó) và tổng Khánh An gồm xã Khánh Yên, xã Khảo Bàn, xã Châu Quế, trại Khánh An. Châu Chiêu Tấn gồm tổng Dương Quỳ và tổng Phong Thổ, tổng Bình Lư. Như vậy vùng đất xã Kế Dương châu Văn Bàn của thời Minh Mạng được đổi thành tổng Dương Quỳ, gồm xã Dương Quỳ (xã Dương Quỳ, xã Thẩm Dương, xã Dần Thàng, xã Nậm Chầy và phần đất bên tả ngạn ngòi Chút xã Hòa Mạc ngày nay) và xã Man Nương sau do phát âm đã dị bản chuyển thành xã Minh Lương (là xã Minh Lương, xã Nậm Xé, xã Nậm Xây ngày nay) thuộc châu Chiêu Tấn.

Thời kỳ Pháp thuộc, năm 1886 đến 1945, dưới sự áp bức nô dịch của Pháp, sau là phát xít Nhật đảo chính Pháp, Quốc dân Đảng Trung Quốc mượn cớ giải giáp quân đội Nhật đô hộ nước ta, rồi tiếp tục đến Pháp tái chiếm. Phong trào đấu tranh của nhân dân chống lại ách nô dịch của Pháp mạnh mẽ, cộng với tính phức tạp của vùng biên giới nên thực dân Pháp thay đổi các đơn vị hành chính và duy trì chế độ quân quản trong suốt hơn 20 năm.

Sau khi chiếm đóng hoàn toàn tỉnh Hưng Hóa vào năm 1886, nhằm củng cố vị thế chiếm đóng, ngày 15/4/1888 thực dân Pháp phân chia địa bàn từ Thanh Hóa trở ra vùng thượng du Bắc Kỳ thành 14 quân khu chế độ quân quản. Châu Văn Bàn thuộc tiểu quân khu Lào Cai của quân khu Yên Bái (Lào Cai,

Yên Bái là tên địa điểm đặt bộ máy chỉ huy quan binh, chưa phải là tên đơn vị hành chính. Lào Cai là một điểm cửa sông Hồng có tên là Lão Nhai tiếng Quan hỏa là cây gạo, Pháp ghi dị bản thành Lao Kay sau thành Lào Cai. Lao Kay là điểm đặt vị trí điều hành của tiểu quân khu thuộc Quân khu Yên Bái. Yên Bái là một điểm thuộc khu vực bảo Trấn Yên vùng hai bên sông Hồng khu vực gần cửa ngòi lâu, tại khu bảo Trấn Yên đó có đặt điểm thờ tự theo văn hóa đạo mẫu là đền Tuần Quán làm chỗ dựa tinh thần cho tướng quân và binh lính các triều đại phong kiến trấn giữ trên đường sông như bảo Trấn Hà, do vậy có tên là Yên Bái. Pháp đã đặt vị trí chỉ huy của Quân khu tại đây và từ đó tên gọi Yên Bái trở thành tên gọi thứ hai của quân khu "Quân khu Yên Bái". Song Lào Cai, Yên Bái không phải tên đơn vị hành chính, đơn vị hành chính lúc đó là tỉnh Hưng Hóa.

Ngày 6/8/1891, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bài bỏ các quân khu, thành lập các đạo quan binh tăng cường chế độ quân quản gắt gao. Mỗi đạo quan binh do một Tư lệnh đứng đầu có quyền binh về quân sự cũng như dân sự. Bộ máy đạo quan binh tạo mọi điều kiện cho sỹ quan quân sự toàn quyền chủ động trong việc đàn áp phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi Bắc Kỳ.

Ngày 20/8/1891, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập 4 Đạo quan binh. Địa phận châu Văn Bàn, châu Chiêu Tấn, châu Thùy Vĩ (thành phố Lào Cai, Bảo Thắng ngày nay) thuộc Đạo quan binh số 3 (Yên Bái).

Ngày 9/9/1891, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định quy định địa bàn của Đạo quan binh số 3 Yên Bái chia thành 3 tiểu khu. Tiểu khu Lào Cai thủ phủ đóng tại địa điểm Lào Cai gồm địa bàn châu Thủy Vĩ, châu Văn Bàn, châu Chiêu Tấn. Trong đó:

+ Châu Văn Bàn gồm 2 tổng, 8 xã và 01 trại: tổng Vũ Lao có 4 xã là xã Vũ Lao, xã Văn Bàn, xã Xuân Giao, xã Phú Nhuận; tổng Khánh An gồm 3 xã là xã Khánh Yên, xã Khảo Bàn, xã Châu Quế và trại Khánh An.

+ Châu Chiêu Tấn gồm 3 tổng: tổng Dương Quỳ, tổng Bình Lư và tổng Phong Thổ.

Ngày 22/01/1896, Toàn quyền Đông Dương tách tiểu khu Lào Cai chia thành 2 khu vực nhỏ:

+ Khu vực Lào Cai gồm: địa bàn châu Thủy Vĩ, xã Phong Thổ, Bình Lư châu Chiêu Tấn (Lào Cai không phải là địa dư hành chính mà là điểm đặt thủ phủ tiểu quân binh khu vực).

+ Khu vực Bảo Hà (Bảo Hà không phải địa dư hành chính mà là bảo Trấn Hà thuộc xã Khảo Bàn nơi đặt địa điểm chỉ huy) gồm: châu Văn Bàn và tổng Dương Quỳ cùng trại Làng Nam, trại Thân Thuộc của tổng Phong Thổ thuộc châu Chiêu Tấn.

Ngày 03/10/1896, đạo lỵ Đạo quan binh 4 chuyển về Lào Cai. Đạo quân binh số 4 gồm 4 tiểu quân khu, trong đó:

+ Tiểu khu Lào Cai gồm châu Thủy Vĩ, châu Chiêu Tấn, như vậy tổng Dương Quỳ của châu Chiêu Tấn trở về tiểu khu Lào Cai.

+ Tiểu khu Bảo Hà bao gồm châu Văn Bàn, châu Lục Yên. Ngày 07/11/1899, Đạo quan binh số 4 được tổ chức lại, sáp nhập 4 tiểu quân khu thành 2 tiểu quân khu chính là Tiểu quân khu Yên Bái bao gồm phủ Trấn Yên, châu Văn Chấn và Tiểu quân khu Lào Cai bao gồm châu Thủy Vĩ, châu Văn Bàn, châu Chiêu Tấn, châu Lục Yên.

Năm 1900, tỉnh dân sự Yên Bái được thành lập. Ngày 28/3/1905, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách Tiểu khu Bảo Hà và tổng Dương Quỳ thuộc châu Chiêu Tấn về tỉnh Yên

Bái, tổng Dương Quỳ trở thành một tổng của châu Văn Bàn. Châu lỵ Văn Bàn được chuyển đến vị trí Tổng lỵ Dương Quỳ, từ đó có tên châu lỵ Dương Quỳ. Châu lỵ Văn Bàn tại Bảo Trấn Hà là nơi đóng đồn của thực dân Pháp chỉ huy khu vực. Khu vực châu lỵ Dương Quỳ bắt đầu từ đây, tồn tại đến khi Văn Bàn giải phóng. Tại Dương Quỳ thực dân Pháp cho xây dựng khu vực hành chính của châu Văn Bàn hợp khối giữa nơi làm việc của bộ máy chính quyền phong kiến châu và bộ máy cố vấn của Pháp để áp chế chính quyền phong kiến làm tay sai cho Pháp vơ vét của cải và trấn áp, bóc lột nhân dân, có đồn lính Pháp án ngữ khu vực. Khu hành chính khá quy mô có hệ thống nhà xây đến ba tầng, khu vui chơi, giải trí (sau khi Nhật đảo chính, Pháp phải rời khỏi Đông Dương, đến năm 1947 Pháp tái chiếm, Việt Minh đã huy động nhân dân đập phá toàn bộ cơ sở vật chất phục vụ thiết chế quân sự Pháp và thiết chế hành chính phong kiến tại khu Hành chính châu lỵ Dương Quỳ để Pháp quay lại không có chỗ đứng chân). Sau khi di chuyển châu lỵ vào Dương Quỳ, tại vị trí Bảo Trấn Hà thực dân Pháp duy trì trụ sở chỉ huy khu vực.

Ngày 12/7/1907, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ Đạo quan binh số 4 Lào Cai, thành lập tỉnh dân sự Lào Cai. Lào Cai tên của điểm chốt đóng quân của Đạo quan binh 4 đã trở thành tên đơn vị hành chính cấp tỉnh từ đây.

Ngày 1/2/1908, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuyển một phần xã Văn Bàn, xã Phú Nhuận và xã Xuân Giao từ châu Văn Bàn tỉnh Yên Bái sáp nhập vào tỉnh Lào Cai. Từ đó xã Văn Bàn không còn tên gọi, một phần địa danh xã Văn Bàn thuộc tỉnh Lào Cai sáp nhập vào xã Phú Nhuận, một phần còn lại của xã Văn Bàn thuộc châu Văn Bàn sáp nhập vào xã Vũ Lao.

Thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp đã gọi khu vực dân cư là tên của xã gắn với tên các dân tộc cư trú (không phải cấp hành chính), cụ thể:

- Xã Minh Lương có Minh Lương Mèo trên là khu vực xã Nậm Xé hiện nay; Minh Lương Mèo dưới là khu vực người Mông bản Mà Sa Phìn và bản Giàng Dúa Chải thuộc xã Nậm Xây hiện nay; Minh Lương Mán là khu vực người Dao thuộc xã Nậm Xây ngày nay; Minh Lương Thổ là khu vực người Tày cư trú địa phận xã Minh Lương hiện nay.

- Xã Dương Quỳ có Dương Quỳ Mèo nơi người Mông cư trú là xã Nậm Chầy ngày nay; Dương Quỳ Mán là khu vực người Dao cư trú thuộc xã Dần Thàng và một phần xã Dương Quỳ, một phần xã Thẳm Dương, một phần xã Làng Giàng hiện nay; Dương Quỳ thổ là khu vực người Tày người Thái thuộc xã Dương Quỳ, xã Thẳm Dương hiện nay.

- Xã Khánh Yên có khu dân cư: Khánh Yên Thổ bao gồm khu vực người Tày cư trú xã Làng Giàng, thị trấn Khánh Yên, xã Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Hạ, xã Chiềng Ken, xã Liêm Phú ngày nay; Khánh Yên Mán là khu vực người Dao cư trú nay thuộc xã Nậm Tha và khu vực người Dao bản Phú Mậu xã Liêm Phú ngày nay.

- Xã Vũ Lao được chia thành các khu vực gọi theo dân tộc cư trú là Vũ Lao Xa Phó nay thuộc xã Cam Cọn; Vũ Lao Mèo là nơi người mông cư trú nay thuộc xã Nậm Mả; Vũ Lao Mán là nơi người Dao cư trú nay thuộc xã Nậm Dạng; Vũ Lao Thổ là nơi người Tày cư trú nay thuộc xã Võ Lao, xã Văn Sơn ngày nay.

- Xã Châu Quế được gọi Châu Quế Thổ nơi người Tày cư trú, nay là Châu Quê Hạ huyện Văn Yên hiện nay; Châu Quế Xa Phó nơi cư trú của người Xa Phó là xã Châu Quế Thượng hiện nay.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, đô hộ Văn Bàn chúng cũng chỉ đóng quân tại bảo Trấn Hà cũng như Pháp sử dụng bộ máy chính quyền phong kiến làm tay sai đàn ápkhống chế nhân dân.

Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân đồng minh vô điều kiện, được sự dàn xếp của phe đồng minh chống phát xít, lực lượng Quốc dân Đảng Trung Quốc mượn cớ sang Việt Nam giải giáp quân đội Nhật, bản chất là xâm chiếm Việt Nam. Cũng như Pháp, Nhật và Quốc dân Đảng Trung Quốc cũngchỉ đóng quân tại bảo Trấn Hà và sử dụng bộ máy chính quyền phong kiến đàn áp, khống chế nhân dân. Nhật, Quốc dân Đảng Trung Quốc chưa có động thái thay đổi hệ thống hành chính, vẫn giữ nguyên các xã, tổng, châu Văn Bàn như giai đoạn Pháp thống trị.

Tháng 2/1946, Hiệp ước Pháp - Hoa được ký kết, Quốc dân Đảng Trung Quốc rút quân về nước để nhường lại cho Pháp vào miền Bắc Đông Dương. Chớp thời cơ, Việt Minh đã cử đoàn cán bộ do đồng chí Đào Đình Bảng làm trưởng đoàn lên thỏa hiệp cùng chính quyền phong kiến châu Văn Bàn. Kết quả của thỏa hiệp là giải tán chính quyền phong kiến cũ do Pháp, Nhật và Quốc dân Đảng Trung Quốc xây dựng lên thành lập chính quyền mới do Việt Minh lãnh đạo. Do ta chưa có điều kiện xây dựng cơ sở cách mạng trong nội địa châu Văn Bàn, nên nhân sự chính quyền mới cơ bản giữ nguyên nhân sự chính quyền phong kiến từ xã đến châu, chỉ đổi tên các chức danh phù hợp chính quyền mới. Nhà nước ta thay đổi tên gọi châu thành huyện, châu lỵ thành huyện lỵ vẫn đặt tại xã Dương Quỳ.

Xóa bỏ sự phân chia các dân tộc, sắp xếp lại hệ thống hành chính cơ sở, Nhà nước ta thay các tên khu dân cư mang tên dân tộc thành địa dư hành chính cơ sở mới. Huyện Văn Bàn gồm các xã:

- Tách xã Minh Lương thành lập: xã Nậm Xé (phần đất Minh Lương Mèo trên), xã Minh Lương (phần đất Minh Lương thổ), xã Nậm Xây (phần đất Minh Lương Mán và Minh Lương Mèo dưới).

- Tách xã Dương Quỳ thành lập: xã Dương Quỳ (phần đất Dương Quỳ thổ), xã Dần Thàng (phần đất Dương Quỳ Mán), xã Nậm Chày (phần đất Dương Quỳ Mèo).

- Tách xã Khánh Yên thành lập: xã Làng Giàng (bao gồm cả phần đất phía hữu ngạn suối Chút xã Hoà Mạc hiện nay), xã Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Hạ, xã Chiềng Ken (Làng Giàng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken là phần đất Khánh Yên thổ thời Pháp), xã Nậm Tha (Khánh Yên Mán).

- Tách xã Vũ Lao thành lập: xã Võ Lao (Vũ Lao thổ), xã Nậm Dạng (Vũ Lao Mán), xã Nậm Mả (Vũ Lao Mèo), xã Cam Cọn (Vũ Lao Xa Phó).

- Tách xã Khảo Bàn thành lập: xã Kim Sơn, xã Bảo Hà (Bảo Hà tên gọi tắt của Trấn Bảo Hà vị trí đặt điểm chỉ huy thực của Pháp, trở thành tên địa dư hành chính cơ sở từ đây), xã Lang Thíp, xã Lâm Giang.

- Tách xã Châu Quế thành lập: xã Đông An, xã Châu Quế Hạ (phần đất Châu Quế Thổ), xã Châu Quế Thượng (Châu Quế Xa Phó), xã Phong Dụ.

- Thành lập xã Tân An (trại Khánh An cũ).

Chiếm hoàn toàn khu vực Phong Thổ, Pháp tập trung đánh chiếm Văn Bàn. Để tăng cường công tác quản lý điều hành, tháng 3/1947, Nhà nước ta tách 9 xã vùng ngoài của huyện Văn Bàn gồm xã Cam Cọn, Kim Sơn, Bảo Hà, Lang Thíp, Lâm Giang, Châu Quế Thượng, Châu Quế Hạ, Đông An, Phong Dụ thành lập huyện Bảo Hà.

Cuối năm 1947, Pháp từ phía tây dải Hoàng Liên qua đèo Khau Co, phía bắc từ Lào Cai tiến xuống, chính quyền ta mới xây dựng, nhân sự là lực lượng thân Pháp chúng đã phản bội cách mạng và nhân dân, ngả theo Pháp, tháng 11/1947 Pháp tái chiếm hoàn toàn Văn Bàn. Tái chiếm Văn Bàn, Pháp nhanh chóng xây dựng hệ thống đồn bốt, thiết chế quân sự khắp các vùng trong huyện. Lúc này ngoài đồn Bảo Hà, đồn Dương Quỳ đã được xây dựng kiên cố từ trước ra, chúng cho xây dựng thêm 14 đồn. Trong đó, xây dựng đồn Bảo Hà, đồn Ken, đồn Dương Quỳ, đồn Cóoc, đồn Phong Dụ, đồn Dóm là đồn lớn. Chúng không đặt vị trí chỉ huy tại đồn Bảo Hà như giai đoạn trước nữa, mà đặt vị trí chỉ huy tại đồn Cóoc xã Khánh Yên (nay thuộc thị trấn Khánh Yên). Trong thời gian tái chiếm ngắn ngủi, Pháp tiếp tục sử dụng hệ thống hành chính như thời gian trước Pháp đô hộ và củng cố bộ máy châu là lực lượng cũ Pháp xây dựng lên để làm tay sai.

Sau khi Pháp tái chiếm hoàn toàn huyện Văn Bàn và huyện Bảo Hà, tháng 8/1948, Nhà nước ta giải thể huyện Bảo Hà và sáp nhập về huyện Văn Bàn như cũ để tiện lãnh chỉ đạo.

Ngày 16/11/1950, Văn Bàn được giải phóng, nhà nước ta đã lựa chọn đặt trung tâm huyện lỵ huyện Văn Bàn tại xã Khánh Yên Thượng ngay khu vực đồn Cóoc sở chỉ huy của Pháp. Ngày 16/12/1964, Hội đồng Chính phủ có Quyết định số 177-CP, thành lập huyện Văn Yên kể từ ngày 01/9/1965 trên cơ sở tách 6 xã Lang Thíp, xã Lâm Giang, xã Đông An, xã Châu Quế Hạ, xã Châu Quế Thượng, xã Phong Dụ cùng với một số xã thuộc huyện Trấn Yên; tách xã Bảo Hà, xã Kim Sơn, xã Cam Cọn huyện Văn Bàn cùng với 6 xã huyện Lục Yên thành lập huyện Bảo Yên thuộc tỉnh Yên Bái, huyện Văn Bàn còn 15 xã.

Đến ngày 3/3/1965, tỉnh Yên Bái được Nhà nước quyết định cho thành lập thêm 2 huyện mới là Bảo Yên và Văn Yên. Vì

vậy 9 xã vùng ngoài của Văn Bàn được chuyển về 2 huyện mới, trong đó 3 xã là Kim Sơn, Cam Cọn, Bảo Hà cùng một số xã của huyện Lục Yên thành huyện Bảo Yên; 6 xã là Lang Thíp, Lâm Giang, Đông An, Phong Dụ, Châu Quế Thượng, Châu Quế Hạ cùng một số xã của huyện Trấn Yên thành huyện Văn Yên.

Năm 1966, Nhà nước cho Văn Bàn lập thêm 2 xã mới là xã Sơn Thuỷ và xã Hoà Mạc, cả huyện có 17 xã. Đến năm 1987, Nhà nước cho lập thêm 4 xã là Liêm Phú, Văn Sơn, Khánh Yên Trung, Thẩm Dương, cả huyện có 21 xã. Năm 1989, huyện lại được lập thêm 1 xã mới là Tân Thượng và một thị trấn (thị trấn Khánh Yên), huyện có 23 xã và 1 thị trấn.

Từ ngày 03/01/1976, tỉnh Hoàng Liên Sơn được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Nghĩa Lộ. Văn Bàn thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Năm 1987 thành lập xã Văn Sơn trên cơ sở tách một phần địa phận xã Võ Lao, thành lập xã Liêm Phú tách từ xã Chiềng Ken, thành lập xã Khánh Yên Trung tách từ xã Khánh Yên Hạ.

Năm 1989, thành lập thị trấn Khánh Yên trên cơ sở tách phần địa giới khu trung tâm huyện lỵ và khu vực lân cận của trung tâm huyện lỵ trên địa bàn xã Khánh Yên Thượng.

Tại kỳ họp thứ 9 (khóa VIII) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết tách tỉnh Hoàng Liên Sơn thành 2 tỉnh Yên Bái và Lào Cai. Theo đó, Văn Bàn trở thành một huyện trực thuộc tỉnh Lào Cai. Đến năm 2017 toàn huyện có 22 xã và 01 thị trấn.

Ngày 11/2/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 896/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1/3/2020). Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã Văn Sơn trở lại xã Võ Lao, huyện Văn Bàn còn 21 xã, 1 thị trấn.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính (Kết luận 126-KL/TW ngày 14/2/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận 127-KL/TW ngày 28/2/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận 128-KL/TW ngày 7/3/2025 về chủ trương công tác cán bộ...), theo đó, cấp huyện kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cấp tỉnh và cấp xã. Ngày 16/4/2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lào Cai tổ chức Hội nghị về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai; sau khi xem xét và thảo luận nội dung Tờ trình số 62-TTr/TU ngày 16/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xin chủ trương phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai; căn cứ kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 17/4/2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TU về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã. Theo đó thống nhất số lượng đơn vị hành chính cấp xã trong toàn tỉnh sau sắp xếp, sáp nhập là 48 xã, phường (trong đó gồm có 03 phường và 45 xã). Theo Nghị quyết này, huyện Văn Bàn chuyển 02 xã Tân An và Tân Thượng về huyện Bảo Yên để thực hiện sắp xếp. Huyện Văn Bàn còn lại 20 xã, thị trấn, sắp xếp thành 08 xã gồm: Xã Nậm Mả, Nậm Dạng, Võ Lao sáp nhập thành xã Võ Lao, trung tâm hành chính đặt tại xã Võ Lao; xã Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Trung, Liêm Phú sáp nhập thành xã Khánh Yên, trung tâm hành chính đặt tại xã Khánh Yên Hạ; xã Sơn Thủy, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Hòa Mạc và thị trấn Khánh Yên sáp nhập thành xã Văn Bàn, trung tâm hành chính đặt tại xã Khánh Yên Thượng; xã Dương Quỳ, Thẳm Dương sáp nhập thành xã Dương Quỳ, trung tâm hành chính đặt tại xã Dương Quỳ; xã Chiềng Ken, Nậm Tha sáp nhập thành xã Chiềng Ken, trung tâm hành chính đặt tại xã Chiềng Ken. Các xã mới sau sáp nhập sẽ hoạt động từ ngày 1/7/2025.

II. CƯ DÂN, VĂN HÓA, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ

Cư dân huyện Văn Bàn có kết cấu bền chặt và ổn định. Thôn, bản vùng cao Văn Bàn có đặc điểm miền núi rõ nét. Trước kia nhiều thôn, bản nhân dân không định cư ổn định. Do kỹ thuật canh tác lạc hậu, dân số tăng lên, cuộc sống đói nghèo, người dân các thôn bản thường xuyên di cư để khai phá đất hoang tăng gia sản xuất, khai thác lâm sản để sinh tồn, dần dần hình thành tập quán di cư tự do. Tập quán này gây không ít khó khăn cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và xây dựng cơ sở chính trị trên vùng đất Văn Bàn.

Toàn huyện có 11 dân tộc chung sống, trong đó dân tộc Tày là chủ yếu chiếm trên 47%, số còn lại là dân tộc Kinh, Dao, Mông, Giáy, Xa Phó, Thái, Nùng, Phù Lá, Hoa, Sán Dìu. Các dân tộc ít người tập trung phần lớn ở vùng cao Nậm Chày, Nậm Mả, Nậm Xé, Nậm Xây, Nậm Tha. Đời sống của nhân dân các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, mặt bằng trình đô dân trí thấp. Văn Bàn là nơi duy nhất của tỉnh Lào Cai có dân tộc Mông Xanh là một trong 4 ngành dân tộc Mông cư trú ở Việt Nam, sinh sống tại xã Nậm Xé của huyện.

Năm 1990, dân số huyện Văn Bàn là 48.976 người, mật độ dân số trung bình là 34 người/km^2. Năm 1995, dân số huyện Văn Bàn là 59.210 người, mật độ dân số trung bình là 41 người/km^2. Năm 2000, dân số huyện Văn Bàn là 68.577 người, mật độ dân số trung bình là 48 người/km^2. Năm 2005, dân số huyện Văn Bàn là 75.230 người, trong đó thành thị là 5.140 người, nông thôn là 70.090 người, Năm 2010, dân số huyện Văn Bàn là 79.960 người, trong đó thành thị là 5.800 người, nông thôn là 74.160 người. Đến hết năm 2024, dân số huyện Văn Bàn là trên 96.000 người[(1)].

[(1)] Cục Thống kê tỉnh Lào Cai; *Niên giám thống kê năm 1991-1995, 2017, 2024*, Nxb. Thống kê.

Văn Bàn còn là mảnh đất có nền văn hóa lâu đời, phong phú và đa dạng. Là một vùng văn hóa truyền thống đặc sắc, nơi đây hội tụ các sắc màu văn hóa của 11 dân tộc luôn đoàn kết, gắn bó chung sức chống thiên tai, địch họa, xây dựng bản làng, xây dựng cuộc sống mới. Có thể tìm thấy trong đời sống của nhân dân mỗi dân tộc Tày, Dao, Mông... những bản sắc văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc được thể hiện qua một số hoạt động như: tập tục tổ chức lễ hội chợ phiên, hát giao duyên trong hội chợ. Hàng năm vào mùa xuân diễn ra các lễ hội, thể hiện sự biết ơn và giáo dục truyền thống cho thế hệ con cháu; cầu cho mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa, như lễ hội "Lồng tồng" của dân tộc Tày với các trò chơi như ném còn, kéo co, chọi gà... Lễ "Cấp sắc" của đồng bào dân tộc Dao.

Xã Khảo Bàn (Văn Bàn) có một miếu thờ Thần Từ. Trong khoảng niên hiệu Minh Mệnh và Thiệu Trị, miếu này lần lượt được phong các mỹ từ: "Trấn An" và "Hiển Liệt". Về cày cấy, chỉ có vụ Thu: Tháng 2-3 thì cày, tháng 5-6 thì gieo trồng, tháng 9-10 thu hoạch. Đời xưa nói: "Xuân cày, hạ cấy, thu gặt, đông cất chứa" là như vậy.

Các dân tộc trong địa bàn huyện thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau, gồm ngôn ngữ người Tày, Thái, Nùng, Giáy... thuộc hệ tiếng Thái. Người Dao - Mông thuộc hệ tiếng Dao - Mông. Người Hà Nhì thuộc hệ tiếng Tạng - Miến. Người Kinh, Mường thuộc hệ tiếng Việt, Môn, Khơ Me, ngữ hệ Nam Á[(1)].

Mỗi dân tộc đều có nền văn hoá, phong tục tập quán riêng với nhiều loại hình khác nhau, tạo thành vườn hoa văn hóa đa dạng. Các dân tộc còn có kho tàng văn hoá dân gian đa dạng bao gồm hệ thống dân ca (hát ru, đồng dao, các bài ca lễ cưới, lễ tang), truyện cổ và các nhạc cụ tiêu biểu như kèn, sáo Mông; đàn nguyệt Nùng; sáo mũi của dân tộc Xa Phó...

[(1)] Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập,* Nxb. Khoa học và Xã hội, H.2020.

Văn Bàn có lễ hội khá phong phú bao gồm các lễ hội mùa xuân như Hội xuống đồng. Tục lệ mở hội vào mùa xuân của các dân tộc là hình thức sinh hoạt văn hoá giúp gắn bó giữa các dân tộc và giữa con người với nhau. Mỗi lễ hội đều phản ánh nét riêng của tộc người. Thông qua các lễ hội, những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội của mỗi dân tộc được hạn chế, các mặt tích cực được phát huy, hình thành nên nét đặc trưng chung tiêu biểu cho sinh hoạt kinh tế, văn hoá, xã hội của các dân tộc trong huyện. Các tập tục lễ hội thể hiện ước mong mùa màng bội thu, vạn vật sinh sôi nảy nở, cho lúa ngô đầy nhà, gia súc đầy chuồng. Những đặc trưng tiêu biểu ấy tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hình thành nên nét đẹp văn hoá trong cộng đồng các dân tộc. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, tinh hoa văn hoá của các dân tộc trong huyện được gìn giữ và phát huy mạnh mẽ. Truyền thống văn hóa đã tạo nên nền tảng tinh thần, một sức sống mãnh liệt, bền bỉ trên mảnh đất có bề dày lịch sử, giàu truyền thống yêu nước; hòa quyện trong tính thống nhất của nền văn minh lúa nước của dân tộc Việt Nam.

Được sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước, chế độ tự cung, tự cấp, tập quán du canh, du cư đã không còn, các phong tục tập quán lạc hậu ở nông thôn dần được xóa bỏ. Hiện nay, toàn huyện có 21 xã, 01 thị trấn; 193 thôn, tổ dân phố. Trong đó, nhiều thôn trở thành thôn văn hóa kiểu mẫu. Đời sống đồng bào vùng cao ngày càng được nâng lên.

Huyện Văn Bàn có các điểm di tích lịch sử văn hóa như Khu du kích Gia Lan, đền Cô Tân An, đền Ken, hang Thẩm Dương, hang Thẩm Sáng, hang Thẩm Poong, với những thạch động muôn vàn nhũ đá kỳ ảo.

Thời kỳ dựng nước Văn Lang, Âu Lạc, Văn Bàn là một bộ phận của nền văn minh sông Hồng gắn với nền nông nghiệp lúa nước. Qua hàng ngàn năm dưới chế độ công xã và phong kiến, cư

dân Văn Bàn duy trì nền nông nghiệp lúa nước, nương rẫy với nghề trồng trọt, chăn nuôi và khai thác những thứ sẵn có trong tự nhiên để sinh tồn và phát triển.

Thời kỳ thuộc Pháp, kinh tế Văn Bàn bị chi phối bởi chính sách cai trị, khai thác hà khắc của chính quyền thực dân, phong kiến. Kinh tế thời kỳ này là tự cung tự cấp, phát triển què quặt, lệ thuộc vào thực dân Pháp. Chính quyền thực dân, phong kiến nắm quyền thu thuế và tập trung khai thác tài nguyên khoáng sản, phát triển các ngành công nghiệp chế biến phục vụ đời sống của bộ máy cai trị thực dân, phong kiến; không chú trọng xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ dân sinh. Nền kinh tế trên vùng đất Văn Bàn chủ yếu là nông, lâm nghiệp phân tán, nhỏ lẻ, lạc hậu.

Sau khi hòa bình lập lại, từ năm 1954 đến năm 1986 ngoài sản xuất nông, lâm nghiệp, huyện Văn Bàn còn phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với khai thác tiềm năng và các ngành nghề truyền thống của địa phương. Trong công cuộc đổi mới, đặc biệt từ năm 1991 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, kinh tế của Văn Bàn từng bước thay đổi cơ cấu, phát triển đa dạng, trong đó công nghiệp và dịch vụ ngày càng phát triển. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được mở rộng gắn với khai thác tiềm năng. Nền nông nghiệp ngày càng phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với khai thác thế mạnh của địa phương.

III. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC VĂN BÀN[(1)]

Văn Bàn là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử. Từ buổi đầu dựng nước, các thế hệ nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn

[(1)] Nội dung trình bày trong mục này chủ yếu là biên tập, sắp xếp lại từ chương 1, 2 cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* Tập I, 1945-1954.

đã nuôi dưỡng, hình thành ý thức quốc gia dân tộc một cách bền vững, nêu cao tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc. Trải qua các chặng đường lịch sử, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn luôn đoàn kết, đồng cam cộng khổ, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc vùng đất quê hương và non sông đất nước. Truyền thống yêu nước, quật cường, đoàn kết, yêu nước, không ngại hy sinh gian khổ đóng góp công sức cùng nhân dân cả nước đánh bại kẻ thù xâm lược, làm nên chiến thắng vẻ vang, bảo vệ vững chắc vùng biên cương Tổ quốc.

Ngay từ thời kỳ trung đại, nhân dân các dân tộc Văn Bàn tham gia vào các cuộc kháng chiến chống phong kiến phương Bắc xâm lược. Ở thế kỷ XIII, trong 3 lần chống quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta, nhân dân huyện Văn Bàn cùng các vùng lân cận giúp sức cho các đạo quân của tướng Trần Nhật Duật chặn đánh, quấy rối, tiêu hao sinh lực địch, góp phần làm thất bại âm mưu xâm lược của chúng. Ở thời Hậu Lê, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), nhân dân huyện Văn Bàn theo tướng Hoàng Bảy đánh đuổi quân giặc từ Vân Nam sang cướp phá đất Quy Hóa. Khi tướng Hoàng Bảy hi sinh, nhân dân đã mai táng ông ở đồi Cấm và xây đền thờ ông. Ông được các vua từ Minh Mệnh đến Thiệu Trị phong là "Trấn an hiển liệt".

Khi thực dân pháp tiến đánh nước ta, nhân dân huyện Văn Bàn tham gia nghĩa quân Thập Châu (là đội quân 10 châu miền núi ở Tây Bắc Việt Nam có sự tham gia của quân Lưu Vĩnh Phúc và một bộ phận của nghĩa quân nông dân Trung Quốc giúp ta đánh Pháp). Nghĩa quân Thập Châu nhiều lần kéo về Hà Nội đánh giặc, góp công vào chiến thắng ở Cầu Giấy, diệt các tên chỉ huy của Pháp là Phơ-răng-xi Gác-ni-e (21/12/1873) và Hăng-ri-vi-e (19/5/1883).

Thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhân dân các dân tộc Văn Bàn tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương do Tuần phủ lộ Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích và Bố chánh Nguyễn Văn Giáp lãnh đạo, góp phần vào thắng lợi của phong trào trong cả nước.

Trong trận địch tấn công đánh chiếm Văn Bàn, ngày 1/2/1886, lực lượng viễn chinh của Pháp gồm 1 trung đội lính da đen, 1 trung đội lính khố đỏ và 1 đơn vị công binh do quan Tư là Gô-đanh chỉ huy. Quân và dân ta ở vùng đất Văn Bàn chặn đánh, tiêu hao lực lượng và làm chậm cuộc tiến quân của chúng.

Ngày 7/2/1886, thực dân Pháp đặt ách cai trị trong toàn châu Văn Bàn. Nhân dân nơi đây không chịu khuất phục đã tổ chức các trận phục kích, tập kích đánh địch. Tiêu biểu là trận nghĩa quân đánh tan một đơn vị hành quân dã chiến của Pháp ngay tại Dương Quỳ (châu lỵ Văn Bàn). Đặc biệt, trong phong trào Giáp Dần (1913-1914) trên một trăm nghĩa quân châu Văn Bàn đã sát vai cùng các quân đội của châu Lục Yên, phủ Trấn Yên dưới sự chỉ huy của các thủ lĩnh Triệu Tài Lộc, Triệu Kiên Tiên và Trương Nghị (người Dao) liên tục tổ chức các trận tấn công quân địch trên một tuyến dài, dọc sông Hồng từ Bảo Hà xuống Trái Hút và đuổi đánh địch đến tận Đông Cuông (Trấn Yên).

Trong những năm bị thực dân Pháp thống trị, nhân dân các dân tộc của châu Văn Bàn vẫn nuôi dưỡng tinh thần đấu tranh giành độc lập, tự do, chuẩn bị lực lượng khi có điều kiện lại vùng lên đấu tranh chống địch và các thế lực áp bức bóc lột. Cụ thể từ cuối năm 1944 đến năm 1945, nhân dân các xã Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ theo ông Nguyễn Phúc Lộc (Bản Én), Lương Văn Sàng (Bản Ngầu) và Sầm Văn Ngan (Bản Ngầu) Nguyễn Văn Tứ (Bản Chiềng) thuộc tổng Vũ Lao, liên tục đấu tranh chống lệnh của Nhật - Pháp (bắt dân nộp

bông, nộp thóc theo đầu mẫu). Phong trào này thu hút được hàng nghìn người thuộc các dân tộc, lôi kéo cả một số chức dịch tham gia. Không chỉ nổi dậy đấu tranh ở châu, tham gia đấu tranh ở tỉnh mà nhân dân các dân tộc Văn Bàn còn về tận Hà Nội, tham gia đấu tranh chống khâm sai Bắc Bộ, đòi chúng hủy bỏ lệnh bắt dân nộp thóc, nộp bông cho quân phiệt Nhật.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp ở châu Văn Bàn là chính sách chia để trị và chính sách ngu dân. Ở Văn Bàn, thực dân Pháp dựa hẳn vào thế lực phong kiến, nhất là thế lực phìa tạo trong các dân tộc, sử dụng bọn này làm công cụ đắc lực cho bộ máy cai trị từ châu xuống các tổng, xã; nhằm khống chế nhân dân, khủng bố, bắt bớ, giam cầm những người có tư tưởng và hành động chống Pháp; đồng thời vơ vét, bóc lột sức người, sức của của nhân dân nhằm duy trì lâu dài ách thống trị của chúng.

Trong số các chức sắc, hào trưởng ở Văn Bàn, thực dân Pháp đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng đỡ Nguyễn Đình Văn và con cháu ông ta. Chúng đưa Nguyễn Đình Văn từ chức Chánh tổng Khánh Yên lên chức Châu úy ở Bảo Hà, dần dần cho làm Tri châu ở một số nơi, sau đó làm Tri phủ phủ Trấn Yên (nên thường gọi là Phủ Văn). Con trai của Phủ Văn cũng được thực dân Pháp cho làm Bang tá ở Nước Hai (Cao Bằng).

Ngoài Phủ Văn ra, thực dân Pháp còn đào tạo, dựng lên ở mỗi khu vực một số tên tay sai đắc lực như ở Dương Quỳ có gia đình La Văn Đán. Bố Đán là La Văn Hoong làm Tri châu. La Văn Đán làm Chánh tổng sau đó làm Châu úy ở Trái Hút rồi làm Tri châu ở Cao Bắc Lạng. Con trai La Văn Đán là La Tấn, sau khi Văn Bàn xóa chính quyền Nhật, ta cho Tấn ra làm việc, khi Pháp tái chiếm Văn Bàn, La Tấn phản bội làm gián điệp cho thực dân Pháp, bị ta bắt và xử lý.

Dựa vào tầng lớp trên và một số tay sai khác người địa phương như Nguyễn Văn Vạn (con nuôi của Phủ Văn ở Khánh Yên), Hoàng Văn Xe (ở Dương Quỳ), Phạm Văn Dường (bang Dường), Nguyễn Văn Hỷ (chánh Hỷ) ở Võ Lao, Triệu Nguyên Hiện (Chánh quản Mán ở Dương Quỳ Mán), thực dân Pháp tăng cường bắt lính, bắt phu, thu các loại thuế thân, thuế ruộng, thuế thổ trạch...

Việc bắt phu đi phục dịch thường xuyên xảy ra ở những năm đầu Pháp xâm lược, trong các cuộc Chiến tranh thế giới thứnhất, thứ hai và phục vụ cho chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Nhân dân ở châu Văn Bàn phải đi phu khơi thông sông Hồng, khơi các luồng lạch ở các suối lớn, làm đường xe lửa, đường bộ, phục vụ việc thăm dò mỏ sắt, mỏ bạc, khai thác các loại lâm sản nhất là gỗ pơ mu, khai khẩn các đồn điền của Pháp ở Lang Khay, Lang Thíp, (Làng Chỏ), Làng Nheo (Châu Quế Hạ). Các thứ thuế của thực dân Pháp đặt ra rất nặng, nhất là trong những năm kinh tế tư bản khủng hoảng (1929-1933) chúng bắt nam giới tuổi từ 18 đến 60 phải nộp thuế thân 2 đồng 6 hào một người. Chúng bắt đóng thuế ruộng 3 đồng một mẫu (360 mạ) thuế thổ trạch (đất ở, đất vườn, nương, đất ao hồ) 5 hào một sào. Trong khi giá một con trâu cày chỉ trên 2 đồng. Nếu một gia đình có một mẫu ruộng, một sào thổ trạch và một suất đinh thì tiền thuế một năm tương đương số tiền 3 con trâu cày kéo.

Thực dân Pháp còn cho bọn phong kiến tay sai chiếm hữu ruộng đất tốt gần nhà, duy trì các hình thức bóc lột như thu tô, phụ thu lạm bổ và các thứ thuế khác, lấy nhân công lao dịch và tự đặt ra các chế độ biếu xén, lễ lạt. Người Xa Phó và dân ở một số thôn bản liên tục phục vụ các gia đình bọn tầng lớp trên quanh năm như cày bừa, trồng cấy, chăm sóc, gặt hái, đến thu nhập kho. Chúng còn bắt dân làm các công việc chăn nuôi, đánh cá, đẵn gỗ, lấy củi, săn chim thú; phục dịch khi gia đình chúng

có việc ma chay, cưới xin, làm nhà, phục vụ ngày lễ, tết. Bọn cường hào còn đặt ra các "lệ" để bóc lột đến cùng, người lao động trong vùng chúng cai quản. Chúng phạt vạ nặng những người có thai trước khi lấy giấy giá thú. Cả bên trai, bên gái đều phải nộp vạ mỗi bên 5 đồng Đông Dương. Năm 1941, dân kêu lên Tòa sứ Yên Bái nhiều lần, tên Công sứ Cơ-réc-xông mới cho hủy bỏ "lệ phạt vạ" này[1].

Cùng với chế độ áp bức bóc lột nặng nề, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai ở địa phương còn kìm hãm nhân dân các dân tộc trong cuộc sống tối tăm, mê muội. Chúng khuyến khích các tệ nạn xã hội như nạn cờ bạc, nghiện hút, rượu chè, mo then, cúng bái, duy trì các hủ tục trong các dân tộc. Chúng gây ra những mâu thuẫn dân tộc, kích động tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Cả châu Văn Bàn chỉ có 4 trường học, mỗi trường chỉ có 1 hoặc 2 lớp dạy cho con em các chức dịch. Cả châu chỉ có một y tá phụ trách trạm phát thuốc ở Dương Quỳ. Vì vậy 99% dân số Văn Bàn mù chữ, nạn dịch bệnh hoành hành ở khắp các thôn bản.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, bộ máy cai trị ở Văn Bàn hầu như không có gì thay đổi. Phát xít Nhật vẫn cho duy trì chế độ bóc lột phong kiến và càng tăng cường vơ vét sức người, sức của của nhân dân để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Sống dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến tay sai, đời sống của nhân dân các dân tộc ngày càng kiệt quệ, các dân tộc đều không phát triển được, thậm chí có dân tộc như Xa Phó có nguy cơ diệt vong. Do vậy nhân dân các dân tộc Văn Bàn đều mong muốn sớm được giải phóng khỏi cuộc sống cơ cực, lầm than. Thời điểm này, ảnh hưởng của cách mạng đã lan tới các địa phương huyện Văn Bàn.

---

[1] Theo lời kể của đồng chí Lý Bà Xa, dân tộc Xa Phó ở thôn Đồng Vệ xã Chiềng Ken.

Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập 3/2/1930 đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi ra đời, Đảng đã phát động hai phong trào cách mạng: Phong trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh 1930-1931 và phong trào dân chủ 1936-1939. Qua các phong trào cách mạng, Đảng Cộng sản khẳng định vai trò duy nhất lãnhđạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Một năm sau, phát xít Nhật kéo vào Đông Dương. Trước tình hình trên, Đảng đã triệu tập các hội nghị Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939), lần thứ 7 (tháng 11/1940) và lần thứ 8 (tháng 5/1941) xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là đánh đuổi đế quốc Nhật - Pháp, giành độc lập cho dân tộc, giành ruộng đất cho dân cày. Các Nghị quyết Trung ương đặc biệt chú trọng vấn đề xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang cách mạng, vấn đề khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 còn chỉ rõ phải thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh để tuyên truyền giáo dục và tập hợp những người Việt Nam yêu nước tán thành đường lối chủ trương đánh Pháp đuổi Nhật vào hoạt động trong các tổ chức cứu quốc của Mặt trận. Từ đây phong trào cách mạng phát triển thêm một bước, nhất là ở các tỉnh trong khu Việt Bắc.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương, cuối năm 1940, cán bộ của Ban cán sự Đảng khu Đ[1] xây dựng được một số cơ sở thanh niên phản đế ở Nang Xa (Hạ Hòa - Phú Thọ), Linh Thông (Minh Quân - Trấn Yên - Yên Bái) và trong đồn điền Cổ Phúc (Trấn Yên - Yên Bái). Sau đó vì mật thám Pháp hoạt động ráo riết, cơ sở bị lộ các đồng chí ở đồn điền Cổ Phúc, Nang Xa và

[1] Khu Đ gồm các tỉnh Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang và Hà Giang.

Linh Thông bị địch bắt, phong trào bị khủng bố tạm lắng xuống nhưng quần chúng cơ sở được giác ngộ vẫn bí mật hoạt động chờ thời cơ. Cuối năm 1940, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng xây dựng căn cứ cách mạng trên địa bàn hai huyện Hạ Hòa (Phú Thọ) và Trấn Yên (Yên Bái), cán bộ Đảng đã dựa vào các cơ sở thanh niên phản đế trước đây ở Nang Xa, Linh Thông, chuyển các cơ sở này thành cơ sở của Việt Minh, từ đó mở rộng cơ sở ra các xã, các vùng.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" đề ra nhiệm vụ cấp bách là chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Khu căn cứ cách mạng Vần - Hiền Lương trên địa bàn hai tổng Lương Ca, Giới Phiên (Trấn Yên, Yên Bái) và tổng Động Lâm (Hạ Hòa, Phú Thọ) được xây dựng và củng cố. Từ đó, cơ sở cách mạng phát triển rộng ra gần khắp huyện Trấn Yên và trên địa bàn các xã dọc đường vào Nghĩa Lộ. Ở huyện Lục Yên và Yên Bình, các đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân xây dựng được cơ sở quần chúng ở Cổ Văn (Lục Yên) và một số xã dọc theo hai bờ sông Chảy (Yên Bình). Tại thị xã Yên Bái, cơ sở cách mạng được phát triển trong đề pô xe lửa (đoạn đầu máy) trong thanh niên, phụ nữ và các lực lượng bảo an binh. Đặc biệt là tháng 5/1945, Chi bộ Đảng thị xã Yên Bái được thành lập. Ngày 14/6/1945, đơn vị du kích tập trung của khu căn cứ Vần - Hiền Lương ra đời (còn gọi là Đội du kích Âu Cơ). Tiếp đó, Ủy ban Quân sự cách mạng của chiến khu được thành lập.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng ở địa phương cuối tháng 6/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập Ban cán sự Đảng liên tỉnh Phú Thọ, Yên Bái.

Đầu tháng 7/1945, tình thế giành chính quyền xuất hiện, Ban cán sự liên tỉnh chủ trương đưa một đội du kích xuống phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ giành chính quyền ở các phủ, huyện vùng bắc Phú Thọ, còn đại bộ phận giải phóng Nghĩa Lộ, xây dựng vùng này thành căn cứ cách mạng tạo bàn đạp phát triển sang Văn Bàn, Than Uyên và các nơi khác.

Đơn vị du kích xuống Phú Thọ góp phần giải phóng các huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Yên Lập. Các đơn vị vào Nghĩa Lộ đã phá các kho thóc của Nhật chia cho nhân dân và thu được một số vũ khí của các đồn Bảo An khi chúng rút chạy.

Nhờ có lực lượng vũ trang làm áp lực, ngày 6/7/1945 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân châu Văn Chấn (Nghĩa Lộ) hoàn toàn thắng lợi. Chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập.

Nắm vững thời cơ, Ban cán sự Đảng liên tỉnh chủ trương cho một bộ phận sang giải phóng châu Phù Yên (Sơn La), một bộ phận giải phóng châu Văn Bàn và Than Uyên. Tại Văn Bàn, tuy chưa có cơ sở cách mạng, song khí thế chống Nhật cứu nước và tinh thần vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền từ chiến khu vàcác nơi khác đã ảnh hưởng đến địa phương.

Từ sau ngày đảo chính Pháp, Nhật chỉ đóng đồn ở Bảo Hà nhưng chúng dùng bọn tay chân cai trị khống chế cả huyện. Nhật đặc biệt chú trọng sử dụng Nguyễn Đình Văn nguyên là Tri phủ Trấn Yên (Yên Bái) được thực dân Pháp cho về hưu ở bản Ken xã Chiềng Ken - Văn Bàn. Chúng cho Phủ Văn làm Quận trưởng liên châu Văn Bàn - Than Uyên, đồng thời được Nhật ủy quyền, Phủ Văn cho Nguyễn Đình Tấn (cháu và là con nuôi) làm Tri châu Than Uyên, cho Nguyễn Đình Sâm (con đẻ) làm Tri châu Văn Bàn. Nhật dùng Phủ Văn là người có uy thế ở địa phương để xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền tay sai thân Nhật khống chế cách mạng địa phương. Nhưng do sự phát

triển của phong trào Việt Minh, mưu đồ của Nhật chưa thực hiện được bao nhiêu thì hàng ngũ hào lý và những người làm việc cho Nhật hoang mang dao động.

Lúc này, cao trào chống Nhật bằng nhiều hình thức nổ ra khắp nơi điển hình là phong trào "phá kho thóc" của Nhật để giải quyết nạn đói ảnh hưởng tới Văn Bàn. Nhân dân các dân tộc Văn Bàn nổi dậy chống lệnh thu thóc, thu bông của Nhật và nô nức đi phá kho thóc của Nhật ở bản Noỏng (Khánh Yên Thượng), xã Bảo Hà, xã Võ Lao lấy được 56 tấn thóc chia cho dân. Nhân dân vùng Châu Quế trở xuống đến phá kho thóc của Nhật ở Mậu A (Văn Yên). Các thắng lợi trên đã khích lệ nhiệt tình cách mạng và lòng căm thù của nhân dân đối với ách thống trị của giặc Nhật.

Năm 1945, chính quyền nhân dân Phủ Văn Chấn được thành lập khiến cho nhân dân huyện Văn Bàn rất phấn khởi. Trong bối cảnh đó, đầu tháng 8/1945, một trung đội vũ trang của ta[1] từ Văn Chấn vượt qua núi Lùng Cúng tiến vào Văn Bàn. Trung độ vũ trang được nhân dân huyện Văn Bàn nhiệt tình ủng hộ và đón tiếp.

Ngày 5/8/1945, đơn vị vũ trang đưa Nguyễn Đình Văn về châu lỵ Văn Bàn tại Dương Quỳ để triệu tập các hào lý trong châu về họp. Tại cuộc họp này, đại biểu của Việt Minh tuyên bố xóa bộ máy chính quyền do Nhật lập ra, thành lập chính quyền mới và giao lại cho Nguyễn Đình Văn làm Chủ tịch huyện. Ở các tổng, các xã được chuyển thành các ủy ban tổng, ủy ban xã của Việt Minh và vẫn do các hào lý cũ phụ trách.

Về lực lượng vũ trang, huyện vẫn lấy số người ở lực lượng bảo an cũ của Nhật bổ sung quân số mới và chuyển thành trung

[1] Trung đội gồm 30 người, Trung đội trưởng là Trương Ngọc Lạc, Chính trị viên là Giáo Bảo.

đội du kích cơ động của huyện do Nguyễn Đình Tấn và La Tấn chỉ huy. Sau đó đơn vị vũ trang vượt Khau Co vào giải phóng Than Uyên ngày 07/8/1945.

Ở Văn Bàn, bước đầu ta tranh thủ và sử dụng được những người ở tầng lớp trên. Các ủy ban tổng, ủy ban xã tuyên truyền trong nhân dân thực hiện 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, vận động nhân dân tham gia cách mạng.

Tại các xã Dương Quỳ, Minh Lương, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ đông đảo nhân dân tới dự các cuộc mít tinh, nghe cán bộ phổ biến các chủ trương và chính sách mới của Việt Minh. Tại Dương Quỳ, ta mở được một lớp chính trị ngắn ngày cho cán bộ các địa phương. Những việc làm trên bước đầu làm cho quần chúng hiểu biết về Việt Minh và xây dựng lòng tin của quần chúng với cán bộ.

Nhân dân ở nhiều xã vận động nhau đem lương thực, thực phẩm ủng hộ các hội nghị, lớp tập huấn và ủng hộ cho lực lượng vũ trang của huyện. Tuy nhiên, lúc này do ta chưa có cán bộ đảng viên lãnh đạo nên việc xây dựng cơ sở trong nhân dân và việc phát hiện để bồi dưỡng đào tạo, sử dụng quần chúng trung kiên còn nhiều hạn chế. Chính quyền lúc này vẫn mang tính chất của chính quyền cũ trước đây.

Ngày 19/8/1945, cách mạng thành công ở Yên Bái, ngày 20/8/1945 chính quyền dân chủ nhân dân của tỉnh ra đời. Tiếp đó, Tỉnh ủy Yên Bái được thành lập.

Cuối tháng 8/1945, một đơn vị vũ trang tỉnh Yên Bái, trong đó có một số thanh niên người Văn Bàn được điều lên làm áp lực cho cán bộ ta tiếp quản tỉnh Lào Cai. Cùng lúc này, theo sự dàn xếp giữa các nước phe Đồng minh, quân Tưởng Giới Thạch (Quốc dân Đảng Trung Quốc) sang Việt Nam để giải giáp quân đội Nhật. Bộ phận tiền trạm của quân Tưởng cùng bọn Việt

Nam Quốc dân Đảng tay sai từ Vân Nam (Trung Quốc) tiến vào Lào Cai. Tiếp đó, quân Tưởng từ phía Than Uyên kéo qua Văn Bàn mượn danh nghĩa tước vũ khí của quân Nhật, thực chất quân Tưởng ráo riết hoạt động hòng thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của ta và thành lập chính quyền phản động tay sai của chúng. Ở Văn Bàn, khi Nhật đảo chính Pháp, Tri châu Lê Duy Bá bị mất chức, sợ Nhật nên bỏ về quê Cao Bằng. Quân Tưởng sang, Lê Duy Bá lại quay lại Văn Bàn với mưu đồ riêng.

Trong các ngày 30 và 31/8/1945, xung đột vũ trang đã nổ ra giữa lực lượng của ta với quân đội Tưởng trên đường Phố Lu - Thái Niên, cả hai bên đều có thiệt hại. Để tránh va chạm không cần thiết và tranh thủ lực lượng đồng minh lúc này, lực lượng ta được cấp trên cho lệnh rút. Số thanh niên ở Văn Bàn trở về huyện tham gia lực lượng vũ trang địa phương. Quân Tưởng lũ lượt kéo xuống Yên Bái. Quân Tưởng tuy đông nhưng chưa có cơ sở vững. Bên ta thì thế đang lên nhưng lực lượng vẫn chưa đủ mạnh. Trước tình hình trên, Phủ Văn đang là chủ tịch lâm thời của hai huyện Văn Bàn - Than Uyên giao cho Nguyễn Đình Sâm quản lý Văn Bàn, Nguyễn Đình Tấn quản lý Than Uyên còn mình thì đi một số nơi để nghe ngóng. Lúc này bọn Việt Nam Quốc dân Đảng theo gót quân Tưởng từ Vân Nam sang tràn xuống đã đóng đồn lớn ở Bảo Hà do Phạm Hùng Phong chỉ huy. Chúng móc nối với những chức dịch cũ lôi kéo họ chống lại ta. Tên Nguyễn Đình Tấn quay mặt, phản bội, đón bọn Quốc dân Đảng do tên Quản Lộc (Triệu Quốc Lộc) chỉ huy kéo vào Văn Bàn.

Thời gian này các phe nhóm trong chức dịch cũ nổi lên đấu đá nhau, tranh giành quyền lực. Mâu thuẫn giữa phe Phủ Văn với phe Lê Duy Bá ngày càng tăng, lên đến đỉnh cao và tìm cách thủ tiêu lẫn nhau.

Khi Việt Nam Quốc dân Đảng vào Văn Bàn, chính quyền của ta lập ra từ ngày 5/8/1945 do Nguyễn Đình Sâm làm Chủ tịch trở thành chính quyền của Quốc dân Đảng, trung đội vũ trang của huyện trở thành trung đội quốc dân quân do Nguyễn Đình Tấn chỉ huy.

Dựa vào bọn Tưởng và Việt Nam Quốc dân Đảng, bọn Đình Tấn và các tên chánh tổng cũ ở Võ Lao, Dương Quỳ, Chiềng Ken dùng nhiều thủ đoạn nhằm dụ dỗ, cưỡng ép nhân dân phải theo chúng. Chúng bắt thanh niên trai tráng vào lực lượng Quốc dân quân và bắt họ phải đi học trường quân chính do Quốc dân Đảng lập ở Bảo Hà, bắt nhân dân các thôn bản nộp lương thực, thực phẩm cho chúng. Đặc biệt chúng tung tay chân đi lùng bắt cán bộ ta và những người có cảm tình với Việt Minh, dùng các cực hình tra tấn, tàn sát rất dã man để uy hiếp tinh thần của nhân dân. Tháng 11/1945, chúng cho các tên Lương Văn Vân, Nguyễn Thúc Thăng, Phạm Văn Lạn, Hoàng Văn Lượng (Võ Lao) và một số người khác bắt hai người trong lực lượng của ta ở Nậm Máng (cửa Ngòi Mả - Bản Ngầu). Chúng giết, moi gan ăn, chúng chặt đầu cho vào sọt bêu lên cọc cao và bắt dân đến xem còn xác thì vứt xuống suối. Vì vậy, lòng căm thù bọn Quốc dân Đảng của nhân dân Văn Bàn càng thêm sâu sắc.

Đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở khu căn cứ địa Việt Bắc phát triển mạnh mẽ. Các đảng viên cộng sản trong các nhà tù đế quốc tìm cách vượt ngục ra ngoài hoạt động. Trước tình hình đó, thực dân Pháp hoảng sợ. Tháng 2/1945, chúng chuyển gần 100 tù chính trị từ căng Bá Vân (Thái Nguyên) sang căng Nghĩa Lộ. Các tù nhân chính trị công khai tuyên truyền các chính sách của Mặt trận Việt Minh, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, kêu gọi quần chúng đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù.

Lúc này, Chiến tranh thế giới lần thứ hai sắp kết thúc, phong trào cách mạng nước ta phát triển mạnh mẽ. Tại tỉnh Yên Bái, sau cuộc đấu tranh của công nhân Đề-pô thắng lợi, tiểu thương thị xã đứng lên đấu tranh đòi giảm thuế môn bài, 400 công nhân xây dựng đồn Cao và 800 công nhân làm sân bay Đông Cuông đấu tranh chống cả đánh đập, đòi cải thiện đời sống. Các cuộc đấu tranh này cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng ở vùng Vần - Hiền Lương làm cho bọn thống trị ở địa phương ngày càng lúng túng.

Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Đến chiều 10/3 quân Pháp đầu hàng, phát xít Nhật làm chủ các vùng đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn và nhiều tỉnh lỵ. Sáng 12/3/1946, chỉ có một trung đội Nhật từ Phú Thọ đánh lên Yên Bái nhưng quân Pháp chống trả yếu ớt rồi tan rã. Một bộ phận quân Pháp chạy vào Nghĩa Lộ, đi Than Uyên, Lào Cai, sang Trung Quốc. Dọc đường, tàn quân Pháp vứt bỏ súng, đạn, đồ dùng khá nhiều, ở vùng Vần, nhân dân thu súng giặc cất giấu, sau đó đem ủng hộ cách mạng. Ngày 17/3/1945, quân Pháp chuẩn bị chuyển số tù chính trị nữ đi nơi khác, tù chính trị nam đấu tranh phản đối quyết liệt. Cuộc bạo động không thắng lợi nhưng số cán bộ chạy thoát được cử đi các địa phương tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng, góp phần đẩy mạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước phát triển mạnh mẽ.

Phát xít Nhật độc chiếm nước ta nhưng vẫn giữ nguyên bộ máy cai trị tay sai của Pháp. Đời sống nhân dân ta vô cùng cực khổ dưới hai tầng áp bức bóc lột Nhật - Pháp. Đầu năm 1945, nạn đói lan rộng khắp các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Số người bị đói lên Yên Bái rất đông, thảm cảnh đau lòng diễn ra dọc đường, bờ ruộng, bãi vàng người chết đói nằm la liệt. Nhưng bọn Nhật vẫn tiếp tục vơ vét, bóc lột. Dã man hơn chúng bắt 300 người bị đói vào làm trong các đồn điền và xây dựng đồn Cao. Ở công

trường làm sân bay Đông Cuông nhiều phu bị bọn Nhật đánh chết khi đang làm việc. Chúng còn bắt cả trẻ em trói vào cây cho lính tập đâm lê, tàn sát người Mông ở Tú Lệ (Văn Chấn). Lòng căm thù của nhân dân tỉnh Yên Bái đối với phát xít Nhật lên đến cao độ. Ngay đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng chủ trì. Để phát triển hơn nữa phong trào cách mạng ở Yên Bái và bắc Phú Thọ trong điều kiện tình thế cách mạng đã xuất hiện, đầu tháng 5/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Ngô Minh Loan lên phụ trách xây dựng khu căn cứ cách mạng Vần - Hiền Lương.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, cán bộ ta một mặt tiếp tục đi sâu vận động quần chúng cơ bản là nông dân, mặt khác đẩy mạnh vận động tầng lớp trên, tranh thủ lôi kéo các chức dịch ủng hộ, tham gia phong trào cách mạng. Đến giữa năm 1945, cơ sở của Mặt trận Việt Minh được mở rộng tới hàng chục làng của phủ Trấn Yên và châu Văn Chấn. Tất cả các làng đều thành lập được đội cứu quốc như Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thân hào cứu quốc, số hội viên lên tới gần 800 người. Một số làng thành lập được đội tự vệ, ban đầu làm nhiệm vụ tuyên truyền xung phong. Nhân dân tích cực ủng hộ cách mạng tiền bạc, lương thực, thực phẩm và một số súng thu được của quân Pháp vứt khi chạy quân Nhật hồi cuối tháng 3/1945. Phong trào cách mạng phát triển, khí thế quần chúng lên rất cao có tác dụng lôi kéo những người thuộc tầng lớp trên, các hào lý ủng hộ, tham gia cách mạng.

Sáng 30/6/1945, ta tổ chức lễ mừng chiến thắng ở đình Hiền Lương có đại diện tầng lớp nhân dân trong vùng tham dự. Đồng chí Ngô Minh Loan báo cáo về hai chiến thắng quan trọng của quân ta, cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của nhân dân; đồng

thời thông báo quyết định của Xứ ủy Bắc Kỳ về việc thành lập Ban cán sự Đảng liên tỉnh Yên Bái - Phú Thọ do đồng chí Ngô Minh Loan làm Bí thư.

Đầu tháng 7/1945, Ban cán sự Đảng tỉnh Yên Bái - Phú Thọ đưa ra chủ trương: (1) Gấp rút xây dựng lực lượng chính trị, tổ chức các đoàn thể cứu quốc, củng cố vững chắc khu căn cứ cách mạng, từ đó mở rộng hoạt động ra các vùng khác. (2) Tổ chức lại du kích tập trung thành các đội, chỉ để lại một bộ phận nhỏ bảo vệ khu căn cứ, còn phần lớn tiến vào Văn Chấn hoạt động, tạo địa bàn đi Than Uyên, Văn Bàn, Phù Yên. Trong hoạt động, các trung đội vũ trang lấy tuyên truyền xung phong làm chủ yếu, vận động, hỗ trợ dân phá các kho thóc của giặc, thuyết phục chính quyền tay sai Nhật các cấp tự giải tán. (3) Nhanh chóng thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ở các xã trong khu căn cứ và vùng mới được giải phóng, tổ chức du kích, tự vệ ở những nơi đó.

Thực hiện chủ trương của Đảng, các lực lượng vũ trang được tổ chức thành chín trung đội và được lệnh tiến vào Nghĩa Lộ theo ba mũi: Mũi 1, qua làng Đồng Phú ra Đá Tráng; mũi 2, qua Vần, Dọc, Thiến, Kháo, sang Ca Vịnh; mũi 3, theo đường Vần, Dọc, Mỵ. Trên đường tiến quân, cả ba mũi không gặp sự kháng cự nào của địch. Lính bảo an ở các đồn Lương Tàm, Ca Vịnh đã tháo chạy bỏ lại hầu hết vũ khí, ta thu được 27 súng trường. Các đơn vị còn phá các kho thóc Thiến và Mỵ (500 tấn), Ca Vịnh (500 tấn), Sơn Bục (1.000 tấn). Gốc Báng (500 tấn) chia cho nhân dân. Cuộc hành quân biến thành cuộc vũ trang tuyên truyền rầm rộ, đi đến đâu ta cũng tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến tay sai, nói rõ chính sách của Mặt trận Việt Minh, thành lập các đoàn thể cứu quốc đến đó.

Ngày 6/7/1945, từ vị trí tập trung quân ở Ba Khe, các đơn vị du kích tiến vào Nghĩa Lộ. Tri châu Đặng Phạm Lộc định

chạy trốn nhưng cơ sở Việt Minh ở Nghĩa Lộ đã thuyết phục y đầu hàng cách mạng. Khi quân ta vào đến Ngòi Thia đã thấy Đặng Phạm Lộc và Quản Nhượng (chỉ huy bảo an binh) mang cờ trắng ra hàng. Nhân dân Nghĩa Lộ treo cờ đỏ sao vàng, hồ hởi đón chào đoàn quân cách mạng. Ta thu toàn bộ sổ sách, giấy tờ của chính quyền cũ cùng 60 khẩu súng, 14 hòm đạn và kho thóc 100 tấn.

Ngày 8/7/1945, ta tổ chức mít tinh quần chúng, tuyên bố xóa bỏ bộ máy thống trị của địch; phổ biến 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh; thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Văn Chấn. Đây là huyện đầu tiên của Yên Bái và cũng là huyện đầu tiên của vùng Tây Bắc được giải phóng và thành lập được chính quyền cách mạng. Ngay sau đó, đồng chí Ngô Minh Loan thành lập đoàn cán bộ xuống xây dựng chính quyền, du kích và đoàn thể cứu quốc các xã.

Giữa tháng 7/1945, quân Nhật tiến vào đóng ở Mỵ. Ta để lại bộ phận nhỏ quân ở Nghĩa Lộ, còn đại bộ phận nhanh chóng cơ động ra Cửa Nhì, theo đường tắt đến Mỵ, chiếm các đồi cao và bắn uy hiếp địch. Thấy súng nổ bốn bề, quân Nhật hoảng sợ, vội vã rút quân về thị xã Yên Bái. Cuối tháng 7/1945, nhận thấy chính quyền tay sai Nhật ở các nơi có dấu hiệu tan rã, ta điều các đơn vị đi giải phóng châu Phù Yên - Sơn La (23/7), châu Văn Bàn (5/8), châu Than Uyên (7/8).

Cùng với việc xây dựng, phát triển phong trào ở khu căn cứ cách mạng Vần - Hiền Lương và ở vùng phía tây của tỉnh, đầu năm 1945 cán bộ Đảng từ Bạch Sa (Hàm Yến - Tuyên Quang) qua đường Ngôi Nóc đến Cổ Văn (châu Lục Yên) hoạt động, xây dựng cơ sở. Sau một thời gian tuyên truyền, vận động đã giác ngộ được khá đông quần chúng, lập đội tự vệ gồm 24 người (ở khu rừng Sim, thôn Từ Hiếu, Mường Lai). Ngày 14/6/1945, đội tự vệ tổ chức họp với nhân dân bàn việc phát triển lực lượng

và tìm kiếm vũ khí. Ngay sau đó đồng bào ủng hộ đội 17 khẩu súng, một số gạo, thực phẩm. Tháng 6/1945, đội phá được hai kho thóc ở Vĩnh Lạc và làng Sâng đem chia cho dân. Quân số của đội phát triển lên 50 người.

Ngày 10/7/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Lục Yên được thành lập. Chính quyền châu nhanh chóng lập các đoàn thể cứu quốc và tự vệ các xã, lấy thóc thu được của địch chia cho nhân dân nghèo đói.

Đến đầu tháng 7/1945, hầu hết các xã ở phủ Yên Bình đều tổ chức được chính quyền cách mạng. Đề phòng quân Nhật quay trở lại chiếm đóng, đàn áp, ta chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu đồng thời vận động nhân dân các xã dọc các đường thực hiện vườn không nhà trống, ngả cây to làm vật chướng ngại cản địch. Đúng như dự đoán của ta, cuối tháng 7/1945, Nhật cho quân chiếm lại phủ lỵ Yên Bình, lập lại chính quyền tay sai mới, nhưng chúng hoàn toàn bị cô lập, khi quân Nhật rút đi thì chúng hoàn toàn suy sụp tinh thần.

Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn không chỉ giàu lòng yêu nước mà còn cần cù sáng tạo trong lao động. Trong cuộc sống chinh phục, cải tạo tự nhiên để sinh tồn và phát triển họ không quản mưa, nắng, tần tảo sớm chiều, chăm chỉ khai hoang, thu lượm những thứ sẵn có, trồng trọt chăn nuôi; không ngừng thâm canh tăng vụ, cải tiến kỹ thuật canh tác, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh nâng cao thu nhập, mức sống, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân nơi đây từng bước thoát khỏi đói nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc, góp sức xây dựng vùng đất Văn Bàn ngày càng giàu đẹp, văn minh. Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn có tinh thần đoàn kết thương yêu, đùm bọc nhau trong khó khăn, đói nghèo; họ giàu lòng nhân ái bao dung,

chan chứa nghĩa tình... Sống trong cộng đồng làng, xóm, nhân dân các dân tộc Văn Bàn luôn kề vai sát cánh bên nhau, đoàn kết xây dựng những công trình thủy lợi, giao thông phục vụ sản xuất, đời sống, họ đồng cam cộng khổ, nhường cơm, sẻ áo, tối lửa tắt đèn có nhau. Trong đấu tranh giành độc lập, bảo vệ quê hương, nhân dân các dân tộc Văn Bàn che giấu, nuôi dưỡng cán bộ, tạo nên thế trận "lòng dân đánh giặc".

Nhân dân huyện Văn Bàn còn có truyền thống hiếu học, khiêm nhường, ham học hỏi. Lớp lớp các thế hệ nơi đây kế tiếp nhau tham gia học tập, hoàn thành các chương trình học tập từ mầm non đến tiểu học, trung học. Đã có biết bao người con ưu tú trên vùng đất Văn Bàn miệt mài trau dồi tri thức, thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, hoàn thành các chương trình đào tạo trên đại học, mang tài năng, trí tuệ của mình đóng góp xây dựng quê hương.

Chương 2

ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG; PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI (1947-1960)

I. ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1947-1950)[1]

Từ cuối năm 1945 và những tháng đầu năm 1946, nhiều lần lực lượng của ta vào Văn Bàn đến Khe Lếch đều bị bật ra và thương vong nhiều do bọn Nguyễn Đình Sâm, Nguyễn Đình Tấn, Chánh Ú câu kết với Quốc dân Đảng chống lại. Trước tình hình đó, ta thuyết phục và lôi kéo được một số quần chúng tốt về huấn luyện công tác Việt Minh ở làng Tắp (xã Bảo Hà). Ban cán sự Đảng huyện và Ban chỉ huy bộ đội chủ trương lôi kéo bọn Nguyễn Đình Sâm, Nguyễn Đình Tấn, giao cho đồng chí Nguyễn Đăng Long (sau là Trưởng Ty Dân tộc Yên Bái) viết thư kêu gọi chúng theo ta.

Tháng 2/1946, thực dân Pháp và Trung Hoa Tưởng ký Hiệp ước Pháp - Hoa trong đó chúng thỏa thuận Tưởng nhường cho Pháp vào miền Bắc Đông Dương còn Pháp nhường cho Tưởng một số quyền lợi ở miền Nam Trung Quốc và ở cảng Hải Phòng.

---

[1] Nội dung trình bày trong mục này chủ yếu là biên tập, sắp xếp lại từ chương 1, 2 cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* Tập I, 1945-1954.

Đầu năm 1946, thực dân Pháp từ Sơn La, Lai Châu tràn ra chiếm đóng huyện Phong Thổ (Lai Châu). Từ tháng 2/1946, chúng lại đánh chiếm huyện Than Uyên (Yên Bái) rồi nhanh chóng đem một trung đội Âu Phi và một số lính dõng ra chốt giữ đèo Khau Co hòng bịt đường liên lạc, vận chuyển giữa Văn Bàn,Than Uyên với Tây Bắc và làm bàn đạp đánh chiếm Văn Bàn và các huyện lân cận. Khi địch tới Khau Co đóng đồn, biết thế nào chúng cũng mở rộng địa bàn chiếm đóng nên Ban cán sự Đảng và Huyện bộ Việt Minh Văn Bàn chủ động đề xuất với tỉnh đánh chiếm lại Khau Co.

Sau Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6/3/1946), tháng 6/1946 quân Tưởng phải rút về Trung Quốc, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng mất chỗ dựa càng lồng lộn gây thêm nhiều tội ác như bắt cóc, tống tiền, hãm hiếp, thủ tiêu cán bộ và những người dân lương thiện không làm theo ý chúng. Vì vậy Đảng và Chính phủ chủ trương phải tiêu diệt tổ chức phản động này. Bộ đội ta được lệnh tấn công tiêu diệt chúng từ Phúc Yên lên Lào Cai.

Cuối tháng 6/1946, đoàn cán bộ Việt Minh từ tỉnh Yên Bái lên Văn Bàn. Đoàn gồm 5 người: Đồng chí Đào Đình Bảng làm Trưởng đoàn và các đồng chí Nguyễn Chí, Đoàn Trần Cảnh, Nguyễn Thịnh và Nguyễn Nhật Ân cùng đi. Tỉnh còn phái hai đại đội vũ trang do đồng chí Vạn Lịch chỉ huy, một đại đội chốt giữ ở Bảo Hà, một đại đội vượt sông Hồng vào châu lỵ Văn Bàn.

Tháng 7/1946, Quốc dân Đảng ở thị xã Yên Bái bị ta diệt gọn. Số ở Việt Trì, Phú Thọ chạy lên bị ta diệt thêm, số sống sót chạy lên Lào Cai bị bộ đội ta truy kích tiêu diệt. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tiêu diệt tạo điều kiện cho các cơ sở của ta xây dựng chính quyền.

Ngày 30/7/1946, tại đồn Bảo Hà, đồng chí Đào Đình Bảng đại diện cho tỉnh bộ Việt Minh triệu tập và tổ chức một hội nghị hiệp thương với chính quyền cũ của Quốc dân Đảng (lúc đó gọi là Hội nghị "Thỏa hiệp Bảo Hà"). Thành phần hội nghị về phía ta có các đồng chí Đào Đình Bảng, Vạn Lịch. Đại diện cho chính quyền cũ của Quốc dân Đảng có Nguyễn Đình Sâm, Nguyễn Đình Tấn, Chánh Ú, Đội Lục, Sai Cọ... Tại hội nghị này, ta kêu gọi họ hãy quy thuận trở lại với Việt Minh, tạo điều kiện cho cán bộ và bộ đội Việt Minh vào Văn Bàn. Kết quả hội nghị ra được bản "Thỏa hiệp" với những nội dung chính là: Để nguyên lực lượng Quốc dân Đảng có Việt Minh lãnh đạo, người chỉ huy trực tiếp là Nguyễn Đình Tấn, chính trị viên là La Tấn; thống nhất thời gian mở hội nghị hào lý, chức dịch trong toàn huyện tại Dương Quỳ. Bản "Thỏa hiệp Bảo Hà" được hai bên ký và ra bố cáo toàn huyện.

Mở được hội nghị này là do ta nắm được sách lược của Đảng về tranh thủ các tầng lớp trên. Những đồng chí có nhiều đóng góp đưa hội nghị đến thắng lợi là các đồng chí Đào Đình Bảng, Nguyễn Đăng Long, Vạn Lịch. Tầng lớp trên quy thuận được ta động viên tinh thần dân tộc, phân tích tình hình, xu thế lịch sử đi lên để họ thấy con đường trở về với dân tộc là tốt đẹp. Họ phải chấp nhận họp và ký vào văn bản với ta là do thế lực của họ đã suy yếu. Hội nghị thắng lợi tạo điều kiện cho cán bộ của ta xuống dân, nắm địa bàn và có thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại Hội nghị "Thỏa hiệp Bảo Hà", ngày 30/7/1946 Ban cán sự Đảng huyện Văn Bàn ra đời do đồng chí Đào Đình Bảng làm Trưởng ban. Cũng tại hội nghị này, Huyện bộ Việt Minh được thành lập. Bí thư Huyện bộ là đồng chí Đào Đình Bảng. Lực

lượng đảng viên là nòng cốt của Mặt trận. Tại hội nghị các đại biểu đều nhất trí cao với chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh và thực hiện theo các yêu cầu của chính quyền cách mạng.

Phát huy kết quả Hội nghị "Thỏa hiệp Bảo Hà", ngày 17/8/1946 ta mở hội nghị với tất các các hào lý chức dịch toàn huyện tại Dương Quỳ. Nội dung chính của hội nghị là: Tuyên bố giải tán chính quyền Quốc dân Đảng, lập chính quyền dân chủ nhân dân do Việt Minh lãnh đạo. Chính quyền mới trên cơ sở các thành viên cũ có mở rộng; đề ra các nội dung, biện pháp xây dựng địa phương củng cố lực lượng; cử ra chính quyền thống nhất.

Về Ủy ban hành chính huyện, Chủ tịch là Nguyễn Đình Sâm, Phó Chủ tịch là Nguyễn Văn Hỷ.

Về Ủy ban kháng chiến huyện, Chủ tịch là Nguyễn Nhật Ân, Phó Chủ tịch là Nguyễn Thanh Vân. Phụ trách đơn vị vũ trang là Nguyễn Đình Tấn và La Tấn.

Lãnh đạo chung là đồng chí Đào Đình Bảng - Trưởng Ban cán sự Đảng huyện Văn Bàn.

Hội nghị ra bản bố cáo kết quả hội nghị với nhân dân toàn huyện. Những người dự hội nghị này được phân công xuống các thôn bản ở 24 xã trong huyện để tuyên truyền cho nhân dân.

Sau hội nghị, tại Dương Quỳ ta tổ chức một cuộc mít tinh có trên 300 người dự. Mọi người đều vui mừng với kết quả hội nghị, từ đây Văn Bàn có tổ chức Việt Minh lãnh đạo, có chính quyền mới làm chỗ dựa cho nhân dân. Tiếp đó, các Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến xã và liên xã được thành lập như ở Võ Lao, Dương Quỳ, Minh Lương, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken, Châu Quế, Phong Dụ, Đông An, Tân An, Lang Thíp, Bảo Hà, Kim Sơn, Cam Cọn.

Lực lượng vũ trang của huyện gồm số Quốc dân quân cũ chuyển sang và bổ sung thêm một số thanh niên địa phương, tổ chức lại thành một trung đội trên 30 người.

Chính quyền cách mạng được xây dựng, huyện đưa được một số người tầng lớp trên có uy tín với quần chúng tham gia. Tuy nhiên, lúc này, huyện Văn Bàn có rất nhiều khó khăn. Địa bàn huyện rộng với 2.300 km^2, quá nửa diện tích thuộc vùng cao, giao thông liên lạc trắc trở, huyện lại xa tỉnh lỵ. Đặc biệt là huyện thiếu cán bộ đảng viên người địa phương, cơ sở trong nhân dân còn rất non yếu. Những người trong chính quyền, trong lãnh đạo lực lượng vũ trang vẫn chỉ là những người đã từng làm việc cho Pháp, Nhật và Quốc dân Đảng trước đây. Một số ít có tội ác với nhân dân, một số vẫn ngấm ngầm đợi thời cơ quay lại với Pháp. Vì vậy hiệu lực của chính quyền bị hạn chế rất nhiều. Đặc biệt lúc này, thực dân Pháp đang lấn ta từng bước, tình hình ngày càng căng thẳng. Tuy có những khó khăn, song Văn Bàn cũng có những thuận lợi cơ bản. Mặc dù chưa có tổ chức Đảng ở cơ sở nhưng các tổ chức Việt Minh ở xã và liên xã đã có, nhất là ta đã có một số cán bộ đảng viên do tỉnh điều đến như các đồng chí Đào Đình Bảng, Vạn Lịch, Nguyễn Nhật Ân, Đoàn Trần Cảnh, Nguyễn Chí, Liên Báng, Nguyễn Thịnh trong Ban cán sự Đảng và đã thành lập được Huyện bộ Việt Minh. Lòng dân đã hướng về cách mạng, hướng về Việt Minh. Ta có chính quyền thống nhất trong toàn huyện.

Ngày 17/8/1946, Ban chỉ huy quân sự huyện Văn Bàn ra đời, Huyện đội trưởng là Nguyễn Đình Tấn, Huyện đội phó là Đội Lục, Hoàng Văn So; chính trị viên trưởng là La Tấn, chính trị viên phó là Nông Khải Tinh.

Ngày 26/10/1946, quân ta bí mật xuất quân đi Khau Co. Lực lượng ta có một trung đội mạnh và một trung đội vũ trang địa phương phối hợp. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Vạn Lịch và

Nguyễn Đình Tấn, Đội Lục. Người dẫn đường là ông Sầm Văn Khèo (ở Minh Lương). Nhân dân xã Minh Lương là lực lượng tiếp tế, vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm cho cuộc tiến công của ta. Nhân dân các xã khác như Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Dương Quỳ cũng tiếp tế lương thực và thực phẩm cho trận đánh. Do đèo rất hiểm trở, đỉnh đèo nằm trên lưng dãy núi Hoàng Liên, hai bên đỉnh đèo là các điểm cao địch đặt hỏa lực, chủ yếu súng đại liên. Đường lên khu vực đèo duy nhất chỉ có đường mòn do Pháp làm trong thời gian đô hộ trước đây để đi bộ, đi ngựa liên hệ với vùng Tây Bắc. Nếu đi theo con đường này, địch quan sát ta rất rõ. Vì thế quân ta phải đi men theo đường rừng.

Ngay từ rất sớm, ngày 27/10/1946, ta tổ chức tiến quân lên đèo Khau Co. Tại khu trung tâm xã Nậm Xé, quân ta bí mật chia ra 2 mũi tiến quân. Một mũi do ông Lý A Khô, dân tộc Mông Xanh ở bản Tu dẫn đường. Mũi này tiến quân đi theo đường qua bản Tu (nay là bản Tu trên) bên tả ngạn của dòng ngòi Chăn, phía trong của dãy núi chạy theo bờ ngòi. Di chuyển khoảng trên 3 tiếng, mũi tấn công đến khu vực Hô Khóa (đầu nguồn của khe Nậm Khóa), chia tiếp mũi thứ 3 đến Hô Mít, tức là đầu nguồn khe Mít. Mũi này có nhiệm vụ vòng về phía Than Uyên và tiếp cập đỉnh Đèo đánh tập hậu. Một mũi theo Hô Xi Tan tức từ thượng nguồn khe Xi Tan đi xuống tiếp cận khu vực đèo nằm về phía tả ngạn hốp Đèo để đánh trực tiếp, một bộ phận mũi này theo lưng của dãy núi Hoàng Liên tiến đến đỉnh Đèo. Một mũi từ trung tâm xã Nậm Xé đi theo hướng bên hữu ngạn Ngòi Chăn. Mũi này phải men theo đường rừng do ông Sầm Văn Khèo dẫn đường. Đến cửa khe Nậm Mu, tiến lên đỉnh đèo, đến điểm cao thứ ba gần hai điểm cao Pháp đặt hỏa lực. Nhiệm vụ của mũi tấn công này là chiếm điểm cao, chiếm lĩnh hỏa lực của Pháp.

Khi các mũi tấn công được các trinh sát viên thông tin đã làm chủ vị trí, chỉ huy phát lệnh tấn công. Bất ngờ hai mũi tấn công ào ạt, quân Pháp chủ quan chỉ chú ý bố phòng theo hướng chặn đánh tuyến đường từ Nậm Xé lên, không kịp trở tay vì khu vực đèo rất hiểm trở. Ta tiêu diệt phần lớn quân địch tại đây, một số bị ta bắt, thu toàn bộ trang bị, vũ khí đạn dược.

Đây là trận đánh nhanh gọn, thắng lớn của lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với lực lượng của trên. Đây cũng là tiếng súng kháng chiến chống thực dân Pháp đầu tiên của huyện Văn Bàn và cũng là tiếng súng chống Pháp đầu tiên của tỉnh Yên Bái trước khi có lệnh toàn quốc kháng chiến (19/12/1946).

Sau thắng lợi giòn giã trên, vào trung tuần tháng 2/1947, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn vinh dự được đặc ủy đoàn của Chính phủ lên thăm, khen ngợi, tuyên truyền và động viên kháng chiến. Đoàn gồm 10 người, trưởng đoàn là đồng chí Trần Huy Liệu và các đồng chí Lê Thành Tâm, Lê Đình Huân, Đảo Đình Bảng, Nguyễn Nhật Ân, La Tấn... Đoàn đi các xã Minh Lương, Dương Quỳ, Chiềng Ken, Khánh Yên Thượng... Đi đến đâu cũng tích cực động viên khích lệ tinh thần nhân dân, đồng thời củng cố chính quyền từ huyện tới các xã, nói rõ tình hình trong nước và thế giới, nêu lên nhiệm vụ cấp bách lúc đó, động viên thân hào, thân sĩ và nhân dân đoàn kết xung quanh Mặt trận Việt Minh. Đặc ủy của Chính phủ kêu gọi nhân dân các dân tộc phát huy chiến thắng vừa giành được, hăng hái sản xuất, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chống lại thực dân Pháp và bọn tay sai, quyết tâm đánh thắng ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau khi Đặc ủy đoàn Chính phủ rời Văn Bàn, Ban cán sự Đảng đã phân công cán bộ xuống cơ sở tuyên truyền đường lối kháng chiến "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh" và xây dựng cơ sở kháng chiến tại địa bàn. Công tác chuẩn bị

cho kháng chiến, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, thi đua lao động sản xuất chống đói, phát triển phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ được chú ý đẩy mạnh.

Đầu tháng 7/1947, tỉnh điều đơn vị của đồng chí Vạn Lịch về Yên Bái xây dựng thành Tiểu đoàn 630. Đây là tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn Yên Bái, lực lượng chính đánh đồn Đồng Bằng (Trấn Yên) và tham dự Chiến dịch Sông Thao. Để tăng cường cho mặt trận Văn Bàn chặn bước tiến của địch từ Lai Châu, Than Uyên sang, Trung đoàn Yên Bái điều Tiểu đoàn 3 do đồng chí Giang Hà phụ trách lên Văn Bàn.

Khi lực lượng của đồng chí Vạn Lịch rút đi thì Tiểu đoàn 3 mới tới Dương Quỳ, giặc Pháp từ Than Uyên lên lại chiếm Khau Co. Cùng thời gian này tỉnh điều đồng chí Đào Đình Bảng về làm Bí thư Huyện ủy Trấn Yên và tăng cường cho Văn Bàn các đồng chí Đoàn Trần Cảnh, Nguyễn Hữu Minh (Minh Đăng), Chu Văn Sách, Trần Lực. Từ giữa tháng 7/1947 đến 26/9/1947, đồng chí Đoàn Trần Cảnh được Tỉnh ủy giao trách nhiệm Trưởng Ban cán sự Đảng và đảm nhiệm công việc của Bí thư Huyện bộ Việt Minh Văn Bàn.

Thời kỳ này, Tỉnh ủy Yên Bái chủ trương củng cố chính quyền, xây dựng cơ sở trong nhân dân chuẩn bị kháng chiến. Các đơn vị vũ trang hoạt động theo phương châm: du kích chiến kết hợp với vận động chiến, chủ động đánh cản địch không cho chúng từ Than Uyên, Khau Co mở rộng phạm vi chiếm đóng ra vùng tự do của ta. Nắm chắc tình hình địch đang điều binh để tái chiếm Văn Bàn, ngay từ đầu năm 1947 tỉnh chủ trương tách 9 xã vùng ngoài của Văn Bàn ra thành một huyện mới, lấy tên huyện là Bảo Hà để tạo hậu cứ cho 15 xã vùng trong của huyện Văn Bàn và bảo đảm được huyết mạch giao thông liên lạc giữa Yên Bái với Lào Cai, Lai Châu; giữa Văn Bàn với Than Uyên, Nghĩa Lộ sang Tây Bắc. Huyện Bảo Hà hoạt động được trên một

năm, khi địch đánh rộng ra tỉnh lại quyết định sáp nhập Bảo Hà về Văn Bàn như cũ (8/1948).

Thời gian tạm tách huyện, sự hoạt động của 9 xã vùng ngoài vẫn ăn khớp với 15 xã vùng trong. Khi sáp nhập lại, trừ một số cán bộ của Bảo Hà được tỉnh điều đi, số còn lại tỉnh lại giao về Văn Bàn hoạt động như các đồng chí Nguyễn Thái Quang, Nguyễn Văn Chế, Nguyễn Văn Khánh...

Cán bộ đảng viên ở Văn Bàn, Bảo Hà rất cố gắng trong việc củng cố chính quyền ở huyện, xã, dìu dắt hướng dẫn các ủy viên cách làm việc, nhất là bồi dưỡng về nhận thức, quan điểm và những hiểu biết về chính quyền dân chủ nhân dân. Vì vậy hiệu lực của Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến được nâng cao.

Ở các cơ sở, cán bộ, bộ đội chú trọng công tác tuyên truyền giác ngộ nhân dân các dân tộc về điều lệ của Mặt trận Việt Minh, về đường lối kháng chiến của ta, nhanh chóng xây dựng được các tổ chức cứu quốc, các ban Việt Minh, vận động đẩy mạnh tăng gia sản xuất, mở các lớp bình dân học vụ, vận động bảo vệ sức khỏe.

Riêng lực lượng vũ trang đã liên tục tập luyện, tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự trị an, phát hiện kẻ gian... Trong vận động, ta tranh thủ tầng lớp trên, nắm quần chúng cơ bản, bồi dưỡng các nhân tố tích cực cho phong trào, mở các lớp ngắn ngày bồi dưỡng cán bộ các tổ chức. Vì vậy, đến giữa năm 1947 ta xây dựng được cơ sở Việt Minh và phát động được phong trào ở hầu hết các xã. Nhiều xã đạt loại khá như Dương Quỳ, Minh Lương, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Châu Quế Hạ, Kim Sơn, Bảo Hà. Do làm tốt công tác tuyên truyền và chuẩn bị kháng chiến nên nhân dân các xã tích cực bảo vệ cán bộ, đóng góp sức người, sức của cho lực lượng vũ trang. Thực

hiện công tác tiêu thổ kháng chiến, ở các xã Dương Quỳ, Minh Lương còn hăng hái huy động nhân dân san bằng các trụ sở làm việc của châu lỵ cũ ở Dương Quỳ. Ủy ban các xã Dương Quỳ, Khánh Yên Hạ, Võ Lao huy động dân công cùng với nhân dân các xã có đường xe lửa chạy qua phá đường sắt, thực hiện tiêu thổ kháng chiến ở đoạn Bảo Hà - Lang Thíp. Cùng với tiêu thổ kháng chiến, huyện Văn Bàn còn coi trọng công tác xây dựng lực lượng vũ trang, đến tháng 7/1947 ta có 2 trung đội du kích tập trung của huyện với 77 chiến sĩ. Hầu hết các xã đều có 1 tiểu đội dân quân hoặc du kích và vận động được nhiều thanh niên tòng quân bổ sung lực lượng cho tiểu đoàn cảnh vệ của tỉnh.

Thực hiện mệnh lệnh mở mặt trận Tây Tiến của Bộ chỉ huy Quân khu X, chủ động tấn công các vị trí của địch ở Than Uyên nhằm thu hẹp phạm vi chiếm đóng và ngăn cản địch phát triển ra vùng tự do. Từ tháng 5 đến tháng 9/1947, các đơn vị du kích Văn Bàn đã phối hợp với bộ đội tổ chức một số trận tấn công địch ở đèo Khau Co, Ít Ong và Kim Nọi (Than Uyên) thu được kết quả, động viên tinh thần cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc địa phương.

Bên cạnh những thắng lợi, thời gian này ta có một số khuyết điểm. Do thiếu cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo nên ủy ban các xã chưa đẩy mạnh được phong trào quần chúng, nhất là ở trên vùng cao. Phong trào vùng thấp mới có bề rộng, chưa có bề sâu. Việc bàn giao tiếp quản giữa các đơn vị cũ và đơn vị chủ lực mới chưa chặt chẽ, không giữ vững địa bàn nên địch có điều kiện chiếm lại Khau Co một cách dễ dàng. Việc chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống thời chiến, chuẩn bị địa điểm cho dân tản cư và xây dựng hậu cứ còn chậm. Tuy ta đã chú ý tranh thủ tầng lớp trên với phương châm "Chặt tay chân, cô lập đầu sỏ", động viên họ tham gia công tác, lựa chọn được một số người giữ các vị trí chủ chốt ở huyện và xã nhưng chưa thật chắc chắn,

chưa thường xuyên xem xét giúp đỡ, giáo dục, thuyết phục họ, phát huy ưu điểm và hạn chế những mặt tiêu cực. Cá biệt còn có hiện tượng chưa tin họ nên khi địch tới, chúng lôi kéo bằng mọi cách. Với bản chất lập trường giai cấp cũ, họ không giữ được lòng trung thành với cách mạng, lại sợ gian khổ, hi sinh nên dần dần họ ngả sang phía địch.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở địa phương bước vào thời kỳ khó khăn, ác liệt. Văn Bàn là địa bàn chiến lược của tỉnh và là một trong những cửa ngõ Tây Bắc. Trước yêu cầu mới, ***ngày 27/9/1947 Tỉnh ủy Yên Bái ban hành Nghị quyết thành lập Huyện ủy Văn Bàn. Bí thư Huyện ủy được Tỉnh ủy chỉ định là đồng chí Minh Đăng*** (tên thật là Nguyễn Hữu Minh quê làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đồng chí Minh Đăng được kết nạp Đảng từ tháng 5/1945 ở chi bộ xã Yên Bái). Huyện ủy Văn Bàn khi mới thành lập chưa kể số đảng viên trong lực lượng vũ trang mới có 5 đồng chí bao gồm Nguyễn Hữu Minh, Nguyễn Nhật Ân, Nguyễn Thái Quang, Nguyễn Văn Chế và Nguyễn Văn Khánh (đảng viên dự bị).

Huyện ủy Văn Bàn được thành lập có ý nghĩa rất quan trọng, tạo ra bước ngoặt trong phong trào cách mạng ở Văn Bàn. Từ đây, Văn Bàn có sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, công cuộc chuẩn bị kháng chiến của Văn Bàn đã gắn liền với chủ trương của Đảng bộ tỉnh Yên Bái và đường lối kháng chiến của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự kiện Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn ra đời khẳng định một bước tiến mới của cách mạng sau ngày đánh tan Quốc dân Đảng. Đây cũng là sự thành công trong công tác xây dựng lực lượng cách mạng, củng cố hệ thống chính trị. Việc thành lập Huyện ủy Văn Bàn vừa thể hiện sự quan tâm của Trung ương, của tỉnh Yên Bái đối với cách mạng ở Văn Bàn, đồng thời khẳng định bước phát triển mới về chất của phong trào cách mạng của địa phương. Phong trào cách mạng ở Văn Bàn từ

đây có tổ chức Đảng lãnh đạo, thống nhất xây dựng lực lượng cách mạng về mọi mặt, chuẩn bị kháng chiến. Đảng bộ Văn Bàn được thành lập còn đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo công cuộc chuẩn bị kháng chiến trường kỳ, là động lực to lớn thúc đẩy quần chúng đứng lên đấu tranh giải phóng quê hương.

Từ sau khi thành lập Đảng bộ, công tác xây dựng Đảng, thực hiện các nhiệm vụ chính trị được coi trọng và có sự phát triển nhanh chóng.

Đầu tháng 10/1947, thực dân Pháp tập trung hai vạn quân tinh nhuệ được trang bị đầy đủ máy bay, tàu chiến, đại bác mở cuộc tiến công lớn, thọc sâu vào hậu phương ta, đánh thẳng vào trung tâm Việt Bắc, căn cứ địa chính của kháng chiến. Ý đồ của địch là tiêu diệt bộ đội chủ lực ta, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, lập chính phủ bù nhìn toàn quốc, kết thúc chiến tranh và đặt lại ách thống trị thực dân lên toàn bộ nước ta.

Để nghi binh và phối hợp với cuộc tiến công lên Việt Bắc, quân Pháp ở Tây Bắc cũng mở các đợt tiến công vào tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

Ngày 28/9/1947, quân Pháp từ Than Uyên đánh chiếm Dương Quỳ (Văn Bàn) rồi kéo ra đóng quân tại một số vị trí ở gần Bảo Hà, từ Phù Yên (Sơn La) tiến đánh Vực Tuần, Chấn Thịnh (huyện Văn Chấn), nhưng do chưa đủ lực lượng chiếm đóng, lại sợ ta tấn công nên chúng rút lui.

Ngày 2/10/1947, quân địch từ Quang Huy (Sơn La) qua Mường Cơi đánh sang Thượng Bằng La. Khi tiến đến Đèo Đao, quân Pháp bị một đại đội chủ lực của ta phục kích, đội hình bị cắt làm đôi. Bộ phận đi sau phải rút về Quang Huy, bộ phận còn lại đến đóng dã ngoại ở thôn Cao, xã Chấn Thịnh. Chúng cho một toán sang Đại Lịch nhưng bị du kích xã chặn đánh nên phải kéo ra Vần, Dọc.

Ngày 8/10/1947, quân Pháp từ nhiều hướng tiến đánh Nghĩa Lộ. Cánh quân thứ nhất từ Sơn La qua Ít Ong - Nậm Khắt hợp với một đơn vị từ Than Uyên sang qua Khau Phạ, Tú Lệ, Gia Hội xuống Nghĩa Lộ. Từ Quang Huy địch chia làm hai cánh, cánh thứ nhất theo hướng Bản Chải, suối Chiếu lên Đá Xô ra Vực Tuần. Cánh thứ hai qua Mường Cơi lên Đèo Đao (đỉnh Lũng Lô) chiếm Thượng Bằng La, sau đó tiến vào Cát Thịnh phối hợp với cánh thứ nhất vào chiếm Nghĩa Lộ. Sau khi củng cố lực lượng ở Nghĩa Lộ, quân Pháp mở các cuộc tiến công chiếm Hưng Khánh, Ngòi Lao, Thanh Bồng, Vân Hội, Đại Lịch, Bình Thuận, Quy Mông, tiến sát tận Âu Lâu.

Tại Văn Bàn, ngày 10/10/1947, địch huy động một lực lượng lớn đánh ta bằng nhiều mũi. Từ Khau Co chúng tràn xuống Minh Lương, từ Bảo Thắng chúng đánh xuống Nậm Mả, Võ Lao. Văn Bàn trong vòng vây của địch.

Trước tình hình đó, Huyện uỷ họp phân tích, so sách lực lượng giữa ta và địch và đề ra biện pháp đối phó. Đó là tổ chức lực lượng đánh phân tán chia cắt địch chủ yếu là tiêu hao sinh lực địch, cướp vũ khí và làm chậm bước tiến công của chúng; bảo vệ tài sản tính mạng của nhân dân, thực hiện "Vườn không nhà trống", hướng dẫn nhân dân cất giấu tài sản, cách tản cư tránh giặc; phát triển phong trào cách mạng trong nhân dân, vận động quần chúng thực hiện 3 không "Không biết, không nghe, không thấy" giữ gìn bí mật.

Được sự lãnh đạo của Huyện uỷ và sự giúp đỡ của Hội Phụ nữ tỉnh Yên Bái, ngày 19/10/1947 Hội Phụ nữ Cứu quốc huyện Văn Bàn ra đời do đồng chí Nguyễn Thị Duyên phụ trách. Từ đây nội dung hoạt động của Hội gắn liền với các phong trào của cuộc kháng chiến ở địa phương.

Dựa vào địa hình hiểm trở của miền núi, nhân dân các xã đã phối hợp cùng bộ đội đánh địch. Ở các xã phía trong phục kích, tập kích địch ở Khau Co, Minh Lương, Nậm Xé. Phía Bảo Hà, một đại đội bộ đội cùng dân quân du kích đánh địch ở làng Táp, chặn đứng mũi tiến công của chúng. Nhân dân các thôn bản tổ chức tiếp tế, phục vụ bộ đội và dân quân, du kích đánh địch, buộc chúng phải co cụm lại và xin thêm quân tiếp viện.

Ngày 22/10/1947, khi có thêm lực lượng, địch lại đánh chiếm Dương Quỳ và các bản Mạ, Coóc và bản Noỏng thuộc Khánh Yên Thượng. Các đơn vị vũ trang của ta bám sát dọc đường tiến quân của chúng, chặn đánh tiêu hao sinh lực địch.

Khi địch đang tập trung lực lượng ở Dương Quỳ để càn quét mở rộng địa bàn chiếm đóng, Huyện uỷ chủ trương phải phá ngay âm mưu này. Một đại đội thuộc Tiểu đoàn 3, do đồng chí Giang Hà phụ trách phối hợp cùng dân quân du kích đánh địch, chiến sự đã diễn ra ác liệt suốt trong 2 giờ. Ta bị thương một số đồng chí, đồng chí Đại đội trưởng Nguyễn Ái Việt (còn gọi là Bội Tảo) hy sinh khi đang phất cờ cho bộ đội tiến lên. Phía địch bị diệt 3 tên, một số bị thương. Ta đã phá được kế hoạch tập trung của địch. Sau đó, ta chốt giữ một số vị trí quan trọng bảo vệ cho dân tản cư và tạo thời gian cho các lực lượng vũ trang chuẩn bị các trận đánh tiếp theo.

Do bị thất bại, địch liên tục tăng cường lực lượng. Trước tình hình đó, Huyện uỷ Văn Bàn đã chủ trương phân tán lực lượng vũ trang thành các đơn vị nhỏ vừa chặn đánh vừa rút dần để bảo toàn lực lượng. Đồng thời ta bố trí lực lượng quần chúng trung kiên giữ vững cơ sở cách mạng, tuyên truyền nâng cao giác ngộ cho nhân dân chuẩn bị địa bàn cho cán bộ ta trở về phát động nhân dân đấu tranh trong lòng địch.

Từ ngày 23/10/1947, địch tiếp tục tấn công xuống Chiềng Ken, Châu Quế hòng nhanh chóng chiếm hết đất Văn Bàn,

khép chặt vòng vây truy bắt cán bộ, tìm diệt lực lượng vũ trang ta. Lúc này một số cơ sở của ta bị địch phá, cán bộ phải thường xuyên di chuyển địa điểm bí mật, luồn vào dân để bắt mối gây cơ sở. Địch tiếp tục mở các đợt càn quét, tăng cường khủng bố, cấm dân không được nuôi giấu Việt Minh. Chúng treo giải thưởng và tuyên bố "Nếu ai cắt được 2 tai của Việt Minh, thì được thưởng 12 kg muối, ai lấy được đầu cán bộ được thưởng 112 kg muối cùng một số vải vóc, lương thực, thuốc lào". Chúng tăng cường bắt thanh niên bổ sung vào lính, tung bọn tay chân ngày đêm lùng bắt cán bộ của ta. Do địch phong toả lùng sục khắp nơi và có người phản bội, chỉ điểm để lấy thưởng nên chúng đã bắt được đồng chí Minh Đăng, Bí thư Huyện uỷ Văn Bàn đang trên đường từ Sung Lảng (Khánh Yên Hạ) sang Chiềng Ken gây cơ sở. Mặc dù bị địch giam ở nhà Phủ Văn cạnh đồn Ken, tra tấn hết sức dã man nhưng đồng chí vẫn một lòng trung kiên với cách mạng không khai báo lực lượng của ta và cũng không nhận mình là Bí thư, nên địch không khai thác được gì. Ban đêm đồng chí đã bí mật tháo ngói nhà Phủ Văn trốn ra, tìm cách trở về chiến khu Vần - Hiền Lương để tiếp tục hoạt động. Đồng chí cố gắng tới được xã Nga Quán (Trấn Yên). Do bị địch tra tấn mất máu nhiều, đi đường xa, đói khát, dù được bà con ở đây hết lòng chăm sóc nhưng do kiệt sức, đồng chi đã hy sinh khi mới 23 tuổi, tinh thần đầy nhiệt huyết cách mạng. Được tin đồng chí Minh Đăng hy sinh, toàn thể cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang Văn Bàn đã phát động phong trào hành động cách mạng, lập công trả thù cho đồng chí.

Sau khi đồng chí Minh Đăng hy sinh, Tỉnh ủy cử đồng chí Chu Sách làm Bí thư Huyện ủy từ tháng 10/1947 đến tháng 12 /1948.

Ngày 25/10/1947, địch lại từ đường Nậm On (Dần Thàng), Minh Lương và Nậm Dinh (Nậm Dạng) tiến đánh Dương Quỳ.

Bộ đội ta phục kích đánh trong ba giờ, tiêu hao được một số sinh lực địch ở cả ba mũi.

Ngày 27/10/1947, địch lại tấn công Minh Lương ở cả ba mặt. Đánh chiếm Minh Lương xong, chúng đánh ra vùng Ba Xã và chiếm Tân An. Lúc này một số hào lý chức dịch cũ được ta giáo dục, sử dụng, hoảng sợ đã tự rút khỏi nhiệm vụ được phân công. Một số ít quay ra phản bội như Phạm Văn Dường (Bang Dường) ở Võ Lao. Một số tên đã chủ động đi đón Pháp và lĩnh súng từ Than Uyên về Dương Quỳ. Các tên Nguyễn Đình Tấn, La Tấn, Hoàng Văn So (Minh Lương) trong ban chỉ huy huyện đội đưa đội vũ trang của ta theo Pháp về đồn Ken. Trước tình hình đó, một số cán bộ của ta sang Võ Lao, định về Dương Quỳ hoạt động lại phải rút theo đường ngòi Nhù ra Bảo Hà, gồm các đồng chí Đoàn Trần Cảnh, Nguyễn Thanh Vân và đồng chí Trọng.

Đầu tháng 11/1947, thực dân Pháp tái chiếm hoàn toàn huyện Văn Bàn. Hầu hết cán bộ, đảng viên của ta phải rút ra vòng ngoài. Cơ quan Huyện uỷ và ủy ban phải chuyển sang Phố Ràng rồi về vùng ga Nhoi (Trấn Yên cũ) để hoạt động. Mặc dù mất đất song cán bộ Việt Minh được cài lại, số trung kiên ở các xã và các đồng chí rút ra huyện ngoài vẫn vững vàng, quyết tâm tìm cách trở về vùng địch hậu để hoạt động. Nhưng cũng có số ít cán bộ có tư tưởng hoang mang, thiếu lòng tin vào thắng lợi sau này, nhất là khi thấy địch đã chiếm gần hết vùng Tây Bắc, Lào Cai và phần lớn đất đai của Yên Bái. Riêng những tên phản bội, sau khi hàng Pháp đã đưa đường cho quân của thực dân Pháp đi càn quét, bắn giết đồng bào và đánh phá các cơ sở của ta.

Trước tình hình ấy, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Yên Bái, Huyện uỷ Văn Bàn chú ý giải quyết công tác tư tưởng cho cán bộ, chấn chỉnh lại đội ngũ và đưa cán bộ cùng các đội vũ trang trở về hoạt động trong vùng địch tạm chiếm, mở ra một

thời kỳ mới trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Văn Bàn.

Cuối tháng 12/1947, quân ta đánh bại hoàn toàn cuộc tấn công của quân Pháp lên căn cứ địa Việt Bắc. Từ năm 1948, địch bắt đầu chuyển hướng chiến lược chiến tranh, từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với ta. Âm mưu của thực dân Pháp là "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Theo đó chúng chuyển từ mở rộng vùng chiếm đóng, chuyển sang củng cố vùng chiếm đóng. Chúng thay thế các cuộc hành quân tìm diệt chủ lực ta bằng các cuộc hành quân nhỏ, càn quét nhằm phá hoại cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị của ta. Thực dân Pháp ra sức củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân, tranh thủ viện trợ của Mỹ.

Thực hiện âm mưu trên, thực dân Pháp thành lập Khu quân sự Tây Bắc (SANO) bao gồm nhiều phân khu trực thuộc, dưới phân khu là các tiểu khu. Trên địa bàn tỉnh Yên Bái, phân khu Nghĩa Lộ gồm bốn tiểu khu: Nghĩa Lộ, Ba Khe, Gia Hội và Than Uyên (chỉ huy cả Văn Bàn), có tiểu đoàn lính Thái số 1 chiếm giữ. Ở thượng huyện Lục Yên, địch lập ba tiểu khu là Bảo Hà,

Nghĩa Đô và Phố Ràng, thuộc phân khu Lào Cai, do tiểu đoàn lính Thái số 2 chiếm giữ. Năm 1948, tổng số quân địch ở tiểu khu này khoảng 1.300 tên.

Về chính trị, thực dân Pháp ra sức thực hiện âm mưu "Chia để trị", chúng lập tỉnh Mường Lò trong "Xứ Thái tự trị", lôi kéo các nhân vật thuộc tầng lớp trên làm việc cho chúng, cho bọn phản động tay sai một số quyền chính trị và lợi ích kinh tế để khống chế, cột chặt tầng lớp trên vào "cỗ xe chiến tranh xâm lược" của chúng.

Đối với nhân dân, địch kích động mâu thuẫn dân tộc, nhất là giữa dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số; khủng bố những gia

đình nghi có liên lạc, ủng hộ kháng chiến; dùng lính người dân tộc này đi khủng bố, đàn áp dân tộc khác, địa phương khác; dùng hàng hóa, đặc biệt là muối ăn để khống chế nhân dân. Quân Pháp và tay sai ra sức vơ vét của cải cung cấp cho cuộc chiến tranh. Chúng lập sổ đinh để dễ bề kiểm soát và bắt phu, tăng cường bắt thanh niên các dân tộc đi lính, xây dựng quân ngụy.

Tháng 1/1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng nhận định, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã giành được những thắng lợi quan trọng, đang chuyển sang thời kỳ mới cầm cự, giằng co với địch. Hội nghị vạch rõ những phương hướng và biện pháp lớn nhằm phát triển chiến tranh du kích, chuẩn bị điều kiện để chuyển sang hình thức tác chiến cao hơn; tăng cường, củng cố khối đoàn kết toàn dân; xây dựng nền kinh tế, văn hóa phục vụ kháng chiến; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị đưa Đảng ta ra hoạt động công khai.

Trước yêu cầu phát triển của tình hình mới, Trung ương Đảng quyết định xây dựng khu Tây Bắc thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, tạo điều kiện tiến tới giải phóng nhân dân các dân tộc thoát khỏi ách thống trị của giặc.

Lúc này Văn Bàn cùng với Nghĩa Lộ, Than Uyên và một phần tỉnh Lào Cai bị địch đặt trong tỉnh Phong Thổ do tên thổ ty Đèo Văn Ân (dân tộc Thái ở Phong Thổ) làm tỉnh trưởng. Toàn bộ tỉnh Phong Thổ cùng các tỉnh Lai Châu, Sơn La đều thuộc xứ Thái tự trị do tên Ecar Lat cố vấn người Pháp chỉ huy. Văn Bàn có các tiểu khu quân sự nằm trong phân khu Lào Cai như tiểu khu Võ Lao, có các tiểu khu nằm trong phân khu Nghĩa Lộ như tiểu khu Phong Dụ.

Từ sau thất bại ở Chiến dịch Thu Đông 1947, đến đầu năm 1948 thực dân Pháp dồn dập tấn công hòng lấy lại thế chủ động

đã mất ở Tây Bắc. Sau khi chiếm được một số nơi, chúng tập trung xây dựng, củng cố hành lang an toàn "Bảo Hà - Phố Ràng - Nghĩa Đô - Yên Bình xã" hòng phong tỏa biên giới Việt - Trung, ngăn chặn quân chủ lực của ta mở chiến dịch lớn, đồng thời chúng ra sức càn quét hòng bình định những vùng chúng mới chiếm.

Tại Văn Bàn, ngoài các vọng tiêu, địch xây dựng tới 14 đồn, 6 sân bay, chưa kể đồn Khau Co giáp với Than Uyên, đồn Phình Ngài giáp với Văn Chấn để khống chế sự liên hệ giữa 3 huyện. Trong số đồn đó, lớn nhất là đồn Chạng (Phong Dụ), đồn Coóc, đồn Bảo Hà, đồn Ken, đồn Dóm, và đồn Dương Quỳ. Ở Văn Bàn có 9 tên quan Pháp chỉ huy (từ quan Một đến quan Ba) quân số của địch thường xuyên có 1.163 tên. Trong đó có 112 lính Pháp, 120 Âu Phi, 587 lính khố đỏ, 464 lính khố xanh. Vũ khí trang bị gồm 1.175 súng trường, 108 tiểu liên, 57 trung liên, 14 đại liên, 10 khẩu 12 ly, 13 moóc-chi-ê, 14 cối 60 ly, 11 cối 81 ly... Đặc biệt, chúng xây dựng đồn Coóc là đồn trung tâm để chỉ huy các đồn khác. Đồn Coóc có tới 3 tên chỉ huy người Pháp, gồm 1 quan Ba, 2 quan Hai; 208 lính gồm 28 lính Pháp, 140 lính khố đỏ và 40 lính khố xanh; 249 súng các loại. Ở đây có các loại kho chứa lương thực, thực phẩm, súng đạn, có sân bay, khi cần có thể chi viện ngay cho các nơi từ binh lính cho đến các phương tiện khác nhau như vũ khí, lương thực, thực phẩm.

Trong khu vực đồn có bãi nhảy dù, nơi chào cờ, có trại vợ lính (ngay khu đập nước Pon Chom ngày nay) có cả nghĩa địa và nhà giam. Đồn này chúng không dùng dân phu tập trung nhưng cứ từng đợt dân ở các nơi nhất là dân xã Khánh Yên Thượng phải tự túc lương thực, thực phẩm, công cụ lao động đến đồn để làm nhà, làm bốt gác, đào hầm... Đồn có mấy lần hào sâu, mấy lần rào tre, nứa và thép gai để bảo vệ. Chúng còn bắt dân lấy bao cát chất thành lũy tránh đạn của quân ta. Cũng như những đồn

khác, ở đồn Coóc mỗi lần đi càn quét chúng bắn giết trâu, lợn của dân mang về ăn, chúng còn lùng bắt con gái đẹp, hát hay, múa giỏi quanh vùng lên đồn phục vụ cuộc sống trụy lạc, sa đọa của chúng.

Biết nhân dân trong huyện hướng về Việt Minh nên chúng thay thế những cuộc càn quét lớn bằng những cuộc càn quét nhỏ lẻ, đi sâu nhằm phá vỡ cơ sở của ta, lùng bắt cán bộ, bộ đội, du kích. Đối với nhân dân các dân tộc, chúng sử dụng mọi thủ đoạn để mua chuộc, dụ dỗ, dọa nạt, ngăn cấm không cho hoạt động hoặc liên lạc với cán bộ, du kích, bộ đội ta. Chúng hứa thưởng gạo, muối, thuốc lào, vải, bạc trắng cho những ai khai báo hoặc dẫn đường đưa chúng đi lùng bắt, phục kích cán bộ, du kích và bộ đội ta. Mặt khác, chúng ráo riết bắt lính vào các đơn vị dõng, bảo an, khố đỏ, bắt phu xây dựng các đồn bốt và lập lại chính quyền tay sai từ huyện xuống xã, giao chức, giao quyền cho các tên tay sai đắc lực, những tên ngụy quân, ngụy quyền cũ.

Về phía ta, thực hiện lệnh của trên, ngày 6/1/1948, ta tập kích tiêu diệt vị trí Đồng Bằng (Khánh Môn) Trấn Yên, đồng thời du kích ta nhất loạt đánh tiêu hao các đồn địch ở các xã ven sông của Trấn Yên buộc địch phải rút trên 10 vị trí ven sông Hồng về phía Nghĩa Lộ.

Tháng 2/1948, trên cơ sở đánh giá địch và ta, Hội nghị Tỉnh ủy Yên Bái và Hội nghị cán bộ tỉnh Yên Bái đã quyết định phải khẩn trương đưa thêm cán bộ, lực lượng vào vùng địch tạm chiếm phối hợp với các đại đội độc lập phát triển cơ sở, phát động cuộc đấu tranh du kích, phát động quần chúng đấu tranh vũ trang diệtđịch, thực hiện khẩu hiệu "Biến hậu phương địch thành tiền phương ta".

Sau hội nghị quan trọng trên, Văn Bàn được tỉnh bổ sung thêm cán bộ, Huyện ủy Văn Bàn được kiện toàn, Bí thư Huyện

ủy là đồng chí Chu Văn Sách. Ủy ban hành chính kháng chiến huyện, Huyện đội, Công an huyện được tổ chức lại. Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện là đồng chí Phạm Đức Bình (tức đồng chí Đức Chu), Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến là đồng chí Nguyễn Thanh Vân, Huyện đội trưởng là đồng chí Nguyễn Đức, công an do đồng chí Nguyễn Đình Tăng (người Nam Cường, Trấn Yên) phụ trách. Cơ quan Huyện ủy đóng ở vùng ga Nhoi (Báo Đáp, Trấn Yên). Để đảm bảo an toàn, Huyện ủy chủ trương đưa cán bộ có năng lực và có điều kiện hoạt động trở về vùng hậu địch xây dựng, củng cố lại cơ sở, hướng dẫn và tổ chức nhân dân đấu tranh với địch, từ hình thức thấp lên hình thức cao. Đồng thời vẫn chú trọng công tác địch vận, phá tề, trừ gian, xây dựng chính quyền bí mật của ta trong vùng địch tạm chiếm.

Huyện ủy Văn Bàn thành lập một tổ cán bộ hậu địch, các tổ viên là người các dân tộc thiểu số địa phương, có kinh nghiệm công tác và thông thạo địa hình. Tổ cán bộ đầu tiên vào vùng địch hậu Văn Bàn là tổ của đồng chí Nguyễn Chí (cán bộ Huyện ủy, quê Nam Cường - Yên Bái) và các đồng chí Hà Văn Tam (người làng Bô - Khánh Yên Hạ), Lương Văn Xướng, Lương Văn Hặc, Lương Văn Bang (người làng Én - Khánh Yên Hạ). Đi trước tổ này là đồng chí cảnh vệ đáng tin cậy. Tổ cán bộ này được bà con người dân tộc nuôi giấu, bảo vệ và giúp đỡ. Đặc biệt là được các bà, các chị người Tày trong Hội Phụ nữ Cứu quốc hết lòng nuôi dưỡng, bảo vệ. Nhiều chị ở các xã gần đồn, bị địch bắt lên đồn múa hát phục vụ đã nắm tình hình địch, báo cho cán bộ của ta, các chị bí mật ủng hộ du kích và bộ đội ta đường, sữa, gạo, thuốc men...

Đến giữa năm 1948, cán bộ ta nhanh chóng bắt liên lạc được với cơ sở cách mạng và quần chúng trung kiên. Dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân các dân tộc, tổ cán bộ địch hậu tuyên truyền

quần chúng tham gia hoạt động cách mạng. Phong trào được xây dựng đầu tiên ở bản Én, bản Đô (xã Khánh Yên Hạ), bản Noỏng, bản Chút, bản Ít Nộc (vùng Khánh Yên), từ đó phát triển rộng lên tới Dương Quỳ, Nậm Xây, Minh Lương và Võ Lao.

Dọc theo đường sắt từ Yên Bái lên Thái Văn, huyện cũng lập được một tổ vũ trang tuyên truyền giác ngộ và vận động nhân dân chống Pháp. Ở Châu Quế, Bảo Hà, Kim Sơn ta cũng xây dựng được cơ sở trong dân và tranh thủ thêm được một số nhân sĩ.

Đa số quần chúng lao động đã hướng theo chính phủ kháng chiến. Phong trào cách mạng phát triển mạnh trong các tổ chức Mặt trận, Thanh niên, các phân chi hội phụ nữ. Đặc biệt thanh niên ở các xã được Huyện ủy cử cán bộ xuống tuyên truyền, giác ngộ, bồi dưỡng họ trở thành những chiến sĩ trung kiên, tập hợp họ thành tổ chức. Do vậy sau tổ chức Hội Phụ nữ, ngày 19/5/1948, Đoàn Thanh niên cứu quốc huyện Văn Bàn được thành lập, do đồng chí Thái Trung Kiên thường vụ Huyện ủy phụ trách.

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cứu quốc Văn Bàn ra đời thúc đẩy phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển vững mạnh hơn, nhất là ở các xã Châu Quế Thượng, Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Thượng, Dương Quỳ và Minh Lương, quần chúng rất tin tưởng, ủng hộ cách mạng. Một số người trong chính quyền địch cũng được giác ngộ, tự giác làm liên lạc và tiếp tế cho ta.

Lúc này khu căn cứ bí mật trong vùng địch do Huyện ủy chỉ đạo được hình thành ở khu vực núi Gia Lan (Khánh Yên Thượng) khu căn cứ này thường gọi là Khu du kích Gia Lan.

Khi thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Văn Bàn, nhân dân các xã Làng Giàng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ tản cư vào vùng núi này. Dọc theo triền núi suốt từ Làng Giàng đến vùng Sung Lảng, Khánh Yên Hạ chỗ nào cũng có dân tản cư. Vì

vậy căn cứ vào Nghị quyết của Tỉnh ủy Yên Bái, Huyện ủy Văn Bàn chọn khu này làm khu du kích, tạo điều kiện để phát triển lực lượng. Đây là nơi gặp gỡ cán bộ, bộ đội, du kích, nơi thực hiện các đợt huấn luyện ngắn, nơi tạo điều kiện cho việc liên lạc từ tỉnh lên rồi sang Văn Chấn, vào Than Uyên. Đây cũng là nơi tạo điều kiện tiếp tế cho lực lượng của ta, tiếp tế dầu, muối cho dân và các nhu yếu phẩm cần cho đời sống và chiến đấu. Đây cũng là địa bàn dừng chân của ta ở cơ sở để vận động nhân dân toàn huyện thực hiện công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Cán bộ phụ trách Khu du kích Gia Lan là các đồng chí Nguyễn Chí, Hoàng Kim Bảo (quê Từ Liêm - Hà Nội).

Bọn địch ở đồn Coóc liên tục cho quân đánh phá Khu du kích Gia Lan và mấy lần úp các lán của ta như lán Mễ, Nậm Xỏm, Lầy Tô Toa, Dấu Sáng, Nậm Tốc Tát. Ta chủ động phòng chống nên địch bị hao người, tốn của, kết quả không thu được gì đáng kể. Do không phá được khu du kích, địch quay sang dồn dân, đốt bản, cướp bóc của cải của nhân dân quanh đồn Coóc. Tên Chánh Chiêu ra lệnh đốt hết nhà và phá hết bản Noỏng hòng thực hiện chính sách "Tam quang" của chúng là giết sạch, đốt sạch và cướp sạch. Cùng với việc bảo vệ và củng cố Khu du kích Gia Lan, ở Châu Quế ta lập được một trung đội du kích tập trung. Đơn vị này đã cùng với bộ đội tấn công các đồn khi giặc Pháp đang bị động đối phó với Chiến dịch Nghĩa Lộ.

Do tổ cán bộ địch hậu và tổ chức vũ trang làm tốt công tác tuyên truyền vận động nên phong trào ủng hộ kháng chiến phát triển mạnh, nhất là phong trào thanh niên, phụ nữ các dân tộc. Từ phong trào đó, ta chọn lọc đào tạo bồi dưỡng tại chỗ được một số cán bộ và quần chúng trung kiên kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đến cuối quý II năm 1948, Huyện ủy đã xây dựng được 3 chi bộ với 19 đảng viên ở các xã, gồm 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ lực lượng vũ trang và 1 chi bộ ghép.

Về phía địch từ tháng 4 đến tháng 6/1948, bằng nhiều thủ đoạn chúng cũng tuyển mộ được thêm quân, lập thêm các đồn ở vùng Bảo Hà, Lang Khay, Lang Nhược, Lang Lan, Lang Pha, Lang Quay. Vùng Võ Lao ngoài đồn Pom Ca chúng lập thêm các đồn Nà Khau, đồn Làng Ngầu. Vì vậy, liên lạc giữa Huyện ủy, Ủy ban hành chính kháng chiến với vùng du kích tạm chiếmrất khó khăn, có lúc bị đứt quãng. Đặc biệt là đường dây liên lạc giữa Văn Bàn với tỉnh, Văn Bàn với Than Uyên, Văn Chấn vô cùng trắc trở. Con đường chính đi trên triền núi Gia Lan xuyên qua vùng Khuổi Táu xuống tỉnh và từ Gia Lan qua ngầm Phình Ngài đi Tú Lệ, qua Khau Co đi Than Uyên. Các tuyến đường ấy nhiều khi phải bí mật thay đổi vì địch luôn phục kích, đánh úp cán bộ và bộ đội, du kích. Các đồng chí thông tin liên lạc phải nằm rừng, chui bụi, chịu đựng đói rét, bệnh tật và cái chết luôn rình rập bên mình. Nhiều đồng chí đã hi sinh thầm lặng, nhưng đường dây liên lạc do Huyện ủy lãnh đạo vẫn thông suốt.

Tháng 10/1948, Huyện ủy quyết định thành lập thêm 1 đội vũ trang để tăng cường cho công tác hậu địch. Đội này do đồng chí Phạm Đức Bình (còn gọi là Đức Chu) Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện làm đội trưởng. Cùng đi có 4 đồng chí đội viên là ông Lương Văn Giang (người Đông Cuông, Trấn Yên), ông Nguyễn Văn Mơn (người Làng Bẻ, Chiềng Ken), ông Lự Văn Trực (người Sung Lảng, Khánh Yên Hạ) và ông Lý Bà Sa người dân tộc Xa Phó. Xuất phát từ Mậu A, đội vũ trang tới Đông Cuông, vào vùng trong của Văn Bàn bắt liên lạc với các tổ đã vào trước để phối hợp hoạt động.

Thực hiện quyết định trên, đội vũ trang qua Châu Quế Thượng theo lối Khuổi Đăm (trước thuộc Khánh Yên Hạ nay thuộc xã Nậm Tha). Lúc này, bọn tay sai đang tăng cường dẫn địch lùng bắt cán bộ và lực lượng vũ trang ta. Chúng bám sát các đường mòn cán bộ ta thường bí mật qua lại. Do cán bộ ta chủ

quan mất cảnh giác khi tắm suối bị địch phát hiện. Tên Nguyễn Đình Đa (Đội Đa) cho bọn lĩnh dõng bao vây xả súng vào đội vũ trang ta. Phía ta hi sinh 3 đồng chí: đồng chí Phạm Đức Bình, Nguyễn Văn Mơn, Lự Văn Trực. Tuy không cân sức và bất ngờ nhưng ta cũng diệt và làm bị thương một số tên. Hai đồng chí còn lại là đồng chí Lương Văn Giang và Lý Ba Sa bí mật luồn rừng tìm đường về liên hệ với đội vũ trang vào trước. Được tin trên, Huyện ủy quyết định thành lập một đội vũ trang nữa vào điều tra cụ thể sự việc và bắt liên lạc với cơ sở địch hậu. Đến bản Bơ (Khánh Yên Hạ) đội cử cán bộ vào bản Én thăm dò, bị địch phát hiện. Đội mới tới được vài ngày lại phải rút về các xã phía sau để bảo toàn lực lượng.

Các cán bộ trong vùng địch bí mật làm lễ truy điệu cho ba đồng chí hi sinh rồi cho người về tỉnh báo cáo tình hình. Phong trào cách mạng được giữ vững. Địch tăng cường càn quét, khủng bố dồn dập tập trung ở các vùng ở bản Loạc (Võ Lao), Coóc (Khánh Yên Thượng), Ken (Chiềng Ken), Dương Quỳ, Phong Dụ, thực hiện âm mưu "tát cạn nước bắt cá", hòng làm cho cán bộ ta không có chỗ dựa. Ở các khu địch tập trung dân, có khu đông hàng nghìn người, lán trại không đủ, dân sống chen chúc vô cùng cực khổ. Đói ăn, ốm không có thuốc, bệnh tật phát sinh nhất là dịch đậu mùa hoành hành. Ở khu Ken chết 480 người, khu Coóc 210 người, khu Dương Quỳ gần 300 người, khu Loạc 101 người, khu phong Dụ 287 người chết vì các bệnh khác như thương hàn, sốt rét, quai bị, lậu, sởi, giang mai, hủi... hàng nghìn người[1].

Để tăng cường cho công tác địch hậu, Tỉnh ủy Yên Bái quyết định đưa một đại đội bộ đội vào vùng Khánh Yên. Đơn vị đi theo đường Châu Quế, bí mật, khẩn trương vào ém quân ở khu Gia

[1] Tài liệu Hội thảo ngày 1/6/1999 và tư liệu lưu trữ ở Tỉnh ủy Yên Bái.

Lan. Chỉ huy đơn vị này là đồng chí Khánh Ngọc. Cùng vào có đồng chí Chu Văn Sách - Bí thư Huyện ủy, Nguyễn Thanh Vân - quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến huyện, đồng chí Nguyễn Chí - cán bộ Huyện ủy phụ trách Khu du kích Gia Lan.

Tên Nguyễn Đình Tấn chỉ huy Đại đội bốn bảo an (4 ECLCM) được báo cáo có đơn vị bộ đội và cán bộ ta mới vào. Y cho quân bao vây hòng tiêu diệt lực lượng ta. Nhưng được sự che chở, bảo vệ của nhân dân vùng Gia Lan, địch không thực hiện được ý đồ. Có gia đình ủng hộ bộ đội cả những thứ dành dụm để cưới vợ cho con như bạc trắng, lợn, gạo và đưa cán bộ, bộ đội rút sâu vào khu du kích để chuẩn bị lực lượng nên ta tránh được tổn thất.

Ở thời kỳ này theo chủ trương của trên, ta vẫn tìm cách thuyết phục các tên Nguyễn Đình Tấn, La Tấn, định dùng chúng làm nội ứng đánh địch. Nhưng do ta chưa nắm chắc tình hình và bản chất phản động của bọn chúng, không những ta không lôi kéo được chúng mà có người đi liên lạc còn bị bọn chúng lợi dụng. Nếu không có dân và những cán bộ cơ sở cảnh giác chủ động đưa bộ đội di chuyển đi nơi khác thì hậu quả thiệt hại rất lớn. Lúc này tổ cán bộ của ta vào trước đã hoạt động tích cực và phát triển thêm được cơ sở ở Khánh Yên Thượng. Đại đội độc lập 520 của tỉnh (do đồng chí Kim Sơn làm đại đội trưởng) đang hoạt động từ Đông Thịnh lên Bảo Hà, Đại đội 526 hoạt động ở vùng Châu Quế, Phong Dụ đã tạo sự hỗ trợ cho các xã phía trong của huyện.

Để phá chính sách "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của giặc, ngày 27/6/1948, Tỉnh ủy Yên Bái ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU về việc chống nộp thuế, thóc cho giặc gửi Huyện ủy Văn Bàn. Chỉ thị nêu rõ: Về mặt tuyên truyền, các đồng chí nhắc anh em cán bộ phải luôn luôn vạch rõ những mưu mô lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của giặc. Muốn cho việc tuyên truyền có kết quả, các xã cần dựa vào những người có uy tín

đi giải thích, cổ động nhân dân không nộp thóc, thuế cho giặc. Ngay từ bây giờ phải cổ động nhân dân cất giấu tiền bạc, của cải, thóc lúa lên những lán bí mật trên rừng, không để tập trung vào một nơi, nên phân tán làm nhiều lán, lán nhà nào thì chỉ nhà ấy biết. Các đồng chí cán bộ phải kiểm soát việc làm lán và chỉ dẫn cho dân làm lán bí mật. Ngoài việc giải thích của các cán bộ Ủy ban kháng chiến, huyện phải tổ chức phái đoàn vũ trang giải thích cho nhân dân không nộp thóc, thuế cho giặc. Ở những nơi quần chúng đã có tổ chức và có tinh thần tranh đấu, khi giặc bắt thu thóc, thuế thì tránh theo những hình thức làm đơn xin khất dần vụ mùa sang năm, phải cấp tốc gặt hái cho xong để kịp cất thóc lúa lên lán. Giặc đi khủng bố các lán thì lãnh đạo du kích chống lại, bộ đội cùng phối hợp bảo vệ dân. Giặc thu được thóc ở xã nào lập kho dự trữ bố trí du kích nửa đêm vào đốt kho, tổ chức đánh cướp lại giữa đường, đặt kế hoạch cho dân tìm mọi cách phá hoại, ngăn cản việc thu thóc, thuế của giặc.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy Yên Bái, để phá âm mưu "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của giặc, ngày 27/6/1948, huyện đã phát động một chiến dịch tuyên truyền vận động nhân dân các dân tộc Văn Bàn chống nộp thuế, nộp thóc cho giặc. Cán bộ và chiến sĩ vũ trang của ta đã đến từng bản, từng khu tản cư, từng hộ tuyên truyền giải thích cho nhân dân để dân thấy rõ âm mưu của địch và vận động mọi người tham gia kháng chiến. Được giáo dục giác ngộ, nhân dân các xã vùng Khánh Yên, Dương Quỳ, Võ Lao, Phong Dụ, Châu Quế, Đông An, Bảo Hà... đã làm các lán bí mật trong rừng cất giấu lương thực, chuyển trâu, gà, lợn... vào rừng sâu, đồng thời tổ chức đấu tranh hợp pháp nên đã hạn chế được một phần việc nộp thuế, nộp thóc cho địch, gây cho chúng nhiều khó khăn.

Đầu tháng 7/1948, Hội nghị cán bộ tỉnh Yên Bái họp tại thôn Hòa Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên[1]. Hội nghị đã đề ra 5 nhiệm vụ:

1. Đẩy mạnh xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích; đưa thêm cán bộ, bộ đội vào vùng địch; trước mắt tập trung xây dựng cơ sở, những nơi đủ điều kiện thì chuyển sang đấu tranh du kích; đề phòng cuộc tấn công thu - đông của địch ở vùng tự do.

2. Kiện toàn một bước chính quyền các cấp, mở rộng mặt trận, phát triển các đoàn thể cứu quốc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc.

3. Quan tâm cải thiện đời sống nhân dân, bồi dưỡng sức dân, tạm chia ruộng Việt gian, ruộng vắng chủ cho nông dân, từng bước giảm tô, giảm tức.

4. Phát động phong trào thi đua ái quốc xây dựng kinh tế văn hóa nhằm củng cố vùng tự do vững mạnh, động viên các tầng lớp nhân dân đóng góp cho kháng chiến, xung phong vào vùng địch hoạt động, tòng quân...

5. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là chấn chỉnh các chi bộ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bộ đội, dân quân du kích, chú trọng xây dựng các cơ sở đảng dọc các tuyến giao thông quan trọng. Phương hướng phát triển Đảng nhằm vào quần chúng tích cực, ưu tú trong các lực lượng vũ trang và các dân tộc[2].

Thực hiện chủ trương của Hội nghị cán bộ tỉnh Yên Bái, Huyện ủy Văn Bàn khẩn trương họp, đánh giá tình hình cụ thể

---

[1] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái,* Tập I (1930-1975), Nxb. Chính trị quốc gia, 2007, tr.100.

[2] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập I (1930-1975), Sđd, tr.100.

ở địa phương đề ra chủ trương: Đẩy mạnh hoạt động quân sự; đẩy mạnh công tác địch vận; xây dựng cơ sở gây nhân mối trong hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền, tăng cường công tác diệt tề trừ gian, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của ta và làm tan rã hàng ngũ địch.

Trong 2 tháng 10 và 11/1948, du kích Văn Bàn đã cùng với các đơn vị bộ đội tiến lên tấn công địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 1/10/1948 cùng với Đại đội 520 và 526 ta tấn công đồn Pha, đồn Quần ở làng Quần. Địch ở 2 bên đồn phải rút chạy, ta diệt 10 tên, bắt sống 2 tên, thu 3 súng máy và gần 1.500 viên đạn các loại.

Ngày 16/11/1948, phối hợp với Đại đội 524, ta đánh chiếm đồn địch ở Lang Thíp.

Ngày 19/11/1948, phối hợp cùng với Đại đội 526, ta phục kích địch trên đường khu đồn Dóm (Đông An) diệt một số tên trong đó có 1 viên quan Hai Pháp.

Ngày 22/11/1948, phối hợp với Đại đội 518, ta phục kích địch trên đường Khe Giang đi Xuân Thíp - Đại Phác diệt 13 tên, thu một số vũ khí[1].

Tại xã Đông An, du kích phối hợp với bộ đội phá vỡ kế hoạch "vết dầu loang" của địch.

Các chiến thắng trên đã gây được thanh thế về chính trị, làm cho quần chúng ngày một tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Bọn ngụy quân, ngụy quyền thêm hoang mang dao động, sự phân hóa hàng ngũ địch cũng tăng lên. Về công tác địch vận, ta xây dựng được một số cơ sở "Mật giao" tại các

[1] Các số liệu trên theo báo cáo của Liên khu X trong 18 tháng chiến đấu của Ủy ban hành chính kháng chiến liên khu.

đồn Phong Dụ, Coóc, Bảo Hà, công tác diệt tề, trừ gian cũng có nhiều tiến bộ.

Ở các xã Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Thượng, một số chánh tổng, lý trưởng đã liên lạc nhận làm việc cho kháng chiến như Nguyễn Đình Ú (Chánh tổng ở Khánh Yên Hạ), Chu Văn Hà (Phó tổng Khánh Yên Thượng), Phan Văn Sở (Lý trưởng Khánh Yên Thượng).

Tại Dương Quỳ, Minh Lương, Làng Ỏ (Chiềng Ken) ta đã diệt và cô lập được một số tề gian ác, tay sai đắc lực của địch. Sau khi diệt chúng, ta viết bản cáo trạng treo ở các ngả đường để cảnh cáo các tên khác.

Từ ngày 10 đến ngày 15/1/1949, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ hai họp tại Cường Thịnh, huyện Trấn Yên. Hội nghị tổng kết mọi mặt công tác, trọng tâm là tình hình sáu tháng cuối năm 1949 và bầu Ban Chấp hành chính thức đầu tiên của Đảng bộ[(1)].

Hội nghị đánh giá toàn diện tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, tình hình địch, ta, khẳng định thế đang phát triển theo hướng có lợi cho ta. Địch có nhiều âm mưu nham hiểm nhưng đang gặp khó khăn, lúng túng. Hội nghị khẳng định những chủ trương, biện pháp mà Hội nghị cán bộ tỉnh lần thứ nhất (7/1948) đề ra là đúng đắn và nhấn mạnh thêm một số vấn đề quan trọng: Đẩy mạnh xây dựng chính quyền và các tổ chức quần chúng bí mật trong vùng địch, xây dựng các đội du kích tập trung, phát triển chiến tranh du kích ở khắp nơi, phát động mạnh mẽ hơn nữa phong trào thi đua ái quốc, chăm lo phát triển Đảng, đào tạo cán bộ cho vùng địch, cán bộ dân tộc.

---

(1) *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập I (1930-1975), Sđd, tr.104-105.

Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành chính thức đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Yên Bái gồm 9 ủy viên chính thức và 01 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Vũ Tuân được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Hội nghị đại biểu Đảng bộ lần thứ hai làm nhiệm vụ như một Đại hội, vì thế được xác định là Đại hội I của Đảng bộ. Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành rõ rệt của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Những chủ trương, biện pháp đúng đắn của Đại hội có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến ở địa phương đến những thắng lợi mới.

Tháng 01/1949, đồng chí Nguyễn Nhật Ân được Tỉnh ủy Yên Bái cử làm Bí thư Huyện ủy Văn Bàn. Ngày 14/11/1949, đồng chí bị bắt và hy sinh. Cuối tháng 11/1949, Tỉnh ủy Yên Bái quyết định cử đồng chí Lê Thành Tâm (đang là Bí thư Huyện ủy Lục Yên) làm Bí thư Huyện ủy Văn Bàn.

Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần I, Huyện ủy Văn Bàn phát động quần chúng đấu tranh rộng khắp và nhấn mạnh phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế, kết hợp giữa đấu tranh hợp pháp với đấu tranh bất hợp pháp, đẩy mạnh hoạt động du kích, xây dựng lực lượng vũ trang tiến tới thành lập đơn vị bộ đội địa phương. Tư tưởng chỉ đạo là liên tục tiến công, không do dự và phải nắm chắc lực lượng quần chúng trung kiên, bảo vệ bằng được các cơ sở của ta và phong trào quần chúng.

Phương pháp vận động quần chúng được huyện đề ra là từ chỗ tranh thủ cảm tình, tuyên truyền giác ngộ, bồi dưỡng quần chúng trung kiên để xây dựng cơ sở tổ chức và hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Các hình thức vận động, tổ chức phải phù hợp với tâm lý, tình cảm nguyện vọng của quần chúng ở từng vùng, từng dân tộc rồi nhân ra khắp huyện với hình thức đấu tranh từ thấp đến cao.

Cuối tháng 1/1949, các Đại đội 520, 526 được phân tán nhỏ thành các tổ vũ trang đi sâu vào dân làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động chính trị, tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng làng xã chiến đấu.

Đến tháng 3/1949, cơ sở cách mạng ở Văn Bàn được củng cố và mở rộng từ các xã vùng cao như Nậm Xé, Nậm Xây, Dần Thàng, Nậm Mả đến các xã vùng thấp như Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Phong Dụ, Châu Quế, Kim Sơn, Bảo Hà... Phong trào lập công kháng chiến của quần chúng được tăng thêm.

Tháng 4/1949, Bộ Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Sông Thao đánh vào hệ thống phòng thủ của địch bên hữu ngạn sông Hồng, nhằm uy hiếp địch đối với căn cứ địa Việt Bắc từ phía tây, tạo điều kiện phát triển hơn nữa cuộc chiến tranh du kích ở Tây Bắc.

Nhận thức rõ vai trò của các lực lượng vũ trang tại chỗ là rất quan trọng, Huyện ủy Văn Bàn tập trung chỉ đạo việc xây dựng lực lượng bộ đội địa phương sẵn sàng chủ động chiến đấu và làm chỗ dựa vững chắc cho nhân dân đấu tranh với địch.

Trên cơ sở từ 2 trung đội sẵn có, ngày 2/5/1949, Đại đội 85 của huyện được thành lập tại Cầu Cài (làng Chỏ - Lang Thíp), đồng chí Sơn Nam là đội trưởng, các đồng chí Nông Khải Tinh và Nguyễn Văn Cường (người Văn Phú) là đội phó, Chính trị viên là đồng chí Hà Văn Ký (người Hưng Khánh). Đại đội có trên 80 chiến sỹ chia ra 3 trung đội. Vũ khí trang bị cho tỉnh đội có một trung liên băng ngang và các loại súng trường 7 ly, 9 súng mút cơ tông, súng kíp. Tiểu đội trưởng được cấp súng Sten. Từ trung đội trưởng đến cán bộ chỉ huy đại đội được cấp súng ngắn. Lương thực, thực phẩm của bộ đội do dân cung cấp và có sự hỗ trợ của cấp trên.

Đại đội 85 của huyện ra đời, đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng vũ trang trong kháng chiến ở địa phương. Ngay sau thành lập, Đại đội 85 đã phục kích đánh địch ở Minh Lương, Dương Quỳ, Làng Én (Khánh Yên Hạ) gây cho chúng nhiều thiệt hại, tạo thêm thuận lợi cho công tác địch vận. Do đó trong tháng 5/1949, ta đã kêu gọi được 30 lính dõng ở đồn Dóm (Đông An) đem vũ khí đạn dược ra hàng. Số lính này là quần chúng lao động bị địch bắt ép làm dõng. Sau khi ra hàng, họ xin tham gia du kích, ta chấp nhận và tổ chức thành một trung đội du kích ở xã Đông An.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến, Chính phủ Pháp điều động Rơve, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Pháp sang Đông Dương nghiên cứu tình hình và đề ra "Kế hoạch Rơve" hòng cứu vãn tình thế lâm nguy của chúng. Thực hiện Kế hoạch Rơve, địch chuyển hướng từ chỗ mở rộng địa bàn kiểm soát theo chiến thuật "vết dầu loang", đóng cứ điểm nhỏ, dùng toán quân nhỏ tuần tiễu, sang giúp các đồn nhỏ lẻ, tập trung xây dựng củng cố vị trí quan trọng, tiến hành liên tục các cuộc càn quét, cắt đứt đường dây liên lạc và sự tiếp tế của ta từ vùng tự do vào vùng tạm chiếm. Trên địa bàn huyện Văn Bàn, chúng tăng cường vơ vét thóc gạo, ráo riết bắt lính, bắt phu, điên cuồng càn quét, đánh phá các cơ sở kháng chiến, dồn dân về tập trung quanh đồn bốt để cách ly dân với cán bộ và bộ đội. Chúng tung bọn do thám vào hoạt động trong dân để gây chia rẽ dân tộc và phát hiện cán bộ, du kích.

Từ tháng 6/1949, chúng càng ráo riết tập trung dân. Chúng đốt nhiều nhà để dân không còn chỗ ở. Riêng bản Noỏng (Khánh Yên Thượng) chúng đã đốt 66 nóc nhà, dồn dân cả khu Khánh Yên Thượng tập trung quanh đồn Coóc, dồn dân Võ Lao, Phú Nhuận về làng Loạc; dồn dân Châu Quế, Chiềng Ken, Khánh Hạ về đồn Chiềng Ken, dồn dân Minh Lương, Dương Quỳ về

Dương Quỳ. Cũng như các lần trước do bị dồn vào khu tập trung nên thiếu ăn, nhiều người bị đói khát, dịch bệnh lây lan, một số đã bị chết. Tất cả các khu đều bị đậu mùa, bệnh tả, thương hàn, sốt rét chết thêm mấy trăm người. Để đối phó với địch, huyện vận động nhân dân làm lán bí mật trong rừng sâu, tổ chức cho bộ đội, du kích đánh địch bảo vệ nhân dân. Nhưng lúc ấy ta chưa chủ động, nhạy bén, phần nào trong tư tưởng còn trông chờ bộ đội chủ lực vào giải phóng nên không kiên quyết phát động cuộc đấu tranh chống lệnh tập trung của giặc.

Trong hai tháng, tháng 6 và tháng 7/1949 màn II của Chiến dịch Sông Thao. Tại Văn Bàn, Tiểu đoàn chủ lực 630 đã phối hợp cùng Đại đội 85 và cùng du kích tấn công các đồn nhỏ, phục kích, chặn đánh các toán quân nhỏ của địch, buộc chúng phải co cụm rút về các đồn chính. Sau Chiến dịch Sông Thao, vùng tự do trong địch hậu Văn Bàn gồm: Dần Thàng, Kim Sơn, Bảo Hà, Ba Xã (Tân An), Châu Quế Thương, Châu Quế Hạ. Vùng tương đối tự do là Minh Lương, Dương Quỳ. Địch còn đóng các đồn ở Coóc, Võ Lao, Đông An, Phong Dụ.

Trong khu mới giải phóng, ta nhanh chóng lập các Ủy ban kháng chiến hành chính, tổ chức du kích và thành lập lực lượng công an. Tại các xã Kim Sơn, Bảo Hà, Ba Xã, Châu Quế Hạ lần đầu tiên ta tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân. Ở vùng địch còn tạm chiếm ta đẩy mạnh hoạt động du kích và công tác địch vận. Ở một số nơi tinh thần ngụy quân, ngụy quyền hoang mang, dao động mạnh. Có nơi tuy chính quyền địch còn nhưng ta vẫn có những tổ chức bí mật hoặc nửa bí mật. Có nơi số ngụy quyền lại hoạt động cho ta.

Từ sau Chiến dịch Sông Thao đến hết tháng 10/1949, thực dân Pháp chững lại không có cuộc hành quân nào lớn ngoài các cuộc tuần tiễu, nghi binh, dồn dân về đồn. Từ đó một số ít cán bộ của ta sinh ra chủ quan.

Sang tháng 11/1949, thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động quân sự. Tăng cường càn quét, cho bọn Việt gian do thám, liên lạc với những tên tay sai chỉ điểm nằm vùng. Đặc biệt chúng sử dụng tên Việt gian Hoàng Văn Sao tới các bản tuyên truyền cho nhân dân bỏ lán tản cư về với Pháp.

Ngày 05/11/1949, địch tập trung càn quét Dương Quỳ, Minh Lương, Khu du kích Gia Lan, Khánh Yên Thượng và Võ Lao. Khi chúng vào khu Gia Lan (nơi ta đang huấn luyện du kích) được dân phát hiện, lực lượng của ta đánh mạnh buộc chúng phải rút lui.

Ngày 6/11/1949, ta bắt tên Hoàng Văn Sao, Hoàng Văn Cang và một phần tử xấu ở địa phương đưa về cơ quan Huyện ủy đóng tại nhà ông Nguyễn Văn Ngan ở Nà Chuồng, Dương Quỳ (nay thuộc Bản Thẳm xã Thẳng Dương). Đêm đó, tên Sao và tên Hoàng Văn Cang bỏ trốn. Du kích ta bắn chết tên Cang. Tên Sao thoát về đồn Coóc báo cho địch tình hình của ta, về nơi đóng trụ sở của Huyện ủy.

Về phía ta, sau khi tên Sao trốn thoát, không nhanh nhạy chuyển ngay trụ sở đến địa điểm an toàn, chủ quan cho rằng địch ở xa và cho rằng đây là vùng tự do. Nhưng thực tế lúc đó Nà Chuồng vẫn là vùng hoạt động của địch. Tối 13/11/1949, trung đội do đồng chí Lương Viết Thực chỉ huy đã lên Dần Thàng. Địch biết Nà Chuồng không có lực lượng bảo vệ, chúng bố trí lực lượng khá đông gồm 100 lính Âu - Phi, 30 khố đỏ, 10 lính dõng và 4 tên sĩ quan Pháp chỉ huy, do 2 tên Hoàng Văn Xe và Lý Thanh dẫn dường đi đánh úp Nà Chuồng.

Sáng sớm 14/11/1949, chúng tới bản Nòm (Dương Quỳ). Từ đó chúng chia thành thế gọng kìm bao vây Nà Chuồng. Một bộ phận lên bản Bô (Dương Quỳ) cắt đường liên lạc giữa Huyện ủy và Huyện đội, cho một bộ phận lên đánh úp Nà Chuồng. Ta bị bất ngờ không kịp đối phó nên thiệt hại nặng, 5 đồng chí hi sinh:

đồng chí Chí (Huyện bộ Việt Minh), đồng chí Thiện (Văn phòng Huyện ủy), các đồng chí Kiêm, Dưỡng, Ngọ (giao thông viên). 5 đồng chí bị bắt là đồng chí Nguyễn Nhật Ân (Bí thư Huyện ủy), đồng chí Quý, Lưu (giao thông viên), đồng chí Khoan (liên lạc) ở Tân An, đồng chí Ký (Quản lý). Riêng đồng chí Hà Tiệp ôm được máy chữ và một số công văn chạy thoát vào rừng về phía Nậm Hài (Dần Thàng) rồi về tỉnh.

Địch giải đồng chí Nguyễn Nhật Ân và các đồng chí bị bắt về đồn Coóc tra tấn rất dã man. Chúng dụ dỗ, ép buộc các đồng chí đầu hàng nhưng chúng đã thất bại. Tiếp đó chúng chuyển 4 đồng chí bị bắt đi nơi khác (cho đến nay vẫn chưa rõ địch đã xử lý ra sao). Riêng đồng chí Nguyễn Nhật Ân, chúng giở thủ đoạn xuyên tạc, nhằm bôi nhọ thanh danh của đồng chí. Chúng viết lời đầu hàng giả mạo chữ ký của đồng chí rồi in thả khắp nơi. Đồng thời cho loa tuyên truyền để ly gián đồng chí với cán bộ và nhân dân. Không đạt kết quả, chúng đóng cũi nhốt đồng chí vào cho lính khiêng đi giết ở Khe Mụ (Bảo Thắng - Lào Cai). Ngay sau đó, ngày 21/11/1949, cán bộ, bộ đội tập trung tại bản Nà Khà (Minh Lương) và Tà Moòng (Dương Quỳ) cùng nhân dân địa phương tổ chức lễ truy điệu các đồng chí đã hi sinh. Sau vụ Nà Chuồng, địch lớn tiếng tuyên truyền thắng lợi và tăng cường càn quét liên tục ở các xã nhất là vùng Dương Quỳ.

Tuy bị thiệt hại, song cán bộ, bộ đội vẫn vững vàng. Biến căm thù thành sức mạnh, lực lượng vũ trang dồn đánh địch ở tất cả các cuộc càn quét, buộc chúng phải căng ra đối phó.

Tỉnh ủy Yên Bái kiểm điểm thấy rõ những nguyên nhân trong lãnh đạo, trong nhận định đánh giá tình hình địch - ta, thấy rõ khuyết điểm chủ yếu là chủ quan mất cảnh giác. Tỉnh đề ra biện pháp củng cố xây dựng lại cơ quan huyện và tăng cường cán bộ cho Văn Bàn để tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến ở địa phương.

Sau vụ Nà Chuồng, Tỉnh ủy kiện toàn lại Huyện ủy Văn Bàn, đồng chí Lê Thành Tâm (Bí thư), đồng chí Hán Văn Sán là thường vụ, đồng chí Lê Thảo, Bảo Dài là Huyện ủy viên. Phái viên của huyện ủy có các đồng chí Nguyễn Khánh phụ trách xã Nậm Xây, Đặng Văn Tám phụ trách xã Minh Lương, đồng chí Cung phụ trách xã Dương Quỳ. Vùng Võ Lao do các đồng chí Nguyễn Tâm Toàn, Lương Kim Chất và đồng chí Sủi phụ trách. Các xã khu ngoài có bộ đội và một số tổ công tác gồm các đồng chí Nguyễn Văn Chế, Nguyễn Văn Khánh, Lương Hữu Ngọc phụ trách. Các xã vùng trong do các đồng chí Thường vụ lãnh đạo.

Trong quá trình bám đất, bám dân, kiên trì gian khổ xây dựng cơ sở, tổ chức phát động quần chúng đấu tranh với địch, phong trào cách mạng tuy có lúc thăng trầm, có khi bị tổn thất nhưng xu thế cách mạng vẫn phát triển. Cán bộ đảng viên và Đảng bộ huyện ngày càng trưởng thành, nhiều quần chúng trung kiên trong các dân tộc được bồi dưỡng thử thách và được kết nạp vào Đảng. Từ khi Văn Bàn có đảng viên đầu tiên (từ tháng 1/1947-15/9/1949), đã có 84 đồng chí đảng viên (kể cả lực lượng vũ trang của huyện), sinh hoạt ở 5 chi bộ. Sự lớn mạnh của Đảng bộ là yếu tố quyết định thắng lợi, là niềm tin vững chắc của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện trên con đường đấu tranh cách mạng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi.

Đầu năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc mở Chiến dịch Tây Bắc, đặt tên chiến dịch là Chiến dịch Lê Hồng Phong (màn I). Mục đích của chiến dịch là: "Tối thiểu làm tan rã khối ngụy binh, tiêu diệt một số vị trí địch, lấy ảnh hưởng chính trị với quốc tế và nhân dân để nuôi dưỡng lực lượng ta. Tối đa là khôi phục lại Lào Cai, mở thông đường quốc tế. Ban Chấp hành Đảng bộ Lào Cai xác định nhiệm vụ trọng tâm

là: "Huy động sức người, sức của phục vụ Chiến dịch Lê Hồng Phong... Mở rộng khu tự do, phá tan hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền của địch".

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm Trung đoàn 102 (Đại đoàn 308) của Bộ, Trung đoàn 165 của Liên khu X và một đơn vị pháo binh. Ngoài ra còn có một số đơn vị địa phương hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai phối hợp. Hướng chính của chiến dịch là Lào Cai, hướng phụ là Nghĩa Đô (Lục Yên - Yên Bái).

Trung ương Đảng và Bộ Tư lệnh giao cho tỉnh Yên Bái thực hiện nghi binh lừa địch, cung cấp lương thực, thực phẩm, dân công cho chiến dịch. Tỉnh ủy Yên Bái xác định đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ, quân dân địa phương nên từ đầu năm 1950 đã nhanh chóng chỉ thị cho các cấp ủy, tỉnh đội đôn đốc các đơn vị bộ đội và du kích, nhân lúc địch tập trung đối phó ở mặt trận chính, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động. Tỉnh ủy quyết định mở một đợt tổng phá tề để phối hợp với chiến dịch.

Chủ trương của Tỉnh ủy là tích cực động viên nhân tài, vật lực phục vụ cho chiến dịch. Đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang chống địch càn quét, tăng cường địch vận, phát triển cơ sở rộng khắp trong vùng địch tạm chiếm.

Cuối năm 1949, địch tăng cường càn quét ở các vùng Dương Quỳ, Minh Lương hòng phá cơ sở của ta.

Từ tháng 2/1950, chúng chốt ở Dương Quỳ, dồn dân về tập trung để gây cho ta nhiều khó khăn. Thời gian này một số ít cán bộ của ta dao động, chạy ra vùng tự do, sự chỉ đạo của ta giữa khu trong và khu ngoài chưa được thống nhất thường xuyên vì giao thông liên lạc rất khó khăn.

Trước tình hình ấy, Huyện ủy Văn Bàn họp hội nghị mở rộng với các đồng chí bí thư chi bộ và cán bộ các khu vực giữa khu trong và khu ngoài để triển khai những nhiệm vụ quan

trọng phục vụ cho Chiến dịch Lê Hồng Phong. Chiến dịch phối hợp quan trọng với Chiến dịch Biên giới mở bên Đông Bắc. Hội nghị còn đề ra chương trình rèn luyện, học tập và tổ chức một số đợt phê bình và tự phê bình đấu tranh với những khuyết điểm của cán bộ, các bệnh quan liêu, tự mãn, hủ hóa, vô kỷ luật, thiếu ý thức trách nhiệm. Hội nghị cũng chỉ rõ đối với vùng tự do phải chấn chỉnh lề lối làm việc, giữ vững liên lạc thường xuyên và chặt chẽ giữa huyện với tỉnh, giữa huyện với cơ sở, giữa khu trong và khu ngoài, bảo đảm sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ trong Đảng đến quần chúng cho thông suốt. Đối với vùng địch hậu cần thống nhất sự chỉ đạo lãnh đạo ở các xã phía trong của huyện. Huyện thành lập ban phục vụ Chiến dịch Lê Hồng Phong do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm trưởng ban. Ở các xã khu ngoài như Châu Quế Thổ, Kim Sơn, Bào Hà, Làng Chỏ, Đông An, Ba Xã cùng thành lập ban phục vụ chiến dịch. Huyện còn thành lập các tổ lưu động đi tới từng bản, từng nhà tuyên truyền vận độngnhân dân kẻ được 36 khẩu hiệu ở các nơi công cộng, làm 12 mảng chuối cắm khẩu hiệu tuyên truyền thả theo sông Hồng. Nhân dân đã ra sức sản xuất, hăng hái đi dân công, ủng hộ lương thực, thực phẩm góp phần cho Chiến dịch Lê Hồng Phong thắng lợi.

Nhiệm vụ trước mắt lúc này là phải khẩn trương phục hồi đường xe lửa Yên Bái - Lào Cai. Huyện đã thành lập công trường phục hồi đường sắt các xã Đông An, Làng Chỏ, Châu Quế Thổ, Châu Quế Xa Phó, Bảo Hà, Kim Sơn, Ba Xã cùng với ban kiến thiết huy động được hơn một nghìn người đến công trường đào, đắp hàng vạn mét khối đất đá, sửa chữa 80 km đường sắt, tu bổ mở rộng hai bên đường sắt và xây dựng 3 kho để chứa hàng ở vùng Bảo Hà.

Phong trào "Tuần lễ ủng hộ mặt trận" được phát động trong toàn huyện. Mặc dù lúc ấy có tới 3/4 số xã bị thiếu đói, nhưng

nhân dân các xã Đông An, Làng Chỏ, Châu Quế Thổ, Châu Quế Xá Phó, Bảo Hà, Kim Sơn, Ba Xã vẫn tiết kiệm và phấn khởi đóng góp cho chiến dịch. Cụ thể đã ủng hộ 12.506 đồng, 78.500 cân gạo, 12.000 kg thực phẩm các loại, 630 bánh chưng, 32 khăn vải (dân tộc), 62 khăn mùi xoa. Ngoài ra còn giao nộp cho Nhà nước 3.948 kg thóc, 2.333 kg gạo. Riêng xã Kim Sơn ủng hộ nhiều nhất: 882 kg gạo, 200 kg thực phẩm (82 con lợn, 53 con trâu, 91 con gà) và 500 dân công phục vụ.

Ở các xã vùng trong bị địch chiếm đóng như xã Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ, Võ Lao, nhân dân vẫn bí mật tiếp tế lương thực, thực phẩm ủng hộ kháng chiến nuôi giấu cán bộ, bộ đội và du kích.

Phong trào tăng gia tự túc sản xuất lương thực, thực phẩm, mở rộng khai hoang, phục hóa, trồng các giống lúa mới, các cây màu ngắn ngày được đặc biệt coi trọng và có sự chỉ đạo chặt chẽ từ huyện xuống xã.

Ngày 7/6/1950, huyện thành lập các đoàn xuống cơ sở, đến từng thôn bản vận động, hướng dẫn nhân dân sản xuất, động viên tinh thần gương mẫu tiên phong của cán bộ cơ sở, đảng viên, bộ đội và một số cụ già đã có tác dụng cho nhân dân học tập, noi theo trong việc tra ngô, lúa mộ[1].

Từ đó phong trào phát nương trồng lúa, tra ngô, trồng các loại khoai và nhất là giống sắn vè (sắn Vân Nam). Chỉ trong một thời gian mấy tháng toàn huyện đã tăng gia được 328 mẫu 9 sào lúa mộ, 211 mẫu 6 sào ngô, 17 mẫu đỗ xanh, 810.860 gốc sắn. Do đó 6 tháng đầu năm 1950 tuy bị mất mùa, địch càn quét liên tục, số ruộng trong huyện bỏ hoang tới gần 1/3 nhưng nạn đói đã được giải quyết một phần.

[1] Cụ Nguyễn Văn Vạn 58 tuổi và cụ Chu Văn Hưởng 62 tuổi ở Kim Sơn là những người tra lúa mộ đầu tiên.

Tình hình mới đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn 3 nhiệm vụ lớn là tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch; bổ sung lực lượng cho ta về mọi mặt; xây dựng thêm lực lượng vũ trang tập trung vào du kích bí mật trong vùng địch tạm chiếm.

Lúc này do ta tích cực chủ động, phong trào vận động thanh niên tòng quân ở các xã vùng tự do phát triển mạnh, hàng trăm thanh niên tình nguyện tòng quân vào các đơn vị vũ trang ở địa phương. Một số xã trong vùng địch như Khánh Yên, Dương Quỳ, Minh Lương, Võ Lao, Phong Dụ, thanh niên cũng trốn ra vùng tự do tham gia bộ đội, du kích.

Đến tháng 5/1950, huyện chọn tuyển được 250 thanh niên bổ sung cho bộ đội chủ lực của khu, bổ sung cho Đại đội 85 Văn Bàn đủ biên chế 136 người; thành lập được 2 trung đội (1 trung đội do đồng chí Huy, 1 trung đội do đồng chí Lành phụ trách) mỗi trung đội trên 40 người và 1 tiểu đội "thiết đao" 23 người. Phong trào luyện quân, nâng cao trình độ chính trị, quân sự và văn hóa ngày càng phát triển. Bộ đội và du kích của ta vừa luyện quân, vừa đánh giặc, vừa sản xuất, tự túc một phần lương thực, thực phẩm. Bộ đội huyện được trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Chi bộ Đại đội 85 đã có 27 đảng viên, các tiểu đội và các tổ đều bố trí đảng viên phụ trách. Chi bộ bộ đội còn được Huyện ủy mở lớp huấn luyện "Cộng sản sơ giải" cho các đồng chí mới kết nạp và cho những quần chúng là đối tượng kết nạp Đảng. Các xã ở vùng tự do đã hình thành bản làng chiến đấu.

Trong vùng địch tạm chiếm các tổ du kích, tổ vũ trang vẫn tiếp tục bám đất bám dân đánh tiêu hao sinh lực dịch.

Ngày 8/2/1950, Chiến dịch Lê Hồng Phong màn I mở đầu thắng lợi bằng trận chiến đấu tiêu diệt địch ở đồn Phố Lu. Địch ở các đồn Coóc, Ken, Võ Lao, Phong Dụ hoảng sợ co lại, ít tổ chức các cuộc hành quân càn quét.

Phát huy chiến thắng Phố Lu, Huyện ủy Văn Bàn chủ trương đẩy mạnh công tác quân sự, mở cuộc vận động toàn dân thi đua tiêu diệt sinh lực địch, bao gồm cả phá phương tiện của địch. Đại đội 85 đánh thắng địch nhiều trận: ngày 8/4/1950, tiêu diệt 4 tên, bắt sống 1 tên ở Khe Dài. Ngày 11/4/1950, C85 và du kích phục kích địch trên đường Dương Quỳ - Minh Lương, loại khỏi vòng chiến đấu 26 tên.

Ngày 13/4/1950, Trung đội 64 địa phương và du kích phục kích, gài mìn đánh địch ở khu vực Nà Chuồng (Dương Quỳ) diệt 10 lính Pháp, Âu Phi và làm một số tên khác bị thương, buộc chúng phải bỏ dở cuộc hành quân rút về đồn Dương Quỳ. Ngày 15/4/1950, các đơn vị trên phục kích trên đường Minh Lương - Dương Quỳ diệt 20 tên...

Ở mặt trận Phong Dụ, Võ Lao, Kim Sơn, bộ đội địa phương và du kích phối hợp với bộ đội chủ lực tiêu diệt nhiều vọng tiêu của địch, giải phóng 1/2 xã Phong Dụ, 2/3 xã Võ Lao và Làng Cam, Bản Cọn, giải phóng gần ba nghìn người dân ở các xã này.

Trên đà thắng lợi về quân sự, thi hành lệnh "Tổng phá tề" của Liên khu ủy và Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn thành lập tiếp 6 đội vũ trang diệt tề, hoạt động ở các vùng Võ Lao, Phong Dụ, Chiềng Ken. Riêng vùng Võ Lao còn có cả đội vũ trang diệt tề ở Cam Đường xuống phối hợp. Lúc này ta đã diệt được một số tên ngụy gian ác, làm cho tinh thần binh lính địch càng thêm hoang mang, lo sợ.

Tại các đồn Võ Lao, Ken, Coóc ta đã bố trí các tổ trung kiên, tổ do đồng chí Hoàng Văn Đào chỉ huy 1 tổ du kích 7 người gồm các đồng chí Bang Hội, Văn Dương, Văn Lệnh (người xã Kim Sơn), đồng chí On và Nghiêm (người xã Phong Dụ), Hữu Phúc và Kim Hậu (người xã Chiềng Ken). Tổ các đồng chí trung kiên người Minh Lương gồm Hoàng Đình Tom, Hoàng Đình Ngôn,

Hoàng Văn Lý do đồng chí Liên Báng và đồng chí Hữu chỉ huy, hoạt động ngay trong hàng ngũ địch.

Đến cuối tháng 3/1950, chiến dịch tổng phá tề của Văn Bàn thu được kết quả khả quan: diệt được 22 tên nguy hiểm, bắt sống 8 tên, giải tán 10 ban tề ngụy gian ác. Trong đó có cả những tên đã dẫn địch đánh úp ta ở Nà Chuồng tháng 11/1949. Tuy vậy trong công tác diệt tề trừ gian có lúc ta còn hữu khuynh cho rằng có thể lôi kéo được những tên đầu sỏ phản động, ta bắt được tên Chánh Chiêu (người Bản Mạ), Nguyễn Đình Tấn, La Tấn rồi lại thả. Nhiều lần ta gửi thư chung, thư riêng cho chúng, chúng vờ thân thiện nhưng vẫn lộ bản chất là những tên phản động gian ngoan. Vì khi những tên này được thả ra chúng lại dẫn quân đi càn quét, đánh phá cơ sở kháng chiến của ta quyết liệt hơn gây khó khăn cho phong trào địa phương.

Cuối tháng 4/1950, Chiến dịch Lê Hồng Phong (màn I) kết thúc. Tại Văn Bàn, địch tăng cường quân tiếp viện và tổ chức lại lực lượng. Tại đồn Coóc, lực lượng địch lên tới 249 tên (có 3 quan Pháp,trực tiếp do tên quan Hai Măng-nhê chỉ huy), đồn Ken có 83 tên (do quan Hai Mô-lanh chỉ huy), Dương Quỳ có 146 tên do một viên quan Hai chỉ huy, 3 đồn ở Võ Lao có 100 tên (do 1 tên Pháp và Bang Dường chỉ huy), đồn Trạng (Phong Dụ) có 278 tên (do tên quan Hai Đề-gô chỉ huy)... Tổng số quân địch tại Văn Bàn lên tới 1.401 tên, chúng liên tiếp càn quét hòng chiếm lại nhữngvùng đã được ta giải phóng.

Ngày 9/4/1950, địch từ Than Uyên đánh sang, từ đồn Ken, đồn Coóc đánh lên để tái chiếm Dương Quỳ, Minh Lương. Cùng thời kỳ này, chúng từ phân khu Lào Cai đánh xuống tái chiếm Võ Lao. Ở vùng Khánh Yên địch tăng cường càn quét, dồn dân về tập trung quanh các đồn.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Văn Bàn chỉ rõ nhiệm vụ chính của địa phương là bảo vệ dân, giữ vững cơ sở, làm tốt công tác phục vụ Chiến dịch Biên giới sắp mở, đồng thời tăng cường chống địch càn quét, đẩy mạnh các hoạt động phục kích, tập kích, quấy rối địch.

Nhằm đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước mới, tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở Chiến dịch Biên giới, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng vùng biên giới phía Bắc nước ta; thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc; tiến tới giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

Bộ Tổng tư lệnh chọn hướng chính của Chiến dịch là Đông Bắc (Cao Bằng - Lạng Sơn); hướng phụ tiến hành màn II Chiến dịch Lê Hồng Phong có nhiệm vụ chủ yếu là nghi binh, thu hút, kiềm chế quân cơ động của địch, đồng thời tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch. Một lần nữa, nhân dân tỉnh Yên Bái lại dựng lán trại, các kho chứa lương thực, thực phẩm dọc các đường lớn, đóng bè, mảng để ở các bến sông làm cho thực dân Pháp phán đoán ta mở Chiến dịch Thu - Đông ở Tây Bắc. Chúng đã đưa 22 đại đội từ các vùng khác đến tăng cường cho phân khu Lào Cai.

Ở mặt trận Đông Bắc, ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng đánh Đông Khê, mở màn chiến dịch. Sau hai ngày đêm chiến đấu hết sức ác liệt, ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê. Đầu tháng 10, quân ta diệt hai binh đoàn Sác-tông và Lơ-pa-giơ, giải phóng toàn bộ vùng biên giới từ Cao Bằng đến Lạng Sơn.

Ở mặt trận Tây Bắc, quân ta vừa hoàn thành nhiệm vụ nghi binh vừa tiêu diệt và bức rút hàng loạt vị trí địch, giải phóng phần lớn tỉnh Lào Cai.

Thất bại của Pháp ở cả hai mặt trận Đông Bắc và mặt trận Tây Bắc đã làm cho quân địch ở khu Nghĩa Lộ hoang mang.

Tỉnh ủy nhận định, địch đang rút khỏi Nghĩa Lộ nên chủ trương lập tiểu đoàn bộ đội địa phương sẵn sàng truy kích địch, đồng thời chỉ thị cho các huyện chuẩn bị tiếp quản.

Tại mặt trận Lào Cai trong Chiến dịch Lê Hồng Phong (màn II) ta đã giải phóng hàng loạt địa điểm như Bắc Hà (20/9/1950), Si Ma Cai (22/9/1950), thị xã Lào Cai (1/11/1950), Sa Pa (3/11/1950), Bát Xát (4/11/1950) và đến ngày 12/11/1950, địch phải vội vàng rút quân khỏi Phong Thổ về Sìn Hồ (Lai Châu), tỉnh Lào Cai được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của giặc Pháp.

Trước những thắng lợi to lớn, dồn dập của quân dân ta, bọn địch ở Văn Bàn hoang mang dao động phải co về phòng thủ ở các đồn lớn. Thời cơ thuận lợi cho nhiệm vụ giải phóng địa phương đã đến, Huyện uỷ Văn Bàn phát động "Tuần lễ thi đua giết giặc lập công" tạo khí thế tìm diệt địch.

Trong tháng 9 và tháng 10/1950, bộ đội địa phương và du kích huyện đã tấn công và tiêu diệt 3 vọng tiêu ở Làng Cam, Bản Cọn và Khe Dài, diệt 35 tên cả Pháp và lính khố đỏ, thu một số vũ khí, đạn dược. Ở Minh Lương, Dương Quỳ, Khánh Yên, Châu Quế lực lượng ta quấy rối, khống chế các đồn địch. Tại Khánh Yên Hạ, một trung đội du kích huyện bao vây đồn Ken, bắn tỉa làm cho địch không dám hoạt động.

Công tác diệt tề trừ gian được coi trọng, các đội vũ trang cùng du kích bí mật đã diệt một số tên tề ngụy nguy hiểm. Ở Minh Lương ta diệt 2 tên, ở Võ Lao diệt 3 tên, ở Phong Dụ 3 tên, ở Khánh Yên Thượng ta diệt 4 tên. Chính quyền của địch hầu như bị tê liệt, nhiều binh lính địch lần lượt đem vũ khí ra hàng Việt Minh[1].

[1] Theo các báo cáo số 02/VB/QS, số 14/VB/QS, số 19/VB/QS của Huyện ủy Văn Bàn.

Tranh thủ thời cơ thuận lợi, ngày 8/11/1950 Đại đội 97 tiến đánh (đồn Làng Khau, đồn Làng Ngầu và đồn Pom Ca) Võ Lao. Du kích đột nhập vào đồn đánh từ trong ra, bộ đội đánh từ ngoài vào, làm cho địch không kịp đối phó, một số bị thương và bị diệt, số còn lại tháo chạy về đồn Coóc, một số chạy về đồn Dương Quỳ.

Ngày 11/11/1950, Đại đội 58 phối hợp với bộ đội của tỉnh và liên khu cùng du kích tập trung đánh công kiên đồn Bảo Hà. Địch vội vã vượt sông Hồng tháo chạy về đồn Coóc. Địch ở đồn Ken hoảng sợ cũng chạy về đồn Coóc. Tại đây chúng tập trung gần 2 tiểu đoàn dưới sự chỉ huy của quan Ba Mai-ly, rút vào Dương Quỳ để lấy lại tinh thần binh sĩ.

Trên đường tháo chạy, chúng tàn sát, cướp của, đốt phá hết sức dã man. Các đơn vị của ta tiếp tục truy kích địch. Vùng Võ Lao, Khánh Yên và 8 xã vùng ngoài được giải phóng.

Ngày 16/11/1950, Đại đội 85 từ Khánh Yên tiến lên Dương Quỳ phối hợp với Đại đội 97 từ Võ Lao sang, hình thành thế bao vây truy kích, buộc địch phải vội vã từ Dương Quỳ tháo chạy vào Minh Lương. Trên đường tới khu vực Pác Xây (cầu Nậm Xây ngày nay) chúng ngoan cố phản kích lại. Với thế chủ động ta đánh bao vây dồn dập, quyết liệt diệt nhiều địch, bắt gọn 1 đại đội, thu trên 100 súng các loại. Trước sức tiến công như vũ bão của ta, địch không chống trả được, tàn binh tháo chạy sang Than Uyên. Huyện Văn Bàn được giải phóng.

Tổng kết hoạt động phối hợp trong Chiến dịch Lê Hồng Phong màn II, ta tiêu diệt và bắt sống 8.300 tên địch, diệt 10 tiểu đoàn, giải phóng 35 vạn dân với diện tích 45.000 km^2 [(1)]. Quân và dân Văn Bàn diệt và bắt 46 tên tề ngụy gian ác, tiêu diệt 4 đồn, bức rút 4 đồn, diệt và bắt 236 tên địch, giải phóng hầu hết đất đai và

[(1)] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập 1, Sđd, tr.119.

dân số trong toàn huyện (chỉ còn một vài bản ở Phong Dụ thuộc tiểu khu Nghĩa Lộ, đến năm 1952 cũng được giải phóng).

Sau ngày giải phóng, huyện tổ chức mít tinh chào mừng ngày "Đại hội giải phóng" tại bản Noỏng (Khánh Yên Thượng), quân dân Văn Bàn liên hoan mừng thắng lợi. Người tấp nập, rợp cờ đỏ sao vàng, rộn rã tiếng cười nói, tiếng hát hòa lẫn với tiếng chiêng, tiếng trống.

Ngày 16/11/1950 huyện Văn Bàn được giải phóng, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng của địa phương và tạo ra một bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng của huyện. Từ đây Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Văn Bàn bước vào một giai đoạn mới với những thuận lợi và thách thức mới, giai đoạn xây dựng hậu phương vững chắc và tích cực tham gia mọi công tác góp phần đưa cuộc kháng chiến toàn quốc đến thắng lợi.

II. LÃNH ĐẠO BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG (1950-1954)

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã củng cố lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Thắng lợi đó đánh dấu bước trưởng thành lớn của Đảng trong lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh. Chiến dịch Biên giới đã "*làm cho ta thấy rõ khả năng rất lớn của quân và dân ta*".

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới mở ra bước ngoặt quan trọng chuyển cuộc kháng chiến của ta từ hình thái chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn, đưa cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn ta nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, chuyển hẳn sang liên tục tiến công địch, tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn.

Chiến dịch Lê Hồng Phong đợt II thắng lợi, đối với tỉnh Yên Bái chiến thắng này buộc địch phải rút khỏi một số vị trí, vùng giải phóng được mở rộng, tạo điều kiện để đưa cuộc chiến tranh du kích phát triển lên bước mới, đã góp phần mở rộng hậu phương của ta ở Việt Bắc và Tây Bắc.

Đại hội lần thứ II của Đảng diễn ra trong một bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến chuyển lớn. Từ năm 1950, phong trào cách mạng trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới. Được sự giúp đỡ tích cực của Liên Xô, sau khi hoàn thành việc khôi phục kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa bắt tay vào xây dựng những cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt với việc hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ tư, Liên Xô chẳng những đã hàn gắn được những vết thương chiến tranh mà còn phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Những tiến bộ mới của khoa học Xô viết đã nâng cao mức sống của nhân dân và sức phòng thủ của quốc gia.

Cùng với những thắng lợi của Hồng quân Liên Xô, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc với sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (tháng 10/1949) đã góp phần làm thay đổi tương quan lực lượng trên trường quốc tế, có lợi cho hoà bình và cách mạng, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lên cao. Cuộc kháng chiến anh dũng của ba dân tộc Đông Dương, những cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân các nước Đông Nam Á như Philippines, Indonesia, Malaysia, Miến Điện và cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Triều Tiên nói lên sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc.

Phong trào bảo vệ hoà bình thế giới trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Tháng 4/1949, Hội đồng hoà bình thế giới được thành lập, với sáng kiến của Hội đồng, nhiều đại hội, hội nghị hoà bình được tổ chức với nhiều nước tham gia, đòi giải quyết bằng thương lượng mọi bất đồng giữa các nước, đòi đình chiến ở Triều Tiên, Đông Dương, Malaysia...

Về phía chủ nghĩa đế quốc, sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, đế quốc Pháp, Anh yếu đi, ngày càng lệ thuộc vào Mỹ, Mỹ trở thành tên trùm phản động quốc tế. Một mặt, Mỹ lôi kéo các đế quốc khác vào cuộc chạy đua vũ trang, thành lập khối liên minh quân sự, thực hành chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Mỹ giúp tiền và vũ khí cho các đế quốc trong cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, từng bước thay thế chủ nghĩa thực dân cũ bằng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới.

Tình hình đó đã tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng Việt Nam vào thời điểm đầu những năm 1950.

Qua hơn 5 năm chiến đấu, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta liên tiếp thu được nhiều thắng lợi, thực dân Pháp ngày càng sa lầy vào cuộc chiến khó tránh khỏi thất bại. Thế và lực của cuộc kháng chiến từ sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới có bước phát triển vượt bậc, uy tín của Đảng và Chính phủ ta được nâng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới lại có những yêu cầu mới, đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễncấp bách để đưa cách mạng tiến lên. Đặc biệt từ sau Cách mạng Tháng Tám, một số vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược cần phải xác định. Cuộc kháng chiến trong thời kỳ mới đặt ra nhiều vấn đề lớn: tổ chức hậu phương, bảo đảm tác chiến tập trung trên quy mô lớn, nâng cao sức chiến đấu của bộ đội,

phối hợp giữa những đòn tiến công địch của bộ đội với việc vận động tiếp tục nổi dậy của nhân dân.

Cuộc kháng chiến của ba nước Đông Dương tuy cùng chung một mục tiêu, cùng một chiến trường, nhưng ngày nay, do tình hình xã hội, kinh tế, chính trị ba nước đã có những chuyển biến lớn, điều đó đòi hỏi mỗi nước cần phải có một Đảng Mác-Lênin riêng để lãnh đạo cách mạng được sát hơn, vừa trực tiếp đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử trước dân tộc mình và chủ động góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân ba dân tộc.

Ngay sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thấy rõ thuận lợi và khó khăn mới của cuộc kháng chiến: "Sau 4 năm kháng chiến toàn quốc, ta từ bị động chuyển sang chủ động, từ thế yếu chuyển sang thế mạnh mẽ... Nhưng tôi phải nhắc lại lần nữa để bộ đội và đồng bào ta ghi tạc vào lòng. Tuyệt đối chớ thấy thắng lợi mà kiêu căng, chủ quan khinh địch. Chúng ta phải nhớ rằng: Càng gần thất bại địch càng cố gắng, càng hung dữ, càng liều mạng. Càng thắng lợi ta càng gặp nhiều gay go. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng tinh thần và lực lượng để đối phó với những khó khăn mới"[(1)].

Trước yêu cầu của cách mạng, Đảng ta ra công khai hoạt động lãnh đạo cuộc kháng chiến. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 766.349 đảng viên trong toàn Đảng.

Đáp ứng tình hình thực tiễn của cách mạng ở ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản

---

[(1)] Trích lời kêu gọi nhân ngày 19/12/1950 của Hồ Chủ tịch, trong *Hồ Chí Minh tuyển tập,* tập I, 1920-1954, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.459.

Đông Dương đã họp từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951 tại Tuyên Quang. Đại hội đã quyết định tách ba đảng Đảng Cộng sản ở ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia để lập ra ở mỗi nước một đảng cách mạng riêng, có cương lĩnh và đường lối cách mạng riêng thích hợp với đặc điểm phát triển của từng dân tộc. Đảng bộ Việt Nam của Đảng Cộng sản Đông Dương lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội, Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ khẩu hiệu chính của ta là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chính của cách mạng nước ta trong giai đoạn cách mạng mới là đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam để lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng và cuộc kháng chiến của nhân dân ta; nhiệm vụ do Đại hội đề ra là kim chỉ nam cho công cuộc tiễu phỉ, chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Yên Bái trong thời kỳ này.

Tại Yên Bái, thắng lợi to lớn của Chiến dịch Thu - Đông năm 1950, trực tiếp là chiến trường biên giới Tây Bắc đã thu hẹp phạm vi phân khu Nghĩa Lộ của thực dân Pháp. Ở khu quân sự Tây Bắc, địch bị uy hiếp nặng nề, tinh thần bọn Pháp và tay sai, đặc biệt khu Nghĩa Lộ sa sút nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, địch tìm mọi cách củng cố, bảo vệ hai Tiểu khu Nghĩa Lộ và Than Uyên. Về chính trị, Pháp tổ chức thăng cấp và thưởng huân chương cho một số sĩ quan và binh lính ngụy, tăng thêm cho bọn phong kiến phản động vài quyền lợi nhằm cột chặt bọn này vào cuộc chiến tranh xâm lược đang đi vào con đường cùng. Về quân sự, địch củng cố các đồn bốt, mở

rộng sân bay Gia Hội, trang bị thêm vũ khí cho các đơn vị, ra sức bắt lính phát triển quân ngụy, lập các đội biệt kích (commăngdô) người dân tộc, cùng đơn vị người dân tộc này đi khủng bố, đàn áp cướp phá vùng dân tộc khác nhằm gây thêm mâu thuẫn chia rẽ giữa các dân tộc. Đồng thời, địch tiến hành các cuộc càn quét, dồn dân vào sống tập trung quanh các đồn bốt nhằm cắt đứt quan hệ giữa cán bộ và nhân dân. Về kinh tế, xã hội, Pháp và tay sai tăng cường bóc lột, vơ vét lúa gạo, thực phẩm phục vụ chiến tranh. Dùng muối và một số hàng hóa khác để mua chuộc, lôi kéo nhân dân, khuyến khích các tệ nạn xã hội (đánh bạc, hút thuốc phiện, rượu chè, gái điếm) nhằm trụy lạc nhân dân, nhất là thanh niên. Địch rất chú trọng thâm nhập, đánh phá vùng tự do của ta. Bốn tháng đầu năm 1951, chúng đã 31 lần tấn công quân sự, tung biệt kích gián điệp hoạt động để nắm tình hình, thăm dò lực lượng kháng chiến.

Cuối năm 1950, đồng chí Nguyễn Chính thay đồng chí Trịnh Xuân Tiến làm Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái. Trước tình hình mới, vấn đề củng cố Đảng, làm cho Đảng bộ vững mạnh trở nên cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cuộc kháng chiến ở địa phương. Từ tháng 10/1950, Đảng bộ triển khai thực hiện củng cố đảng, Tỉnh ủy nhanh chóng vạch kế hoạch và chỉ đạo các cấp uỷ đảng mở cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng bộ. Ban đầu chọn một chi bộ ở hai huyện Trấn Yên và Lục Yên làm thí điểm, rút kinh nghiệm. Từ tháng 2 đến tháng 4/1951, mở cuộc vận động ra tất cả các chi bộ ở vùng tự do và một số chi bộ ở vùng địch tạm chiếm. Trọng tâm của cuộc vận động là bồi dưỡng giáo dục lý luận cho cán bộ đảng viên, tự phê bình và phê bình những thiếu sót, khuyết điểm. Qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn trước, bản chất giai cấp công nhân của Đảng được tăng cường, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên được phát huy mạnh mẽ. Một số thiếu

sót, khuyết điểm như chủ quan khinh địch, ngại khó khăn gian khổ, gia trưởng được khắc phục cơ bản.

Tháng 4/1951, Tỉnh ủy triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II. Đại hội nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), Chỉ thị của Trung ương Đảng về sửa chữa những sai lầm trong công tác nông thôn; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới và bàn một số công tác cấp bách trước mắt. Đồng chí Vũ Thu được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đối với công tác vùng địch tạm chiếm, ta chủ trương vừa củng cố vừa phát triển cơ sở, chuẩn bị mọi mặt để khi có điều kiện thì phát động đấu tranh vũ trang với quy mô rộng lớn hơn. Muốn vậy, phải thực sự coi trọng công tác vùng địch tạm chiếm ngang tầm với công tác vùng tự do; đẩy mạnh địch vận để làm đà cho các hoạt động khác. Việc xây dựng bộ đội địa phương phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của tỉnh, tránh tình trạng phát triển ồ ạt, lấy số lượng làm chính, mà phải coi trọng nâng cao chất lượng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tăng trang bị và hậu cần. Chú trọng xây dựng dân quân du kích ở nơi ta có cơ sở, quanh các căn cứ quan trọng của địch và vùng tự do sát địch. Các hoạt động quân sự phải nhằm vào nơi địch sơ hở, bố phòng yếu, có tác dụng hỗ trợ cho việc xây dựng cơ sở và địch vận.

Sau khi địa phương được giải phóng, bên cạnh những thuận lợi, Văn Bàn còn có những khó khăn đáng kể do hậu quả của chiến tranh để lại.

Khó khăn thứ nhất là nền kinh tế bị kiệt quệ, sản xuất đình đốn. Trong những năm địch chiếm đóng, nhân dân không có điều kiện tập trung vào sản xuất. Ruộng đất phần lớn trước đây bị bọn địa chủ, cường hào, chủ đồn điền chiếm đoạt, một phần bị giặc chiếm làm đồn bốt, sân bay, một phần vị trí bị địch bỏ hoang. Giặc Pháp càn quét, cướp của, đốt nhà, bắt lính phu làm

cho đời sống nhân dân cùng kiệt. Chỉ tính riêng vùng Khánh Yên giặc càn đi quét lại 16 lần, dân bị dồn về tập trung quanh đồn Coóc, ruộng bỏ không sản xuất là 372 mẫu (138 ha), thóc bị giặc cướp 225.111 kg, gia súc bị cướp 528 con trâu, 848 con lợn và 4.064 con gà vịt. Số người bị chết vì tù đày, đói và bệnh tật là 311 người. Toàn huyện bị thiệt hại 9.720 tấn thóc, số người bị chết vì tù đày và tàn phế 397 người[1]. Nhiều bệnh hiểm nghèo phát triển như đậu mùa, sốt rét, tả lỵ, thương hàn, nhất là bệnh phong, lậu, giang mai... Số người mù chữ tăng lên, các tập tục lạc hậu của chế độ cũ vẫn còn tồn tại, lại phục hồi.

Khó khăn thứ hai là tuy 23 xã của huyện được giải phóng nhưng tay chân của địch vẫn còn cài lại. Quần chúng còn một số người có tâm lý sợ địch.

Khó khăn thứ ba là một phần xã Phong Dụ còn bị địch chốt giữ. Đây là vị trí then chốt phía đông bắc của phân khu Nghĩa Lộ, là vị trí có thể kiểm soát đường thủy, đường sắt và đường bộ. Ở phía tây Văn Bàn, địch ở Than Uyên còn mạnh. Chúng tăng cường củng cố, bố phòng ở đồn Khau Co và luôn càn quét, nghi binh, thăm dò lực lượng của ta ở vùng Nậm Tu xã Minh Lương. Chúng thường xuyên tung bọn gián điệp, biệt kích vào các vùng tự do của ta. Ở phía Võ Lao giáp ranh với phân khu Lào Cai, sau Chiến dịch Lê Hồng Phong, địch lại quay về chiếm đóng Phong Thổ, Bình Lư (Lai Châu) củng cố hành lang A, B, C (Than Uyên, Bình Lư, Phong Thổ). Từ đó chúng có thể đánh rộng ra lấn chiếm vùng giải phóng của ta và tung biệt kích, gián điệp vào vùng tự do, thực hiện âm mưu gây phỉ, phá hoại hậu phương của ta.

[1] Theo tài liệu về tội ác của Đế quốc tại đồn Coóc, Văn Bàn của Ty Tuyên truyền Yên Bái năm 1956.

Tháng 5/1951, Tỉnh ủy cử đồng chí Lê Hồng giữ chức vụ quyền Bí thư Huyện ủy (5/1951-12/1951). Tháng 01/1952, Tỉnh ủy cử đồng chí Trần Hưởng giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

Trước tình hình khó khăn phức tạp, căn cứ vào những thuận lợi mới, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 3/1951), Đảng bộ huyện Văn Bàn đã nghiên cứu vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ vào điều kiện thực tế của địa phương. Chủ trương của huyện thời kỳ này là:

Tập trung giải quyết vấn đề số 1 là sản xuất, chống đói, cải thiện đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần, động viên sức người, sức của của địa phương tiếp tục đóng góp vào công cuộc kháng chiến.

Tích cực phòng gian, bảo mật, chống địch càn quét, củng cố vùng giải phóng và tạo điều kiện giải phóng nốt xã Phong Dụ. Thực hiện chủ trương trên, huyện đã tập trung chỉ đạo một số công tác lớn sau:

Phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân vừa là vấn đề cấp bách trước mắt vừa là mục đích lâu dài của cuộc vận động cách mạng ở địa phương. Chỉ thị ngày 5/7/1950 của Trung ương Đảng về chính sách của Đảng ở nông thôn đã chỉ rõ: Muốn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thành công, công nhân phải liên minh với nông dân, phải đem lại quyền lợi cho họ, phải giải quyết vấn đề ruộng đất.

Ở Văn Bàn, sau khi địch rút chạy, cán bộ, bộ đội đã kịp thời thông báo cho nhân dân biết về tình hình, tạo điều kiện giúp dân trở về làng bản cũ để nhân dân từng bước đẩy mạnh sản xuất cải thiện đời sống. Đồng thời huyện đã quan tâm giải quyết vấn đề ruộng đất theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cố gắng vận dụng vào đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương. Căn cứ vào sắc lệnh giảm tô và một số quy định về giảm tức,

quy chế lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất được Chính phủ ban hành ngày 17/7/1949 đối với ruộng đất của bọn Việt gian chạy theo Pháp, ta tịch thu giao cho nông dân không có ruộng hoặc quá thiếu ruộng và một số phần cho dân quân, du kích mượn tăng gia. Riêng của bọn tề có cha mẹ, vợ con ở lại, ta vẫn cho họ được dùng sản xuất, đồng thời tích cực vận động họ và những gia đình có nhiều ruộng không cấy hết cho nhân dân mượn sản xuất.

Ruộng đất thuộc các đồn điền Lang Nheo, Lang Khay, Lang Thíp, bọn chủ bỏ chạy ta chưa kịp cấp cho nhân dân, để cho đồng bào tản cư về các xã Bảo Hà, Làng Chỏ, Châu Quế Hạ mượn tăng gia.

Việc thực hiện sắc lệnh giảm tô, giảm tức, tuy địa chủ chưa thực hiện đủ mức giảm tô 25% cho nông dân nhưng đã hạn chế được phần nào sự bóc lột của chúng.

Để giải quyết khó khăn về sức kéo, huyện cho nhân dân vay tiền mua thêm trâu cày và vận động người có trâu cho người thiếu mượn. Do vậy, sức kéo được giải quyết gần 70%, đẩy nhanh được tiến độ cày cấy kịp thời vụ.

Huyện cũng đề nghị lên tỉnh và được tỉnh giải quyết đưa về một số lượng lớn nông cụ như dao, cuốc, lưỡi cày. Huyện còn vận động nhân dân thu nhặt sắt thép tự rèn thêm nông cụ.

Để giải quyết nạn thiếu giống cây trồng, ta đã vận động nhân dân tiết kiệm, giữ giống, cho nhau vay tạm giống và điều hòa giống giữa các bản, các xã. Huyện cũng chủ động tìm được cho dân 37 tạ giống chiêm và 31 tạ thóc giống ba giăng là lúa ngắn ngày mới có. Huyện còn cử cán bộ xuống chỉ đạo, vận động nhân dân cấy lúa chiêm, gieo trồng giống mới, tìm các loại giống ngô, khoai, sắn để trồng.

Về chăn nuôi, ta vận động các xã phát triển đàn trâu, ngựa, dê, lợn và nuôi gà, vịt phục vụ sản xuất và đời sống. Cán bộ, bộ

đội còn tìm thêm giống bông nương đưa về các bản, vận động nhân dân vùng thấp trồng bông kéo sợi, dệt vải, phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm. Đối với các xã người Mông, ta vận động trồng lanh, chuốt sợi để giải quyết khó khăn về quần áo, chăn đệm.

Kết quả vận động sản xuất: hạn chế từng bước, đẩy lùi nạn đói kinh niên ở huyện. Chỉ riêng 8 xã khu ngoài (trừ Phong Dụ) diện tích trồng cây lương thực và hoa màu đạt 270 ha so với diện tích trước ngày giải phóng, tăng hơn 4 lần. Vụ mùa năm 1951 sản lượng thóc đạt hơn 180 tấn. Nạn thiếu muối cũng từng bước được giải quyết. Huyện chú ý việc tu sửa đường sá, sử dụng có hiệu quả số ngựa hiện có và mua thêm để chở muối cung cấp cho nhân dân.

Trong sản xuất, bước đầu huyện đã hướng dẫn công tác định mức. Do có mức giao cụ thể nên nhân dân các xã thường phấn đấu vượt mức. Huyện còn vận động các hộ trong thôn bản lập thành nhóm, tổ đổi công theo thời vụ. Vì vậy đã rút được một số lao động đi dân công phục vụ tiền tuyến.

Qua 2 năm 1951-1952, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, đời sống nhân dân dần ổn định và được cải thiện một bước.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng thời gian này, ta còn một số khuyết điểm như việc thực hiện chính sách ruộng đất còn chậm, các tổ chức đoàn thể chưa đi sâu vào nhiệm vụ chính là vận động sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, chưa thực hiện tốt nhiệm vụ tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất.

Về văn hóa xã hội, để giải quyết nạn mù chữ, đào tạo cán bộ địa phương, huyện tập trung mở rộng công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, phổ biến kinh nghiệm của những điểm khá về phát triển văn hóa ở các xã khu ngoài và trong lực lượng vũ trang. Do đó, phong trào bình dân học vụ lan nhanh ra các xã.

Sôi nổi nhất là các xã Minh Lương, Dương Quỳ, Bảo Hà, Châu Quế, Kim Sơn, Võ Lao, Khánh Yên Thượng và Khánh Yên Hạ. Cuối năm 1952 phong trào học văn hóa phát triển mạnh. Trường học được xây dựng ở Bảo Hà, Kim Sơn, Dương Quỳ và Võ Lao. Ở các xã dân tộc Mông, Dao cũng bắt đầu tổ chức một số lớp bình dân học vụ. Do thiếu giáo viên, phương tiện dạy và học khan hiếm, công việc bộn bề, một số nơi chỉ đạo thiếu chặt chẽ nên phong trào học văn hóa chưa đều khắp, số lượng, chất lượng chưa cao. (Vùng các dân tộc Tày, Việt, Thái số người biết chữ mới có gần 50%; vùng các dân tộc Mông, Dao, Dáy 7%; vùng dân tộc Phù Lá mới chỉ có một số ít người biết chữ).

Sự nghiệp y tế chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được chú ý. Thời kỳ địch tạm chiếm, các bệnh hiểm nghèo làm chết 810 người. Sau ngày giải phóng còn thiếu thuốc men và thầy thuốc. Huyện chủ trương dùng thuốc nam là chính, sử dụng cách chữa bệnh có hiệu quả của các dân tộc, đồng thời mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho các y tá, hộ sinh. Ta còn vận động nhân dân thực hiện ăn ở vệ sinh, làm chuồng trại xa nhà, thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục mê tín, dị đoan và vận động cai thuốc phiện, thực hiện hôn nhân một vợ một chồng.

Các biện pháp trên của huyện được cán bộ đảng viên và lực lượng vũ trang gương mẫu chấp hành, được nhân dân các dân tộc thực hiện tốt.

Xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể cũng được Đảng bộ triển khai thực hiện. Huyện tiến hành một đợt chỉnh huấn chính trị nhằm "xây dựng một Đảng Lao động Việt Nam rất mạnh mẽ. Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, xây dựng Việt Nam dân chủ mới góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài"[(1)].

[(1)] Theo báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ II.

Công tác xây dựng Đảng ở Văn Bàn thường xuyên được coi trọng, tính đến đầu năm 1951, toàn Đảng bộ huyện có 11 chi bộ (1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ vũ trang, 9 chi bộ xã), với 7 ban chi ủy (có 3 ban chi ủy được dân chủ bầu cử, 4 ban chi ủy do Huyện chỉ định). Đối với các chi bộ chưa có ban chi ủy, Huyện ủy cử một cán bộ huyện trực tiếp làm Bí thư (riêng Châu Quế Hạ, Kim Sơn tạm giao cho đồng chí người địa phương là đảng viên làm Bí thư).

Toàn huyện có 191 đảng viên, tham gia sinh hoạt Đảng đều đặn, được học tập trao đổi về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và được phân công phụ trách các công việc cụ thể. Ngoài ra hàng năm còn được Tỉnh ủy Yên Bái bổ sung thêm cán bộ. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viện của huyện khá vững vàng, xây dựng được những chi bộ tốt như chi bộ xã Võ Lao, xã Phong Dụ được Tỉnh ủy khen.

Các đảng viên trong huyện phần lớn có tinh thần tận tụy, hy sinh, xây dựng được lực lượng trung kiên trong quần chúng và được quần chúng tin yêu, nuôi giấu, bảo vệ.

Từ tháng 9/1950, Trung ương Đảng có Chỉ thị tạm ngừng việc kết nạp Đảng để củng cố tổ chức. Do nhận thức chưa sát với tình hình cụ thể của địa phương nên công tác xây dựng Đảng thời kỳ này còn bộc lộ một số khuyết điểm: phát triển Đảng trong bộ đội địa phương và ở các vùng dân tộc Mông, Dao còn chậm. Một số đảng viên chưa biết chữ. Một số đảng viên bị thi hành kỉ luật (khai trừ ra khỏi Đảng 7 đồng chí, cảnh cáo 3 đồng chí, phê bình 5 đồng chí).

Từ thực tế trên, Đảng bộ huyện đã tăng cường mở lớp huấn luyện đảng viên, đào tạo bồi dưỡng chi ủy viên, chấn chỉnh các ban chi ủy và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn những

thiếu sót từng bước nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương.

Về củng cố các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng, Đảng bộ đẩy mạnh việc củng cố chính quyền từ huyện đến các xã. Chấn chỉnh kiện toàn một bước về tổ chức, kiên quyết thanh lọc những phần tử cơ hội, tay chân của địch cài cắm vào. Nhờ vậy chính quyền từ xã đến huyện đã nâng cao dần năng lực quản lý điều hành các nhiệm vụ công tác ở địa phương.

Sau ngày quân Pháp buộc phải rút khỏi Văn Bàn, ta đã tăng cường củng cố Ban Chấp hành huyện bộ Việt Minh. Cuối năm 1951, thực hiện chủ trương thống nhất Việt Minh với Liên Việt, ta đã sáp nhập hai tổ chức Việt Minh với Hội Liên Việt và bầu ra Ban Chấp hành mặt trận Liên Việt huyện do đồng chí Thái Trung Kiên là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách. Các đoàn thể khác cũng được kiện toàn củng cố, nâng cao vai trò của mình trong việc vận động nhân dân tham gia kháng chiến kiến quốc.

Hội Phụ nữ cứu quốc huyện do 2 đồng chí nữ đảng viên đảm nhiệm[(1)]. Hội đã tích cực vận động phụ nữ các dân tộc sản xuất ủng hộ kháng chiến, phát huy tác dụng của hội mẹ chiến sĩ. Đồng thời hội đã mở được lớp huấn luyện "Minh Khai" tại xã Minh Lương để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phụ vận cho cơ sở.

Đoàn Thanh niên cứu quốc huyện do một đồng chí Thường vụ Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo và có thêm một cán bộ giúp việc. Đoàn đã giáo dục động viên thanh niên nêu cao vai trò xung kích trong nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đi đầu trong việc phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương.

[(1)] Đồng chí Nguyễn Thị Duyên (đảng viên nữ người Tày đầu tiên của Văn Bàn được kết nạp tháng 10/1947). Khi tỉnh điều đồng chí Duyên đi công tác nơi khác thì đồng chí Ái Mi thay.

Tổ chức nông hội mới mẻ, hoạt động chưa có kinh nghiệm nhưng đã thu được một số kết quả trong việc vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, xây dựng các tổ nhóm đổi công, đoàn kết tương trợ trong thôn bản, khắc phục những khó khăn trong sản xuất, đời sống và đóng góp tích cực cho tiền tuyến.

Về đội ngũ cán bộ của địa phương sau ngày giải phóng, số cán bộ chủ chốt là người địa phương tại các xã chỉ có 11 đồng chí, trình độ năng lực còn non kém hoặc già yếu, Huyện ủy chỉ đạo tăng cường bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ và cải tiến tác phong công tác cho anh chị em. Đồng thời tiếp tục phát triển và củng cố đội ngũ trung kiên trong quần chúng để tạo nguồn cán bộ sau này.

Huyện ủy mở lớp bồi dưỡng cho 78 đồng chí cán bộ huyện và 6 lớp bồi dưỡng cho 256 cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng cán bộ xã, cán bộ lực lượng vũ trang và các ngành, trọng tâm là bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người thuộc thành phần cơ bản.

Vấn đề đào tạo cán bộ người dân tộc, địa phương chính là nhằm đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, đồng thời đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài cho sự nghiệp cách mạng.

Xây dựng phát triển lực lượng vũ trang được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Rút kinh nghiệm ở thời kỳ địch hậu, huyện đã coi trọng và có nhiều cố gắng xây dựng củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Trước hết là xây dựng và phát triển bộ đội địa phương của huyện.

Đầu năm 1951, cả huyện chỉ có 1 trung đội vũ trang. Đến năm 1952 đã phát triển lên một đại đội với 120 chiến sĩ. Đại đội được tăng cường về công tác Đảng, giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật, học tập cách đánh du kích và vận động chiến đấu.

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, vấn đề trang bị đã được giải quyết bằng số vũ khí thu được của địch và nguồn được trên trang bị (1 trung liên, 40 súng trường và một số mìn, lựu đạn, súng tự chế). Để giải quyết hậu cần tại chỗ, ngoài số sinh hoạt phí được cấp, đơn vị bộ đội vừa được nhân dân ủng hộ, vừa phải tăng gia tự túc bằng cách rút một phần lực lượng tham gia kiến thiết lại đường sắt Trái Hút - Phố Lu để lấy kinh phí.

Lực lượng dân quân du kích của huyện được coi trọng và phát triển mạnh. Các xã khu ngoài mỗi xã có một trung đội từ 25-30 người. Các xã khu trong như Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao mỗi xã có 2 trung đội du kích mỗi trung đội có 45 người. Các xã Dương Quỳ, Minh Lương mỗi xã có 1 trung đội 25 người. Toàn huyện có 996 dân quân và 270 du kích, cán bộ xã đội và dân quân du kích nói chung đều dược giáo dục chính trị, quân sự theo các chương trình của cấp trên quy định. Việc trang bị, đời sống của dân quân du kích do tự túc một phần còn chủ yếu vẫn do nhân dân ủng hộ.

Nhìn chung lực lượng vũ trang của huyện đã tiến bộ về nhiều mặt, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, sau ngày giải phóng của địa phương. Tuy nhiên việc huấn luyện vẫn nặng về quân sự, chưa chú trọng công tác phòng chống gián điệp, biệt kích và thực hiện phối hợp giữa các lực lượng, có lúc có nơi còn chưa chặt chẽ. Những hạn chế này từng bước được khắc phục ở giai đoạn sau.

Để tăng cường công tác trật tự an ninh, Đảng bộ chăm lo xây dựng và chỉ đạo lực lượng công an. Trước giải phóng huyện có tổ chức quận công an, sau màn I Chiến dịch Lê Hồng Phong, luyện tập một đội công an biệt động gồm 7 người hoạt động ở khu huyện lỵ (Dương Quỳ) và trạm Bảo Hà. Thời gian từ năm 1950-1952, đội công an biệt động ở Văn Bàn cung cấp nhiều tin quan trọng kịp thời cho cấp ủy, xây dựng được cơ sở của công an biệt động ở hầu hết các xã, xây dựng được địa bàn, nắm chắc đặc

điểm từng vùng, phân loại rõ các đối tượng của cách mạng, phát hiện những tên nguy hiểm để trên xử lý (tử hình tên gián điệp Hoàng Thị Liềng, Hoàng Văn Khòi và 3 tên phản động ở Nậm Mả). Đồng thời lực lượng công an còn tích cực giúp dân trong sản xuất, và tổ chức đời sống, khắc phục khó khăn sau ngày giải phóng ở địa phương.

Những chủ trương đúng đắn của Đảng bộ được chỉ đạo thực hiện, nên trong hai năm sau ngày giải phóng tình hình các mặt trận trong huyện có nhiều tiến bộ. Sức mạnh của hậu phương được tăng cường, đáp ứng được yêu cầu kết hợp phục vụ Chiến dịch Tây Bắc, đánh địch lấn chiếm bảo vệ vững chắc địa phương.

Sau màn II Chiến dịch Lê Hồng Phong, địch ở phân khu Nghĩa Lộ tăng cường càn quét hòng bình định vùng chúng chiếm đóng, lấn rộng ra vùng ta mới giải phóng và đỡ đòn cho các chiến trường của chúng đang bị ta đánh mạnh.

Ở Văn Bàn, địch tăng cường củng cố công sự ở Khau Co, xây dựng đồn trại kiên cố ở Phong Dụ. Đến đầu tháng 12/1950, địch bắt đầu đánh lấn ra các vùng gần đồn bốt để thăm dò và lấy lại thanh thế.

Phía Khau Co, ngày 7/12/1950, địch càn xuống Minh Lương nhưng không thu được kết quả. Ngày 9/12/1950, địch tổ chức càn lớn xuống Minh Lương đánh úp Đại đội 85, song bị ta đánh bị thương 7 tên, đội hình bị chia cắt, phải rút về Khau Co (phía ta hi sinh đồng chí Ma Văn Xuân - Chủ tịch xã Minh Lương).

Ngày 11/12/1950, chúng tiếp tục càn quét theo đường Nậm Tu xuống Minh Lương, bị ta phục kích chặn đánh, chúng vội vàng tháo chạy về đồn. Sáng sớm ngày 13/12/1950, địch bí mật hành quân xuống tìm diệt lực lượng ta, bị Đại đội 85 của huyện đón lõng chặn đánh và truy kích. Chúng bị ta diệt 3 tên khố đỏ, bị thương một số tên khác. Ta thu được 4 súng trường và một số lựu đạn, dao găm.

Ở phía Phong Dụ, lực lượng địch tương đối mạnh. Tại đồn Chạng, số địch có 248 tên (133 Pháp, 25 khố đỏ, 30 khố xanh, 60 lính dõng) do tên quan Hai Đê-gô chỉ huy. Vũ khí có 3 moóc chê, 4 đại liên, 4 trung liên, 15 tiểu liên và nhiều súng trường, đạn, mìn, lựu đạn[1]. Từ ngày 14-18/12/1950, địch liên tục càn ra khu vực Pom Kia, Khe Danh nhưng bị Đại đội 86 của tỉnh phục kích, đặt mìn tiêu diệt hai tên Pháp chỉ huy, 26 lính khố đỏ và dõng, buộc địch phải co về đồn.

Sau những thất bại trên, từ đầu năm 1951, địch chuyển sang tăng cường chiến tranh gián điệp, tung nhiều toán do thám, gián điệp, biệt kích là người dân tộc địa phương, trong đó có cả những tên trước đây đã làm việc cho ta, lén lút về Văn Bàn hoạt động. Bọn chúng móc nối với những tên làm việc với Pháp trước đây là những phần tử xấu ở địa phương, dựa vào các quan hệ thân tộc họ hàng, bạn bè quen biết cũ để tuyên truyền phản động, nắm tình hình của ta và xây dựng cơ sở chuẩn bị gây phỉ sau này.

Ta đã sớm phát hiện được âm mưu, thủ đoạn của địch, từ đó Đảng bộ Văn Bàn kịp thời đề ra chủ trương: Triệt để phòng gian, tích cực chống gián điệp, biệt kích, đề phòng địch càn quét và dùng máy bay oanh tạc. Chấn chỉnh du kích xã, mỗi xã phải xây dựng và củng cố một trung đội du kích mạnh, xây dựng trận liên hoàn, phát triển cơ sở quần chúng trung kiên ở Minh Lương, Phong Dụ. Củng cố các ban địch vận, lôi kéo người lầm đường về với nhân dân. Bằng mọi cách phải phát hiện xử lý bọn tay chân của địch, cô lập bọn đầu sỏ. Chấn chỉnh thêm Đại đội 85, đẩy mạnh các phương án chống càn và thường xuyên chuẩn bị chiến trường.

---

[1] Theo báo cáo của Trung đoàn 115 và Báo cáo số 23/VB/QS ngày 30/4/1950 của Huyện ủy Văn Bàn.

Thực hiện chủ trương trên, lực lượng vũ trang của ta được xây dựng, củng cố thêm một bước, ngày đêm bám sát địch. Tổ phản gián đã luồn sâu vào các bản làng gần vùng địch tạm chiếm, phát hiện do thám, biệt kích và những tên phản động còn ở địa phương đang âm mưu nhen nhóm gây phỉ.

Ta mở lớp giáo dục cho vợ con những người theo giặc tại Làng Giang 2 ngày, tuyên truyền giải thích rõ âm mưu của địch, đường lối chính sách của Chính phủ ta. Tiếp đó tổ chức cho họ vào Than Uyên vận động chồng con trở về với cách mạng. Kết quả cuộc vận động này có 37 người lầm đường cầm súng theo địch trốn khỏi Than Uyên, đem theo vũ khí trở về với nhân dân. Thắng lợi này củng cố thêm lòng tin của nhân dân các dân tộc đồng thời làm cho hàng ngũ bọn ngụy quân, ngụy quyền thêm hoang mang, dao động.

Cùng với công tác địch vận ta mở thêm các lớp cải tạo cho 117 tên tề ngụy tù, hàng binh được quần chúng hoan nghênh. Thời gian này ta phân loại bọn phản động tay sai địch ở từng xã trong huyện để có chủ trương chính sách đối với từng loại, từng tên được sát đúng.

Bên cạnh những thắng lợi trên, trong công tác phòng chống gián điệp, biệt kích, sai lầm của ta là còn hữu khuynh trong nhận thức về giai cấp[1].

[1] Ta mắc sai lầm trong việc lôi kéo tên La Tấn, đã 3 lần cho tên này từ Than Uyên ra gặp cán bộ ta, định qua hắn để nắm tình hình địch, thuyết phục hắn hoạt động cho ta ngay trong lòng địch, không thấy rằng một tên như La Tấn, gia đình và bản chất là cường hào, đi theo địch, có ý thức chống đối cách mạng đến cùng, lại được huấn luyện trở thành chỉ huy gián điệp thì không thể lôi kéo hắn trở về với cách mạng được. Kết quả 3 lần tên La Tấn ra vùng giải phóng thì những tin tức của hắn cung cấp đều không có giá trị. Hắn còn đánh lạc hướng nhận định, phán đoán của ta. Ngược lại, do tiếp xúc và quan sát, hắn nắm được tình hình của ta và cung cấp cho bọn Pháp, gây cho ta những tổn thất nhất định. Sau này thấy rõ tội ác của hắn, ta đã bắt và xử tử hình.

Từ đầu năm 1951, các đơn vị vũ trang của huyện phối hợp với các đại đội của tỉnh và của khu tích cực chống địch càn quét. Dân quân du kích phối hợp cùng bộ đội liên tục đón đánh các đợt tuần tiễu, tiêu diệt các trạm tiền tiêu ở vùng Phong Dụ và Khau Co làm áp lực cho công tác địch vận. Do đó tại Phong Dụ đã có 25 tên mang súng ra hàng.

Khí thế thi đua yêu nước, giết giặc lập công phát triển mạnh mẽ trên toàn quốc, ta liên tục mở các Chiến dịch Hòa Bình (11/1951), Mặt trận Bắc Lai (ở Yên Bái - Lào Cai), Chiến dịch Lý Thường Kiệt, chiến dịch củng cố biên giới phối hợp với mặt trận Tây Bắc phá tan âm mưu lập xứ Thái, xứ Nùng tự trị của giặc.

Tại Yên Bái, ngày 17/10/1952, quân ta diệt đồn Pú Chặng. Ngày 18/12/1952, diệt đồn Nghĩa Lộ, đồn Cửa Nhì, bắt toàn bộ binh lính, sĩ quan chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ, trong đó có tên quan tư chỉ huy phân khu. Tiếp đó, ta đánh địch ở Gia Hội, Tú Lệ. Ngày 20/10/1952, địch lại tăng cường cho một tiểu đoàn xuống Tú Lệ sát huyện Văn Bàn nhưng chúng bị ta tiêu diệt một số lớn. Bọn tàn quân phải rút chạy sang Nậm Chắt, Ít Ong (Sơn La).

Tình hình có nhiều thuận lợi, bộ đội và du kích Văn Bàn tiến công, bao vây, uy hiếp địch ở Phong Dụ, Khau Co. Địch ở Phong Dụ càng thêm hoang mang rối loạn, bọn ở Phong Thổ, Than Uyên cũng đang chuẩn bị tháo chạy. Tranh thủ thời cơ thuận lợi, huyện phát động nhân dân nổi dậy cùng lực lượng vũ trang đánh đồn Trạng (Phong Dụ).

Ngày 27/10/1952, bọn địch ở Phong Dụ và các đồn xung quanh bị ta tấn công dồn dập, một số bị bắt và bị diệt, một số ra hàng, còn bọn tàn quân tìm cách tháo chạy. Xã cuối cùng của huyện Văn Bàn được giải phóng trong niềm vui chiến thắng chung của nhân dân Tây Bắc.

Phấn khởi trước những chiến thắng dồn dập, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn ra sức củng cố hậu phương và phục vụ Chiến dịch Tây Bắc.

Cùng với cuộc vận động phong trào sản xuất, tiết kiệm, vận động các gia đình khá giả ủng hộ kháng chiến bằng tiền bạc, thóc gạo, thực phẩm, huyện còn vận động nhân dân "Đồng tâm bớt bữa" lấy gạo nuôi quân, cứ mỗi tuần mỗi hộ ăn bớt một bữa, dành gạo đó đưa vào quỹ nuôi quân và cứu những người bị đói. Kết quả toàn huyện ủng hộ được 1.170 kg thóc, 210 kg gạo, gần 2 kg bạc trắng và một số tiền đồng bạc giấy.

Khi Trung ương có chỉ thị phối hợp và phục vụ các Chiến dịch Lý Thường Kiệt và Chiến dịch Tây Bắc, huyện phân công cán bộ, đảng viên tỏa về các địa phương tổ chức cho dân học tập rộng rãi, phổ biến lệnh tổng động viên, tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp nhân tài, vật lực phục vụ kháng chiến.

Công tác tuyên truyền vận động tạo ra khí thế sôi nổi tòng quân, đi dân công, đóng góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm trong mọi tầng lớp nhân dân địa phương. Tính trong 2 năm 1951-1952, Văn Bàn có 45 thanh niên tòng quân bổ sung vào quân thường trực. Về dân công, riêng phục vụ 2 Chiến dịch Lý Thường Kiệt và Tây Bắc toàn huyện huy động được 3 đợt dân công đi từ 3 đến 6 tháng, có đơn vị đi tới 8 tháng, mỗi đợt đi từ 35 đến 80 người. Kết quả số ngày công làm đường sắt là 18.000 công, làm đường bộ 2.000 công, phục vụ chiến trường xa 19.000 công, san phá đồn bốt giặc 2.700 công.

Về vật lực, nhân dân huyện Văn Bàn đóng góp nuôi quân chủ lực 800 kg gạo, 18.500 đồng tiền giấy, nuôi lực lượng vũ trang địa phương 600 kg gạo và 25.000 đồng tiền giấy, giúp đỡ cho dân công phục vụ các chiến dịch 10 tấn gạo. Đồng thời, nhân

dân cũng hăng hái bán thóc cho Chính phủ. Riêng vụ mùa năm 1951 và vụ chiêm 1952 thu được 126,9 tấn thóc.

Như vậy qua 2 năm sau ngày giải phóng địa phương, thực hiện những chủ trương biện pháp của Đảng bộ đề ra, huyện Văn Bàn củng cố được vùng giải phóng, phối hợp tham gia tích cực cho các mặt trận, đồng thời giữ vững chính quyền ở địa phương, đánh địch lấn chiếm tiến tới giải phóng xã cuối cùng của huyện khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Mặt khác, toàn huyện còn phát triển sản xuất, ổn định cải thiện đời sống nhân dân, động viên được phong trào thi đua yêu nước trong các ngành các giới, xây dựng được phong trào, điển hình như các xã: Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ, Võ Lao, Kim Sơn, Bảo Hà và Châu Quế Hạ, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Trong năm 1952-1954, cùng với lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo phá âm mưu gây phỉ góp phần vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Chiến dịch Tây Bắc (10/1952) và các Chiến dịch Hòa Bình, Bắc Lai, Lý Thường Kiệt trong toàn quốc, địch càng lâm vào thế bị động, lúng túng. Mùa hè năm 1953 được Mỹ chi viện, thực dân Pháp đã điều tên Đại tướng Na-va[1] sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Đồng thời chúng tăng quân tiếp viện đưa từ Pháp sang và từ Triều Tiên đến. Na-va lập kế hoạch hoạt động, định trong vòng 18 tháng sẽ bình định xong chiến trường Đông Dương. Thực hiện kế hoạch Na-va địch tăng cường càn quét lấn chiếm vùng tự do, quấy phá hậu phương ta. Chúng cho rằng "phá hoại hậu phương Việt Minh, sẽ làm cho đối phương phải thay đổi kế hoạch tấn công"[2].

---

[1] Na-va là đại tướng được đế quốc Mỹ đào tạo.

[2] Tạp chí *Công an nhân dân,* số tháng 4/1966, trang 22.

Ngay từ cuối năm 1952, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã ráo riết thực hiện âm mưu này. Chúng đã cài lại gián điệp trước khi rút chạy khỏi các địa bàn, tung các toán biệt kích vào vùng tự do, đặc biệt là vùng núi cao hiểm trở.

Đầu năm 1953, chúng tung nhiều toán gián điệp, biệt kích phối hợp với tàn quân Tưởng hoạt động mạnh ở các huyện Phong Thổ (Lai Châu), Sa Pa, Bát Xát (Lào Cai). Từ tháng 6/1953, phỉ hoạt động mạnh ở huyện Bảo Thắng, vùng ven thị xã Lào Cai và tiến đánh các huyện Sa Pa, Bát Xát.

Tại Than Uyên, các toán gián diệp, biệt kích ráo riết hoạt động xây dựng cơ sở, mở rộng địa bàn tiến sâu vào các xã nội địa huyện Văn Bàn. Tháng 8/1953 bọn phản động ở Than Uyên tổ chức lên Bình Lư (Lai Châu) lĩnh súng. Đến tháng 10/1953, bọn phỉ nổi lên cướp kho mậu dịch Mường Cang, đánh chiếm Mường Khoa, Thân Thuộc, Mường Than, Mường Kim. Bọn phản động ở các huyện tiếp giáp Văn Bàn như Trấn Yên, Lục Yên cũng tăng cường hoạt động gây rối, phá hoại.

Văn Bàn là một huyện giáp với Nghĩa Lộ, Than Uyên và Lào Cai, nơi có phỉ hoạt động mạnh, bị o ép từ 3 phía. Mặt khác Văn Bàn lại là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng, tuy đã được giải phóng song ta chưa có điều kiện làm trong sạch địa bàn. Mạng lưới gián điệp địch cài cắm lại và các cơ sở của địch vẫn chưa được cải tạo tốt. Văn Bàn trở thành một trong những địa bàn gây phỉ và hoạt động phỉ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Vì ở giáp biên giới nên bọn thổ ty, thổ hào câu kết với địa chủ phản động, đặc vụ Quốc dân Đảng Trung Quốc còn sót lại, có sự phối hợp lãnh đạo chung của đặc vụ biên giới và có liên lạc với thế lực phản động quốc tế để theo một đường lối chính trị, quân sự chung. Đảng bộ thấy rõ công tác tiễu phỉ cần có sự phối

hợp chặt chẽ giữa các tỉnh miền biên giới, đồng thời phải có một đường lối chính trị, quân sự chắc chắn.

Yên Bái nằm ở phía Tây Bắc, có hơn 30 dân tộc cùng sinh sống. Dưới thời Pháp thuộc, tình hình xã hội Yên Bái mang tính chất một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Trình độ dân trí các dân tộc còn thấp kém, hầu hết đồng bào các dân tộc không biết chữ, trình độ sản xuất chủ yếu dựa trên cơ sở nền sản xuất tự nhiên, tự cấp, tự túc lại bị đế quốc phong kiến bóc lột thậm tệ. Bên cạnh việc sử dụng chính sách bóc lột của chủ nghĩa tư bản, thực dân Pháp còn duy trì nguyên vẹn các hình thức bóc lột của chế độ phong kiến miền núi. Khi tái chiếm Yên Bái, thực dân Pháp vẫn duy trì chính sách chia để trị và "dùng người Việt trị người Việt".

Sau khi bị Nhật đảo chính, thực dân Pháp sử dụng phái đoàn 5 cục tình báo và phản gián chiến lược về Việt Nam móc nối chuẩn bị địa bàn phục vụ cho âm mưu trở lại xâm lược nước ta[1]. Kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, quân Nhật bị bại trận, quân Tưởng Giới Thạch với tư cách một thành viên của phe Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Theo gót quân đội Tưởng, Việt Nam quốc dân Đảng chống lại chính thể nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1949, khi ta chuyển mạnh sang tổng phản công, các chiến dịch tiến công vào Lào Cai đã làm cho quân đội viễn chinh Pháp bị hoang mang cực độ, nhiều cứ điểm, đồn bốt bị phá vỡ nhưng quân Pháp còn trụ lại được là nhờ có lực lượng thổ ty trung thành với chúng.

---

[1] Phái đoàn 5 được chính phủ lưu vong Đờ-gôn Pháp lập ra năm 1943, là một bộ phận của Phân cục viễn đông Tổng cục nghiên cứu và tìm hiểu, viết tắt là DGER. Khóa 49 của DGER đổi thành GCMA, chuyên trách gây phỉ) ở Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc).

Khi nhận rõ thế thua phải rút khỏi biên giới Việt - Trung, thực dân Pháp cấp tốc chuyển chiến lược từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", "dùng người Việt trị người Việt". Ngày 13/12/1949, chỉ huy khu Tây Bắc ra Mệnh lệnh số 2286/SANO/3 giao nhiệm vụ cho phân khu Lào Cai phải tìm mọi cách "tổ chức các đơn vị lính dõng và dân chúng vũ trang ở lại đánh du kích tại chỗ"[1], nhằm quấy rối hậu phương, ngăn chặn, hạn chế các đơn vị bộ đội chủ lực của ta tiến công, tạo điều kiện cho quân Pháp rút lui an toàn.

Thực hiện ý đồ đó, từ đầu năm 1950 bọn địch tại phân khu Lào Cai ra sức dụ dỗ, mua chuộc tuyển mộ lính địa phương, tăng cường củng cố khối ngụy quân, ngụy quyền, mở các đợt càn quét vào những vùng có cơ sở của ta để củng cố tinh thần cho binh lính. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động đặc vụ, gián điệp dọc tuyến biên giới Việt - Trung, gây rối, phá hoại hậu phương của ta.

Thời gian này phỉ liên tục tiến công, đánh úp gây cho các đơn vị chủ lực của ta nhiều khó khăn tổn thất. Trước tình hình đó, Tướng Đờ-lat Đờ-tat-xi-nhi, Tổng chỉ huy Quân đội Pháp đã nâng hoạt động của phỉ thành một trong bốn nhiệm vụ chiến lược để giành lại quyền chủ động đã mất là: Phá hoại các vùng tự do bằng biệt kích, thổ phỉ, máy bay oanh tạc, chiến tranh tâm lý, bao vây kinh tế[2]. Tháng 5/1951, thực dân Pháp đã chuyển khóa 49 (tình báo, phá hoại) của Phân cục viễn đông SDECE thành GCMQ (đội biệt kích hỗn hợp nhảy dù) chuyên trách gây phỉ, phá hoại hậu phương của ta.

Năm 1953, thực dân Pháp lại tiếp tục gây nên vụ phỉ ở các huyện miền Tây Lào Cai. Ngày 25/12/1953, Tướng Na-va, Tổng

---

[1] *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Lào Cai*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.l94.

[2] *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t.1, tr.312.

chỉ huy Quân đội Pháp tuyên bố: Tới một thời gian nào đó thì quân đội viễn chinh Pháp phải rút khỏi Đông Dương, cần phải xây dựng một kế hoạch lập lại các vùng căn cứ du kích ở hậu phương và ở miền núi liên kết với những phần tử chống đối chế độ Việt Minh, hoạt động du kích sau lưng Việt Minh để tạo điều kiện cho quân đội Pháp có thể trở lại.

Năm 1954, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thực hiện được âm mưu phỉ hóa toàn dân. Theo tổng kết của Bộ Công an, toàn miền Bắc có 14 huyện có phỉ với tổng số gần 20.000 tên, trong đó có huyện Văn Bàn. Việc gây dựng phỉ ở một số vùng cao biên giới, trong đó có Văn Bàn từ cuối năm 1952 nằm trong hệ thống âm mưu củaPháp, Mỹ và bọn phản động quốc tế nhằm chống lại xu thế của thời đại, chống lại con đường cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Chỉ thị số 14/CTTW ngày 16/4/1955 của Đảng, đã khẳng định: Vấn đề phỉ là âm mưu lâu dài và thâm độc của đế quốc Pháp - Mỹ, là vấn đề dân tộc, vấn đề quần chúng. Nguyên nhân địch gây được phỉ là do chúng lôi kéo được một số phần tử ở tầng lớp trên của các dân tộc thiểu số, lợi dụng những kỳ thị, thành kiến dân tộc còn tồn tại khá sâu sắc, lợi dụng nguyện vọng thiết tha muốn được cải thiện đời sống của nhân dân, khoét sâu các mâu thuẫn, các sơ hở, sai lầm của ta trong việc thực hiện chính sách dân tộc và các chính sách khác.

Phỉ ở Văn Bàn cũng như ở Lào Cai, Yên Bái có nguồn gốc từ mưu đồ thực dân, phong kiến phản cách mạng, thường tổ chức vũ trang để giết người, cướp của, là một vấn đề lớn có liên quan đến các mối quan hệ giai cấp, dân tộc, quần chúng của địa phương với phỉ và quốc tế.

Về tính chất của phỉ, thứ nhất là thù địch giai cấp, phản cách mạng. Đây cũng là bản chất chủ yếu, quyết định mục tiêu chính trị của phỉ là khôi phục lại chế độ thực dân, phong kiến. Thủ đoạn gây phỉ là kết hợp giữa lừa bịp với cưỡng bức. Mối

quan hệ cơ bản trong tổ chức của phỉ là thống trị và bị trị. Tính chất này chi phối các tính chất khác của phỉ.

Thứ hai, tính chất kích động gây hận thù trong các dân tộc thiểu số. Điểm nổi bật dễ nhận thấy nhất của phỉ là tính chất kíchđộng, mua chuộc, gây hận thù. Bất cứ vụ phỉ nào, vùng phỉ nào cũng đều thấy có sự chia rẽ dân tộc hoặc kích động để chia rẽ giữa dân tộc thiểu số này với dân tộc thiểu số khác. Đồng thời trương lên các khẩu hiệu phản động núp dưới chiêu bài dân tộc, lợi dụng tâm lý, tình cảm và nhận thức còn hạn chế của một số đồng bào dân tộc, lợi dụng các quan hệ xã hội, làng bản, dòng họ trong các dân tộc ít người để phục vụ mục đích phản cách mạng.

Thứ ba, tính chất lợi dụng, lôi kéo quần chúng của vấn đề phỉ. Với những luận điệu thâm độc, xảo quyệt, chúng lôi kéo, câu kết từng dân tộc thiểu số chống lại các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, mặt khác để phỉnh phờ, cưỡng bức, mua chuộc con em người dân tộc theo phỉ. Do đó, phỉ thường được tổ chức trong từng vùng, từng dân tộc. Lợi dụng lòng mong muốn có vũ khí để tự vệ chống trộm cướp ở biên giới và lòng tự hào về bản lĩnh quân sự của người dân tộc, những tên trùm phỉ đã dụ dỗ nhân dân đi lĩnh súng chỉ để giữ nhà, giữ làng. Trong giao tiếp, bọn cầm đầu phỉ rất chú ý đi vào tâm lý tình cảm để mua chuộc và ra sức ca ngợi những tên ngụy quyền được Pháp dựng lên cầm đầu các xứ tự trị, coi chúng như thủ lĩnh để kích động.

Để bảo vệ quyền lợi kinh tế, để duy trì chế độ áp bức, bóc lột, bọn chúng có một chủ trương, một mục đích chính trị rõ ràng phục vụ quyền lợi giai cấp của bọn tướng lĩnh phỉ, bọn địa chủ thổ ty, thổ hào. Chúng ít nhiều còn có uy tín nhất thời trong nhân dân. Bọn chúng có sự lãnh đạo và nâng đỡ của bọn phản động quốc tế.

Xác định rõ âm mưu gây phỉ là vấn đề hết sức phức tạp, ngay từ đầu Trung ương Đảng đã chỉ rõ: Vấn đề phỉ là âm mưu thâm độc, lâu dài của đế quốc cấu kết với tầng lớp phong kiến phản động vùng dân tộc thiểu số, cố gây ra một hình thức "Nội chiến" phối hợp với cuộc chiến tranh xâm lược của chúng, đồng thời cũng là vấn đề dân tộc, vấn đề quần chúng, vấn đề dân sinh. Đồng thời xác định phương châm tiễu phỉ là: Phối hợp quân sự và chính trị song song, chính trị là căn bản, quân sự là hậu thuẫn. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có chỉ thị nhấn mạnh: Phải có quân sự hậu thuẫn cho chính trị, bốn phần quân sự, sáu phần chính trị.

Nhưng trong những điều kiện lịch sử khác nhau, phương châm tiễu phỉ cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Sau khi miền Bắc được giải phóng, hòa bình được lập lại, nhưng thổ phỉ vẫn còn tồn tại ở một số vùng miền núi. Phương châm tiễu phỉ lúc đó lại đặt vấn đề cải thiện dân sinh, coi vấn đề cải thiện dân sinh ngang vấn đề chính trị. Về vấn đề này, ngày 16/4/1955, tại Chỉ thị số 14-CT/TW, Ban Bí thư Trung ương tiếp tục chỉ rõ: "Hoạt động chính trị kết hợp với cải thiện dân sinh là chính, dùng lực lượng quân sự làm lực lượng chủ yếu" để giải quyết triệt để vấn đề phỉ. Từ cuối màn II Chiến dịch Lê Hồng Phong, Khu uỷ Việt Bắc nêu khẩu hiệu "Mau giành thắng lợi cuối cùng, đuổi quân địch khỏi Liên khu Việt Bắc" và phương châm tiễu phỉ thời gian này là "Chính trị nặng hơn quân sự, phối hợp chặt chẽ giữa quân - dân - chính, giữa chủ lực với địa phương".

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Khu ủy Việt Bắc, từ tháng 4/1953 trở đi, khi thấy bọn gián điệp, biệt kích hoạt động mạnh, Tỉnh ủy Yên Bái tập trung chỉ đạo việc lùng sục, truy quét chúng, đồng thời tuyên truyền giác ngộ quần chúng nắm các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, do lực lượng ta quá mỏng, lại hoạt động phân tán trên địa

bàn rộng (gồm các huyện Văn Chấn, Than Uyên và Văn Bàn) nên kết quả còn hạn chế. Từ cuối năm 1953, Tỉnh ủy nhận thức sâu sắc hơn vấn đề phỉ, xác định: Tiễu phỉ là một công tác quan trọng, gay go đối với địa phương; phải kịp thời chặn bước tiến của chúng ra Văn Bàn và xuống Văn Chấn. Kiên quyết tập trung cán bộ, tăng cường lực lượng quân sự đánh vào các vị trí trung tâm của phỉ. Kiên quyết giữ khu Mường Kim, Hố Mít, củng cố cơ sở ở vùng đồng bào Mông, phát triển xuống vùng đồng bào Thái, ở vùng tự do, căn cứ cũ, đẩy mạnh phát động quần chúng giảm tô, chấn chỉnh tổ chức, tiễu trừ Việt gian phản động, làm trong sạch địa bàn, ổn định hậu phương.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Đức -Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội cùng đồng chí Nguyễn Tiến Thanh - Tỉnh đội trưởng lên Than Uyên, Văn Bàn trực tiếp chỉ đạo, tổ chức công tác tiễu phỉ.

Cuối tháng 10/1953, Bộ Tư lệnh khu Tây Bắc mở Chiến dịch tiễu phỉ Bắc Lai (phía Bắc tỉnh Lai Châu). Lực lượng tham gia chiến dịch, có Tiểu đoàn 183 (Trung đoàn 246) và một số bộ phận của Trung đoàn 148 bộ đội chủ lực; các Đại đội 86, 87, 97 tỉnh Yên Bái và các Đại đội 961, 965 tỉnh Lào Cai.

Tháng 11-12/1953, quân ta đánh tan các cụm phỉ ở Sa Pa, Bát Xát, Tam Đường và Bình Lư. Từ đầu năm 1954, quân ta chuyển xuống tấn công phỉ ở Than Uyên, đánh tan cụm phỉ mạnh nhất ở Mường Than (3/1954). Sau đó, Trung đoàn 169 thay thế phụ trách tiễu phỉ ở Yên Bái.

Từ tháng 4-6/1954, ta chuyển sang phát động quần chúng để giải quyết cơ bản vấn đề phỉ. Đại đội 95 làm nhiệm vụ cơ động, các Đại đội 85, 82, 92, 86, 96 trực tiếp làm nhiệm vụ phát động quần chúng. Bộ đội và cán bộ đã triệt để thực hiện "Ba cùng" (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với dân; từng bước tuyên

truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng về đường lối, chính sách của Đảng, tố cáo âm mưu, tội ác của thực dân Pháp và bọn đầu sỏ phỉ; thực hiện chính sách khoan hồng, kêu gọi những người lầm đường trở về làng, bản làm ăn. Đồng thời kiên quyết trừng trị bọn đầu sỏ, ngoan cố chống phá cách mạng.

Thực hiện nhiệm vụ tiễu phỉ, từ năm 1952 đến năm 1954, Huyện ủy Văn Bàn đã lãnh đạo thực hiện cơ bản thắng lợi 3 chiến dịch tiễu phỉ.

Giai đoạn thứ nhất (từ tháng 11/1952- 7/1953)

Đầu năm 1953, trong thời gian nhân dân các dân tộc Văn Bàn đang ra sức khôi phục, củng cố địa phương sau ngày được giải phóng đồng thời tích cực tham gia phục vụ các chiến dịch trong toàn quốc thì địch liên tục tung các toán gián điệp, biệt kích xuống các xã trong huyện.

Đầu tháng 1/1953, thực dân Pháp tung một toán biệt kích nhảy dù xuống xã Phong Dụ.

Đầu tháng 2/1953, chúng tiếp tục thả một toán xuống Sa Pa giáp Nậm Chày (Văn Bàn). Ngày 5/2/1953, chúng thả tiếp một toán 10 tên gián điệp, biệt kích, đa số là người Văn Bàn xuống Nậm Cần (xã Dần Thàng - Văn Bàn) do tên Lý Văn Tẩn (tức Phó Tẩn) chỉ huy. Bọn gián điệp, biệt kích được trang bị vũ khí hiện đại, điện đài và các phương tiện hoạt động khá đầy đủ. Sau khi ổn định chúng chia ra 4 toán hoạt động ở 4 khu vực sau:

Toán một hoạt động ở vùng Minh Lương, Nậm Xây, Nậm Xé do tên Dương Văn Đo người Minh Lương chỉ huy.

Toán thứ hai hoạt động ở vùng Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ do tên Lý Văn Tẩn (tức Phó Tẩn) chỉ huy.

Toán thứ ba hoạt động ở vùng Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken, Liêm Phú, Nậm Tha do tên Nguyễn Đình Huân chỉ huy.

Toán thứ tư hoạt động ở vùng Kim Sơn, Cam Cọn, Bảo Hà do tên Hà Văn Qúy chỉ huy.

Đến ngày 12/5/1953, địch tiếp tục thả dù một số biệt kích cùng lương thực và vũ khí xuống các thôn Nậm Tu (Nậm Xé), Nậm Cần (Dần Thàng). Tính đến giữa tháng 5/1953, thực dân Pháp thả xuống Văn Bàn 17 tên gián điệp, biệt kích cùng nhiều vũ khí, phương tiện hoạt động khác. Đồng thời, chúng chia lại địa bàn hoạt động và phân công chỉ huy ở các vùng như sau: Hoàng Văn Thỉnh chỉ huy vùng Minh Lương, Hoàng Văn Phiêng chỉ huy vùng Dương Quỳ, Phó Tẩn trực tiếp chỉ huy vùng Khánh Thượng, Hoàng Văn Tỉnh vùng Võ Lao, Hoàng Văn Quý vùng Kim Sơn - Cam Cọn.

Sau khi phân công địa bàn hoạt động, bọn chúng liên lạc ngay với tay chân là cơ sở cũ, bắt mối với gia đình lôi kéo mở rộng lực lượng và đẩy các hoạt động mạnh dần lên ở các địa bàn huyện. Riêng khu vực Khánh Yên Thượng là khu trung tâm huyện nên chúng hoạt động rất bí mật, không để lộ tung tích.

Ngày 27/5/1953, địch tiếp tục nhảy dù xuống khu vực Nậm Đao (xã Làng Giàng). Tiếp đó cũng mở rộng ra khắp địa bàn trong huyện, nhất là từ vùng Dương Quỳ đến vùng Minh Lương.

Ở Nậm Xé, chúng đe dọa, lôi kéo được 7 thanh niên dân tộc Mông (ở bản Nậm Tu theo phỉ). Đồng thời chúng cấu kết với những phần tử xấu và bọn phản động công khai hoạt động ở vùng Minh Lương. Ở xã Dần Thàng và xã Kim Sơn chúng âm mưu tổ chức bộ máy ngụy quyền. Chúng nêu khẩu hiệu "Đánh Kinh giải phóng thuế, giải phóng dân công"[1] và tung dư luận một nghìn quân Pháp sắp nhảy dù về Dương Quỳ và Khánh Yên...

[1] Chúng đưa ra luận điệu ở với Pháp đi phu có 5 ngày đến 10 ngày, ở với Chính phủ phải đi dân công 4 tháng.

Chúng triệt để lợi dụng những sai lầm, thiếu sót của ta trong việc chấp hành thực hiện các chính sách, nhất là chính sách dân vận, chính sách khoan hồng và trừng trị, chính sách thuế nông nghiệp, đi dân công và tòng quân để chia rẽ, nói xấu, lừa gạt, dụ dỗ đi đôi với đe dọa và cưỡng bức nhân dân các dân tộc trong huyện theo chúng làm phỉ.

Âm mưu của địch là xây dựng căn cứ lâu dài ở vùng núi bản Nậm Tu (xã Nậm Xé). Bước tiếp theo từ Nậm Tu chúng sẽ phát triển địa bàn hoạt động theo hai hướng, 1 hướng qua xã Dần Thàng, Nậm Mả, Võ Lao, Kim Sơn[1] sang thượng huyện Lục Yên nối với huyện Bắc Hà - Lào Cai, hướng còn lại ra xã Dương Quỳ, Khánh Yên, nối lên với Phong Dụ, Gia Hội và Tú Lệ (nay thuộc vùng Văn Chấn, Yên Bái).

Đến tháng 7/1953, bọn chúng chắp nối được với hầu hết các tay chân, cơ sở cũ, nhất là những tay chân đắc lực. Mặt khác chúng tiến hành dụ dỗ, mua chuộc những phần tử xấu trong chính quyền cấp xã của ta như: Hùng (Minh Lương), Vay, Điêm (Kim Sơn), Tân (đảng viên xã Khánh Yên Thượng)...

Về phía huyện lúc này một số cán bộ chiến sĩ và quần chúngnhân dân còn chủ quan, chưa đánh giá đầy đủ và đúng đắn âm mưu gây phỉ của địch, chưa nhận thức đầy đủ tác hại của hoạt động gián điệp, biệt kích và một số hoạt động phỉ. Vì vậy huyện không tích cực phòng chống gián điệp, biệt kích; không chú ý làm trong sạch địa bàn, cảnh cáo, răn đe những phần tử xấu, phần tử phản động; không kiên quyết truy lùng và bắt bọn gián điệp biệt kích ngay khi chúng vừa nhảy dù xuống các địa bàn. Khi hoạt động và tổ chức của phỉ lan rộng, huyện lại chưa nắm chắc phương châm giải quyết hoạt động phỉ của Trung ương là: "Kết hợp quân sự với chính trị, quân sự làm áp

[1] Xã Kim Sơn nay thuộc huyện Bảo Yên - Lào Cai.

lực, chính trị làm căn bản". Vì vậy Huyện ủy lúc thì chỉ đạo kêu gọi một chiều, có khi lại đơn thuần lùng sục tấn công nên hiệu quả thấp.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Yên Bái quyết định thành lập ban chỉ đạo chống biệt kích và phỉ ở Văn Bàn gồm 5 đồng chí do Bí thư Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo.

Trên cơ sở nhận định đánh giá tình hình, phân tích những thuận lợi và khó khăn của địa phương, nhất là tình hình hoạt động của phỉ, Huyện ủy Văn Bàn có Nghị quyết phát động một đợt tuyên truyền, học tập sâu rộng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, từ ngày 23/5-15/6/1953 với nội dung chủ yếu là: Giáo dục chính sách dân tộc thiểu số, chính sách dân vận, chính sách khoan hồng đối với những người ăn năn, hối cải; vạch rõ âm mưu thủ đoạn, tội ác của thực dân Pháp và hoạt động phỉ nhằm trang bị cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đường lối, quan điểm cơ bản của Đảng về giải quyết vấn đề phỉ. Đồng thời nâng cao lòng căm thù địch, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Chính phủ, tăng cường đoàn kết và tích cực tham gia công tác phòng chống biệt kích và hoạt động phỉ.

Về chỉ đạo thực hiện, Huyện ủy đề ra biện pháp cụ thể: Đối với những gia đình có chồng, con là biệt kích phải tăng cường gần gũi, kiên nhẫn giáo dục, thuyết phục vận động chồng con trở về. Bí mật phục kích các nơi địch có thể qua lại, tăng cường truy lùng nhằm cắt đường liên lạc, tiếp tế của chúng, kết hợp tuần tiễu canh gác bảo vệ nhân dân. Tích cực xây dựng, đào tạo đội ngũ trung kiên làm nòng cốt cho phong trào quần chúng trong việc đấu tranh với hoạt động phỉ. Nhất là các xã trọng điểm có phỉ hoạt động và những nơi xung yếu. Chấn chỉnh về tổ chức và hoạt động của các Ủy ban hành chính, các ban xã đội, công an, các tổ chức quần chúng ở các xã. Nêu cao cảnh giác với âm mưu cài cắm nội gián và âm mưu ly gián chia rẽ, lôi kéo của địch...

Do chủ trương lãnh đạo đúng đắn của Tỉnh ủy và sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, đợt phát động tuyên truyền thu được một số kết quả. Ở Huyện ủy đã tổ chức Hội nghị quân, dân chính Đảng có 72 đại biểu tham gia. Chủ yếu là bàn biện pháp chống âm mưu gây chiến tranh gián điệp và gây phỉ của địch, các địa phương phải chủ động đánh địch, ổn định đời sống nhân dân. Các đại biểu dự hội nghị đều nhất trí cao với chủ trương lãnh đạo của huyện và cùng nhau ra sức thi đua thực hiện. Sau đó hầu hết các xã, các bản đều tổ chức học tập chủ trương trên của huyện. Toàn huyện tổ chức được 127 cuộc họp với 3.254 người tham dự (riêng học tập trung tại xã có 2.521 người). Cán bộ ta gặp gỡ, tuyên truyền, giải thích cho 362 gia đình có liên quan đến phỉ và biệt kích. Tổ chức cải tạo 168 tên tề ngụy cũ, trong đó có 7 tên kỳ hào gian ác.

Nhằm hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chống lại các hoạt động phỉ và biệt kích, Huyện ủy còn phát động một chiến dịch tố cáo, tố khổ rộng khắp các thôn bản kết hợp với bồi dưỡng cốt cán làm nòng cốt trong các hội nghị tố cáo, tố khổ[(1)]. Kết quả, Huyện ủy đã tổ chức được hơn 100 hội nghị tố cáo, tố khổ kết hợp với học tập chủ trương chống phỉ. Riêng 2 xã Võ Lao và Phong Dụ tổ chức được đại hội tố khổ trong toàn xã, ở Võ Lao có 475 người tới dự với 129 người tố cáo, ở Phong Dụ có 216 người dự 103 người tố cáo âm mưu tội ác của phỉ.

Sau một thời gian ngắn tiến hành tổ chức học tập chủ trương chống phỉ và kết hợp phong trào tố cáo, tố khổ, Huyện ủy đã làm chuyển biến cơ bản nhận thức của nhân dân các dân tộc trong huyện. Nhân dân hiểu rõ hơn về chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng nên hăng hái phát hiện, cung cấp cho chính quyền nhiều nguồn tin giá trị. Khi có hiệu lệnh tập trung vây bắt phỉ

(1) Điển hình về cốt cán như chị Xuân (Minh Lương), cụ Xin (Khánh Yên Thượng).

và biệt kích, do thám nhân dân đã khẩn trương tích cực tham gia không ngần ngại. Riêng chiến dịch tố cáo, tố khổ Huyện ủy nhận được trên 500 đơn tố cáo tội ác của bọn phản động, cường hào gian ác như các tên Đình Đô, Đình Tấn, Phó Thàn và đề nghị tử hình một số trùm phỉ có nợ máu với nhân dân. Số tề ngụy cũ và những gia đình có liên quan với phỉ, tề ngụy cũ nhận thấy sai lầm của mình và hiểu rõ chính sách khoan hồng của Chính phủ đã tích cực vận động người thân ra thú tội[1].

Chủ trương đấu tranh phòng, chống phỉ và biệt kích của huyện trở thành phong trào quần chúng rộng khắp, trở thành cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn của nhân dân các dân tộc trong huyện. Nhờ đó, huyện ngăn chặn được một bước âm mưu thâm độc của địch. Đây là một thắng lợi quan trọng góp phần phá tan âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp ở Văn Bàn.

Giai đoạn thứ 2 (từ tháng 8/1953 đến cuối năm 1953)

Từ giữa năm 1953, cục diện chiến trường Việt Nam có nhiều biến đổi có lợi cho ta. Phạm vi chiếm đóng của địch ngày càng bị thu hẹp, chúng càng điên cuồng đánh phá hậu phương của ta[2].

Đến trung tuần tháng 8/1953, địch lại tung 32 tên biệt kích do tên Phó Tấn chỉ huy vào địa bàn hai huyện Than Uyên và Văn Bàn. Bọn chúng chia làm ba tổ hoạt động. Tổ 1 do tên Tạo Xi chỉ huy ở vùng Chom Trăng, Phiêng Phát; Tổ 2 hoạt động ở vùng Mường Cang (Than Uyên) do tên Nguyễn Đình Đa chỉ huy

---

[1] Đã có các tên phỉ ra đầu thú như Nguyễn Đình Huân (Khánh Yên Hạ) Hoàng Văn Tiếng (em Hoàng Văn Quý, chỉ huy phỉ người xã Kim Sơn). Riêng ở xã Khánh Yên Hạ, nhân dân đã kết hợp với gia đình kêu gọi tên Nguyễn Đình Huân ra hàng và bao vây bắt được tên Phó Thàn.

[2] Tại Văn Bàn, sau khi ta bắt Phó Thàn ở Chiềng Ken và bắt Hà Văn Quý ở Làng Giàng và Nguyễn Văn Quảng ở Phú Thọ, Nguyễn Đình Huân ra hàng, hai tên đầu sỏ là Phó Tẩn và Hoàng Văn Quý (người Kim Sơn) bỏ chạy về Nà Sản (Sơn La) nhưng chúng vẫn cài cắm lại một số tên ở vùng Minh Lương để bí mật theo dõi ta và tiếp tục gây cơ sở.

gồm 17 tên; tổ 3 hoạt động tại Văn Bàn do tên Phó Tấn trực tiếp chỉ huy. Chúng vẫn lấy vùng núi Nậm Tu làm chỗ đứng chân. Từ đó chúng phát triển ra các xã Khánh Yên Hạ, Bảo Hà, Tân An, Dương Quỳ, Minh Lương, Võ Lao, Nậm Mả, Dần Thàng, Nậm Xé, Chiềng Ken, Kim Sơn, Cam Cọn. Chúng hình thành đường dây hoạt động theo 3 hướng. Hướng thứ nhất từ Nậm Tu qua Minh Lương, Dương Quỳ, Nậm Dạng, Nậm Xé, Võ Lao, Kim Sơn, Cam Cọn, Bảo Hà nối với thượng huyện Lục Yên đi Bắc Hà (Lào Cai). Hướng thứ hai từ Minh Lương, Dương Quỳ, Khánh Hạ, Chiềng Ken, Nậm Tha nối với Khe Thanh và liên lạc với bọn Trần Nhàn (Trấn Yên - Văn Chấn), sau đó tiếp tục phát triển, liên lạc đến Nậm Mười, Khao Vác, Sùng Sáu, Si Pàn và Khe Mang (thuộc huyện Văn Chấn - Mù Cang Chải - Nghĩa Lộ), hướng thứ ba từ Võ Lao nối với Mường Bo, Bảo Thắng - Lào Cai.

Đầu tháng 9/1953, thực dân Pháp lại tiếp tục thả dù bổ sung lực lượng và thả lương thực, thực phẩm tiếp tế cho bọn biệt kích ở Văn Bàn, ngày 1/9/1953, chúng thả dù xuống Nậm Coóc, ngày 2/9/1953, chúng tiếp tục thả dù xuống thôn Nậm Cọ xã Khánh Yên Thượng.

Thời gian này ở các địa phương bắt đầu xuất hiện những hiện tượng đáng nghi vấn. Một số nơi xuất hiện những luận điệu phản tuyên truyền như "Chính quyền sẽ đưa ruộng đất lên hết hạng A, thuế năm nay không phải nộp..."[(1)]. Trước tình hình trên, Huyện ủy Văn Bàn khẩn trương triệu tập cán bộ chủ chốt các cơ sở đến họp phổ biến kinh nghiệm tiễu phỉ ở Lào

[(1)] Như trên rừng có nhiều vết người nằm, vết chặt cây, đun bếp, dấu vết có người đưa cơm lên rừng. Một số người hầu hết là những phần tử xấu đột nhiên vắng mặt, một số người lạ mặt xuất hiện, không chấp hành chính sách, không tham gia du kích lại tự nguyện xin vào du kích. Đặc biệt ở vùng Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken một số phần tử phản động hay hội họp ở khu bí mật Nà Nu, Nong Yến như tên Yên (người làng Chiềng Ken), lúc đó là ủy viên Mặt trận Liên Việt xã, và các tên Lam, Giản, Chao, Phúc, Bài, Minh (Minh là vợ Nguyễn Đình Tấn)...

Cai, Than Uyên và đề ra biện pháp tiếp tục phát động quần chúng, củng cố các tổ chức. Huyện ủy nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt là tăng cường bao vây, lùng bắt bọn biệt kích và đầu sỏ chống đối, làm tay trong cho địch.

Huyện tổ chức làm thí điểm ở Dương Quỳ, Dần Thàng, Nậm Chầy và các bản người Dao ở Khánh Yên Thượng. Điểm tiến hành đầu tiên là Bản Khoay, xã Dương Quỳ và Nậm Miện (xã Dần Thàng). Riêng xã Võ Lao huyện cử cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo. Do làm tốt công tác vận động quần chúng tố giác tội phạm, nên ở Dần Thàng có hai tên tự đến ủy ban xã thú nhận là đã móc nối với bọn biệt kích khi chúng nhảy dù xuống Nậm Cần.

Thông qua phong trào phát động quần chúng, ta lập được danh sách những tên cần được quản chế, cải tạo, một số tên có nhiều nghi vấn và danh sách bọn ngụy quân, ngụy quyền, bọn hoạt động cho Quốc dân Đảng trước đây để có biện pháp quản lý, giáo dục cho tốt. Bên cạnh đó ta mở một chiến dịch truy quét, vây bắt bọn biệt kích và phỉ gồm đông đảo lực lượng công an, quân đội và nhân dân tham gia. 15 ngày đầu chiến dịch ta tiêu diệt được 3 tên ngoan cố chống đối và gọi được 4 tên ra hàng. Phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Văn Bàn chống các hoạt động phỉ và biệt kích gây cho địch thiệt hại nặng nề, làm cho bọn đầu sỏ biệt kích và phỉ càng thêm hoang mang, lo sợ. Bọn chúng nằm im co cụm lại chờ thời cơ hoặc chỉ hoạt động nhỏ lẻ không dám công khai, trắng trợn như trước.

Giai đoạn thứ 3 (từ tháng 1/1954 đến cuối năm 1954)

Ngày 13/1/1954, quân và dân ta được lệnh mở cuộc tổng tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Thực dân Pháp ngày càng điên cuồng, lồng lộn tăng cường đánh phá ta. Thậm chí ngay khi buộc phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình ở Đông Dương, trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực từ ngày

21-27/7/1954, thực dân Pháp vẫn tranh thủ ngày đêm thả vũ khí, lương thực cho các lực lượng phỉ ở các địa phương. Đồng thời chúng có kế hoạch chỉ đạo cho phỉ hoạt động, khi cần thì đấu súng trá hàng; tìm mọi cách bảo vệ điện đài, vũ khí, kho tàng; tiếp tục chiến tranh tâm lý và phá hoại các chính sách của ta. Chúng còn thả cả bạc trắng và bản đồ cho bọn đầu sỏ phỉ, phòng khi không ở lại được thì rút sang Lào. Một mặt chúng cho máy bay trực thăng đến đón một số tên tay sai, phản động đầu sỏ phỉ, bọn đặc vụ, biệt kích để trở lại phục vụ kế hoạch lâu dài sau này.

Ở Lào Cai, các chiến dịch tiễu phỉ ở miền Đông (1952) và miền Tây (1953) đánh tan lực lượng phỉ nhưng thực dân Pháp vẫn tiếp tục duy trì âm mưu gây phỉ trở lại. Từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, máy bay của Pháp liên tục thả dù cho gián điệp, biệt kích vũ khí và lương thực, điện đài, máy bộ đàm cho các toán phỉ còn lén lút. Được sự chỉ huy và tăng viện của quan thầy, ở các huyện Phong Thổ, Sa Pa, Bát Xát, địch hoạt động mạnh trở lại. Chúng đánh chiếm các mục tiêu, căn cứ cũ làm bàn đạp đánh rộng ra các địa bàn lân cận. Đến tháng 3 năm 1954, lực lượng phỉ đã lên đến 2.500 tên. Ở tỉnh Yên Bái, tháng 4/1954, phỉ từ Ngọc Chiến (Sơn La) luồn sang Xà Hồ - Trạm Tấu định liên lạc với Pháp gây phỉ ở vùng này. Bị ta đánh, chúng phải luồn trở lại. Bọn phỉ ở Than Uyên bị ta đánh mạnh phải thay đổi phương thức hoạt động: "Tránh mạnh, đánh yếu", gây cho ta khó khăn nhất định.

Ở Văn Bàn thời kỳ này, hoạt động phỉ cũng mạnh dần trở lại. Từ vùng cao, chúng mở rộng hoạt động xuống vùng thấp, ở cả ba phía Bắc, Tây, Nam huyện, tạo thành thế chân kiềng. Chúng tăng cường móc nối với cơ sở cũ, lôi kéo người đi theo.

Từ tháng 12/1953-4/1954, phỉ phát triển mạnh ở Than Uyên. Từ tháng 11-12/1953, máy bay của Pháp thả thêm 3 tên

biệt kích xuống Phong Dụ trong đó có tên Tổng Chiêu, tên Kim Pháu và một số không rõ tên. Bọn phỉ 3 lần tiến đánh ra vùng Minh Lương. Mỗi lần lực lượng chúng có khoảng 200 tên do Lý Thanh (tức Hoàng Văn Thanh, người xã Dương Quỳ) chỉ huy. Hoạt động của chúng nhằm gây thanh thế và phát triển thêm lực lượng. Ở phía huyện Sa Pa, phỉ từ Mường Bo, Seo Mý Tỷ tiến vào các xã Nậm Chày, Nậm Mả, nhằm lôi kéo dân phát triển lực lượng. Chúng dụ dỗ, lôi kéo được 30 gia đình ở Nậm Chày và 21 gia đình ở Nậm Mả đi theo. Sau đó, chúng đánh chiếm Su Pa (Nậm Chày và Nậm Mả), đồng thời tổ chức lực lượng ở Nậm Chày được 2 trung đội, 1 trung đội ở Nậm Mả.

Ở xã Phong Dụ từ 3 tên ban đầu (do Tổng Chiêu chỉ huy), lực lượng phỉ phát triển lên 45 tên với 18 súng trường và 5 tiểu liên.

Như vậy, đến năm 1954, hoạt động phỉ ở Văn Bàn phát triển khá mạnh. Chúng móc nối với bọn phản động các nơi và hình thành đường dây hoạt động khá rộng, suốt từ Than Uyên đến Nậm Xây - Nậm Xé, Lùng Cúng (Mù Cang Chải), Phong Dụ sang Mường Bo - Seo Mý Tỷ (Sa Pa) về Nậm Chày - Nậm Mả và thường xuyên uy hiếp Dương Quỳ, Nậm Dạng, Võ Lao. Tổng số quân của chúng có lúc lên đến gần 300 tên, riêng ở Văn Bàn có trên 100 tên.

Từ tháng 4/1954-7/1954, quân và dân ta tập trung tiêu diệt cứ điểm Điện Biên Phủ, dẫn đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ. Trước khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc thắng lợi, ở Văn Bàn bọn phỉ dồn sức mở rộng địa bàn hoạt động, phát triển lực lượng. Từ thôn Nậm Tu (Nậm Xé) và Nậm Chày chúng đánh xuống Dần Thàng 4 lần, đánh rộng ra toàn bộ xã Nậm Xé và xã Minh Lương 5 lần. Tại Nậm Mả chúng 6 lần phối hợp với bọn phỉ Đầu Phát (Bảo Thắng) tiến quân xuống Khau Vang, Rỏng Châu đánh úp dân rồi tràn xuống Mả Ngam, Rong Cấp (Phú Nhuận -

Bảo Thắng), sau đó chúng phát triển sang hướng Khe Bá (Phú Nhuận).

Nhìn chung, các cuộc tấn công trên của phỉ đều bị các lực lượng vũ trang và nhân dân ta đánh chặn quyết liệt, khiến chúng bị thiệt hại nặng nề phải phân tán hoạt động ở các vùng Khe Cọ (Bảo Thắng), Phìn Hồ (Sa Pa), Mả Ngam (Phú Nhuận - Bảo Thắng).

Tại Nậm Chày, Nậm Mả, chúng thả dù 10 lần, trên 120 tên cùng vũ khí lương thực, thực phẩm. Đồng thời chúng cho máy bay đến đánh Phú Nhuận, đẩy mạnh hoạt động biệt kích ở Dần Thàng, Nậm Dạng và Võ Lao.

Các hoạt động ngày một điên cuồng của phỉ và biệt kích gây cho ta không ít khó khăn. Ở Nậm Chày, Nậm Mả chúng bắt nhân dân đến dựng nhà và ở quanh nơi chúng đóng quân, hòng làm hàng rào che chắn cho chúng. Chúng tấn công vọng tiêu của ta ở Pờ Xì Ngài (Nậm Chày), uy hiếp mạnh Dần Thàng, bắt 17 thanh niên cầm súng cho chúng (do tên Xếp Than chỉ huy). Lực lượng của phỉ ở Nậm Chày, Nậm Mả và Đầu Phát (Bảo Thắng) ngày càng tăng. Ở Nậm Chày phát triển tới 105 tên, ở Nậm Mả có 176 tên, ở Đầu Phát có 87 tên. Chúng còn tích cực gây cơ sở, phát triển lực lượng ở vùng Khe Bá (Phú Nhuận).

Tỉnh Lào Cai đến tháng 7/1954, phỉ nổi lên chiếm được hấu hết các xã trong huyện Bắc Hà, số lượng phỉ phát triển từ 46 lên tới 1.431 tên, kéo xuống phía Lục Yên và phía đông bắc Văn Bàn.

Từ tháng 7 đến hết tháng 12/1954, ở tất cả các địa bàn trong huyện Văn Bàn, phỉ bị ta đánh mạnh và tan rã, số còn lại phải co vào hoạt động bí mật phân tán. Chúng chuyển hướng sang hoạt động theo kiểu biệt kích, luồn sâu vào hậu phương an toàn của ta để quấy rối, phá hoại, nhất là ở vùng Dương Quỳ, Làng

Én (Võ Lao). Mặt khác, chúng bắt mối liên lạc với bọn địa chủ, tay chân thân tín cũ để chờ thời cơ.

Thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ, đình chiến ở Đông Dương (20/7/1954) là một đòn giáng mạnh vào chế độ thực dân nói chung, đối với bọn đầu sỏ phỉ ở Văn Bàn nói riêng, tạo một không khí vô cùng phấn khởi trong nhân dân toàn huyện từ vùng thấp đến vùng cao. Hàng ngũ phỉ lúc này hoang mang, dao động đến cực độ, bọn chỉ huy phỉ lo vơ vét của cải, theo những tên thân tín chạy về Mường Bo (Sa Pa). Bọn lính phỉ, một số trốn vào rừng, một số trá hàng, còn đa số mang vũ khí ra đầu thú với chính quyền. Cuối năm 1954, một số phỉ ngoan cố do hai tên Lý Thanh và Dương Văn Đo cầm đầu, lại lén lút hoạt động ở vùng Nậm Tu (Nậm Xé). Ở Nậm Chày bọn phỉ A Sùng về bắt mối với bọn phỉ A Trình, A Man (người Nậm Chày)[1]. Chúng chỉ còn 17 tên do tên A Sùng cầm đầu ẩn náu ở Mường Bo, liên lạc với bọn phản động tại địa phương, dò xét tình hình, xây dựng cơ sở chờ đợi thời cơ chống phá ta.

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ và phải ký Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954), thực dân Pháp lệnh cho bọn phỉ chuyển hướng hoạt động. Kế hoạch có bốn điểm chính: Kiên quyết bảo vệ kho tàng, vũ khí và phương tiện thông tin liên lạc. Hoạt động theo phương châm tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, tránh bộ đội chủ lực, đánh bộ đội địa phương và dân quân du kích. Khi bị đánh mạnh thì giấu súng trá hàng. Tiếp tục tuyên truyền đề cao Pháp - Mỹ, gây chiến tranh tâm lý, đe dọa chiến tranh, chống phá các chính sách của Đảng và Chính phủ.

Tranh thủ thời gian trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực (21-26/7/1954), Pháp liên tục dùng máy bay thả dù tiếp tế lương

[1] Bọn chúng tập trung nhân dân đến tuyên truyền là chúng được máy bay Mỹ tiếp tế lương thực và vũ khí đạn dược, chuẩn bị về đóng quân ở Nậm Mả. Sau đó bọn chúng tiếp tục hoạt động lén lút ở vùng núi giáp ranh Nậm Mả với Mường Bo.

thực, thực phẩm, vũ khí, điện đài, bản đồ cho bọn đầu sỏ phỉ, đồng thời tổ chức đưa một số tên về Hà Nội, vào Nam huấn luyện nhằm sử dụng lâu dài.

Trong điều kiện thực dân Pháp đang rút dần khỏi miền Bắc, để giải quyết vấn đề phỉ, Đảng ta chủ trương tiếp tục lấy vận động chính trị làm chủ yếu, hoạt động quân sự làm áp lực, kiên quyết tiêu diệt bọn đầu sỏ ngoan cố không chịu hàng. Đồng thời ra sức khôi phục kinh tế, mở mang văn hóa - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc.

Theo chủ trương này, Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc các cấp uỷ đảng và chính quyền có sự hỗ trợ của các đơn vị bộ đội địa phương vừa lùng sục, truy quét bọn phản động vừa phát động quần chúng.

Trước tình hình trên, Huyện ủy Văn Bàn tiến hành họp, phân tích nhận định tình hình:

Thứ nhất, gây phỉ là một âm mưu thâm độc lâu dài của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, là hình thức vũ trang bạo loạn, phản cách mạng ở miền núi, hải đảo. Vấn đề phỉ thực sự là một hình thức đấu tranh giai cấp một mất, một còn giữa chúng và ta. Ngoài vấn đề giai cấp, vấn đề phỉ còn là một vấn đề dân tộc, một vấn đề quần chúng.

Thứ hai, để thực hiện âm mưu gây phỉ, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thả vũ khí, điện đài, lương thực, thực phẩm, thả biệt kích và các phương tiện cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho bọn phản động hoạt động, phát triển lực lượng.

Thứ ba, do ta còn mất cảnh giác nên một số tên phản động có cơ hội lọt vào các cơ quan, chính quyền và lực lượng vũ trang của ta. Một số kế hoạch lùng tiễu phỉ của ta bị bại lộ nên đạt hiệu quả thấp, thậm chí còn bị địch chủ động đối phó gây thiệt hại. Những tên biệt kích và đầu sỏ là người Văn Bàn hầu hết là

số hào lý và các nhân vật thuộc tầng lớp trên nên ít nhiều uy thế cũ của chúng còn ảnh hưởng đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nhân dân các dân tộc thiểu số vùng cao dân trí thấp. Chúng dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc, đi đôi với đe dọa, cưỡng bức nên một bộ phận không nhỏ nhân dân địa phương (chủ yếu là thanh niên) đi theo chúng hoặc ủng hộ chúng. Bọn gián điệp biệt kích và đầu sỏ phỉ triệt để lợi dụng những sai lầm, thiếu sót của ta trong việc chấp hành chính sách dân tộc của Đảng, trong quá trình điều hành, quản lý xã hội, đặc biệt trong việc thực hiện chính sách thuế, dân công, tòng quân... để phản tuyên truyền, xuyên tạc ly gián giữa Đảng, chính quyền với nhân dân các dân tộc và lôi kéo quần chúng theo phỉ.

Thứ tư, chúng ta chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, chưa vạch rõ những tội ác mà địch gây ra cho đồng bào, nhằm động viên tinh thần quyết tâm, nâng cao chí căm thù địch trong nhân dân. Mặt khác, do điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn và hoàn cảnh chiến tranh, ta vẫn chưa cải thiện được rõ nét đời sống nhân dân các dân tộc. Đây cũng là cơ sở để kẻ địch lợi dụng, lôi kéo quần chúng. Việc củng cố các cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang chưa được chú ý thường xuyên, nhất là ở các xã vùng cao hẻo lánh, việc kêu gọi, vận động giác ngộ những người lầm đường trở về, việc cải tạo cơ sở xã hội cũ của địch còn yếu.

Từ những nhận định trên và thấy được tính chất nguy hiểm của âm mưu gây phỉ, Huyện ủy đặt công tác chống gián điệp, biệt kích, phá âm mưu gây phỉ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách lúc này của địa phương. Huyện chủ trương mở đợt tuyên truyền, phát động mạnh mẽ tư tưởng của quần chúng, tổ chức cho nhân dân học tập để mọi người hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và lòng căm thù địch. Từ đó, nhân dân chủ động tố cáo và

phát giác bọn tay chân của phỉ cài lại, giúp chính quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

Huyện đề ra những chủ trương cụ thể: Tổ chức cải tạo, giáo dục bọn phỉ đã ra hàng và bọn tay chân phản động. Dùng những người đã cải tạo tốt và gia đình vợ con họ vận động, giác ngộ, kêu gọi bọn còn ngoan cố ra hàng, đầu thú. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trung kiên, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ, năng lực đi đôi với việc xây dựng, chỉnh đốn các tổ chức chính quyền, lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân. Xây dựng lực lượng bán vũ trang ở các vùng dân tộc Mông, dân tộc Dao địch còn cài phỉ lại, kể cả những vùng dễ bị uy hiếp, huấn luyện cho dân quân du kích các phương pháp, khoa mục chống phá phỉ.

Để thực hiện chủ trương trên, về quân sự, rút kinh nghiệm những lần trước, lần này khi Pháp thả xuống Phong Dụ 3 tên biệt kích, ta điều ngay một trung đội cơ động bao vây, truy lùng. Tuy chưa tiêu diệt được ngay nhưng cũng làm hạn chế tối đa sự phát triển của chúng. Khi tình hình ở Nậm Chày trở nên nghiêm trọng, ta kịp thời đưa đại bộ phận Đại đội 85 phối hợp cùng Đại đội 92 của tỉnh phong tỏa chúng ở hai phía Võ Lao, Nậm Mả và Dương Quỳ.

Tuy nhiên từ Dương Quỳ trở vào, do chưa nắm chắc phương châm tiễu phỉ, nên Đại đội 85 chưa phát huy được thế mạnh sẵn có của mình, có khi còn bị động, lúng túng và bị thiệt hại. Để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ cho vùng Dương Quỳ, Nậm Chày, Dần Thàng, nhất là những nơi có phỉ hoạt động, Huyện đã tăng cường những cán bộ có năng lực, trực tiếp xuống kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ các cơ sở, nhất là những nơi yếu và địa bàn quan trọng.

Nói chung, trên địa bàn toàn huyện, ta vẫn giữ được thế chủ động tiến công địch. Các lực lượng của ta đã kiềm chế không cho địch mở rộng địa bàn phát triển lực lượng. Ta bảo vệ an toàn

khu vực đang phát động giảm tô, ở các vùng Minh Lương, Phong Dụ lực lượng vũ trang tích cực truy quét, đánh tan mục tiêu phỉ, buộc chúng phải phân tán.

Nhờ những biện pháp chỉ đạo sâu sát, tích cực và có hiệu quả nên mặc dù còn nhiều khó khăn, tính đến hết năm 1954, huyện Văn Bàn cơ bản đập tan âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; giải phóng hoàn toàn nhân dân và đất đai bị phỉ chiếm đóng, kể cả các khu vực trước đây địch thực hiện âm mưu "thổ phỉ hóa toàn dân" như Nậm Chày, Nậm Mả, Nậm Tu (Nậm Xé) đều được giải phóng.

Trong hơn hai năm tiễu phỉ (từ tháng 11/1952 đến năm 1954), quân và dân ta tiến đánh 54 trận với nhiều lực lượng tham gia, diệt 82 tên trong đó có 7 tên trùm phỉ, bắn bị thương 4 tên, bắt sống 4 tên, gọi hàng 97 tên[1].

Sở dĩ Văn Bàn đạt được những thắng lợi trên là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Trung ương và Tỉnh ủy Yên Bái. Đặc biệt là sự lãnh đạo trực tiếp có hiệu quả của Huyện ủy và ban chỉ đạo tiễu phỉ của huyện. Thắng lợi trên còn do tinh thần chủ động tích cực, không sợ gian khổ hi sinh của cán bộ chiến sĩ các lực lượng vũ trang, nhân dân các dân tộc trong huyện, bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ, phối kết hợp chặt chẽ của các đơn vị thuộc tỉnh và huyện bạn.

Sau khi kết thúc thắng lợi chiến dịch tiễu phỉ, Huyện ủy mở một đợt học tập, tuyên truyền rộng rãi cho nhân dân trong toàn huyện về thắng lợi phá âm mưu gây phỉ, về chính sách khoan hồng với những người lầm đường, chính sách của Đảng đối với các dân tộc miền núi... Nhân dân các dân tộc đã tích cực tham

[1] Trong đó có 5 tên nguy hiểm và 1 trung tá của địch, ta thu 1 đại liên, 2 trung liên, 9 tiểu liên, 32 súng trường, hơn 2 tấn đạn dược và trang thiết bị khác như điện đài, dao găm, lương thực, thuốc chữa bệnh...

gia học tập, nhận rõ âm mưu của kẻ địch và hăng hái tố cáo, đưa ra ánh sáng 10 tên phỉ và biệt kích phản động vẫn giấu mặt không chịu ra đầu thú ở Dương Quỳ và Nậm Chày. Được quần chúng phát hiện, ta bắt thêm 3 tên quan trọng ở Võ Lao, quản chế 3 tên khác, huyện đã mở 5 lớp cải huấn cho 206 người là tay chân cũ hoặc có liên quan đến phỉ. Chính quyền huyện lập 2 phiên tòa xét xử công khai đối với những tên đầu sỏ có nhiều tội ác với các mức án nghiêm khắc nhất: 3 án tử hình, 2 án chung thân, 10 án từ 10 đến 20 năm, 9 án tù từ 1 đến 9 năm; miễn án phạt cho 2 tên và khoan hồng cho 2 tên có thái độ thực sự ăn năn, hối cải lập công chuộc tội.

Sau chiến dịch tiễu phỉ, Đảng bộ cũng tổng kết rút kinh nghiệm, đồng thời cũng chỉ ra những tồn tại yếu kém trong 2 năm lãnh đạo, chỉ đạo phá âm mưu gây phỉ. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc chưa đi sâu, chưa cụ thể, chậm rút kinh nghiệm. Công tác tuyên truyền chưa được đồng bộ, chưa làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức rõ âm mưu và thủ đoạn gây phỉ và phương châm tiễu phỉ khi phỉ mạnh, một số cán bộ và nhân dân còn có biểu hiện dao động, truy quét chưa toàn diện, triệt để và liên tục. Khi phỉ rút lại có tư tưởng chủ quan, công tác phát động quần chúng đấu tranh ở vùng có phỉ, vùng giáp ranh với phỉ chưa được thường xuyên. Mặt khác, lực lượng bán vũ trang, cán bộ cốt cán còn yếu. Trình độ giác ngộ của quần chúng chưa được nâng cao, đời sống nhân dân chưa ổn định, một số người còn tâm lý lo sợ phỉ trả thù. Đến tháng 12/1954, về cơ bản phỉ đã bị đánh tan, nhưng còn một số tên ngoan cố vẫn lén lút hoạt động ở vùng Nậm Chày, Nậm Tu (Nậm Xé), Nậm Mả, nhân dân vẫn không dám tố giác chúng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, chưa coi trọng đúng mức công tác tiễu phỉ và công tác sản xuất, còn phiến diện khi thì coi trọng mặt này, khi coi trọng mặt khác.

Từ thực tiễn đấu tranh giải quyết vấn đề phỉ, Đảng bộ tỉnh Yên Bái rút ra được kinh nghiệm quý báu là vận dụng sáng tạo phương châm tiễu phỉ của Trung ương Đảng: "kết hợp quân sự và chính trị song song, chính trị là căn bản, quân sự làm áp lực".

Cùng với lãnh đạo tiễu phỉ, Đảng bộ huyện lãnh đạo động viên sức người, sức của cho kháng chiến chống Pháp; thực hiện cải cách dân chủ; xây dựng hệ thống chính trị.

Thời gian từ cuối năm 1952 đến hết năm 1954, là thời kỳ đầy khó khăn gian khổ của huyện Văn Bàn. Tuy địa phương đã được giải phóng song đời sống nhân dân các dân tộc còn thiếu thốn nhiều, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện xuống xã chưa được ổn định, hiệu quả hoạt động còn thấp. Bên cạnh đó âm mưu gây phỉ của địch cũng gây cho ta nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn đề ra một số nhiệm vụ công tác trọng tâm về phát triển chế độ dân chủ nhân dân, củng cố hệ thống chính trị.

Củng cố, xây dựng Đảng: Năm 1951, Đại hội toàn quốc lần thứ II quyết định Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Lúc này, toàn huyện Văn Bàn có 47 đảng viên sinh hoạt ở 9 chi bộ cơ sở (7 cơ sở xã, 1 cơ quan và 1 chi bộ vũ trang). Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, Đảng bộ được kiện toàn và tăng cường nhiều mặt. Đảng bộ chủ trương tăng cường nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên, mở lớp bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ phẩm chất, năng lực.

Sau một thời gian củng cố, toàn huyện còn lại 6 chi bộ với 25 đảng viên, giảm 3 chi bộ, do thiếu đảng viên phải sáp nhập nhưng đảm bảo về chất lượng và năng lực lãnh đạo cao hơn. Công tác Đảng trong các lực lượng vũ trang như quân đội, công

an cũng được chú trọng củng cố về tổ chức và nâng cao chất lượng. Ta đã thanh lọc những phần tử biến chất, có vấn đề và nghi có vấn về chính trị ra khỏi lực lượng. Qua đợt củng cố ta cũng đã loại ra hàng ngũ của Đảng 18 đảng viên không đủ tư cách (trong đó có 7 làm tay sai cho địch, 6 tiểu chủ, phú nông tư sản). Sau khi tiến hành củng cố, các chi bộ và đội ngũ đảng viên được nâng lên rõ rệt về chất lượng, đủ điều kiện lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ở địa phương.

Song song với việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, huyện mở đợt củng cố về hoạt động tổ chức của chính quyền từ huyện đếncơ sở, chính quyền các cấp được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Huyện đưa 28 người ở các cơ sở vào các cơ quan chính quyền và loại ra 8 tên có quan hệ làm tay sai cho địch. Bộ đội địa phương vẫn giữ một đại đội gồm 3 trung đội, hai trung đội chốt ở những điểm trọng yếu làm nhiệm vụ phát động nhân dân tham gia sản xuất, làm nòng cốt trong công việc truy quét phỉ và biệt kích, phối hợp với lực lượng của tỉnh đánh những đòn quyết định vào hang ổ của bọn phỉ khi có thời cơ. Một trung đội còn lại phối hợp với nhân dân, tham gia sản xuất và làm nòng cốt trong việc truy quét phỉ và biệt kích, cắt đứt liên lạc của chúng với gia đình và tay chân, hạn chế chúng mở rộng địa bàn và phát triển lực lượng. Các đơn vị bộ đội địa phương tổ chức chỉnh huấn cho trên 60 chiến sĩ, tiến hành tập luyện chiến thuật, kỹ thuật, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị cũng thực hiện ba cùng (cùng ăn, cùng ở và cùng làm) với dân. Qua đó đã giác ngộ được 62 gia đình chậm tiến, giúp nhân dân sản xuất được 705 công. Ban đầu do nhận thức chưa đầy đủ và mặc cảm, một bộ phận nhân dân chưa thật sự tin bộ đội, sau đó do cán bộ, chiến sĩ làm tốt công tác dân vận, anh em chiến sĩ đã được bà con tin yêu, đùm bọc.

Lực lượng dân quân du kích tích cực tuần tiễu ngày đêm ở các xã, nhất là những nơi có biệt kích hoạt động. Các đơn vị phân công thay phiên nhau vừa thường trực tuần tiễu vừa thay phiên nhau sản xuất. Điển hình là dân quân, du kích các xã Khánh Yên Hạ, Võ Lao và Dần Thàng. Tuy nhiên cũng có xã còn vin vào khó khăn hoặc sợ bị trả thù nên chưa quyết tâm truy kích địch như các xã Minh Lương, Khánh Yên Thượng, Phong Dụ. Ở Minh Lương du kích đi tuần gặp Lý Thanh không dám bắt, ở Phong Dụ du kích gặp Bang Vân không bắt. Do nắm chắc tình hình, Huyện ủy kịp thời uốn nắn tư tưởng tranh công giữa bộ đội và du kích, giúp hai lực lượng này đoàn kết, thống nhất cao và chủ động phối kết hợp giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Củng cố tổ chức Mặt trận và các đoàn thể: Huyện xác định công tác vận động quần chúng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhất là trong giai đoạn này, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ bắt đầu thực hiện âm mưu gây phỉ, nếu không làm tốt công tác dân vận, nắm dân, thì nhân dân sẽ bị kẻ địch lôi kéo, mua chuộc có hại cho cách mạng. Do vậy, công tác vận động quần chúng đã được huyện quan tâm, chỉ đạo. Sau một thời gian đi sâu củng cố, kiện toàn mặt trận, các đoàn thể được nâng cao về chất lượng và số lượng.

Mặt trận Liên Việt được xây dựng ở hầu hết các xã cùng với tổ chức nông hội hoạt động rất tích cực, nhất là vào thời kỳ giảm tô, cuối năm 1953 đầu năm 1954. Cán bộ Mặt trận tuyên truyền cho nhân dân hiểu biết các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, từ đó nhân dân đã tích cực ủng hộ cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, tham gia phục vụ kháng chiến. Tuy nhiên ở các xã vùng cao, đa số Mặt trận hoạt động còn yếu, thiếu hiệu quả. Tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ tuy có hoạt động nhưng không mạnh, hầu hết các hoạt động, nhất là về mặt tổ chức, đều do cán bộ Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang làm thay.

Trước tình hình trên, Huyện ủy chủ trương tích cực đào tạo trung kiên chuẩn bị cho bước công tác mới về đào tạo cán bộ, với nhiều hình thức phù hợp. Huyện tổ chức bồi dưỡng được 142 trung kiên, đào tạo được 25 cán bộ là người địa phương, tập huấn, bồi dưỡng lề lối làm việc, chuyên môn công tác, tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong giai đoạn 1952-1954, công tác cấp bách của toàn huyện là đập tan âm mưu gây phỉ của địch, bảo vệ vững chắc hậu phương và cuộc sống nhân dân. Song song với công tác tiễu phỉ, Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm: Tăng cường củng cố về tổ chức và hoạt động đối với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức từ huyện xuống cơ sở, tăng cường cải thiện đời sống nhân dân, nhằm xây dựng, củng cố hậu phương vững chắc sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến thắng lợi.

Tháng 12/1953, cương lĩnh về vấn đề ruộng đất của Đảng ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương và của tỉnh, Huyện ủy Văn Bàn chỉ đạo các địa phương mở rộng đợt phát động giảm tô rộng rãi và mạnh mẽ trong toàn huyện. Song song với công tác tiễu phỉ trừ gian, kế hoạch phát động giảm tô của huyện được tiến hành thành 4 đợt.

Đợt 1: Làm thí điểm ở xã Minh Lương là vùng bị phỉ o ép.

Đợt 2: Làm ở các xã Dương Quỳ, Dần Thàng, Nậm Xây, Nậm Xé.

Đợt 3: Làm ở Phong Dụ, Võ Lao, Nậm Dạng.

Đợt 4: Tiến hành ở các xã còn lại.

Lực lượng tham gia phát động giảm tô là đảng viên, cán bộ các ngành ở huyện xã, bộ đội và những người trung kiên đã

được bồi dưỡng. Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, huyện mở 3 lớp huấn luyện, bồi dưỡng cho 67 người. Sau đó, huyện đưa số cốt cán về cơ sở, tổ chức nhân dân học tập chính sách giảm tô, triệt để giảm tức, nhằm đề cao vị trí, vai trò của giai cấp nông dân; tố cáo bọn địa chủ cường hào, ác bá thu tô nặng, lấy nợ lãi cao; tố cáo các tội ác áp bức bóc lột nhằm đập tan uy thế chính trị của chúng.

Ở xã Minh Lương, ta tổ chức học tập 9 lần với 217 người tham gia, nhân dân các dân tộc đã hăng hái, đấu tranh đòi bọn địa chủ, phú nông phải thực hiện giảm tô, thoái tức hoàn toàn. Kết quả, bọn địa chủ phải giảm 30% tô, không dám thu tô cống vật và lao dịch, đồng thời phải xóa tức cho nhân dân 50%, trả lại cho nông dân số ruộng đất chúng chiếm hữu từ lâu đời là 23 mẫu 4 sào (8,3 ha).

Thắng lợi của đợt phát động giảm tô ở xã Minh Lương đã dấy lên một bầu không khí phấn khởi trong toàn huyện. Bọn địa chủ, phú nông, cường hào, ác bá ở các địa phương thêm hoang mang, lo sợ. Do đó hạn chế được phần nào sự bóc lột của chúng đối với nhân dân, làm mất chỗ dựa của bọn phỉ và biệt kích.

Rút kinh nghiệm chỉ đạo điểm, huyện đề ra kế hoạch tiến hành có trọng tâm, trọng điểm làm đến đâu dứt điểm đến đó theo phương pháp cuốn chiếu ở từng vùng. Ta chú trọng tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách, phương pháp tiến hành để họ tự giác đấu tranh, tố cáo tội ác, sự áp bức bất công của giai cấp bóc lột... Đồng thời để họ mạnh dạn tố cáo tội các của những tên làm phỉ, làm gián điệp, làm tay sai cho thực dân Pháp.

Huyện chỉ đạo giảm tô ở lần lượt 10 xã trong toàn huyện, trừ một số xã có phỉ hoạt động mạnh, ta tổ chức được 65 cuộc họp với 7.918 người tham gia, trong đó có 205 người là hào lý,

nhà giàu. Trước khí thế đấu tranh sôi nổi của quần chúng, bọn địa chủ, phú nông đã buộc phải chấp nhận giảm nợ từng phần. Riêng về tô, giảm 50% và có 9% số địa chủ nhận thoái tô hoàn toàn cho nhân dân.

Để giải quyết vấn đề đất đai cho sản xuất, huyện chỉ đạo tịch thu những tài sản của thực dân Pháp để lại và tịch biên đất đai, tài sản của bọn Việt gian phản động cùng với số đất vô chủ theo phỉ, chia cho nhân dân, dành một phần cho các đơn vị bộ đội du kích mượn để tăng gia sản xuất. Riêng các gia đình có người theo Pháp, theo phỉ còn cha mẹ, vợ con, anh em ở lại, ta vẫn cấp đất cho họ làm ăn sinh sống. Tuy nhiên ở 10 xã phát động giảm tô, số đất ta giành về cho nông dân mới chiếm 1/3 tổng số ruộng đất của địa chủ.

Được chính quyền chia đất, nhân dân các dân tộc rất phấn khởi càng tin tưởng vào chính quyền cách mạng, càng tích cực lao động sản xuất. Cùng với việc chia đất, huyện tiến hành cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm, đồng thời chỉ thị cho các địa phương phải tạo mọi điều kiện cho nhân dân đẩy mạnh sản xuất.

Để hỗ trợ và giúp cho nhân dân sản xuất, huyện điều 108 con trâu, cấp giấy cho xã Minh Lương đi Mậu A (Trấn Yên) mua 10 con trâu, chia cho các xã 12 con trâu, vận động nhân dân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau 68 tạ thóc giống, và điều hòa giữa các xã 52 tạ. Ngoài ra, huyện còn cấp thẳng cho xã Nậm Mả, Nậm Rạng 450 kg, riêng Khánh Yên Hạ tự điều hòa được 1000 kg.

Đối với các xã vùng cao, huyện vận động các xã vùng thấp giúp đỡ về giống, nông cụ, trâu cày, lương thực... Do đó bà con đã tích cực khai hoang ruộng nước, phát triển sản xuất, bước đầu vận động được 22 hộ gia đình dân tộc Dao ở Dần Thàng, Nậm Dạng hạ sơn làm ruộng nước. Phong trào khai hoang, phục hóa

trong toàn huyện được đẩy mạnh, riêng xã Phong Dụ khai phá trong 13 tháng được 5 mẫu, 5 sào ruộng nước (2 ha).

Phong trào thâm canh tăng năng suất, tăng vụ ở 9 xã vùng ngoài được đẩy mạnh. Năng suất lúa ở các xã này trước năm 1951 là 972 kg/ha/vụ, đến cuối năm 1954, đạt 1.324 kg/ha/vụ năm, lúa nước cũng đạt 813 kg/ha. Các cây màu được chú ý gieo trồng nên tăng mạnh về diện tích, tỉ lệ đất quay vòng đạt gần 1,2 lần.

Việc khai thác lâm sản được huyện chú ý chỉ đạo nhưng mới tập trung vào cây đặc sản là quế, lúc đầu chỉ đạt 500 tạ/năm, Nậm Tha 40 tạ/năm.

Về đời sống, huyện cấp cho các xã 5 đợt muối ăn với 23.220 kg. Trong 2 năm (1953-1954), tỉnh cấp cho Văn Bàn 270 tấn thóc cứu đói, huyện thực hiện điều lúa, chống đói giữa các thôn, xã.

Song song với việc phục hồi sản xuất, cải thiện dân sinh về văn hóa - xã hội, Huyện ủy chủ trương: Tích cực cải tạo, giáo dục bọn tề ngụy cũ và những người lầm đường quay trở về với nhân dân. Tăng cường giáo dục vận động cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân chống các tệ nạn như cờ bạc, nghiện hút và chống các tập quán lạc hậu trong việc tổ chức ma chay, cưới xin...

Sau khi được giải phóng, huyện Văn Bàn nhiều bệnh dịch vẫn còn hoành hành như: bệnh đậu mùa, sởi, thương hàn, sốt rét, bệnh lậu... Trong hai năm 1953-1954, các bệnh trên cướp đi 297 sinh mạng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân, gây đình trệ sản xuất. Có thôn bản do bị bệnh dịch bà con phải di chuyển chỗ ở cả bản như Bản Làn (Khánh Yên Hạ), Bản Cam Con (Cam Cọn). Trước tình hình đó, huyện cấp tốc mở lớp huấn luyện cho 27 cán bộ y tế các địa phương. Các cán bộ này có nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân cách phòng chữa bệnh. Vận

động nhân dân ăn ở sạch sẽ, kịp thời điều trị khi mắc bệnh, theo hướng dùng dược liệu địa phương là chính. Do đó, sau một thời gian bệnh đậu mùa đã được hạn chế, một số nơi dập tắt được bệnh này như các xã Khánh Yên Thượng, Bảo Hà...

Về giáo dục: Do hậu quả của chính sách "ngu dân" của thực dân Pháp, sau ngày giải phóng, trên 90% dân số trong huyện mù chữ, trình độ văn hóa của cán bộ còn rất thấp. Do vậy việc thanh toán nạn mù chữ là nhiệm vụ cấp bách. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch về "diệt giặc dốt", huyện phát động phong trào thi đua học chữ sôi nổi trong toàn huyện. Đồng thời tiến hành mở các lớp bổ túc văn hóa, bình dân học vụ, mở một số trường cho con em đi học. Lực lượng giáo viên được tỉnh điều lên lúc đó rất ít, huyện đã huy động thêm lực lượng cán bộ, đảng viên, bộ đội tham gia xóa mù chữ.

Với những biện pháp chỉ đạo tích cực, sát sao và hình thức mở lớp phong phú, chỉ trong 2 năm (1953-1954), chúng ta đã mở được 23 lớp bổ túc văn hóa cho 543 học viên, mở 16 lớp phổ thông cấp I, có 286 con em đến học. Kết quả đã dạy cho 1.230 người biết chữ. Riêng xã Khánh Yên Hạ là xã có nhiều thành tích nhất, duy trì được 15 lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa với 273 người tham gia, mở 5 lớp phổ thông cấp I cho 86 học sinh là con em các dân tộc.

Bên cạnh việc dạy học, các thầy cô giáo và học viên còn tích cực tham gia hoạt động xã hội, phát hiện bọn biệt kích, bọn phỉ còn cài cắm lại, giúp cho chính quyền kịp thời xử trí.

Các nhiệm vụ kinh tế - xã hội phát triển, ổn định dân sinh, mở mang dân trí đã có tác động tích cực đến các mặt hoạt động khác của địa phương. Qua đó, động viên được lực lượng thanh niên và trung kiên tham gia nhập ngũ, bổ sung vào lực lượng du kích cơ động 314 người. Đồng thời, nhân dân các dân tộc hăng

hái, tích cực tham gia sôi nổi vào tất cả các phong trào do Trung ương, tỉnh và huyện huy động như: đi bộ đội, đi dân công, tham gia tiễu phỉ...

Sau thất bại nặng nề ở Tây Bắc và các mặt trận khác trên chiến trường Đông Dương, tháng 7/1953, thực dân Pháp đưa ra "Kế hoạch Na-va" hòng giành lại thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính, chuyển bại thành thắng. Chúng dự kiến đếnnăm 1954, tổ chức bảy sư đoàn cơ động chiến lược với 27 binh đoàn, gấp ba lần số binh đoàn hiện có. Thực hiện "Kế hoạch Na-va", tháng 7/1953, Pháp cho quân tập kích vào thị xã Lạng Sơn nhằm phá kho tàng, công xưởng và gây thanh thế. Tháng 8, địch rút toàn bộ lực lượng ở cứ điểm Nà Sản (Sơn La) về tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ, tiến hành càn quét mạnh đồng bằng Bắc Bộ, Bình - Trị Thiên và Nam Bộ.

Để phá tan "Kế hoạch Na-va" của địch, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định, tháng 9/1953, Bộ Chính trị chủ trương đưa bộ đội lên Tây Bắc hoạt động, buộc địch phân tán lực lượng, tạo ra thời cơ tiêu diệt sinh lực của chúng, đồng thời đẩy mạnh hoạt động ở các chiến trường khác, chuẩn bị điều kiện tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ.

Bộ Chính trị chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 bằng ba đòn tấn công lớn: tấn công Lai Châu, giải phóng hoàn toàn Tây Bắc, phối hợp với quân giải phóng Lào, giải phóng Phông Sa Lỳ, Trung Lào và Hạ Lào; phối hợp với quân giải phóng Campuchia giải phóng Đông Bắc Campuchia; đánh thông đường chiến lược Bắc - Nam Đông Dương, giành lấy địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá âm mưu bình định miền Nam của địch.

Cuối tháng 11/1953, bộ đội chủ lực ta tiến lên Tây Bắc. Để bảo vệ Lai Châu và che chở cho Thượng Lào, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống chiếm Điện Biên Phủ (20/11/1953). Tháng 12, quân ta giải phóng thị xã Lai Châu. Tiếp đó phối hợp với quân giải phóng Lào, Campuchia giải phóng nhiều vùng rộng lớn của hai nước này; giải phóng Bắc Tây Nguyên. Thắng lợi to lớn của ta trên khắp các chiến trường đã phá vỡ khối cơ động chiến lược của Pháp, buộc Pháp phải phân tán lực lượng, "Kế hoạch Na-va" bước đầu bị phá sản.

Sau khi chiếm Điện Biên Phủ, Pháp xây dựng ở đây một tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng thấy ở Đông Dương, thách thức và chấp nhận trận quyết chiến chiến lược với ta ở đây.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm đánh bại cố gắng quân sự cao nhất và cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Đảng đã huy động sức mạnh, tiềm lực của quân dân cả nước, hỗ trợ và cung cấp bảo đảm cho Chiến dịch Điện Biên Phủ giành được thắng lợi.

Trải qua tám năm kháng chiến, tình hình mọi mặt ở Yên Bái có những thay đổi to lớn. Bộ đội địa phương và dân quân du kích được xây dựng, qua chiến đấu gian khổ, ác liệt đã trưởng thành, khả năng chiến đấu ngày càng cao. Hậu phương đang tiếp tục được xây dựng, củng cố lớn mạnh. Qua phát động quần chúng giảm tô, giảm tức và đấu tranh tiễu phỉ, phong trào cách mạng quần chúng phát triển với khí thế mới. Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố thêm một bước. Đảng bộ ngày càng trưởng thành, có thêm kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng, nhất là các kinh nghiệm tổ chức, vận động quần chúng. Đó là những thuận lợi to lớn để chúng ta huy động sức người, sức của cho Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chưa bao giờ quân dân Yên Bái được giao nhiệm vụ nặng nề như lúc này. Nhưng Đảng bộ đã phát động được phong trào quần chúng sôi nổi, hào hứng phục vụ và cung cấp cho tiền tuyến.

Từ cuối năm 1952, Đảng và Chính phủ giao cho Đảng bộ, quân dân Yên Bái mở đường từ Hiên (Tuyên Quang) đi Ba Khe đến đường số 41 (Sơn La). Trong vòng ba tháng (tháng 8-11/1953), hàng chục nghìn dân công của tỉnh đã làm 1.638.000 công, sửa và làm mới 188 km đường, bảo đảm xe ô tô có thể chạy được giữa căn cứ địa Việt Bắc và Tây Bắc. Từ tháng 11/1953-5/1954, địch tập trung đánh phá ác liệt tuyến đường này(còn gọi là đường 13A)[1].

Tỉnh ủy tổ chức động viên, huy động được 31.652 dân công làm 1.660.740 công, 2.700 công thuyền máy, 650 công xe đạp thồ phục vụ tiền tuyến. Tỉnh Yên Bái đã cung cấp cho mặt trận Điện Biên Phủ 1.840 tấn gạo, 872 con trâu, 489 con lợn và hàng chục tấn rau xanh[2].

Dân công, bộ đội địa phương Yên Bái khắc phục mọi khó khăn gian khổ, hy sinh vượt qua đèo cao, suối sâu, mưa, rét, vượt qua các khu vực máy bay đánh phá và bom nổ chậm, chuyển được hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm, vũ khí ra mặt trận. Hàng nghìn thanh niên xung phong phối hợp với các đơn vị công binh anh dũng mở đường, san lấp hố bom, phá bom nổ chậm, sửa chữda cầu phà... đảm bảo giao thông, phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.

---

[1] Thống kê cho thấy, đoạn đường chạy qua Yên Bái đến giáp Sơn La, địch đã ném tới 11.778 quả bom các loại, trong đó có 508 quả nổ chậm. Các nơi máy bay giặc đánh phá ác liệt nhất là bến phà Âu Lâu, đèo Lũng Lô. Hơn hai trăm ngày đêm tuyến đường này không lúc nào im tiếng bom đạn nổ - Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái,* Tập I, trang 151.

[2] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập I, Sđd, trang 151.

Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 đòi hỏi một lực lượng lớn tham gia, phục vụ. Ngoài việc huy động dân công đi phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, phục vụ bộ đội, du kích làm nhiệm vụ tiễu phỉ, Văn Bàn còn có trách nhiệm tham gia sửa chữa tuyến đường sắt Yên Bái - Phố Lu, mở các tuyến đường nội địa, phá các căn cứ của phỉ...

Trong 2 năm 1953-1954, toàn huyện đã huy động nhiều đội dân công đi phục vụ chiến trường xây dựng và bảo vệ hậu phương. Cụ thể, huyện huy động được 726 người đạt 30.213 công, chuyển tải được 120 tấn lương thực, thực phẩm thuốc chữa bệnh, vũ khí, đạn dược...

Những thành tích đạt được của nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Văn Bàn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, là của cải, là công sức và xương máu, là tấm lòng của nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đóng góp vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chung của cả nước. Cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt ngày 7/5/1954, buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký hiệp định đình chiến với Chính phủ ta tại Giơnevơ, hòa bình được lập lại ở miền Bắc - Việt Nam.

Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn vô cùng phấn khởi trước thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, càng thêm tin tưởng và quyết tâm bước vào một giai đoạn mới của lịch sử Việt Nam, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đồng thời tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng nhằm hoàn thành cuộc đấu tranh dân tộc, dân chủ ở miền Nam thống nhất đất nước.

III. LÃNH ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH (1955-1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hòa bình lập lại ở ba nước Đông Dương. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng. Theo Hiệp định các nước tham gia Hội nghị tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Theo Hiệp định, nước Việt Nam bị tạm thời chia cắt thành hai miền qua vĩ tuyến 17. Hai miền phải thống nhất trước tháng 7/1956 bằng tổng tuyển cử "tự do và dân chủ". Nhưng với mưu đồ bá chủ thế giới của đế quốc Mỹ, đại diện Chính phủ Mỹ không ký Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ, từng bước phá bỏ các điều khoản của Hiệp định, xúc tiến kế hoạch xâm lược miền Nam nước ta để thay thế thực dân Pháp.

Tình hình thế giới sau năm 1954 có những thay đổi lớn, tác động đến cách mạng nước ta. Mỹ thể hiện rõ ý đồ bá chủ thế giới với một chiến lược toàn cầu phản cách mạng: Can thiệp vào hầu hết các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới; ngăn cản, bao vây, phá hoại phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và điên cuồng chống phá hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm chiến lược toàn cầu của Mỹ là châu Âu. Do vị trí quan trọng của Việt Nam đối với khu vực Đông Nam Á và vành đai châu Á - Thái Bình Dương trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nên nước Mỹ coi Việt Nam là một mắt xích quan trọng.

Thực hiện âm mưu trên, ngày 7/7/1954, đế quốc Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Nội vụ và Quốc phòng ở miền Nam. Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ ký kết, Tổng thống Mỹ Aixenhao (Eisenhower) công khai tuyên bố: Hoa Kỳ không bị các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ ràng buộc. Ngày 8/9/1954, Mỹ lôi kéo Pháp, Anh, Australia,

New Zealand, Philippines, Thái Lan và Pakistan lập ra khối "Liên minh Quân sự Đông Nam Á" (SEATO) và ngang nhiên đặt miền Nam Việt Nam dưới sự "bảo trợ" của khối này. Tháng 9/1954, Chính phủ Mỹ quyết định viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm. Ngày 19/12/1954, Pháp ký hiệp ước trao quyền hành chính, chính trị cho Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.

Thông qua hệ thống cố vấn và viện trợ, Mỹ dung dưỡng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, ra sức phá hoại việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đàn áp khủng bố khốc liệt phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam.

Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ trong chiến tranh Việt Nam là: Tiêu diệt bằng được phong trào yêu nước và cách mạng, thôn tính miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ; lập một phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông Nam châu Á. Đồng thời lấy miền Nam làm căn cứ tấn công miền Bắc, hòng đè bẹp và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở khu vực Đông Nam Á, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh xâm lược Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi, nhưng sự nghiệp thống nhất nước nhà chưa thực hiện được. Đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, đất nước bị chiến tranh tàn phá, đời sống nhân dân thiếu thốn, khó khăn. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ từng bước thay chân thực dân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Vì vậy, nhân dân Việt Nam vừa phải tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, vừa phải tiếp tục đẩy mạnh

cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước, tạo điều kiện đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện khó khăn về nhiều mặt. Nông nghiệp, ngành chủ yếu của kinh tế miền Bắc tiêu điều, 143.000 ha ruộng bị bỏ hoang. Nông dân chủ yếu làm một vụ lúa, năng suất rất thấp. Công nghiệp vốn đã nhỏ bé, phát triển què quặt lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Phần lớn xí nghiệp, hầm mỏ sản xuất cầm chừng hoặc đóng cửa. Tiền tệ chưa thống nhất, thương nghiệp đình đốn. Hệ thống giao thông vận tải bị phá hủy nặng; nhiều tuyến đường sắt bị tháo dỡ chưa kịp khôi phục; cầu, cống, nền đường bộ hầu như không còn nguyên vẹn. Giáo dục, y tế, văn hóa lạc hậu do chính sách "ngu dân" của thực dân Pháp để lại. Số người mù chữ còn rất đông, trình độ dân trí thấp, các bệnh xã hội còn hoành hành ở nhiều vùng. Đầu năm 1955, miền Bắc có nửa triệu đồng bào bị đói. Thêm vào đó, do sự tuyên truyền, lừa bịp của địch, nhất là bọn phản động trong Thiên Chúa giáo, gần một triệu dân miền Bắc di cư vào miền Nam. Những sai lầm của Đảng ta trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức bị kẻ thù triệt để lợi dụng để chống phá chế độ và các thành quả cách mạng. Trong hai năm, kể từ ngày đình chiến (27/7/1954), tình hình miền Bắc rất khó khăn, phức tạp.

Trong khi đó, tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi nhưng không ít khó khăn, phức tạp. Sự lớn mạnh của Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác trong hệ thống xã hội chủ nghĩa cùng với sự giúp đỡ, hợp tác của hệ thống ấy là nguồn sức mạnh to lớn cho Việt Nam. Liên Xô và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh về kinh tế và quốc phòng. Năm 1955,

Liên Xô hoàn thành Kế hoạch 5 năm lần thứ năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1957, Liên Xô đã sản xuất được tên lửa vượt đại dương và phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của loài người, mở ra thời kỳ mới của công cuộc chinh phục vũ trụ. Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã hoàn thành công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp và bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với quy mô lớn. Tháng 5/1955, tổ chức Hiệp ước Vácsava được thành lập khẳng định sức mạnh quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 11/1957, Hội nghị quốc tế 64 Đảng Cộng sản và công nhân họp ở Mátxcơva ra tuyên bố hòa bình. Cùng với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc. Ta tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ ngày càng rộng lớn của nhân dân thế giới để tăng cường thế và lực của mình. Phong trào giải phóng dân tộc có bước phát triển mạnh mẽ, nhiều nước ở châu Á, Phi, Mỹ-Latinh giành được độc lập, ảnh hưởng tích cực đến cách mạng nước ta.

Tuy nhiên, thời gian này tình hình thế giới đặt ra không ít khó khăn đối với cách mạng Việt Nam. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện những bất đồng về chính trị và những sai lầm về tư tưởng.

Đế quốc Mỹ lợi dụng tình trạng bất hòa trong phong trào cộng sản quốc tế, lợi dụng cuộc khủng hoảng về đường lối chính trị của phong trào cách mạng thế giới và lợi dụng tâm lý sợ chiến tranh của nhân dân thế giới để tiến hành xâm lược Việt Nam và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc. Để giải quyết những vấn đề lớn, cấp bách, phức tạp trên đòi hỏi Đảng ta phải sáng suốt, có quyết định đúng đắn; đoàn kết, động viên được toàn dân đồng tâm nhất trí phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Sau Hội nghị Giơnevơ, Trung ương Đảng và Bộ Chính trị kịp thời xác định những nhiệm vụ cấp bách cho cách mạng ở cả

hai miền Nam - Bắc. Đối với miền Bắc, Đảng chỉ rõ các nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất; phục hồi và nâng cao sản xuất nông nghiệp, khôi phục giao thông vận tải, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân.

Yên Bái tuy được giải phóng từ cuối năm 1952, nhưng vẫn phải huy động sức người, sức của để cùng cả nước kháng chiến trong giai đoạn quyết liệt nhất, đỉnh cao là phục vụ cho Chiến dịch Điện Biên Phủ, cho nên chưa có điều kiện tập trung sức vào việc xây dựng chế độ mới, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội của địa phương.

Chuyển sang giai đoạn mới của cách mạng, tỉnh Yên Bái cũng đứng trước những khó khăn, phức tạp. Nền nông nghiệp rất lạc hậu, độc canh lúa, sản xuất tự cấp, tự túc. Năm 1952, hơn 2.000 mẫu ruộng chủ yếu ở vùng trước đây quân Pháp tạm chiếm còn bỏ hoang. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hầu như chưa có gì. Hệ thống giao thông vận tải bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Tuyến đường sắt bị bóc dỡ toàn bộ thời kỳ đầu kháng chiến. Đầu năm 1955, Chính phủ mới cho làm lại. Đường bộ từ tỉnh lỵ đi các nơi, nhất là tuyến đường phía tây bị máy bay Pháp ném bom ác liệt trong thời gian Chiến dịch Điện Biên Phủ, phương tiện cơ giới khó đi lại. Năm 1955, lũ lụt lớn diễn ra liên tục, nông nghiệp bị mất mùa nặng. Tháng 3/1956, Yên Bái có 10.000 người bị đói. Giáo dục, y tế, văn hóa có bước phát triển nhất định trong kháng chiến nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn mới. Tình hình an ninh chính trị, xã hội phức tạp, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục hoạt động chống phá cách mạng. Chúng tung tin bịa đặt, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện Hiệp định đình chiến, trong phát động quần chúng giảm tô và chỉnh đốn tổ chức.

Cũng như nhiều địa phương khác, huyện Văn Bàn bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh có nhiều thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn. Thuận lợi là hòa bình được lập lại, nhân dân phấn khởi càng tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Miền Bắc được giải phóng và tiến lên xây dựng chế độ mới, truyền thống đoàn kết lao động sáng tạo lúc này có điều kiện được phát huy. Đội ngũ cán bộ được rèn luyện thử thách trong kháng chiến đã trưởng thành.

Văn Bàn là một huyện miền núi, vùng cao, nhiều dân tộc, ở xa tỉnh lỵ, lại giáp với vùng xung yếu của các huyện Văn Chấn, Than Uyên (tỉnh Yên Bái), Sa Pa và Bảo Thắng (Lào Cai). Toàn huyện có diện tích 2.200 km^2. Tính đến năm 1957, dân số trong huyện có 19.268 người, thuộc các dân tộc Tày, Mông, Dao, Giáy, Thái, Kinh, Xa Phó,... Dân tộc Tày có số dân đông nhất là 11.037 người. Mật độ dân số của huyện chưa tới 9 người/km^2. Trình độ hiểu biết của nhân dân các dân tộc chênh lệch nhau và dân trí thấp[(1)].

Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn vốn chung sống hòa hợp, cần cù lao động. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc trong huyện đã thể hiện rõ tinh thần đoàn kết đấu tranh, kiên trì, anh dũng chống ách chiếm đóng của quân xâm lược và bọn phong kiến phản động tay sai. Đồng thời thành lậpnhiều khu du kích ở vùng sau lưng địch, tiến hành cuộc chiến tranh du kích mưu trí và dũng cảm, tích cực góp phần vào công cuộc giải phóng địa phương. Từ đầu năm 1953 đến khi kết thúc Hội nghị Giơnevơ (tháng 7/1954), thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thực hiện âm mưu "thổ phỉ hóa toàn dân" gây một vụ phỉ lớn ở Văn Bàn. Địa bàn hoạt động chủ yếu của chúng là các thôn người Mông, người Dao trên vùng cao. Nhân

(1) Theo báo cáo năm 1958 của Huyện ủy Văn Bàn.

dân các dân tộc trong huyện đã hăng hái hưởng ứng các cuộc vận động quần chúng tiễu phỉ, tích cực giúp đỡ các đơn vị bộ đội địa phương và nhân dân quân du kích tiễu phỉ. Do đó hạn chế được phạm vi hoạt động của phỉ. Cùng thời gian này, 15 xã trong huyện tiến hành các đợt phát động quần chúng đấu tranh đòi thực hiện giảm tô. Ở những vùng cơ sở kháng chiến cũ, những vùng vận động quần chúng tiễu phỉ và những vùng ta phát động giảm tô, trình độ giác ngộ chính trị và ý thức giai cấp của quần chúng được nâng lên một bước. Lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ được củng cố, phong trào sản xuất được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân các dân tộc so với những năm kháng chiến chống Pháp, tiễu phỉ bước đầu được cải thiện. Công tác giáo dục có tiến bộ. Các xã Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Bảo Hà, Phong Dụ, Dương Quỳ đã mở được một số lớp học phổ thông. Công tác xây dựng Đảng, sau phát động giảm tô, các chi bộ xã nói chung được củng cố một bước về tổ chức[1]. Các cán bộ đảng viên trong Đảng bộ huyện được rèn luyện qua các cuộc vận động chống Pháp, tiễu phỉ, phát động giảm tô, vận động sản xuất và thực hiện các nghĩa vụ như thuế nông nghiệp, tòng quân, đi dân công, v.v. Nhận thức tư tưởng đã có bước trưởng thành; Tinh thần đoàn kết trong nội bộ cán bộ Đảng viên và giữa cán bộ đảng viên với nhân dân được củng cố; Công tác chỉnh đốn tổ chức đảng được Huyện ủy quan tâm. Huyện ủy giải tán chi bộ Bảo Hà, Kim Sơn và sắp xếp lại các tổ chức cơ sở đảng. Ngoài 1 chi bộ cơ quan, trước huyện có 9 chi bộ nay còn 4 chi bộ, trong đó có 3 chi bộ ghép.

Bước sang giai đoạn mới của cách mạng, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn vẫn còn

[1] Theo báo cáo tình hình mọi mặt năm 1954 và nhiệm vụ trước mắt đầu năm 1955 của Huyện ủy Văn Bàn (số 011BC-VB ngày 15/2/1954).

không ít khó khăn. Địa bàn huyện Văn Bàn rộng nhưng dân cư không tập trung, nhất là vùng cao, cư trú phân tán. Nghề chính của nhân dân là làm ruộng, làm nương với công cụ thô sơ, kỹ thuật lạc hậu. Thủ công nghiệp chưa phát triển. Dân tộc Tày, Mông có nghề dệt vải. Dân tộc Dao, Mông có nghề làm giấy, làm chiếu, làm nông cụ. Hầu hết các sản phẩm làm ra đều tự túc hoặc đem trao đổi. Thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh phát triển, đặc biệt nghiêm trọng ở các xã Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Dần Thàng. Bệnh tật, nhất là bệnh sốt rét hoành hành và nạn phỉ hoạt động ở các xã vùng cao ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Một số vùng bị thiếu đói. Toàn huyện có 399 hộ gia đình thiếu ăn từ tháng 3 âm lịch, 304 hộ chỉ còn lúa và hoa màu ăn đến tháng năm âm lịch[(1)]. Nạn mù chữ vẫn chiếm trên 90% dân số. Ở các xã dân tộc Mông, phần lớn nhân dân còn chưa biết tiếng phổ thông.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong huyện chưa bảo đảm. Sau hiệp định đình chiến, bọn đầu sỏ phỉ vẫn ngoan cố duy trì lực lượng và tiếp tục các âm mưu hoạt động phản cách mạng. Thời gian này chúng đã tập trung được một số dân ở xã Nậm Chày, Nậm Mả, chiếm đóng Pờ Xì Ngài, uy hiếp mạnh Dần Thàng, bắt thanh niên cầm súng làm phỉ. Ở xã Phong Dụ, chúng còn một bộ phận lén lút hoạt động. Ngoài lực lượng phỉ, Văn Bàn còn có một số cơ sở xã hội cũ của địch gồm 985 người (trước tham gia tề, ngụy phỉ, gián điệp biệt kích)[(2)]. Trong tháng 8 và tháng 9/1955, một số tên phỉ ở Khánh Yên Hạ, Võ Lao lôi kéo phỉ tổ chức nổi dậy giết cốt cán rồi chạy lên căn cứ mới của chúng là Vang Ván (chỗ tiếp giáp giữa 2 xã Võ Lao và Khánh Yên). Sau khi phát hiện tình hình trên, Võ Lao đã tổ chức lớp giáo dục, giác ngộ cho chúng thấm nhuần chính sách để ổn định

(1) Theo Báo cáo số 46-BC-VB ngày 12/9/1954 của Huyện ủy Văn Bàn.

(2) Theo Báo cáo số 52-BC-HU ngày 10/11/1954 của Huyện ủy Văn Bàn.

tư tưởng. Nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, phân hóa chúng với địa chủ. Sử dụng những tên đã giác ngộ để giác ngộ, theo dõi và giám sát nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp để chúng tự sửa sai lầm[1].

Cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa phát triển rộng, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Vai trò của chính quyền tuy được đề cao nhưng trình độ công tác của ủy viên chưa đáp ứng được yêu cầu, còn nhiều lúng túng. Tổ chức nông hội hoạt động khá nhưng hoạt động của Mặt trận Liên Việt và Thanh niên còn nhiều hạn chế. Hội phụ nữ trước phát động giảm tô chỉ có ở các xã người Tày, sau phát động đã phát triển thêm đến vùng người Mông, người Dao ở các xã Nậm Mả, Nậm Chày, Dần Thàng, Nậm Tha.

Trong công tác phát động giảm tô (1953-1954), do ảnh hưởng của cải cách ruộng đất ở miền xuôi và do tư tưởng chỉ đạo nhấn mạnh vấn đề truy tìm, xử lý các loại đối tượng địa chủ, phú nông và các phần tử nằm trong các tổ chức phản động nên ở Văn Bàn đã quy sai 9 hộ nông dân lao động, 7 hộ tiểu thương và 3 hộ phú nông[2], quy oan một vài cán bộ đảng viên cho là các phần tử phản cách mạng. Các sai lầm của ta tuy không nghiêm trọng nhưng cũng gây ra tâm trạng lo âu, tiêu cực bất mãn, nghi kỵ trong một bộ phận cán bộ và quần chúng.

Trước tình hình chung của cả nước và tình hình cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Yên Bái kịp thời xác định một số nhiệm vụ trọng tâm: Tập trung lực lượng giải quyết triệt để nạn phỉ; lãnh đạo thực hiện tốt hiệp định đình chiến, ổn định tình hình; khôi phục sản xuất nông nghiệp, khắc phục nạn đói rách; phát

[1] Báo cáo số 7/BC ngày 06/10/1955 của Ban Chấp hành huyện Văn Bàn về âm mưu địch.

[2] Theo Nghị quyết phê chuẩn báo cáo tổng kết năm 1954 của Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn (7/1/1960).

triển văn hóa, xã hội; củng cố đảng, chính quyền và các lực lượng vũ trang.

Năm 1955, Tỉnh ủy Yên Bái cử đồng chí Mai Thanh Tiến làm Bí thư Huyện ủy Văn Bàn từ năm 1955-1957, tiếp sau đó là đồng chí Trần Nghĩa giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Văn Bàn từ 1957-1959.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Yên Bái, Đảng bộ huyện Văn Bàn đề ra một số nhiệm vụ công tác lớn.

1. Làm tốt công tác chính trị tư tưởng, tiến hành các hội nghị học tập cho cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng đồng thời tổ chức phổ biến sâu rộng trong nhân dân thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

2. Khắc phục các hậu quả của chiến tranh, phục hồi sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc.

3. Giải quyết nạn phỉ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang địa phương và các đoàn thể quần chúng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn phấn đấu vượt qua khó khăn, đoàn kết cùng nhau khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, bảo đảm các hoạt động trên các lĩnh vực.

Ngay sau ngày hiệp định đình chiến được ký kết, Huyện ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng nhanh chóng phổ biến cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương bằng mọi phương tiện và hình thức thông tin tuyên truyền như gọi loa, viết bản tin, dán áp phích, tổ chức họp các đoàn thể... Cuối tháng 8/1954, Huyện ủy tổ chức

Hội nghị học tập ở huyện cho cán bộ huyện và cán bộ chủ chốt các xã. Tháng 9 và tháng 10/1954, Huyện ủy tổ chức Hội nghị học tập ở 10 xã có gần 2.000 người dự, trong đó có 356 cán bộ từ tổ trưởng nông hội, tổ trưởng sản xuất trở lên. Các Hội nghị trên đã giải quyết được tư tưởng lạc quan "tếu", tư tưởng nóng vội, tư tưởng bi quan, dao động và những thắc mắc của cán bộ, đảng viên, quần chúng trước tình hình mới, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ.

Cùng với các đợt học tập, tuyên truyền phổ biến sâu rộng thắng lợi của hiệp định đình chiến, huyện tăng cường các hoạt động quân sự đi đôi với đẩy mạnh cuộc vận động gọi phỉ về hàng. Từ tháng 7 đến cuối năm 1954, phần lớn những người lầm đường theo phỉ đã ra trình diện chính quyền. Năm 1955, ngoài số phỉ người địa phương tiếp tục mang súng về hàng, Đại đội 85 bộ đội địa phương của huyện đã tiêu diệt được 35 tên phỉ ngoan cố, cố tình chống lại nhân dân. Trước tình hình đó, những gia đình có người lầm đường còn lẩn trốn, tích cực kêu gọi chồng con mang súng trở về để được hưởng khoan hồng của Đảng và Chính phủ. Năm 1957, số phỉ ở Văn Bàn cơ bản bị bắt, bị tiêu diệt hoặc ra hàng, không còn tên nào còn lẩn trốn trên rừng. Nhân dân các vùng trước đây có phỉ hoạt động đã trở lại cuộc sống thanh bình.

Đối với nạn đói đang đe dọa nghiêm trọng một số vùng, huyện tổ chức cứu tế, cung cấp muối, gạo, sử dụng thóc "tịch biên" của Việt gian theo Pháp và thóc của các xã phát động giảm tô để phân phối cho các gia đình thiếu đói. Đồng thời huyện vận động nhân dân nêu cao tinh thần "lá lành đùm lá rách", "nhường cơm sẻ áo" giúp đỡ nhau lúc khó khăn. Với số thóc "tịch biên", huyện phân phối cứu đói cho xã Nậm Tha 450 kg, Châu Quế Thượng 700 kg, Nậm Xây 1000 kg. Huyện còn vận động

nhân dân Nậm Xây đổi thuốc phiện cho mậu dịch được 1.000 kg thóc. Với số thóc vay được 37.030 kg, huyện phân phối cho 661 gia đình thiếu đói. Nhân dân 5 xã Bảo Hà, Nậm Tha, Nậm Xây, Võ Lao, Châu Quế Hạ quyên góp được 23.700 kg giúp cho 270 gia đình. Ở Nậm Mả, đồng bào Tày nhường 800 kg thóc, 216 kg gạo và 22 kg muối được chia giúp cho 25 gia đình người Mông bị đói. Bằng các biện pháp tích cực đó, nhân dân huyện Văn Bàn đã vượt qua được nạn đói trước mắt, nhất là ở vùng mới giải phóng khỏi nạn phỉ.

Đảng bộ huyện nhận thức rõ chỉ có đẩy mạnh phong trào sản xuất và tiết kiệm, không ngừng tăng sản lượng lương thực và thức ăn bình quân đầu người mới có thể chấm dứt được nạn đói lưu niên và nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc. Do đó huyện đã phát động phong trào khai hoang phục hóa, sửa chữa và làm mới nhiều mương phai, dùng phân bón, phá thế độc canh, trồng lúa nước, cấy tăng vụ và trồng nhiều hoa màu... Đồng thời huyện vận động nhân dân tiết kiệm lương thực trong những việc cưới xin, ma chay, v.v... Huyện chỉ đạo ngành Ngân hàng cho nông dân vay vốn mua trâu cày và mua sắm nông cụ; giao cho mậu dịch cung cấp các loại nông cụ phù hợp với địa phương, cung cấp thóc giống, ngô và đậu tương giống, phân bón, thuốc trừ sâu, v.v... Đối với đồng bào dân tộc Dao dọc tuyến đường xe lửa, huyện vận động họ "hạ sơn" xuống khai hoang làm ruộng nước và vận động nhân dân các dân tộc giúp đỡ nhau sản xuất. Ở một số địa phương, nhân dân đã giúp nhau các loại giống như thóc, ngô, đậu tương và trâu cày. Ở Võ Lao, người Tày chia ruộng cho người Mông Nậm Mả. Ở Minh Lương, người Dao, người Tày chia ruộng cho người Mông. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, huyện vận động nhân dân tranh thủ lúc "nông nhàn" tích cực khai thác lâm sản bán cho Nhà

nước. Để tiện cho nhân dân bán lâm sản, huyện giao cho thương nghiệp đến tận cửa rừng thu mua với giá cả thỏa đáng, địa điểm thu mua có chỗ ăn nghỉ cho nhân dân đến bán. Huyện giao cho ngành giao thông mở rộng các tuyến đường Đông An - Phong Dụ - Khánh Yên - Dương Quỳ - Minh Lương phục vụ cho việc vận chuyển và hạn chế tư thương ép giá.

Về công tác văn hóa giáo dục, mặc dù chi phí tốn kém, huyện vẫn cho các đội chiếu bóng và các đội đèn chiếu (ảo đăng), các đội tuyên truyền đến phục vụ nhân dân các thôn xóm, nhất là trên vùng cao, nơi xa xôi hẻo lánh nhằm tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ, động viên sản xuất và làm các nghĩa vụ, xây dựng nếp sống văn hóa, bài trừ các hủ tục, nạn mê tín dị đoan. Để phát triển giáo dục, huyện đề nghị Ty Giáo dục bổ sung một số giáo viên lên Văn Bàn và huyện đã có một số chế độ ưu đãi đối với giáo viên.

Huyện đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các dân tộc người địa phương và giao cho cán bộ của huyện phụ trách các khu vực và các xã, có trách nhiệm phát hiện các quần chúng tích cực, dìu dắt và bồi dưỡng họ trở thành cán bộ. Mặt khác, các ủy viên thường vụ Huyện ủy thường xuyên xuống cơ sở, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề cần thiết, đồng thời trực tiếp bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ thôn, xã.

Theo quy định của Trung ương, đầu năm 1955 Khu tự trị Thái - Mèo được thành lập, năm 1956 Khu tự trị Việt Bắc ra đời. Đối với các tỉnh miền núi, nhiều dân tộc không nằm trong các khu tự trị trên, Trung ương cho tiến hành cuộc vận động học tập thực hiện chính sách dân tộc thiểu số của Đảng. Cùng với các huyện khác của tỉnh Yên Bái, huyện Văn Bàn tiến hành cuộc vận động từ cuối năm 1955 đến đầu năm 1956, thu được những kết quả đáng kể. Được giác ngộ, nhân dân các dân tộc trong huyện đã thấy rõ âm mưu của thực dân Pháp gây chia rẽ, mâu

thuẫn giữa các dân tộc, đặc biệt là âm mưu lợi dụng các vấn đề dân tộc để lôi kéo quần chúng làm phỉ, gây bạo loạn chống lại chính quyền cách mạng. Nhân dân các dân tộc cũng tìm hiểu chính sách dân tộc của Đảng có nội dung chủ yếu là thực hiện đoàn kết, bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc. Trên cơ sở nhận thức được nâng cao, nhân dân trong huyện đã củng cố được lòng tin vào khả năng cách mạng của dân tộc mình và các dân tộc anh em, giải quyết được một phần tư tưởng dân tộc lớn, tư tưởng dân tộc hẹp hòi và tư tưởng tự tôn dân tộc, củng cố được lòng tin vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ. Tình đoàn kết giữa các dân tộc được tăng cường. Qua học tập, nhân dân các dân tộc nâng cao lòng căm thù thực dân phong kiến, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch đối với địa phương.

Từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1957, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (tháng 9/1956), nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong cải cách ruộng đất, công khai tự phê bình trước Đảng và nhân dân, đề ra các biện pháp sửa chữa sai lầm. Trung ương Đảng và Chính phủ chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền ở các địa phương phải sửa sai một cách khẩn trương, có kế hoạch và có trọng điểm.

Từ tháng 9/1956, Tỉnh ủy Yên Bái trưng tập cán bộ xuống huyện, xã chỉ đạo việc sửa sai trong thực hiện cải cách ruộng đất. Trong sửa sai, các cấp uỷ đảng, chính quyền đã tập trung giải quyết các nhiệm vụ:

Giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thống nhất với đánh giá của Trung ương Đảng, Chính phủ, ổn định tình hình tư tưởng, tạo sự đoàn kết giữa cán bộ cũ và mới.

Tiến hành củng cố cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, trọng tâm là ở các xã, làm hạt nhân để sửa sai, khôi phục Đảng và chức vụ cho cán bộ bị xử lý sai.

Đền bù tài sản cho người bị quy sai, bị tịch thu không đúng, sửa chữa lại việc xác định thành phần trước đó, thả những người bị bắt oan, thực hiện khoan hồng đối với những người lầm đường, tội nhẹ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Yên Bái, Đảng bộ huyện Văn Bàn trực tiếp lãnh đạo việc tổ chức minh oan và trả lại đúng thành phần cho những người bị quy oan, quy sai trong phát động quần chúng đấu tranh đòi thực hiện giảm tô. Vì các sai lầm của địa phương không nghiêm trọng và việc sửa sai tiến hành được kịp thời nên ta sớm ổn định được các tổ chức, ổn định được tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc.

Kết hợp với cuộc vận động quần chúng học tập và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng về công tác sửa sai, huyện đẩy mạnh phong trào sản xuất tiết kiệm, phát triển văn hóa, xã hội.

Về hoạt động sản xuất, tính đến năm 1957, huyện vận động khai hoang được 135 ha; diện tích, năng suất và sản lượng các loại cây trồng đều tăng. Lúa từ 112 ha năm 1954 lên 587 ha, ngô từ 227 ha năm 1954 lên 629 ha, năng suất lúa từ 16 tạ/ha năm 1955 lên 21 tạ/ha năm 1957, bình quân đầu người về lương thực quy ra thóc: năm 1954 là 219kg, năm 1957 đã lên tới 300 kg. Tỷ lệ đóng góp năm 1955 bằng 17,8% số thu nhập, năm 1957 chỉ còn 15,3% số nhập. Hàng năm, nhân dân các dân tộc trong huyện còn khai thác và bán cho Nhà nước trên một triệu đồng lâm thổ sản[1].

[1] Theo Báo cáo tổng kết 3 năm 1958-1960, số 5-BC-HU ngày 4/5/1961 của Huyện ủy Văn Bàn.

Công tác văn hóa xã hội phát triển mạnh. Trong 3 năm 1955-1957, trung bình hàng năm huyện có trên 3.000 người theo học các lớp phổ thông và bình dân, có trên 1 vạn lượt người được cấp thuốc không mất tiền. Hầu hết các thôn xóm đều có trường lớp bình dân học vụ và cán bộ y tế, vệ sinh viên.

Cùng với các thắng lợi trên, công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ ở địa phương có nhiều chuyển biến. Tính đến năm 1957, Đảng bộ huyện Văn Bàn có 12 chi bộ, trong đó có 10 chi bộ xã, 2 chi bộ cơ quan với tổng số đảng viên toàn huyện là 108 đồng chí.

Đảng bộ huyện nhận thức rõ vai trò quyết định của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc ở địa phương trong sự nghiệp cách mạng tại đây. Vì vậy, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác bồi dưỡng quần chúng tích cực, trung kiên, xuất hiện trong các phong trào cách mạng, dìu dắt đào tạo họ trở thành cán bộ. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về trình độ văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc nhưng số lượng cán bộ người dân tộc địa phương ngày một phát triển. Ngoài số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trong thời kì kháng chiến chống Pháp, huyện có thêm một số cán bộ người dân tộc địa phương, trong đó có một số cán bộ nữ thuộc các dân tộc vùng cao như chị Giàng Thị Máy người dân tộc Mông xã Nậm Mả, chị Đặng Thị Tam người dân tộc Dao Đỏ ở xã Tân An.

Huyện Văn Bàn hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm (1955-1957) khôi phục kinh tế phát triển văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân. Nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp và tinh thần đoàn kết dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Những thành tựu mà nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn giành được trong 3 năm (1955-1957), đã đẩy lùi được nạn đói rách và dịch bệnh, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Các âm mưu phá hoại của bọn phản động bị đập tan; ổn định chính

trị xã hội được củng cố vững chắc. Thành tựu đó củng cố thêm niềm tin và quyết tâm của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng chế độ mới, tạo điều kiện cho giai đoạn mới phát triển nhanh và mạnh hơn.

IV. LÃNH ĐẠO CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI (1958-1960)[1]

Từ ngày hòa bình được lập lại, miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng nhận thức tư tưởng của đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ còn ít nhiều mơ hồ về sự phát triển tất yếu của cuộc cách mạng ở miền Bắc và mối quan hệ khăng khít giữa nhiệm vụ cách mạng ở hai miền Bắc - Nam. Đảng bộ có nhiều cố gắng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhưng sự chuyển biến về nhận thức của cán bộ đảng viên còn chậm.

Trong không khí sôi nổi của cả nước và địa phương thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tháng 9 năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Đảng và Chính phủ lên thăm hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

Ngày 24/9/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu phái đoàn của Đảng và Chính phủ đến thăm tỉnh Yên Bái. Ngày 25/9/1958, tại sân vận động thị xã Yên Bái, hơn 5.000 cán bộ, nhân dân các dân tộc đi dự mít tinh chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn. Chủ tịch Hồ Chí Minh thân mật nói chuyện và ân cần dặn dò Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc, tạo nên sức mạnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng. Người động viên nhân dân phải tích cực tăng gia sản xuất, cấy tăng vụ, bỏ lệ cấy chay, có như thế

[1] Những số liệu trong mục này được trích dẫn từ cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* Tập II (1954-1975), của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn, xuất bản năm 1995.

năng suất mới cao, lương thực mới nhiều, đời sống mới no đủ. Đối với đồng bào miền núi, Người nói, phải định canh, định cư mới ổn định được sản xuất và cuộc sống. Bà con phải tham gia xây dựng tổ đổi công, vào hợp tác xã và làm tròn nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp đối với Nhà nước. Cuối cùng, Người nhắc nhở mọi người phải tiết kiệm trong tiêu dùng, phải giữ lấy thuần phong mỹ tục của dân tộc nhưng đồng thời phải bài trừ những hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin của chế độ phong kiến trước đây.

Thay mặt Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức, Bí thư Tỉnh uỷ hứa với Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ tăng cường sự đoàn kết trong toàn Đảng bộ, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi những lời dạy của Người.

Ngày 25/9/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Yên Bái tại sân vận động thị xã

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn của Đảng, Chính phủ thăm Yên Bái biểu thị sự quan tâm chăm sóc của Người đối với nhân dân các dân tộc địa phương. Đây là nguồn cổ vũ động viên lớn lao đối với phong trào cách mạng tỉnh. Lời căn dặn chí tình của Người là những chỉ thị cụ thể về mọi mặt công tác cho Đảng bộ và nhân dân. Chuyến thăm của Người đã thúc đẩy toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh thi đua phấn đấu vượt lên mọi khó khăn để hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Trung tuần tháng 11/1958, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (khóa II) khai mạc. Hội nghị đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội 3 năm (1958-1960): Nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời, phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Yên Bái tiến hành Đại hội lần thứ III từ ngày 30/1 đến ngày 4/2/1959. Sau khi đánh giá tình hình chung, chỉ rõ những thắng lợi, tồn tạitrong công tác lãnh đạo của Đảng bộ những năm qua, Đại hộira Nghị quyết về nhiệm vụ những năm tới: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đồng thời ra sức phát triển văn hoá - xã hội, đề caocông tác giáo dục vận động đồng bào vùng cao; chú trọng công tác xây dựng đảng, nhất là xây dựng tổ chức Đảng ở nông thôn. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 17 đồng chí, đồng chí Nguyễn Đức được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ III đánh dấu sự chuyểnbiến về nhận thức tư tưởng của Đảng bộ với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tháng 4/1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 16 ra Nghị quyết về vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 16, Bộ Chính trị nhận định vấn đề hợp tác hoá ở miền núi cần có quy định riêng cho thích hợp và ra Chỉ thị xác định nhiệm vụ của miền núi và vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ. Trong Chỉ thị cũng nêu rõ phương châm, bước đi, tốc độ và hình thức hợp tác hóa nông nghiệp ở miền núi.

Tỉnh uỷ Yên Bái xác định nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ là một công tác mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Tự nhận thức về vai trò vận động hợp tác hoá kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ và căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương, Đảng bộ tiến hành công việc chuẩn bị một cách tỉ mỉ, chu đáo như điều tra nông thôn, chọn xã thí điểm, xây dựng kế hoạch vận động tổ chức bộ máy và tiến hành triển khai học tập trong toàn đảng viên và nhân dân. Cuộc vận động được tiến hành nhanh, gọn theo đúng phương châm của Trung ương: nhẹ nhàng, đơn giản, sâu sắc, triệt để, bảo đảm đường lối giai cấp, chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức cho cán bộ đảng viên trong toàn Đảng bộ học tập, quán triệt cụ thể huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14, nâng cao được nhận thức và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, về cuộc đấu tranh gay go và quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và về nhiệm vụ của miền Bắc đối với cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tháng 1/1959, Đại hội toàn đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ nhất diễn ra. Tham dự Đại hội có gần 100 đại biểu. Đại

hộibầu cử Ban Chấp hành Huyện uỷ gồm 12 đồng chí (02 đồng chí dự khuyết). Đồng chí ***Trần Quang Nghĩa*** được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Ban Thường vụ Huyện ủy có 3 đồng chí, 1 bí thư, 1 phó bí thư thường trực và 1 ủy viên thường vụ phụ trách chính quyền. Đại hội Đảng bộ họp lần thứ nhất, mở ra một bước phát triển mới của Đảng bộ, chấm dứt tình trạng Huyện ủy chỉ có 1 bí thư và 1 huyện ủy viên do tỉnh chỉ định.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế - văn hóa, Đại hội Đảng bộ đề ra nhiệm vụ "Ra sức phát triển sản xuất, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính, đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh theo xã hội chủ nghĩa, khâu chính là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp. Đồng thời tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao thêm một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Trong khi thực hiện những nhiệm vụ trên phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng[1]. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn tích cực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và nhiệt tình tham gia các cuộc vận động hợp tác hóa phát triển sản xuất kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ.

Theo phương châm "tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt,vững và gọn"[2], huyện tập trung lãnh đạo và kiên quyết đưa số cán bộ có năng lực tham gia cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp. Do đó đến cuối năm 1959, Văn Bàn xây dựng được 20 hợp tác xã bao gồm

[1] Nghị quyết phê chuẩn báo cáo tổng kết công tác năm 1959 của Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn (7/1/1960).

[2] *Văn kiện Đảng* - Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, tập X, tr.110.

702 hộ, chiếm 18,8% tổng số hộ nông dân toàn huyện. Phong trào đổi công chuyển biến tốt. Nhiều tổ đổi công thường xuyên đã tiến tới bình công chấm điểm. Một số chỉ tiêu diện tích và sản lượng đạt mức cao nhất từ trước tới năm 1959. Lúa đông xuân 1958-1959 có diện tích 1.025 ha, năng suất bình quân 31,5 tạ/ha. Các loại hoa màu tăng. Nạn đói lưu niên căn bản được giải quyết.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng về mở Đại hội Đảng ở tất cả các cấp, từ ngày 27/4 đến ngày 03/5/1960, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II. Tham dự Đại hội có 76 đồng chí (65 đại biểu chính thức, 01 đại biểu dự khuyết, 10 đại biểu là đảng viên dự bị). Đại hội bầu cử BCH khóa mới gồm 16 đồng chí trong đó có 03 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí, Đồng chí Hoàng Kim Bảo được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội bầu 16 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội cấp trên.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần II đề ra phương hướng nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế và văn hóa, giao thông vận tải và bưu điện, công tác văn hóa,y tế, giáo dục[1].

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu về hợp tác hoá nông nghiệp trong năm 1960. Để đảm bảo căn bản hoàn thành nhiệm vụ hợp tác hoá nông nghiệp năm 1960, phải củng cố nâng cao chất lượng tổ đổi công, tăng cường củng cố hợp tác xã sẵn có, phải nâng cao dần quản lý sản xuất lên khoán việc, khoán năng suất, sản lượng; đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, tăng thu nhập cho xã viên; tích cực đào tạo cán bộ cung cấp cho phong trào. Tổ chức liên hiệp một số hợp tác xã (HTX) nhỏ thành hợp tác xã lớn ở nơi có đủ điều kiện. Nhiệm vụ công tác vùng cao trong năm 1960 là

[1] Nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm 1960 của Đại hội toàn Đảng bộ huyện Văn Bàn.

đẩy mạnh mọi mặt công tác như văn hoá, giáo dục, y tế, tích cực củng cố phong trào đổi công, đảm bảo 25% số hộ nông dân vào hợp tác xã và 90% số hộ vào tổ đổi công. Trong đó có 3% bình công chấm điểm và tiếp tục vận động nhân dân định canh định cư, tạo điều kiện cho nhân dân xuống vùng thấp khai hoang. Trong năm 1960, căn bản hoàn thành về hợp tác hoá thủ công nghiệp và đưa tiểu thương, thợ thủ công vào các tổ chức tập thể; có kế hoạch sử dụng gia công đặt hàng; cung cấp và phân phối hàng hoá và nguyên vật liệu cho các hợp tác xã. Trên cơ sở phong trào hợp tác xã nông nghiệp được phát triển và củng cố, phải quyết tâm hoàn thành sản xuất nông nghiệp vụ chiêm và vụ mùa thắng lợi toàn diện vượt bậc, vững chắc trong phong trào sản xuất nông lâm nghiệp, phải rất coi trọng lương thực, chủ yếu là lúa. Đồng thời hết sức coi trọng phát triển cây công nghiệp, hoa màu, chăn nuôi, trồng cây gây rừng, khai thác gỗ, nuôi cá và các nghề phụ, v.v... Lãnh đạo chặt chẽ việc khoanh rừng, bảo vệ rừng, chống phá hoại rừng, tạo ra phong trào trồng cây gây rừng rộng rãi trong nhân dân, chú trọng các loại cây lấy gỗ, cây ăn quả và cây có dầu đảm bảo các chỉ tiêu đã định. Phát triển củng cố mạnh mậu dịch quốc doanh và các hợp tác xã mua bán ở những nơi có đủ điều kiện. Liên kết các hợp tác xã và đưa các tổ nhỏ lẻ ở ngoài vào hợp tác xã. Xây dựng thêm ở các xã với tỷ lệ 40% số hộ tham gia. Tăng cường công tác quản lý chi, thu, quản lý tiền mặt, đẩy mạnh việc thu nợ, vận động gửi tiền tiết kiệm, đẩy mạnh việc phát triển và củng cố quỹ tín dụng. Dựa vào lực lượng quần chúng để tu sửa các con đường dân sinh từ xã này sang xã khác, xóm nọ sang xóm kia, tu sửa con đường từ Bảo Hà vào Khe Lếch và mở thêm con đường từ Nhù vào Võ Lao, từ Coóc đi Ken, từ Trái Hút đi Phong Dụ, từ Bảo Hà đi Mã Yên Sơn.

Đặc biệt chú trọng những xã xa, đảm bảo đường dây từ huyện đến tỉnh được tốt, đồng thời giáo dục cảnh giác cách mạng, bảo vệ công văn, thư từ. Nâng cao trình độ văn hoá, trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật cho cán bộ công nhân và nhân dân lao động. Cụ thể là tích cực thực hiện Nghị quyết văn hoá của Tỉnh uỷ và coi trọng công tác thanh toán nạn mù chữ, nâng cao chất lượng và tăng cường nội dung chính trị trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh vệ sinh phòng bệnh, giáo dục ý thức rộng rãi trong quần chúng nhân dân là chủ yếu. Đặc biệt chú ý vùng cao, phố xá, cơ quan, công trường; củng cố các cơ sở y tế xã, các bệnh xá; đồng thời tích cực bồi dưỡng, đào tạo thêm các y tế vệ sinh viên để cung cấp cho phong trào. Đẩy mạnh phong trào thể thao, thể dục.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, toàn huyện đẩy mạnh thực hiện phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Đến cuối năm 1960, ngoài 21 tổ đổi công thường xuyên và 570 tổ đổi công từng vụ, từng việc, Văn Bàn đã có 90 hợp tác xã gồm 8 hợp tác xã bậc cao và 82 hợp tác xã bậc thấp, chiếm 68,08% tổng số hộ nông dân. Các hợp tác xã đã có trên 3.100 con trâu, chiếm 60% tổng số trâu trong huyện và 5.626 nông cụ các loại[(1)]. Cùng với phong trào hợp tác hóa phát triển, sản xuất trong huyện có nhiều tiến bộ. Đi đôi với tích cực vận động tăng diện tích các loại cây trồng (khai hoang, tăng vụ), huyện đẩy mạnh công cuộc vận động cải tiến công cụ và các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Riêng về năng suất, vụ đông xuân 1950-1960 vẫn đạt 18,7 tạ/ha (so với vụ đông xuân 1956-1957 đạt 18 tạ/ha), năng suất vụ mùa năm 1960 đạt 24,64 tạ/ha (so với vụ mùa năm 1957 đạt 21 tạ/ha).

[(1)] Theo Báo cáo tổng kết 3 năm 1958-1960, số 5-BC ngày 4/5/1961 của Huyện ủy Văn Bàn.

Về chăn nuôi, tính đến tháng 6/1960, đàn trâu tăng 1352 con, đàn lợn tăng 3.639 con, đàn gia cầm tăng 34.000 con so với năm 1957[1].

Về lâm nghiệp, năm 1960, nạn phá rừng trên địa bàn huyện giảm 20%. Thực hiện "Tết trồng cây" do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động, trồng theo kế hoạch và vận động nhân dân trồng đều đạt và vượt kế hoạch. Huyện còn chuẩn bị 2 vườn ươm, 9 hợp tác xã, 10 vườn ươm khác. Qua điều tra rừng, toàn huyện còn 780 ha. Huyện đã mở các lâm trường khai thác như Lâm trường Khe Bàn (Võ Lao), Lâm trường Phúc Minh (Lâm Giang), Lâm trường Khe Chấn (Bảo Hà) khai thác hàng trăm ngàn cây tre, vầu, hàng nghìn khối gỗ và thu hoạch được hàng chục tấn quế vỏ[2]. Bên cạnh những cố gắng trên, công tác lãnh đạo sản xuất nông lâm nghiệp của Đảng bộ Văn Bàn thời gian này vẫn chưa mạnh dạn và thiếu toàn diện, lãnh đạo về chính sách còn bảo thủ, rụt rè, cảitiến kỹ thuật còn yếu.

Về cải tạo và phát triển công thương nghiệp, cuối năm 1957 toàn huyện Văn Bàn mới có 47 hộ buôn bán nhỏ, tập trung ở Bảo Hà, Tân An và rải rác ở Kim Sơn, Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Dương Quỳ, Đông An mỗi nơi một vài hộ. Phần lớn các hộ buôn bán này chỉ có tính thời vụ, lệ thuộc vào tình hình sản xuất của nông dân. Trong hai năm 1958-1959, Huyện ủy chỉ đạo cho các hộ tiểu thương học tập các chính sách quản lý thị trường, cải tạo công thương nghiệp và vận động họ chuyển sang sản xuất. Kết quả toàn huyện có 13 hộ xin nghỉ buôn bán trở về sản xuất nông nghiệp hoặc chuyển sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Hầu hếtcác hộ tiểu thương khác đã vào các tổ hợp tác xã mua bán,

[1] Theo Báo cáo tổng kết 3 năm 1958-1960, số 5-BC ngày 4/5/1961 của Huyện ủy Văn Bàn.

[2] Theo Báo cáo tổng kết 1 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ khóa 2 năm 1959-1960 ngày 3/5/1960 của Đảng bộ huyện Văn Bàn.

chỉ còn 3 hộ vẫn làm ăn cá thể và họ ở lẻ tẻ. Về việc cải tạo đối vớithợ thủ công, huyện thành lập các tổ hợp tác[1]. Cùng với việc cải tạo công thương nghiệp, ta phát triển mậu dịch quốc doanh và mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán ở các trung tâm khu vực và các xã lớn. Các hợp tác xã mua bán đã thu nạp được 3.782 xã viên với 4.100 cổ phần. Về thu mua, năm 1960, nhân dân đã bán cho Nhà nước 1.626 tấn thóc, 40 tấn lợn, 150 con trâu, gần 21.000 khối gỗ, 200 tấn quế, 30 tấn củ nâu, gần 5.000 khối củi và một khối lượng lớn nứa, song, mây, chưa kể số nhân dân bán cho tư thương và các hợp tác xã mua bán ở dưới xuôi có giấy phép lên mua.

Huyện Văn Bàn đã làm tốt công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh nhưng có một số trường hợp ta giải quyết chưa linh hoạt, vẫn cấp kinh doanh cho người chưa có cơ sở sản xuất hoặc vẫn bắt người có điều kiện xin về sản xuất giữ đăng ký môn bài kinh doanh. Ý thức phục vụ của một số cán bộ thương nghiệp kém, còn nặng về kinh doanh, nhẹ về phục vụ chính trị và đời sống, còn gây phiền hà cho nhân dân trong việc mua, bán hàng.

Song song với công tác phát triển phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công thương nghiệp, huyện tăng cường các hoạt động giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân các dân tộc.

Nhận thức rõ giao thông vận tải giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với địa phương, Đảng bộ huyện đã quan tâm chỉ đạo. Thực hiện Nghị quyết các Đại hội Đảng bộ đầu năm 1959 và tháng 5/1960 về công tác giao thông, qua 3 năm phấn đấu đến cuối năm 1961, huyện vận động nhân dân đóng góp được 7.353

[1] Các tổ rèn mỗi tổ từ 3 đến 10 người. Các tổ may mỗi tổ có 15 máy khâu. Ngoài ra còn 1 tổ mộc, 1 tổ cắt tóc, 21 tổ làm nón, 2 tổ vận tải thô sơ và 2 tổ làm bánh đa thái ở Tân An.

ngày công. Đồng thời phát động phong trào thi đua cải tiến phương tiện, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, giảm chi cho Nhà nước và hoàn thành các công trình giao thông theo kế hoạch. Huyện mở rộng mặt đường từ Tân An qua Khe Lếch đến huyện lỵ (làng Coóc - Khánh Yên Thượng), làm thêm hai cầu treo từ làng Coóc đi Chiềng Ken, sửa chữa cầu treo Nậm Xây, Ngòi Chút và cầu Bảo Hà. Sửa chữa các đường từ Đông An đi Phong Dụ, Bảo Hà đi Mã Yên Sơn và làm đường từ Khe Lếch đi Võ Lao. Tuyển 20 công nhân thường xuyên tu sửa bảo dưỡng từ Tân An vào huyện lỵ. Huyện còn củng cố các trạm bưu điện xã, sửa chữa đường dây bảo đảm việc liên lạc bằng điện thoại, điện báo, bưu vụ, bưu phẩm từ huyện lên tỉnh và xuống các khu vực, các xã.

Công tác "ba thu" có những chuyển biến tốt. Việc phá rừng làm nương giảm dần, một phần do nhân dân chuyển sang khai hoang làm ruộng nước, một phần do nhân dân tích cực thâm canh. Công tác chống buôn lậu được tăng cường. Trong 2 năm 1960-1961, được nhân dân giúp đỡ, công an và dân quân đã phát hiện bắt giữ 8 vụ buôn lậu thuốc phiện gồm 10 kg và 1 vụ buôn 140 đồng bạc trắng.

Công tác ngân hàng đã phát huy tác dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngân hàng huyện xây dựng được 17 quỹ tín dụng ở 15 xã, cho nông dân vay tiền mua trâu cày, trâu kéo, ngựa thồ, thuyền gỗ, nông cụ cải tiến, thóc giống, thóc ăn, phát triển chăn nuôi và xây dựng sân phơi, nhà kho. Năm 1960, riêng số hộ nông dân vay quỹ tín dụng để sản xuất đạt 41% dân số toàn huyện. Tuy nhiên công tác ngân hàng còn nhiều hạn chế, dải ngân vốn tín dụng chưa linh hoạt.

Về văn hóa xã hội, huyện Văn Bàn có bước phát triển mạnh. Trong 3 năm (1958-1960), toàn huyện có gần 1.500 người được thanh toán nạn mù chữ. Năm học 1958-1959, 8 xã có phong

trào, năm học 1959-1960, phong trào đã lan rộng ra hầu hết khắp các xã. Các trường lớp học sinh phổ thông tiếp tục phát triển. Năm học 1957-1958 toàn huyện có 11 trường phổ thông cấp I gồm 14 lớp và 225 học sinh, chỉ 2 xã Bảo Hà và Khánh Yên Hạ có đến lớp 3, các xã khác chỉ có lớp 1, lớp 2, trên vùng cao chưa nơi nào có trường lớp. Năm học 1958-1959, Huyện tổ chức được trường lớp ở các xóm vùng cao thuộc 3 xã: Cam Cọn, Lang Thíp và Châu Quế Thượng, 11 xã có trường phổ thông đến lớp 3, riêng 2 xã Bảo Hà và Khánh Yên Hạ có đến lớp 4. Đến năm học 1960-1961, số học sinh trong huyện lên tới 1.700 em, trong đó có 21 học sinh trường phổ thông cấp II của huyện mới mở. Cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục phổ thông, huyện chú ý bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ. Mặc dù việc học bổ túc văn hóa gặp nhiều khó khăn, hầu hết cán bộ công tác lưu động, song từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, không kể số cán bộ được cử đi học các lớp văn hóa ở tỉnh, huyện đã mở được 3 khóa học bổ túc văn hóa cho trên 200 cán bộ của huyện và các xã. Các cơ quan mở được 9 lớp bổ túc văn hóa cho gần 100 cán bộ công nhân viên.

Công tác giáo dục tuy đạt được một số kết quả nhưng lãnh đạo ở một số xã còn ít quan tâm động viên giúp đỡ, tạo điều kiện cho công tác và sinh hoạt của giáo viên, còn coi nhẹ việc động viên nhân dân cho con em đi học. Có xã còn huy động sản xuất, họp hành vào thời gian dành riêng cho học tập bổ túc văn hóa, bình dân học vụ. Trước tình hình đó một số giáo viên nảy sinh tiêu cực, xin nghỉ việc.

Về hoạt động văn hóa, các đội chiếu bóng và đội đèn chiếu có tác dụng phục vụ phong trào hợp tác hóa, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự và phong trào cải tiến kỹ thuật. 6 xã Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ, Nậm Chày, Chiềng Ken, Bảo Hà tổ chức được các đội văn nghệ của xã, một số đội

tham gia hội diễn của tỉnh. Huyện Văn Bàn được tỉnh đánh giá là huyện có phong trào văn hóa văn nghệ khá của tỉnh.

Cùng với công tác văn hóa, giáo dục, công tác y tế của huyện cũng không ngừng lớn mạnh. Năm 1955, huyện chỉ có một phòng y tế với 3-4 nhân viên. Đến năm 1960 Văn Bản đã có 1 bệnh xá huyện, 10 trạm xá xã, hầu hết các xã có túi thuốc, tỷ lệ tử vong ở bệnh xá là 1,09%. Huyện đã đào tạo được 1 y sĩ, bồi dưỡng 25 y tá, 5 nữ hộ sinh và đưa đi đào tạo ở khu và ở tỉnh 12 nữ hộ sinh, 15 hộ sinh viên. Nhân dân các dân tộc nhiệt tình hưởng ứng phong trào vệ sinh phòng bệnh, đào được một số giếng nước ăn, làm hố tiêu và chuồng gia súc xa nhà, các bệnh dịch cúm, ho gà, quai bị đã được dập tắt ngay khi mới phát sinh.

Tuy nhiên, phong trào vệ sinh phòng bệnh phát triển chưa đều, chưa liên tục. Cán bộ y tế chưa chú ý kết hợp Đông - Tây y và khai thác các bài thuốc dân tộc, thuốc gia truyền trong nhân dân. Một số các xã còn coi nhẹ công tác phòng bệnh, ý thức phục vụ bệnh nhân chưa cao.

Để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là sau ngày đại đội bộ đội địa phương huyện được lệnh giải thể (trong đợt tinh giản lực lượng vũ trang, giảm 8 vạn quân trong toàn quân), Đảng bộ huyện thường xuyên giáo dục tinh thần cảnh giác cho nhân dân, tăng cường xây dựng và củng cố lực lượng công an nhân dân và lực lượng dân quân, du kích. Riêng đối với dân quân, du kích, huyện bổ sung kiện toàn ban chỉ huy huyện đội và các cán sự huyện đội. Chấn chỉnh các ban xã đội, tiến hành các đợt kiểm tra vũ khí, rà soát và nâng cao chất lượng cán bộ, chiến sĩ, kiên quyết đưa ra ngoài những người không đủ tiêu chuẩn và kết nạp, bổ sung những người xứng đáng vào hàng ngũ lực lượng vũ trang. Huyện chú ý kiểm tra, đôn đốc đẩy mạnh việc thực hiện chương trình học tập chính trị, huấn luyện quân sự cho quân dân, quân du kích, lãnh đạo các đợt thực hiện

chế độ nghĩa vụ quân sự, bảo đảm hoàn thành kế hoạch tuyển quân trong các năm 1958-1960. Số vụ buôn lậu, trộm cắp, đánh nhau gây mất trật tự trị an và kiện tụng trong nhân dân giảm đi đáng kể.

Về xây dựng Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, Đảng bộ Văn Bàn coi trọng công tác củng cố vai trò quản lý của chính quyền dân chủ nhân dân. Huyện ủy tăng cường 7 đồng chí huyện ủy viên đưa sang Ủy ban hành chính và các ngành của huyện, điều động 21 cán bộ đảng viên ở các xã lên công tác tại các phòng, ban của huyện. Huyện có kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng số cán bộ này để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ được phân công.

Căn cứ hoàn cảnh thực tế của địa phương, Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng cả hai mặt chính trị tư tưởng và tổ chức, nhận thức rõ đây là công tác thiết yếu nhất, bảo đảm thắng lợi của mọi cuộc vận động cách mạng.

Ngay từ Đại hội lần thứ nhất, Đảng bộ huyện đã đề ra nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng là "Tăng cường giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản và khắc phục những tư tưởng phi vô sản khác; phát huy dân chủ, đẩy mạnh phê bình, tự phê bình để tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kiện toàn các cấp, các ngành để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; tích cực cùng các chi bộ khác đảm bảo sự lãnh đạo công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp và công thương nghiệp; coi trọng công tác động viên, khen thưởng và kỷ luật kịp thời; tiến hành phát triển Đảng, thường xuyên chú trọng vùng cao. Mức cụ thể phấn đấu năm 1959, xây dựng thêm 6 chi bộ xã và 3 xã có đảng viên, phát triển đi đôi với củng cố Đảng.

Tích cực thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động hợp tác hóa, hoàn thành cải cách dân chủ, công tác xây dựng Đảng ở huyện Văn Bàn từ năm 1959 đến 1960 đã có một bước phát triển quan trọng. Đến cuối năm 1960, huyện đã có 24 chi bộ với tổng số 253 đảng viên, trong đó có một số đảng viên nữ và đảng viên thuộc cán bộ dân tộc ít người ở địa phương. Số đảng viên này phần lớn được kết nạp trong cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ (1959-1960) và "Lớp đảng viên mùng Sáu tháng Giêng". Riêng trong năm 1959, huyện kết nạp 60 đảng viên, thành lập thêm 6 chi bộ ở các xã Minh Lương, Làng Giàng, Chiềng Ken, Nậm Tha, Lang Thíp và Phong Dụ. Các xã Cam Cọn, Dần Thàng, Nậm Mả, Tân An chưa thành lập chi bộ riêng nhưng mỗi xã đã có từ một đến hai đảng viên.

Đi đôi với công tác phát triển Đảng, Đảng bộ huyện coi trọng công tác củng cố, nâng cao chất lượng của các cán bộ, đảng viên và các tổ chức của Đảng. Đảng bộ huyện tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiến hành chỉnh huấn giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ đảng viên. Trong cuộc vận động và hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, có 33 đồng chí được biểu dương, các đảng viên nông thôn đều vào hợp tác xã. Trong đợt kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, cán bộ đảng viên được học tập lịch sử Đảng đã nâng cao phẩm chất của người đảng viên cộng sản, tăng thêm sức chiến đấu mới. Nhiều chi bộ như các chi bộ Kim Sơn, Bảo Hà, Châu Quế Thượng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Dương Quỳ v.v... có nhiều tiến bộ trong công tác lãnh đạo và củng cố thêm tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Cùng với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, việc khen thưởng, kỷ luật được kịp thời và nghiêm minh đã nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật cho cán bộ đảng viên. Trong 2 năm 1959-

1960, 3 đồng chí được tỉnh khen, 31 đồng chí được huyện khen, 21 cán bộ đảng viên ở xã được đưa lên công tác trên huyện. Đảng bộ coi trọng công tác kiểm tra, dân chủ, kỷ luật trong Đảng. Xử lý nghiêm minh các đảng viên mắc khuyết điểm sai lầm. Huyện đã kỷ luật 01 huyện ủy viên, khai trừ Đảng tịch 8 đảng ủy viên, lưu Đảng 01 đảng viên và đưa ra kiểm thảo sâu sắc 8 đảng viên.

Bên cạnh những cố gắng trên, trong công tác xây dựng Đảng thời gian này huyện còn một số thiếu sót, như việc xét duyệt kiểm nạp đảng viên, có trường hợp chưa bảo đảm tiêu chuẩn, công tác giáo dục chính trị, bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ đảng viên còn yếu. Trong các chi bộ vẫn còn một số đảng viên đi cúng, mê tín dị đoan, bỏ công tác (các chi bộ: Đông An, Lâm Giang), một số đảng viên kém ý thức phấn đấu vươn lên (các chi bộ: Dương Quỳ, Đông An, Lâm Giang, Châu Quế Hạ).

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện Văn Bàn quan tâm xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhằm tăng cường hiệu lực của các tổ chức này.

Năm 1959, đảng bộ huyện phân công 4 huyện ủy viên và điều động 4 cán bộ ở xã lên bổ sung cho Ủy ban hành chính huyện, lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính ở 22 xã (2 xã đã làm thí điểm hồi cuối năm 1958). Tổng số ủy viên Hội đồng nhân dân các xã có 405 người, trong đó có 150 ủy viên Ủy ban hành chính xã. Huyện đã mở các lớp bồi dưỡng cho số ủy viên này.

Về công tác mặt trận, huyện mở Đại hội Mặt trận bầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, tổ chức 6 hội nghị toạ đàm với những người làm nghề mo, then và các thành phần tầng lớp trên, tổ chức nhiều buổi nói chuyện về đấu tranh thống nhất Tổ quốc và về tình hình nhiệm vụ của địa phương. Công tác mặt trận bước đầu phát huy tác dụng, nâng cao tinh thần đoàn

kết dân tộc, động viên mọi người, mọi tầng lớp xã hội thực hiện đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, đẩy mạnh sản xuất và giảm bớt các tập tục lạc hậu trong việc cúng bái, cưới xin, ma chay, đồng thời xây dựng nếp sống văn hoá mới.

Đảng bộ huyện nhận thức rõ vai trò trọng yếu của thanh niên, đặc biệt quan tâm đến công tác thanh niên, huyện đã tổ chức học tập chỉ thị về công tác thanh vận cho cán bộ đảng viên, bổ sung biên chế cho huyện đoàn, tổ chức Đại hội Đoàn toàn huyện, bầu Ban Chấp hành Huyện đoàn và cử 29 cán bộ đoàn đi học văn hóa ở huyện, 2 cán bộ đoàn học lớp chính trị ở Trung ương. Huyện chú ý giáo dục cho đoàn viên nhận thức rõ về vai trò tiền phong và làm nòng cốt cho mọi phong trào ở địa phương.

Phong trào thanh niên của Văn Bàn được trưởng thành nhanh chóng. Năm 1958, huyện mới có 5 chi đoàn, trong đó có 2 chi đoàn cơ quan và 3 chi đoàn ở các xã Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ và Tân An. Năm 1960, phong trào đã phát triển tới 32 chi đoàn với 809 đoàn viên, thành lập được 24 đội thiếu niên tiền phong với 270 đội viên và 10 đội nhi đồng Tháng Tám với 112 em đội viên.

Được các cấp ủy Đảng thường xuyên lãnh đạo, động viên, thanh niên đã thể hiện rõ vai trò xung kích trong phong trào sản xuất, tòng quân, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và tham gia các hoạt động xã hội. Đã có nhiều chi đoàn là điển hình trong các phong trào này như: các Chi đoàn Châu Quế Hạ, Khánh Yên Hạ (phong trào khai hoang); chi đoàn Võ Lao, Nậm Dạng (phong trào thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa); chi đoàn Bảo Hà, Kim Sơn (phong trào thể dục thể thao)... Tuy nhiên công tác thanh niên vẫn còn những mặt yếu, phong trào chưa đều, chưa mạnh, công tác khen thưởng chưa kịp thời nên kém tác dụng động viên, giáo dục.

Về công tác phụ nữ, phong trào phụ nữ huyện Văn Bàn đã có nhiều tiến bộ. Năm 1958, toàn huyện mới có tổ chức phụ nữ ở 17 xã với trên 5.500 hội viên. Đa số chị em bị mù chữ, hoạt động của phụ nữ chưa nổi bật. Năm 1960, cả 24 xã trong huyện đều có Ban chấp hành hội. Số lượng hội viên phát triển nhanh, năm 1961 đã có 8.290 hội viên.

Phụ nữ Văn Bàn thể hiện rõ khả năng của mình trong lao động sản xuất và tham gia công tác xã hội. Một số chị em đã được bầu vào Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và hành chính xã[1]. Trong các hợp tác xã, số công điểm của chị em phụ nữ thường ngang hoặc trội hơn một số công điểm của nam giới. Cùng với đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ đã dẫn đầu các phong trào cải tiến kỹ thuật, làm cỏ, làm phân bón, làm thủy lợi, làm đường giao thông, v.v... Nhiều chị em đã biết cày bừa, biết cấy đúng kỹ thuật. Cuộc vận động góp tiền xây dựng Nhà máy dệt mùng 8 tháng 3 được chị em nhiệt tình hưởng ứng. Chị em đã tích cực đấu tranh bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, chống nạn tảo hôn, chống cưỡng hôn, ép hôn. Việc bảo hộ lao động nữ, nhất là khi thai nghén, tạo điều kiện cho chị em yên tâm làm việc, được Ban Chấp hành Hội Phụ nữ quan tâm. Chị em đã tổ chức 2 lớp mẫu giáo và 20 nhóm giữ trẻ. Tuy có những tiến bộ như trên nhưng phong trào phụ nữ trong huyện thời kỳ này vẫn bị hạn chế, do một số cấp ủy cơ sở chưa thực sự quan tâm đến công tác phụ vận, chưa coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, chưa tích cực giúp đỡ, tạo điều kiện cho chị em phát huy khả năng trong mọi hoạt động sản xuất và tham gia tác công tác xã hội.

Nhìn chung, từ ngày miền Bắc được giải phóng đến hết năm 1960, mặc dù có những mặt còn yếu kém nhưng đời sống kinh

[1] Năm 1959, Văn Bàn có 46 chị em tham gia Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã, chiếm 12,5% tổng số ủy viên các xã.

tế - xã hội của huyện Văn Bàn đã có những chuyển biến quan trọng. Dưới ánh sáng của Chỉ thị, Nghị quyết Trung ương Đảng và sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Yên Bái, Đảng bộ huyện Văn Bàn từng bước được động viên, phát huy được tinh thần và khả năng cách mạng to lớn của nhân dân các dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, tiến bước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ và nhân dân trong huyện nhanh chóng giải quyết được bọn phỉ còn lại sau Hiệp định đình chiến, khắc phục những hậu quả kinh tế - xã hội do chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ gây ra. Tiếp đó, huyện căn bản hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Diện tích, năng suất và sản lượng các loại cây trồng, bình quân lương thực theo đầu người nói chung đều tăng và vượt xa những năm còn trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế ở địa phương phát triển mạnh. Nạn đói giáp hạt, dịch bệnh và nạn thất học từng bước bị đẩy lùi, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt và từng bước được nâng lên. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng quan hệ sản xuất mới, phát triển sản xuất và từng bước nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, Đảng bộ huyện Văn Bàn từng bước trưởng thành. Đội ngũ cán bộ, kể cả cán bộ miền xuôi được điều động lên công tác và cán bộ người các dân tộc địa phương, không ngừng được lớn mạnh về số lượng và về trình độ năng lực. Chính quyền và các đoàn thể quần chúng được xây dựng và củng cố, phấn đấu thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ, phát huy hiệu lực trong công cuộc vận động cách mạng ở địa phương. Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn giành được trong thời kỳ từ năm 1954 đến năm 1960 đã tạo ra những thuận lợi to lớn cho tổ chức và thực hiện nhiệm vụ ở địa phương trong các giai đoạn tiếp theo.

***

Từ khi thành lập (1947) đến khi cả nước hoàn thành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954), Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn chiến đấu anh dũng, kiên cường và lao động sáng tạo, đóng góp to lớn vào thắng lợi vĩ đại chung của địa phương, đất nước. Quán triệt sâu sắc đường lối của Trung ương, của tỉnh và của huyện, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn phát huy truyền thống tốt đẹp hun đúc trong hàng ngàn năm lịch sử, được khơi dậy từ khi có ánh sáng của Đảng, giải phóng quê hương, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ...

Năm 1947, Ban cán sự Đảng huyện Văn Bàn thành lập, mở ra bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng ở Văn Bàn. Từ đó đến năm 1954, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự huyện tiến hành cuộc đấu tranh cam go quyết liệt giải phóng quê hương khỏi ách cai trị của thực dân Pháp. Ngày 16/11/1950, huyện Văn Bàn được giải phóng, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng của địa phương và tạo ra một bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng của huyện. Từ đây, Ban cán sự Đảng lãnh đạo nhân dân các dân tộc Văn Bàn thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, củng cố tổ chức, đánh địch lấn chiếm, tham gia Chiến dịch Tây Bắc, phá âm mưu gây phỉ. Trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Ban cán sự huyện lãnh đạo xây dựng hậu phương về mọi mặt, động viên sức người, sức của phục vụ cho kháng chiến chống Pháp, góp sức cùng nhân dân cả nước làm nên thắng lợi Điện Biện Phủ chấn động địa cầu. Cũng thời gian này, Ban cán sự huyện lãnh đạo địa phương thực hiện cải cách dân chủ. Qua lãnh đạo, Ban cán cán sự Đảng ngày càng trưởng thành và được kiện toàn, các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ đảng viên ngày càng lớn mạnh. Cùng với việc củng cố

tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Mặt trận Liên Việt được xây dựng ở hầu hết các xã, các tổ chức đoàn thể được củng cố, khối đoàn kết toàn dân được mở rộng, nhân dân đã tích cực ủng hộ cách mạng, đẩy mạnh sản xuất. Những thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành và giữ chính quyền cách mạng, cũng như những kết quả đạt được trong khôi phục phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng quê hương của nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đều gắn với sự lãnh đạo nhạy bén, kịp thời của Ban cán sự huyện.

Sau thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp và tiễu phỉ ở địa phương, bước sang giai đoạn thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, cải tạo xã hội chủ nghĩa trong điều kiện có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân toàn huyện tạo ra những biến đổi to lớn, xóa bỏ vĩnh viễn tàn tích của chế độ thực dân phong kiến. Chế độ chính trị, nền kinh tế, nền văn hóa mới từng bước được xây dựng và củng cố vững chắc; quyền làm chủ của nhân dân, tình đoàn kết, quyền bình đẳng của các dân tộc từng bước được thực hiện; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng và của Tỉnh uỷ Yên Bái, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện không ngừng phấn đấu vươn lên và tạo ra được những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương tạo tiền đề bước vào thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Chương 3

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GÓP PHẦN ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1961-1975)

I. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)[1]

Đầu tháng 9/1960, miền Bắc căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, sau cuộc đồng khởi, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân phát triển mạnh mẽ và rộng khắp ở cả 3 vùng chiến lược (miền núi, đồng bằng và đô thị) đang làm lung lay tận gốc chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm. Trong niềm tin tưởng, phấn khởi của nhân dân cả nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960 tại Thủ đô Hà Nội.

Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng Việt Nam, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước. Từ việc phân tích khoa học những

[1] Những số liệu trong mục này chủ yếu được trích dẫn từ cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn*, Tập II (1954-1975), của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn, xuất bản năm 1995.

đặc điểm, điều kiện ở miền Bắc, Báo cáo Chính trị trình bày tại Đại hội đã chỉ rõ đường lối chung của cách mạng ở miền Bắc là: Đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù của nhân dân, đồng thời tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh ở miền Nam, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) với mục tiêu là phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hoá, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đối với miền núi, địa bàn quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng chủ trương: Làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số.

Tháng 7/1961, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá III đã họp và ra Nghị quyết về vấn đề phát triển nông nghiệp trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Hội nghị xác định nhiệm vụ và phương hướng chung phát triển nông nghiệp trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất: phải nhằm mục đích phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân "Tích cực củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh làm cơ sở vững chắc để phát triển nông nghiệp". Kết hợp việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới với việc phát triển sức sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nông nghiệp... thay đổi bộ mặt nông thôn, làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc để phát triển công nghiệp. Củng cố công nông liên

minh, tăng cường đoàn kết nông thôn, phát huy khí thế cách mạng của nông dân để đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, đưa nông thôn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Sau đại hội, Trung ương mở nhiều cuộc hội nghị toàn thể Ban chấp hành để bàn về các chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối xây dựng kinh tế mà đại hội đã đề ra. Qua các hội nghị trên, Trung ương phân tích rõ vị trí, tác dụng và mối quan hệ của 3 cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, đồng thời xác định cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình phát triển tổng hợp của 3 cuộc cách mạng nói trên.

Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 2/1963 chỉ rõ 3 thế mạnh của miền núi là cây công nghiệp, chăn nuôi và trồng rừng cần được phát huy. Nghị quyết Bộ chính trị còn nhấn mạnh phải củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và xây dựng miền núi thành những vùng nông nghiệp mới có tính chất toàn diện, dần dần biến kinh tế miền núi vốn là một nền kinh tế tự cấp, thành một nền kinh tế có nhiều sản phẩm hàng hóa, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân và phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đảng bộ tỉnh Yên Bái tiến hành Đại hội lần thứ IV, từ ngày 20 đến ngày 30/1/1961 nêu rõ 6 nhiệm vụ lớn của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh[(1)]: (1) Tăng cường xây dựng hợp tác xã nông nghiệp về mọi mặt, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện và vững chắc, nhất là sản xuất nông nghiệp; (2) Coi trọng phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp để cung cấp tư

[(1)] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, tập I, Sđd, tr.184.

liệu sản xuất, vật phẩm tiêu dùng, vật liệu xây dựng. Tích cực mở mang giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã; (3) Nâng cao trình độ văn hóa, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nhân dân, đẩy mạnh công tác phổ biến khoa học - kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề; (4) Trên cơ sở sản xuất phát triển, cải thiện một bước đời sống nhân dân lao động, mọi người đều được ăn no, mặc ấm, làm việc. Mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị; (5) Đề cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết trấn áp mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, tăng cường củng cố chính quyền, đẩy mạnh hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng; (6) Ra sức xây dựng Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Huyện ủy Văn Bàn nghiên cứu, khảo sát lại tình hình địa phương và thấy nổi lên một số vấn đề cần chú ý. Sau cải tạo xã hội chủ nghĩa, huyện đã có bước chuyển biến quan trọng. Khẩu hiệu "người cày có ruộng", ước mơ từ ngàn đời của nông dân mà cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930 đề ra đã được thực hiện. Nông dân được làm chủ ruộng đồng, làm chủ nông thôn. Với các hợp tác xã mới xây dựng, sản xuất đã có bước phát triển mới, đời sống nông dân được cải thiện một phần. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Chính phủ được củng cố. Tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc được tăng cường. Tuy nhiên, kinh tế huyện Văn Bàn vẫn còn là một nền kinh tế tiểu nông, phân tán, mang nặng tính chất độc canh, tự cấp tự túc, chịu nhiều ảnh hưởng của tập quán canh tác lạc hậu từ lâu đời và của thời tiết, khí hậu, cùng những điều kiện khác của thiên nhiên. Do đó, năng suất và sản lượng các loại cây trồng, đặc biệt là cây lương

thực còn rất thấp. Nạn đói vẫn chưa được thanh toán. Nắng hạn và sâu bệnh đã gây nên nạn mất mùa ở 6 xã vùng thấp trong 3 năm liền (từ năm 1960-1962). Thời gian này Văn Bàn lại chưa có chợ, hệ thống đường giao thông trong huyện chưa được mở mang, việc đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến việc giao lưu hàng hóa, đến sản xuất nông lâm nghiệp và đời sống nhân dân.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết 14, 16 của Trung ương Đảng, 3 năm (1958-1960) chấp hành nghị quyết về cải tạo xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá, đất nước đạt được những thành tích to lớn có tính chất quyết định. Huyện Văn Bàn trong 3 năm cải tạo xã hội, phát triển kinh tế đã đạt được một số thành tích đáng kể, tạo điều kiện cơ sở vật chất xây dựng nền móng cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của huyện nhà.

Từ năm 1961 đến năm 1965, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo *nhân dân địa phương thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất trên các lĩnh vực.*

Chấp hành Chỉ thị của Đảng bộ cấp trên, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ III diễn ra từ ngày 24-26/02/1962. Tham dự Đại hội có 63 đồng chí (04 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu cử Ban chấp hành khóa mới gồm 17 đồng chí, trong đó có 02 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 5 đồng chí, Đồng chí Bùi Hữu Bỉnh được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ III xác định nhiệm vụ năm 1962 cụ thể trên các lĩnh vực[1]:

Về nông - lâm nghiệp, trong năm 1962 tập trung khả năng lãnh đạo ra sức khắc phục tình hình chậm tiến và dốc toàn lực tiến quân vào trận địa sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương

[1] Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III.

thực. Nhiệm vụ trước mắt là phấn đấu để đủ ăn, có lương thực dự trữ trong nhân dân, đảm bảo yêu cầu làm nghĩa vụ đối với nhà nước của địa phương, đặc biệt phải thanh toán tình trạng thiếu lương thực ở một số xã vùng thấp tập trung nhiều nhân khẩu. Mặt khác, coi trọng đẩy mạnh phát triển sản xuất vùng cao để tạo cơ sở chắc chắn thanh toán nạn đói lưu niên giáp hạt, có sự chuyển biến mới và mạnh mẽ trong sự phát triển chăn nuôi và phát triển cây công nghiệp, đảm bảo toàn diện của sản xuất nông nghiệp. Coi trọng công tác bảo vệ, trồng cây gây rừng và khai thác rừng.

Trong năm 1962, căn bản hoàn thành việc hợp nhất hợp tác xã (HTX) toàn thôn hoặc liên thôn với quy mô trên dưới 100 hộ, đưa những HTX cấp thấp có điều kiện lên cấp cao, đồng thời kết nạp thêm xã viên mới. Xây dựng một cơ sở rèn, một quốc doanh ở khu ngoài để sản xuất các công cụ cải tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến sản phẩm nông nghiệp với quy mô thủ công kết hợp với cơ khí. Các HTX sản xuất nông nghiệp cần thành lập các tổ đóng nông cụ. Các HTX hợp nhất và các xã vùng thấp trong năm 1962 phải xây dựng được cơ sở rèn, mộc, vôi, gạch để phục vụ kế hoạch kiến thiết cơ bản và sản xuất nông cụ cải tiến. Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển mạng lưới HTX mua bán, chú trọng phát triển xã viên. Tăng cường giáo dục cho cán bộ công nhân viên về ý thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ý thức phục vụ quần chúng, phục vụ sản xuất và chấp hành chính sách dân tộc, chống tham ô lãng phí. Đi đôi với thực hiện kế hoạch thu chi, quản lý tiền mặt, cần đẩy mạnh công tác cho vay phát triển sản xuất và kinh doanh, nhất là cho vay phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương theo phương hướng của Trung ương. Đảm bảo kế hoạch thu chi của địa phương. Thực hiện tốt công tác thu thuế, thu mua, thu nợ, công tác điều hoà và phân phối lương thực từng vụ để đẩy mạnh

sản xuất nông nghiệp phát triển. Kiên quyết chống tham ô, lãng phí, xử lý thích đáng đối với trường hợp tham ô lãng phí và vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.

Năm 1962 nâng cao tốc độ phát triển số lượng và chất lượng giáo dục hơn nữa để tiến kịp với yêu cầu HTX phát triển sản xuất nông nghiệp. Hướng chính là tăng cường lãnh đạo phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ, phát triển vỡ lòng và bổ túc văn hoá cho cán bộ đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, cán bộ HTX. Đồng thời chú ý công tác giáo dục phổ thông, chú trọng vùng cao. Coi trọng củng cố và phát triển giáo dục phổ thông. Cần đẩy mạnh mọi mặt văn hoá, văn nghệ quần chúng để phục vụ sản xuất. Đào tạo cán bộ y tế xã, cung cấp cho mỗi HTX một y tá, tăng cường đào tạo nữ hộ sinh và huấn luyện vệ sinh viên. Tổ chức các tổ giữ trẻ ở các cơ quan và thí điểm một nhà giữ trẻ ở xã. Mặt khác, phải tăng cường lãnh đạo và tổ chức túi thuốc ở các HTX, tăng cường công tác vệ sinh phòng bệnh, đồng thời củng cố tốt các trạm xá.

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Trung ương, của Tỉnh ủy Yên Bái, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ IV họp từ ngày 26-30/5/1963. Tham dự Đại hội có 105 đồng chí. Đại hội bầu cử Ban Chấp hành khóa mới gồm 17 đồng chí, trong đó có 02 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 5 đồng chí, Đồng chí Bùi Hữu Bỉnh được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ IV (tháng 1 /1964) xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện cụ thể[(1)]:

Trong việc chỉ đạo phát triển nông nghiệp, căn cứ vào thực tiễn tình hình của huyện để khai thác và phát huy mọi khả

[(1)] Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ IV và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1964.

năng của địa phương, đưa dần nền sản xuất vốn độc canh thành sản xuất đa canh, đưa dần nền sản xuất vốn là tự cấp, tự túc thành nền sản xuất có nhiều sản phẩm hàng hoá, nhằm làm cho nông nghiệp miền núi của huyện phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc. Trong năm 1963, tập trung đẩy mạnh sản xuất cây lương thực là chủ yếu đồng thời phải có sự chuyển biến mạnh mẽ về cây công nghiệp và chăn nuôi, làm tốt công tác lâm nghiệp và phát triển các nghề phụ. Tăng cường công tác lãnh đạo công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản, để đáp ứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, nhằm giải quyết một phần về tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, nâng cao đời sống cho nhân dân. Chú trọng đào tạo việc bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề cho ngành nghề trên. Tăng cường chỉ đạo các công tác tài mậu, làm cho các ngành phối hợp chặt chẽ phục vụ phát triển kinh tế nhất là sản xuất nông nghiệp. Chấn chỉnh và cải tiến công tác lưu thông và phân phối hàng hoá. Tích cực củng cố những cửa hàng đã bàn giao cho xã, phát triển thêm cửa hàng ở những nơi có đủ điều kiện, tăng cường công tác tư tưởng, chú trọng khắc phục tư tưởng kinh doanh đơn thuần, ngại khó khăn vất vả trong cán bộ công nhân viên, nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực chống quan liêu, tham ô lãng phí. Chú trọng mở đường nông thôn và tăng cường công tác vận tải, phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế văn hoá ở miền núi, trước hết là phát triển nông nghiệp.

Về giáo dục, đảm bảo huy động số người theo học các trường lớp khoảng 7.000 người, coi trọng bồi dưỡng văn hoá cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động, nhất là cán bộ trong phong trào HTX. Đẩy mạnh đầu tư vốn vào cơ sở vật chất cho nhà trường, chủ yếu là dựa vào dân, vào vốn của HTX xây dựng. Tích cực đào tạo bồi dưỡng giáo viên nhằm đáp ứng yêu

cầu nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Tăng cường mọi hoạt động văn hoá như sách báo, triển lãm, văn nghệ, truyền thanh, điện ảnh. Vận động đọc và làm theo sách báo hướng dẫn, các xã củng cố Ban thông tin văn hoá. Có kế hoạch củng cố và bồi dưỡng các tổ văn nghệ đã có và phát triển thêm, giúp đỡ, hướng dẫn họ có phương hướng hoạt động. Đẩy mạnh công tác thể dục, vệ sinh, gắn liền giữa vận động tham gia phong trào thể dục, thể thao vệ sinh phòng bệnh. Có kế hoạch phát triển thành phong trào quần chúng mà trước hết là cán bộ công nhân viên, thanh niên và dân quân tham gia phong trào thể dục, thể thao, gắn liền thể dục thể thao với sản xuất và đi sâu vào nông thôn. Tích cực hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh, tăng cường công tác bảo vệ sản phụ, thai nhi, tiếp tục mở một số trạm xá xã. Coi trọng công tác văn hoá giáo dục vệ sinh ở vùng thấp, đồng thời phải hết sức đẩy mạnh văn hoá giáo dục y tế ở vùng cao.

Từ ngày 6-10/1/1965, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V. Đại hội được vinh dự đón tiếp đồng chí Việt Hồng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh uỷ lên dự Đại hội. Tham dự Đại hội có 88 đồng chí (trong đó có 04 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu cử Ban chấp hành khóa mới gồm 23 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí, Đồng chí Bùi Hữu Bỉnh được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn tình hình, Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ V (1/1965) quyết định những nhiệm vụ, phương hướng của năm 1965 là: "Tập trung sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật nhanh và mạnh, trên cơ sở đó, củng cố quan hệ sản xuất tập thể, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế, văn hoá tiến lên với tốc độ nhanh hơn nữa; tích cực củng cố hợp tác xã và thực hiện tốt cuộc vận động cải tiến quản lý HTX; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc làm

trung tâm; cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc. Tích cực củng cố hậu phương, xây dựng lực lượng quốc phòng, bảo vệ trị an, tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh, tạo điều kiện tốt cho việc chuẩn bị Kế hoạch 5 năm lần thứ hai" cụ thể là: "Ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, chủ yếu tăng cường lực lượng cho hợp tác xã, phát triển nông nghiệp. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của các ngành kinh tế - văn hóa khác. Đi đôi với phát triển sản xuất phải hết sức coi trọng công tác củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, bảo vệ sản xuất. Để hoàn thành nhiệm vụ trên, phải ra sức xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng và tổ chức"[1].

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, IV, V về thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực và hoa màu, bảo đảm đời sống nhân dân, nhanh chóng chấm dứt nạn đói lưu niên, Đảng bộ huyện vận động cán bộ đảng viên, đoàn viên và nhân dân các dân tộc ra sức khắc phục khó khăn trước mắt, huyện Văn Bàn đã thực hiện đồng loạt 10 biện pháp:

1. Chuyển mạnh từ sản xuất 1 vụ sang 2 vụ, đưa thêm vụ xuân vào, đẩy mạnh trồng màu (ngô, khoai, sắn...) nâng dần hệ số vòng quay của đất trồng trọt.

2. Thay đổi giống cho phù hợp, đảm bảo đủ giống cho nhu cầu.

3. Đẩy mạnh công tác thủy lợi, tập trung xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Vận động nhân dân sửa chữa và làm mới nhiều mương phai, đắp bờ giữ nước.

[1] Báo cáo tổng kết mọi mặt công tác của Đảng bộ Văn Bàn năm 1963 (số BC 20 ngày 27/1/1964) của Huyện ủy Văn Bàn.

4. Kết hợp làm thủy lợi, mở mang sửa chữa và làm mới đường giao thông nông thôn.

5. Vận động nhân dân đẩy mạnh áp dụng thâm canh, cày bừa kỹ, cấy lúa thẳng hàng đúng kỹ thuật, làm cỏ và dùng phân bón các loại (phân chuồng, phân xanh, vôi, hóa học).

6. Động viên phong trào cải tiến công cụ sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hợp tác xã như nhà kho, sân phơi.

7. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật.

8. Xây dựng đẩy mạnh sản xuất của các cơ sở công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

9. Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với sản xuất nông nghiệp, đặc biệt chú trọng đối với vùng cao. Phát huy vai trò tiên phong xung kích, vai trò nòng cốt của các phong trào lao động sản xuất của thanh niên và phụ nữ.

10. Cùng với cuộc vận động xây dựng chi bộ "Bốn tốt" trong nội bộ Đảng, tiến hành trong nhân dân các dân tộc, các cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển nông nghiệp mạnh mẽ và vững chắc, xây dựng hợp tác xã "Bốn tốt" và các phong trào thanh niên "Ba sẵn sàng", phụ nữ "Ba đảm đang" theo các chỉ thị, chủ trương của Trung ương.

Trong quá trình tiến hành đồng thời các biện pháp trên, ngoài những thuận lợi sẵn có của địa phương, Văn Bàn còn được tỉnh bổ sung cho một số cán bộ làm công tác quản lý ở cấp huyện, Trung ương tăng cường cho một số cán bộ biệt phái xuống cơ sở. Huyện còn được tiếp nhận hàng nghìn lao động từ miền xuôi lên phát triển kinh tế văn hóa miền núi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, thời kỳ thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) là thời kỳ sôi động nhất từ trước đến năm 1965 của huyện. Các phong trào thi đua phát triển rầm rộ trong các ngành, các giới, đặc biệt về sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện có rất nhiều cố gắng khắc phục mọi khó khăn trước mắt, tiến hành đồng thời các biện pháp của huyện ủy đề ra. Vì vậy, trên các mặt trận sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, huyện thu được nhiều thắng lợi.

Dựa trên quan hệ sản xuất mới, cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng thêm một bước, sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh. So với năm 1962, bình quân diện tích gieo trồng hàng năm tăng 12,7%, tổng sản lượng lương thực tăng 14,4%. Đáng chú ý là tỷ trọng hoa màu đã đạt 27%, so với năm 1962 tăng 8%. Nhờ vậy, dân số hàng năm tăng nhanh nhưng vẫn bảo đảm bình quân lương thực đầu người tăng từ 413 kg năm 1962 lên 472 kg năm 1964. Mặt khác, chăn nuôi, cây công nghiệp và nghề rừng được phát triển; tỷ trọng cây công nghiệp đã có những tiến bộ đáng kể; chăn nuôi phát triển, nhất là trâu, bò, lợn; nghề rừng đi đôi với khai thác được chú trọng tu bổ, cải tạo và trồng rừng. Vùng cao đã và đang chuyển sang định canh, định cư thêm 4 hợp tác xã, nhìn chung đang có chuyển biến tốt. Các hợp tác xã miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, dần đi vào củng cố, xây dựng cơ sở sản xuất và ổn định đời sống lâu dài nơi quê hương mới. Sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp đã tăng từ 7,8% năm 1962 lên 11% năm 1964, nhất là sản phẩm hàng hóa về cây công nghiệp và chăn nuôi trong 1964 tăng rõ rệt. Đây là những nhân tố mới của nền kinh tế nông nghiệp huyện vốn độc canh, phân tán, tự cấp tự túc, nghèo nàn và lạc hậu đang chuyển dần

sang nền kinh tế nông nghiệp toàn diện, có nhiều sản phẩm hàng hóa[1].

Phong trào hợp tác hóa tiếp tục phát triển. Năm 1961 thu hút được 83,9% số hộ nông dân tham gia. Theo chiều hướng chung, huyện cho tiến hành hợp nhất một số hợp tác xã nhỏ thành 14 hợp tác xã quy mô liên thôn và quy mô toàn xã[2], bình quân số hộ xã viên trong các hợp tác xã quy mô lớn đến 92 hộ.

Tuy phong trào hợp tác hóa phát triển nhanh, có một số hợp tác xã quy mô lớn nhưng về diện tích gieo trồng chỉ đạt và vượt không đáng kể so với kế hoạch, chỉ tiêu về năng suất không đạt. Bình quân lương thực tính theo đầu người chỉ đạt 310 kg thóc và 90 kg màu khô (năm 1960 đạt 380 kg thóc và 45 kg hoa màu khô). Đời sống nhân dân bị giảm sút. Nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành. Thực tế phong trào hợp tác hóa của huyện phát triển vững chắc. Khi đưa một số hợp tác xã lên quy mô lớn, huyện đã thiếu cân nhắc và có phần chủ quan nóng vội, không căn cứ vào trình độ quản lý còn thấp kém của cán bộ hợp tác xã, điều kiện cư trú phân tán của xã viên, cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu của hợp tác xã... Một số cán bộ còn quan liêu, mệnh lệnh, thiếu dân chủ. Các hợp tác xã quy mô lớn ở vùng cao tập trung ruộng đất nhưng không tập trung được lao động vào sản xuất kịp thời vụ. Số công điểm ít và năng suất thấp dẫn đến thu nhập của xã viên thấp. Tình hình đó có ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của xã viên.

Năm 1962, huyện tập trung cán bộ tăng cường chỉ đạo cuộc vận động "Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật". Thời gian này có thêm thuận lợi là được tiếp thu Nghị quyết hội nghị

---

[1] Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V, ngày 10/1/1965.

[2] Báo cáo Tổng kết mọi mặt công tác từ Đại hội đại biểu Đảng bộ tháng 5/1960-1/1962 của Huyện ủy Văn Bàn.

Trung ương lần thứ 5, lần thứ 7, Nghị quyết của Trung ương về phát triển sản xuất nông nghiệp miền núi đồng thời có sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy.

Căn cứ vào điều kiện ruộng đất, tình trạng phân bố dân cư không tập trung cùng với trình độ năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã còn non yếu, huyện không đưa các hợp tác xã lên quy mô như trước mà củng cố hợp tác xã bậc thấp quy mô bình quân trên dưới 30 hộ và xây dựng các hợp tác xã bậc cao phát triển nông nghiệp một cách bền vững, toàn diện, quản lý nhiều ngành nghề với quy mô bình quân trên dưới 50 hộ.

Tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và được cán bộ của huyện, cán bộ tăng cường của tỉnh đi sát, hướng dẫn giúp đỡ, các hợp tác xã từng bước xác định rõ phương hướng sản xuất, quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý lực lượng lao động. Tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các hợp tác xã tăng cường cải tiến công cụ sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và tiến hành các biện pháp kỹ thuật nhằm thâm canh tăng năng suất lúa ruộng, thâm canh nương cũ. Ngoài lúa ruộng, lúa nương với các giống lúa thích hợp cho năng suất cao, các hợp tác xã còn phát triển trồng nhiều hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, đẩy mạnh chăn nuôi tập thể và chăn nuôi hộ gia đình xã viên.

Phong trào hợp tác hóa tiếp tục được củng cố, sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc. Qua các đợt củng cố, trình độ quản lý của hợp tác xã được nâng cao, việc thanh toán theo công điểm của xã viên được nhanh chóng, rõ ràng và kịp thời.

Năm 1963, Trung ương điều động 20 cán bộ xuống tăng cường lâu dài cho xã và hợp tác xã, huyện đã điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức các hợp tác xã trước đây và cùng với số hộ mới xin gia

nhập, xây dựng thành 86 hợp tác xã với tổng số 3.247 hội viên, trong đó có 23 hợp tác xã bậc cao, quy mô bình quân 47 hộ và 54 hợp tác xã chiếm 95,4% tổng diện tích ruộng đất. Số trâu của hợp tác xã chiếm 49% tổng đàn trâu của huyện. Do tổ chức lại sản xuất, huyện đã đưa tổng diện tích gieo trồng lên 7.023 ha so với năm 1962, trong đó lúa tăng 138 ha, hoa màu tăng 173 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 11.000 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt trên 400 kg, trong đó có 347 kg thóc; bình quân xã viên đạt 191 ngày công, tăng 56 ngày so với năm 1962; bình quân mức tăng ăn hàng tháng của một xã viên đạt 18 kg thóc, chưa kể hoa màu. Nạn mất mùa ở 6 xã vùng thấp xảy ra trong ba năm 1960 đến 1962 được giải quyết ở ba xã Võ Lao, Dương Quỳ, Minh Lương và một phần xã Khánh Yên Thượng, chỉ còn lại ở hai xã Chiềng Ken, Khánh Yên Hạ và một phần xã Khánh Yên Thượng. Năm 1964, huyện đã căn bản xóa được nạn đói ở 6 xã trên.

Cây công nghiệp và cây ăn quả phát triển mạnh làm phong phú thêm cơ cấu cây trồng trong huyện. Năm 1963, nhân dân địa phương trồng được 549 ha, vượt 42% kế hoạch. Chăn nuôi được coi trọng. Các đàn gia súc, gia cầm tăng hơn các năm 1961-1962. Tính bình quân mỗi hộ gia đình có 1,7 trâu, 5 lợn và 16 gà vịt.

Lâm nghiệp được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Việc khai thác các loại gỗ, củi, tre, vầu, nứa, song, mây, móc bẹ, lá dong, củ nâu đều đạt kế hoạch. Có những loại vượt kế hoạch như gỗ, nứa, củi. Việc tu bổ, cải tạo và trồng rừng được chú ý đôn đốc. Trồng rừng và tu bổ rừng đều vượt kế hoạch. Việc quản lý, sử dụng lao động khai thác và trồng cây mở rộng diện tích lâm nghiệp có nhiều tiến bộ.

Đảng bộ huyện nhận thức rõ vai trò của cán bộ có tính chất quyết định đến vận mệnh của hợp tác xã. Do đó, huyện chú ý

lựa chọn, cắm chốt cốt cán giữ các chức vụ chủ chốt và không ngừng chăm lo kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật cho các hợp tác xã. Năm 1963, bình quân mỗi hợp tác xã có 13 cán bộ, năm 1965 mỗi hợp tác xã có 15 cán bộ.

Để đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã đầu tư mua sắm và sử dụng ngày càng nhiều công cụ cải tiến, xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật. Việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật có nhiều chuyển biến theo hướng lấy thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng làm chính, trong đó lấy cây lúa làm chủ yếu. Thủy lợi và phân bón được coi trọng. Các hợp tác xã chú ý sử dụng các loại cây giống có năng suất cao, cho sản phẩm có giá trị kinh tế lớn. Kỹ thuật gieo trồng và khâu chăm sóc đồng ruộng có nhiều tiến bộ. Phong trào làm ruộng tăng sản được phát triển, nhiều điểm đạt năng suất trên 3 tấn/ha một vụ. Trình độ quản lý của hợp tác xã được nâng cao. Nhiều hợp tác xã trước chỉ khoán về lúa, thời gian này đã thực hiện "ba khoán". Các hợp tác xã phát triển nhiều ngành nghề. Số ngày công trong hợp tác xã tăng. Năm 1965, bình quân ngày công của xã viên đã được 260 công. Các hợp tác xã chú ý tích lũy vốn đồng thời bảo đảm phân phối công bằng, hợp lý cho xã viên. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước được nhanh và gọn.

Năm 1965, thực hiện quyết định của Chính phủ và của Ủy ban hành chính tỉnh Yên Bái, huyện Văn Bàn tách 9 xã bàn giao cho 2 huyện Văn Yên và Bảo Yên mới thành lập. Huyện chỉ còn 15 xã, trong đó có 6 xã vùng thấp 9 xã vùng cao. Diện tích đất đai đã thu hẹp, nhất là đất trồng trọt. Tuy phải tổ chức sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, phong trào hợp tác hóa và sản xuất vẫn được tiếp tục củng cố và phát triển. Toàn huyện có 57 hợp tác xã, trong đó có 43 hợp tác xã bậc cao. Phong trào hợp tác hóa đã thu

hút 93% tổng số nông hộ tham gia (vùng thấp đạt 97%, vùng cao đạt 88%). Toàn huyện chỉ còn 104 hộ nông dân chưa vào hợp tác xã. Qua phân loại năm 1965, các hợp tác xã loại khá chiếm 46%, loại trung bình 49%, loại kém 5%[1].

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được chú ý đã nâng cao chất lượng các hợp tác xã. Nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nổi lên trong hàng ngũ thanh niên, phụ nữ. Trong các xã và hợp tác xã có nhiều điển hình tiên tiến như phong trào làm thủy lợi của Võ Lao, Nậm Mả, Minh Lương. Phong trào làm đường giao thông nông thôn của các xã Võ Lao, Khánh Yên Hạ, Nậm Xây. Các biện pháp kỹ thuật theo phương hướng lấy thâm canh tăng năng suất cây trồng làm chính, chủ yếu là lúa, được quần chúng xã viên tích cực thực hiện. Các khâu giống, kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc đồng ruộng được hợp tác xã coi trọng. Trình độ thâm canh được nâng dần.

Tổng diện tích gieo trồng, trong đó diện tích lúa và hoa màu mỗi vụ đều tăng. Hệ số sử dụng ruộng đất đạt 1,7 lần. Năng suất và tổng sản lượng đều tăng so với năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1965 đạt 7.299 tấn, tăng hơn năm 1964 là 5%. Trong huyện xuất hiện một số hợp tác xã, đội sản xuất và ruộng thí nghiệm đạt trên 5 tấn lương thực quy thóc/ha.

Các lĩnh vực trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng tiếp tục phát triển. Diện tích cây công nghiệp năm 1965 đạt 464 ha tăng 29% so với năm 1964. Diện tích cây công nghiệp dài ngày đặc biệt là trẩu, sở, lai được mở rộng. Đàn gia súc, gia cầm tăng, riêng đàn bò tăng 38% so với năm 1964. Lâm nghiệp đảm

[1] Số liệu theo báo cáo của Huyện ủy trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 6 (ngày 26/8/1966).

bảo được các mặt khai thác, tu bổ, cải tạo và trồng rừng. Khai thác gỗ và trồng rừng đều vượt kế hoạch, công tác tu bổ và cải tạo rừng được chú trọng.

Đảng bộ huyện xác định rõ tầm quan trọng của công tác vùng cao. Do đó tăng cường cán bộ và quan tâm tạo mọi điều kiện giúp đỡ các xã vùng cao khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Đời sống đồng bào vùng cao ngày càng được cải thiện. Từ năm 1960, sau Hội nghị vùng cao của tỉnh, huyện ủy đã phân công công tác huyện ủy viên phụ trách khu vực và cán bộ có năng lực phụ trách xã. Huyện ủy giao trách nhiệm cho các ngành, các đoàn thể quần chúng phải ưu tiên phục vụ nhân dân các xã vùng cao theo chức năng nhiệm vụ. Vì vậy, nhân dân các xã trên đã giảm được nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống. Mặc dù gặp trở ngại trong khâu vận chuyển, thương nghiệp đã cố gắng đưa lên vùng cao các mặt hàng cần thiết, nhất là muối, pin đèn, giấy bút, nông cụ. Đồng thời thương nghiệp tổ chức thu mua nông sản ở các địa điểm thuận tiện cho người có hàng hóa. Ngân hàng cho nông dân vay tiền mua trâu cày, thóc giống, bắp giống, nông cụ, thuốc trừ sâu... Các ngành y tế, giáo dục đưa người lên mở lớp, mở trường, lập trạm xá, thanh toán nạn dịch bệnh, nạn mù chữ... Ngành văn hóa cử các đội chiếu bóng, đội đèn chiếu lên phục vụ, v.v... Những việc làm trên đã thiết thực giúp đỡ, không những về vật chất mà còn động viên tinh thần nhân dân các dân tộc vùng cao vững bước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Lòng tin của đồng bào vùng cao đối với Đảng và Chính phủ được củng cố.

Qua 5 năm phấn đấu (1961-1965), công tác vùng cao thu được những kết quả đáng kể. Tại 8 xã vùng cao, huyện xây dựng được 25 hợp tác xã thu hút 88,6% số nông hộ nông dân (vùng dân tộc Dao đạt 91,9%, vùng dân tộc Mông đạt 79,4%). Hưởng ứng cuộc vận động khai hoang, nhân dân trong huyện đã khai

phá được 10 ha ruộng nước, làm nương định canh 120 ha. Phong trào làm thủy lợi và đường giao thông nông thôn được nhân dân tích cực tham gia. Xã Nậm Mả là xã điển hình của phong trào làm thủy lợi, xã Nậm Xây là xã điển hình của phong trào làm đường giao thông nông thôn. Chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc được phát triển mạnh. Một số địa phương còn tổ chức trồng cây công nghiệp ngắn ngày như chè, đỗ tương, cây lấy dầu (lai, trẩu...).

Do sản xuất phát triển nên đời sống đồng bào vùng cao được cải thiện rõ rệt. Nạn đói lưu niên đã căn bản được giải quyết. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến. Hầu hết các xã vùng cao đã có trường phổ thông và trạm xá, trật tự trị an được bảo đảm. Các cơ sở Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng được củng cố và phát triển. Riêng về tổ chức Đảng, năm 1965, Đảng bộ huyện có 7 chi bộ, đảng bộ đạt tiêu chuẩn "Bốn tốt" thì vùng cao chiếm 4 cơ sở. Chi bộ Nậm Xây, Nậm Mả được công nhận là những chi bộ xuất sắc.

Tuy nhiên, vùng cao vẫn còn một số khó khăn. Quản lý hợp tác xã còn nhiều lúng túng. Một số ban quản trị hợp tác xã còn làm sai chính sách. Một số hợp tác xã hoạt động không có nội dung. Toàn vùng cao còn 82 hộ ở rải rác chưa vào hợp tác xã.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác phát triển. Công nghiệp địa phương tuy mới xây dựng nhưng đã đáp ứng một phần yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Về công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, từ kháng chiến chống thực dân Pháp trở về trước, huyện chưa có cơ sở công nghiệp chỉ có một số người làm nghề thủ công như các nghề dệt vải, làm giấy, làm chiếu, rèn nông cụ... có tính chất tự cấp tự túc. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng thời với việc xây dựng và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, huyện có nhiều

cố gắng xây dựng công nghiệp và phát triển thủ công nghiệp ở trong huyện. Kết quả trong 5 năm 1961-1965, Văn Bàn đã có một xưởng cơ khí nông nghiệp sản xuất và sửa chữa nông cụ, tổ chức được 5 tổ rèn, 17 tổ mộc, 10 lò gạch, 31 lò vôi ở huyện và các hợp tác xã[1].

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được củng cố và tăng cường, cơ sở cửa hàng mậu dịch quốc doanh được mở rộng ở nông thôn, giá trị mua vào bình quân hàng năm tăng 7,3%, bán ra tăng 10%, riêng về thu mua lương thực tăng 15%, việc thu mua nông sản khác đã có những chuyển biến rõ rệt, sức mua của quần chúng nhân dân các dân tộc hàng năm tăng nhanh, góp phần tích cực phát triển sản xuất và cải thiện đời sống, công tác tài chính ngân hàng đã có nhiều tiến bộ trong việc quản lý thu chi, quản lý tiền tệ, tăng tích lũy vốn, phục vụ công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa.

Về công tác giao thông, được nhà nước giúp đỡ và nhân dân các dân tộc nhiệt tình đóng góp công sức, huyện đã hoàn thành công việc mở rộng và làm mới các trục đường từ Bảo Hà qua Tân An vào huyện lỵ và từ huyện lỵ đi Dương Quỳ - Minh Lương. Đường từ Khe Lếch đi Võ Lao căn bản hoàn thành. Các đường từ Tân An đi Châu Quế Thượng, từ Chiềng Ken đi Nậm Tha được mở rộng. Phong trào làm đường giao thông nông thôn được nhân dân nhiều xã như Võ Lao, Khánh Yên Hạ, Nậm Xây, Dương Quỳ, tích cực tham gia. Mặc dù mới chỉ làm đường đất, đường rải đá nhưng công tác giao thông vận tải ở Văn Bản đã cơ bản đảm bảo được việc lưu thông hàng hóa, phục vụ công tác phòng không sơ tán, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương. Công tác giao thông vận tải và bưu điện đã góp phần

[1] Theo báo cáo của Huyện ủy trình bày trước Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI, ngày 26/8/1966.

tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa và củng cố quốc phòng ở địa phương.

Cùng với việc phát triển kinh tế và từng bước hoàn thiện đời sống nhân dân, Đảng bộ huyện Văn Bản không ngừng đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa xã hội ở địa phương.

Qua 5 năm phấn đấu, công tác giáo dục, y tế, văn hóa đều có những tiến bộ rõ rệt. Về giáo dục, năm 1961-1962, cả huyện mới có 36 lớp học phổ thông và một trường cấp II ở huyện. Số học sinh mới có trên 800 em ở cấp I và 21 em học cấp II. Năm học 1965-1966, các xã đều có trường phổ thông (73 lớp cấp I và 7 lớp cấp II) với trên 2.200 học sinh, trong đó có 111 học sinh cấp II. Công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa được đẩy mạnh. Nhiều xã và hợp tác xã xây dựng được phong trào học tập văn hóa gắn với lao động sản xuất như Nậm Xây, Nậm Dạng, công tác phòng không sơ tán ở các trường học phổ thông nói chung bảo đảm thực hiện tốt.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh có nhiều tiến bộ. Năm 1961, huyện mới chỉ có 2 bệnh xá và 1 số trạm xá ở các xã. Đến năm 1965 xây dựng được một bệnh viện và 11 trạm xá với 226 cán bộ y tế gồm các y sĩ, y tá, nữ hộ sinh và vệ sinh viên. Hầu hết các hợp tác xã đều thành lập tổ vệ sinh, hình thức túi thuốc được phát triển. Nhiều trạm y tế xã hoạt động tốt, như Nậm Xây, Nậm Dạng, Nậm Tha. Công tác phòng bệnh và chữa bệnh được bảo đảm. Qua kiểm tra, xét nghiệm, chuyên viên y tế ở tỉnh kết luận Văn Bàn đã căn bản thanh toán được bệnh sốt rét, một số bệnh bị dập tắt ngay khi mới xuất hiện như bệnh lỵ...

Công tác văn hóa, văn nghệ thông tin tuyên truyền được củng cố và phát triển, các đội chiếu bóng đi sâu, đi sát cơ sở phục vụ sản xuất và đời sống tinh thần của nhân dân. Huyện và các xã tổ chức được 10 đội văn nghệ quần chúng, gồm trên 100 diễn

viên nghiệp dư với các thể loại ca, múa, nhạc, kịch... Các đội văn nghệ góp phần đáng kể vào việc tuyên truyền đường lối, chính sách, động viên tinh thần hăng say lao động, dũng cảm chiến đấu. Công tác phát thanh tuyên truyền, phát hành báo chí có nhiều tiến bộ, kịp thời phổ biến tình hình thời sự, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp, nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân dân nhất là đối với cán bộ cơ sở.

Trên cơ sở phát triển kinh tế và văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao rõ rệt. Từ vùng thấp tới vùng cao với mức độ khác nhau, nhưng nhìn chung đều có những biến đổi lớn, bộ mặt nông thôn đang dần dần đổi mới. Đời sống của nhân dân các dân tộc về ăn, ở, mặc và đồ dùng gia đình khá giả hơn trước nhiều. Trường học, trạm xá phát triển, con em các dân tộc được học hành, bệnh tật giảm hẳn, đường được mở rộng và giao thông liên lạc thuận tiện hơn. Những thắng lợi căn bản đó chứng tỏ chế độ xã hội chủ nghĩa hơn hẳn chế độ cũ dưới thời Pháp thuộc và tạm bị chiếm. Chính quyền dân chủ nhân dân từ huyện tới xã được tăng cường, mặt trận và các đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công đoàn được kiện toàn vả củng cố thêm một bước, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an được đẩy mạnh và thu được những thắng lợi lớn. Sự nhất trí về chính trị và tư tưởng trong khối đại đoàn kết dân tộc huyện ngày càng tăng cường bền vững. Đội ngũ cán bộ của Đảng được củng cố và phát triển nhanh, mạnh, nhất là cơ sở Đảng ở nông thôn. Sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp được tăng cường, đó là nhân tố quyết định thắng lợi trên[1].

Tuy nhiên, từ một nền kinh tế nông nghiệp vốn nghèo nàn, lạc hậu, độc canh tự cấp tự túc từ lâu đời, đi lên xã hội chủ nghĩa

[1] Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ V, ngày 10/1/1965.

với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và cải thiện đời sống quần chúng rất lớn nên còn tồn tại nhiều khó khăn. Quan hệ sản xuất đã đổi mới nhưng sức sản xuất phát triển còn chậm, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp, củng cố hợp tác xã nói chung chưa mạnh nên ảnh hưởng lớn tới tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa. Trình độ quản lý của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp còn nhiều mặt yếu, chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển sản xuất, tăng cường kinh tế tập thể củng cố hợp tác xã, xây dựng đất nước và cải thiện đời sống nhân dân. Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng phát triển chưa cân đối. Vì vậy sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp tăng chậm, còn nhiều tính chất độc canh, tự cấp tự túc.

Vùng cao chưa tiến kịp vùng thấp và đang tồn tại nhiều khó khăn, vấn đề du canh du cư giải quyết chưa tích cực, nên đời sống của đồng bào vùng cao chưa có cơ sở chắc chắn. Các ngành kinh tế tài chính và các ngành khác chưa phát huy hết chức năng của mình để phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, trước hết là phát triển sản xuất nông nghiệp. Phong trào bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ chưa liên tục và tích cực. Đến năm 1965, toàn huyện còn tới 2.700 người trong diện thanh toán nạn mù chữ. Phong trào vệ sinh phòng bệnh phát triển chưa sâu rộng và triệt để. Tình trạng ăn, ở thiếu vệ sinh khá phổ biến ở một số vùng (trâu bò còn nhốt dưới gầm sàn, nước ăn không đảm bảo...) làm ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Công tác thông tin, văn hóa văn nghệ hoạt động không đều. Các cấp ủy, nhất là cấp ủy và các cơ sở chưa thực sự quan tâm đến việc kiện toàn tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các ngành văn hóa xã hội, còn khoán trắng cho chính quyền và các ngành chức năng. Việc kiện toàn và sửa đổi lề lối làm việc của các cấp, các ngành chưa thật nhanh, mạnh gọn, chưa phát huy hết chức năng và

vai trò của các đoàn thể quần chúng nhất là lực lượng thanh niên, ý thức cảnh giác cách mạng và sẵn sàng chiến đấu chưa được đề cao, phong trào bảo vệ trị an chưa mạnh. Công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức nhìn chung chưa đáp ứng được với yêu cầu hiện nay, nhất là về xây dựng chi bộ 4 tốt và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đối với cán bộ cơ sở chưa được mạnh[1].

Cùng với lãnh đạo thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm, Đảng bộ huyện lãnh đạo quân dân huyện đánh bại âm mưu của đế quốc Mỹ tung gián điệp biệt kích phá hoại hậu phương.

Sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đế quốc Mỹ và bọn ngụy quyền tay sai ở miền Nam dùng mọi thủ đoạn phá hoại hòa bình, thống nhất nước ta, phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa hòng tiến tới thôn tính nước ta, biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Tại hậu phương ta, bọn tề ngụy, phỉ, do thám, gián điệp biệt kích cũ đã được hưởng lượng khoan hồng của Chính phủ trở về với gia đình làm ăn sinh sống, nhưng chúng chưa chịu cải tạo. Một số tên vẫn ngấm ngầm phá hoại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Chúng chuẩn bị thời cơ nổi lên gây bạo loạn chống chính quyền cách mạng.

Trước âm mưu hoạt động của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, Đảng ta nhấn mạnh nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ở miền Bắc là xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ đó gắn liền với nhau không thể tách rời nhau.

Tháng 3/1955, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ 7 xác định "kẻ thù trước mắt của nhân dân ta hiện nay là đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ là kẻ thù đầu sỏ và nguy hại

[1] Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V, ngày 10/1/1965.

nhất". Sau Hội nghị Trung ương họp lần thứ 12 (tháng 3/1957), chỉ rõ nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân là "Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, làm hậu thuẫn cho công cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước". Đối với âm mưu hoạt động phá hoại của bọn tề, ngụy, gián điệp, biệt kích cũ chưa chịu cải tạo, Trung ương Đảng nhấn mạnh "Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hành động của bọn phá hoại"[(1)]. Để có lực lượng thực hiện nhiệm vụ trên, ngày 19/11/1958, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị xây dựng lực lượng cảnh vệ nội địa và biên phòng. Ngày 21/6/1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng lại ra chỉ thị về công tác đối phó với các hoạt động gián điệp biệt kích ra phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ và tay sai.

Ở huyện Văn Bàn, sau ngày hòa bình được lập lại, Đảng bộ cùng quân và dân trong huyện đã giải quyết gọn nạn phỉ hoạt động ở một số vùng. Ngày 30/1/1959, đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái họp. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: Đảng bộ và quân dân Yên Bái phải "Nêu cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết trấn áp mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng đồng thời phải củng cố quốc phòng, tăng cường giữ gìn trật tự trị an". Dưới ánh sáng của các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã quan tâm xây dựng và củng cố lực lượng dân quân du kích, lực lượng công an các xã, tăng cường giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự, nâng cao chất lượng chiến đấu và công tác, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Tháng 4/1959, lực lượng công an vũ trang tỉnh Yên Bái được thành lập. Tháng 6/1959, ban chỉ huy tỉnh đội ba tỉnh Lào Cai - Yên Bái -

---

[(1)] *Văn kiện Đảng về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 19.

Hà Giang họp hội nghị liên tịch bàn về công tác an ninh, quốc phòng. Hội nghị đã thống nhất nhận định đánh giá tình hình địa bàn ba tỉnh, trao đổi kinh nghiệm về công tác bảo vệ trị an và thống nhất kế hoạch hợp đồng chặt chẽ lúc bình thường cũng như khi có biến động ở các vùng giáp giới giữa Văn Bàn của Yên Bái với Bảo Thắng, Sa Pa của Lào Cai, giữa Bắc Hà của Lào Cai với Hoàng Su Phì của Hà Giang...

Cuối năm 1959 đầu năm 1960, phối hợp với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc, nhân dân miền Nam đã nổi dậy đồng khởi chống Mỹ - ngụy. Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, tập hợp mọi lực lượng yêu nước vào cuộc đấu tranh giành độc lập, dân chủ và thống nhất đất nước. Trước phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam ngày càng phát triển, đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho ngụy quyền, xây dựng ngụy quân, tiến hành chiến lược Chiến tranh đặc biệt đồng thời tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại hậu phương miền Bắc nước ta, tiến sâu vào vùng rừng núi phía Bắc.

Thời gian này, bọn phản động ở 2 tỉnh Yên Bái và Lào Cai nổi lên hoạt động chống phá chính quyền cách mạng như: vụ "Xưng vua" ở bản Khoang (huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai) và huyện Văn Chấn (tỉnh Yên Bái). Năm 1959, vụ bạo loạn ở Pha Long và âm mưu lật đổ chính quyền ở huyện Mường Khương (năm 1960). Trừ vụ âm mưu gây bạo loạn ở Văn Chấn và Mường Khương (năm 1959 vào năm 1960), ta kịp thời phát hiện, phá tan tổ chức phản động. Các vụ bạo loạn khác ta đều phải dùng lực lượng vũ trang mới giải quyết được. Các sự kiện trên càng làm cho Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn thấy rõ âm mưu thâm độc, lâu dài của kẻ địch, nâng cao tinh thần cảnh giác và tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 20/1/1962, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 39/NQ-TW chỉ rõ nhiệm vụ các địa phương: phải trấn áp bọn phản cách mạng một cách khẩn trương, tích cực hơn, kịp thời đập tan mọi âm mưu gây bạo loạn hoặc khiêu khích của địch. Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc học tập nghị quyết trên. Đồng thời đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, củng cố lực lượng dân quân du kích, kiện toàn lực lượng công an, sẵn sàng đối phó với âm mưu hoạt động của bọn gián điệp biệt kích từ bên ngoài tới hoặc của bọn phản động ở địa phương.

Sau Hội nghị do tỉnh tổ chức, nghe báo cáo kinh nghiệm công tác bảo vệ trị an của các xã Võ Lao, Phong Dụ và tham quan cuộc thực hành diễn tập chống gián điệp biệt kích của xã Kim Sơn, Đảng bộ huyện Văn Bàn mở rộng diện củng cố vùng xung yếu ra các xã như Phong Dụ, Chiềng Ken, tăng cường củng cố dân quân du kích, trang bị thêm một số vũ khí, đôn đốc việc học tập chính trị, huấn luyện quân sự, diễn tập theo phương án chiến đấu, tăng cường lực lượng an ninh ở địa bàn xung yếu. Đẩy mạnh hoạt động của dân quân du kích và công an.

Tính đến đầu năm 1963, huyện xây dựng được một đại đội du kích cơ động mạnh. Tiêu chuẩn xét duyệt các cán bộ chiến sĩ của lực lượng cơ động mạnh rất chặt chẽ. Khi các đơn vị này tập trung huấn luyện hoặc hoạt động đều được huyện đài thọ. Huyện đã hoàn chỉnh các phương án chiến đấu trong các tình huống khác nhau.

Thực hiện phương châm "phòng bên trong là chính, phòng mặt đất là chính", cơ quan công an huyện làm tham mưu cho cấp ủy đề xuất mở các đợt động viên phong trào giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp, huyện phát động phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Đồng thời,

huyện phát động phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã vững mạnh, đơn vị "quyết thắng".

Nhằm làm trong sạch địa bàn, làm mất chỗ dựa của kẻ địch bên ngoài xâm nhập bằng đường bộ hoặc đường không, huyện đã tiến hành 5 biện pháp:

1. Tổ chức các đợt phát động quần chúng khoanh vùng đánh địch, đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch, phát hiện và truy quét những tên ngoan cố nguy hiểm bắt đưa đi tập trung giáo dục cải tạo.

2. Đối với những tên, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo đang cư trú ở những địa bàn trọng điểm, nếu do một số điều kiện nào đó không đưa đi tập trung cải tạo được, thì điều chuyển, cưỡng chế đến cư trú ở địa bàn an toàn và bắt buộc chúng phải chịu sự giám sát của nhân dân và chính quyền địa phương.

3. Đối với những tên tề ngụy, phỉ cũ ít nguy hiểm, ta đưa vào diện cải tạo tại chỗ, chịu sự giám sát của nhân dân và sự quản lý của chính quyền địa phương.

4. Đối với những tên ít nhiều có tiến bộ, ta cho làm kiểm điểm tố giác đồng bọn và buộc chúng làm cam đoan hứa đứng hẳn về phía nhân dân, đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động phá hoại của kẻ địch.

5. Đối với những tên có tiến bộ rõ rệt, ta tranh thủ giao một số công việc làm ở xã như y tế, giáo viên vỡ lòng, kế toán hợp tác xã, v.v...

Thực hiện các biện pháp trên, huyện thực hiện phân hóa triệt để cơ sở xã hội cũ của địch, làm cho phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trở thành một mạng lưới dày đặc, sẵn sàng đón bắt địch bất kỳ chúng từ đâu tới. Vì vậy, trong năm 1963, tất cả các toán gián điệp, biệt kích nhảy dù đều bị

quân và dân địa phương diệt và bắt gọn ngay từ khi chúng vừa đặt chân xuống đất.

Đầu tháng 3/1963, máy bay Mỹ thả xuống Phong Dụ 12 chiếc dù. Được nhân dân báo cáo, đồng chí Bí thư Huyện ủy, Trưởng công an huyện cùng một số cán bộ, một đại đội chủ lực của tỉnh và một trung đội du kích cơ động của huyện xuống ngay xã Phong Dụ, triển khai lực lượng truy tìm. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cũng có mặt, trực tiếp chỉ đạo. Qua một ngày lùng sục, ta chỉ thấy 12 kiện hàng gồm quân trang, vũ khí, lương thực, thực phẩm và thuốc chữa bệnh, không thấy dấu vết có biệt kích nhảy dù. Vụ này có thể máy bay địch thả hàng tiếp tế xuống Nậm Mười (Văn Chấn) nhưng bị lạc sang Văn Bàn.

Tiếp sau đó, một máy bay C47 của Mỹ bay qua bầu trời Nậm Tha bị du kích địa phương bắn bị thương, máy bay đâm vào núi, bốc cháy rơi xuống vùng núi Lùng Cúng. Trong máy bay có 6 tên đều bị chết cháy.

Đêm 4/6/1963, máy bay địch thả xuống Khe Cọ (Phú Nhuận - Bảo Thắng) một toán gián điệp, biệt kích gồm 5 tên do tên Triệu Chung làm toán trưởng. Lực lượng vũ trang của Lào Cai phối hợp với các đơn vị bộ đội Yên Bái và dân quân du kích Võ Lao tổ chức truy lùng. Toán gián điệp biệt kích luồn lên xã Nậm Mả, lấy bắp ở nương của dân để ăn. Ngày 10/6/1963, bị nhân dân phát hiện, lực lượng vũ trang tiếp cận địch, tiêu diệt tại chỗ 1 tên, 4 tên còn lại buộc phải đầu hàng, trong đó có tên toán trưởng. Ta thu toàn bộ vũ khí, phương tiện của toán biệt kích. Về phía ta, đồng chí Hoàng Văn Tỉnh, du kích dân tộc Tày xã Võ Lao đã hy sinh anh dũng.

Cũng trong tháng 6/1963, địch thả một toán 7 tên gián điệp biệt kích nhảy dù xuống Khe Léo (Phong Dụ). Bộ đội và du kích xã Mỏ Vàng (Trấn Yên) phối hợp, bao vây và bắt gọn cả 7 tên

không tốn một viên đạn. Ta khống chế và sử dụng chúng đánh trả bọn Mỹ - Ngụy một thời gian, thu một số kết quả.

Trong tháng 7/1963, quân dân huyện Văn Bàn tổ chức "lùng sục", vây bắt bọn gián điệp, biệt kích nhảy dù và từ nơi khác đến. Trưa mùng 5/7/1963, lực lượng của huyện cùng dân quân du kích xã Nậm Tha, Chiềng Ken, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao tổ chức lùng sục bắt được 4 tên biệt kích.

Qua các vụ diệt và bắt gọn các toán biệt kích nhảy dù, thu đầy đủ quân trang, quân dụng tiếp tế của địch, ta càng thấy rõ tinh thần cảnh giác của nhân dân và tinh thần chiến đấu dũng cảm của các đơn vị bộ đội và dân quân du kích trong huyện. Tuy vậy, Đảng bộ không chủ quan, tiếp tục củng cố lực lượng vũ trang, nghiên cứu, hoàn chỉnh thêm các phương án chiến đấu, quyết tâm đánh thắng kẻ địch, kể cả trường hợp Mỹ cho máy bay đánh phá hoặc chúng cho quân đổ bộ bằng đường không.

Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng được Đảng bộ quan tâm thực hiện.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III xác định nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các ngành, củng cố chính quyền đoàn thể[1]: Phải ra sức củng cố chi bộ và phát triển đảng viên nông thôn một cách tích cực, thường xuyên và mạnh mẽ hơn. Các xã chưa có chi bộ phải phát triển thêm đảng viên để thành lập chi bộ (24 xã phải có 24 chi bộ). Các HTX nhỏ, các đội sản xuất trong HTX hợp nhất phải có tổ đảng. Các thôn, bản phải có từ một đảng viên tới 1 tổ đảng. Chú trọng phát triển đảng viên trong các HTX, nhất là vùng cao. Phát triển đảng viên trong lực lượng thanh niên, dân quân, công an, phụ nữ, xã viên tiên tiến. Việc phát triển đảng viên mới phải đảm bảo tiêu chuẩn và những qui định về thủ tục trong

[1] Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III (tháng 2/1962).

Điều lệ Đảng, tránh khuynh hướng hẹp hòi, thành kiến, đồng thời phải chống làm ẩu. Phải mở rộng đối tượng kết nạp Đảng trong hàng ngũ quần chúng tích cực, để bồi dưỡng, làm cơ sở phát triển đảng viên mới.

Trên cơ sở thực hiện các chính sách của Đảng để tiến hành thường xuyên phê bình và tự phê bình. Trong chi bộ, thường xuyên giáo dục tư tưởng cho đảng viên, kiện toàn sự lãnh đạo của chi bộ, chi ủy trong mọi mặt công tác, chủ yếu là đối với sản xuất và hợp tác hóa. Mặt khác, cần quan tâm bổ túc văn hóa cho cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, thanh toán nạn mù chữ trong cán bộ đảng viên. Coi trọng công tác củng cố và phát triển đảng thuộc các chi bộ cơ quan, nhất là các chi bộ cơ quan kinh tế, văn hóa, giáo dục để đáp ứng yêu cầu công tác phát triển của ngành đó. Công tác kiện toàn tổ chức, đào tạo cán bộ tiến hành mạnh mẽ và khẩn trương hơn. Cấp huyện cần kiện toàn dựa theo chỉ tiêu biên chế của nhà nước; nghiên cứu, sắp xếp, bố trí cán bộ cho thích hợp từng bộ phận, tăng cường cán bộ cho các ngành nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính, kế hoạch nhất là bộ phận nông nghiệp; kiện toàn các bộ môn thuộc khối Đảng nhất là tuyên huấn, tổ chức và thanh niên. Công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng từ huyện tới xã phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, tập trung mọi cố gắng, mọi lực lượng với tinh thần tập trung cho chiến dịch, thực hiện nhiệm vụ năm 1962.

Toàn huyện phát động phong trào thi đua xây dựng xã hội chủ nghĩa lấy tên là "Văn Bàn thi đua tiến kịp miền xuôi", nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết hội nghị và Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và kế hoạch của nhà nước năm 1962 của địa phương[(1)].

[(1)] Báo cáo Chính trị Đại hội III của Đảng bộ huyện (tháng 2/1962).

Năm 1963, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng: Ra sức xây dựng đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức; nhanh chóng khắc phục tình trạng phân bố đảng viên chưa đều, vùng cao nơi hẻo lánh, lực lượng đảng còn mỏng, thành phần trong đảng chưa được cải thiện, khả năng lãnh đạo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kết nạp đảng viên cần chú ý đến lớp trẻ, phụ nữ, dân tộc ít người; phấn đấu các thôn xóm và tổ đội lao động đều có đảng viên hay tổ đảng; các HTX có tổ đảng hay chi bộ, những xã lớn dân số đông và có đồng bào khai hoang thành lập đảng uỷ. Phát triển Đảng phải đi đôi với củng cố, cần khắc phục mọi tư tưởng hẹp hòi, thành kiến, cảm tình, nể nang, phải giữ vững và không ngừng tăng cường tính chất giai cấp, tính chất tiền phong của Đảng; nâng cao tinh thầnchiến đấu, ý thức trách nhiệm; nâng cao trình độ hiểu biết về khoa học kỹ thuật của cấp uỷ đảng và đảng viên để thật sự là hạtnhân lãnh đạo mọi mặt công tác ở nông thôn, trên cơ sở đó xây dựng chi bộ 4 tốt[1].

Nhiệm vụ công tác mặt trận là tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết nông thôn, giáo dục tinh thần thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho toàn dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước theo phương hướng nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Tỉnh uỷ đề ra. Đối với địa phương chủ yếu là nhằm đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm trên các mặt trận sản xuất nông nghiệp. Chú trọng công tác tranh thủ cải tạo tầng lớp trên, giáo dục người làm mo then bài trừ những tệ nạn do xã hội cũ để lại. Coi trọng giáo dục chính sách của Đảng và Chính phủ cho quần chúng. Đẩy mạnh công tác đấu tranh thống nhất nước nhà rộng khắp và mạnh mẽ. Mặt khác, kiện toàn tổ chức và lề lối làm việc của Ủy ban Mặt trận Tổ

[1] Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV (5/1963).

quốc huyện, ở xã cần cửmột cán bộ hay một đảng viên phụ trách công tác mặt trận.

Trên cơ sở củng cố và phát triển phong trào HTX hoá, đẩy mạnh sản xuất, ra sức củng cố và phát triển đoàn thanh niên lao động, chú trọng vùng cao. Yêu cầu hết năm là tất cả các HTX, các đội và tổ sản xuất đều có chi đoàn, phân đoàn hoặc tổ thanh niên. Cần đào tạo và bồi dưỡng về tư tưởng lập trường cho cán bộ, đoàn viên và thanh niên tích cực, cử đi học lớp cảm tình Đảng. Huyện tập trung bồi dưỡng tại xã, mạnh dạn đưa những đoàn viên tiên tiến và xuất sắc tham gia vào công tác lãnh đạo, phụ trách của các cơ quan xã, HTX. Phải hết sức coi trong công tác thiếu niên và nhi đồng. Đẩy mạnh phong trào "xung phong tình nguyện thi đua vượt mức kế hoạch 5 năm" của thanh niên trên mặt trận sản xuất nông nghiệp một cách mạnh mẽ hơn, nhằm đẩy mạnh chỉ tiêu khai hoang, tăng vụ để mở rộng diện tích, cải tiến kỹ thuật, cải tiến nông cụ và phương tiện vận chuyển. Mỗi HTX, nhất là HTX lớn, phải tổ chức một đội thanh niên khai hoang, tăng vụ, đội cải tiến công cụ sản xuất. Thanh niên phải đi đầu trong việc khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích và áp dụng những kinh nghiệm kỹ thuật và công cụ sản xuất tiến bộ.

Đi đôi với bồi dưỡng về chính trị, phải đẩy mạnh công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá cho thanh niên. Cần phát triển hình thức trường đoàn ở các xã vùng thấp để thu hút thanh niên và thúc đẩy quần chúng tham gia học tập văn hoá. Mặt khác, vận động và tổ chức thanh niên tích cực tham gia phong trào văn nghệ, đọc sách báo, thể dục thể thao nhằm đẩy mạnh sản xuất, xây dựng đời sống vui tươi, lành mạnh trong thanh niên. Tích cực vận động phong trào thanh niên tham gia củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng dân quân xã, thường xuyên giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho thanh niên, trên

cơ sở đó nâng cao tinh thần cảnh giác chống âm mưu biệt kích và luận điệu phá hoại của địch.

Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ từ huyện tới xã, trong các HTX, để động viên hết khả năng của lực lượng phụ nữ tham gia vào phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm của địa phương. Mỗi xã có chi bộ cần phân công một đảng viên làm công tác phụ nữ. Tích cực bồi dưỡng và mạnh dạn đưa những chị em tiến bộ, hăng hái công tác vào những cơ quan lãnh đạo của xã và HTX, nhất là trong các HTX; nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia chính quyền; đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá đi đôi với bồi dưỡng chính trị cho phụ nữ. Phát động phong trào ngày làm hai buổi, làm như nam giới (cày, bừa, đắp bờ, nhổ mạ, gặt đập, v.v...). Cấy nhanh, cấy tốt, phân nhiều, mạnh dạn áp dụng những kinh nghiệm sản xuất và công việc xã hội. Ngoài ra cần chú trọng hướng dẫn phụ nữ cách chăm sóc và dạy bảo con cái[1].

Hội đồng nhân dân huyện và xã mở lớp tập huấn cho hội viên, làm cho họ hiểu rõ về quyền hạn, nhiệm vụ và nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng, hiểu biết lề lối làm việc, phát huy đầy đủ chức năng của Hội đồng nhân dân, phát huy vai trò của quần chúng tham gia xây dựng chính quyền, đoàn kết toàn dân và đẩy mạnh phát triển sản xuất; thường xuyên tuyên truyền giáo dục về luật pháp của Nhà nước; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm soát, giải quyết kịp thời các đơn khiếu tố của cán bộ và nhân dân; phát huy đầy đủ khả năng của các đoàn thể quần chúng. Thông qua các tổ chức: Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn để giáo dục và động viên các tầng lớp nhân dân các dân tộc, tăng thêm lòng tin tưởng vào chính sách đại đoàn kết, hăng hái sản xuất, thực hiện tiết kiệm xây dựng HTX, góp phần

[1] Báo cáo chính trị Đại hội III của Đảng bộ huyện (tháng 2/1962).

tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đẩy mạnh công tác đấu tranh thống nhất nước nhà.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở chú trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ huyện đã có 92% tổng số đảng viên được chỉnh huấn. Mùa xuân năm 1961, 13 cán bộ được cử đi học khóa dài hạn và 30 cán bộ đi học các lớp chính trị. Qua học tập, chỉnh huấn và được rèn luyện trong thực tế hoạt động, công tác, các cán bộ đảng viên thêm phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng và có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Thông qua các đợt chỉnh huấn mùa xuân 1961, các lớp học chính trị, các hội nghị tổng kết công tác. Đảng bộ huyện chú ý nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ đảng viên, từ giác ngộ ý thức giai cấp công nhân đến giác ngộ lý tưởng của Đảng, tính tiền phong của người đảng viên cộng sản. Qua việc giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ đảng viên ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, trước hết là nhiệm vụ sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Huyện đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ "Bốn tốt".

Trong công tác xây dựng Đảng, lấy việc chăm lo, củng cố tổ chức cơ sở Đảng làm trọng tâm, lấy củng cố đi đôi với phát triển Đảng làm phương châm xây dựng. Huyện đã mở các đợt chỉnh huấn cho 95% tổng số đảng viên của huyện, cử một số cán bộ đi học các khóa chính trị dài hạn, ngắn hạn của Trung ương, của tỉnh và huyện tổ chức. Kiện toàn được 10 chi ủy, Đảng ủy xã, 2 chi ủy cơ quan và thành lập thêm 5 chi bộ cơ quan. Vấn đề thực hiện dân chủ trong Đảng, công tác kiểm tra, công tác khen thưởng và kỷ luật trong Đảng, được coi trọng.

Tính đến đầu năm 1966, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã có 28 chi bộ, đảng bộ, (15 ở xã, 13 ở cơ quan) gần 580 đảng viên (ở nông thôn 499 đồng chí, ở cơ quan 131 đồng chí) chiếm tỉ lệ 3% dân số. Trong tổng số đảng viên, dân tộc Tày chiếm 56%, Dao 17%, Mông 7,4%, còn lại thuộc các dân tộc khác. Đảng viên nữ chiếm tỉ lệ 11%, đảng viên dưới 30 tuổi chiếm 50%, các hợp tác xã có 81% số đội sản xuất đã có đảng viên. Các chi bộ Võ Lao, Nậm Xây, Nậm Mả, Khánh Yên Hạ, là các chi bộ dẫn đầu cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ "Bốn tốt". Trong 15 chi bộ, đảng bộ xã, có 7 tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn "Bốn tốt", là các chi, đảng bộ xã Nậm Xây, Nậm Mả, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Dần Thàng, Nậm Chày; 5 chi bộ, đảng bộ đạt loại khá, là các chi, đảng bộ: Dương Quỳ, Chiềng Ken, Nận Dạng, Minh Lương, và Làng Giàng; 3 thuộc loại trung bình là các chi, đảng bộ: Nậm Tha, Tân An, Nậm Xé. Trong 13 chi bộ cơ quan, có chi bộ huyện đội đạt tiêu chuẩn "Bốn tốt", 5 chi bộ khá và 7 chi bộ đạt loại trung bình.

Về xây dựng kiện toàn các ngành chuyên môn, nghiệp vụ, thời kì đầu, huyện mới có Huyện đội, Công an huyện, Phòng Nông nghiệp và các ngành Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng tương đối đủ biên chế. Các cơ quan khác còn thiếu nhiều cán bộ.

Cùng với công tác củng cố hệ thống chính quyền, Đảng bộ huyện còn chú ý tăng cường công tác vận động quần chúng, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Các ban liên lạc, mặt trận xã được kiện toàn. Công tác mặt trận đã góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân, động viên tinh thần hăng say lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Các ban liên lạc mặt trận xã chủ động giáo dục cải tạo những người làm mo, then; đấu tranh bài trừ các phong tục tập quán lạc hậu trong việc cưới xin, ma chay, bài trừ tệ nạn mê tín dị đoan. Các cụ phụ lão đã tổ chức đội

"Bạch đầu quân" có 1.020 cụ tham gia, làm được 218 tấn phân, thành lập 21 tổ trồng cây. Để động viên và thiết thực giúp đỡ các lực lượng vũ trang, các ban liên lạc mặt trận xã tổ chức được 634 "hũ gạo nuôi quân".

Phong trào thanh niên trong huyện có nhiều tiến bộ. Đoàn Thanh niên lao động Văn Bàn có 1.169 đoàn viên, chiếm trên 50% trong lứa tuổi thanh niên. Cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân 1961, có 86% đoàn viên tham gia. Đợt học tập tác phẩm "Sống như anh" được hầu hết các xã đoàn tổ chức. Phong trào "Ba sẵn sàng" được đoàn viên và hầu hết thanh niên ngoài đoàn hưởng ứng. Thanh niên nhiều nơi đi đầu trong việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã. Trong các đội làm phân, đội thủy lợi, đội giống, đại đa số là thanh niên. Nhiều thanh niên nhận chăm sóc đồng ruộng, 27 chi đoàn làm thí nghiệm 27 ha ruộng tăng sản. Thanh niên vùng cao khai hoang làm được 10 ha ruộng bậc thang; thanh niên xã Nậm Mả dẫn đầu trong phong trào làm thủy lợi.

Huyện tổ chức được 103 đội và liên đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh gồm 1.425 đội viên và 39 chi đội Nhi đồng Tháng Tám với 1.836 em tham gia. Phong trào thi đua thực hiện "5 điều Bác Hồ dạy" phát triển rộng khắp các trường, các đội.

Phụ nữ Văn Bàn có những đóng góp tích cực vào nhiệm vụ xây dựng và củng cố các hợp tác xã. Phong trào "Ba đảm đang" tiếp tục mở rộng, thu hút 1.131 chị em đăng ký thi đua. Chị em xây dựng được 8 nhóm giữ trẻ và một trường mẫu giáo. Trong các hợp tác xã, có 171 chị em tham gia lãnh đạo sản xuất, 757 chị em cày bừa giỏi, đa số chị em biết cấy thẳng hàng. Chị em nhiều nơi đảm nhiệm các việc làm cỏ, chăm sóc lúa, làm thủy lợi, đóng gạch, sử dụng cào cỏ 64A. Thanh niên nữ nhiều nơi tham gia dân quân du kích, trong đó có một số là cán bộ tiểu đội,

cán bộ trung đội. Số phụ nữ tham gia hoạt động xã hội ở xã và công tác trong các cơ quan nhà nước mỗi ngày một tăng.

Công tác cán bộ của huyện có nhiều tiến bộ. Ngoài việc kiện toàn các tổ chức, Đảng bộ huyện rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc ít người.

Trong công tác cán bộ, Đảng bộ huyện thấy có một vấn đề cần đặc biệt chú ý, trong đó vấn đề nhận định, đánh giá cán bộ là vấn đề nổi bật hàng đầu. Vấn đề này có liên quan mật thiết đến kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Đảng bộ thấy rằng cùng một người cán bộ, huyện vẫn thường có những ý kiến nhận định, đánh giá khác nhau, cần phải được thảo luận một cách nghiêm túc để đi đến thống nhất. Cần phải xem cụ thể từng người. Đối với cán bộ, cần tránh tình trạng chỉ nhìn một phía, bỏ qua hoặc quá nhấn mạnh đến quá khứ lịch sử, về thành phần xuất thân, về mối quan hệ xã hội, v.v... Nhìn một cách phiến diện, cứng nhắc dễ dẫn đến sai lầm. Vì vậy, Đảng bộ cho rằng nhận định đánh giá cán bộ cần phải đứng vững trên quan điểm và phương pháp tư tưởng của Đảng, xem xét một cách toàn diện, biện chứng, đặt con người vào bối cảnh cụ thể để xem xét. Ở Văn Bàn, do có nhận định đánh giá đúng, huyện sử dụng được một số nhân vật thuộc tầng lớp trên là những người có uy tín trong các dân tộc, có ảnh hưởng rộng lớn đến các vùng dân tộc đó.

Việc cắm cốt cán giữ những cương vị chủ chốt rất quan trọng. Nếu cắm đúng sẽ phát huy được tác dụng của tổ chức, phát triển được phong trào. Nếu cắm không đúng sẽ có những ảnh hưởng ngược lại. Trong các năm từ 1961 đến 1965, huyện đã đưa được một số cán bộ trẻ tiêu biểu cho các dân tộc vào làm ủy viên Ủy ban hành chính huyện, như các đồng chí Giàng Thị Máy, dân tộc Mông; Bàn Tiến Minh dân tộc Dao; Dương Tùng Thọ dân tộc Tày; Phùng Như Sa dân tộc Xa Phó. Những đồng chí nói trên đã

thực sự phát huy được khả năng và có nhiều đóng góp cho phong trào. Việc một số đồng chí cán bộ địa phương trở thành cán bộ lãnh đạo và cán bộ cốt cán của huyện làm cho quần chúng các dân tộc tăng thêm lòng tin đối với cấp ủy và chính quyền địa phương.

Việc bố trí cán bộ phụ trách xã và phân công các huyện ủy viên phụ trách khu vực, thời gian đầu sau ngày hòa bình được lập lại, là một việc làm đúng đắn và cần thiết, giúp huyện kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết ở cơ sở. Đến những năm 1961-1962, trình độ mọi mặt của cán bộ ở cơ sở đã được nâng lên tự đảm đương được nhiệm vụ. Khi đó huyện mới thôi không phân công cán bộ huyện về phụ trách xã.

Năm 1961-1965, là những năm huyện Văn Bàn có nhiều chuyển biến. Dưới ánh sáng của Đảng, Văn Bàn xây dựng và củng cố được quan hệ sản xuất mới, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp tư nhân và thủ công nghiệp, xây dựng được xí nghiệp cơ khí của huyện. Do biết áp dụng các biện pháp kỹ thuật và bước đầu xây dựng được một số cơ sở vật chất - kỹ thuật, các hợp tác xã nông nghiệp đã đưa năng suất và sản lượng lương thực và các loại cây hoa màu ngày một tăng. Năm 1964, huyện đã căn bản thanh toán được nạn đói lưu niên. Sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục tiếp tục được phát triển. Trường phổ thông cấp I và trạm xá có ở khắp các xã, 7 xã có trường cấp II. Huyện có bệnh viện, một số khu vực có bệnh xá. Tỷ lệ tử vong trong các bệnh viện, bệnh xá chỉ trên dưới 1%. Đảng bộ huyện được trưởng thành một bước. Từ 12 chi bộ (trong đó có 10 chi bộ nông thôn), phát triển tới 28 chi bộ, đảng bộ cơ sở (trong đó có 15 chi bộ, đảng bộ nông thôn). Tỷ lệ đảng viên khi hòa bình lập lại chiếm 0,1% dân số, thời gian này đã chiếm 3% dân số. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, chủ yếu là cán bộ người các dân tộc

địa phương, được tăng cường. Một số dân tộc vùng cao ít người đã có cán bộ tham gia cấp huyện.

An ninh quốc phòng được bảo đảm. Nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện có thành tích xuất sắc trong việc diệt gọn các toán gián điệp, biệt kích nhảy dù và thu gom các loại hàng hóa do máy bay Mỹ thả xuống tiếp tế cho bọn phản động. Qua các đợt chỉnh huấn chính trị và học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, trình độ cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện được nâng lên một bước rõ rệt, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện sức người sức của cho cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, giành độc lập dân chủ và thống nhất đất nước.

Tuy nhiên, trong từng nhiệm vụ công tác, huyện vẫn còn một số mặt yếu kém như sản xuất nông nghiệp chưa phát triển toàn diện, chưa đẩy mạnh chăn nuôi và trồng cây công nghiệp, tỷ lệ người mù chữ còn nhiều, vấn đề phòng bệnh ở một số cơ sở chưa chú ý đến vệ sinh ăn ở; các tập tục lạc hậu trong các việc cưới xin, ma chay chậm được giải quyết, v.v... Trước thực tế đó, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã xác định cần phải tiếp tục phấn đấu hơn nữa nhằm đưa kinh tế - xã hội địa phương phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1972)

Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam buộc đế quốc Mỹ phải chuyển hướng chiến tranh ở Việt Nam. Tháng 02/1964, Tổng thống Mỹ Johnson thông qua kế hoạch bí mật dùng không quân do thám miền Bắc, tấn công Lào, cho tàu

khu trục vào khiêu khích miền Bắc ở vịnh Bắc Bộ. Từ cuối năm 1964 và đầu năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam để ngăn chặn sự sụp đổ, tan rã của ngụy quân, ngụy quyền và tiến công tiêu diệt quân chủ lực giải phóng, dập tắt phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam. Đồng thời chuẩn bị cho cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Mục đích của Mỹ là: Làm lung lay quyết tâm giải phóng miền Nam của quân và dân ta ở cả hai miền, ngăn chặn chi viện của miền Bắc đối với miền Nam nhằm cô lập và tiêu diệt cách mạng Việt Nam. Hoạt động oanh tạc của Mỹ đối với miền Bắc chủ yếu nhằm cắt đứt các đường giao thông và vận chuyển quân sự; củng cố tinh thần đang sa sút nghiêm trọng của bọn ngụy quân, ngụy quyền; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm suy yếu tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.

Sau khi dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", ngày 7/8/1964, Quốc hội Mỹ ra nghị quyết cho phép Tổng thống thi hành mọi biện pháp cần thiết bao gồm cả việc sử dụng lực lượng vũ trang để đối phó với tình hình đang xấu đi ở miền Nam. Tháng 12/1964, đế quốc Mỹ dùng không quân tấn công Lào. Từ tháng 02/1965, đế quốc Mỹ mở chiến dịch "Mũi tên rực cháy" và thông qua kế hoạch "Sấm rền" để thực hiện chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Đế quốc Mỹ sử dụng lực lượng không quân chiến đấu lớn leo thang từng bước đánh phá miền Bắc, dùng hải quân phong toả, bắn phá vùng ven biển, dùng pháo từ bờ Nam bắn vào phía bắc tỉnh Quảng Trị, dùng biệt kích để phá hoại, quấy rối miền Bắc và các vùng giải phóng ở miền Nam.

Trước những hành động leo thang chiến tranh mới với những hình thức khác nhau của đế quốc Mỹ ở cả hai miền Nam - Bắc, đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải có chiến lược đúng đắn, kịp thời. Từ ngày 25/3-27/3/1965, Hội nghị lần thứ 11 (đặc biệt) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) ra Nghị quyết về

tình hình và nhiệm vụ trước mắt. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách của hai miền Nam - Bắc. Hội nghị nhận định: Trong cuộc chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn; nhiệm vụ cơ bản của toàn quân và toàn dân ta lúc này là "... tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bại địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội, hoặc chuyển nó thành một cuộc chiến tranh cục bộ cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ra sức động viên lực lượng của miền Bắc chi viện cho miền Nam"[1]. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ và xây dựng miền Bắc, giải phóng miền Nam. Muốn vậy, nhiệm vụ của miền Bắc trước mắt là xây dựng trở thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng miền Nam, đồng thời đảm bảo đời sống cho nhân dân và đáp ứng nhu cầu hậu cần tại chỗ. Do đó, miền Bắc phải tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, tích cực chi viện cho tiền tuyến miền Nam; hết sức coi trọng phòng thủ, bảo vệ trị an, tích cực chiến đấu, chống lại có hiệu quả những cuộc ném bom, bắn phá ngày càng tăng của địch và có thể đạt đến mức ác liệt hơn nhiều; từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; phải thực hiện theo phương châm xây dựng và phát triển kinh tế phù hợp với thời chiến, phù hợp với tình hình địch tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc. Tích cực phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp trung du và miền núi. Phát triển công nghiệp địa

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26, tr.109.

phương và thủ công nghiệp. Xây dựng và phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược, làm cho mỗi vùng có khả năng giải quyết phần lớn nhu cầu thiết yếu về đời sống, sản xuất và chiến đấu. Đối với miền Nam, phải tích cực chuẩn bị chống lại cuộc chiến tranh cục bộ, nếu địch gây ra.

Tháng 12/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp Hội nghị lần thứ 11 để xem xét và đánh giá toàn bộ tình hình. Hội nghị đề ra nhiệm vụ chung cho toàn Đảng và toàn dân là: động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Quân và dân miền Bắc có nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương Đảng: "vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người, sức của tăng cường chi viện cho miền Nam, ra sức giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời tích cực chuẩn bị đánh thắng địch, nếu chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước ta"[(1)].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái đẩy mạnh phong trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu với khí thế mạnh mẽ. Lực lượng vũ trang nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược với khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn"; công nhân với phong trào "Nắm chắc tay búa, tay súng", "Cần cù trong sản xuất, anh dũng trong chiến đấu", thi đua làm thêm giờ chống Mỹ, cứu nước, ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, cải tiến quản lý; các

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện toàn tập*, Sđd, t.26, tr.643-644.

xí nghiệp, công trường, nông trường với quyết tâm phấn đấu giành "Ba điểm cao"; nông dân, xã viên hợp tác xã với phong trào "Nắm chắc tay cày, tay súng", "cần cù lao động và dũng cảm chiến đấu chống thiên tai địch họa", thi đua thực hiện ba mục tiêu trong sản xuất nông nghiệp; anh chị em trí thức thực hiện "Ba quyết tâm"; đoàn viên, thanh niên thực hiện phong trào "Ba sẵn sàng"; phụ nữ thực hiện phong trào "Ba đảm đang", phát huy tinh thần cách mạng và đức tính cần cù, nhẫn nại chịu đựng gian khổ trong sản xuất và chiến đấu. Các phong trào thi đua "Hai tốt" của giáo viên và học sinh, "Ba cải tiến" của cán bộ, công nhân viên chức trong các cơ quan và phong trào "Nghìn việc tốt" của thiếu niên, nhi đồng diễn ra sôi nổi.

Trước tình hình trên, từ năm 1965-1968, Đảng bộ huyện lãnh đạo địa phương vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Từ ngày 04 đến ngày 08/9/1966, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI diễn ra. Đại hội bầu cử Ban Chấp hành khóa mới gồm 19 đồng chí trong đó có 01 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Bùi Hữu Bỉnh được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Yên Bái, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ VI (năm 1966), xác định "sản xuất và sẵn sàng chiến đấu là hai nhiệm vụ trọng tâm. Trong điều kiện cụ thể hiện nay, với tình hình đặc thù của mình, sản xuất chủ yếu là tập trung lực lượng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp phải đặt lên vị trí hàng đầu. Đồng thời phải coi trọng đúng mức xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, tổ chức và thực hiện tốt công tác lưu thông phân phối, đảm bảo giao thông vận tải nhằm tiến tới tự cung tự cấp, tự lực cánh sinh đến mức cao

nhất đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân trong huyện. Đồng thời đóng góp được nhiều nhất cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước chung của tỉnh và cả nước. Mặt khác phải tích cực khẩn trương củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị, phong trào bảo vệ trị an nhằm củng cố quốc phòng, thực hiện mạnh mẽ nhiệm vụ chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, xây dựng hậu phương vững mạnh để chủ động đối phó với mọi tình huống xảy ra. Để đảm bảo thắng lợi nhiệm vụ trên, phải ra sức củng cố xây dựng Đảng về các mặt tư tưởng và tổ chức, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ Đảng bộ "Bốn tốt", xây dựng huyện ủy "Bốn tốt" làm trọng tâm trong nhiệm vụ xây dựng Đảng".

Với phương hướng nhiệm vụ trên, Đảng bộ huyện chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương, Nghị quyết chỉ thị của Tỉnh ủy và nhiệm vụ cụ thể của địa phương tới cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Thông qua các hội nghị học tập và các hình thức tuyên truyền, các phương tiện thông tin, mọi người từ trong Đảng tới quần chúng đều nhận thức rõ tình hình khẩn trương và nhiệm vụ cấp bách phải thực hiện, nhằm tiếp tục xây dựng phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Đảng bộ huyện Văn Bàn xác định rõ: Trong thời bình cũng như trong thời chiến, dù tình hình thuận lợi hoặc diễn ra gay go ác liệt, Đảng bộ vẫn tiếp tục đưa nhân dân các dân tộc địa phương kiên trì, vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa, không ngừng xây dựng phát triển kinh tế làm cơ sở thúc đẩy các mặt văn hóa, xã hội phát triển. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế lại càng quan trọng. Vì có thực hiện tốt nhiệm vụ này mới ổn định, từng

bước cải thiện được đời sống nhân dân và động viên được sức người, sức của, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (9/1966) đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp.

Về nông nghiệp: Tập trung xây dựng lực lượng cơ sở vật chất và kỹ thuật nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, lấy phương châm thâm canh tăng năng suất, chủ yếu là lúa (lúa ruộng) làm chính. Đẩy mạnh thực hiện định canh, định cư ở vùng cao. Phấn đấu thực hiện bằng được hai yêu cầu chiến lược: nông nghiệp và lương thực (lúa, màu, rau) và thực phẩm, trước hết là lương thực, đáp ứng với yêu cầu sống còn của nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Trên cơ sở đó, từng bước tập trung mạnh mẽ vào chăn nuôi, cây trồng, cây công nghiệp và nghề rừng để khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay. Đi đôi với trồng trọt, phải có chuyển biến mạnh mẽ về phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi tập thể, đảm bảo giữa chăn nuôi và trồng trọt, đảm bảo yêu cầu phục vụ tốt cho mục tiêu phấn đấu thâm canh tăng năng suất.

Về công nghiệp: Xây dựng và đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương nhằm phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải, đời sống nhân dân và chiến đấu. Phương hướng nhằm vào các ngành cơ khí chế tạo và sửa chữa tư liệu sản xuất, phục vụ sản xuất mộc, rèn, vôi, gạch, gốm, chế biến thực phẩm, hạt có dầu, dệt, may mặc, một số ngành có tính chất phục vụ và xuất khẩu; lấy sản xuất và tự sửa chữa các loại tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất, chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp là chính, đồng thời coi trọng các loại hàng phục vụ tiêu dùng.

Về tài chính, thương nghiệp: Củng cố và tăng cường lực lượng quốc doanh và HTX mua bán, củng cố và mở rộng thị trường XHCN, mở rộng giao lưu hàng hoá, thực hiện tốt khâu phân phối và quản lý chặt chẽ thị trường giá cả. Đưa nhiệm vụ bán nông sản cho Nhà nước thành nghĩa vụ tập thể của HTX và của nông dân, xã viên thành nền nếp và thực hiện đúng đắn trước tình hình mới. Cải tiến mạnh khâu phân phối của các ngành thương nghiệp, quốc doanh. Coi trọng củng cố và phát triển mạng lưới HTX mua bán, đảm bảo hết năm 1967 mỗi xã có một cửa hàng. Tăng cường quản lý thị trường, kiên quyết chống đầu cơ, tàng trữ, chống thẩm lậu, làm ảnh hưởng đến thị trường của huyện.

Về giao thông vận tải: Hoàn thành gấp đường Khe Lếch - Võ Lao, chi kinh phí đặt cống, đảm bảo xe cơ giới có thể đi được. Khảo sát và thi công đường Dương Quỳ - Minh Lương vào đầu năm 1967, ra mức khoán cây số, khối đất cho từng xã và HTX, có trách nhiệm hoàn thành vào năm 1968. Mặt khác, kết hợp với kiến thiết đồng ruộng, xây dựng nông thôn, cần đẩy mạnh công tác giao thông nông thôn, làm đường vào sân phơi, nhà kho, làng bản và ra cánh đồng lớn. Tăng cường phương tiện vận tải bằng cách củng cố xây dựng các đội ngựa thồ chuyên trách, phát triển phương tiện vận tải bán cơ giới và thô sơ[(1)].

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, thực hiện phương hướng sản xuất thâm canh và phát triển nông nghiệp toàn diện do Đại hội Đảng toàn huyện lần thứ 6 đề ra, trong hai năm 1966-1967, mặc dầu có nhiều khó khăn do thiên tai địch họa gây nên, nhưng với quyết tâm của toàn Đảng bộ và nhân dân

[(1)] Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (9/1966).

các dân tộc trong huyện, chúng ta đã giành được những thắng lợi to lớn và toàn diện.

Về sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích tỉnh giao năm 1965 là 5.011 ha. Bình quân hàng năm tăng 7,8% so với kế hoạch. Tỷ trọng cây trồng có nhiều tiến bộ, diện tích hoa màu tăng từ 19,1% lên 26,6%, cây công nghiệp tăng từ 10,7% lên 17,8% trong tổng số diện tích gieo trồng.

Nhờ diện tích thâm canh mở rộng và tăng cường các biện pháp phòng chống sâu bệnh nên đã thanh toán được bệnh vàng lụi, năng suất lúa 2 năm 1966 và 1967 đều tăng vượt mức các năm trước. Số đơn vị đạt 5 tấn/ha năm 1966 có 5 HTX, năm 1967 có 7 HTX và 28 đội. Năng suất một số loại hoa màu như ngô, khoai, sắn khá cao. Tổng sản lượng lương thực năm 1967 đạt 9.877 tấn, trong đó màu quy ra thóc chiếm 30,1%.

Diện tích cây công nghiệp hàng năm tiếp tục phát triển, từ 464 ha năm 1965 lên 972 ha năm 1967. Diện tích cây công nghiệp tăng, chủ yếu là trẩu, lai và đậu tương là những loại cây rất thích hợp với đặc điểm và điều kiện đất đai của địa phương, phù hợp với yêu cầu chung và có giá trị kinh tế cao, đã đưa giá trị sản lượng cây công nghiệp từ 70.100 đồng lên 87.400 đồng.

Chăn nuôi cũng có nhiều tiến bộ, đàn gia súc được phát triển cả chăn nuôi tập thể và gia đình xã viên. So với 1965 đàn trâu từ 5.130 con lên đến 5.516 con vào năm 1967; đàn bò từ 520 con, lên đến 752 con; đàn lợn giữ vững 12.078 con, đàn dê tăng từ 607 con lên 820 con. Gia cầm từ 38.221 con tăng lên 50.422 con. Chăn nuôi tập thể có 28 cơ sở chăn nuôi bò, 4 cơ sở chăn nuôi trâu, 8 cơ sở chăn nuôi dê, 2 cơ sở chăn nuôi lợn, 3 cơ sở chăn nuôi ngựa. 6 tháng đầu năm 1968, đàn gia súc vẫn tiếp tục phát triển. Có đàn gia súc phát triển nhanh, mạnh như đàn dê và trâu, bò; so với cùng kỳ năm 1967, đàn trâu tăng 4%, bò

tăng 3%, dê tăng 57% và ngựa tăng 11%. Cơ sở chăn nuôi tập thể được củng cố và mở rộng hơn trước.

Nghề rừng được củng cố và phát triển. Các xã và HTX đã xây dựng được quy hoạch sơ bộ, lực lượng khai thác và tu bổ được chuyên trách hóa, huy động được giới phụ lão tham gia trồng cây tu bổ rừng. Trong hai năm 1966 và 1967, đã tu bổ 736 ha rừng. Bình quân hàng năm tu bổ rừng tăng 37%. Trồng rừng được 1.400.00 cây, bình quân hàng năm tăng 13%. Đi đôi với tu bổ và trồng rừng, kế hoạch khai thác được đẩy mạnh. Tổng giá trị khai thác năm 1967, đạt 653.908 đồng, tăng 45% so với năm 1966.

Nhờ nông nghiệp phát triển toàn diện, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp năm 1967 đạt 5.787.000 đồng, bình quân tăng 34%, giá trị chăn nuôi và trồng trọt tăng so với năm 1966 là 22%.

Cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp được đẩy mạnh, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp và HTX được tăng cường. Việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất đã có nhiều tiến bộ rõ rệt, nhất là về mặt thâm canh lúa.

Thủy lợi là biện pháp hàng đầu được phát triển mạnh, theo phương hướng lấy thủy lợi nhỏ làm chính, coi trọng quản lý và khai thác các công trình đầu mối, xây dựng đồng ruộng và thực hiện tưới tiêu khoa học. Nhiều nơi công tác thủy lợi trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ. Trong hai năm 1966-1967, toàn huyện làm mới 198 mương, phai, đập nhỏ; tu sửa 1.482 mương, phai, đập; hoàn thành 4 công trình do huyện quản lý; xây dựng được 81 ha ruộng loại I và 472 ha ruộng loại II, 954 ha ruộng loại III, 17 cánh đồng và 12 HTX được xây dựng theo tiêu chuẩn loại I và II. Ở những nơi này, hệ thống mương, phai, đập xây dựng đồng ruộng kết hợp với giao thông đã hình thành mạng lưới tưới

tiêu, hệ thống đường sá tương đối tốt như Võ Lao, Minh Lương, HTX Én Bơ... Diện tích đắp bờ hàng năm đạt 80% trở lên. Nhờ vậy, đã chủ động tưới tiêu và giữ độ ẩm cho ruộng đạt 90% diện tích trở lên. Đi đôi với dân tự làm, Nhà nước đã giúp đỡ đầu tư vốn vào thủy lợi cho nông nghiệp địa phương trong hai năm là 20.700 đồng. Do phong trào có chuyển biến mạnh nên ngày công và khối lượng đào đắp thủy lợi trong năm 1967 đạt 407.527 ngày công và 513.390 mét khối đất đá, so với năm 1966 tăng ấp 2 lần về công và 1,8 lần về khối lượng đất đá. Bình quân đầu người đạt 22,8 công và 28 mét khối đất đá, góp phần tích cực vào thực hiện định canh, định cư vùng cao. Bước sang đầu năm 1968, với khí thế "vì miền Nam quyết giành một vụ đông xuân đại thắng" và tiếp theo là phát động chiến dịch thủy lợi "Đắk Tô" các xã và HTX dành nhiều vốn lao động làm thủy lợi. Thực hiện theo phương hướng chủ yếu là chống xói mòn, kết hợp với kiến thiết đồng ruộng. Tổng khối lượng đào đắp là 300.323 mét khối đất đá. Trong 6 tháng đầu năm 1968, toàn huyện đắp bờ giữ nước 450 ha, trong đó đắp đúng kỹ thuật 370 ha, diện tích tưới tiêu khoa học 291 ha. Diện tích kiến thiết đồng ruộng là 412 ha, theo tiêu chuẩn cấp 1 và 2.

Trong toàn huyện, hình thành một mạng lưới tưới tiêu khoa học tương đối hoàn chỉnh ở một số cánh đồng vùng thấp, thiết thực đưa công tác thủy lợi phục vụ thâm canh vụ đông xuân thắng lợi.

Cơ sở phân bón được phát triển, đến 6 tháng đầu năm 1968, đã có 416 hố ủ phân, 120 nhà chế biến và 632 máng kéo phân tập thể. Cơ sở phân bón của xã viên được chú ý. Năm 1968, có 2.621 hố ủ phân và 907 nhà vệ sinh của gia đình. Vì vậy, số lượng và chất lượng phân bón bình quân cho mỗi vụ và hàng năm được nâng cao, bao gồm các loại phân hữu cơ. Việc sử dụng

phân hóa học, nhất là phân đạm, lân và sử dụng vôi cải tạo đất, được áp dụng phổ biến.

Giống lúa đã có những thay đổi căn bản. Các loại giống lúa không chịu được bệnh, thoái hóa, năng suất thấp được thay thế bằng những giống có khả năng chịu bệnh và năng suất cao như 813, mộc tuyền, nếp tốt. Đi đôi với chọn giống tốt việc xử lý và kỹ thuật gieo giống có nhiều tiến bộ.

Do nhận thức được tính chất quan trọng của thời vụ, trong những năm 1966-1967, huyện đã chỉ đạo chặt chẽ khâu thời vụ gắn liền quy trình sản xuất, tưới tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc chăm sóc lúa đi dần vào quy trình sản xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật. Công cụ sản xuất được tăng cường. Đội ngũ cán bộ quản lý HTX và khoa học kỹ thuật của nông nghiệp được đào tạo và phát triển. Năm 1967, tăng gấp 2 lần năm 1966. Vốn đầu tư về sản xuất nông nghiệp được chú trọng. Nhà nước giúp đỡ các HTX nông nghiệp phát triển sản xuất 190.000 đồng năm 1967, tăng gấp 3 lần năm 1965. Nhờ cuộc cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp nên đã thúc đẩy mạnh mẽ, tạo điều kiện nâng cao trình độ sản xuất và quản lý kinh tế nông nghiệp địa phương, phục vụ đẩy mạnh phương hướng thâm canh và phát triển nông nghiệp toàn diện, góp phần củng cố, hoàn thiện cách mạng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn huyện.

Đồng thời với đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp, huyện đã coi trọng củng cố thường xuyên phong trào HTX nhằm tiếp hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cuộc vận động cải tiến quản lý vòng đầu trong 18 HTX ở vùng thấp trong năm 1967 đạt yêu cầu nhanh, gọn, kết quả cao, phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, đưa chất lượng phong trào HTX toàn huyện tiến lên một bước vững chắc hơn.

Đến năm 1968, toàn huyện có 3.075 hộ (chiếm 99,4% số hộ) vào 45 HTX, bình quân quy mô 68 hộ và 41 ha ruộng 1 HTX. Toàn huyện có 201 đội sản xuất lương thực và 149 đội tổ ngành nghề.

Công tác quản lý của HTX có nhiều tiến bộ. Quan hệ sở hữu tập thể qua cuộc vận động cải tiến, quản lý HTX được xác lập rõ ràng và củng cố hơn. Phương hướng sản xuất của HTX cụ thể và sát hợp hơn. Sản xuất của HTX đã và đang đi vào phương hướng thâm canh và phát triển nông nghiệp toàn diện, kinh tế phụ gia đình xã viên căn bản phát triển đúng hướng. Cuộc báo công, lập công chống Mỹ cứu nước; quần chúng phê bình đảng viên được tiến hành nhằm nâng cao ý thức làm chủ tập thể của lực lượng nông dân, góp phần quan trọng vào việc củng cố HTX, phát triển sản xuất nông nghiệp.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào hợp tác hóa được tăng cường qua cuộc vận động cải tiến và củng cố thường xuyên đội ngũ cán bộ HTX. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế nông nghiệp ở cơ sở được mở rộng. Các HTX đều có cơ sở đảng, hầu hết đội sản xuất đều có đảng viên.

Có thể thấy, từ năm 1966 đến năm 1968, nông nghiệp của huyện có bước tiến mới, diện tích ruộng nước được mở rộng. Đi đôi với trồng lúa, diện tích hoa màu đã tăng lên, do đó về lương thực vùng cao được giải quyết tốt hơn. Chăn nuôi phát triển mạnh hơn hẳn vùng thấp. Cây công nghiệp được mở rộng và phát triển các loại cây phù hợp điều kiện đặc điểm của vùng cao. Nghề rừng ở một số xã và HTX được quan tâm cả về tu bổ và khai thác. Trên cơ sở đó, phong trào HTX của vùng cao vừa qua được củng cố và phát triển mạnh. Sản phẩm hàng hóa đóng nghĩa vụ cho nhà nước hàng năm tăng nhanh. Mặt khác, hoạt động của ngành thương nghiệp, giao thông, văn hóa xã hội, bảo vệ trị an được tăng cường ở nông thôn. Các cơ sở phúc lợi công

cộng như trường học, trạm xá... được xây dựng và củng cố. Nhờ đó, đời sống quần chúng được cải thiện theo hướng định canh, định cư, xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa.

Mặc dầu thời tiết không thuận lợi, sâu bệnh thường xảy ra, chiến tranh phá hoại của địch diễn ra ác liệt trong tỉnh, gây rất nhiều khó khăn trở ngại, nhưng phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp trong huyện vẫn tiếp tục được phát triển vững chắc, giành được những thắng lợi to lớn và toàn diện. Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp hàng năm tăng, lúa và hoa màu được đẩy mạnh. Diện tích cây công nghiệp nhất là cây công nghiệp thực phẩm được mở rộng, chăn nuôi và nghề rừng phát triển, công tác định canh, định cư của vùng cao có nhiều tiến bộ rõ rệt. Tuy điều kiện chiến tranh và thiên tai, nhưng việc thực hiện phương hướng thâm canh, phong trào thi đua dành 5 tấn thóc/1 ha đang trở thành hiện thực trên đồng ruộng ở vùng thấp và có nhiều điều kiện thực hiện dứt điểm định canh, định cư ở vùng cao. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp nói chung và HTX nói riêng được tăng cường một bước. Phong trào hợp tác hóa được củng cố và phát triển về mọi mặt, tỏ rõ tính hơn hẳn của con đường sản xuất tập thể. Những thắng lợi đó đã mở ra nhiều khả năng và nhân tố mới trong sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, toàn diện và vững chắc hơn. Thắng lợi đó là thắng lợi về chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế trong tình hình mới, thắng lợi của đường lối phát triển nông nghiệp và phương hướng thâm canh do Trung ương Đảng đề ra; là thắng lợi của cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp; là thắng lợi của việc củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn. Thắng lợi đó còn biểu hiện ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của cán bộ, Đảng viên và nông dân tập thể các dân tộc trong huyện đã bền bỉ, cần cù, tự lực cánh sinh, giữ vững tinh thần cách mạng tiến công trên mặt trận sản xuất

nông nghiệp. Thắng lợi đó còn biểu hiện sự tiến bộ của các cấp các ngành trong việc tổ chức và chỉ đạo theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác hóa và phát triển sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Sự chỉ đạo chung và 4 mặt của nông nghiệp tiến bộ chậm. Phương hướng sản xuất của HTX chưa phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu. Việc quản lý sắp xếp lao động nhiều nơi chưa hợp lý, chưa chặt chẽ, năng suất lao động còn thấp. Việc nuôi trồng các loại cây, con phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương còn hạn chế. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp chưa đáp ứng với yêu cầu mọi mặt và từng bước phát triển sản xuất tiến lên theo quy mô lớn và hiện đại. Việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa chưa thật cụ thể và toàn diện. Công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế của nông nghiệp còn chậm.

Công nghiệp và thủ công nghiệp có bước phát triển. Cơ sở cơ khí công nghiệp quốc doanh của huyện được mở rộng sản xuất. Tổng giá trị sản lượng năm 1967 đạt 25.000 đồng, tăng 7 lần so với năm 1966. Trong 6 tháng đầu năm 1968, phấn đấu đạt tổng giá trị là 16.739 đồng, vượt 28% so với 6 tháng đầu năm 1967, đáp ứng nhu cầu về cày, bừa, dao, rìu và đồ mộc cho địa phương. Các cơ sở sản xuất vôi, gạch, công cụ do HTX quản lý được tiếp tục củng cố. Đến năm 1968, có 19 cơ sở vôi, 18 cơ sở gạch, 19 cơ sở sửa chữa và sản xuất công cụ thường, đáp ứng được một phần xây dựng cơ bản ở nông thôn. Ngành thủ công sản xuất thực phẩm quốc doanh được củng cố phát triển, sản xuất có tốc độ nhanh. Tổng giá trị năm 1967 đạt 160.000 đồng, tăng gần 2 lần năm 1966, đã cung cấp 35 tấn kẹo, 20 tấn đậu phụ, 3.000 lít nước chấm phục vụ tiêu dùng cho nhân dân.

Đến năm 1968, khó khăn và hạn chế của công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương là cơ sở cơ khí quốc doanh thiếu công nhân lành nghề, nhất là công nhân xẻ, rèn, công nhân người địa phương không ổn định, nguyên vật liệu thiếu thốn. Công tác quản lý kinh tế và giáo dục tư tưởng đối với công nhân còn yếu nên năng suất lao động và số ngày lao động trong tháng rất thấp, một tháng làm 18 ngày, máy móc trang bị tương đối đủ nhưng chưa hoạt động được. Những tiềm năng thủ công nghiệp của địa phương chưa được khai thác, tổ chức để phát triển. Mặt khác, một số chính sách chưa được giải quyết như lương thực, dẫn đến hạn chế việc phát triển thủ công nghiệp của địa phương. Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự giúp đỡ của các ngành phục vụ công nghiệp địa phương chưa được tăng cường; lao động trong công nghiệp chưa được bổ sung kịp thời; việc đào tạo công nhân chưa tích cực, chưa coi trọng củng cố việc kiện toàn chi bộ, công đoàn và đoàn thanh niên lao động trong xí nghiệp công nghiệp.

Công tác giao thông vận tải từ năm 1966 đến 1968 đạt nhiều kết quả tích cực. Làm mới và mở rộng được 58 km đường, phát và tu sửa 121 km. Nhiều HTX có phong trào làm đường giao thông, nhất là Võ Lao, Sung Lảng, Minh Lương. Đối với vùng cao, trong năm 1967 đã tiến hành mở rộng và làm mới đường Chiềng Ken, Nậm Tha, Nậm Xây, Nậm Xé. Đi đôi với phát triển giao thông, huyện đã củng cố 28 đội ngựa thồ, gồm 458 con. Trong đó có 5 tổ chuyên trách, trang bị hơn 50 xe ổ bi Trung Quốc, đồng thời phát triển xe thô sơ khác, góp phần tích cực lưu thông hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống.

Công tác bưu điện, truyền thanh, tiếp tục củng cố và chuyển hướng phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm của địa phương. Đảm bảo kế hoạch sản lượng, năm 1967 so với năm 1966 đạt 156,43%, trong đó bưu phẩm đi đạt 101% kế hoạch, điện báo 100%, phát hành báo chí 123% kế hoạch, so với năm 1966 đạt 145%. Trong

6 tháng đầu năm 1968, mặc dầu gặp nhiều khó khăn, thời tiết diễn ra phức tạp nhưng công tác bưu điện đã có cố gắng đảm bảo tổng giá trị sản lượng 9.096 đồng bằng 126% kế hoạch. Chất lượng phục vụ được nâng cao. Các trạm bưu chính xã được củng cố, đường dây hoạt động mở rộng. Xây dựng được 2 hệ thống truyền thanh, vô tuyến được đảm bảo. Tuy nhiên, công tác giao thông và bưu điện cũng còn một số khuyết điểm: chưa dự trữ tốt vật tư, nguyên liệu. Vấn đề quy hoạch đường giao thông của huyện với lâm trường chưa có sự kết hợp chặt chẽ. Việc đầu tư vốn vào phát triển giao thông nông thôn và đường trục chính của huyện làm còn rụt rè. Năng suất lao động thấp, phong trào làm đường nông thôn trong các xã và HTX chưa đều và chưa mạnh. Phương tiện vận chuyển ít. Chất lượng đường dây của bưu điện từ huyện xuống xã còn kém, bị mất liên lạc thường xuyên. Việc chấp hành thể lệ thư tín, chuyên môn chưa nghiêm chỉnh, nên còn nhiều sơ hở trong công tác bảo vệ tài liệu và bí mật của Nhà nước.

Công tác lương thực đảm bảo kế hoạch huy động nghĩa vụ cho Nhà nước. Công tác quản lý phân phối trong khu vực cơ quan chặt chẽ. Tuy nhiên, trong công tác lương thực còn lãng phí. Khâu quản lý và phân phối của ngành lương thực có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

Hoạt động của ngành thương nghiệp tiếp tục giành được thắng lợi mới. Tổng giá trị thu mua năm 1967 đạt 150.000 đồng, so với năm 1966 tăng 5,6%, một số chỉ tiêu chính đạt và vượt kế hoạch, như lợn hơi, gà, vịt, đỗ tương. Tổng giá trị hàng hóa bán ra năm 1967 đạt 1.330.000 đồng, tăng hơn năm 1966 25%. Gia công, tự sản xuất có nhiều cố gắng, đáp ứng một phần lớn hậu cần tại chỗ như bánh kẹo, đậu phụ, nước chấm, nón lá... với tổng giá trị là 165.000 đồng, so với năm 1966 tăng 65%. Trong 6 tháng đầu năm 1968, nhiệm vụ mua vào đạt 26.593 đồng,

tổng trị giá bán ra đạt 81,2%, gia công tự sản xuất đạt 98,8% kế hoạch. Mạng lưới HTX được tiếp tục củng cố phát triển, đến năm 1968, có 13 cửa hàng. Hàng hóa dự trữ khá, phương thức phân phối được cải tiến; đi sâu, đi sát cơ sở hơn để nắm nguồn hàng và khai thác thu mua. Do cố gắng trên, ngành thương nghiệp đã góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất, tăng sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp, nâng cao sức mua và cải thiện đời sống nhân dân, đóng góp tích cực cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Công tác tài chính, năm 1967 thu được 44.826 đồng, tổng chi là 228.956 đồng. 6 tháng đầu năm 1968, tổng thu đạt 72,8% kế hoạch, tổng chi đạt 100% kế hoạch. Ngành ngân hàng có tiến bộ đáng kể trong công tác thu chi và vận động tiết kiệm xã hội chủ nghĩa. Năm 1967 thực hiện kế hoạch thu đạt 1.635.000 đồng, chi đạt 112% kế hoạch. Đáng chú ý là công tác vận động tiết kiệm có tiến bộ rõ rệt, cả năm đạt 112% kế hoạch, bình quân số dư tiết kiệm đạt 9,4 đồng một đầu người, so với năm 1966 tăng 5,2đ/người. Công tác cho vay các ngành quốc doanh và đầu tư vốn để phát triển sản xuất nông nghiệp có tiến bộ, quỹ tín dụng nông thôn được củng cố. Sự cố gắng của ngành ngân hàng góp phần tích cực vào việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp, củng cố phong trào hợp tác xã. Tuy vậy, quá trình hoạt động của ngành tài chính, thương nghiệp còn khuyết điểm, chủ yếu là: Việc phân phối sản phẩm còn chậm. Việc quản lý chưa chặt chẽ nên giá cả thực phẩm một số vùng tăng cao...

Đi đôi với việc lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng văn hóa và tư tưởng. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI đề ra nhiệm vụ giáo dục, văn hóa, thể thao: Đẩy mạnh hơn nữa để tạo điều kiện thúc đẩy cuộc cách mạng kỹ thuật trong sản xuất và củng cố quốc

phòng; đặt công tác bổ túc văn hoá lên hàng đầu, quyết tâm thanh toán nạn mù chữ ở vùng thấp và vùng cao. Hoàn thành việc xây dựng trường thanh niên dân tộc. Giáo dục phổ thông phải nắm vững phương châm "Thầy tìm trò, trường tìm dân, quy mô nhỏ, phân tán, kín đáo, phòng không tốt, Nhà nước và nhân dân phối hợp"; đảm bảo kế hoạch phổ cập vỡ lòng, củng cố, phát triển cấp I và cấp II một cách chắc chắn. Tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy, nội dung chương trình gắn với yêu cầu thực tiễn, phù hợp với địa phương. Tích cực đào tạo thêm giáo viên, nhất là giáo viên dân tộc Mán, Mèo. Công tác thông tin đi sát hơn nữa nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, xuống sâu cơ sở, nhất là đối với vùng cao. Phải xây dựng và củng cố hệ thống văn hoá, thông tin từ huyện tới xã, HTX và đẩy mạnh hoạt động đi vào nền nếp. Phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng các hình thức: Sách báo, điện ảnh, văn hoá dân tộc, thông tin truyền thanh, khẩu hiệu v.v... nhằm đáp ứng kịp thời sự nghiệp chống Mỹ cứu nước hiện nay. Ngành y tế tập trung vào sự nghiệp phòng bệnh và cấp cứu bệnh nhân, chủ động phòng chống chiến tranh vi trùng và chất độc hoá học của địch. Công tác phòng bệnh cần coi trọng giải quyết các khâu ăn ở, nước uống, phân rác và chuồng trại gia súc; coi trọng công tác chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em; bảo vệ sức khoẻ cán bộ, công nhân; tiếp tục công tác tuyên truyền công tác sinh đẻ có kế hoạch; tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, thể dục thể thao; củng cố những cơ sở có phong trào cũ; mở rộng và phát triển phong trào trọng tâm như chạy, bơi, bắn, võ, thể dục vệ sinh và rèn luyện thân thể; kiện toàn tổ chức thể dục thể thao từ huyện tới xã để có bộ môn chuyên trách chăm lo công tác này[1].

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, công tác giáo dục đã có nhiều tiến bộ. Về bổ túc văn hóa, toàn

[1] Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (9/1966).

huyện có 50 lớp cấp I, 1 lớp cấp II với số học sinh là 438 người. Giáo dục phổ thông được nâng cao hơn cả số lượng và chất lượng. Bình quân năm 1967 mỗi xã có 2 trường cấp I, toàn huyện có 33 trường cấp I với 1.249 học sinh, 4 trường cấp II với 133 học sinh. So với năm 1966, trường cấp I tăng 14%, học sinh tăng 97%; cấp 2 học sinh tăng 30%, về tốt nghiệp cấp I tăng 26%, cấp 2 tăng 66%, vỡ lòng có 51 lớp và 1.034 học sinh, mẫu giáo có 5 lớp và 32 cháu. Ngoài ra, các trường tập trung như Thanh niên dân tộc, Bổ túc văn hóa vẫn được duy trì và củng cố. Sang 6 tháng đầu năm 1968, công tác giáo dục vẫn phát triển bình thường ở bốn ngành học, bổ túc văn hóa ở cơ quan bước đầu đã tổ chức thực hiện.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh có nhiều đổi mới trong nông thôn, mạng lưới y tế được mở rộng xuống các xã và HTX, chất lượng phong trào được nâng cao hơn. Đến năm 1968, toàn huyện có 15 trạm xá, 84 giường bệnh và 254 cán bộ y sỹ, y tá vệ sinh viên, nữ hộ sinh hoạt động ở cơ sở. So với năm 1967, trạm xá tăng 25%, tổ y tế tăng 5%, giường bệnh tăng 6%. Các công trình vệ sinh phòng bệnh được mở rộng, xây dựng nhiều hơn trước, hố xí gia đình có 1.201 cái, tăng gấp đôi năm 1967, có 470 giếng nước được sử dụng, vận động 1.543 hộ rời chuồng gia súc xa nhà. Công tác chữa bệnh, tiêm phòng tả, lao, chủng đậu, bại liệt cho trẻ em... đều đảm bảo kế hoạch. Việc triển khai học tập và thực hiện phòng chống chiến tranh vi trùng và chất độc hóa học được tiến hành nhanh gọn và chủ động.

Công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền được củng cố và phát triển. Đội chiếu bóng đã đi sâu, đi sát cơ sở phục vụ quần chúng, phục vụ sản xuất, đảm bảo tổng doanh thu đạt 81% kế hoạch. Công tác thông tin tuyên truyền được kiện toàn từ huyện đến xã. Đến năm 1968, có 100% số xã thành lập ban thông tin, đã trang bị 15 đài và loa tay làm phương tiện hoạt

động. Công tác tuyên truyền, phát thanh, kẻ khẩu hiệu, phát hành sách báo đã có nhiều tiến bộ. Năm 1968, các ngành văn hóa thông tin tập trung phục vụ nhiệm vụ sản xuất đông xuân, vận động quần chúng thực hiện kế hoạch Nhà nước, vận động bầu cử hội đồng nhân dân tỉnh, động viên tuyên truyền phục vụ cho 2 đợt tuyển binh đầu năm và phục vụ cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Riêng chiếu bóng, 6 tháng đầu năm 1968, vượt 7% tổng doanh thu và vượt 14% số lần chiếu, trên 80% số xã trong huyện được xem chiếu bóng. Nội dung phim ảnh, các hình thức tuyên truyền đã thiết thực phục vụ cho sản xuất và chiến đấu của địa phương.

Những kết quả trên lĩnh vực văn hóa, thông tin góp phần thiết thực nâng cao giác ngộ về tư tưởng, hiểu biết khoa học kỹ thuật của quần chúng nhân dân các dân tộc trước tình hình và nhiệm vụ mới; bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân địa phương trong điều kiện thời chiến.

Tuy nhiên, công tác văn hóa và tư tưởng chưa tiến kịp yêu cầu nhiệm vụ chính trị vừa sản xuất vừa chiến đấu. Trong công tác lãnh đạo phát triển sự nghiệp giáo dục, các cấp ủy đảng và ngành giáo dục còn coi nhẹ thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, giáo dục vỡ lòng không phát triển. Đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất dạy học còn thiếu, giáo dục chưa toàn diện. Nội dung chương trình giảng dạy chưa được gắn kết với phương hướng lâu dài của toàn Đảng bộ. Chất lượng giáo dục không đều. Công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng nhiều trường còn yếu. Cơ sở kỹ thuật điều trị của các trạm xá xã chưa được tăng cường. Chính sách đối với cán bộ y tế xã nhiều nơi chưa thực hiện đúng đắn. Hoạt động của ngành văn hóa văn nghệ, thông tin tuyên truyền chưa được sôi nổi, liên tục và các hình thức phát thanh, kẻ khẩu hiệu còn nghèo nàn, nội dung tuyên truyền chưa thiết thực phục vụ cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cũng được Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo và đạt kết quả cao. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện và xã đầu năm 1967, tiến hành có kết quả, đảm bảo tỷ lệ cơ cấu, phản ánh được yêu cầu tăng cường lực lượng chuyên chính. Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, vai trò của chính quyền dân chủ nhân dân huyện, xã được nâng lên một bước, lực lượng nữ, tuổi trẻ trực tiếp sản xuất được tăng cường trong chính quyền, nhất là xã, thành phần dân tộc và đường lối giai cấp được đảm bảo.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân, một số ủy viên Ủy ban hành chính huyện và xã được bồi dưỡng. Cán bộ nữ và tuổi trẻ được bổ sung, hoạt động hăng hái, nhiệt tình, nhìn chung sự điều hành của Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân xã, huyện có nhiều tiến bộ hơn trước. Hai xã mới (Hòa Mạc, Sơn Thủy) thành lập được tạo điều kiện thuận lợi trong củng cố và xây dựng nông thôn mới. Công tác kiểm sát và xét xử đảm bảo sự tôn trọng quyền dân chủ của quần chúng, đảm bảo chấp hành đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về sản xuất và chiến đấu trong tình hình mới.

Đi đôi với xây dựng phát triển kinh tế, chúng ta rất coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và sẵn sàng chiến đấu và trách nhiệm của địa phương đối với yêu cầu của tiền tuyến. Trong 4 năm chống Mỹ cứu nước, mặc dầu địch leo thang phá hoại miền Bắc, nhưng Văn Bàn nói chung không phải là trọng điểm phòng không. Trong năm 1965-1967, máy bay địch bay 581 lần, trong đó có 148 lần ban đêm, 10 lần nghi là do thám, 10 lần chúng bắn phá xuống địa phương, có vụ gây thiệt hại về cầu và chết người (Chiềng Ken). Trước âm mưu mở rộng và tăng cường chiến tranh phá hoại của địch, công tác phòng không nhân dân được thường xuyên coi trọng. Các bản tập trung đông

dân từ 40-50 hộ trở lên kết hợp với quy hoạch nông thôn chuyển sang sơ tán ở theo đội sản xuất như xã Võ Lao, Mường Chăn, Làng Giàng, Minh Lương... Các công trường, lâm trường, các cơ quan xí nghiệp nói chung ở phân tán và kín đáo. Tổng số hầm hào toàn huyện có 5.073 cái, bình quân vùng thấp mỗi hộ có 1,5 hầm. Cơ quan, nơi công cộng như trường học, bệnh viện đã có đủ hầm. Các hệ thống gác máy bay, báo động thường trực thường xuyên. Việc theo dõi máy bay ban đêm và vùng trọng điểm có khả năng địch hoạt động biệt kích vẫn được tăng cường, củng cố, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phòng không nhân dân có tiến bộ hơn.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được coi trọng cả số và chất lượng. Năm 1967, tổng số lượng dân quân du kích có 1.901 người, chiếm 10% so với dân số. Đảng viên chiếm 83%, đoàn viên 43,83% và phụ nữ 20%, tỷ lệ tự vệ đạt 60%, huấn luyện cán bộ xã đội đạt 69%; triển khai huấn luyện dân quân du kích cho 100% số xã. Các lĩnh vực khác như trinh sát, công binh, liên lạc... cũng được kiện toàn củng cố và huấn luyện theo chương trình của quân khu và tỉnh đội. Công tác tuyển binh đảm bảo kế hoạch, lực lượng thanh niên đến tuổi nghĩa vụ quân sự được khám sức khỏe, bổ sung lực lượng cho đơn vị Ninh Thuận, đảm bảo 100%. Đi đôi với sẵn sàng chiến đấu, vai trò của dân quân du kích được phát huy trên mặt trận sản xuất, nhất là phong trào làm thủy lợi, phân bón, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước.

Tuy vậy, nhiệm vụ công tác quân sự còn khuyết điểm. Chất lượng công tác phòng không chưa cao, hầm hố sụt lở nhiều chưa được sửa chữa, chưa đảm bảo bình quân mỗi người có 1 hầm, kỹ thuật đào hầm chưa tốt, chưa thuận tiện cho việc phòng tránh ở nhà và lao động ngoài đường. Hệ thống báo động thường trực chưa nghiêm ngặt, chặt chẽ, có nơi thất thường. Công tác trực

chiến còn yếu, tư tưởng chỉ huy coi nhẹ, thiếu quyết tâm và kiên trì đánh trả địch. Số lượng huấn luyện bồi dưỡng không đạt kế hoạch, chất lượng huấn luyện chung có tiến bộ, nhưng chất lượng giáo dục chính trị còn thấp. Tư tưởng cách mạng tiến công quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược thể hiện trong sản xuất và chiến đấu của dân quân chưa cao. Kế hoạch tuyển quân đạt nhưng đảo ngũ cao, chiếm tỷ lệ tới 40% tổng số bổ sung trong năm.

Công tác bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích đã tích cực và chủ động. Quần chúng tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Công tác giữ gìn an ninh ngoài xã hội và cơ quan có kết quả tốt. Công tác bảo vệ cơ quan, bảo vệ kinh tế được chú trọng hơn. Các cơ quan đều tiến hành học tập xây dựng cơ quan an toàn. Những vi phạm khác như trộm cắp, buôn lậu, tham ô, hủ hóa và hiếp dâm vẫn xảy ra nhưng không nghiêm trọng. Mặt khác, thông qua những công tác trên, tổ chức công an, bảo vệ trị an ở cơ sở được củng cố và tăng cường hơn.

Tuy nhiên, công tác điều tra nắm tình hình chưa toàn diện. Công tác bảo vệ kinh tế chống tham ô, lãng phí trong sản xuất ở các HTX hạn chế, việc bảo vệ tài sản của Nhà nước chưa kiên quyết. Một số vấn đề xã hội như tự sát, trộm cắp và những hủ tục do chế độ cũ để lại chưa có biện pháp tích cực ngăn ngừa. Vấn đề dân chủ về kinh tế trong nội bộ các HTX chưa thực hiện tốt.

Trong những năm 1966-1968, công tác mặt trận của các cấp ủy đảng nhất là ở cơ sở phát huy chức năng của mình trong giai đoạn cách mạng mới, tổ chức cơ sở mặt trận được củng cố thêm một bước. Đến năm 1967, toàn huyện có 1.287 phụ lão, đã thu hút vào tổ chức, các xã đều có đảng ủy, chi ủy, đảng viên phụ trách, huấn luyện và bồi dưỡng cho cán bộ mặt trận và phổ biến Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam; tổ chức

phụ lão tham gia Bạch đầu quân, vận động 750 phụ lão tham gia sản xuất với tập thể HTX, như trồng cây, bảo vệ rừng, làm phân bón. Có 563 phụ lão đạt 250 ngày công trở lên. Đã chú ý giáo dục, cải tạo mo, then, những phần tử bóc lột. Đấu tranh bài trừ những phong tục tập quán lạc hậu như lãng phí trong ma chay, cưới xin, bài trừ mê tín dị đoan. Phối hợp các đoàn thể vận động phong trào thi đua "Ba giỏi", động viên tầng lớp nhân dân các dân tộc tăng cường đoàn kết, hăng hái sản xuất và đóng góp vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Trong 6 tháng đầu năm 1968, lực lượng phụ lão tiếp tục được phát huy trong sản xuất, chăm sóc đồng ruộng vụ chiêm, khai hoang, định canh định cư ở vùng cao. Đã tổ chức vườn ươm trồng 12.000 cây ăn quả, 52.000 cây công nghiệp. Đợt động viên chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" đã vận động các thành viên mặt trận và đông đảo quần chúng thực hiện tiết kiệm lương thực, thực phẩm; tổ chức giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình bộ đội; đồng thời làm nhiệm vụ động viên con cháu tham gia tòng quân. Nhờ vậy lực lượng phụ lão góp phần tích cực giành thắng lợi trong thời gian qua.

Công tác thanh vận, thông qua phong trào "Ba sẵn sàng", thực hiện "Cánh đồng 5 tấn" có chuyển biến đi vào chiều sâu. Trong sản xuất, Đoàn Thanh niên coi trọng hướng dẫn thanh niên tìm hiểu và ứng dụngcách mạng khoa học kỹ thuật, phục vụ phương hướng sản xuất của địa phương. Kết quả có 848 gia đình đoàn viên có đủ 3 chuồng 4 hố; thanh niên đã làm cho HTX, 361 nhà vệ sinh, 60 giếng nước, 378 hố phân, 1.763 tấn phân, 73.611 mét khối thủy lợi; có 33 phân đoàn và 256 đoàn viên nhận cắm biển chăm sóc đồng ruộng. Lực lượng thanh niên tham gia phục vụ chiến đấu cũng có nhiều tiến bộ, trên 90% thanh niên tham gia dân quân tự vệ, 752 đoàn viên tham gia ghi tên tòng quân, 100% đi khám sức khỏe, đào trên 700 hầm cho HTX và

gia đình. Thông qua thực hiện nhiệm vụ chung của Đảng, đã chú trọng công tác củng cố phát triển đoàn viên và đẩy mạnh việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên đạt kết quả. Giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho 2.427 thanh niên. Hình thức giáo dục tư tưởng rất phong phú, thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng trong thanh niên. Công tác phát triển đoàn viên mới được tiến hành thường xuyên. Đến năm 1967, tổng số đoàn viên thanh niên lao động là 1.519 người, bằng 76% so với thanh niên, tăng 1,8% so với năm 1966. Việc xây dựng theo yêu cầu 4 tốt được coi trọng. Toàn huyện có 93 chi đoàn, có 49,4% phân chi đoàn và 43% đoàn viên đạt yêu cầu 4 tốt. Sang năm 1968, lực lượng thanh niên vẫn được tiếp tục phát huy vai trò của mình qua các đợt thi đua "Vì miền Nam quyết tâm giành một đông xuân đại thắng". Cuộc vận động chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" và "Chiến dịch thủy lợi Đắk Tô" phong trào dũng sĩ 5 tấn, cánh đồng 5 tấn trong thanh niên đã và đang được mở rộng và đem lại kết quả tốt.

Công tác thiếu niên nhi đồng đã được quan tâm củng cố và phát triển, đến nay có 35 đoàn viên chuyên trách phụ trách thiếu niên nhi đồng xã. Phong trào thi đua 5 điều Bác Hồ dạy ở nhà trường và trong tổ chức đội, đoàn được thực hiện tốt.

Chấp hành Nghị quyết số 152-153 của Trung ương và Nghị quyết 31 của Hội nghị Chính phủ về công tác nữ, phong trào phụ nữ đã có những tiến bộ và đóng góp tích cực cho nhiệm vụ củng cố HTX phát triển sản xuất. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã có 144 người, nữ ủy viên có 31 người, trong đó 13 phó chủ tịch; ở huyện có 12 nữ hội đồng, 2 đồng chí là ủy viên, trong đó có 1 phó chủ tịch. Cuộc vận động quản lý HTX có 212 nữ tham gia ban quản trị, 141 nữ tham gia ban chỉ huy đội. Trên mặt trận sản xuất, lực lượng phụ nữ các dân tộc giữ vai trò đáng kể. Đến năm 1967, toàn huyện có 420 tổ cấy với 2.200 chị em tham

gia, nhiều nơi cấy đúng kỹ thuật; có trên 3.000 chị em tham gia sản xuất nông nghiệp tích cực, trong đó có 1.446 chị em cày bừa như nam giới. Nhiều đội thủy lợi, phân bón (nhất là thủy lợi) hầu hết là nữ, như xã Võ Lao. Phụ nữ góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất, thực hiện thâm canh trong nông nghiệp. Đi đôi với sản xuất, trong chiến tranh có 245 chị em tham gia dân quân. Nhiều chị em tích cực tham gia luyện tập quân sự, động viên chồng con tham gia nhập ngũ. Ngoài ra, công tác phúc lợi của phụ nữ, vấn đề bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em cũng có nhiều tiến bộ, nhà trẻ, nhóm trẻ với trường lớp mẫu giáo được xây dựng, củng cố tốt hơn trước.

Lực lượng phụ nữ trong 6 tháng đầu năm 1968 vẫn tiếp tục được phát huy, phong trào "Ba đảm đang" được đẩy mạnh hơn. Những cố gắng đó đã động viên tinh thần yêu nước, lao động sáng tạo, hăng hái thực hiện nhiệm vụ của phụ nữ trong giai đoạn cách mạng mới.

Năm 1968, Huyện ủy tổ chức nghiên cứu học tập Nghị quyết số 167 của Trung ương về tăng cường công tác công vận. Sau khi học tập ở huyện, các cấp, các ngành kịp thời triển khai sâu rộng xuống cơ sở. Qua đợt học tập này, tổ chức công đoàn đã được củng cố, tăng cường ở tất cả các ngành, thúc đẩy khí thế thi đua trong các cơ quan, lâm trường lên một bước mới. Công tác đời sống cũng được chú ý về phúc lợi, nhà ăn tập thể, giếng nước, nhà tắm, cải thiện sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên trong thời chiến. Mặt khác, công đoàn cũng chú ý hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi để cải thiện đời sống.

Tuy nhiên, công tác vận động các đoàn thể quần chúng còn những hạn chế. Công tác dân vận chưa được chú trọng; việc vận động dân tộc vùng cao thực hiện định canh định cư chưa quan tâm đầy đủ; phong trào "Thi đua 3 giỏi" trong giới phụ lão chưa

mạnh và đều. Đối với thanh niên, phong trào xây dựng Cánh đồng 5 tấn, ruộng tăng sản, chưa sâu rộng, tỷ lệ cán bộ đoàn viên tham gia còn thấp. Tinh thần cách mạng tiến công vào khoa học kỹ thuật nông nghiệp của lực lượng thanh niên chưa mạnh, chưa sôi nổi và liên tục. Cấp ủy đảng và ban chấp hành thanh niên các cấp chưa làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho thanh niên sẵn sàng nhập ngũ; còn dè dặt trong việc tuyển dụng và đề bạt cán bộ nữ, nhất là nữ địa phương. Tư tưởng tự ti trong phụ nữ còn nặng nề, hoạt động của phụ nữ ở vùng cao tiến bộ chậm. Tổ chức công đoàn ở một số cơ quan chưa được củng cố tốt, hoạt động không đều. Đến nay còn một số cơ quan chưa thành lập công đoàn. Các chế độ chính sách đối với cán bộ, công nhân, một số đơn vị chưa chấp hành đầy đủ.

Đi đôi với thực hiện nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, Đảng bộ huyện coi trọng công tác xây dựng Đảng. Cuộc vận động xây dựng chi bộ "Bốn tốt" và huyện ủy "Bốn tốt" được coi trọng, chỉ đạo thực hiện mang lại nhiều kết quả. Các cấp các ngành có chuyển biến về nhận thức, thấy được vị trí quan trọng của cấp huyện và cơ sở, bước đầu quyết tâm chỉ đạo cuộc vận động. Đến năm 1967, cơ sở Đảng ở nông thôn có 53% đạt yêu cầu 4 tốt. 20% đạt loại khá, 27% đạt loại trung bình, tổ Đảng có 46 tổ 4 tốt, 42 tổ khá, 15 tổ trung bình, không còn chi bộ, Đảng và tổ Đảng yếu kém.

Đối với cuộc vận động xây dựng "Huyện ủy 4 tốt", Huyện ủy tiến hành kiểm điểm tìm ra điểm còn yếu của phong trào, xác định rõ trách nhiệm và vị trí của mình, bổ sung phương hướng, phấn đấu. Tập trung khắc phục những mặt yếu của phong trào; củng cố cơ sở; coi trọng sửa đổi lề lối làm việc; phân công trách nhiệm giữa huyện ủy, ủy ban và các ngành. Các đồng chí cấp ủy viên tăng cường đi sát cơ sở, chú trọng tổng kết và xây dựng điển

hình, thực hiện chỉ đạo dứt điểm... do đó đã đưa phong trào toàn huyện tiến lên những bước mới, toàn diện hơn.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được chú trọng, tăng cường. Chương trình huấn luyện Đảng của Trung ương theo ba bài chính trị cơ bản thực hiện đạt kết quả tốt, đảm bảo 95% đảng viên tham gia học tập. Việc giáo dục thời sự được chú trọng hơn, cuộc vận động thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1967, đợt "Báo công, lập công chống Mỹ cứu nước" và phê bình đảng viên ngoài quần chúng, cải tiến quản lý HTX được chỉ đạo thực hiện chặt chẽ.

Các cuộc vận động sinh hoạt chính trị đã nâng cao và củng cố lập trường, quan điểm giai cấp, ý chí cách mạng tiến công và tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của cán bộ, đảng viên; tăng cường liên hệ giữa chi bộ, đảng viên với quần chúng. Những nơi làm tốt đã thúc đẩy phong trào tiến lên mạnh mẽ, Đảng bộ được củng cố, lựa chọn được nhiều đối tượng cảm tình kết nạp Đảng.

Thông qua những cuộc vận động sinh hoạt chính trị, tư tưởng và thực hiện nhiệm vụ trung tâm của địa phương, các Đảng bộ trong năm 1966-1968, đã lựa chọn kết nạp vào Đảng 202 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên từ 611 đồng chí chiếm tỷ lệ 3,39% năm 1965, lên 833 đồng chí, chiếm tỷ lệ 4,3% năm 1968 so với dân số toàn huyện. Đường lối giai cấp trong công tác phát triển Đảng được coi trọng, thành phần cơ bản bần nông, trung nông dưới chiếm 63%, trung nông 37%, nữ 12,7%, tuổi trẻ 42%. Toàn Đảng bộ chú ý đúng mực việc phát triển đảng viên trong các dân tộc: Dao, Mông và nơi cơ sở Đảng còn yếu.

Trong việc củng cố xây dựng Đảng, Đảng bộ chăm lo củng cố tổ chức cơ sở Đảng làm trọng tâm, nhất là cơ sở Đảng ở nông thôn. Thông qua Đại hội Đảng cơ sở, cuộc bầu cử Hội đồng nhân

dân huyện, xã và cuộc vận động cải tiến quản lý HTX đã kiện toàn, sắp xếp, tăng cường đội ngũ cán bộ, nhất là việc cắm cốt cán ở cơ sở. Tổng số chi ủy viên, Đảng ủy viên có 162 đồng chí, trong đó bần nông và trung nông dưới chiếm 59%, trung nông 41%, mạnh dạn đưa ra một số người yếu kém về năng lực và đạo đức; số lượng đảng viên trẻ trong chi ủy, Đảng ủy đạt 33%. Đồng thời đã thành lập 5 Đảng ủy cơ sở, làm cho tổ chức của Đảng phù hợp với tổ chức lao động sản xuất ở cơ sở. Qua cải tiến quản lý HTX và kiện toàn cấp ủy ở cơ sở, chúng ta coi trọng tăng cường bổ sung lực lượng đảng viên, đoàn viên tham gia lãnh đạo HTX. Cán bộ Ban quản trị HTX 89% là thành phần cơ bản, đảng viên chiếm 58%, đoàn viên chiếm 31%, phụ nữ chiếm 12%. Ban chỉ huy đội bần nông, trung nông dưới 68%, đảng viên 46%, đoàn viên 37%, nữ chiếm 20%. Nhìn chung, các cơ sở được kiện toàn đều có chuyển biến. Ở một số nơi cắm cốt cán, lực lượng trẻ được tăng cường nên phong trào chuyển biến khá mạnh, như Khánh Yên Thượng, Minh Lương. Những nơi trước đây yếu, nay đang cố gắng vươn lên như Chiềng Ken, chi bộ Én (Khánh Yên Hạ).

Kết hợp với các đợt kiện toàn củng cố tổ chức trong thời gian qua, chúng ta có nhiều cố gắng trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Ở huyện đã tuyển bổ sung 32 cán bộ, đề bạt 21 cán bộ, gồm ủy viên, phó chủ tịch và trưởng phó phòng các ngành. Một số đồng chí thường vụ huyện ủy và huyện ủy viên đi học lớp bồi dưỡng trường Đảng khu Việt Bắc. Về công tác chuyên môn, ở cơ sở có 58 người đi học lớp chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật từ 3 tháng trở lên, 26 chi ủy viên được bồi dưỡng ngắn về nghiệp vụ quản lý kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

Công tác kiểm tra dân chủ kỷ luật có nhiều tiến bộ hơn trước. Đảng bộ tiến hành kiểm tra một vụ mất đoàn kết nội bộ, xét 7 thư khiếu tố; thi hành kỷ luật 15 đảng viên.

Năm 1968, toàn huyện có 33 Đảng bộ thì 19 Đảng bộ đạt tiêu chuẩn 4 tốt chiếm 57%, có 14 Đảng bộ khá chiếm 43%. Ở nông thôn có 98 tổ Đảng, có 33 tổ Đảng đạt 4 tốt, 47 tổ khá, 17 tổ trung bình, chỉ có 1 tổ Đảng kém. Tính đến tháng 6/1968, toàn huyện có 960 đảng viên, có 395 đảng viên 4 tốt, 295 đảng viên khá, 22 đảng viên trung bình, số đảng viên kém còn 41, chiếm 4,2% so với tổng số đảng viên.

Bên cạnh kết quả trên, công tác xây dựng Đảng cũng còn những thiếu sót. Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ và chi bộ 4 tốt chưa đều và một số mặt chưa sâu. Các vấn đề xây dựng tổ Đảng 4 tốt, phân công đảng viên theo ba định và phê bình đảng viên ngoài quần chúng làm chưa sâu rộng. Có nơi chất lượng phong trào kém. Việc kết hợp báo công, lập công chống Mỹ cứu nước với phê bình đảng viên ngoài quần chúng nhiều nơi chưa chặt chẽ. Cuộc vận động xây dựng "Huyện ủy 4 tốt" tuy có nhiều cố gắng nhưng một số mặt còn yếu. Phương hướng phấn đấu một số nội dung chưa cụ thể. Các cấp ủy viên tiến bộ chưa đồng đều. Vấn đề phân công theo khối, chia cụm và phụ trách giúp đỡ xã trong cấp ủy viên còn có điểm chưa hợp lý. Lề lối làm việc giữa huyện ủy, ủy ban cải tiến chưa mạnh. Vấn đề nâng cao trình độ lý luận chính trị và tư tưởng, nhất là trình độ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật trong huyện ủy chưa quan tâm đúng mức. Do đó chưa phát huy cao độ tính sáng tạo và chủ động của tập thể huyện ủy, nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sản xuất và chiến đấu hiện nay. Công tác phát triển Đảng đối với thanh niên, phụ nữ còn hạn chế. Vấn đề kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức đối với các ngành, các ban ở huyện chưa được coi trọng. Các ban tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra Đảng hầu như chưa được kiện toàn. Một số ngành chuyên môn khác bổ sung được rất ít. Chưa coi trọng việc đào tạo, tuyển dụng cán bộ người địa phương. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ trước mắt và lâu dài sau

này, cả số và chất lượng còn thấp, nhất trong nông nghiệp, chăn nuôi, thủy lợi, kiến trúc. Việc nắm và quản lý cán bộ nói chung, nhất là cán bộ công nghiệp kỹ thuật của các ngành, các cấp và của Ban tổ chức còn yếu. Công tác giáo dục đảng viên, tổ chức học tập theo chương trình huấn luyện của trường Đảng triển khai còn chậm, chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng chưa cao.

Trước âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện kịp thời lãnh đạo chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo đảm an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3/1965), lần thứ 12 (tháng 12/1965) và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy Yên Bái về nhiệm vụ chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, nâng cao tinh thần cảnh giác, xác định quyết tâm cho cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc ra sức phát triển kinh tế xã hội và đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Đồng thời, Đảng bộ xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuyển mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ thời bình sang thời chiến, xây dựng phương án phòng không nhân dân và các phương án tổ chức sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống quân địch nhảy dù, chống các hình thức chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch... Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự và chính sách hậu phương quân đội.

Thực hiện kế hoạch chuyển mọi hoạt động kinh tế - xã hội từ thời bình sang thời chiến và phương án phòng không nhân dân, các cơ quan xí nghiệp đã sơ tán, tổ chức cất giấu những tài sản quý, những tài liệu quan trọng. Các ngành lương thực, thương nghiệp tổ chức quầy lưu động, thay đổi giờ bán hàng của các cửa hàng để nhân dân tiện việc đi lại mua bán. Để tránh mật độ tập trung đông, các bệnh viện, trường học được chuyển đến các địa

điểm an toàn, kín đáo. Các cơ quan và các hộ gia đình tích cực thực hiện đào hầm trú ẩn tránh máy bay, bình quân mỗi hộ gia đình có một hầm trú ẩn chắc chắn. Địa điểm sơ tán của các cơ quan và mọi sinh hoạt của cán bộ, nhân dân được nhanh chóng ổn định. Do đó, nhiệm vụ sản xuất và học tập vẫn tiến triển tốt, không bị trở ngại, gián đoạn.

Để chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, Đảng bộ huyện chú ý xây dựng và củng cố toàn diện hệ thống đài quan sát, trận địa bắn máy bay khi chúng xâm nhập vùng trời địa phương. Trọng điểm là các khu vực Minh Lương, Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Võ Lao và trung tâm huyện lỵ. Một số đơn vị dân quân tự vệ như dân quân xã Dương Quỳ, tự vệ khối cơ quan được trang bị súng 12 ly 7 và được huấn luyện sử dụng thành thạo. Các đơn vị tham gia trực chiến 24/24 giờ trong ngày. Huyện còn tổ chức các đội phòng cháy, chữa cháy, các đội phòng và chống vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng, các đội cứu sập hầm, cứu tải thương ở các cơ quan công trường, xí nghiệp và các làng xã đông dân. Một đội công binh ở bến phà Tân An, một đội công binh phụ trách đường từ huyện (Làng Coóc - Khánh Yên Thượng) đi Bảo Hà. Về thông tin liên lạc, ngoài một máy vô tuyến điện giữ liên lạc thường xuyên với tỉnh, huyện giao cho ngành bưu điện bảo đảm đường dây điện thoại từ huyện đến các cơ quan. Tổ chức đường dây và 2 đội liên lạc (chủ yếu là đi bộ) từ huyện đi Bảo Hà và từ huyện đi các xã. Các đơn vị này đều được huấn luyện về nghiệp vụ và diễn tập báo động khẩn cấp với những tình huống khác nhau. Qua tổng kết đợt diễn tập ở Dương Quỳ, huyện rút ra được những ưu điểm, khuyết điểm, từ lãnh đạo chỉ đạo đến tổ chức thực hiện của các đơn vị đồng thời kịp thời phổ biến kinh nghiệm cho các đơn vị, địa phương khác trong huyện. Vì vậy đã nâng cao một bước năng lực lãnh đạo, ý

thức trách nhiệm và tinh thần sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc.

Trong cuộc chiến tránh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965-1968), đế quốc Mỹ đánh phá tỉnh Yên Bài từ ngày 9-7/1965. Chúng điên cuồng oanh kích các mục tiêu như trung tâm thị xã, trường học, bệnh viện, nhà ga, đường sắt, cầu phà và các công sở. Với vị trí đặc biệt, tuyến đường huyết mạch vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, khí tài từ nước ngoài viện trợ Việt Nam; các thiết bị, máy móc xây dựng Nhà máy thủy điện Thác Bà đều qua ga Yên Bái, do đó nơi này là một trong những mục tiêu hủy diệt của chúng, nhằm gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của.

Đối với huyện Văn Bàn, trong 2 năm 1965-1966, máy bay giặc Mỹ hoạt động trên không phận huyện 581 lần thành từng tốp, trong đó có 148 lần vào ban đêm, nhiều lần ta nghi chúng bay do thám. Chúng thả 16 quả bom xuống xã Dương Quỳ, 8 quả bom xuống khu vực cầu Chiềng Ken và bắn phá ở khu vực rừng chuối xã Sơn Thuỷ. Do ta đã có phương án chủ động phòng chống, bắn trả máy bay giặc Mỹ nên những lần chúng đến ném bom bắn phá, sự thiệt hại của ta không đáng kể.

Bị thất bại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, ta bắn rơi 3.243 máy bay phản lực, trong đó có cả máy bay chiến lược B52 và máy bay cánh cụp cánh xoè F111. Tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của chúng ở miền Nam cũng đang đi vào ngõ cụt. Ngày 31/3/1968, Mỹ buộc phải tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc. Ngày 1/11/1968, Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá miền Bắc.

Cục diện chiến tranh trên chiến trường miền Nam ngày càng thay đổi. Đế quốc Mỹ và tay sai liên tiếp thất bại nặng nề và ngày càng lún sâu vào thế bị động. Năm 1972 đế quốc Mỹ đã huy động một số lượng lớn máy bay B52 được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại nhất, tập trung đánh phá miền Bắc nước ta. Trọng điểm là các thành phố lớn Hà Nội và Hải Phòng, với mục tiêu "Biến miền Bắc Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá". Tháng 1/1973, Chính phủ Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc và ký Hiệp định Paris về Việt Nam, rút toàn bộ quân đội Mỹ về nước.

Ở Văn Bàn, trong các thời kỳ máy bay giặc Mỹ đánh phá ác liệt hay chúng ngừng hoạt động, công tác phòng thủ sẵn sàng chiến đấu vẫn được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo. Huyện thường xuyên bổ sung hoàn chỉnh các phương án phòng chống chiến tranh phá hoại của địch. Phương án đánh địch khi chúng liều lĩnh đổ quân xuống, mở rộng chiến tranh cục bộ. Các cụm chiến đấu liên hoàn được thành lập. Các xã, các cơ quan đều có phương án tác chiến. Hàng năm, huyện đều tổ chức kiểm tra các cụm, các đơn vị về công tác tu sửa và làm mới các hầm hào của tập thể và cá nhân, các đài quan sát máy bay, các trận địa bắn máy bay địch. Năm 1971, huyện tổ chức diễn tập cho dân quân tự vệ 4 lần ở toàn huyện và 1 lần ở cụm Minh Lương. Các cuộc diễn tập này đều đạt kết quả tốt.

Để xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang vững mạnh, Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kết hợp với các đợt sinh hoạt chính trị và các cuộc vận động lớn. Huyện xây dựng, kiện toàn tổ chức, nâng cao số lượng và chất lượng dân quân tự vệ. Tính đến cuối năm 1971, lực lượng dân quân tự vệ huyện Văn Bàn có 1.968 người, chiếm 12,36% dân số toàn huyện, trong đó nữ có 20%, các ban chỉ huy xã đội và tự vệ cơ quan đều có cấp uỷ viên phụ trách. Trong dân quân tự vệ có 83%

số đảng viên và 44% số đoàn viên của huyện tham gia. Công tác bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện chiến sĩ hàng năm sớm được triển khai, bảo đảm chương trình cho 100% số xã và trên 80% số đơn vị. Lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn được tỉnh công nhận là một trong những đơn vị huấn luyện giỏi của tỉnh Yên Bái.

Trong các đợt thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, do làm tốt công tác chính trị tư tưởng nên công tác động viên tuyển quân được nhân dân các dân tộc nhiệt tình hưởng ứng. Huyện chủ động từ khâu khám sức khoẻ đến khâu xét duyệt, bảo đảm tiêu chuẩn và đúng chính sách của Đảng và Nhà nước. Các đợt giao quân tại huyện đều đủ số lượng bảo đảm chất lượng và đúng thời gian quy định. Tính từ năm 1965-1973, số thanh niên của Văn Bàn lên đường nhập ngũ là 904 người, số vào chiến trường B có 263 người và sang chiến trường C có 64 người.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đáp lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ đã tự nguyện hi sinh tất cả cho độc lập tự do của Tổ quốc. Với truyền thống vinh quang đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bảo vệ miền Bắc và chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhân dân trong huyện tự giác chấp nhận mọi sự hy sinh gian khổ, ra sức lao động sản xuất xây dựng và củng cố hợp tác xã, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ địa phương, đồng thời tích cực đóng góp sức người, sức của với mức cố gắng nhất cho yêu cầu cách mạng ở cả hai miền Nam, Bắc. Hàng năm, nhân dân trong huyện đóng góp cho Nhà nước hàng ngàn tấn lương thực, hàng trăm tấn thực phẩm và đảm bảo giao quân cho tiền tuyến. Dù chiến đấu tại miền Bắc hoặc tại các chiến trường miền Nam, chiến trường Lào, cán bộ chiến sĩ quê hương Văn Bàn luôn luôn thể hiện tinh thần dũng cảm, hy sinh vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Tính đến năm 1973, ở Văn Bàn có 184 liệt sĩ và 81 thương binh. Tổng

kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cán bộ chiến sĩ trong huyện đã được tặng thưởng 1.216 huân chương và huy chương các loại, trong đó có 121 Huân chương hạng Nhất, 232 Huân chương hạng Nhì, 499 Huân chương hạng Ba, 220 Huy chương hạng Nhất và 144 Huy chương hạng Nhì.

Từ năm 1965-1968, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã giành được những thắng lợi to lớn và căn bản. Trên mặt trận sản xuất, mặc dù có nhiều khó khăn do thiên nhiên và chiến tranh gây ra, nhưng kinh tế địa phương vẫn được tiếp tục phát triển, quan hệ sản xuất mới vẫn được củng cố, cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được tăng cường. Nhất là cuộc vận động cải tiến quản lý HTX, phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp được phát triển vững chắc, giành được thắng lợi toàn diện. Công tác tài chính thương nghiệp và phân phối lương thực, thực phẩm có nhiều tiến bộ. Các ngành kinh tế khác cũng đạt được nhiều kết quả. Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, công nghiệp và sản phẩm hàng hóa tăng hàng năm. Nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an được tăng cường và phát triển. Hoàn thành kế hoạch tuyển binh, bổ sung quân số, lực lượng dân quân được tăng cường, phong trào trật tự trị an được giữ vững; góp phần tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ hậu phương, đáp ứng một phần chi viện cho tiền tuyến lớn. Trên cơ sở sản xuất phát triển, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước trên các mặt đều hoàn thành và làm khá hơn những năm trước, chính sách huy động đảm bảo thực hiện đúng đắn. Đời sống quần chúng nhân dân các dân tộc nói chung đã được cải thiện ở cả vùng cao và vùng thấp, kể cả trong khu vực cơ quan, nông thôn, việc sinh hoạt, ăn ở, học hành... đều có tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, nhất là qua cuộc báo công lập công, phê bình đảng viên ngoài quần chúng, cải tiến quản

lý HTX, công tác củng cố cơ sở Đảng về mặt tư tưởng, tổ chức và chính trị được nâng cao.

Tuy vậy, trong sản xuất và phát triển kinh tế địa phương còn những nhược điểm và thiếu sót. Phương hướng phấn đấu đạt 5 tấn/ha ở vùng thấp và thực hiện định canh vùng cao còn yếu, biện pháp chưa cụ thể. Chất lượng chăn nuôi kém, số lượng tăng chậm, có ngành hụt kế hoạch (chăn nuôi lợn). Việc phát triển cây công nghiệp còn phân tán không tập trung. Phương hướng trồng rừng và bảo vệ rừng chưa tốt. Công nghiệp địa phương chưa được củng cố và phát triển mạnh để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thương nghiệp chưa chú trọng củng cố phong trào HTX mua bán và tăng cường công tác thu mua thực phẩm. Các ngành giao thông, bưu điện phục vụ cho nông nghiệp còn yếu, lao động thiếu, kế hoạch sản xuất chưa sát, chưa phát huy hết khả năng và điều kiện của địa phương trong sản xuất và công tác. Chất lượng phong trào dân quân còn thấp, bảo vệ trị an chưa cao, yêu cầu về giáo dục chính trị, tư tưởng chưa sâu, ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược chưa mạnh, tỷ lệ đảo ngũ còn cao. Thực hiện nghĩa vụ cho Nhà nước một số mặt chưa tốt, một số nơi chưa hoàn thành nhiệm vụ về lương thực, thực phẩm; chưa đảm bảo kế hoạch nhân lực phục vụ cho công tác giao thông thủy lợi.

Công tác vận động quần chúng và tổ chức đời sống quần chúng còn nhiều nhược điểm. Công tác đoàn thể quần chúng chưa mạnh, chưa bảo đảm nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Thực hiện quyền dân chủ đối với quần chúng chưa tốt, nhất là dân chủ về kinh tế. Công tác xây dựng Đảng tiến bộ chậm, chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương hiện nay, công tác tổ chức chuyển biến còn chậm, tư tưởng cách mạng tiến công của Đảng bộ chưa cao, chưa mạnh mẽ.

Từ năm 1965-1968, Huyện ủy dựa vào Nghị quyết số 136 của Trung ương, căn cứ vào đặc điểm của địa phương, Huyện ủy xác định rõ vị trí, nhiệm vụ, phương hướng phấn đấu của Huyện ủy và toàn Đảng bộ; xác định phương hướng sản xuất và phương hướng phấn đấu cho từng ngành. Những chủ trương biện pháp của Huyện ủy đề ra trong tình hình thời chiến và thực hiện nhiệm vụ trung tâm của địa phương nói chung là đúng đắn, chắc chắn và vững vàng. Huyện ủy coi trọng công tác xây dựng và tổng kết điển hình, kết hợp tổ chức tham quan thực tế để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm, tăng cường trọng điểm, bước đầu thực hiện phương hướng chỉ đạo dứt điểm từng khâu, từng mặt cơ bản. Sự chỉ đạo của Huyện ủy kiên quyết, nội bộ đoàn kết nhất trí, các đồng chí huyện ủy viên đều tích cực, lề lối làm việc đã được cải tiến, sâu sát hơn.

Trong lãnh đạo, Đảng bộ còn những hạn chế nhất định. Việc chỉ đạo thâm canh sản xuất nông nghiệp giành 5 tấn/ha và phương hướng phấn đấu chưa cao, biện pháp chưa cụ thể. Chưa phát huy vai trò lãnh đạo tập thể, tư tưởng chỉ đạo chưa quyết tâm cao và thiếu toàn diện, lĩnh vực chăn nuôi và cây công nghiệp phát triển chưa mạnh. Phát triển công nghiệp địa phương chưa được coi trọng đúng mức. Chỉ đạo sự nghiệp cách mạng văn hóa và tư tưởng chưa chặt chẽ. Vấn đề tổ chức đời sống quần chúng chưa thực hiện tích cực, tình trạng tham ô, lãng phí, thủ tục phiền hà, vẫn còn xảy ra nặng nề, chưa phát huy quyền làm chủ của quần chúng. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng chưa thường xuyên. Công tác chỉ đạo xây dựng điển hình chưa toàn diện, công tác tổng kết chưa chú trọng việc nhân điển hình và mở rộng còn yếu, thực hiện dứt điểm chưa mạnh. Tư tưởng cách mạng tiến công của huyện ủy chưa cao, chất lượng các huyện ủy viên chưa đồng đều, tinh thần trách nhiệm chưa

cao. Lề lối làm việc của huyện ủy cải tiến chưa mạnh. Phấn đấu xây dựng huyện ủy 4 tốt còn thấp, tổng kết năm 1967 mới có 61% huyện ủy viên 4 tốt, 11% huyện ủy viên khá, còn 28% huyện ủy viên trung bình.

Trong những năm 1968-1972, Đảng bộ lãnh đạo khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, chống lại hoạt động phá hoại của đế quốc Mỹ.

Năm 1968, quân và dân miền Nam đã liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn, vang dội cả nước và trên thế giới. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta chuyển sang một tình thế mới rất thuận lợi. Với khí thế thừa thắng xông lên, quân dân cả nước đã bước vào giai đoạn tổng tiến công mở đầu giành thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Vì vậy, miền Bắc ra sức lao động sản xuất, tích cực động viên lực lượng trong toàn Đảng, toàn dân, phát huy mọi thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, bất kỳ tình huống nào cũng đảm bảo kịp thời chi viện cho miền Nam chiến đấu, ở mức cao nhất, theo tinh thần "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ đã chấm dứt. Đây là một trong những thất bại nặng nềvề chiến lược của đế quốc Mỹ, đồng thời là thắng lợi lớn của quân và dân ta. Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, công cuộc cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc vẫn được duy trì, chính trị, an ninh, quốc phòng vững mạnh, kinh tế ổn định, chi viện cho cho cách mạng miền Nam ngày càng tăng. Dẫu phải chịu nhiều hy sinh, mất mát, song nhân dân cả nước nói chung và Văn Bàn nói riêng vẫn giữ vững quyết tâm, tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh giữ vững nền độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Trong 3 năm (1966-1968), dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ Yên Bái, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Văn Bàn đã giành được thắng lợi trên mọi lĩnh vực. Trên mặt trận sản xuất, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai địch hoạ gây nên, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển tương đối toàn diện. Tổng sản lượng nông lâm nghiệp bình quân hàng năm tăng 34%, chăn nuôi và trồng trọt tăng 22%, công nghiệp địa phương tăng gấp 7 lần so với năm trước. Nhờ sản xuất nông nghiệp phát triển nên đời sống quần chúng được cải thiện một bước về ăn ở, học tập và bảo vệ sức khoẻ. Đi đôi với phát triển kinh tế, công tác củng cố quốc phòng, trật tự trị an được đảm bảo, công tác phòng không và phòng không nhân dân được giữ vững. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, công tác xây dựng Đảng được thường xuyên coi trọng. Đảng được xây dựng và củng cố cả về tổ chức và tư tưởng. Đến nay các Đảng bộ tuy mức độ đạt "Bốn tốt" khác nhau nhưng cũng trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 10 đến ngày 14/10/1968, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ VII diễn ra. Tham dự Đại hội có 112 đồng chí (03 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu cử Ban Chấp hành khóa mới gồm 25 đồng chí trong đó có 02 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 7 đồng chí. Đồng chí Phạm Văn San được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Trên cơ sở đánh giá tình hình cụ thể, Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ VII (10/1968) đề ra phương hướng chung của huyện: "Phải nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, ra sức tăng cường công tác quốc phòng, trị an; tăng cường lực lượng vũ trang, thực hiện quốc phòng toàn dân, giữ vững trật tự an ninh địa phương; đối phó có hiệu quả với chiến tranh phá hoại của địch, với mức độ ác liệt hơn. Đồng thời phải

ra sức giữ vững và phát triển sản xuất, làm chuyển biến tốt các mặt lưu thông, phân phối, vận tải, đảm bảo đời sống nhân dân; góp phần tích cực bảo vệ và tăng cường lực lượng miền Bắc, tăng cường chi viện cho miền Nam, đảm bảo kháng chiến thắng lợi. Chúng ta thực hiện nhiệm vụ trên trong điều kiện chiến tranh phá hoại của địch ngày càng ác liệt, yêu cầu phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống ngày càng cao. Phát huy khí thế cách mạng tiến công, yêu cầu sự chỉ đạo của các cấp, các ngành (nhất là ở xã) phải rất tích cực, cơ động, chủ động và sáng tạo; dự kiến tích cực các tình huống bất trắc về thiên tai địch họa gây ra, để có hướng phấn đấu cho đúng đắn và phù hợp thời gian theo thời vụ sản xuất; tập trung lãnh đạo toàn diện nhằm đảm bảo phương hướng, nhiệm vụ cả năm với yêu cầu cao nhất.

Theo phương hướng trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ trên các lĩnh vực:

1. Ra sức phát triển sản xuất, thực hiện tiết kiệm để đảm bảo cho chiến đấu và chiến thắng. Lấy trọng tâm là sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc hơn nữa, theo phương hướng thâm canh tăng năng suất, nhằm giải quyết tốt lương thực, thực phẩm. Quyết giành 5 tấn thóc 1 ha vùng trọng điểm lúa và dứt điểm định canh, định cư vùng cao. Trước mắt phải nỗ lực phấn đấu thực hiện vụ mùa thắng lợi. Tích cực củng cố và phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương. Tăng cường giao thông vận tải, tăng cường quản lý lao động, thực hiện tiết kiệm nhân tài vật lực. Làm tốt công tác tài chính thương nghiệp, đảm bảo nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước với yêu cầu cao. Thực hiện đúng khâu lưu thông phân phối, nhằm phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống.

2. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là nâng cao trình độ quản lý; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật; tăng cường lực lượng kinh tế

tập thể HTX nông nghiệp; thực hiện kiểm tra xác định phương hướng sản xuất của HTX cụ thể; xác lập quan hệ sở hữu giữa tập thể và xã viên về tư liệu sản xuất cho rõ ràng và đúng đắn; xây dựng quy hoạch và kế hoạch trước mắt và lâu dài; tiến hành quản lý tốt lao động, sản xuất, tài vụ; ngăn chặn kinh tế phụ gia đình xã viên phát triển không đúng hướng, đúng chính sách; tập trung chỉ đạo tốt vùng cao, trước mắt là đẩy mạnh khai hoang ruộng bậc thang, mở rộng diện tích ruộng nước, nhằm phục vụ định canh, định cư chắc chắn.

3. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, phải hết sức coi trọng phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế và thể dục thể thao.

4. Tích cực đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, vừa phục vụ cho yêu cầu trước mắt vừa chuẩn bị lâu dài.

5. Tăng cường công tác quốc phòng, phòng không nhân dân và giữ gìn trật tự an ninh.

6. Ra sức tăng cường công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ 4 tốt và huyện ủy 4 tốt[1].

Trước yêu cầu nhiệm vụ to lớn, nặng nề, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 19 của Trung ương, Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và nghị quyết của Tỉnh uỷ, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ VIII diễn ra từ ngày 21 đến ngày 24/01/1972. Tham dự Đại hội có 83 đồng chí (02 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu cử BCH khóa mới gồm 23 đồng chí trong đó có 02 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 7 đồng chí. Đồng chí Phạm Văn San được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

[1] Báo cáo của Ban Chấp hành huyện Đảng bộ tại Đại hội Đảng toàn huyện lần thứ VII, ngày 10/8/1968.

Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ VIII, quán triệt Nghị quyết 19 của Bộ Chính trị và chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ, đề ra phương hướng nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện, đi đôi với thâm canh quy vùng kinh tế, quy hoạch sản xuất. Mạnh dạn làm ăn lớn, nhập và thực hiện giống mới, tăng cường làm phân bón và thuỷ lợi để giải quyết bằng được vấn đề lương thực, thực phẩm, nâng cao bình quân mức ăn đầu người 20kg/tháng. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước, có kế hoạch phát triển bò thịt, xây dựng cơ sở bò giống, lợn và các cơ sở chăn nuôi khác, nhanh chóng đưa chăn nuôi lên thành ngành chính. Quy vùng trồng cây công nghiệp, tập trung và phát triển nghề rừng, kiên quyết bảo vệ, chống phá rừng. Công tác đời sống và công tác khác đều có hướng và mức phấn đấu cụ thể. Đại hội đã chú trọng công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp và công tác xây dựng Đảng, ra nghị quyết không cho cán bộ đảng viên làm lúa ngô riêng lẻ, thực hiện 3 quản, 3 khoán cho tốt. Xác định nghĩa vụ học tập cho cán bộ, đảng viên. Làm tốt công tác giáo dục nâng cao trình độ, thực hiện phân công đảng viên theo nhiệm vụ cụ thể, tập trung vào chỉ đạo sản xuất phân bón. Có hướng phấn đấu cho các ngành và cơ sở cả về tư tưởng và tổ chức, nhằm hoàn thành xuất sắc phương hướng nhiệm vụ chính trị trong năm 1972[(1)].

Từ năm 1968-1972, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, VIII, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân địa phương xây dựng và phát triển kinh tế phù hợp với hoàn cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh.

Đảng bộ huyện có nhiều cố gắng trong việc lãnh đạo xây dựng và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Đối với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ chú

[(1)] Quyết tâm thư của Đại hội đại biểu huyện Văn Bàn lần thứ VIII (24/1/1972).

ý vận động các hộ nông dân còn làm ăn riêng lẻ theo con đường làm ăn tập thể. Đồng thời có những chủ trương, biện pháp chỉ đạo các hợp tác xã không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực và các loại cây công nghiệp; phát triển chăn nuôi và nghề rừng nhằm ngày càng tăng thêm thu nhập cho hợp tác xã và xã viên, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đảng bộ xác định chỉ có đảm bảo mức thu nhập của hợp tác xã và các hộ xã viên, các xã viên mới thực sự gắn bó với hợp tác xã, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp mới phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Để củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, huyện đặc biệt quan tâm nâng cao trình độ quản lý của các hợp tác xã, kể cả quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý tài vụ, bảo đảm các khâu tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức phân phối. Hàng năm, huyện đều cử một số cán bộ ban quản trị, cán bộ đội sản xuất và cán bộ kế toán hợp tác xã đi học tập, bồi dưỡng về các công tác quản lý, công tác kế toán. Huyện còn chú ý đào tạo các cán bộ khoa học kỹ thuật của các hợp tác xã. Chỉ tính riêng trong 3 năm từ 1968-1971, huyện đào tạo, bồi dưỡng cho các hợp tác xã 9 cán bộ trung cấp, 15 cán bộ sơ cấp trồng trọt và chăn nuôi, 27 cán bộ kỹ thuật cơ khí nhỏ và 30 cán bộ quản lý kinh tế. Phòng Nông nghiệp huyện được Trung ương và tỉnh bổ sung cán bộ khoa học kỹ thuật, có 6 kỹ sư và 8 cán bộ trung cấp thường xuyên giúp huyện chỉ đạo sản xuất nông lâm nghiệp.

Cùng với việc nâng cao năng lực quản lý, năng lực kế toán của các cán bộ hợp tác xã, huyện tăng cường công tác giáo dục nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng xã viên. Đồng thời chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện mở rộng dân chủ các khâu quản lý, điều hành của ban quản trị hợp tác xã. Qua các cuộc vận động học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa Điều

lệ Hợp tác xã nông nghiệp vào hợp tác xã (1962-1970). Các cuộc vận động dân chủ, vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật..., tinh thần tích cực của xã viên được phát động, ý thức làm chủ tập thể được nâng cao. Những cán bộ hợp tác xã năng lực quá yếu hoặc tham ô, vay nợ, lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã đều bị các xã viên phát hiện, phê phán hoặc đưa ra khỏi ban quản trị và buộc phải giao nộp lại. Trong 3 năm từ 1968-1971, các hợp tác xã trong huyện đã thu hồi được hầu hết số ruộng đất và trên 54.000 đồng bị cán bộ xã viên chiếm dụng và nợ của tập thể. Hàng năm, các hợp tác xã đều tiến hành đại hội xã viên nhằm tổng kết công tác sản xuất và dân chủ bầu cử ban quản trị, tăng cường cán bộ có chất lượng. Năm 1971, qua dân chủ bầu cử, các ban quản trị hợp tác xã trong huyện đã có 54% số cán bộ ở đội sản xuất và 32% số ủy viên ban quản trị là đảng viên.

Đảng bộ huyện coi trọng việc chỉ đạo từng vùng, từng hợp tác xã, xác định phương hướng sản xuất đúng đắn. Huyện đã cho tiến hành điều tra khảo sát nắm vững các đặc điểm về đất đai, khí hậu, thời tiết, khả năng lao động và trình độ năng lực quản lý của cán bộ ở từng vùng, từng hợp tác xã để đưa các loại cây trồng nào, loại con gia súc chăn nuôi nào cho năng suất cao, có giá trị kinh tế lớn cho phù hợp. Trên cơ sở đó, huyện đã xây dựng quy hoạch phân vùng kinh tế, qua thí điểm, đã xác định được phương hướng sản xuất một cách khoa học, chỉ ra được các loại cây trồng, gia súc chủ yếu cho từng vùng, từng hợp tác xã. Từ năm 1971, huyện phân loại hợp tác xã và định mức năng suất phấn đấu sát hơn trước, có biện pháp chỉ đạo tập trung vào từng khâu, từng đợt sản xuất.

Phong trào hợp tác hóa trong huyện phát triển khá vững chắc, ngày càng thu hút được đông đảo quần chúng nông dân tham gia. Năm 1971 chỉ còn 21 hộ làm ăn riêng lẻ trong đó có 16 hộ không có lao động và 5 hộ không đủ tiêu chuẩn. Theo chiều hướng chung, huyện đã hợp nhất các hợp tác xã quy mô nhỏ

thành các hợp tác xã quy mô lớn. Năm 1971 tuy có thêm 85 hộ nông dân tham gia, huyện có 43 hợp tác xã nhưng quy mô lớn nên trình độ năng lực quản lý của cán bộ ban quản trị một số hợp tác xã không vươn kịp, lại bị thiên tai gây thiệt hại, năng suất và sản lượng của hợp tác xã bị sút kém, ảnh hưởng đến thu nhập của tập thể và xã viên. Phong trào hợp tác xã trong huyện năm 1972 giảm nhưng không có hợp tác xã nào tan vỡ hoặc hoạt động không có nội dung.

Năm 1972, tiếp tục thực hiện giao ước kết nghĩa Văn Bàn (Yên Bái) với Xuân Thủy (Hà Nam), huyện tiếp nhận 127 hộ gia đình gồm 660 nhân khẩu, trong đó có 326 lao động từ Xuân Thủy lên xây dựng phát triển kinh tế - văn hóa miền núi. Được Đảng bộ, chính quyền các đoàn thể nhân dân trong địa phương nhiệt tình giúp đỡ, đồng bào miền xuôi đã sớm ổn định cuộc sống và thành lập 2 hợp tác xã mới là hợp tác xã Yên Xuân, thuộc xã Khánh Yên Thượng và Văn Thủy thuộc xã Võ Lao (nay là xã Văn Sơn). Hai hợp tác xã này khai thác được gần 20 ha, trong đó có 3,3 ha ruộng nước và 16,3 ha soi bãi trồng thâm canh ngô và màu.

Đối với vùng cao, thực hiện Nghị quyết số 38 /NQ-CP của Hội đồng Chính phủ, từ đầu năm 1969, huyện tăng cường chỉ đạo cuộc vận động định canh định cư kết hợp củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Sau khi hoàn thành công tác điều tra khảo sát, sơ bộ xác định được phương hướng sản xuất, khai thác 3 thế mạnh của nông nghiệp miền núi. Huyện thí nghiệm cuộc vận động tại xã Tân An (năm 1969), tiếp đó mở rộng ra các xã Nậm Mả, Sơn Thủy, Nậm Tha (năm 1970) và Nậm Xé, Dần Thàng (năm 1971). Để tạo thêm cơ sở vật chất cho các hợp tác xã vùng định canh định cư, huyện chỉ đạo các vùng cao kết hợp làm thủy lợi với làm đường giao thông, khai hoang ruộng nước và "hạ sơn" định cư ở địa điểm mới thuận tiện cho việc sản xuất và sinh hoạt.

Cuộc vận động định canh định cư kết hợp kinh tế hợp tác xã được nhân dân các dân tộc vùng cao tin tưởng, nhiệt tình hưởngứng, mọi công tác đề ra đều được thực hiện tốt. Nhân dân vùng cao đã khai hoang đổi đất được 26,2 ha thành ruộng nước, 34 ha nương định canh, làm được hai con đường từ Nậm Mả đi Võ Lao và từ Tân An đi Hồng Sang dài 4 km, vận động được 200 hộ chuyển về định cư ở làng bản mới.

Nhân dân các xã vùng cao tích cực thực hiện phương hướng định canh, định cư, củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất, đời sống đã dần ổn định. Đặc biệt 2 xã Tân An và Nậm Mả đã thực hiện tốt cuộc vận động, được tỉnh và huyện biểu dương, khen thưởng. Ở Tân An, hợp tác xã trước đây thuộc loại kém, thực hiện cuộc vận động, hợp tác xã quản lý chặt chẽ ruộng đất, đồi nương và lao động, tích cực phát triển sản xuất, dần dần cải thiện được đời sống xã viên, hoàn thành được nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ở Nậm Mả, nhân dân tích cực phát triển sản xuất, xây dựng làng bản mới, sinh hoạt, đi lại thuận tiện, đời sống được nâng lên rõ rệt. Được huyện tăng cường đầu tư, hai xã Tân An và Nậm Mả trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày (cây lai) kết hợp trồng đỗ tương. Tổng diện tích trồng lai tới trên 300 ha. Về đỗ tương, riêng xã Tân An trồng 36 ha, chỉ đạo trồng cây, hình thành vùng quế của huyện ở xã Nậm Tha. Đến năm 1975, diện tích trồng quế của huyện đã có hơn 100 ha, trong đó có một số diện tích bước đầu đã cho thu hoạch.

Về sản xuất lương thực (tổng sản lượng kể cả màu quy thóc), năm 1968 đạt 8.712 tấn, so với năm 1965, tăng 873 tấn. Năm 1970 đạt 8.965 tấn, so với năm 1968, tăng 253 tấn. Năm 1971 do thời tiết khắc nghiệt, mưa lũ kéo dài làm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các loại cây trồng, diện tích lúa và hoa màu so với năm 1970 tuy có giảm nhưng tính bình quân trong ba năm 1969, 1970, 1971 so với năm 1968, diện tích gieo trồng mỗi năm tăng bình quân 5,5%, bình quân lương thực đầu người mỗi năm

tăng 34 kg. Năm 1971, tuy bị mất mùa, song huyện vẫn hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ giao nộp cho nhà nước. Với tinh thần tích cực phấn đấu, năm 1975, Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn đưa tổng sản lượng lương thực (kể cả màu quy thóc) lên 9.928 tấn, so với năm 1970, tăng 936 tấn. Mức ăn bình quân nhân khẩu đạt trên 20 kg/tháng. Do đời sống được đảm bảo nên địa phương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất cây lương thực là trọng tâm của sản xuất nông nghiệp ở địa phương, Đảng bộ huyện còn chú trọng chỉ đạo phát triển mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Từ sau năm 1968, Đảng bộ huyện ngày càng nhận thức rõ cây công nghiệp dài ngày là một trong các thế mạnh, là phương hướng lâu dài của địa phương, do đó từ năm 1968 đến năm 1971, đã trồng được 1.586 ha cây công nghiệp các loại, mỗi năm vượt kế hoạch trên dưới 20%, riêng năm 1970 vượt 75% kế hoạch. Riêng cây lai đã trồng theo vùng tập trung của huyện, các đội chuyên canh trồng cây công nghiệp ở các hợp tác xã như Võ Lao, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Én Bơ...

Chăn nuôi có nhiều tiến bộ, các đàn gia súc, gia cầm đều phát triển mạnh, chăn nuôi tập thể bước đầu được mở rộng. Đàn trâu, bò bình quân mỗi năm tăng hơn 3%, có thời gian đàn trâu tăng vọt. Trong các năm 1971 đến 1972, tăng bình quân 6,1%, đàn trâu sở hữu tập thể hợp tác xã chiếm 55% đàn trâu trong huyện. Hàng năm, huyện cung cấp cho miền xuôi trên 300 trâu cày và bán cho ngành thực phẩm các con già yếu, nhưng vẫn đảm bảo được sức kéo ở địa phương.

Năm 1971, huyện kiên quyết đưa đàn bò của xã viên nuôi vào hợp tác xã quản lý, xây dựng thêm 2 cơ sở. Toàn huyện có 22 cơ sở chăn nuôi bò tập thể, gồm 6 cơ sở vùng thấp và 16 cơ sở vùng cao, nhiều cơ sở chăn nuôi có lãi. 11 cơ sở đã thanh toán hết tiền vay ngân hàng, chỉ có 11 cơ sở còn nợ vốn vay ban đầu. Có

những cơ sở chăn nuôi bò phát triển tốt như ở các xã Nậm Xây, Nậm Mả, đàn bò trong huyện thường xuyên trên dưới 1.700 con.

Đàn lợn bình quân hàng năm tăng 11%, đàn lợn chủ yếu do các gia đình xã viên nuôi. Năm 1971, huyện đã có trên 14.000 con lợn, nhưng 2 năm 1972, 1973 nạn dịch lây lan kéo dài đã gây thiệt hại hàng nghìn con ở 4 xã Minh Lương, Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ. Thiệt hại nặng nhất là ở vùng Minh Lương, một số hộ không còn lợn nuôi. Sau đó huyện cố gắng điều hòa phân phối giống nên sau 2 năm, đàn lợn trong huyện lại phát triển được trên 10.000 con.

Đàn ngựa có trên 1.000 con, phát triển quá nhiều so với nhu cầu vận chuyển. Đàn dê phát triển mạnh, có thời gian lên tới 2.000 con. Nhưng do các địa phương chưa có bãi thả, chưa tổ chức chăn dắt, dê phá hoại nhiều đến sản xuất, nên các hộ không phát triển mà mổ thịt dần.

Cùng với các đàn gia súc, đàn gia cầm ở Văn Bàn phát triển tốt, không xảy ra các vụ dịch lớn, đàn gia cầm bình quân tăng hàng năm từ 19% đến 20%.

Nghề rừng được coi trọng, đi đúng hướng và có tổ chức chặt chẽ. Hàng năm, diện tích cây trồng được mở rộng thêm, quy vùng tập trung kết hợp trồng rừng với trồng cây công nghiệp; hướng đề ra là cây lai, cây quế cho vùng Nậm Tha, một số cây lấy gỗ như xoan, mỡ, bồ đề cho vùng Sơn Thủy, Võ Lao, Nậm Dạng. Nhiều địa phương tiến hành khoanh nuôi rừng, khoanh vùng cắm biển mốc, phân ranh giới giữa đất rừng và đất nông nghiệp, giữa rừng cấm và rừng gia dụng. Việc khai thác thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được tổ chức chặt chẽ, hạn chế việc khai thác lẻ, bán chui cho tư nhân. Một số hợp tác xã quản lý tốt việc khai thác và sử dụng lâm sản theo quy định của Chính phủ. 5 xã Võ Lao, Sơn Thủy, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken đã tổ chức lao động khai thác lâm sản cung cấp nguyên liệu

cho công nghiệp, tăng thu nhập cho hợp tác xã và xã viên hàng năm trên dưới 500.000 đồng. Công tác quản lý bảo vệ rừng được chú ý. Huyện coi trọng việc tuyên truyền giáo dục cho cán bộ và nhân dân về pháp luật và chỉ thị bảo vệ rừng; tổ chức Hạt kiểm lâm nhân dân huyện, các ban lâm nghiệp, các tổ bảo vệ rừng, các đội chống cháy rừng ở các địa phương. Mặc dù còn có những mặt yếu kém nhưng nhìn chung qua 10 năm phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đã bước đầu đưa nền kinh tế nông nghiệp từ độc canh, tự cấp tự túc, phân tán trở thành nền kinh tế nông nghiệp phát triển toàn diện, phát huy được ba thế mạnh của kinh tế miền núi. Các vùng trọng điểm thâm canh lúa, vùng cây công nghiệp, vùng bảo vệ rừng và khai thác nghề rừng đã được hình thành và cho sản phẩm hàng hóa.

Về công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp trực tiếp phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, đáng kể có xí nghiệp cơ khí của huyện và các tổ nông cụ trong các hợp tác xã. Xí nghiệp cơ khí từ năm 1971 được huyện và công ty công nghiệp tỉnh tăng cường lãnh đạo, bổ sung công nhân, làm tốt công tác chính trị tư tưởng và thực hiện trả lương theo sản phẩm, tuy biên chế còn thiếu tới 24% nhưng vẫn bảo đảm các mặt hàng chủ yếu như dao phát, cày, bừa sắt, cào cỏ các loại. Giá trị tổng sản lượng hàng năm, đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch trên 10%. Mặt yếu của xínghiệp là chất lượng sản phẩm chưa cao, năng suất lao động cònthấp nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất ngày càng phát triển ở địa phương. Các tổ nông cụ trong các hợp tác xã hàng năm sản xuất được trên dưới 1.300 chiếc bừa, gần gấp 3 lần chỉ tiêu kế hoạch.

Cùng với các ngành công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp của huyện đã tích cực phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân địa phương theo chức năng của ngành.

Ngân hàng, tài chính và thương nghiệp huyện đi sâu xuống cơ sở, hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn, bồi dưỡng nghiệp vụ, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vụ tham ô, chiếm đoạt tiền của, tài sản của các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Ngân hàng huyện còn tăng cường đầu tư vốn cho các hợp tác xã nông nghiệp (vay dài hạn hàng năm 50.000 đồng, vay ngắn hạn hàng năm từ 25.000 đồng đến 30.000 đồng), để xây dựng các công trình thủy lợi, làm sân phơi, nhà kho, chuồng trại, mua sắm nông cụ cải tiến, trang bị cơ khí nhỏ... Trong các năm 1970-1971, ngân hàng bước đầu đầu tư vốn xây dựng các cơ sở chăn nuôi bò thịt, mạnh dạn cho vay vốn lưu thông phân phối, bảo đảm cho các ngành kinh tế quốc dân hoạt động. Đồng thời giúp các xã tổ chức, chỉ đạo hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn do mưa lũ thường xuyên xảy ra, gây ảnh hưởng đến giao thông vận tải, máy bay địch đánh phá, nhưng ngành thương nghiệp đã quyết tâm khắc phục, chủ động đáp ứng được nhu cầu cần thiết của sản xuất và đời sống, bảo đảm các mặt hàng quan trọng như xi măng, nông cụ và các mặt hàng chủ yếu như dầu hỏa, vải, kim chỉ, giấy viết, thuốc lào... bán cho nhân dân. Đặc biệt, trong thời kỳ mưa lũ năm 1971, giao thông vận chuyển bị ách tắc trong 4 tháng liền. Nhưng do chủ động chuẩn bị trước nên các cửa hàng trong huyện vẫn cung cấp được các mặt hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của dân. Gắn liền với nông nghiệp, ngành tư liệu sản xuất đã thực hiện được chức năng phục vụ sản xuất. Riêng từ năm 1968 đến năm 1971, tư liệu sản xuất cung cấp được 149 tấn lúa giống, 480 trâu cày, gần 300 tấn phân đạm, hơn 30 tấn thuốc trừ sâu và 16 bộ cơ khí nhỏ.

Với những thắng lợi đạt được, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện có thêm những điều kiện để tiếp tục phấn đấu vươn lên xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, bảo đảm đời sống xã hội địa phương ngày càng tốt đẹp.

Đồng thời với củng cố từng bước hoàn thiện phong trào hợp tác văn hóa và đưa khoa học kỹ thuật vào thúc đẩy sản xuất phát triển, Đảng bộ huyện không ngừng lãnh đạo các mặt công tác văn hóa - xã hội nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Văn Bàn từng bước được nâng cao về trình độ văn hóa, kiến thức khoa học và nếp sống văn minh lành mạnh.

Đảng bộ nhận thức rõ, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, trước hết cần làm cho mọi người có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tình hình nhiệm vụ chung của cả nước, của tỉnh và cụ thể của địa phương. Bằng tất cả mọi phương tiện, mọi hình thức tuyên truyền, giáo dục phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể trong từng lúc, từng nơi, vùng thấp, vùng cao, nơi tập trung dân và nơi xa xôi hẻo lánh. Đảng bộ quán triệt cho cán bộ, đảng viên và quần chúng các dân tộc nắm được tinh thần các nội dung chủ yếu của các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Trung ương và của tỉnh, đồng thời hiểu rõ phương hướng nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp cụ thể của đảng bộ và chính quyền địa phương. Trên cơ sở có nhận thức đúng đắn và đầy đủ, mọi người đều xác định được trách nhiệm của địa phương, của đơn vị và cá nhân đối với công cuộc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Để động viên khí thế cách mạng của cán bộ đảng viên và nhân dân, huyện phát động đẩy mạnh các phong trào thi đua với các nội dung cụ thể trong từng ngành, từng giới và trong các tổ chức cơ sở Đảng. Ngoài ra các phong trào "Ba sẵn sàng", "Ba đảm đang", "Quyết thắng", "Hai giỏi", "Hai tốt", "Bốn tốt"... như ở các địa phương khác, huyện Văn Bàn còn có các phong trào thi đua "Vì miền Nam ruột thịt, vì tỉnh Ninh Thuận kết nghĩa anh em", "Học tập gương anh Nguyễn Văn Trỗi" trong thanh niên, phong trào "Thi đua đạt và vượt 5 tấn thóc/ha" trong các đội sản xuất và hợp tác xã, phong trào "Thực hiện 3 sạch", "Sạch

làng ruộng tốt" trong nông thôn... Do đó, phong trào lao động sản xuất, học tập, xây dựng phong cách mới, con người mới và xã hội mới phát triển trong các ngành, các giới, các địa phương trong huyện.

Thắng lợi của công tác giáo dục tuyên truyền và động viên phong trào thi đua có phần đóng góp tích cực của ngành văn hóa thông tin. Ở Văn Bàn, mạng lưới thông tin văn hóa được củng cố và mở rộng từ huyện đến cơ sở. Các đội chiếu bóng, đội đèn chiếu đã cố gắng theo định kỳ lên phục vụ nhân dân các dân tộc vùng cao. Tính đến năm 1971, huyện mở rộng được hiệu sách nhân dân ở huyện lỵ và lập các quầy sách báo ở các trung tâm khu vực, tổ chức được 12 đội văn nghệ ở xã và 2 đội văn nghệ ở các cơ quan. Các đội này hầu hết tự diễn các bài ca, các điệu múa, vở kịch đã phục vụ thành công tại các hội nghị của huyện, biểu diễn ở cơ sở và dự hội diễn ở tỉnh, được người xem hoan nghênh. Tuy nhiên, ngành văn hóa thông tin còn một số hạn chế, nội dung tuyên truyền giáo dục còn nghèo nàn, hình thức chưa phong phú, chưa gây dựng được phong trào cải tạo phong tục tập quán lạc hậu và phong trào thể dục thể thao trong nông thôn.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, huyện vẫn cố gắng thành lập thêm trường sở, bổ sung giáo viên và vận động các gia đình cho con em đến trường lớp, đi học đều. Ngoài các trường phổ thông, huyện chú ý tổ chức các trường, lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân như trường sư phạm, trường thanh niên dân tộc. Từ năm 1968-1972, số giáo viên và số học sinh các cấp học hàng năm đều tăng. Năm 1971, huyện triển khai Nghị quyết khoa giáo của tỉnh và huyện xuống cơ sở, chỉ đạo học tập các điển hình tiên tiến về công tác giáo dục là trường Bắc Lý và xã Cẩm Bình. Huyện tập trung một số giáo viên có chất lượng, chỉ đạo hai trọng điểm là trường Khánh Yên Hạ học theo trường Bắc Lý và xã Khánh Yên Thượng học theo

mô hình trường Cẩm Bình, kết quả đã có chuyển biến. Đặc biệt từ năm học 1972-1973, huyện Văn Bàn tổ chức được một trường phổ thông cấp III, có 75 em. Tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp các năm học khá cao.

Đi đôi với công tác giáo dục nâng cao kiến thức, công tác bảo vệ sức khỏe cho các bộ và nhân dân trong huyện được tăng cường cả trong thời bình và thời chiến. Huyện tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới y tế, bao gồm các bệnh viện, bệnh xá và các tổ y tế từ huyện đến cơ sở. Công tác phòng bệnh, phòng dịch có nhiều tiến bộ. Các vụ dịch cúm, ho gà, sởi... được kịp thời phát hiện và dập tắt. Công tác khám chữa bệnh đạt kết quả tốt, giảm được tỷ lệ tử vong từ trên 1% xuống còn 0,9%. Được nhân dân tin tưởng nên số người đến khám bệnh và điều trị tại các bệnh viện, bệnh xá hàng năm tăng từ 30% đến 40%, so với năm trước. Mặc dù từng ngành trong khối văn hóa - xã hội còn những mặt yếu kém, nhưng những thắng lợi đạt được, đã có tác dụng tích cực phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của huyện.

Trong chiến tranh cũng như trong hoà bình, Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Đảng bộ huyện nhận thức rõ đây là vấn đề đạo lý của dân tộc Việt Nam, "uống nước nhớ nguồn", ghi nhớ công lao, đền ơn đáp nghĩa đối với những người đã hy sinh một phần xương máu, thậm chí hiến dâng cả tính mạng cho độc lập tự do của dân tộc, cho toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội không chỉ thể hiện tình nghĩa, động viên tinh thần và giải quyết một phần những khó khăn về đời sống vật chất của những cá nhân và gia đình thuộc diện chính sách đang ở hậu phương mà còn là nguồn động viên khích lệ to lớn đối với những cán bộ, chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu trên các chiến trường. Thông qua công tác tuyên truyền vận động của

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, Đảng bộ truyền đạt nhận thức trên đến mọi tầng lớp nhân dân. Vì vậy, việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội ở Văn Bàn luôn được quan tâm chu đáo. Những ngày tết, ngày kỷ niệm lớn, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể tổ chức viếng nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi, tặng quà các thương binh và gia đình liệt sĩ. Các chính sách khen thưởng, trợ cấp cho thương binh, gia đình liệt sĩ và các gia đình có con em đang chiến đấu trên các chiến trường được kịp thời giải quyết nhanh, gọn. Các chế độ phân phối ưu tiên cho các gia đình thuộc diện chính sách được chấp hành nghiêm chỉnh. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ chăm lo bảo vệ hạnh phúc gia đình bộ đội, ngăn chặn những hiện tượng gây tan vỡ hoặc làm rạn nứt tình cảm gia đình, tình cảm vợ chồng của các anh em trong quân ngũ, đặc biệt là của cán bộ chiến sĩ đang chiến đấu trên các chiến trường xa.

Cùng với công tác quốc phòng, công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Đồng thời với công tác xây dựng củng cố, nâng cao chất lượng của lực lượng công an nhân dân, huyện thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng tinh thần cảnh giác cho nhân dân, động viên phong trào toàn dân tham gia công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công tác giáo dục, cải tạo tập trung và cải tạo tại chỗ các đối tượng, được thực hiện. Thường xuyên, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Công tác điều tra, phá án có nhiều tiến bộ. Do trình độ chuyên môn nghiệp vụ không ngừng được nâng lên, tình hình trị an nói chung được ổn định, các vụ trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu, vi phạm pháp luật ngày càng giảm.

Các vụ điều tra, phá án đảm bảo nhanh gọn. Ở Văn Bàn, đáng kể nhất là phá vụ "Đảng thiểu số" ở xã Sơn Thuỷ, tháng 6/1970. Đây là một vụ án mang tính chính trị, âm mưu bạo loạn, lật đổ chính quyền ở huyện, song về bản chất là do tính

tự phát của một số người có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, cho rằng "người Kinh lên chiếm hết đất và ức hiếp người địa phương". Hiểu được tính chất và nguyên nhân sự việc, huyện đã cho bắt gọn và buộc số người tham gia "Đảng thiểu số" này phải kiểm điểm trước nhân dân. Riêng các tên cầm đầu, năm 1972, huyện đã bắt chúng phải cải tạo tại chỗ, không truy tố trước pháp luật, do tính chất và mức độ của vụ án chưa nghiêm trọng, không ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và đời sống xã hội ở địa phương.

Cùng với lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng bộ còn chú trọng lãnh đạo xây dựng Đảng, chính quyền dân chủ nhân dân, các tổ chức đoàn thể. Trong tình hình chiến tranh lan rộng, miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, công tác xây dựng Đảng được Trung ương điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng đáp ứng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, động viên toàn Đảng, toàn dân xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện cho tiền tuyến. Năm 1965, Bộ Chính trị mở cuộc vận động chỉnh huấn trong toàn Đảng và ngày 2/4/1965, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 94-CT/TW về công tác tư tưởng trong tình hình trước mắt nhằm nâng cao chí phấn đấu, ý thức tổ chức và kỷ luật, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng của giai cấp công nhân. Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng yêu cầu đảng bộ các cấp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng để làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong mọi tình thế đều tin tưởng vững chắc vào đường lối, chủ trương đối nội, đối ngoại của Đảng; ý chí quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược; ra sức thi đua làm tốt mọi công tác và sản xuất; tiếp tục phê phán và khắc phục những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa cá nhân và ảnh hưởng còn lại của chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Đảng bộ huyện Văn Bàn nhận thức rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng. Để tăng cường sức chiến đấu và sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ không ngừng phấn đấu xây dựng và củng cố Đảng, coi đây là nhiệm vụ mấu chốt. Đảng bộ lấy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ và thông qua các cuộc vận động quần chúng ở địa phương để xây dựng, củng cố Đảng và bồi dưỡng cán bộ đảng viên.

Cán bộ đảng viên trong huyện được giáo dục về tư tưởng, được nâng cao trình độ chính trị, xác định rõ quan điểm lập trường, bồi dưỡng tinh thần cách mạnh tiến công, ý chí quyết tâm phấn đấu, tư tưởng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể... Đồng thời cán bộ đảng viên cũng được giải quyết về căn bản những tư tưởng tiêu cực như tư tưởng tiểu nông, cá nhân chủ nghĩa, tự tư tự lợi, ngại hy sinh gian khổ, chủ quan, bảo thủ, rụt rè, trì trệ... Từng cán bộ đảng viên đã xây dựng cho mình chương trình phấn đấu thực hiện nhiệm vụ. Toàn Đảng bộ có sự thống nhất tư tưởng, thống nhất ý chí, thống nhất hành động, bảo đảm vững chắc cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tăng cường chi viện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của đồng bào miền Nam.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ huyện coi trọng công tác tổ chức làm tốt công tác phát triển Đảng và sắp xếp, bố trí lại tổ chức phù hợp với yêu cầu lãnh đạo sản xuất và công tác, kiện toàn các Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở và củng cố các ngành.

Công tác phát triển Đảng ở Văn Bàn kết hợp chặt chẽ với các cuộc vận động có nhiều tiến bộ. Phương hướng phát triển Đảng nhằm vào các đối tượng là những quần chúng ưu tú được quần chúng tín nhiệm và giới thiệu. Nguyên tắc, thủ tục phát triển

Đảng được bảo đảm. Các đối tượng kết nạp Đảng đều được qua các lớp bồi dưỡng. Do công tác phát triển Đảng tiến hành tốt, nên từ năm 1971, Văn Bàn đã thành lập thêm một số chi bộ, đảng bộ cơ sở. Số lượng đảng viên trong huyện phát triển mạnh. Năm 1971, toàn Đảng bộ có 1.033 đồng chí, trong đó có 680 đảng viên ở nông thôn.

Chấp hành Điều lệ Đảng, Đảng bộ trực tiếp chỉ đạo các đại hội đại biểu Đảng bộ cơ sở hàng năm. Trong Đại hội, thực hiện dân chủ bàn bạc, thảo luận, đánh giá đúng các thắng lợi và những thiếu sót tồn tại, xác định phương hướng nhiệm vụ. Đồng thời dân chủ bầu cử Ban Chấp hành khoá mới với yêu cầu đề ra là kiện toàn và nâng cao chất lượng cấp uỷ. Năm 1971, huyện tổ chức đại hội và dân chủ bầu cử cấp uỷ toàn bộ 35 chi đảng bộ cơ sở (17 chi đảng bộ xã và 18 chi đảng bộ cơ quan xí nghiệp), 45 chi uỷ viên và đảng uỷ viên cơ sở, trong đó 27,7% là thanh niên và 9,2% là nữ.

Được học tập và rèn luyện trong các đợt sinh hoạt chính trị, đồng thời được tôi luyện trong thực tế hành động cách mạng, chất lượng các chi đảng bộ cơ sở và đảng viên đều nâng lên rõ rệt: Trong 17 chi đảng bộ nông thôn, số đạt loại phấn đấu tốt năm 1971 là 37,88% (5/17 chi bộ). Ngoài các chi đảng bộ cơ sở còn có các đảng bộ của Đoàn địa chất 50 và Lâm trường Chiềng Ken (2 cơ quan của Trung ương và của tỉnh) sinh hoạt trực thuộc đảng bộ huyện. Hai đảng bộ cơ sở này có quan hệ tốt với địa phương, nhiệt tình giúp đỡ địa phương giải quyết khó khăn khi thời vụ khẩn trương hoặc có công việc cấp bách. Cả hai đảng bộ đều được công nhận là Đảng bộ tốt và khá.

Cùng với việc kiểm tra đôn đốc các chi đảng bộ cơ sở duy trì đều đặn chế độ sinh hoạt theo điều lệ đảng quy định, Huyện uỷ giữ vững chế độ sinh hoạt hàng tháng của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành, bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo tập thể, chế độ

phân công uỷ viên thường vụ phụ trách khối và khu vực, huyện uỷ viên phụ trách ngành và xã; thực hiện tự phê bình và phê bình nội bộ ban chấp hành 6 tháng một kỳ; tổ chức cho các chi đảng bộ cơ sở và các ngành phê bình Huyện uỷ. Do đó nội bộ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn đoàn kết nhất trí, nhiều huyện uỷ viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất tốt, đi sâu, đi sát cơ sở.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ coi trọng công tác kiểm tra dân chủ và kỷ luật. Trước khi có Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, công tác này đã được tiến hành thường xuyên và có sự kết hợp chặt chẽ giữa ba bộ phận xây dựng đảng (tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra). Thời gian này, công tác kiểm tra tập trung vào các trọng điểm, nơi có vấn đề nổi cộm. Tiến hành kiểm tra Chi bộ xã Làng Giàng, xử lý với các hình thức kỷ luật của Đảng về những vấn đề vi phạm. Công tác kiểm tra tiến hành tốt đã tăng cường tình đoàn kết nội bộ, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ đảng viên được nâng cao.

Năm 1972, thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ bước đầu làm thí điểm ở 3 cơ sở. Chi bộ Khánh Yên Hạ, chi bộ Nậm Tha và chi bộ Lương thực. Tiếp đó huyện mở rộng diện ra các chi, đảng bộ thuộc 6 xã Võ Lao, Nậm Mả, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Hoà Mạc và Dương Quỳ.

Đảng bộ huyện nhận thức chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản là công cụ chủ yếu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng đề ra, chủ yếu nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và tổ chức đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Vì vậy, Đảng bộ thường xuyên củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền địa phương từ huyện đến xã.

Đảng bộ huyện lãnh đạo thắng lợi các cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân huyện và xã theo nhiệm kỳ và sự chỉ đạo của tỉnh, bảo đảm quyền dân chủ và luật pháp quy định. Trong thành phần các uỷ viên hội đồng nhân dân ở 2 cấp, huyện đã tăng cường lực lượng nữ, tuổi trẻ, thuộc các dân tộc vùng cao và trực tiếp sản xuất. Qua các cuộc bầu cử, huyện đã kiện toàn một bước Ủy ban hành chính các xã, bổ sung số lượng và chất luợng các uỷ viên. Việc nâng cao năng lực hoạt động của chính quyền được coi trọng. Hàng năm một số uỷ viên Ủy ban hành chính và uỷ viên Hội đồng nhân dân huyện và các xã được cử đi dự các lớp bồi dưỡng, huấn luyện tại trường hành chính tỉnh và các trường lý luận, nghiệp vụ của tỉnh, của huyện. Sau các đợt vận động xây dựng "Chính quyền giỏi toàn diện", hoạt động của các uỷ ban hành chính huyện và các xã có nhiều tiến bộ. Công tác quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và tổ chức đời sống nhân dân có nhiều cố gắng. Sinh hoạt giữa uỷ ban huyện và uỷ ban các xã một tháng một kỳ. Vai trò, chức năng của chính quyền dân chủ nhân dân dần dần được đề cao. Các cấp chính quyền từng bước phát huy được hiệu lực chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chủ trương, phương hướng về sản xuất và chiến đấu, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và các mặt công tác văn hoá - xã hội khác ở địa phương.

Các cơ quan chuyên môn của chính quyền huyện và các xã dần đi vào nền nếp, làm việc theo chế độ công chức, tập trung. Các ngành toà án và kiểm sát coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật sâu rộng trong cán bộ và nhân dân địa phương. Trong việc giải quyết những vụ phạm pháp đã bảo đảm quyền dân chủ của quần chúng, bảo đảm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm đến công tác vận động và tổ chức quần chúng, củng cố kiện toàn và phát huy chức

năng các đoàn thể nhân dân nhằm phát động và đẩy mạnh các phong trào cách mạng ở địa phương. Trong hoàn cảnh từ thời bình chuyển sang thời chiến, từ thời chiến lại chuyển về thời bình, phong trào công nhân viên chức trong các công đoàn cơ quan, xí nghiệp, bệnh viện, trường học của huyện đã bước đầu đi vào chiều sâu, động viên được tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và công tác. Trong các đợt chuyển đến nơi sơ tán hoặc từ nơi sơ tán lại chuyển trở về, công đoàn cùng chính quyền và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ đã động viên cán bộ công nhân viên chức thực hiện tốt việc di chuyển máy móc, trang thiết bị, tài liệu, nhanh chóng ổn định được sản xuất và công tác. Cán bộ công nhân viên chức nhiệt tình tham gia lực lượng tự vệ, tổ chức trận địa sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác bảo mật phòng gian. Nhiều tổ chức công đoàn và công nhân viên chức đã đăng ký thi đua giành "Ba điểm cao" trong sản xuất và công tác. Từ khi học tập Nghị quyết số 167 của Ban Bí thư về công tác công đoàn, phong trào công nhân viên chức huyện Văn Bàn đã thực sự có những chuyển biến mới.

Đoàn viên thanh niên trong huyện có truyền thống cần cù lao động, sáng tạo và dũng cảm trong chiến đấu, có tinh thần cầu tiến bộ, hăng hái và nhạy cảm với những cái mới. Trong những năm chống chiến tranh phá hoại và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, phong trào thanh niên trong huyện luôn giữ vai trò đầu tàu xung kích trên các mặt trận lao động, chiến đấu và trong các lĩnh vực hoạt động xã hội. Thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên và thanh niên; tổ chức học tập Nghị quyết số 181 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác vận động thanh niên; học tập các tác phẩm "Sống như anh", "Bất khuất", gương người tốt, việc tốt; học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp,... Thông qua các phong trào "Ba sẵn sàng", thực hiện "Cánh đồng 5 tấn"...

hướng dẫn đoàn viên và thanh niên mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, thâm canh tăng vụ, định canh định cư, phát triển nghề rừng kết hợp trồng cây công nghiệp dài ngày. Qua đó, đoàn viên và thanh niên trong huyện thực sự làm nòng cốt trong tất cả các khâu sản xuất nông lâm nghiệp ở địa phương. Trong lao động sản xuất, nhiều đoàn viên và thanh niên đạt danh hiệu "Kiện tướng", "Dũng sĩ". Riêng năm 1971, đã có 115 đoàn viên là "Dũng sĩ" của huyện.

Đoàn viên thanh niên huyện Văn Bàn tích cực thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, là nòng cốt trong các lực lượng dân quân, tự vệ. Các đợt huấn luyện quân sự và các đợt tuyển quân nói chung đều đạt kết quả, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, ở một số xã có năm vẫn có tình trạng số quân nhân đảo ngũ, thanh niên chống lệnh... Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ địa phương đã tích cực vận động họ trở về đơn vị và chấp hành nghĩa vụ. Có trường hợp chính quyền xã báo cho đơn vị cưỡng chế, trả về quân ngũ.

Công tác phát triển đoàn viên mới được duy trì thường xuyên và có nhiều cố gắng. Trong 3 năm (1969 -1971), tổ chức Đoàn của huyện đã kết nạp thêm 515 đoàn viên. Tính đến năm 1971, số đoàn viên thanh niên lao động ở Văn Bàn đã chiếm 62% tổng số thanh niên trong huyện.

Công tác thiếu niên nhi đồng được đoàn thanh niên và nhà trường chăm lo tổ chức và giáo dục. Đông đảo các em đã tham gia các phong trào "Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy", "Làm kế hoạch nhỏ", "làm nghìn việc tốt"... Công tác phát triển đội viên thu nhiều kết quả. Năm 1969, huyện mới có 1.315 đội viên, đến năm 1971, đội đã phát triển tới 3.069 đội viên, trong đó có 646 em đạt danh hiệu "Cháu ngoan Bác Hồ".

Phụ nữ Văn Bàn là lực lượng to lớn và quan trọng của huyện. Lao động nữ chiếm hơn 60% lao động của các hợp tác xã.

Trong tình hình đất nước có chiến tranh, số lớn lao động nam đã tham gia quân đội, thoát ly đi công tác hoặc đi dân quân tự vệ, ngày đêm luân phiên trực chiến. Hưởng ứng phong trao "Ba đảm đang", phụ nữ đã thay thế chồng con, tăng thêm ngày công lao động tập thể và làm những công việc đồng áng trước kia do lao động nam đảm nhiệm. Nhiều chị em đạt từ 24 đến 25 ngày công trong tháng cho hợp tác xã. Số chị em biết cày và cày bừa giỏi ngày càng nhiều. Phụ nữ trong huyện còn là lực lượng quan trọng trong việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật như làm phân bón, làm thuỷ lợi, cấy đúng kỹ thuật, v.v... Ngoài ra, chị em còn phục vụ tốt cho công tác tuyển quân và chính sách hậu phương quân đội.

Phong trào phụ nữ và tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ từ huyện đến cơ sở ngày càng được củng cố và phát triển, nhất là khi có Nghị quyết 152 và 153 của Ban Bí thư Trung ương về công tác vận động phụ nữ và công tác cán bộ nữ. Số hội viên đã chiếm tới trên 90% tổng số phụ nữ trong huyện. Hàng nghìn chị em đạt danh hiệu "Ba đảm đang". Số chị em tham gia các ban quản trị, đội trưởng, đội phó sản xuất và tham gia các cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền từ xã đến huyện ngày càng đông đảo. Điều đó chứng tỏ tinh thần và khả năng cách mạng của chị em phụ nữ rất to lớn. Tinh thần và khả năng đó cần được chăm lo bồi dưỡng và phát huy.

Cùng với các tổ chức thành viên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã có những hoạt động đáng kể. Từ những năm còn chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, cả 17 xã trong huyện đã có ban mặt trận do một cấp uỷ viên phụ trách. Các trưởng, phó ban mặt trận xã đều được bồi dưỡng về chính trị và chức trách nhiệm vụ công tác. Năm 1972, huyện tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc, kiện toàn công tác mặt trận từ huyện đến cơ sở, tăng cường hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Cùng với với các phong trào "Ba sẵn sàng" của thanh niên, "Ba đảm đang" của phụ nữ, "Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy" của thiếu niên nhi đồng, phong trào "Ba giỏi" của các cụ phụ lão trong huyện được phát triển. Các cụ đã đóng góp tích cực vào công tác vận động sản xuất, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu và trực tiếp tham gia một số công việc như trồng cây bảo vệ rừng. Điển hình của phong trào phụ lão năm 1971 là phong trào phụ lão các xã Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Làng Giàng, Hoà Mạc, Én Bơ... Tổ chức phụ lão xã Võ Lao hai năm liền đạt loại khá của huyện, đã được tỉnh tặng thưởng 1 cờ, 1 đài radio. Huyện có 565 cụ đạt danh hiệu Phụ lão "Ba giỏi", 479 cụ đạt "Phụ lão xuất sắc". Phong trào phụ lão huyện Văn Bàn được công nhận là loại khá của tỉnh.

Bên cạnh những cố gắng trên, công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng vẫn còn một số mặt yếu kém, nhất là về vấn đề cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, chưa có nhiều chuyển biến.

III. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, CHI VIỆN MIỀN NAM, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1973-1975)

Tháng 1/1973, sau những thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh phá hoại không quân ở miền Bắc và cuộc chiến tranh cục bộ, chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, Đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Với âm mưu tiếp tục kéo dài chiến tranh hòng cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ tiếp tục chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam.

Trước tình hình trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (tháng 7/1973), chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, nhấn mạnh; "Bất kể trong tình huống nào, con

đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững chiến lược tiến công..."[1]. Đối với miền Bắc, Hội nghị Trung ương lần thứ 22 (cuối năm 1973), xác định "Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ chung của miền Bắc là đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng, xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ kinh tế quốc phòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai; ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình trong cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia"[2].

Dưới ánh sáng đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, với sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Yên Bái, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân trong huyện quán triệt tình hình nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng chống Mỹ cứu nước, với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" đã động viên lòng yêu nước thương nòi, tinh thần cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, phát huy khả năng, lực lượng của mình. Văn Bàn đã cử hàng trăm, hàng nghìn con em đồng bào các dân tộc của huyện lên đường đánh Mỹ. Người ở lại hậu phương ngày đêm ra sức phát triển sản xuất, xây dựng HTX, tổ chức đời sống trong thời chiến, đóng góp lương thực, thực phẩm, lâm sản.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 và lần thứ 22, nhận thức rõ tình hình và nhiệm vụ của địa phương trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng bộ huyện mở nhiều

---

[1] *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.248, 249.

[2] *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Sđd, tr.236-237.

đợt sinh hoạt chính trị với chủ đề "Mừng Việt Nam đại thắng, Văn Bàn tiến lên". Tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề bàn về công tác sản xuất, công tác giáo dục, xây dựng nếp sống văn hóa mới, vấn đề thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, v.v... Mỗi đợt sinh hoạt chính trị, mỗi hội nghị chuyên đề có yêu cầu, mục tiêu phấn đấu cụ thể, lấy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo kết quả. Huyện phát động phong trào thi đua trong các ngành, các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, huyện đã động viên được khí thế cách mạng của đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Trên các lĩnh vực kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đều có những chuyển biến đáng kể.

Đảng bộ lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội chi viện cho miền Nam, góp phần cùng nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Từ ngày 21-24/11/1973, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IX. Tham dự Đại hội có 102 đồng chí (03 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu BCH khóa mới gồm 23 đồng chí, trong đó có 02 đồng chí dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Dương Xuân Cương được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Trên cơ sở thấy rõ những khó khăn, thuận lợi, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ IX xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm năm 1974-1975 là "Động viên toàn Đảng, toàn dân phát huy mọi khả năng thuận lợi sẵn có của địa phương, đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế tương đối toàn diện, vững chắc; khắc phục dần nền kinh tế độc canh, phân tán, tự túc tự cấp, đưa nền kinh tế lên đa canh, có nhiều sản phẩm hàng hóa, đảm bảo tiêu dùng trong nhân dân, giải quyết nhu cầu bình thường của đời sống, trước hết là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng; đồng thời có tích lũy, có xuất khẩu, tạo điều kiện tái sản xuất mở rộng".

Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể: Đẩy mạnh khâu thâm canh tăng năng suất lúa màu, tổ chức chuyển đổi chuyên canh nhằm giải quyết vấn đề "lương thực thực phẩm" làm bàn đạp tấn công vào cây công nghiệp, cây lai, đưa chăn nuôi mau chóng thành ngành sản xuất chính và đặc biệt chú ý thích đáng đối với nghề rừng. Tích cực khai hoang ruộng đất để xây dựng vùng kinh tế mới, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, làm tốt công tác quản lý HTX và đẩy mạnh hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Tổ chức sử dụng tốt lao động địa phương, đồng thời tiếp nhận lao động từ miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi. Đẩy mạnh năng suất lao động trong tất cả các ngành. Tăng cường cải tiến công tác quản lý kinh tế, có qui hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật. Tăng cường củng cố công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, sản xuất ra nông cụ, vật liệu kiến thiết, vật liệu xây dựng. Đẩy mạnh công tác giao thông vận tải, tiếp tục sửa chữa đường trục, mở thêm đường thôn xóm ra đồng ruộng, sản xuất phương tiện thô sơ và mua sắm xe vận tải, giải phóng đôi vai[(1)].

Quyết tâm phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ, các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở, cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có nhiều cố gắng trong mọi lĩnh vực hoạt động.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương, các Chỉ thị số 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương và được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, huyện tổ chức Đại hội Nông dân từ cơ sở đến huyện. Sau đại hội, nhiều hợp tác xã có chuyển biến tốt. Các hợp tác xã có phương án tổ chức lại sản xuất, kiện toàn bộ máy quản lý hợp tác xã. Tổ chức lại lao động theo hướng sản xuất kinh doanh toàn diện, thâm canh, chuyên canh, định mức "ba khoán", thích

[(1)] Nghị quyết về phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa 1974-1975 (24/01/1974).

hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Các hợp tác xã thu hồi được 20 ha ruộng bị cán bộ và xã viên lấn chiếm, nhập thêm 19,5 ha ruộng của xã viên khai hoang phục hóa, tự nguyện đưa vào hợp tác xã quản lý. Một số hợp tác xã trước yếu kém, nay có nhiều tiến bộ về quản lý lao động, nâng cao năng suất lúa và các loại cây lương thực khác. Năm 1975, số hợp tác xã tiên tiến và khá chiếm 60% tổng số hợp tác xã trong huyện. Số hợp tác xã yếu kém chỉ còn là cá biệt.

Đến năm 1974, huyện có 48 hợp tác xã. Công tác chỉ đạo sản xuất, quản lý lao động, công tác tài vụ có nhiều tiến bộ. Phương án phân phối từng vụ và cả năm được nhanh gọn, bảo đảm thực hiện đúng đường lối chính sách. Phong trào hợp tác hóa tiếp tục được củng cố và từng bước hoàn thiện. Cùng với việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ huyện quan tâm tổ chức các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Kết hợp lấy ngắn nuôi dài, trồng xen canh, hàng năm phát huy hiệu quả diện tích gieo trồng. Năm 1975, huyện có 1.071 ha cây lai (riêng năm 1973 trồng 5 tấn giống vào khoảng 100 ha). Trong huyện hình thành 8 xã vùng lai tương đối tập trung ở các xã Hòa Mạc, Làng Giàng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Tân An, Võ Lao, Nậm Dạng, Nậm Mả. Ngoài cây lai, huyện còn khoanh vùng trồng được 15 ha quế ở Nậm Tha. Các loại cây khác vẫn phát triển bình thường, diện tích các loại cây công nghiệp ngắn ngày, năm sau phát triển hơn năm trước. Năm 1975, huyện đã có 270 ha cây công nghiệp ngắn ngày, tăng 23,85% so với năm 1973, trong đó diện tích cây đỗ tương được chú ý mở rộng.

Chăn nuôi cũng phát triển. Cuối năm 1975, đàn gia cầm trong huyện có trên 91.000 con, có 61.92 con trâu, đàn dê có 665 con. Ngoài các đàn gia súc, gia cầm, kết hợp với đắp đập thủy lợi và làm ao hồ nuôi cá, 9 hợp tác xã vùng thấp đã có 20 ha mặt

nước. Năm 1975, các hợp tác xã trên đã thu được sản lượng cá ban đầu.

Nghề rừng được huyện coi trọng. Trước đây, có thời gian nạn phá rừng làm nương ở một số địa phương xảy ra khá nghiêm trọng, tốc độ khai thác rừng lớn nhưng tốc độ trồng rừng, tu bổ cải tạo rừng lại chậm. Qua mấy năm triển khai và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức trồng rừng và bảo vệ rừng, kịp thời phát hiện và xử lý các vụ phá rừng. Năm 1974, về cơ bản huyện đã ngăn chặn được nạn phá rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn. Tuy nhiên, vẫn còn một số xã và hợp tác xã thực hiện nghề rừng chưa toàn diện, mới chú trọng khai thác, chưa quan tâm đến trồng rừng, tu bổ, cải tạo và bảo vệ rừng. Trong việc khai thác có lúc, có nơi còn coi nhẹ việc củng cố và sử dụng các tổ sơn tràng thực hiện kinh doanh nghề rừng, để xã viên khai thác riêng, vừa ảnh hưởng đến quản lý lao động và thu nhập của hợp tác xã, vừa gây thiệt hại rừng. Qua hai năm 1974-1975, kiên trì đi sâu đi sát chỉ đạo, huyện đã giải quyết về căn bản nạn đốt phá rừng làm nương một cách bừa bãi. Trước đây diện tích rừng bị phá tới 500 ha, nay đã được trồng lại, chỉ còn 250 ha nương định canh, nương trồng ngô xen dưới chân cây lai.

Đảng bộ huyện Văn Bàn nhận thức rõ trong ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa thì cách mạng khoa học kỹ thuật giữ vị trí then chốt. Muốn củng cố và ngày càng hoàn thiện phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất phát triển cần đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, các nông cụ cải tiến... đồng thời áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Cùng với việc củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, huyện chú ý chỉ đạo các hợp tác xã tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản, làm sân phơi nhà kho, lán, đập; làm đường giao thông nông thôn; làm các công trình thủy lợi loại

vừa và nhỏ; mua sắm trang bị các nông cụ cải tiến như cày 51, bừa răng sắt, cào cỏ 64A, bình phun thuốc trừ sâu, máng theo phân... Từng bước cơ khí hóa nông nghiệp, mua sắm các máy xay xát, máy tuốt lúa[1]. Do đó, tuy một bộ phận lao động chính nhập ngũ, thanh niên địa phương tham gia các đội thanh niên xung phong của tỉnh và của huyện, nhưng sản xuất vẫn được đảm bảo. Phát huy thế mạnh của kinh tế nông lâm nghiệp miền núi và thực hiện các Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 19 và lần thứ 20, huyện xác định phương hướng sản xuất toàn diện đi đôi với thâm canh, tập trung giải quyết vấn đề lương thực, lấy thâm canh cây lúa là chính. Ngoài lúa ruộng, lúa nương, hoa màu cần phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi đại gia súc và làm nghề rừng, bảo đảm chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao.

Từ năm 1973-1975, các đội thủy lợi, tổ thủy nông, các vùng trọng điểm lúa vẫn được duy trì và củng cố. Huyện và các xã hợp tác xã tập trung nhân lực sửa chữa các phai đập như phai làng Chút, Tông Pháy, đập chắn lũ ở Võ Lao. Thi công các công trình ở Pom Chom. Đi đôi với sửa chữa mương phai, còn chú ý đắp bờ từng vụ. Vì vậy, trong hai năm 1974, 1975, thời tiết khô hạn kéo dài nhưng huyện vẫn đảm bảo tưới tiêu trên 90% diện tích ruộng.

Ngoài công tác thủy lợi, các hợp tác xã chú ý áp dụng các biện pháp kỹ thuật khác như chọn giống phân bón, chăm sóc đồng ruộng,... nhiều hợp tác xã đã chọn giống kỹ, thải loại những giống thoái hóa và đưa vào sử dụng những giống có năng suất cao, đảm bảo cơ cấu giống thích hợp. Thành lập các đội nhóm chuyên sản xuất giống ở các vùng trọng điểm lúa, giống lúa

[1] Năm 1975, bình quân trong toàn huyện mỗi ha gieo trồng có 1, 2 cày và 2 bừa, mỗi hợp tác xã có 10 máng kéo phân và xe quyệt, các hợp tác xã đã có 44 nhà kho, 127 sân phơi, 45 điểm cơ khí nhỏ, 46 máy tuốt lúa, 18 máy xay xát, 15 lò vôi, 2 lò gạch và 21 tổ sửa chữa nông cụ. Huyện có 1 xưởng cơ khí chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

trong huyện. Thời kỳ này, tập trung chủ yếu vào một số loại. Vụ xuân có giống Nông nghiệp 8, Chân trâu lùn, nếp Châu Đốc, tẻ Tây Bắc, Y một, nếp địa phương. Ngoài nguồn phân chuồng, phân xanh, vôi, tro bếp, các hợp tác xã còn bổ sung các loại phân hóa học như phân lân, phân đạm. Bình quân mỗi ha ruộng, mỗi vụ được bán từ 4, 5 tấn phân chuồng và phân xanh, từ 40 kg đến 60 kg phân hóa học, từ 100 kg đến 130 kg vôi. Một số hợp tác xã thâm canh tốt như các hợp tác xã Én, Noỏng, Độc lập... đạt mức phân bón từ 8-10 tấn/ha mỗi vụ. Hầu hết các hợp tác xã chỉ đạo kịp thời vụ, cấy đúng kỹ thuật. Việc chăm sóc đồng ruộng, làm cỏ, diệt trừ sâu bệnh và chống thả rông gia súc được chú ý.

Trong lĩnh vực giáo dục, huyện tiếp tục duy trì trường lớp, bảo đảm các hoạt động dạy và học. Từ năm 1973-1975, nhất là từ khi Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc, số học sinh hàng năm đều tiếp tục tăng. Bình quân hàng năm tăng trên dưới 10% ở các lớp vỡ lòng, 30% ở các trường cấp I và 40% ở các trường cấp II. Cuối năm học 1974-1975, tỷ lệ chuyển lớp ở các lớp vỡ lòng đạt 80%, các lớp cấp I đạt 90%, các lớp cấp II 95%, lớp cấp III đạt 92%. Tỷ lệ chuyển cấp nói chung đạt từ 97- 100% (kể cả các lớp bổ túc văn hóa). Thời gian này bình quân cứ 5 người dân có 1 người đi học. Các cấp học đều theo phương châm "nâng cao kiến thức kết hợp với rèn luyện lao động và bồi dưỡng đạo đức". Các cơ sở trường lớp, giáo dục được tăng cường. Phong trào thi đua "Hai tốt" tiếp tục được phát triển. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bổ túc văn hóa trong nông thôn còn yếu, công tác chỉ đạo giáo dục trên vùng cao chưa được quan tâm, chú trọng.

Sau ngày Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại, huyện tăng cường đầu tư trang thiết bị phương tiện, dụng cụ y tế và bổ sung cán bộ cho các cơ sở y tế. Năm 1975, bệnh viện huyện được tu sửa khang trang. Hầu hết các bệnh xá, trạm xá có y tá phụ trách. Trạm xá của các xã Tân An, Nậm Mả, Võ Lao được xây gạch, lợp ngói. Các cơ sở điều trị trong huyện có 159 giường cho

bệnh nhân. Công tác chăm sóc và bảo vệ bà mẹ, trẻ em, phòng chống các bệnh lao, phong, bướu cổ, đạt kết quả. Thiếu sót, tồn tại của ngành y tế là công tác vệ sinh phòng bệnh trong nông thôn còn yếu, việc trang bị ở các trạm xá chưa được chú ý. Đặc biệt ở một số xã, một số gia đình có người ốm đau không đưa đi điều trị tại bệnh xá, mà để ở nhà cúng bái.

Phong trào bảo vệ trị an của huyện tiếp tục phát triển. Năm 1973, toàn huyện có 7 xã đạt loại khá, 10 xã thuộc loại trung bình, không còn xã yếu kém. Công tác an ninh quốc phòng trong huyện được đảm bảo góp phần tích cực, tạo thêm nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đặt lên vị trí hàng đầu và tiến hành thường xuyên, liên tục bằng mọi hình thức. Cùng với việc tổ chức các lớp ngắn ngày, cử cán bộ đảng viên đi học các trườnglớp tập trung của Trung ương, của khu, của tỉnh và học tại chức về lý luận cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, về quan điểm, đường lối của Đảng. Đảng bộ coi trọng việc triển khai các đợt sinh hoạt chính trị, học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương. Đặc biệt là các Chỉ thị, Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng như Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23, v.v... Thông qua các cuộc vận động ở địa phương, nhất là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ "Bốn tốt"gắn liền với xây dựng Huyện uỷ "Bốn tốt", kết hợp vào các kỳ sơ kết, tổng kết 6 tháng, 1 năm, Đảng bộ hướng dẫn cho cán bộ,đảng viên tiến hành tự phê bình, phê bình theo nội dung "Bốn tốt". Đồng thời, Đảng bộ vận động quần chúng phê bình sự lãnhđạo của chi bộ, đảng bộ phê bình cá nhân, cán bộ đảng viên, phátđộng quần chúng tham gia xây dựng Đảng.

Cán bộ đảng viên trong huyện được giáo dục, qua quá trình đấu tranh tư tưởng, đã nâng cao trình độ chính trị, xác định rõ

quan điểm lập trường, bồi dưỡng tinh thần cách mạnh tiến công, ý chí quyết tâm phấn đấu, tư tưởng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể. Đi đôi với công tác giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng, Đảng bộ huyện coi trọng công tác tổ chức làm tốt công tác phát triển Đảng, sắp xếp, bố trí lại tổ chức phù hợp với yêu cầu lãnh đạo sản xuất và công tác, kiện toàn các Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở và củng cố các ngành.

Năm 1974, toàn Đảng bộ có 1.192 đảng viên, trong đó có 622 đảng viên ở nông thôn. Đảng bộ nhận thức quá trình trưởng thành của Đảng bộ gắn liền với quá trình phát triển kinh tế, với đời sống xã hội và phong trào cách mạng của quần chúng. Do đó, đảng bộ kiên quyết đưa đảng viên vào hành động cách mạng, phân công đảng viên thích hợp với trình độ năng lực công tác, điều kiện sức khỏe và hoàn cảnh gia đình của từng người để mọi đảng viên phát huy được khả năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Được học tập và rèn luyện trong các đợt sinh hoạt chính trị đồng thời được tôi luyện trong thực tế hành động cách mạng, chất lượng các chi đảng bộ cơ sở và đảng viên đều được nâng lên rõ rệt. Đến năm 1975, chi bộ đạt 4 tốt là 41%. Số đảng viên phấn đấu tốt năm 1973, ở nông thôn có 64%, ở cơ quan 71%. Năm 1975, qua thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương, số đảng viên "Bốn tốt" trong toàn đảng bộ vẫn đạt trên 47%. Đầu năm 1975, Đảng bộ huyện căn bản hoàn thành việc thực hiện Chỉ thị 192 trong toàn Đảng bộ. Huyện đưa vào diện xem xét 39,3% tổng số đảng viên nông thôn và 18% số đảng viên trong khối cơ quan, được tỉnh uỷ xét duyệt. Huyện đưa ra khỏi Đảng một số đảng viên loại 1, vì không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, xử lý bằng các hình thức kỷ luật khác 77% số đảng viên thuộc diện xem xét loại 2 và 28,9% số đảng viên thuộc diện xem xét loại 3.

Công tác kiểm tra kỷ luật, thực hiện Chỉ thị 192 được làm thận trọng, xử lý đúng đối tượng và đúng mức độ vi phạm, góp

phần làm cho tổ chức Đảng trong sạch, chất lượng cơ sở Đảng và đảng viên được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số chi, đảng bộ cơ sở chưa coi trọng công tác kiểm tra là việc làm thường xuyên. Nên thực hiện xem xét, xử lý các vụ việc thường không kịp thời.

Từ năm 1973, thực hiện Nghị quyết số 255 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ, huyện đã xây dựng quy hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo kế hoạch hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh về văn hoá, lý luận, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ. Hầu hết cán bộ đảng viên đi học tập về đều nâng cao tinh thần cách mạng tiến công, biết áp dụng các kiến thức được tiếp thu vào sản xuất và công tác thực tế. Cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong 3 năm từ 1973-1975, huyện đề bạt 173 cán bộ từ chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên uỷ ban hành chính xã đến cửa hàng trưởng, cửa hàng phó, trưởng phó phòng ban của huyện và hiệu trưởng, hiệu phó các trường phổ thông.

Bộ máy chính quyền địa phương từ huyện đến xã được Đảng bộ quan tâm củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở, sau khi được kiện toàn thêm một bước đã tăng cường hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị. Trên cơ sở phong trào hợp tác hoá ngày càng được củng cố và hoàn thiện, sản xuất ngày càng phát triển, công tác mặt trận đẩy mạnh việc cải tạo và tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên; tăng cường đoàn kết dân tộc; mở rộng và củng cố khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số; giữa miền núi với miền xuôi. Tinh thần tương trợ và bình đẳng giữa các dân tộc trong sản xuất, chiến đấu và trong đời sống không ngừng được củng cố. Các phong trào "Ba sẵn sàng" của thanh niên, "Ba đảm đang" của phụ nữ, "Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy" của thiếu niên nhi đồng, phong trào "Ba giỏi" của các cụ phụ lão trong huyện tiếp tục phát triển. Bên cạnh những cố gắng trên, công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng vẫn còn một số mặt yếu kém, nhất

là về vấn đề cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, chưa có nhiều chuyển biến.

***

Từ năm 1961-1975, Đảng bộ huyện lãnh đạo địa phương thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đồng thời cùng nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trong hoàn cảnh khó khăn riêng của địa phương, với khó khăn chung của cả nước khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, bắn phá miền Bắc, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện không ngừng phấn đấu vươn lên, tạo ra những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong những biến đổi ở Văn Bàn, biến đổi sâu sắc nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu mang tính độc canh, manh mún, sản xuất cá thể, tự cấp tự túc đã trở thành một nền kinh tế sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa và quốc doanh có nông - lâm - công nghiệp phát triển toàn diện, có giao thông vận tải mở mang và ngày càng có nhiều sản phẩm hàng hoá. Đảng bộ huyện lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, kiên trì đưa nông dân các dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ huyện xác định lấy phương hướng thâm canh tăng vụ, tăng hệ số sử dụng ruộng đất để không ngừng tăng diện tích trồng trọt và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, tăng sản lượng cây trồng. Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo công tác vận động đồng bào vùng cao "hạ sơn" khai hoang làm ruộng nước, nương bậc thang; mở rộng mạng lưới thuỷ điện; kết hợp làm đường giao thông; thực hiện "định canh định cư". Nhờ vậy, đến năm 1975, huyện Văn Bàn hình thành được các vùng chuyên canh trọng điểm lúa, vùng lai, vùng quế, vùng đỗ tương... Ngành công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương tuy quy mô còn nhỏ bé nhưng đã cùng các ngành thương nghiệp, lương thực, tư liệu sản xuất, tài chính, ngân hàng, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... có nhiều cố gắng

theo chức năng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Trong những năm có chiến tranh phá hoại, những năm bị thiên tai lũ lụt, nắng hạn kéo dài, các ngành trên đã góp phần hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại, vẫn bảo đảm cung cấp các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ đời sống nhân dân.

Các lĩnh vực xã hội có bước phát triển. Các xã đều có trường phổ thông cấp 1 và trạm xá. Trung tâm khu vực có trường phổ thông cấp II, bệnh xá và quầy sách báo. Huyện có trường phổ thông cấp III, bệnh viện, hiệu sách nhân dân và thư viện. Giao thông vận tải được mở mang. Đến năm 1975, ngoài con đường xe lửa Hà Nội - Lào Cai qua địa phận huyện Văn Bàn được khôi phục sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đã hình thành mạng lưới giao thông nông thôn, đường liên xã, liên thôn do nhân dân tự đảm nhiệm. Huyện xây dựng và hoàn thành các con đường lớn từ bến phà Tân An về huyện, từ huyện đến các trung tâm khu vực huyện và trung tâm một số xã, ô tô đi lại được. Đi đôi với công tác phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh quốc phòng của huyện đã thu được những thắng lợi lớn. Công tác quân sự địa phương, công tác hậu phương quân đội được thực hiện theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược". Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn bảo đảm được yêu cầu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", phục vụ cho nhu cầu xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện cho các chiến trường đánh Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Công tác xây dựng đảng và công tác cán bộ của huyện đạt kết quả đáng kể. Cơ sở Đảng rộng khắp. Các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ đảng viên phát huy được tính tiền phong và vai trò lãnh đạo.

Mặc dù Đảng bộ huyện Văn Bàn có nhiều cố gắng trong công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương nhưng vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến đời sống văn hoá, xã hội ở vùng cao. Ở vùng cao vẫn tồn tại khá phổ biến các phong tục tập quán lạc hậu, công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá đối với cán bộ cơ sở còn yếu. Chăn nuôi và nghề rừng chưa phát triển cân đối, đồng bộ với trồng trọt. Công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ của Đảng vẫn còn một số khuyết, nhược điểm. Trình độ của một số cán bộ đảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số cơ sở đảng ở nông thôn tuy đã được củng cố nhưng chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa cao. Một số chi, đảng bộ cơ sở chưa đề cao tinh thần đấu tranh, tự phê bình và phê bình trong nội bộ đảng. Công tác kiểm tra dân chủ kỷ luật và công tác phát triển đảng có thời gian chưa được các chi, đảng bộ coi trọng.

Mặc dù còn một số hạn chế nhưng có thể khẳng định sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện từ năm 1965 đến năm 1975, là một trong những nhân tố quyết định thành công của phong trào hợp tác hoá, của sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cao một bước đời sống nhân dân các dân tộc, góp phần tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần, bảo đảm cho công tác an ninh quốc phòng ở địa phương, chi viện cho quân và dân miền Nam đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Với những thành tựu của công cuộc cải tạo và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, với thắng lợi rực rỡ của công cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/4/1975, Đảng bộ huyện Văn Bàn quyết tâm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vững bước tiến lên giai đoạn mới, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam hòa bình thống nhất.

Chương 4

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1991)

I. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1980)

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hào hùng của dân tộc ta. Đó là thắng lợi vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Sự kiện đó đã tạo ra một bước ngoặt, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam: cả nước thống nhất cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngay sau giải phóng, có nhiều vấn đề mới, cấp bách được đặt ra, đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết. Ngày 29/9/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 24 thông qua Nghị quyết về "Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới". Hội nghị chỉ ra đặc điểm cơ bản của giai đoạn cách mạng mới và thông qua nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn này là "Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".

Trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc, từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Đây là Đại hội mở đầu thời

kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đánh giá đầy đủ thực tiễn tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế; xác định nước ta từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tuy có nhiều thuận lợi, song cũng gặp không ít khó khăn, trong đó khó khăn lớn nhất là nền kinh tế vốn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá, để lại hậu quả nặng nề, cơ cấu kinh tế ở hai miền chưa thống nhất. Chúng ta vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động phá hoại, lật đổ, thôn tính của các thế lực thù địch, phản động quốc tế, nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới. Đại hội tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng chống Mỹ, cứu nước, đề ra đường lối chung, phương hướng kinh tế - xã hội 5 năm (1976-1980), với hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là: Xây dựng một bước cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành bước đầu cơ cấu kinh tế mới trong cả nước; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và các nghị quyết về báo cáo chính trị, thông qua Điều lệ Đảng sửa đổi. Thắng lợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là nguồn cổ vũ, động viên nhân dân các dân tộc trong cả nước bước vào giai đoạn lao động sáng tạo để xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trước tình hình nhiệm vụ mới của đất nước, việc củng cố bộ máy tổ chức và chế độ làm việc từ Trung ương đến cơ sở, nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng cả nước được đặt ra cấp bách. Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 245- NQ/TW bỏ khu, hợp tỉnh. Tại kỳ họp thứ hai từ ngày 22-27/12/1975, Quốc

hội khóa V đã quyết định bỏ cấp khu trong hệ thống các đơn vị hành chính cả nước, hợp nhất một số tỉnh, trong đó có ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Nghĩa Lộ (trừ huyện Bắc Yên và Phù Yên) hợp nhất thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Ngày 3/1/1976, tỉnh Hoàng Liên Sơn chính thức đi vào hoạt động. Khi thành lập, Đảng bộ Hoàng Liên Sơn có 909 đảng bộ, chi bộ cơ sở, 1.026 chi bộ trực thuộc cơ sở, 2.942 tổ đảng, có 24.218 đảng viên, trong đó đảng viên nữ chiếm 17,29%, đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 36,94%, đảng viên ở nông thôn chiếm 60,86%, đội ngũ cán bộ, công nhân viên có 61.498 người. Hầu hết cán bộ trẻ đều có trình độ văn hóa từ cấp II trở lên, gần 400 cán bộ đã được qua các lớp bồi dưỡng, quản lý. Đa số cán bộ lớn tuổi đều được rèn luyện qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Bộ máy tổ chức sau khi hợp nhất tương đối đồng bộ, Đảng bộ giữ vững được truyền thống đoàn kết, không có hiện tượng chia rẽ, bè phái, cục bộ[1].

Ngày 16/2/1976, các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể của tỉnh Hoàng Liên Sơn chính thức đi vào hoạt động. Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2525-QĐ/TW chỉ định 37 đồng chí vào Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đồng chí Nguyễn Ngọc Cừ được chỉ định làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Đỗ Anh Châu làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Cư Hòa Vần được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngay từ những ngày đầu, Tỉnh uỷ đã khẩn trương chỉ đạo tất cả các ngành, các cấp chính quyền nhanh chóng ổn định tổ chức, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, sắp xếp, bố trí nơi ở, làm việc của các cơ quan, đơn vị và ổn định đời sống của đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức. Ủy ban nhân dân tỉnh được thành lập

[1] *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập 2 (1975-2000), Sđd, tr.15.

gồm 15 đồng chí và 57 ty, ban ngành của tỉnh. Trưởng, phó ban, ngành cấp tỉnh gồm có 220 đồng chí, trong đó có 10 đồng chí là nữ, 36 đồng chí là người dân tộc thiểu số.

Ngay sau khi đi vào hoạt động, Tỉnh uỷ đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của thời kỳ thống nhất đất nước. Ngày 25/4/1976 thật sự trở thành ngày hội lớn của nhân dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn, các cử tri đã nô nức thực hiện nghĩa vụ của mình, bầu cử những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Khi mới hợp nhất, tỉnh lỵ của Hoàng Liên Sơn được đặt tại thị xã Lào Cai. Tỉnh Hoàng Liên Sơn khi mới được thành lập có diện tích tự nhiên là 14.852 km^2; số dân là 688.250 người, gồm hơn 30 dân tộc. Toàn tỉnh có 16 đơn vị hành chính cấp huyện là: Bát Xát, Bảo Thắng, Sa Pa, Văn Bàn, Văn Yên, Trấn Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Yên Bình, Than Uyên, Bảo Yên, Lục Yên, Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà. Các thị xã: Yên Bái, Nghĩa Lộ (năm 1978 thị xã Nghĩa Lộ hợp nhất với huyện Văn Chấn theo Quyết định số 56/CP của Hội đồng Chính phủ), Lào Cai, Cam Đường với 345 xã, phường, thị trấn.

Do hợp nhất ba tỉnh, nguồn nhân lực, vật lực, thị trường, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật được tập trung và tăng cường nên các vùng sản xuất có điều kiện quy hoạch lại với quy mô lớn hơn theo vùng. Hệ thống đường sắt, đường bộ và đường thuỷ của Hoàng Liên Sơn tương đối thuận tiện. Hệ thống giáo dục của tỉnh 402 trường cấp I, 153 trường cấp II, có 20 trường cấp III; bình quân 1.000 người dân có 170 người đi học. Về y tế, cả tỉnh có 23 bệnh viện, 16 bệnh xá, 3 viện điều dưỡng. Hệ thống truyền thanh, đội chiếu bóng, đội văn nghệ lưu động và thông tin viên từ tỉnh xuống cơ sở hoạt động tốt. Đó là những thuận lợi cơ bản.

Với địa bàn tỉnh mới, ngoài những khó khăn chung của một tỉnh miền núi như trình độ dân trí thấp, dân cư phân tán, phong tục tập quán lạc hậu, kết cấu hạ tầng thấp kém, Hoàng Liên Sơn còn mang đặc thù của một tỉnh biên giới với đường biên tiếp giáp khá dài. Toàn tỉnh có 8 huyện vùng cao, có khoảng trên 20 vạn dân. Đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; trên 4 vạn người sống du canh, du cư và trên 5 vạn người mù chữ. Nền sản xuất cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế. Một số cán bộ còn chưa thực sự an tâm công tác ở miền núi. Cơ sở đảng còn chưa hoàn chỉnh, lực lượng đảng viên trẻ tỷ lệ thấp (gần 30%), số đảng viên nữ chỉ có 17%. Tình trạng thôn bản "trắng" về đảng viên còn nhiều. Số đảng viên không biết chữ còn trên 400 người. Những yếu tố đó hạn chế không nhỏ đến việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với địa phương.

Sau khi tỉnh Hoàng Liên Sơn được thành lập, Đảng bộ coi trọng công tác chính trị tư tưởng. Ngày 5/4/1976, Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn ra Chỉ thị số 02-CT/TU về việc tăng cường công tác tư tưởng của Đảng trong tình hình mới, làm cho các cấp, các ngành, cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc trong tỉnh quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương, thấy rõ sự cần thiết và lợi ích của việc hợp nhất tỉnh. Để củng cố năng lực lãnh đạo của Đảng bộ và bộ máy chính quyền, Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết về phân cấp, quản lý cán bộ; Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ biên giới; Chỉ thị về đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế. Sự chỉ đạo kịp thời đó đã định hướng các mặt công tác trong tình hình mới.

Nhận rõ những thuận lợi, khó khăn của tỉnh, thấy được đặc điểm và khả năng mới của một tỉnh hợp nhất, cùng với những kinh nghiệm đã tích luỹ được, Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn kịp thời

đề ra nhiệm vụ chung cho việc xây dựng và phát triển các mặt của tỉnh. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra phương hướng phát triển kinh tế xã hội trong năm 1976: tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhất là củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp; tổ chức lại sản xuất, mở mang các vùng kinh tế mới; giải quyết với mức cố gắng cao nhất vấn đề lương thực; phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả; đẩy mạnh chăn nuôi, nghề rừng nhằm phát huy ba thế mạnh của miền núi; phát triển mạnh công nghiệp địa phương; tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh biên giới; tích cực cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Nhằm tổ chức lại sản xuất, Tỉnh uỷ điều chỉnh lại quy hoạch, phân vùng tổng thể trong tỉnh. Đến cuối năm 1976, tỉnh đã hoàn thành quy hoạch cho 84 xã, với 350 hợp tác xã. Ở các huyện và hợp tác xã có phương án quy hoạch, tích cực xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và phát triển sản xuất theo phương hướng mới đã xác định. Đối với vùng cao, cuộc vận động định canh định cư đã được tiếp tục thực hiện gắn với việc xây dựng vùng kinh tế mới ở 139 xã. Qua đó, các hợp tác xã thực hiện định canh định cư, từng bước tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật để đảm bảo sản xuất và đời sống.

Từ ngày 9 đến ngày 19/11/1976, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn (vòng I) được tiến hành. Dự Đại hội có 500 đại biểu chính thức và 41 đại biểu dự khuyết, đại diện cho 24.621 đảng viên của 39 đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh. Đại hội đã thảo luận đề cương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, nghiên cứu, thảo luận Điều lệ Đảng và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Quán triệt nội dung Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV, từ ngày 14 đến ngày 24/4/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn (vòng II) được tiến hành đã đánh giá tình hình mọi mặt qua một năm hợp nhất. Căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và nhân dân trong hai năm 1977-1978 là: Đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cuộc cách mạng về khoa học - kỹ thuật là then chốt; ra sức củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tích cực xây dựng và củng cố vùng cao biên giới về mọi mặt, hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư trong toàn tỉnh, đẩy mạnh phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, gắn chặt công, nông, lâm nghiệp thành một cơ cấu kinh tế địa phương thúc đẩy phát triển. Ra sức phát triển sự nghiệp văn hoá - xã hội, nhất là ở vùng cao, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ; tăng cường củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhân dân, nhất là ở cấp cơ sở. Tích cực xây dựng, củng cố quốc phòng, đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, giữ gìn tốt an ninh trật tự. Tích cực xây dựng Đảng, xây dựng và kiện toàn bộ máy cấp huyện, củng cố cơ sở. Từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ra Nghị quyết số 61/CP về tổ chức lại sản xuất, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; tập trung xây dựng cấp huyện gắn với cuộc vận động định canh, định cư, xây dựng các vùng kinh tế mới. Ở Hoàng Liên Sơn, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện Kế hoạch 5 năm 1976-1980 với việc hình thành năm vùng chuyên canh nông lâm nghiệp với những loại cây, con phù hợp với địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng như sau: Vùng cây lương thực và cây công nghiệp dài ngày (chè, quế,

trẩu...) ở các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Trạm Tấu và thị xã Yên Bái. Vùng sản xuất thực phẩm, gỗ trụ mỏ và cây đặc sản ở Văn Bàn, Bảo Thắng, Sa Pa, Bát Xát. Vùng nguyên liệu giấy, sợi vải, nuôi thả cá hồ ở Yên Bình, Lục Yên. Vùng chăn nuôi trâu, bò, gia cầm lấy thịt và sữa ở Mù Cang Chải, Than Uyên, Bảo Yên. Vùng rừng đầu nguồn, cây đậu tương và cây dược liệu ở Mường Khương, Bắc Hà.

Việc phân loại, đánh giá, xác định các vùng chuyên canh nông - lâm nghiệp đã có tác dụng tốt trong việc phát huy thế mạnh của từng vùng, đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển giữa các vùng với nhau, tạo nên thế phát triển kinh tế toàn diện, cân đối của các địa phương trong tỉnh.

Bước vào thời kỳ cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ, quân và dân huyện Văn Bàn có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Thuận lợi cơ bản nhất là đất nước vừa hoàn toàn giải phóng, nhân dân có điều kiện xây dựng lại quê hương sau nhiều năm bị chiến tranh. Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn có truyền thống đoàn kết, đấu tranh anh dũng được rèn luyện thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đội ngũ cán bộ được tăng cường từ nhiều nguồn, huyện sớm có kế hoạch đào tạo cán bộ nguồn, sớm đưa các hoạt động đi vào nền nếp. Tài nguyên của Văn Bàn rất phong phú với trữ lượng lớn. Diện tích tự nhiên của huyện Văn Bàn là 143.927 ha, đất đai màu mỡ, tầng canh tác dày, chủ yếu nằm trên đất Apatit nên rất tốt, có thể trồng được nhiều loại cây khác nhau. Rừng của Văn Bàn có trữ lượng gỗ trên 12 triệu mét khối với nhiều loại gỗ quý hiếm như đinh, lát, dổi, dâu, sến, pơ mu, chò chỉ và trên 53 triệu cây vầu nứa với hai suối lớn là suối Nhù dài 40 km và suối Chăn dài 65 km cùng hàng trăm suối nhỏ khác, Văn Bàn có nguồn thủy năng, có thể xây dựng các nhà máy thủy điện với công suất lên tới 300 MW,

có nguồn nước dồi dào phục vụ sản xuất và đời sống. Khoáng sản Văn Bàn có nhiều loại với trữ lượng lớn chất lượng tốt như mỏ Penspat Làng Giàng 10 triệu tấn, mỏ sắt Quý Sa 114 triệu tấn. Ngoài ra còn có mỏ Apatít, mỏ vàng trữ lượng không lớn nhưng chất lượng cao, có thể khai thác quy mô công nghiệp.

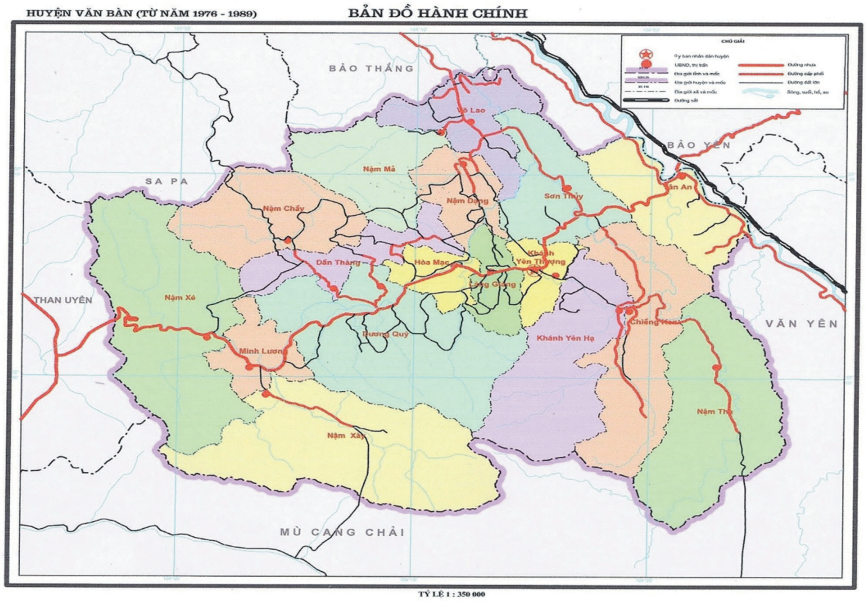

Bản đồ hành chính huyện Văn Bàn thời kỳ 1976-1989

Bên cạnh những thuận lợi, Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn còn phải đối mặt với không ít khó khăn thách thức. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn, đội ngũ cán bộ, đảng viên còn hạn chế về trình độ văn hóa quản lý, một số phong tục tập quán lạc hậu, tư tưởng tiểu nông của người dân tộc thiểu số nặng nề, sản xuất bị phân tán mang tính tự cung, tự cấp, đã ảnh hưởng tới tốc độ phát triển kinh tế. Những khó khăn thử thách đó đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn nỗ lực cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, từ ngày 26-27/7/1976, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X (vòng 1). Đại hội thảo luận,tham gia ý kiến vào Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng và Đại hội Đảng bộ tỉnh, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ nhất. ***Từ ngày 11-14/9/1976, Đảng bộ huyện Văn Bàn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X (vòng 2).*** Tham dự Đại hội có115 đại biểu (103 đại biểu chính thức và 12 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 24 đồng chí. Đồng chí Dương Xuân Cương được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Hoàng Đình Tom, đồng chí Dương Tùng Thọ được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội đề ra nhiệm vụ năm 1976-1977 là: Tích cực chuẩn bị quy hoạch để tổ chức lại sản xuất từ cơ sở, bố trí lại sản xuất theo vùng tập trung, theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Củng cố hợp tác xã, cải tiến và nâng cao công tác quản lý, thực hiện phân công lao động mới ở nông thôn.

Về công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp, phải tăng cường củng cố xưởng cơ khí huyện và các tổ sản xuất nông cụ của các hợp tác xã.

Giao thông vận tải và bưu điện, luôn tích cực mở thêm các tuyến đường để phục vụ tốt việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Bảo đảm việc chuyển phát thư báo được nhanh chóng, củng cố các tuyến đường dây điện thoại đã có, mở thêm tuyến Võ Lao, Khánh Yên Hạ.

Về xây dựng cơ bản, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống cấp nước cho huyện lỵ. Công tác tài chính - ngân hàng, hướng chính là giúp đỡ các hợp tác xã, các cơ sở kinh tế quốc doanh và tập thể nắm bắt nguồn thu và đẩy mạnh thu, đảm bảo tăng thu cho ngân sách, củng cố hợp tác xã tín dụng, vận động nhân dân tích cực gửi tiền tiết kiệm.

Tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế trong toàn huyện; tăng cường cơ sở vật chất cho trường học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho các ngành học; củng cố phong trào y tế, vệ sinh phòng bệnh, củng cố trạm xá xã kết hợp Đông - Tây y; đẩy mạnh công tác văn hóa - thông tin.

Củng cố, lực lượng dân quân tự vệ cơ sở đảm bảo về cả số lượng và chất lượng trên tinh thần kết hợp kinh tế với quốc phòng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, giáo dục vận động toàn dân chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ.

Trong công tác xây dựng Đảng phải thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, tích cực củng cố chi bộ, đảng bộ cơ sở, nhất là vùng cao. Quan tâm bồi dưỡng, kết nạp đảng viên là dân tộc ít người để bổ sung cho Đảng. Kiên quyết đưa những đảng viên thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng. Luôn đề cao vai trò của chính quyền, mở rộng dân chủ với quần chúng, giữ vững trật tự kỷ cương, chuẩn bị tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp vào năm tới. Cần củng cố tổ chức mặt trận cơ sở, chú trọng công tác đoàn kết dân tộc - tôn giáo, đoàn kết toàn dân. Công đoàn cần phát động phong trào công nhân viên chức đề cao ý thức làm chủ tập thể. Tích cực vận động và tổ chức thanh niên đi đầu trong phong trào xây dựng kinh tế và tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng người phụ nữ mới toàn diện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, từ ngày mùng 10 đến ngày 15/6/1977, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X (vòng 3). Về dự Đại hội có 108 đại biểu (102 đại biểu chính thức và 6 đại biểu dự khuyết) đến từ 35 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc. Đại hội xác định phương hướng giai đoạn mới của huyện là: "xây dựng một nền kinh tế, văn hóa phát triển toàn diện, từng bước có nền kinh tế nông - lâm nghiệp và công nghiệp phát triển cân đối kết hợp chặt chẽ với nhau.

Đại hội đề ra những nhiệm vụ chủ yếu 2 năm 1977-1978 là: Đẩy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng: "cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa". Trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, củng cố toàn diện quan hệ sản xuất mới và phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ra sức phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Tăng cường công tác quản lý kinh tế, cải tiến mạnh mẽ công tác lưu thông phân phối, đẩy mạnh công tác tài chính giá cả, ngân hàng, hướng vào phục vụ tốt cho sản xuất. Đẩy mạnh phát triển phong trào văn hóa, giáo dục và y tế, xây dựng nếp sống văn minh tiến bộ. Tích cực đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. Tăng cường xây dựng củng cố chính quyền, xây dựng các đoàn thể quần chúng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cơ sở đến huyện.

Sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X, từ ngày 16-19/9/1979, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XI về dự đại hội có 127 đại biểu chính thức và 5 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho trên 900 đảng viên đến từ 37 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ huyện. Đồng chí Lê Đình Tịch - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI gồm 33 đồng chí, trong đó có 2 đảng viên dự khuyết. Đồng chí Dương Xuân Cương được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Lưu Lộc, đồng chí Hoàng Đình Tom được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội cũng bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm 11 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1979-1980, là "phát huy ý thức tự lực tự cường, xây dựng một nền kinh tế - văn

hóa phát triển toàn diện. Từng bước hình thành và hoàn chỉnh một nền kinh tế nông - lâm - công nghiệp phát triển cân đối. Đồng thời tích cực xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng làng, xã chiến đấu, tăng cường công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa".

Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực: Củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ. Công nghiệp và thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản và bưu điện; tập trung phát triển mạnh mẽ, nhất là sản xuất công cụ, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, chế biến nông - lâm sản... nhằm phục vụ cho sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Về giáo dục, cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội" chú ý cả 3 ngành học là mẫu giáo, phổ thông và bổ túc văn hóa. Phấn đấu đến năm 1980 hoàn thành xong nạn mù chữ trên địa bàn huyện. Ra sức củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh theo phương châm Đông - Tây y kết hợp. Phát động phong trào "ăn chín, uống sôi" phấn đấu có đủ 3 công trình vệ sinh. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu phim, truyền thanh... phải bám sát phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện. Động viên kịp thời và phổ biến nhân rộng gương "người tốt, việc tốt" phấn đấu để người dân vùng cao được xem phim lưu động 4 lần/năm.

Công tác quốc phòng - an ninh, cần quán triệt mục tiêu xây dựng huyện thành "pháo đài quân sự" bảo vệ Tổ quốc. Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững chắc, tích cực

luyện tập các phương án chiến đấu, sẵn sàng chi viện cho tuyến 1. Phát động mạnh mẽ phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Làm tốt công tác chăm sóc thương binh gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách hậu phương quân đội.

Đối với công tác xây dựng Đảng, phấn đấu đến năm 1980 "tất cả các tổ chức cơ sở Đảng đều đạt trong sạch vững mạnh". Có 50% đảng viên học xong sơ cấp lý luận và một phần học lên trung cấp, cao cấp. Xây dựng thật tốt 5 chức danh cơ sở, kiện toàn các phòng, ban ở huyện, không ngừng nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

Về bộ máy chính quyền, không ngừng củng cố và nâng cao hiệu lực các cấp trong việc quản lý kinh tế - văn hóa - xã hội. Thực hiện tốt quy chế cán bộ phụ trách vùng, phụ trách xã với tinh thần "giỏi tay ngành, hay tay xã". Kiện toàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X, XI đã được Huyện ủy và các cấp triển khai quán triệt đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong toàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ X và XI, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện khắc phục khó khăn, đoàn kết thống nhất, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Về nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI: "Phải tích cực quy hoạch để tổ chức lại sản xuất theo vùng tập trung. Ra sức phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, trọng tâm là "phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm", tích cực khai hoang mở rộng diện tích "lúa, màu". Chú ý cây công nghiệp, trồng rừng, đẩy mạnh chăn nuôi, từng bước

phát huy 3 thế mạnh của miền núi. Củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cuộc vận động "tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ". Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ sở và nhân dân coi trọng sản xuất lương thực, tập trung đầu tư thâm canh vùng sản xuất lúa, mở rộng và đi vào thế ổn định vùng sản xuất cây màu. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời và kiên quyết của Đảng bộ huyện đối với cây màu nên mặc dù nhiều năm gặp thời tiết bất lợi, diện tích năng suất và sản lượng cây lúa bị ảnh hưởng lớn. Ngay từ vụ xuân năm 1976, huyện Văn Bàn gặp thời tiết giá lạnh, sương muối ảnh hưởng đến chất lượng mạ gieo cấy (mới chỉ đạt 50%), mưa đá, bão lốc làm đổ hàng loạt nhà cửa, tàn phá nhiều diện tích cây trồng. Trước tình hình đó, huyện đã phát động chiến dịch làm cây màu với tinh thần "3 bù", theo hướng trồng tập trung thành vùng, trồng tập thể ở các hợp tác xã Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ. Huyện đã huy động hàng nghìn lao động tham gia trồng hàng trăm héc ta ngô và sắn. Các hộ gia đình cũng được huyện vận động tận dụng đất quanh nhà để trồng sắn, khoai, đao riềng. Đối với cán bộ công chức, viên chức các cơ quan, xí nghiệp, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, huyện động viên tích cực tham gia phong trào tăng gia sản xuất tự túc một phần lương thực, thực phẩm. Kết quả của chiến dịch làm cây màu, toàn bộ huyện đã trồng được 541,5 ha ngô cho năng suất tới 11,41 tạ/ha, 723,9 ha sắn, 267,4 ha khoai các loại và 114,1 ha đao riềng. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt nên mặc dù khó gặp nhiều khó khăn, huyện Văn Bàn vẫn đạt 11,673 tấn lương thực quy thóc, đạt 96,15% kế hoạch, cơ bản đảm bảo nhu cầu thiết yếu về lương thực trên địa bàn (là năm năng suất cao nhất từ trước đến nay).

Năm 1977, thời tiết Văn Bàn diễn biến hết sức phức tạp. Huyện chỉ đạo tiếp tục mở chiến dịch trồng cây màu, lấy tên là "Chiến dịch 30/4". Đồng thời tổ chức các công trường thủ công xã hội chủ nghĩa, đưa các đội thanh niên xung kích đến khai hoang mở rộng diện tích ở các vùng kinh tế mới và thi công các công trình thủy lợi, phát triển giao thông nông thôn. Kết quả là toàn huyện trồng được 1.616,1 ha hoa màu. Tổng sản lượng lương thực của toàn huyện đạt 12,775 tấn, bằng 109% năm 1976. Những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã được tỉnh Hoàng Liên Sơn tặng "Cờ thi đua khá nhất huyện vùng cao" năm 1977.

Năm 1978 là năm thời tiết thuận lợi, huyện lại tập trung chỉ đạo trồng màu liền dải ở Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Chiềng Ken, Võ Lao nên đạt kết quả khá tốt. Đặc biệt, huyện đã huy động gần 200 lao động của các xã Nậm Xây, Nậm Xé, Nậm Chày và Dần Thàng cùng lao động địa phương tập trung làm cánh đồng màu tại xã Tân An. Năng suất lúa bình quân của huyện đạt 44,61 tạ/ha, là năm đánh dấu cho cây lúa Văn Bàn có diện tích đạt mốc 50 tạ/ha. Riêng vùng thâm canh 800 ha, năng suất đạt trên 47 tạ/ha, trong đó có 300 ha của 7 hợp tác xã đạt trên 50 tạ/ha. Năm 1980, tổng diện tích gieo trồng toàn huyện là 7.827,5 ha, trong đó diện tích cây lương thực 6.382 ha, tăng 1,675.5 ha so với năm 1976. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 14,037 tấn, vượt 37 tấn so với kế hoạch đề ra, tăng 2,364 tấn so với năm 1976. Tốc độ tăng bình quân về lương thực 4% năm, bình quân thức ăn của một nhân khẩu nông nghiệp là 32 kg/tháng.

Đối với cây công nghiệp, huyện tập trung chỉ đạo trồng chè, diện tích cây chè tăng đáng kể. Năm 1980 có 42 ha, chủ yếu trồng ở vùng Võ Lao. Cây rau màu được chỉ đạo tốt nên phát triển mạnh. Năm 1980, toàn huyện trồng được 363,6 ha tăng 72 ha so với năm 1976. Đây là nguồn cung cấp một lượng thực

phẩm đáng kể phục vụ đời sống nhân dân và dùng cho chăn nuôi, quan trọng là thay đổi quan niệm và tập quán sống dựa vào thu hái từ thiên nhiên.

Chăn nuôi của huyện gặp rất nhiều khó khăn do thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh triền miên làm chết hàng loạt. Trước nguy cơ của dịch, có lúc phải giết thịt hoặc sơ tán tán chạy. Đàn trâu và đàn lợn tăng không đáng kể, đàn bò giảm nhiều. Năm 1976, đàn trâu có 6.203 con, đàn bò có 1.400 con, đàn lợn có 10.094 con, đàn gia cầm có 57.267 con. Năm 1978 tổng đàn gia súc, gia cầm là 69.080 con, có 60 ha diện tích ao cá. Năm 1980, đàn trâu tăng 480 con, đàn bò tăng 599 con, đàn lợn tăng 187 con (so với năm 1976), đàn gia cầm có 67.500 con và 75 ha diện tích ao cá. Nhờ đó đã giải quyết một phần thực phẩm quan trọng cho đời sống sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn. Tình trạng thả rông gia súc được hạn chế.

Song song với việc đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo phát triển nông nghiệp, công tác khoanh nuôi, giao đất giao rừng được chú ý. Năm 1976, huyện tiến hành quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đối với hợp tác xã. Mỗi năm khoanh nuôi được trên 1.000 ha rừng. Năm 1978, Lâm trường Văn Bàn được xây dựng với gần 400 lao động, chủ yếu là tuyển từ các tỉnh dưới xuôi lên. Chỉ trong thời gian ngắn, lâm trường đã kịp thời ổn định đời sống cho công nhân và đi vào sản xuất với tổng giá trị sản lượng đạt 238.000 đồng. Đến năm 1980, toàn huyện khoanh nuôi được 14,190 ha rừng và giao đất giao rừng được 6,230 ha, khai thác và giao nộp lâm sản cho nhà nước hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch. Năm 1976, khai thác gỗ tròn được 8,143 mét khối, giá trị sản lượng nông sản là 68,921 đồng. Năm 1978 khai thác 11,180 mét khối gỗ tròn, giá trị sản lượng nông sản đạt 895,000 đồng. Năm 1980, giá trị sản lượng khai thác lâm sản đạt 593.000 đồng.

Dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp cũng được chú ý, công tác thu mua nông - lâm sản được tăng cường. Năm 1978, toàn huyện thu mua thịt hơi các loại được 110 tấn, 32,5 tấn hạt có dầu, nhập kho nhà nước 507 tấn thóc. Năm 1980, thu mua lợn hơi được 55 tấn, thóc nhập kho nhà nước 1.239 tấn, đạt 112% kế hoạch. Công tác cung ứng vật tư nông nghiệp có nhiều tiến bộ, có quan điểm đúng về phục vụ, ngay từ trước vụ sản xuất đã chuẩn bị và đưa giống, phân bón xuống các hợp tác xã.

Công tác định canh, định cư và kinh tế mới tiếp tục được củng cố và mở rộng. Huyện chú ý chỉ đạo chặt chẽ theo phương hướng đã đề ra, các cơ sở của vùng kinh tế mới ổn định dần về chỗ ở và đi vào sản xuất tại các hợp tác xã. Được sự hỗ trợ của lực lượng thanh niên, các HTX đã chú ý làm công trình thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích, làm nương, định canh trồng cây công nghiệp, (cây lai gỗ trụ mỏ) và bảo vệ rừng. Năm 1970 -1978, các điểm đưa đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới đều được hợp nhất với các hợp tác xã sở tại, được giúp đỡ cùng thực hiện, tổ chức lại sản xuất. Năm 1979, thực hiện cải tiến quản lý, theo tinh thần Nghị quyết số 61 như: Hợp tác xã Yên Xuân (Khánh Yên Thượng), Xuân Khánh (Khánh Yên Hạ), Văn Xuân và Văn Thủy (Võ Lao). Các điểm kinh tế mới và một số hợp tác xã vùng định canh định cư sau khi ổn định đi vào sản xuất đều có sự chuyển biến tốt, đời sống bà con được đảm bảo, tự túc được lương thực, hàng năm giảm được hàng trăm tấn lương thực hỗ trợ của Nhà nước.

Trong việc củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, năm 1978, huyện bắt đầu tiến hành triển khai từng bước một cách thận trọng, lấy xã Tân An làm thí điểm để rút kinh nghiệm nhân rộng trong toàn huyện. Sau một thời gian hoạt động hợp tác xã có sự chuyển biến, đời sống gia đình các xã viên được nâng lên, tạo điều kiện cho các xã khác học tập. Toàn huyện đã

xây dựng được 51 hợp tác xã nông nghiệp với 99,8% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Phong trào hợp tác xã hóa bước đầu đã tạo được khí thế mới trong sản xuất và quản lý theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Một số hợp tác xã được sáp nhập thành hợp tác xã có quy mô lớn hơn như: 4 hợp tác xã thuộc xã Võ Lao sáp nhập thành 2 hợp tác xã; 4 hợp tác xã thuộc xã Khánh Yên Thượng được sáp nhập thành 1 hợp tác xã quy mô toàn xã. Ban quản trị các hợp tác xã điều hành công việc hàng ngày đối với lao động qua hình thức phiếu điều hành do các bộ phận kế hoạch và tài vụ lập.

Sau hơn 2 năm thực hiện, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của huyện không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Một số hợp tác xã yếu kém thuộc xã Minh Lương, Dương Quỳ, Chiềng Ken, Hợp tác xã Én Bơ qua củng cố được nâng lên. Những hợp tác xã có phong trào khá vẫn được phát huy. Từ thực tế trên, huyện đã chỉ đạo chia tách một số hợp tác xã có quy mô lớn như Hợp tác xã Khánh Yên Thượng ở xã Khánh Yên Thượng, Hợp tác xã Văn Tâm ở xã Khánh Yên Hạ, hợp tác xã Văn Tiến và Văn Vinh ở xã Võ Lao. Đến cuối năm 1980, toàn huyện có 56 hợp tác xã nông nghiệp, nhờ sự chuyển hướng kịp thời đó mà phong trào hợp tác xã của Văn Bàn được khôi phục.

Nhìn chung phong trào hợp tác hóa có chuyển biến khá nhanh ở nông thôn trong toàn huyện, xã nào cũng có tập đoàn sản xuất với hợp tác xã, phong trào luôn xuất hiện những nhân tố mới, góp phần thúc đẩy phong trào phát triển nông nghiệp của huyện.

Ngày 17/02/1979, chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra, chiến sự không lan tới huyện Văn Bàn, nhưng trên địa bàn huyện đã tích cực vừa sản xuất vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nông dân Văn Bàn đã đóng góp trên 3 vạn ngày công xây dựng phòng tuyến chiến đấu, đào 12.000 hầm trú ẩn,

6.000 m giao thông hào tại tuyến I. Trên địa bàn thời gian chiến sự diễn ra, Văn Bàn được phân công giúp đỡ thị xã Lào Cai, đón nhận và giúp đỡ hàng vạn lượt nhân dân, cán bộ, công nhân viên thị xã Lào Cai và các huyện biên giới sơ tán về Văn Bàn, cùng hàng nghìn lượt bộ đội qua lại làm nhiệm vụ trên địa bàn, tổ chức sơ tán bảo vệ dân có kết quả theo phương châm "bám đất, bám dân, bám làng bản".

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Mặc dù thiếu thốn vốn và vật tư, khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật nhưng huyện đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức, năng lực quản lý điều hành đơn vị xí nghiệp được nâng lên. Giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 1976 đạt 949.654 đồng, sản phẩm chủ yếu gồm 617 tấn vôi, 100.000 viên gạch, 4.589 nông cụ cầm tay; năm 1978 đạt 1.190.000 đồng. Năm 1979, huyện thành lập Xí nghiệp chế biến mì màu, thu mua nông sản, sản xuất chế biến một số sản phẩm sử dụng tại địa phương như rượu, bánh kẹo. Năm 1980, giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 1.060.900 đồng. Trong đó vôi đạt 400 tấn, gạch 200.000 viên, nông cụ cầm tay 5.500 chiếc. Việc dệt vải khổ hẹp, chăn đệm ở địa phương đã giải quyết một phần đáng kể về vấn đề may mặc, chăn đắp cho nhân dân, giảm bớt khó khăn về hàng hóa lúc bây giờ.

Về thương mại, dịch vụ

Đối với công tác bưu điện, huyện tập trung củng cố tổ chức, chấn chỉnh hoạt động. Đến cuối năm 1976, kết quả đã khá hơn so với đầu năm. Công tác thư báo được chuyển kịp thời hơn, điện thoại ở huyện hoạt động tốt hơn, doanh thu đạt 11.424 đồng. Năm 1978, công văn thư báo an toàn, đường dây điện thoại đảm bảo, doanh thu đạt 15.530 đồng. Năm 1980, có nhiều chuyển biến tốt hơn, các cơ sở được củng cố lại và tăng cường, cơ bản đáp ứng

yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện, doanh thu vượt 3% kế hoạch.

Công tác lưu thông phân phối được huyện tập trung chỉ đạo một cách sâu sát, đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực lưu thông phân phối được tăng cường. Công tác mua vào, bán ra của ngành thương nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã mua bán hàng năm đều tăng. Năm 1976, giá trị mua vào đạt 239.256 đồng, bán ra đạt 1.669.803 đồng, đã tiến hành Đại hội xã viên ở năm hợp tác xã mua bán. Một số hợp tác xã mua bán hoạt động khá như Tân An, Hòa Mạc, Võ Lao. Năm 1978, thu mua thịt hơi các loại được 110 tấn và 23,5 tấn hạt có dầu, nhập kho Nhà nước 507 tấn thóc. Năm 1980, giá trị mua vào và bán ra đều đạt và vượt mức kế hoạch, một số mặt hàng chủ yếu gồm thịt lợn hơi 55 tấn, thóc nhập kho nhà nước 1.239 tấn, đạt 112% kế hoạch. Công tác cung ứng vật tư nông nghiệp có nhiều tiến bộ, có quan điểm đúng về phục vụ. Ngay từ trước vụ sản xuất, huyện đã chuẩn bị và đưa giống phân bón xuống các hợp tác xã. Trong lưu thông phân phối, thời kỳ này có nét mới là thực hiện ký kết các hợp đồng, hai bên quy định rõ và nâng cao trách nhiệm, quyền hạn mỗi bên.

Năm 1977, chợ nông thôn đầu tiên của Văn Bàn được hình thành một cách tự phát ở khu vực huyện lỵ. Năm 1980, chợ chính thức được thành lập, có ban quản lý chợ. Việc hình thành chợ có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần tăng cường lưu thông, trao đổi hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Công tác tài chính - ngân hàng, năm 1976, thực hiện phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, chức năng nhiệm vụ của phòng đã có sự thay đổi cơ bản. Ngoài việc chi tiêu đúng chế độ quy định như: Thu thuế nông nghiệp, sát sinh, thu tất cả các sản phẩm công nghiệp của xí nghiệp quốc doanh, thu dưới hình thức lợi nhuận của các hoạt động ăn uống dịch vụ, huy động vào ngân

sách các khoản khấu hao cơ bản và thu khác của các xí nghiệp và hành chính sự nghiệp. Do vậy các nguồn thu ở địa phương trải qua từng thời kỳ có sự điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đảm bảo sự bền vững của nền kinh tế và đạt được hiệu quả tốt, năm sau tăng thu bình quân so với năm trước trên địa bàn đạt 1,76%.

Về thực hiện các khoản chi tiêu theo quy định của nhà nước, chủ yếu như chi thường xuyên đảm bảo cho sinh hoạt của cán bộ viên chức (kể cả lực lượng vũ trang); chi các khoản hành chính; chi sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa - thông tin, nông - lâm nghiệp và chi đầu tư xây dựng các công trình được tỉnh phân cấp. Đặc biệt là ngành tài chính đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, sử dụng nguồn tích lũy ngân sách đầu tư cho sản xuất nông nghiệp. Tổng kết năm 1980, toàn huyện đã đưa diện tích gieo trồng lúa nước được 7.827 ha, tăng 1.675,5 ha so với năm 1976; sản lượng lương thực đạt 14.037 tấn, tăng 5.328,3 tấn quy thóc so với năm 1976.

Công tác tài chính - ngân hàng được quan tâm chỉ đạo, có nhiều chuyển biến, các cơ sở hoạt động đều. Năm 1976, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 209.319 đồng, tổng chi 707.420 đồng. Năm 1978, công tác tài chính được chấn chỉnh một bước, có 5/17 xã thực hiện chế độ quản lý ngân sách xã. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 276.000 đồng, tổng chi 735.000 đồng. Năm 1980, huyện được phân cấp quản lý ngân sách, đây là nhiệm vụ mới đối với huyện miền núi, sản xuất chưa phát triển, nguồn thu ít. Huyện tập trung chỉ đạo đối với công tác thu, chi tài chính, tăng cường giám sát và yêu cầu thống kê, báo cáo theo định kỳ, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường ổn định. Do đó, huyện cân đối được thu - chi, thu vượt 3% kế hoạch và có dư.

Giai đoạn từ 1976-1980, Chính phủ ban hành Điều lệ thuế nông nghiệp bổ sung, sửa đổi theo thuế áp dụng cho các trường hợp tại các tỉnh miền Nam. Thu trên sản lượng ước định, có thể thu hoạch hàng năm trên khoảnh ruộng nhằm để khuyến khích và thúc đẩy sản xuất thâm canh, tăng vụ; tăng năng suất cây trồng; phát triển trồng cây công nghiệp, vùng kinh tế mới, đối với miền núi và đồng bào dân tộc; xác định lại nội dung cách tính nhân khẩu nông nghiệp để có chính sách miễn giảm thuế nông nghiệp cho nông dân.

Giáo dục và đào tạo, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV năm 1976: Phải đưa công tác giáo dục, văn hoá, nghệ thuật tiến lên một bước, mạnh mẽ, xây dựng nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tinh thần dân tộc, có tính Đảng, tính nhân dân; trước hết phải phát triển mạnh mạng lưới mẫu giáo, thu nhận phần lớn các cháu hết tuổi nhà trẻ; tất cả thanh niên, thiếu niên phải được học đầy đủ bậc giáo dục phổ thông, từng bước phổ cập giáo dục theo độ tuổi. Trong 5 năm, bắt đầu thực hiện công cuộc cải cách giáo dục sâu rộng trong cả nước theo hướng kết hợp nhà trường với xã hội, kết hợp giáo dục với lao động, đưa giáo dục kỹ thuật vào chương trình phổ thông, phát triển hình thức vừa học vừa làm.

Cùng với nhịp độ chung của cả nước khắc phục hậu quả sau chiến tranh, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, cả nước thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, về lĩnh vực giáo dục, Đảng bộ huyện Văn Bàn tiếp tục lãnh đạo phát huy những thành tựu đạt được trong 26 năm sau ngày Văn Bàn giải phóng, tích cực triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển sự nghiệp giáo. Đây là giai đoạn sự nghiệp giáo dục huyện Văn Bàn phát triển khá mạnh mẽ của thời kỳ quản lý xã hội theo cơ chế tập trung bao cấp.

Từ Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11/1/1979 về cải cách giáo dục, xác định ngành học giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân. Tuỳ theo điều kiện, hàng năm, căn cứ chỉ tiêu biên chế được trung ương, tỉnh phân bổ cho địa phương, UBND huyện phân bổ biên chế tuyển dụng giáo viên mầm non đã được đào tạo để bổ sung cho các trường học, tăng cường cho khu vực nông thôn, giảm bớt lớp dân lập, trước mắt ưu tiên cho mẫu giáo 5 tuổi. Do vậy giáo dục mầm non có điều kiện phát triển, mở rộng hơn so giai đoạn trước. Đây là cơ hội để trẻ em con đồng bào dân tộc ít người được tiếp cận, làm quen tiếng Việt và chuẩn bị tâm thế vào lớp 1 đúng độ tuổi. Từ đó có cơ hội học lên các cấp học trên.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện về công tác giáo dục, do đó ngành giáo dục Văn Bàn có sự phát triển nhanh chóng. Năm 1976-1977, ngành học mẫu giáo có 6 lớp với 118 học sinh; vỡ lòng 87 lớp với 1.800 học sinh; phổ thông cả ba cấp có 166 lớp với 4.509 học sinh; bổ túc có 30 lớp với 366 học viên. Năm học 1978-1979, toàn huyện có 7.980 học sinh các cấp, kết thúc năm học có 86% học sinh được tuyển vào lớp, chuyển cấp 79% học sinh tốt nghiệp cấp III. Năm học 1979-1980, ngành học mầm non có 57 nhà trẻ mẫu giáo/614 cháu, giáo dục phổ thông có 7.267 học sinh, tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp 97,7% ,bổ túc văn hóa có 1.038 học viên, tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp 77%.

Một thành công lớn trong giáo dục là năm 1980 huyện đã cơ bản xóa xong nạn mù chữ, đội ngũ giáo viên được tăng cường về số lượng và chất lượng, các xã vùng cao có trường học, trong đó một số xã có trường cấp II. Do đạt được nhiều thành tích trong giáo dục, huyện Văn Bàn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn tặng bằng khen và Cờ thi đua "Đơn vị có phong trào giáo dục xuất sắc nhất"[(1)].

[(1)] *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn*, tập III, Sđd, tr.28.

Công tác y tế: Được sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư, các xã trong huyện đều có trạm xá. Công tác khám chữa bệnh và phong trào vệ sinh được chú trọng. Năm 1976, khám bệnh cho 27.209 lượt người và điều trị 758 lượt bệnh nhân; tiêm phòng đậu mùa 38.000 lượt người, làm được 202 nhà vệ sinh. Năm 1978, được tỉnh tăng cường thêm 19 y sĩ cho huyện. Công tác khám bệnh chữa bệnh được nâng lên một bước, tỷ lệ tử vong giảm 01% năm 1976 xuống còn 0,25% năm 1978. Một số dịch như sốt rét, lỵ... ở Tân An, Nậm Tha, Minh Lương được phát hiện và dập tắt kịp thời. Công tác phun thuốc, tiêm phòng và cuộc vận động nhân dân thực hiện 3 công trình vệ sinh, trồng và sử dụng thuốc nam có nhiều tiến bộ. Năm 1980, khám bệnh cho 18.725 lượt người, điều trị cho 1.274 lượt bệnh nhân, tiêm phòng cho 19.850 lượt người. Các công trình vệ sinh hàng năm được vận động xây dựng thêm, toàn huyện có 3.045 công trình vệ sinh các loại. Công tác đào tạo cán bộ y tế người địa phương được chú trọng. Số cán bộ y tế người địa phương chiếm 60% tổng số cán bộ y tế của huyện. Hầu hết các trạm xá xã được củng cố và làm tốt việc khám chữa bệnh tại cơ sở. Bệnh viện huyện được mở rộng lên 40 giường, phương tiện được bổ sung và đội ngũ y bác sĩ được tăng cường, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên.

Công tác văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, tác động tích cực vào việc nâng cao kiến thức và trình độ dân trí. Những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan đã giảm bớt. Phong trào văn hóa, thể dục thể thao diễn ra thường xuyên và khá sôi nổi, nhất là phong trào bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn ở các cơ quan huyện và một số xã vùng thấp. Hội diễn văn nghệ quần chúng vào các dịp lễ tết hàng năm được tổ chức, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong cán bộ và nhân dân.

Hoạt động thông tin liên lạc cơ bản được thông suốt, phục vụ kịp thời cho các nhiệm vụ chính trị của huyện. Năm 1978, đã

nâng cấp mạng lưới điện thoại khu vực huyện và tuyến đường dây Văn Bàn - Bảo Hà, làm mới tuyến đường dây Văn Bàn - Hòa Mạc và tuyến Khe Lếch - Võ Lao.

Hệ thống giao thông, vận tải có những bước tiến nhanh chóng, vững chắc. Năm 1976, tuyến đường huyện và tuyến đường thuộc xã Sơn Thủy được khởi công. Đã sửa chữa được 15 km đường với 42.309 ngày công. Khối lượng vận tải 39.170 tấn/km. Các đơn vị thi công của tỉnh Hoàng Liên Sơn và Trung đoàn 59 đã tiến hành hoàn thành phần nền đường Văn Bàn - Tân An và Văn Bàn - Chiềng Ken dài 33 km. Năm 1978, khai thông tuyến đường chính của huyện, tổ chức vận chuyển bốc xếp đạt 103% kế hoạch, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm 1979, Trung ương đầu tư mở tuyến quốc lộ 279. Đến năm 1980, tuyến quốc lộ 279 cơ bản được thông tuyến, toàn huyện có 154 km đường ô tô đến 85% số xã trong huyện.

Xây dựng cơ bản cũng khó khăn về vốn và vật tư, nhưng huyện Văn Bàn đã tập trung lãnh đạo chỉ đạo. Năm 1976, tuyển mới 108 công nhân xây dựng, đưa tổng số công nhân đội xây dựng huyện, (đội kiến trúc) lên 201 người. Tiến hành thi công xây dựng bệnh viện huyện, trường cấp III huyện, trường cấp II Võ Lao, nhà trụ sở cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, phòng thống kê, phòng giáo dục huyện, thủy lợi Ta Cô. Năm 1978, giá trị xây dựng cơ bản đạt 713.000 đồng, đạt 111% kế hoạch. Cuối năm 1979, huyện đã huy động hàng nghìn lượt ngày công của cán bộ, công chức các cơ quan huyện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt. Ngày 03/02/1980, huyện tổ chức lễ khánh thành, đưa vào sử dụng, góp phần quan trọng trong việc giải quyết nước sinh hoạt và tăng gia sản xuất tại khu vực huyện lỵ. Năm 1980, xây dựng cơ bản tiếp tục được đẩy mạnh, một số công trình thủy lợi, phúc lợi như thư viện huyện, rạp

chiếu bóng huyện và hơn 2.000 m^2 nhà ở được xây dựng, cơ bản giải quyết một bước chỗ ở cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

Công tác quốc phòng và an ninh nhân dân của huyện ngày càng được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI các ngành quân sự, công an từ huyện đến cơ sở phối hợp chặt chẽ cùng các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những chủ trương quan trọng trong mặt trận quốc phòng, từ việc giáo dục nhận thức, quan điểm đến việc thực hiện các công tác cụ thể, ngăn chặn kịp thời các hoạt động phá hoại chống các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Giáo dục vận động cán bộ và nhân dân thực hiện pháp luật Nhà nước, phát triển lực lượng dự bị, tăng cường củng cố dân quân tự vệ. Để tham gia xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, tháng 9/1978, huyện đã huy động 1.340 lao động trẻ, khỏe lên công trường. Tại công trường xuất hiện nhiều tập thể xuất sắc như Nậm Tha, Sơn Thủy, Võ Lao, Chiềng Ken, Nậm Dạng, Dần Thàng. Nhiều người nêu kỷ lục về năng suất lao động như anh Như và anh Chi ở Võ Lao, anh Phây ở Nậm Xây, đào hào đạt từ 07 - 14 mét khối một ngày. Cụ Giàng A De 70 tuổi là người Mông cũng xung phong đi xây dựng tuyến phòng thủ. Huyện Văn Bàn thành lập 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương, lấy tên là Tiểu đoàn 7A chi viện cho tiền tuyến, làm nhiệm vụ chiến đấu, Tiểu đoàn 7B làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu.

Để lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ lực lượng vũ trang, ngày 23/6/1978, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định số 163-QĐ/TU thành lập Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn. Bộ Chỉ huy có nhiệm vụ xây dựng, củng cố và mở rộng lực lượng

vũ trang địa phương; phát động quần chúng xây dựng làng, xã chiến đấu; xây dựng tuyến phòng thủ biên giới; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các phương án phòng thủ quân sự và phòng chống bạo loạn; kết hợp chặt chẽ việc chỉ đạo củng cố cơ sở mọi mặt ở vùng cao, biên giới của tỉnh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trong tỉnh.

Nhằm đối phó với những âm mưu xâm lược của địch, ngày 13/7/1978, Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn đã mở Hội nghị pháo đài tỉnh, xây dựng các huyện, thị trở thành pháo đài kiên cố, xây dựng ý chí quyết tâm bảo vệ quê hương.

Từ cuối năm 1978, khu vực giáp biên giới phía Bắc ngày càng trở nên căng thẳng. Để kịp thời đối phó với tình hình, ngày 5/1/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 01. Ngay sau đó, Ban Chấp hành Đảng bộ Hoàng Liên Sơn ra Nghị quyết số 14, chỉ rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh: Không ngừng đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng; nhanh chóng tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng; xây dựng lực lượng quân sự và an ninh địa phương vững mạnh về mọi mặt, thực hiện quốc phòng toàn dân; sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng, đập tan mọi âm mưu và hành động gây xung đột, xâm lấn biên giới, bảo vệ vững chắc biên giới, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng cùng cả nước đánh thắng chiến tranh xâm lược có thể xảy ra.

Đảng bộ tỉnh tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong nội bộ đảng và quần chúng, làm cho mọi người hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ khẩn thiết của địa phương; nhanh chóng xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới; luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết tâm bảo vệ biên giới lãnh thổ của Tổ quốc. Song song với những nhiệm vụ trên, Đảng bộ không ngừng chỉ đạo việc củng cố các cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể quần

chúng trong toàn tỉnh, nhất là ở những địa bàn xung yếu, xây dựng lực lượng vũ trang, an ninh địa phương, tăng cường cán bộ cho các huyện, các xã biên giới. Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo sát sao việc xây dựng các phương án chiến đấu và phục vụ chiến đấu, lập các phòng tuyến bảo vệ biên giới. Tỉnh có kế hoạch di chuyển dân ở sát biên giới vào cách đường biên 500 m, sơ tán trẻ em, người già về tuyến sau, di chuyển bến xe khách thị xã Lào Cai xuống Kim Tân và Phố Lu; đồng thời huy động nhân dân tuyến sau đào hầm, hào và tham gia đóng góp phục vụ quốc phòng.

Từ tháng 10/1978 cho đến ngày 15/2/1979, quân Trung Quốc thực hiện hàng loạt các vụ lấn chiếm, trinh sát thăm dò vào các vị trí phòng thủ của Việt Nam tại biên giới.

Ngày 17/2/1979, Trung Quốc huy động 28 sư đoàn bộ binh; 2 sư đoàn, 39 trung đoàn pháo binh; 7 trung đoàn và 1 tiểu đoàn xe tăng; 2 sư đoàn phòng không và nhiều trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh địa phương, biên phòng, dân binh; tổng số 600.000 quân cùng với 550 xe tăng 2.500 khẩu pháo, tấn công vào các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam. Chiến sự ác liệt nhất diễn ra tại Bát Xát, Mường Khương, Lào Cai.

Chiều 17/2/1979, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hoàng Liên Sơn kêu gọi cán bộ, đồng bào các dân tộc, các lực lượng vũ trang trong tỉnh bình tĩnh, chủ động cùng quân và dân cả nước nêu cao ý chí chiến đấu, kiên quyết giữ gìn từng tấc đất của Tổ quốc. Toàn tỉnh tập trung cho biên giới, chi viện cho biên giới. Tỉnh ủy đã cử phần lớn cấp uỷ viên tăng cường cho các ngành lên tuyến trên trực tiếp chỉ đạo, phục vụ chiến đấu và sơ tán nhân dân, vật tư, kho tàng về tuyến sau.

Ngày 18/2/1979, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã họp khẩn cấp, thông qua lời kêu gọi

toàn dân đoàn kết đập tan âm mưu xâm lược của thế lực thù địch. Đáp lời kêu gọi của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thực hiện chủ trương của tỉnh, quân và dân Hoàng Liên Sơn cùng với cả nước luôn trong tư thế chiến đấu. Từ thị xã Lào Cai tới thị xã Yên Bái, từ vùng thấp đến vùng cao, khắp mọi nơi trong tỉnh, nhân dân và quân đội nhất loạt hưởng ứng lời kêu gọi, biến ý chí quyết tâm thành sức mạnh hành động. Lực lượng vũ trang cùng với đồng bào các dân tộc đã đoàn kết thành một khối, mưu trí, dũng cảm, kiên quyết chặn bước tiến của địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Ngày 5/3/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân. Ngày 7/3/1979, Việt Nam tuyên bố cho phép Trung Quốc rút quân. Đến ngày 18/3/1979, Trung Quốc hoàn tất việc rút quân khỏi Việt Nam.

Cuộc xâm lược Việt Nam của quân Trung Quốc đã gây ra những thiệt hại nặng nề về kinh tế cho Việt Nam, trong đó có Lào Cai. Thị trấn Cam Đường bị hủy diệt hoàn toàn; trên 250.000 m^2 nhà xây, 1.300 lớp học bị phá hủy, 5.700 ngôi nhà bị đốt cháy, 60.000 người mất nhà cửa, gần 30.000 học sinh không có chỗ học, nhiều công trình, vật tư, thiết bị, kho tàng, máy móc bị phá hoại. Thiệt hại về người là 327 dân thường bị chết, 202 người bị thương, hàng nghìn bộ đội, dân quân tự vệ hy sinh và bị thương trong chiến đấu. Các huyện lỵ biên giới và thị xã Lào Cai bị thiệt hại hết sức nặng nề về cơ sở vật chất. Cuộc chiến tranh kéo dài đến năm 1988, để lại những thiệt hại to lớn và hậu quả lâu dài với nền kinh tế Việt Nam và quan hệ căng thẳng giữa hai đảng, hai nước.

Ngày 17/2/1979, chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra, chiến sự không lan tới huyện Văn Bàn. Trên địa bàn toàn huyện không bị ảnh hưởng chiến tranh tàn phá, song về lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức có ảnh hưởng rất lớn. Số người lánh nạn

đến Văn Bàn đông, hoạt động gián điệp biệt kích, thám báo của địch tương đối phức tạp. Từ thực tiễn của địa phương, Huyện uỷ chỉ đạo, các cấp các ngành, các cơ sở địa phương cần tăng cường củng cố các tổ chức chính trị xã hội, phát huy tốt vai trò hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng, kịp thời xử lý các vấn đề xảy ra ở cơ sở, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Huyện đã tổng động viên tiễn đưa tiểu đội 7A lên đường chiến đấu. Tiểu đoàn 7A đã lập được nhiều chiến công oanh liệt. Tiểu đoàn 7B cũng được huy động lên biên giới và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ chiến đấu. Tham gia đóng góp trên 3 vạn ngày công xây dựng tuyến phòng thủ chiến đấu, đào 12.000 hầm trú ẩn, 6000 m giao thông hào tại tuyến I. Trên địa bàn huyện còn tổ chức 43 trạm kiểm soát, 51 tổ trực chiến phòng không. Thời gian chiến sự diễn ra, Văn Bàn được phân công giúp đỡ thị xã Lào Cai, đã đón nhận và giúp đỡ hàng vạn lượt nhân dân, cán bộ công nhân viên thị xã Lào Cai và các huyện biên giới sơ tán về Văn Bàn cùng hàng nghìn lượt bộ đội qua lại làm nhiệm vụ trên địa bàn, đã tổ chức sơ tán bảo vệ dân có kết quả theo phương châm "bám đất, bám dân, bám làng bản".

Lực lượng an ninh ở huyện và các xã mạnh hơn trước. Thực hiện Nghị quyết số 14 và Chỉ thị số 13 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về tăng cường công tác giữ gìn trật tự, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, đặc biệt là thực hiện Chỉ thị số 01 ngày 5/1/1979, của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn về nâng cao cảnh giác, chủ động với âm mưu gây rối xâm phạm lãnh thổ tỉnh ta. Huyện đã ra Nghị quyết số 01 về công tác quân sự - an ninh và đã trưng tập trên 60 cán bộ có năng lực xuống trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động bảo vệ an ninh Tổ quốc, ở 17 cơ sở xã của huyện, với thời gian 3 tháng. Mỗi xã thành lập các tổ có từ 3 - 5 người, có quy chế hoạt động. Sau 3 tháng thực hiện cuộc vận động, các cơ sở đều đạt được kết quả tốt, đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 29/6/1979 của Tỉnh ủy về công tác quân sự, an ninh trong tình hình mới, đến tháng 8/1979, toàn huyện đã xây dựng được 507 tổ an ninh nhân dân và tổ an toàn cơ quan. Một số đối tượng có vấn đề về âm mưu chính trị, nhờ có sự lãnh đạo kịp thời của huyện và ý thức trách nhiệm cao của nhân dân, tình hình an ninh trật tự vẫn được đảm bảo. Công tác trấn áp phản động, chống thám báo, loại trừ bạo loạn được thực hiện tích cực.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn, cuối tháng 11/1979, huyện Văn Bàn tổ chức một tiểu đoàn dân công, quân số 500 người, dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, sẵn sàng làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu khi có tình huống chiến sự xảy ra.

Công tác củng cố xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đã đi đúng đường lối giai cấp và quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng. Năm 1979-1980, tỷ lệ dân quân của huyện đạt 15-17% so với dân số, tự vệ đạt 60-70% so với tổng số nhân viên cơ quan. Năm 1980, tổng lực lượng dân quân du kích và tự vệ của huyện là 5.094 người, trong đó lực lượng chiến đấu là 2.475 người; lực lượng phục vụ chiến đấu là 1.629 người; lực lượng hướng dẫn nhân dân sơ tán, tạm lánh là 990 người; biên chế thành 7 đại đội, 58 trung đội. Cơ quan quân sự huyện biên chế thành 4 bộ phận: Bộ phận tham mưu, Bộ phận chính trị, Bộ phận hậu cần, kỹ thuật, Bộ phận động viên tuyển quân[1].

Công tác huấn luyện chiến đấu, kết hợp với lao động sản xuất: Để đảm bảo cho công tác huấn luyện cho dân quân tự vệ đạt kết quả tốt, hàng năm đều tổ chức tập huấn cho cán bộ trước khi huấn luyện. Quân số đạt từ 85-90% so với kế hoạch. 100% xã và cơ quan, đơn vị tự vệ được tổ chức huấn luyện bảo đảm nội

[1] Truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2000.

dung, thời gian, an toàn về người và vũ khí trang bị. Kết quả huấn luyện qua các năm bình quân đạt 60-70% khá, giỏi. Trong chương trình huấn luyện hàng năm, đều dành một thời gian nhất định để tham gia lao động sửa chữa trường học, trạm xá, mương phai, sửa chữa đường liên xã, liên thôn, được cấp uỷ, các ngành và nhân dân các dân tộc trong huyện nhiệt tình ủng hộ[1].

Là huyện tuyến 2 xa biên giới cho nên nhận thức của nhân dân nói chung, chiến sỹ dân quân tự vệ nói riêng, có lúc lơ là mất cảnh giác. Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Huyện uỷ và Thường trực Ủy ban nhân dân huyện quan tâm, tập trung giáo dục ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng vũ trang địa phương. Các phương án tác chiến thường xuyên được xem xét, bổ sung theo yêu cầu mới. Coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên. Huyện đã có kế hoạch bảo đảm cho chiến đấu, lương thực, thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu. Đơn vị dân quân tự vệ cơ động thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, bảo quản tốt vũ khí trang bị, chuẩn bị gạo từ 7-10 ngày, khi có lệnh là lên đường. Chuẩn bị kho hậu cần, hậu cứ của huyện, tổ chức mạng giao thông hoả tốc ở huyện và các xã, kết hợp giữa phương tiện liên lạc của nhà nước với phương tiện thô sơ. Bảo đảm khi có tình hình đột biến sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ.

Sau khi có nghị quyết của Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn về xây dựng huyện thành pháo đài chiến đấu, quân sự huyện làm tham mưu cho cấp uỷ. Chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo triển khai trong toàn huyện rà soát lại lực lượng dân quân tự vệ; củng cố sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp; điều chỉnh, bổ sung phương án tác chiến; tu sửa hầm hào, xây dựng trận địa chiến đấu. Huyện chỉ đạo xây dựng pháo đài ở cụm xã Võ Lao, Nậm Dạng, Sơn Thuỷ và Tân An, rút kinh nghiệm sau đó triển khai trong toàn huyện.

[1] Báo cáo thi đua của Ban chỉ huy Quân sự huyện Văn Bàn 2 năm (1979-1980).

Trong 2 năm 1979-1980, công tác sẵn sàng chiến đấu của cơ quan quân sự huyện và các đơn vị dân quân tự vệ đã nâng lên rõ rệt. Cơ quan quân sự cử cán bộ xuống trực tiếp cùng với các cơ sở dân quân tự vệ triển khai chiến đấu, nhất là sau ngày 17/2/1979, huyện chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ hướng dẫn nhân dân tuyến 1 sơ tán về địa bàn và một số xã trọng điểm trong huyện, sơ tán vào các vị trí quy định. Huy động dân quân tự vệ vận chuyển hàng hoá của nhà nước sơ tán. Dân quân xã Võ Lao vận chuyển hơn 400 tấn hàng hoá các loại. Dân quân xã Tân An, Sơn Thuỷ khắc phục mọi khó khăn tham gia sửa chữa đường sá, bảo đảm đường vận chuyển về tuyến sau, chở hàng và cơ động lực lượng lên tuyến trước, tạo điều kiện cho tuyến trước đánh thắng kẻ thù.

Lực lượng dân quân tự vệ phối hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh tuần tra, canh gác, trong 2 năm bắt được 9 tên thám báo, 1 vụ lưu manh giả danh bộ đội, 3 vụ cờ bạc, 2 vụ cướp, 18 vụ ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, 11 vụ gian thương, bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tài sản của nhà nước và nhân dân. Chuẩn bị phương án chiến đấu tốt trong toàn huyện, đi đôi với công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, chi uỷ chi bộ, ban chỉ huy đã phân loại cán bộ, chiến sỹ và đơn vị cơ sở yếu kém hàng tháng, hàng quý để giáo dục, giúp đỡ. Trong 2 năm 1979 -1980, cán bộ, chiến sỹ cơ quan quân sự huyện và dân quân tự vệ yếu kém đã giảm xuống mức thấp nhất. Năm 1979, cán bộ, chiến sỹ yếu kém trong cơ quan chiếm 3,2%, năm 1980 chỉ còn 1,3%. Đơn vị dân quân tự vệ yếu kém năm 1979 chiếm 4%, năm 1980 chỉ còn 1,9%[(1)].

Công tác đăng ký, quản lý, động viên quân dự bị: Duy trì chặt chẽ đăng ký, quản lý quân dự bị, động viên sắp xếp vào các đơn vị theo mệnh lệnh của chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự

[(1)] Truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2000.

tỉnh. Cơ quan quân sự đã đăng ký, quản lý 1.750 quân dự bị, trong đó sỹ quan là 114 người. Số đủ điều kiện động viên trở lại quân đội là 1.500 cán bộ, chiến sỹ. Công tác đăng ký quản lý nguồn dự bị động viên còn gặp khó khăn. Một số lớn quân nhân khi hoàn thành nhiệm vụ về địa phương không chấp hành việc đăng ký ngạch dự bị, nhiều trường hợp đăng ký ở huyện, không đăng ký ở xã và ngược lại. Do vậy quân nhân phục viên xuất ngũ ở cơ sở có nơi còn bỏ sót không được quản lý, đăng ký, sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên.

Năm 1979, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phát động cuộc vận động *"Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân"* trong toàn lực lượng vũ trang tỉnh, với 3 nội dung lớn. Năm 1979, cuộc vận động tập trung vào thực hiện tốt 5 mục tiêu: 1. Mạnh về ý chí chiến đấu và đoàn kết kỷ luật; 2. Mạnh về tổ chức, năng lực hành động; 3. Mạnh về đoàn kết quân dân và cơ quan nhà nước; 4. Bảo quản giữ gìn vũ khí trang bị và cơ sở vật chất; 5. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của đơn vị.

Cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn quán triệt và thực hiện nghiêm túc, mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn lực lượng vũ trang từ cơ quan quân sự huyện đến các đơn vị dân quân tự vệ. Cuộc vận động đã tạo ra một khí thế mới, thi đua hoàn thành tốt từng nội dung, từng mục tiêu của cuộc vận động, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh, có tinh thần chiến đấu cao, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân và các lực lượng trên địa bàn tốt. Thường xuyên củng cố tổ chức, biên chế đủ thành phần, lực lượng, năng lực hoạt động, trình độ quản lý, chỉ huy cán bộ các cấp được nâng lên. Quản lý tốt vũ khí trang bị chiến đấu, phong trào tăng gia sản xuất tốt, vừa sẵn sàng chiến đấu vừa lao động sản xuất phát triển kinh tế địa phương. Giữ gìn, phát huy được bản chất,

truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", là lực lượng chính trị trung thành, tin cậy của Đảng, nhà nước và nhân dân địa phương.

Xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân dân một ý chí: Ban Chỉ huy Quân sự thường xuyên giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản của nhân dân. Nhận thức ý nghĩa của công tác dân vận, tổ chức cho cơ quan, đơn vị cơ sở học tập tài liệu về chính sách dân vận, chính sách dân tộc. Riêng cơ quan quân sự huyện, cán bộ, chiến sỹ học 10 lời thề, 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân. Ban Chỉ huy Quân sự và các đơn vị cơ sở giữ vững sự đoàn kết nhất trí cao với nhân dân các dân tộc trên địa bàn và nhân dân tuyến I sơ tán về. Các đơn vị tổ chức giúp đỡ nhân dân sơ tán về địa phương tháng 2/1979, như làm lán, mượn nhà ở. Cơ quan quân sự kết nghĩa với xã Chiềng Ken, giúp đỡ xã về mọi mặt. Cử cán bộ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của huyện xuống xây dựng phong trào xã. Năm 1979-1980, có 12 lượt cán bộ tham gia. Tổ chức giúp xã Khánh Yên Thượng được 100 công lao động sản xuất.

Các đơn vị dân quân tự vệ thường xuyên được giáo dục, nên giữ vững được sự đoàn kết, nhất trí với các đơn vị bộ đội đóng quân tại địa phương như Trung đoàn 556, 53, 730 của Sư đoàn 344 và các cơ quan, ban ngành của huyện. Giúp đỡ bộ đội được 500 kg gạo, 400 kg thịt, 1.200 kg rau các loại; 100 bao đựng gạo và 420 công làm nhà ở. Đặc biệt năm 1980, do hoả hoạn gây ra ở một số xã, nhiều nhà dân và cơ quan, đơn vị bộ đội bị thiệt hại. Lực lượng dân quân tự vệ đã tổ chức giúp đỡ kịp thời làm giảm bớt một phần khó khăn cho các hộ gia đình bị cháy nhà, đóng góp được 2.049 kg thóc, 957 kg gạo, 52 kg muối, 679 bát, 42 bộ quần áo, tiền là 2.692 đồng và một số đồ dùng khác.

Các ngày lễ, tết, cơ quan quân sự cử cán bộ xuống xã kết hợp với cán bộ cơ sở, tổ chức thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình cán bộ hưu trí, gia đình quân nhân tại ngũ. Vận động nhân dân tham gia một ngày lao động cộng sản dịp ngày 27/7, được 7.256 công để giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình quân nhân gặp khó khăn; sửa chữa, làm mới 17 ngôi nhà, động viên 100% con em thương binh, liệt sỹ đến trường học tập và được lên lớp.

Cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện đoàn kết chặt chẽ với cơ quan nhà nước, đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn; thường xuyên gặp gỡ trao đổi tình hình nhiệm vụ, phối hợp hiệp đồng tác chiến. Cơ quan quân sự huy động cán bộ tham gia xây dựng công trình công cộng. Năm 1980, đào đắp hơn 600 m^3 đất và 40 công làm rạp chiếu bóng thanh niên. Cử cán bộ chỉ huy quân nhân đảo ngũ lao động bắt buộc. Năm 1979, khai thác được 700 cây gỗ tròn, 34.000 cây vầu. Năm 1980, khai thác 179 m^3 gỗ, 12.000 cây vầu; đào, đắp hơn 9.000 m^3 đất đá, góp phần thông đường Chiềng Ken - Nậm Tha.

Tháng 8/1980 đã biên chế, sắp xếp xong 1 tiểu đoàn dự nhiệm của huyện, quân số 449 đồng chí. Biên chế gồm tiểu đoàn bộ và 4 đại đội, có 31 sĩ quan, 15 quân nhân chuyên nghiệp và 403 hạ sỹ quan, binh sỹ sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu khi có lệnh.

Tháng 11/1980, huyện Văn Bàn tiến hành tổng kết công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn và Ban chỉ đạo Bảo vệ an ninh Tổ quốc của tỉnh đánh giá là huyện có phong trào mạnh, có nhiều kinh nghiệm để các huyện khác học tập.

Năm 1980, lực lượng vũ trang của huyện tăng cả về số lượng và chất lượng, từng đơn vị hoàn thành chương trình huấn luyện, hoàn chỉnh các kế hoạch phương án hiệp đồng tác chiến. Lực

lượng dân quân tự vệ được kiện toàn về mọi mặt, số lượng năm sau cao hơn năm trước. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100%.

Về chính sách xã hội, nhất là đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Chính sách hậu phương quân đội được thực hiện chu đáo, những gia đình khó khăn, người già yếu được quan tâm giúp đỡ.

Công tác cán bộ để phục vụ cho vùng sâu, vùng xa trong tình hình mới của huyện được tiến hành mạnh mẽ. Huyện lựa chọn những cán bộ cốt cán của Đảng tham gia vào 4 chức danh chủ chốt của xã: Bí thư, Chủ tịch, Xã đội trưởng và Trưởng công an xã. Trong 5 năm, huyện đã tiến hành đề bạt, bổ nhiệm 50 đồng chí trưởng, phó phòng, ban cấp huyện. Để tăng cường sức mạnh cho công tác cán bộ, tỉnh Hoàng Liên Sơn bổ sung cho huyện Văn Bàn 54 cán bộ. Huyện cử hàng nghìn cán bộ đi học lớp bổ túc văn hóa, văn hóa tập trung, lớp sơ cấp chính trị tại chức, trường Đảng tỉnh, trường Nguyễn Ái Quốc, các trường khác ở tỉnh và ở Trung ương.

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ đã chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng bằng nhiều hình thức phong phú, liên tục và sâu rộng để không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị và tinh thần làm chủ tập thể cho cán bộ, đảng viên. Đồng thời tiến hành đợt kiểm điểm phê bình và tự phê bình trong Đảng theo Chỉ thị số 192 và Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị nhằm tìm ra mặt mạnh, yếu để phát huy và khắc phục.

Công tác củng cố kiện toàn tổ chức Đảng từ cơ sở đến huyện được quan tâm. Các cấp ủy được kiện toàn, tăng cường cả về số

lượng và chất lượng. Năm 1977, tiến hành Đại hội kiện toàn lại 11 Ban chi ủy, Đảng ủy. Năm 1978, đã có 27/37 cấp ủy cơ sở trực thuộc được kiện toàn lại. Năm 1980, có 20% tổ chức cơ sở Đảng đạt loại xuất sắc.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát thẻ đảng viên. Đến cuối năm 1980, toàn Đảng bộ đã có 618 đảng viên được nhận thẻ Đảng, chiếm 76% số đảng viên toàn Đảng bộ. Qua phân xếp loại, có 88% đảng viên đủ tư cách. Công tác phát thẻ Đảng viên được thực hiện đúng quy định. Việc phát và nhận thẻ Đảng đã nâng cao trách nhiệm của tổ chức Đảng và đảng viên, củng cố thêm một bước tổ chức cơ sở Đảng.

Đảng bộ huyện rất chú ý đến công tác phát triển đảng viên mới, bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục của Điều lệ Đảng, coi trọng chất lượng hơn số lượng. Trong 5 năm (1976-1980), Đảng bộ huyện đã kết nạp được 151 đảng viên mới. Riêng trong chiến tranh tháng 2/1979, Đảng bộ kết nạp được 6 quần chúng ưu tú. Việc nâng cao chất lượng đảng viên và quản lý đảng viên tiếp tục được đẩy mạnh, số đảng viên trung bình và kém giảm.

Thực hiện Thông tri 22 ngày 8/9/1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách. Năm 1977-1978, huyện đã khai trừ ra khỏi Đảng 46 trường hợp. Đến năm 1980, khai trừ 16 đảng viên và xóa tên 31 trường hợp.

Về công tác xây dựng chính quyền, đoàn thể, năm 1977, huyện Văn Bàn đã chỉ đạo chặt chẽ công tác bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Đến cuối năm 1979, huyện tiếp tục chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp đạt kết quả, hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Nhiều tổ chức Mặt trận cơ sở

tăng cường vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, hăng hái tham gia lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm. Đoàn Thanh niên mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, phát động phong trào thanh niên xung kích trong lao động sản xuất, làm phân bón, làm thêm giờ khi thời vụ khẩn trương; phong trào thanh niên đi đầu trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các phong trào thanh niên "Hai tiên tiến", "Ba xung kích làm chủ tập thể" thực sự là nòng cốt trên mặt trận lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hội Phụ nữ tập trung thực hiện các phong trào phụ nữ: "Cấy đúng kỹ thuật", "Ba đảm đang", phát triển chăn nuôi, chấp hành nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước; tăng cường hoạt động tuyên truyền, vận động chị em hăng hái tham gia các phong trào, "Phụ nữ mới xây dựng đất nước", "Nuôi con khỏe, dạy con ngoan", "Xây dựng và thực hiện nếp sống văn hóa". Các cụ phụ lão thời kỳ này cũng có phong trào "Ba giỏi", tham gia trồng cây, chăm sóc giúp đỡ gia đình chính sách.

Ghi nhận những thành tích to lớn trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đã giành được, năm 1979, huyện Văn Bàn vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Năm 1980, Trung ương Đảng tặng "Cờ vững mạnh" cho Đảng bộ huyện và 2 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc huyện ủy Văn Bàn.

II. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1981-1985)

Sau khi kết thúc chiến tranh, tỉnh Hoàng Liên Sơn tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, tổ chức lại sản xuất, ổn định đời sống nhân dân vùng biên giới; củng cố đoàn kết quân dân; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân; xây dựng hành lang biên giới; củng cố các lực lượng chiến đấu; tăng cường công

tác phòng, chống hoạt động biệt kích, thám báo, chiến tranh tâm lý tuyên truyền lôi kéo, chia rẽ, kích động đồng bào các dân tộc... Tỉnh đã tổ chức cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang và phong trào "Bảo vệ an ninh Tổ quốc". Nhờ thực hiện tốt các việc làm trên, đến cuối năm 1980, tình hình mọi mặt trong tỉnh cơ bản được ổn định.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II (9/1980) xác định phương hướng, nhiệm vụ chung của Đảng bộ đến năm 1982: Phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường; khai thác và sử dụng tốt tài nguyên, lao động, đất, rừng, các điều kiện sẵn có; động viên mọi lực lượng ra sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; giữ vững an ninh trật tự địa phương; bảo đảm tốt đời sống nhân dân; tích cực xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Đại hội V của Đảng xác định từng chặng đường cho cách mạng Việt Nam. Trong đó, chặng đường trước mắt bao gồm những năm còn lại của thập niên 80 thế kỷ XX với những mục tiêu kinh tế - xã hội tổng quát: Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đồng thời tăng thêm trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế khác và chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất trong cả nước. Đáp ứng các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Theo tinh thần đó, rút kinh nghiệm trong việc xây dựng Kế hoạch 5 năm 1976-1980, Đảng và Nhà nước nhấn mạnh đến tính khả thi trong việc đề ra các mục tiêu của kế hoạch lần này. Vì vậy, trong Kế hoạch 5 năm 1981-1985, tuy vẫn đề ra nhiệm vụ tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nhưng thận trọng hơn và việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật không triển khai đồng loạt như trong Kế hoạch 5 năm 1976- 1980, mà tiến hành một cách có trọng điểm.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo, các mục tiêu nhiệm vụ lớn do Đại hội V của Đảng đề ra. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn đề ra những nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1983-1985: Tiếp tục lãnh đạo khắc phục hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh biên giới. Điều chỉnh, sắp xếp, bố trí lại sản xuất, đời sống cho đồng bào khu vực biên giới, chuyển sang trạng thái vừa xây dựng, vừa sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại của các thế lực phản động. Hình thành các vùng chuyên canh như vùng chè, vùng quế, vùng rừng nguyên liệu công nghiệp. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng, tổ chức kinh doanh theo hướng nông lâm kết hợp. Củng cố các lâm trường quốc doanh, sắp xếp lại sản xuất gắn với định canh, định cư, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật, giải quyết đời sống nhân dân, hướng dẫn đồng bào làm ăn tập thể ở những nơi có điều kiện và đồng bào tự nguyện. Ưu tiên tuyển dụng lao động vào làm công nhân của các lâm trường, nông trường, công trường, xí nghiệp tại địa phương. Đẩy mạnh phong trào sản xuất và thâm canh nông nghiệp toàn diện, tăng cường công tác quy hoạch, thiết kế và hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, thực hiện chế độ canh tác xen canh, luân canh hợp lý. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp... Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II và III. Trong nông nghiệp,

sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu khóa IV (tháng 9/1979) được triển khai, hình thức khoán sản phẩm đến hộ xã viên ngày càng lan rộng trong cả nước, trong đó, có một số hợp tác xã của Hoàng Liên Sơn. Để đánh giá một cách chính xác, hiệu quả của hình thức khoán sản phẩm đến hộ xã viên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Thông báo 22 (ngày 21/10/1980) cho phép các địa phương tiến hành thử nghiệm hình thức này. Sau thông báo của Ban Bí thư Trung ương, hình thức khoán sản phẩm nhanh chóng được triển khai rộng rãi, vượt khỏi quy mô làm thử và đem lại hiệu quả thiết thực. Nó chứng minh khả năng có thể thoát ra khỏi khủng hoảng, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết được vấn đề lương thực cho nhân dân.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tiễn, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương ban hành Chỉ thị 100-CT/TW, chính thức quyết định chủ trương thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (thực chất là khoán đến hộ xã viên và thường gọi là Khoán 100). Nội dung của Chỉ thị 100 là các hợp tác xã nông nghiệp tiến hành giao khoán đất cho các hộ xã viên. Trên diện tích đó, hợp tác xã sử dụng lao động tập thể tiến hành một số khâu như làm đất, thủy nông, giống mạ, phân bón, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ mùa màng, quản lý và phân phối. Các khâu còn lại như cấy trồng, chăm sóc, thu hoạch do hộ xã viên tự làm. Hợp tác xã giao khoán sản lượng cho hộ xã viên. Hộ xã viên có nghĩa vụ nộp phần sản lượng khoán và được quyền hưởng toàn bộ phẩm sản lượng vượt khoán. Khoán 100 được coi là khâu đột phá đầu tiền trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

Ở Hoàng Liên Sơn, tinh thần của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) đã đến với nhiều hợp tác xã nông nghiệp. Tiếp đó, nhằm cụ thể hóa Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, ngày 11/6/1981, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn ra Chỉ thị số 06-CT/ TU về tăng cường công tác lãnh đạo cải tiến công tác khoán sảnphẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.

Chỉ thị yêu cầu các cấp, các ngành phải thực hiện tốt một số việc: "1. Từ vụ mùa năm 1981 cần mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động ở tất cả các hợp tác xã vùng thấp, các hợp tác xã quá kém nhất là thiếu cán bộ có trách nhiệm và năng lực quản lý cần được củng cố. Các huyện, thị ủy cần chỉ đạo chặt chẽ việc khoán sản phẩm gắn với kế hoạch củng cố hợp tác xã, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh, đồng thời cần có sự chuẩn bị tốt, tránh tư tưởng bảo thủ không dám làm. Mặt khác, cũng cần chống hiện tượng buông trôi, khoán trắng. Các hợp tác xã ở vùng cao biên giới cần làm thí điểm ở mỗi huyện từ 1-3 hợp tác xã để rút kinh nghiệm, chỉ đạo mở rộng các vụ sau.

2. Về yêu cầu khoán sản phẩm: Phải thể hiện tốt cả ba lợi ích nhà nước, hợp tác xã và người lao động, chú ý hơn nữa lợi ích của người lao động, phải đạt được yêu cầu cơ bản của công tác khoán sản phẩm là sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất được củng cố, năng suất cây trồng, gia súc tăng, năng suất lao động tăng, chất lượng phẩm tốt, tăng thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy hợp tác xã, làm tốt nghĩa vụ và nhiệm vụ trao đổi hàng hóa với Nhà nước.

3. Về nội dung khoán sản phẩm, trước hết phải có kế hoạch khoán của hợp tác xã, kế hoạch khoán cho đội và kế hoạch khoán đến lao động của từng người. Phải làm được kế hoạch sản xuất, kế hoạch vật tư kỹ thuật và công tác tài vụ, hạch toán cụ thể. Hợp tác xã giao kế hoạch 3 khoán cho đội sản xuất (chi phí sản xuất, công điểm, sản lượng). Đội sản xuất khoán việc cho những tổ chuyên khâu, giống, thủy lợi, cây con và giao khoán sản phẩm đến người lao động. Hợp tác xã và đội sản xuất làm tập thể (có

thể theo nhóm hoặc tổ chuyên khâu) làm 5 khâu: Khâu làm đất, khâu giống và mạ, khâu phân bón, khâu thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh. Người lao động nhận khoán ba khâu: gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch.

Trong quá trình tiến hành, phải chỉ đạo chặt chẽ, có quy định nội dung cụ thể. Hợp tác xã và đội sản xuất phải có trách nhiệm điều hành toàn bộ công việc của 8 khâu. Quá trình chỉ đạo thực hiện phải linh hoạt, không được tách bóc giữa các khâu làm tập thể và các khâu lao động nhận khoán. Trong các khâu, từ yêu cầu công việc cụ thể phân công lao động cho hợp lý, bảo đảm sản xuất lao động và hiệu quả công việc. Thưởng phạt 100% đối với người thực hiện vượt hoặc hụt mức sản phẩm nhận khoán. Toàn bộ số diện tích của đội sản xuất giao khoán cho lao động phải công bằng, hợp lý không manh mún, cố gắng ổn định từ 2 đến 3 năm để xã viên yên tâm sản xuất. Đối với các khâu làm tập thể phải hình thành các tổ, nhóm tạm thời. Hợp tác xã và đội sản xuất phải quản lý toàn bộ sức kéo và công cụ sản xuất, không được khoán trắng cho từng hộ tự làm. Mặt khác, cần chú ý giúp đỡ gia đình bộ đội, neo đơn, thương binh liệt sĩ để mọi người cùng làm tốt phần ruộng nhận khoán. Đối với những gia đình có trâu riêng thì khuyến khích họ đưa trâu làm theo nhóm, hợp tác xã và đội sản xuất trả công điểm cho người có trâu riêng. Hình thức khoán: Có thể áp dụng theo 3 hình thức khoán (khoán cho đội, khoán cho nhóm và khoán cho người lao động) là đơn vị kinh tế, đơn vị nhận khoán với hợp tác xã và chịu trách nhiệm nộp sản phẩm cuối cùng của đội cho hợp tác xã. Trên cơ sở 3 khoán cho đội, đội tiến hành giao khoán cho nhóm lao động và người lao động theo định mức kinh tế - kỹ thuật, gắn trách nhiệm và lợi ích của người nhận khoán với sản phẩm cuối cùng. Qua thực tế, khoán sản phẩm cuối cùng cho người lao động là tốt nhất, các hợp tác xã giáp biên giới khoán cho nhóm là đúng

và cần thiết, tùy theo đặc điểm từng nơi mà áp dụng cho thích hợp nhưng phải tránh biến nhóm lao động thành một cấp quản lý kinh tế thay cho đội sản xuất.

Công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và quán triệt đầy đủ, sâu sắc chỉ thị của Trung ương, của tỉnh và Thông tư 05 của Bộ Nông nghiệp đến toàn thể cán bộ, đảng viên, xã viên để họ hiểu rõ và làm đúng. Cấp ủy các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ công tác khoán sản phẩm theo đúng tinh thần Chỉ thị 100 của Trung ương và Chỉ thị này. Từng thời gian và từng khâu công việc phải có kiểm tra, sơ kết, uốn nắn những lệch lạc, phổ biến kinh nghiệm những nơi làm tốt, không được buông trôi lãnh đạo. Tăng cường công tác tổ chức quản lý trong hợp tác xã và đội sản xuất, phải gắn công tác xây dựng Đảng, xây dựng hợp tác xã với cải tiến công tác khoán, kiện toàn Ban quản trị, đội sản xuất, soát xét lại các tiểu ban cho hợp lý.

Các ngành phải có ý thức trách nhiệm cùng với hợp tác xã và những người lao động trong khoán sản phẩm, cần được học tập chỉ thị, phải có kế hoạch để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và cho công tác khoán sản phẩm như: Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính vật giá, Ngân hàng, Thủy lợi, Giao thông, Công nghiệp, Xây dựng, Thương nghiệp, Lương thực, vật tư... Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn, Sở Nông nghiệp có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, uốn nắn những lệch lạc và thường kỳ báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các cơ quan tuyên truyền: Báo, Văn hóa thông tin, Đài Phát thanh tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, nêu được phương pháp quản lý tốt của các hợp tác xã từng vùng, nêu được phương pháp khoán đổi với từng cây con... Làm cho các cấp, các ngành, mọi người thấy rõ lợi ích và sự cần

thiết phải cải tiến công tác khoán mới để tích cực thực hiện và vận dụng một cách sáng tạo. Các đoàn thể: Thanh niên, phụ nữ, nông dân tập thể, công đoàn... với chức năng nhiệm vụ của mình có kế hoạch triển khai xuống cơ sở, tạo ra được một phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi trong nông thôn. Các cấp, các ngành, các đoàn thể cần quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ thị này và có kế hoạch triển khai thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh trong phát triển sản xuất.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ ngày 23-28/12/1981, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XII (vòng 1) được tiến hành. Tham dự Đại hội có 135 đại biểu chính thức và 16 đại biểu dự khuyết. Đại hội thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị và đề cương Xây dựng Đảng của Trung ương chuẩn bị trình Đại hội V của Đảng. Đại hội bầu ra đoàn đại biểu đi dự Đại hội lần thứ III Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, gồm 12 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết. Từ ngày 04-09/10/1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XII (vòng 2) được tiến hành. Có 135 đại biểu chính thức và 17 đại biểu dự khuyết thay mặt cho gần 1.000 đảng viên từ 40 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy về dự Đại hội. Đồng chí Hoàng Kim Phấn - Ủy viên Ban Thường vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII gồm 27 Ủy viên chính thức và 2 Ủy viên dự khuyết. Đồng chí Dương Xuân Cương được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Hoàng Đình Tom, đồng chí Tạ Duy Hiển được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội bầu 13 đồng chí đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III. Đại hội long trọng tổ chức đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Nhà nước trao tặng cán bộ và nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại hội đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI và đề ra nhiệm vụ chủ yếu từ năm 1983 đến năm 1985: Đưa sản xuất nông - lâm nghiệp đi vào ổn định vững chắc, đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm ở địa phương, có nhiều nông sản hàng hóa; củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt khoán sản phẩm. Khôi phục và đẩy mạnh hoạt động các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nhằm giải quyết tốt nhu cầu nông cụ thường, nông cụ cải tiến, vật liệu xây dựng, hàng xuất khẩu và đồ dùng gia đình. Đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường quốc phòng theo hướng xây dựng huyện thành pháo đài vững chắc toàn diện trên mọi lĩnh vực. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền.

Đại hội đề ra một số mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực: Cây lương thực, phấn đấu năm 1985 đạt 6.840 ha, sản lượng 17.000 tấn, bình quân lương thực đầu người/năm là 470 kg. Cây công nghiệp dài ngày, phấn đấu đến năm 1985 có 150-200 ha quế, 700 ha cây lai. Cây công nghiệp ngắn ngày, đỗ tương trồng thành vùng tập trung ở xã Hòa Mạc, Tân An, Võ Lao, phấn đấu đến năm 1985 trồng được 350-400 ha. Đẩy mạnh trồng cây bông để tự túc 60-70% nhu cầu vải mặc cho nhân dân. Về chăn nuôi, phấn đấu 1985 có 8.100 con trâu, 1.100 con bò, 16.000 con lợn. Đẩy mạnh chăn nuôi cá, đưa 120 ha ao hồ vào nuôi cá hiệu quả với năng suất 3 tấn/ha trở lên. Về lâm nghiệp, quan tâm coi trọng, trồng rừng và bảo vệ rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây và xây dựng "vườn rừng", tiếp tục đầu tư, mở thêm gói khai thác. Phấn đấu mỗi năm khai thác từ 13.000-15.000 mét khối gỗ. Sản xuất công nghiệp, phấn đầu năm 1983 đạt giá trị sản lượng 2-3 triệu đồng, vôi 1.500-2.000 tấn, gạch 1,5-2 triệu viên. Từng bước ngói hóa nhà công cộng, vận động khuyến khích

nhân dân làm nhà gỗ lợp ngói hoặc nhà xây lợp ngói. Tập trung đẩy mạnh cả 3 ngành học, hàng năm chuyển cấp, chuyển lớp đạt tỉ lệ cao. Nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám bệnh và điều trị, phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số từ 2,5% xuống 2,2% vào năm 1985, mỗi tháng người dân các xã được xem chiếu phim 01 lần trở lên.

Sau Đại hội, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nội dung tập trung vào việc tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tăng cường củng cố các tổ chức cơ sở Đảng và hệ thống chính trị. Qua đợt sinh hoạt chính trị làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu sâu hơn tình hình của huyện trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đề ra.

Từ năm 1981-1985, huyện Văn Bàn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ huyện với quyết tâm rất cao nên đã giành được kết quả rất phấn khởi trên các lĩnh vực.

Về nông - lâm nghiệp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI đề ra nhiệm vụ chủ yếu về lĩnh vực nông lâm nghiệp giai đoạn 1981-1985 là "Đưa sản xuất nông, lâm nghiệp đi vào thế ổn định vững chắc đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm ở địa phương, có nhiều nông sản hàng hóa, củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt khoán sản phẩm".

Theo đó, Đảng bộ huyện chỉ đạo coi trọng thâm canh, kết hợp với mở rộng diện tích. Nhờ vậy, từ năm 1981-1985, tổng diện tích gieo trồng tăng từ 8.173 ha lên 8.655 ha, tăng bình quân hàng năm 1,4%, so với mục tiêu Đại hội đạt 96,1%. Do tập trung chỉ đạo thâm canh nhất là thay đổi cơ cấu giống, thay đổi

mùa vụ và tăng cường các biện pháp chăm sóc, đầu tư phân bón, thủy lợi nên năng suất lúa tăng nhanh từ 38 tạ/ha lên 51,8tạ/ ha, tăng bình quân 8%, so với mục tiêu Đại hội tăng 7,9%. Giải quyết được vấn đề lương thực trên địa bàn huyện, hàng năm chuyển về tỉnh gần một ngàn tấn. Cây công nghiệp được tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích. Cây công nghiệp ngắn ngày có 523 ha, tăng bình quân hàng năm 6,7%. Cây công nghiệp dài ngày có 978 ha, tăng bình quân hàng năm 10,75%. Tổng diện tích cây công nghiệp trong 5 năm (1981-1985) tăng 448,4 ha, tăng bình quân hàng năm 9,3%. Trong đó, một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu như đỗ tương, lạc, bông, quế, chè, trẩu, được quan tâm chỉ đạo mở rộng diện tích theo vùng. Diện tích cây bông được mở rộng đã khuyến khích nghề truyền thống trồng bông dệt vải, tự túc chăn đắp và một phần vải mặc ở địa phương[1].

Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị về cải tiến công tác khoán, mở rộng sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 100); Thông báo số 22 ngày 21/10/1980 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thông tri số 4 ngày 10/12/1980 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 100 ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc mở rộng và hoàn thiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; Chỉ thị 06- CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, huyện Văn Bàn tổ chức các hội nghị học tập, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương khoán sản phẩm của Đảng và Nhà nước. Các xã còn mở lớp tập huấn cho cán bộ xã và hợp tác xã nhận thức rõ sự cần thiết phải thay đổi về những yêu cầu, nguyên tắc, phương pháp

[1] Báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy tại Đại hội lần thứ XIII.

quản lý trong hợp tác xã, bảo đảm 3 lợi ích: Nhà nước, hợp tác xã và cá nhân người lao động.

Ban Thường vụ Huyện ủy nghiên cứu và quán triệt một cách sâu sắc về nội dung, tinh thần chỉ thị, tiến hành triển khai làm thí điểm ở 3 HTX ngay từ vụ Đông xuân 1980-1982, để rút kinh nghiệm. Đến năm 1983, đã triển khai 37/50 HTX trong toàn huyện với tổng số hộ nhận khoán là 3.454 hộ (chiếm 79%). Tổng số lao động nhận khoán là 9170 (chiếm 81%), diện tích giao khoán là 1204 ha (chiếm 91%) so với tổng diện tích ruộng nước của toàn huyện. Sau 3 năm thực hiện cơ chế khoán sản mới đã đạt được kết quả quan trọng[1]. Khoán sản phẩm đã thúc đẩy việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, mở rộng diện tích đất đai, đi sâu vào thâm canh tăng năng suất cây trồng và con gia súc. Kết quả sản xuất nông nghiệp trong 3 năm đạt cao hơn so với các năm trước đây.

Về cây lúa, khoán sản phẩm diện tích gieo cấy hàng năm được tăng lên, năm 1983 so với năm 1980 tăng 127 ha. Về năng suất, 3 năm liên tục tăng, vụ sau cao hơn vụ trước, năm sau cao hơn năm trước. Đến năm 1983, năng suất bình quân của toàn huyện đạt được 46 tạ/ha, so với năng suất bình quân1.980 (chưa thực hiện khoán sản phẩm) là 41,4 tạ/ha, (tăng 11,2%). Trên cơ sở năng suất tăng, nên tổng sản lượng cũng tăng qua các năm. Tổng sản lượng năm 1983 đạt 9.112,4 tấn, so với năm 1980 tăng hơn 1.402,3 tấn. Năm 1985, diện tích trồng cây lương thực của huyện là 6512 ha, so với năm 1980 là 6.128 ha; sản lượng lương thực quy ra thóc là 16162 tấn, so với năm 1980 là 13.439 tấn; diện tích gieo cấy lúa là 4376 ha, so với năm 1980 là 4188 ha; sản lượng lúa là 10.266 tấn, so với năm 1980 là 8.071

[1] Báo cáo đánh giá kết quả việc thực hiện Chỉ thị 100 sau 3 năm khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (ngày 20/12/1984).

tấn; sản lượng màu quy ra thóc là 5.896 tấn, so với năm 1980 là 5.368 tấn.

Cây hoa màu, vẫn được chú trọng phát triển, đặc biệt là cây ngô và cây khoai lang diện tích tăng lên rõ rệt. Năm 1985, diện tích hoa màu lương thực là 2.136 ha, so với năm 1980 là 1.940 ha; diện tích ngô là 767 ha, so với năm 1980 là 626 ha; sản lượng ngô 962 tấn, so với năm 1980 là 755 tấn; diện tích sắn là 962 ha, so với năm 1980 là 1.000 ha; sản lượng sắn là 12.025 tấn, so với năm 1980 là 11.305 tấn; diện tích ra các loại là 270 ha, so với năm 1980 là 229 ha; sản lượng rau các loại là 2.728 tấn, so với năm 1980 là 2.476 tấn; diện tích đậu các loại là 185 ha, so với năm 1980 là 135 ha; sản lượng đậu các loại là 71 tấn, so với năm 1980 là 57 tấn.

Một số cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, lạc, vừng... phát triển nhanh. Đậu tương từ 68 ha năm 1980 tăng lên 177,5 ha năm 1983; sản lượng đậu tương tăng từ 34 tấn năm 1980 lên 58 tấn năm 1985; bông từ 209 ha năm 1980 tăng lên 300 ha năm 1983 và 301 ha năm 1985, sản lượng bông tăng từ 51 tấn năm 1980 lên 78,3 tấn năm 1985. Cây mía, năm 1980 diện tích là 11,6 ha, năm 1985 là 41 ha; sản lượng năm 1980 đạt 290 tấn, năm 1985 đạt 1021 tấn. Cây lạc, năm 1980 diện tích là 58 ha, năm 1985 là 97 ha; sản lượng năm 1980 đạt 42 tấn, năm 1985 đạt 51 tấn. Cây vừng, năm 1980 diện tích là 19 ha, năm 1985 là 51ha; sản lượng năm 1980 đạt 4,7 tấn, năm 1985 đạt 5,6 tấn. Cây chè, năm 1980 diện tích là 61 ha, năm 1985 là 73 ha; sản lượng năm 1980 đạt 88 tấn, năm 1985 đạt 91 tấn[(1)].

Sản xuất chăn nuôi giữ vững và ổn định, đàn đại gia súc có hướng phát triển nhanh, tăng từ 6.483 con (năm 1981) lên 6.899 con (năm 1983). Đàn trâu tăng từ 6.483 con năm 1980 lên 6.600

[(1)] Chi cục Thống kê Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn 1976-1990*, tr.122-170.

con năm 1981 và đạt 8.351 con năm 1985. Đàn lợn gia đình xã viên trong điều kiện dịch bệnh thường xuyên xảy ra nhưng đã có cố gắng khắc phục giữ vững và ổn định được đầu đàn. Đến năm 1983, có 12.925 con so với 1980 là 10.340 con, năm 1981 là 12.704 con, năm 1985 là 18.190 con, tăng bình quân hàng năm 7,45%. Các gia súc, gia cầm khác được tiếp tục khuyến khích phát triển. Đến năm 1985, có 738 con bò, 668 con ngựa 1.551 con dê, 67.530 con gia cầm và 132 ha diện tích ao hồ nuôi cá[1].

Thực hiện khoán sản phẩm vẫn giữ vững và có mặt được tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Về quản lý và sử dụng tương đối tốt các tư liệu sản xuất, các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất. Sau 3 năm thực hiện khoán sản phẩm, tư liệu sản xuất không những được giữ vững mà có mặt được tăng cường thêm, cày tăng 500 cái, bừa tăng 600 cái, mương dẫn tăng thêm 10 km, kho tăng 20 cái, sân tăng 40 cái và còn tăng hàng nghìn chiếc bờn, cót, sân phơi của gia đình xã viên để phục vụ cho khâu thu hoạch nhanh gọn.

Các hợp tác xã quản lý, điều hành được lao động nên ý thức trách nhiệm của xã viên được nâng lên rõ rệt, kích thích tính tích cực, làm cho mọi người gắn bó với kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất. HTX đã nắm được sản phẩm và phân phối được sản phẩm theo kế hoạch chung của HTX. Do vậy, 37 HTX khoán sản phẩm cơ bản vẫn giữ vững được các đội ngành nghề, các trạm chăn nuôi bò tập thể,... Khoán sản phẩm không bị phá vỡ quan hệ sản xuất mà còn có nhiều mặt được tăng cường củng cố hơn so với trước, đáp ứng kịp thời hơn để phục vụ phát triển sản xuất.

---

[1] Báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy tại Đại hội lần thứ XIII; Chi cục Thống kê Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn 1976-1990*, tr.122-170.

Thực hiện khoán sản phẩm đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, tăng tích lũy cho HTX, đời sống xã viên được ổn định và ngày càng được cải thiện. Cụ thể là năm 1983 so với 1980 (trước khi thực hiện khoán sản phẩm) giao nộp lương thực tăng từ 1.281,7 tấn lên 1.900 tấn, tăng 48,2%. Tích lũy cho HTX tăng từ 1.252,2 tấn lên 1.569,3 tấn, tăng 25,3%. Bình quân đời sống xã viên từ 26,2 kg/tháng lên 33 kg/tháng.

Tuy nhiên trong thực hiện khoán vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Việc phân hạng ruộng đất để xác định năng suất sản lượng chưa sát, hợp tác xã điều hành các khâu trong quá trình sản xuất thiếu chặt chẽ. Hầu hết các hợp tác xã thực hiện khoán chưa đồng bộ và toàn diện, dẫn đến sự hạn chế về kết quả sản xuất và phát triển ngành nghề...

Về lâm nghiệp, rừng là một thế mạnh miền núi, 5 năm (1981- 1985) rừng luôn được đấu tranh bảo vệ, nhất là rừng có nhiều tài nguyên, rừng đầu nguồn, rừng tái sinh. Đến năm 1985, toàn huyện đã khoanh nuôi và bảo vệ 8.486 ha rừng, căn bản hoàn thành việc giao đất, giao rừng tới hộ gia đình xã viên. Kết quả, giao 6.900 ha cho 4.144 hộ gia đình xã viên. Trong đó nhiều hộ đã thực hiện có hiệu quả phát triển kinh tế đồi rừng theo hướng nông - lâm kết hợp. Trồng rừng, đến năm 1985, đạt 327,6 ha, tăng 3,2 lần so với kế hoạch. Nhiệm vụ khai thác vốn rừng được chỉ đạo, có nhiều cố gắng đạt và vượt chỉ tiêu khai thác, giao nộp lâm sản. Hàng năm đã khai thác trên một vạn mét khối gỗ tròn, từ 500 tấn đến 1.512 tấn nguyên liệu giấy trong đó khu vực quốc doanh, đạt 4.500 đến 5.500 m^3 gỗ. Ngoài ra còn khai thác hàng năm từ 50 đến 100 ngàn cây tre, nứa hàng trăm ngàn mét song và các lâm sản khác[(1)].

[(1)] Báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy tại Đại hội lần thứ XIII.

Về cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa: Phong trào HTX nông nghiệp từ vùng thấp đến vùng cao được tiếp tục giữ vững và củng cố. Với 99,8% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Năm 1980 huyện có 43 HTX, trong đó HTX bậc cao là 30. Năm 1985, huyện có 50 HTX, trong đó HTX bậc cao là 29 HTX[1]. Thực hiện các Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, đến năm 1983, huyện có 80% số HTX xếp loại trung bình trở lên, trong đó 30 % số HTX đạt danh hiệu tiên tiến. Phong trào thâm canh cây trồng trước hết là cây lúa ruộng được chú ý động viên, khích lệ. Huyện có 26/50 HTX đạt và vượt mục tiêu 50 tạ/ha lúa nước. Năm 1980, số hộ nông dân của huyện là 4.100 hộ, trong đó hộ xã viên là 1.173 hộ; năm 1985 là 4.835 hộ, trong đó hộ xã viên là 4.801 hộ[2].

Công tác định canh định cư, xây dựng vùng kinh tế mới tiếp tục được chỉ đạo chặt chẽ. Đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao đã căn bản định cư, từng bước định canh ổn định sản xuất và đi theo hướng thâm canh, đã định canh định cư được 523 hộ - 4.061 khẩu. Ngoài số vốn lớn đầu tư cho công tác định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới, huyện vận động đồng bào vùng cao đóng góp hàng vạn ngày công, xây dựng các công trình thủy lợi Khe Quất (Tân An), thủy lợi Nậm Chày, Nậm Mả, mở ra triển vọng khai thác gần 50 ha ruộng nước và 150 nương bằng. Vùng kinh tế mới do bà con miền xuôi lên khai hoang và xây dựng tiếp tục đi vào ổn định và phát triển tốt.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh trong 5 năm (1980-1985), tập trung phấn đấu khắc phục khó khăn về tiền vốn vật tư, thiết bị kỹ thuật, thực hiện nhiệm vụ ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Từng bước thực hiện cải tiến công tác quản lý,

---

[1] Chi cục Thống kê Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn, 1976-1990*, tr.179.

[2] Chi cục Thống kê Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn, 1976-1990*, tr.180.

xóa bỏ tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền chủ động của xí nghiệp, quyền làm chủ sản xuất và tham gia quản lý kinh tế của công nhân.

Bên cạnh những cố gắng và thành tích đạt được, còn một số khuyết điểm cần khắc phục: Trước hết, việc tổ chức quản lý các yếu tố của sản xuất thiếu chặt chẽ. Nhất là quản lý đất đai lao động, vật tư tài sản của tập thể HTX. Việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng phát triển nông, lâm nghiệp chưa toàn diện, thiếu đồng bộ. Dẫn đến tình trạng mất cân đối trong sản xuất nông nghiệp kéo dài, cơ sở vật chất kỹ thuật chậm được tăng cường, kinh tế gia đình chưa thật sự gắn bó và thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Kinh tế tập thể chưa phát huy được vai trò chi phối, hướng dẫn kinh tế gia đình. Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới đối với vùng cao còn ít, hiệu quả chưa cao. Định cư cơ bản hoàn thành và đi vào ổn định, nhưng chưa thật sự định canh và đẩy mạnh thâm canh, chuyên canh. Công tác cải tạo tập quán sản xuất cũ, năng suất thấp chưa đẩy mạnh. Tình trạng trông chờ, ỷ lại, buông trôi, bảo thủ chậm được khắc phục. Trong các đơn vị sản xuất quốc doanh, chưa thấy sự phát huy vai trò làm chủ tập thể của công nhân, năng suất lao động thấp, giá trị sản phẩm cao. Đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn, thiếu gắn bó với cơ quan, xí nghiệp[1].

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, dịch vụ, thương mại, xuất khẩu, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI: "Khôi phục và đẩy mạnh hoạt động các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nhằm giải quyết tốt nhu cầu nông cụ thường, nông cụ cải tiến, vật liệu xây dựng, hàng xuất khẩu và đồ dùng gia đình", Huyện chú ý phát triển ở cả 3 hình thức kinh tế quốc doanh, tập thể và hộ gia đình, thiết

[1] Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tại Đại hội lần thứ XIII.

thực phục vụ đắc lực cho sản xuất và tổ chức đời sống. Nhờ vậy, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm là 18%. Riêng năm 1985, giá trị tổng sản lượng đạt 19,4 triệu đồng so với mục tiêu Đại hội tăng 18,7%, trong đó nhóm A đạt 10.486.000 đồng, chiếm 54%. Nhóm B đạt 8.934.000 đồng, chiếm 46%. Những sản phẩm chính phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện như nông cụ cầm tay, vôi bón ruộng, vật liệu xây dựng, dệt vải thủ công, đáp ứng nhu cầu cơ bản, cấp thiết ở địa phương, tự túc được 40% nhu cầu chăn đắp, vải mặc của nhân dân.

Giao thông vận tải, tập trung bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường đã có, xây dựng các tuyến đường mới đi liên huyện, liên xã, làm thêm 21 km đường với khối lượng đào đắp trên 133.000 mét khối, 3 cầu treo và một số cống trên các tuyến đường. Đồng thời, huyện cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng giao thông biên giới, 3 đợt đều vượt chỉ tiêu kế hoạch cả về số lượng, chất lượng, khối lượng công việc và thời gian thi công. Nhiệm vụ vận tải nội huyện bằng các phương tiện hiện có đã cơ bản đáp ứng yêu cầu giao lưu hàng hóa giữa huyện với cơ sở, giữa các vùng trong huyện[(1)]. Vận tải chuyên chở nội huyện bằng nhiều phương tiện hiện có, chủ yếu vận tải thô sơ, cơ bản đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân. Năm 1982, khối lượng hàng hóa vận chuyển của huyện đạt 1.073 tấn/ km. Năm 1984, đạt 1.004 tấn/km. Năm 1985, đạt 1.300 tấn/km. Đồng thời, huyện Văn Bàn còn tham gia xây dựng giao thông biên giới như công trình Hoàng Liên Sơn I, Hoàng Liên Sơn II... Cả 3 đợt tham gia xây dựng giao thông biên giới, huyện Văn Bàn đều vượt kế hoạch về số lượng lao động tham gia, về khối lượng công việc và thời gian thi công.

(1) Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tại Đại hội lần thứ XIII.

Công tác bưu điện đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt giữa huyện với tỉnh. Hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu doanh thu.

Tuy đạt được kết quả bước đầu, nhưng đến năm 1985, sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ, phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao phục vụ sản xuất phát triển và tổ chức đời sống của nhân dân. Sản phẩm công nghiệp còn ít về số lượng, và thấp về chất lượng. Nhất là những sản phẩm chủ yếu như nông cụ cải tiến, năng lượng, vôi, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng. Giao thông được củng cố và nâng cấp hầu hết các tuyến đường trong huyện nhưng tiến độ chậm, nhiều tuyến đường xấu chậm được khắc phục, vận tải hàng hóa chưa kịp thời. Thông tin liên lạc giữa huyện với cơ sở chậm được cải tiến, mạng lưới cơ sở hoạt động thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thư báo cho quần chúng nhân dân, nhất là ở các xã vùng cao.

Xuất khẩu là nhiệm vụ quan trọng được triển khai từ cuối 1984. Tuy tiềm năng của huyện lớn và đa dạng nhưng chưa được tổ chức khai thác tốt. Mặt khác, việc đầu tư cho sản xuất nguồn hàng xuất khẩu còn ít, chậm hình thành vùng tập trung tạo nguồn hàng ổn định. Sản lượng xuất khẩu năm 1985 mới đạt 40% chỉ tiêu kế hoạch.

Về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện tập trung xây dựng trên 10 công trình vừa và nhỏ trên địa bàn với tổng số vốn đầu tư 7,7 triệu đồng, trong đó đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh, 75,6%. Những công trình có giá trị như tổng kho lương thực, kho vật tư kỹ thuật, các công trình thuỷ lợi kết hợp thủy điện Pom Chom, thủy lợi Khe Quất, Nậm Mả, Nậm Chày, các cầu treo liên xã... Trong đó có những công trình do nhân dân đóng góp 70% vốn đầu tư.

Công tác định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới từ 1981-1985, được Đảng bộ huyện tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ. Đồng bào các dân tộc vùng cao đã căn bản định canh, định cư và từng bước ổn định sản xuất theo hướng định canh thâm canh, tích cực khai hoang mở rộng diện tích cây lúa nước. Trong 5 năm, huyện đã đầu tư 5 triệu đồng vốn. Ngoài ra, còn vận động nhân dân tham gia đóng góp hàng vạn công lao động. Các công trình thủy lợi Nậm Mả, thủy lợi Khe Quất, xã Tân An, thủy lợi Nậm Chày đã mở ra triển vọng khai hoang gần 200 ha lúa nước. Vùng kinh tế mới do bà con miền xuôi lên khai hoang xây dựng đã và đang đi vào ổn định, phát triển sản xuất theo quy hoạch, quy vùng tập trung.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh tập trung phấn đấu khắc phục khó khăn về tiền vốn, vật tư, thiết bị kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Từng bước thực hiện cải tiến công tác quản lý, xóa bỏ tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền chủ động của xí nghiệp, quyền làm chủ sản xuất và tham gia quản lý kinh tế của công nhân.

Công tác lưu thông - phân phối được huyện tập trung chỉ đạo tăng cường hoạt động phục vụ sản xuất và đời sống. Lưu thông hàng hóa có mức tăng trưởng nhanh, tổng giá trị mua vào năm 1981, đạt 496.700 đồng, bán ra là 496.344 đồng, trong đó thu mua thịt lợn hơi đạt 40,4 tấn, lương thực đạt 1.094 tấn. Năm 1983, mua vào đạt 1.426.600 đồng, bán ra là 1.326.184 đồng. Năm 1985, mua vào đạt 6.051.793 đồng, bán ra 5.793 đồng, trong đó thu mua thịt lợn hơi đạt 98,9 tấn, lương thực đạt 1.639 tấn.

Thu - chi ngân sách huyện hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch. Chế độ thu quốc doanh được mở rộng theo hướng dẫn của trung ương, của tỉnh. Mức thu được xác định bằng số tuyệt đối

chênh lệch giữa giá cả bán buôn công nghiệp và giá bán buôn của các xí nghiệp. Giá thành được tính toán hợp lý để có tác dụng khuyến khích xí nghiệp phấn đấu đạt và vượt định mức lợi nhuận hàng năm. Cùng với thu và trích nộp lợi nhuận các khoản thu quốc doanh, việc thu các khoản chênh lệch giá thành trong lưu thông do chính sách giá quy định cũng được động viên vào ngân sách. Tiến hành thu thuế công thương nghiệp, thu thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức, tăng cường công tác quản lý thị trường... do đó, kết quả thu trong những năm đầu thập kỷ 80 đạt kết quả khá. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 1981, thu ngân sách đạt 3,104 triệu đồng. Năm 1985, đạt 1,12 tỷ đồng, so với năm 1980, tăng 124%. Về thuế nông nghiệp đã có nhiều cải tiến, việc thu thuế dựa trên cơ sở việc lập sổ bộ, hàng năm thông báo đến tận người giao nộp thuế, nên tiến độ nhập kho trong thời kỳ này có nhiều tiến bộ. Thực hiện việc thu nợ tồn đọng thuế nông nghiệp được đẩy mạnh, từng bước góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách. Kết quả thu thuế nông nghiệp năm năm 1985, tăng 42,9% so với năm 1980[(1)].

Ngoài việc thu thuế theo quy định chung của nhà nước, huy động nhân công tham gia xây dựng một số công trình của tỉnh, gửi tiền tiết kiệm, mua công trái xây dựng Tổ quốc đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Riêng mua công trái xây dựng Tổ quốc 2 năm 1984-1985, toàn huyện đạt 1.139.000 đồng, bình quân 33 đồng/nhân khẩu.

Tổ chức đời sống là mục tiêu cơ bản, huyện phấn đấu đạt bình quân lương thực theo đầu người là 488 kg. Sau khi trừ chi phí để giống và trích 1 phần cho phát triển chăn nuôi, mức tiêu dùng lương thực tính theo đầu người là 324 kg/người/năm. Tổng thu nhập bình quân đầu người là 285000 đồng/năm.

---

(1) *Lịch sử Đảng bộ Tài chính huyện Văn Bàn*, giai đoạn 1945-2010.

Về văn hóa xã hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI đề ra nhiệm vụ chủ yếu từ năm 1981-1985 là đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Mục tiêu cụ thể đến năm 1985, tỷ lệ chuyển cấp, chuyển lớp cao, nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám bệnh và điều trị bệnh, giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiện 2,2%, mỗi tháng người dân được xem chiếu phim lưu động 01 lần trở lên[1].

Thực hiện nghị quyết của Đại hội, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt được một số kết quả quan trọng. Đời sống văn hóa xã hội của quần chúng nhân dân có mặt được nâng lên. Hoạt động văn hóa, thông tin tiếp tục được duy trì, nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, diễn ra khá thường xuyên ở các xã, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước đến các đồng bào dân tộc, các sở văn hóa, bãi xem phim được xây dựng ở mộtsố xã... Nhiều xã mở rộng mạng lưới hệ thống phát thanh, truyền thanh, tuyên truyền nâng cao ý thức chính trị, trình độ dân trí cho nhân dân. Năm 1981, toàn huyện có 2 đội chiếu phim, chiếu được 240 buổi cho 30.000 lượt người xem, doanh thu đạt 65.000 đồng. Năm 1983, chiếu được 305 buổi phim cho 46.451 lượt người xem, doanh thu đạt 92.000 đồng. Đến năm 1985, chiếu được 743 buổi cho 84.180 lượt người xem, doanh thu đạt 378.000 đồng, tổ chức thêm 2 đội chiếu phim đóng cố định ở huyện và điểm Võ Lao.

Phong trào văn nghệ quần chúng có bước tiến mới. Hàng năm đều tổ chức hội diễn, qua đó phát triển những đội văn nghệ ở vùng đồng bào dân tộc. Đặc biệt, nhờ có sự cố gắng đáng kể ở vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, mức hưởng thụ văn hóa có bước tiến hơn trước. Cùng với sự chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân, huyện đặc biệt quan tâm đến các đối tượng chính

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

sách, điều chỉnh các chế độ, tiêu chuẩn trợ cấp theo quy định. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tổ chức chu đáo việc thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Công tác giáo dục bước đầu đạt được một số kết quả. Huyện đầu tư nhiều công sức và kinh phí cho việc đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp và xây dựng cơ sở vật chất. Phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt", phong trào thi đua giáo viên giỏi, Làm theo 5 điều Bác Hồ dạy được hưởng ứng khá sôi nổi. Năm 1981, toàn huyện có 18 trường phổ thông. Năm 1983, huyện mở 3 trường phổ thông cơ sở, 01 trường phổ thông dân tộc nhằm thu hút con em các dân tộc thiểu số vùng cao vào học. Đến cuối năm có 22 trường với 6.425 học sinh các cấp. Năm 1985, có 23 trường với 6.431 học sinh các cấp.

Trong những năm này, thực hiện đổi mới sách giáo khoa, nội dung, phương pháp giảng dạy theo chương trình cải cách giáo dục, do đó giáo dục cấp 1 trong toàn quốc tồn tại 2 loại chương trình sách giáo khoa. Đó là chương trình giáo dục tiểu học đại trà, vùng phát triển và đang phát triển học theo sách giáo khoa chương trình 165 tuần trong cấp học, mỗi năm học 33 tuần; chương trình 120 tuần trong cấp học, mỗi năm học 24 tuần dành cho vùng dân tộc ít người, khó khăn còn nhiều, phong tục, tập quán lạc hậu, học sinh nghỉ học nhiều ngày trong các dịp lễ, tết, ngày kỵ theo quan niệm của từng dân tộc. Trường phổ thông cơ sở, trường trung học phổ thông vẫn thực hiện chương trình sách giáo khoa cũ, chưa thay sách.

Song song với giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá trong toàn huyện giai đoạn này tiếp tục phát triển mở rộng với phương châm trường học thực hiện ba nhiệm vụ giáo dục: mầm non, giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá. Hầu hết các trường học phổ thông đều tổ chức các lớp bổ túc văn hoá vào ban đêm và triển khai tổ chức các lớp xoá mù chữ cho người lao động. Liên

tục từ các năm học 1979-1980 đến 1982-1983, tất cả các cơ sở xã đều tổ chức mở lớp xoá mù chữ cho người lao động. Người dạy là giáo viên các trường học phổ thông, tổ chức dạy vào ban đêm, dạy trong dịp hè. Đối với huyện Văn Bàn, công tác xóa mù chữ cho người lao động luôn được cấp uỷ, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ngành giáo dục nỗ lực triển khai, tổ chức thực hiện thường xuyên. Chủ yếu giáo viên các trường học tham gia giảng dạy nên số người trong diện mù chữ tỷ lệ thấp so với các huyện vùng cao khác của tỉnh. Do vậy trong giai đoạn này huyện không phải đề nghị tỉnh huy động giáo viên mới ra trường, giáo sinh sư phạm tham gia chiến dịch trong hè. Ngoài các lớp bổ túc văn hoá tại chức học ban đêm, tại trung tâm huyện đã thành lập trường bổ túc văn hoá tập trung, sau đổi tên thành trường phổ thông lao động, dành cho cán bộ đương nhiệm. Đối tượng học là người trong dự nguồn quy hoạch cán bộ cấp xã, cấp huyện, có chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí cho người học. Thành lập 3 trường phổ thông vừa học vừa làm ở các cụm xã, như cụm xã phía Bắc đặt tại xã Võ Lao; cụm xã phía Nam đặt tại xã Khánh Yên Hạ; cụm xã phía Tây đặt tại xã Dương Quỳ. Học viên vào học loại hình trường này vừa tham gia học tập văn hoá vừa tham gia lao động sản xuất phục vụ sinh hoạt trong thời gian học tập, thực hành ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Sau khi ra trường trở về địa phương tham gia phổ biến ứng dụng. Các xã đã giao ruộng, giao đất canh tác cho trường để sản xuất và thực hành, hoặc trường thực hiện một số công đoạn trong sản xuất do trường phối hợp với hợp tác xã (nơi trường đóng) để đăng ký tham gia và được hưởng sản phẩm theo phân phối của hợp tác xã.

Được sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền các cấp, thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW, sự nghiệp giáo dục huyện Văn Bàn trong giai đoạn này phát triển khá mạnh và đồng đều các ngành

học, các cấp học. Đây là giai đoạn phát triển giáo dục hưng thịnh nhất của thời kỳ quản lý xã hội theo cơ chế tập trung bao cấp. Bình quân hàng năm, trong toàn huyện cứ 3 người dân có 1 người đi học. Trường Phổ thông trung học huyện Văn Bàn là một trongnhững trường phổ thông trung học của tỉnh Hoàng Liên Sơn liên tục nhiều năm đạt trường tiên tiến, trong tốp đầu nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên các cấp học, ngành học trong toàn huyện năm 1985 lên đến 530 người. Từ nguồn học sinh phổ thông các cấp ra trường, các mô hình bổ túc văn hoá cho đội ngũ cán bộ cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp, cán bộ cấp huyện và một lực lượng thanh niên, người lao động, đã có tác dụng lớn trong việc nâng cao dân trí, bổ sung nguồn cho việc đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ trong hệ thống chính trị có trình độ văn hoá, có điều kiện tiếp thu khoa học kỹ thuật.

Công tác đào tạo bồi dưỡng và bố trí sắp xếp, đề bạt bổ nhiệm cán bộ được quan tâm chỉ đạo. Từ năm 1981 đến năm 1984, huyện đã tiến hành đề bạt bổ nhiệm 44 đồng chí trưởng, phó phòng, ban, cấp huyện; cử đi học các trường ở Trung ương và tỉnh 54 đồng chí; chính sách đối với cán bộ nữ và cán bộ trẻ được chú trọng, đến cuối năm 1985 đã có 38 cán bộ nữ, 70% cán bộ trẻ được đề bạt[1].

Sự nghiệp y tế cũng được quan tâm, tăng cường. Huyện đã nâng cấp và mở thêm cơ sở khám, chữa bệnh cho nhân dân, trong đó có 2 phân viện ở Võ Lao và Dương Quỳ. Số giường bệnh được nâng từ 40 lên 85 giường. Trạm Y tế cơ sở xã cũng được củng cố xây dựng, trung bình mỗi trạm có 20 giường bệnh và cán bộ cũng được bổ sung thêm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh và thực hiện kế hoạch hóa gia đình trong nhân dân, nhất

[1] Báo cáo tổng kết huyện Văn Bàn từ năm 1981-1985.

là trong đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan có nhiều chuyển biến tốt. Năm 1981, toàn huyện có 40 giường bệnh, đã khám và chữa bệnh cho 34.030 được người, có 107 lượt phụ nữ thực hiện các biện pháp tránh thai. Năm 1984, có 85 giường bệnh, khám chữa bệnh 37.859 lượt người. Năm 1985 đã khám, chữa bệnh cho 42.060 lượt người, có 294 lượt người thực hiện các biện pháp tránh thai; tổ chức thêm 45 giường bệnh, trong đó mở 2 phân viện ở 2 cụm dân cư xa huyện.

Trong khó khăn chung của cả nước, thêm vào đó là những khó khăn của huyện miền núi vùng cao, đời sống phần lớn nhân dân ổn định nhưng vẫn còn một bộ phận thiếu ăn, nhất là ở những nơi có nhiều khó khăn và phong tục, tập quán lạc hậu. Đời sống công nhân viên chức và cán bộ chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang thực sự khó khăn, đồng lương thực tế giảm sút, tình trạng phân phối không công bằng chưa được khắc phục.

Về công tác quốc phòng và an ninh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI đề ra nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 1981-1985 là: Tăng cường quốc phòng theo hướng xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh toàn diện trên mọi lĩnh vực, với mục tiêu cụ thể, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Theo đó, các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những chủ trương quan trọng. Từ việc giáo dục nhận thức, quan điểm đến việc thực hiện các công tác cụ thể, ngăn chặn kịp thời các hoạt động phá hoại và trấn áp phản cách mạng, chống các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Giáo dục vận động nội bộ và nhân dân thực hiện pháp luật Nhà nước; phát triển lực lượng dự bị, tăng cường củng cố dân quân tự vệ, lực lượng an ninh huyện, xã vững mạnh hơn trước, trên cơ sở đó an toàn xã hội được bảo đảm hơn trước.

Công tác quân sự, quốc phòng giai đoạn này đạt được những tiến bộ rõ rệt; bộ máy tổ chức và công tác cán bộ được củng cố kiện toàn; cán bộ, chiến sỹ nâng cao tinh thần trách nhiệm, bám nắm địa bàn, cơ sở, khắc phục khó khăn gian khổ hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, giữ nghiêm kỷ luật, phát huy phẩm chất "Bộ đội cụ Hồ" trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng, củng cố vững mạnh, rộng khắp về số lượng, chiếm 17% dân số toàn huyện, chất lượng từng bước được nâng lên. Quân nhân dự bị được quản lý tốt, biên chế vào các đơn vị sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Các phương án tác chiến, hậu cần, hậu cứ được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Nhiệm vụ huấn luyện, nâng cao khả năng chiến đấu và chiến thắng được coi trọng. Hàng năm, toàn huyện có 100% đơn vị dân quân tự vệ tham gia huấn luyện, trong đó có 60-70% đạt khá giỏi. Các đơn vị quản lý tốt vũ khí trang bị được cấp phát, đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

Hàng năm, huyện tổ chức khám sức khoẻ đạt từ 80-86% so với chỉ tiêu kế hoạch. Từ khi thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự (01/1982) đến tháng 10/1985 đã tiến hành gọi 1.056 thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ, giao cho các đơn vị, đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Đến năm 1985, toàn huyện khám tuyển và gọi 1.762 công dân nhập ngũ[(1)].

Công tác chính sách hậu phương quân đội được cả hệ thống chính trị quan tâm thực hiện. Cùng với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, cơ quan thương binh xã hội, phúc tra, nắm lại các đối tượng thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, có kế hoạch đề nghị với cấp uỷ, uỷ ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ sở, hợp tác xã, xét giải quyết những khó khăn cho các đối tượng chính sách

[(1)] *Truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Văn Bàn*, giai đoạn 1945-2000.

theo khả năng hiện có của cơ sở. Đã tạo ra tình cảm tốt đẹp có tác dụng tốt tới tâm tư tình cảm của cán bộ, chiến sỹ đang làm nhiệm vụ.

Hàng năm, các đợt tuyển quân đã được hội phụ nữ, đoàn thanh niên, công đoàn huyện động viên, hội viên giúp đỡ, động viên kịp thời, tạo khí thế phấn khởi cho tân binh lên đường làm nhiệm vụ.

Thực hiện phong trào thi đua quyết thắng, hàng năm tổ chức cho các đơn vị cơ sở, cán bộ, chiến sỹ đăng ký thi đua. Từ năm 1982-1985, trong quân đội có 16 tập thể đơn vị, 12 cá nhân được trên công nhận danh hiệu Quyết thắng. Trong đó có đơn vị 3 năm liền đạt danh hiệu Quyết thắng là xã Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Sơn Thuỷ, tự vệ phòng giáo dục; đã trao tặng 2.250 bằng khen, giấy khen cho cá nhân có nhiều thành tích trong phong trào thi đua "Phát huy phẩm chất tốt đẹp; nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân". Đặc biệt dân quân tự vệ xã Khánh Yên Thượng đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Văn Bàn được giữ vững. Huyện luôn coi trọng công tác giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho nhân dân, động viên và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn phong trào nâng cao cảnh giác chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, chống các biểu hiện tiêu cực với việc thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các xã nắm và quản lý chặt chẽ nhân khẩu, gắn việc giữ gìn an ninh trật tự với tạo công ăn việc làm, góp phần làm giảm đáng kể tình trạng phạm pháp hình sự. Lực lượng Công an trong toàn huyện từng bước trưởng thành về nhiều mặt, gắn bó với nhân dân, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể. Qua đó, phẩm chất và hiệu quả công tác của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên. Các đơn

vị quân đội cũng có nhiều chuyển biến tích cực, sức mạnh chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu tăng cao. Công tác quân sự địa phương ngày càng đi vào nền nếp, các phương án hiệp đồng đánh địch, phương án bảo vệ nội bộ, làm trong sạch địa bàn được xây dựng và thường xuyên chỉnh lý cho phù hợp với điều kiện địa phương.

Trong điều kiện vừa có hoà bình vừa có thể xảy ra chiến tranh xâm lược. Kẻ thù mới, nguy hiểm, trực tiếp luôn tìm mọi thủ đoạn hòng làm ta suy yếu. Tình hình trên cùng với khó khăn của đất nước, đặt ra yêu cầu nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và sản xuất, đáp ứng ngày càng tốt hơn mọi yêu cầu nhiệm vụ. Vì vậy, lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn đã tổ chức lực lượng dân quân xung kích khai hoang phục hoá được hàng trăm héc ta ruộng mới; đưa dân từ vùng cao xuống vùng thấp, quy hoạch lại vùng sản xuất và thâm canh phù hợp với điều kiện tự nhiên, bảo vệ rừng đầu nguồn đồng thời đưa công tác văn hoá lên vùng cao. Lực lượng dân quân tự vệ tham gia xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi đã phát huy tốt hiệu quả như đường giao thông Khánh Yên Hạ - Nậm Tha - Khe Chấn - Võ Lao, Khánh Yên Hạ - Phú Mậu, thuỷ điện Chút.

Chỉ huy các đơn vị vũ trang chú trọng công tác giáo dục, động viên cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị tự giác, tích cực tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống; giao chỉ tiêu cho từng bộ phận và từng cá nhân. Hàng năm, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu. Từ năm 1981-1986, đơn vị có 1 ha đất ruộng, đồi, ao, tổ chức tăng gia sản xuất, chăn nuôi. Tổng sản lượng mỗi năm thu được 2.000 kg thóc, 300 kg ngô, 5.000 kg sắn; 3.700 kg rau xanh, 500 kg thịt, cá. Đến cuối năm 1985, về chăn nuôi, cơ quan quân sự huyện Văn Bàn có 24 con bò, 8 con trâu, 17 con dê, 6 con lợn. Trong tình hình kinh tế đất nước còn khó khăn, công tác tăng gia lao động sản xuất có ý nghĩa thiết thực góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn cho bộ đội, phát huy truyền thống là đội quân lao

động sản xuất. Ngoài ra, các đơn vị trong quân đội còn trích quỹ vốn mua sắm một số đồ dùng khác bảo đảm cho công tác hậu cần, hỗ trợ gia đình cán bộ gặp khó khăn trị giá 5.000 đồng và 300 kg lương thực[1].

Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, XI về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là "không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền với mục tiêu cụ thể là tăng cường củng cố tổ chức cơ sở Đảng và hệ thống chính trị", Đảng bộ huyện luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ đảng viên quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ ở địa phương; tổ chức nghiêm túc các đợt sinh hoạt chính trị, thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng. Trong hai năm 1983-1984, huyện bố trí cho 158 đồng chí đi học các lớp lý luận chính trị, trong đó học trường trung cấp và cao cấp có 24 đồng chí. Hầu hết cán bộ đảng viên trong đảng bộ có lập trường tư tưởng kiên định, nhận thức rõ tình hình nhiệm vụ, xác định rõ kẻ thù và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp chung.

Các tổ chức cơ sở đảng không ngừng được củng cố cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Phân loại hàng năm có 27,5% cơ sở vững mạnh, 62% số cơ sở khá, còn 10,5% cơ sở yếu. Có 10 cơ sở được Tỉnh ủy biểu dương tặng cờ, trong đó 7 cơ sở được tặng cờ "Đảng bộ vững mạnh" lần thứ 2. Qua các đợt sinh hoạt chính trị nâng cao chất lượng đảng viên và đánh giá xếp loại hàng năm, 97% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 29% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong 5 năm (1981-1985), toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng đối tượng đảng cho 157

[1] *Truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2000.*

quần chúng ưu tú, qua rèn luyện, thử thách đã kết nạp được 126 đảng viên mới có chất lượng. Công tác đào tạo bồi dưỡng và bố trí đề bạt cán bộ được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Trong 5 năm, Huyện ủy đã cử đi học văn hóa chính trị, nghiệp vụ 218 đồng chí, đề bạt 86 đồng chí giữ các chức vụ quản lý lãnh đạo, trong đó 35 trưởng hoặc phó phòng, ban huyện, 51 cán bộ quản lý cơ sở, có 38 cán bộ là nữ, 70% số cán bộ mới đề bạt là tuổi trẻ. Cuối năm 1985, đã tổ chức Đại hội ở 39/40 chi đảng bộ cơ sở với 174 cấp ủy viên, số mới tham gia bổ sung là 71 đồng chí[1].

Nhiệm vụ kiểm tra dân chủ kỷ luật của Đảng được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đã kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng, từ năm 1983 đến 1985 đã kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng 25 trường hợp. Về khuyết điểm, còn một số cơ sở Đảng hoạt động yếu, sinh hoạt Đảng chưa thật sự đi vào nền nếp, chưa phát huy tinh thần đấu tranh, thống nhất, nâng cao chất lượng đảng viên. Kỷ luật của đảng chưa được đề cao, còn một bộ phận đảng viên thiếu gương mẫu, thực chất là trung bình chủ nghĩa. Trong đó một số ít không chịu rèn luyện, thoái hóa, biến chất, làm ảnh hưởng đến uy tín của đảng viên. Công tác kiểm tra - kỷ luật Đảng được chỉ đạo chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc. Trong Đảng đã thực hiện cuộc đấu tranh kiên quyết chống các biểu hiện tiêu cực, sai trái, tiến hành xác minh, kết luận làm rõ 231 trường hợp vi phạm, đã xử lý nghiêm minh. Trong 5 năm (1981-1985) đã tiến hành kỷ luật 80 đảng viên và 26 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Bộ máy tổ chức chính quyền các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở được kiện toàn củng cố đồng bộ, luôn chú ý cải tiến lề lối làm việc, bồi dưỡng cán bộ nhằm tạo cho cơ sở chủ động được công tác.

---

[1] Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tại Đại hội lần thứ XIII.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được kiện toàn, đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo, luôn duy trì chế độ sinh hoạt, phát huy được vai trò lãnh đạo và kiểm tra trong thực hiện nhiệm vụ. Huyện ủy đã xây dựng được quy chế lề lối làm việc, đảm bảo mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể, có phân công trách nhiệm công tác và địa bàn phụ trách cụ thể. Phân xếp loại cuối năm 1984, có 25/27 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có 10 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 2 đồng chí không xếp vì đi học dài hạn ở Hà Nội[1].

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện được kiện toàn, đảm bảo chế độ sinh hoạt, phát huy vai trò quản lý kinh tế và quản lý xã hội thông qua kế hoạch, pháp luật và hệ thống cơ quan chức năng của mình.

Các phòng ban ngành chuyên môn được kiện toàn theo quy định hiện hành, các ban xây dựng Đảng và các ngành đoàn thể ở huyện đều được củng cố về tổ chức và nội dung hoạt động. Toàn huyện có 15 đơn vị vươn lên hoạt động tốt, được ngành chuyên môn tỉnh đánh giá cao.

Với thành tích đạt được, năm 1980-1981, Đảng bộ được Ban Bí thư Trung ương Đảng tặng Cờ vững mạnh. Năm 1982, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua huyện khá nhất. Năm 1983, được tỉnh xếp loại huyện có phong trào khá thứ 2 (sau huyện Văn Chấn). Năm 1984, hoàn thành kế hoạch nhà nước được tỉnh xét đề nghị Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất. Đảng bộ huyện tiếp tục được xây dựng vững mạnh, trong sạch, là một huyện liên tục có phong trào khá.

[1] Báo cáo số 09-BC/HU, ngày 20/10/1985 về tóm tắt kết quả xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh trong sạch năm 1983-1985.

Kết quả giành được là cơ bản, song Đảng bộ còn có một số khuyết điểm, tồn tại cần phải khắc phục: Chưa tổ chức khai thác tốt tiềm năng phát triển kinh tế toàn diện để sớm hình thành vùng kinh tế tập trung, thâm canh tăng năng suất chưa theo kịp với yêu cầu mới. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật làm chậm, tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa đáng kể, xuất khẩu còn yếu, chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch. Một số cơ sở Đảng chưa chủ động trong công tác. Trình độ năng lực đội ngũ cán bộ còn hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ, công tác phát triển Đảng còn chậm, chưa xây dựng tốt quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ[1].

Trong những năm 1976-1980, Đảng bộ thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động trong huyện, phát huy sự sáng tạo, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, dựa vào dân, dám nghĩ, dám làm, từng bước đổi mới về quản lý kinh tế - xã hội, xác định quyết tâm khắc phục những thiếu sót, hạn chế trong lãnh đạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong 5 năm (1981-1985), Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi quan trọng trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sản xuất nông - lâm - công nghiệp tiếp tục phát triển, nổi bật là đi đúng trọng tâm, đưa sản xuất lương thực, thực phẩm tăng khá, từ đó vươn lên khai thác tiềm năng thế mạnh của một huyện miền núi. Các chỉ tiêu nghĩa vụ đối với nhà nước đều hoàn thành, năm sau cao hơn năm trước. Cơ sở vật chất kỹ thuật được bảo vệ và tăng cường. Công tác quân sự địa phương đạt kết quả tốt, vững chắc. Bộ mặt kinh tế - văn hóa huyện vùng cao không ngừng được đổi mới. Công tác xây dựng Đảng đã đi đúng trọng tâm, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Phát huy truyền

[1] Báo cáo số 09-BC/HU, ngày 20/10/1985 về tóm tắt kết quả xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh trong sạch năm 1983-1985.

thống của Đảng bộ huyện vững mạnh, được Trung ương biểu dương tặng cờ.

Nguyên nhân chính của những thắng lợi và thành tích nêu trên: Dưới ánh sáng của các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy, một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mới được ban hành phù hợp với nguyện vọng của quần chúng; Đảng bộ luôn phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất vận dụng các Nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; đề ra chủ trương đúng, biện pháp cụ thể, động viên được hành động cách mạng của quần chúng từ huyện đến cơ sở; ý thức được trách nhiệm, nêu cao tính chủ động linh hoạt trong tổ chức quán triệt và thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; quần chúng nhân dân các dân tộc đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, cần cù, sáng tạo trong lao động.

Bên cạnh kết quả đạt được, cũng còn có những hạn chế: Sản xuất phát triển chưa mạnh mẽ, vững chắc, chưa cân đối giữa nông- lâm - công nghiệp. Năng suất chất lượng, hiệu quả thấp, sản xuất hàng hóa phát triển chậm. Cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu, nói chung còn nhỏ lẻ. Tiềm năng thế mạnh lớn, phong phú nhưng tổ chức khai thác chưa tốt, chưa có trọng tâm trọng điểm; quan hệ sản xuất mới tuy được củng cố nhưng chưa đáp ứng yêu cầu mở đường cho sản xuất phát triển; 3 cuộc cách mạng ở nông thôn chưa được đẩy mạnh đồng bộ; mặt trận lưu thông phân phối mất cân đối kéo dài tác động tiêu cực đến sản xuất và tổ chức đời sống xã hội. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là đời sống văn hóa, tư tưởng ở các xã vùng cao. Kỷ luật của Đảng, kỷ luật của Nhà nước chưa được đề cao.

III. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986-1991)

Trải qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986), Việt Nam đạt được những kết quả nhất định trên cả hai phương diện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, song cũng gặp nhiều khó khăn. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội. Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải tiến hành công cuộc đổi mới.

Đại hội VI của Đảng (12/1986) với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật", trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước với quan điểm đổi mới: Không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả với hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới về chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm. Đổi mới để đạt mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Đại hội VI đề ra nội dung đổi mới về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với một cơ cấu hợp lí, một nền kinh tế phát triển theo những quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời chịu sự chi phối bởi bản chất và những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp, quyền bình đẳng của các thành phần kinh tế; khuyến khích mọi thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh. Kinh tế nhà nước giữ

vai trò chủ đạo. Cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo đi đôi với sử dụng, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Đây là nhiệm vụ thường xuyên trong suốt thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Quản lí nền kinh tế không phải bằng những mệnh lệnh hành chính, mà bằng những biện pháp kinh tế, khuyến khích lợi ích vật chất. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, chủ yếu là phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, công nghệ và thị trường.

Về chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc,của nhân dân. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, vì hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Chủ động hội nhập quốc tế. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trên thế giới.

Quán triệt tinh thần Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn (tháng 10/1986) (tính liên tục theo lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai thì đây là đại hội lần thứ IX) đã xác định phương hướng chủ yếu trong

5 năm 1986-1990 của tỉnh là: Tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nông, lâm nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Khai thác khả năng công nghiệp, thủ công nghiệp, mở mang giao thông vận tải, làm chủ phân phối lưu thông và thị trường, hoàn thiện quan hệ sản xuất, thực hiện công bằng xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trên tinh thần tự lực, tự cường để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ kinh tế, quốc phòng và tạo thêm những tiền đề vật chất cho những chặng đường tiếp theo trên cơ sở lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo.

Để thực hiện phương hướng nêu trên, Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ lớn của Đảng bộ tỉnh: (1) Quyết tâm ổn định và phát triển sản xuất, trước tiên là khai thác mạnh mẽ tiềm năng nông, lâm nghiệp, sắp xếp lại, đầu tư theo chiều sâu; đồng bộ hóa các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, các nông, lâm trường để phát huy tốt nhất những năng lực hiện có. (2) Thực hiện tốt chính sách công bằng xã hội, bảo đảm lao động có việc làm, định canh định cư, phân công lại lao động trong nông nghiệp, thực hiện đúng chính sách phân phối, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc. (3) Tăng nhanh mức tự cân đối ngân sách trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm, để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phục vụ sản xuất nông nghiệp toàn diện, đẩy mạnh khai hoang, định canh, định cư, thâm canh, sản xuất. (4) Củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; tăng cường vai trò của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; giúp đỡ nông dân còn làm ăn cá thể phát triển sản xuất, hướng dẫn họ vào làm ăn tập thể, xây dựng mối liên kết giữa Nhà nước với thợ thủ công cá thể, người buôn bán nhỏ. Thực hiện cơ chế quản lý mới; lấy kế hoạch làm trọng tâm, chuyển dần sang hạch toán, kinh doanh xã hội

chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm khai thác tốt năng lực của các đơn vị kinh tế hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. (5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế với quốc phòng an ninh, làm cho cả hai lĩnh vực cùng lớn mạnh tương hỗ lẫn nhau, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, từ ngày 16 đến 18/9/1986, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIII được triệu tập. Có 110 đại biểu thay mặt cho 1.022 đảng viên toàn huyện về dự đại hội. Đại hội đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong 5 năm 1981-1985, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cho 3 năm tiếp theo, kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 38 đồng chí và bầu ra đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV. Đồng chí Tạ Duy Hiển được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện đã đề ra 6 mục tiêu nhiệm vụ của Đảng bộ huyện và nhân dân các dân tộc trong 3 năm 1986-1988 là: 1- Ổn định và phát triển sản xuất một cách vững chắc, toàn diện và cân đối, trước hết là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Coi trọng sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tăng nhanh hàng xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. 2- Tạo sự chuyển biến về mặt xã hội, đảm bảo cho nhân dân có đời sốngổn định, ăn đủ no, mặc đủ ấm và được cải thiện một bước về đời sống văn hóa tinh thần, được đáp ứng tốt hơn về các nhu cầu chữa bệnh, học tập, đi lại và hưởng thụ văn hóa. Đảm bảo người lao động có việc làm theo hướng phân công lao động hợp lý theo quy hoạch, kế hoạch trong cơ cấu nông - lâm - công nghiệp; tăng cường xây dựng vùng cao theo hướng định canh định cư và thâm canh, giảm bớt sự chênh lệch giữa các vùng. Xây dựng quan hệ xã hội và nếp sống lành mạnh, khắc phục các

hiện tượng tiêu cực. 3- Tích lũy cho tái sản xuất mở rộng, xây dựng theo cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhất là tạo nguồn năng lực và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất. 4- Tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Củng cố và tăng cường kinh tế quốc dân và kinh tế tập thể đủ sức chi phối để định hướng kinh tế gia đình và kinh tế cá thể phát triển đúng hướng. Hình thành đồng bộ cơ chế quản lý mới, thiết lập trật tự kỷ cương trong quản lý kinh tế - xã hội. 5- Bảo đảm các yêu cầu củng cố quốc phòng - an ninh. Xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh toàn diện. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, đáp ứng nhu cầu về đời sống của nhân dân đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống và chi viện tích cực kịp thời cho tuyến một. Giữ vững an ninh chính trị, tăng cường trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và phòng ngừa tội phạm hình sự. 6- Tiếp tục xây dựng Đảng theo hướng trong sạch vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho tổ chức Đảng phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối trên tất cả các mặt công tác. Giữ vững và phát huy truyền thống Đảng bộ huyện vững mạnh được trung ương biểu dương, tặng cờ.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII đề ra nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của 3 năm (1986-1988) trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể.

Phát triển kinh tế - xã hội: Xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Phải tập trung sức phát triển nông - lâm nghiệp toàn diện. Coi trọng sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng phục vụ cho công nghiệp chế biến xuất khẩu, bảo đảm làm tròn 3 nhiệm vụ: Cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho nhu cầu xã hội, đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo nguồn xuất

khẩu. Vừa coi trọng phát triển kinh tế tập thể, vừa quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế gia đình. Coi trọng phát triển gia súc có giá trị kinh tế cao và cung cấp sức kéo. Khuyến khích phát triển các đàn gia súc khác và gia cầm, đồng thời nâng cao hiệu quả nuôi cá trên diện tích mặt nước ao hồ hiện có, phát triển nhanh đàn dê ở những nơi có điều kiện chăn thả. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý và sử dụng có kế hoạch, quy hoạch tài nguyên rừng. Tăng nhanh diện tích bằng khoanh nuôi rừng tái sinh kết hợp với trồng rừng tập trung, phấn đấu đến năm 1988, hoàn thiện công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình xã viên, tạo bước chuyển biến trong phát triển kinh tế đồi rừng. Tập trung chỉ đạo xây dựng vùng cao theo hướng định canh, định cư để phát triển thâm canh, từng bước ổn định đời sống vật chất và tạo bước chuyển biến rõ nét của mặt văn hóa đời mới ở vùng cao. Phấn đấu hoàn thiện công tác tái định cư, xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng thủy lợi, khai hoang ruộng nước, thực hiện thâm canh theo phương châm nhân dân tự làm là chính, Nhà nước hỗ trợ một phần. Đến năm 1988, hoàn thành định cư, căn bản định canh chuyển sang thâm canh, chuyên canh.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập cần tập trung đầu tư theo chiều sâu để khai thác mọi tiềm năng ở địa phương. Thực hiện tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động để tạo điều kiện cho ổn định sản xuất. Phát triển năng lượng (điện than) phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, chế biến nông - lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

Giao thông vận tải - bưu điện, hướng phát triển chủ yếu là mở rộng mạng lưới đường giao thông vào các vùng kinh tế, nơi đông dân cư, vùng quy hoạch khai thác lâm sản. Phấn đấu khai thác, khai thông và mở các tuyến đường Chiềng Ken - Nậm

Tha, Dương Quỳ - Nậm Chày, Võ Lao - Nậm Dạng. Hoàn thiện công trình đang làm dở, nâng cấp đường huyện lỵ, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, nâng cấp chất lượng tuyến đường Khánh Yên Thượng - Tân An. Kiên quyết đảm bảo giao thông thông suốt nội huyện và giữa huyện với tỉnh. Phát huy các phương tiện vận tải hiện có, kết hợp chặt chẽ giữa vận tải cơ giới với các phương tiện vận tải thô sơ như xe trâu kéo, ngựa thồ, đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ sản xuất và dân sinh, đảm bảo doanh thu trong dịch vụ bưu điện, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ phục vụ thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống. Mở rộng mạng lưới bưu điện, bưu tá cơ sở, mở thêm các tuyến đàm thoại từ huyện đi Võ Lao, Dương Quỳ, Minh Lương. Phát triển kinh doanh phục vụ nhu cầu sách, báo, tạp chí ở địa phương.

Xác định đúng quy mô, bố trí đúng cơ cấu đầu tư cho xây dựng cơ bản đảm bảo có hiệu quả kinh tế cao. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, khai thác cân đối nguồn để xây dựng cơ bản, tăng thêm tài sản cố định. Khuyến khích các địa phương và cơ sở chủ động xây dựng cơ sở vật chất, trước hết là xây dựng khu trung tâm kinh tế - văn hóa.

Phát huy quyền chủ động hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong các hoạt động lưu thông phân phối, tập trung củng cố mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán để đủ sức nắm nguồn hàng, kích thích sản xuất hàng hóa. Thực hiện tốt hơn trách nhiệm phục vụ và trao đổi hàng hóa với nhân dân. Tăng cường quản lý thị trường, quản lý hàng hóa, thực hiện Nhà nước độc quyền quản lý lương thực, thực phẩm, vật tư kỹ thuật và các loại vật tư thiết yếu khác nhau như phụ tùng xe máy, xăng dầu, phân hóa học, thuốc trừ sâu... Đẩy mạnh kết hợp quản lý nông - thương - tín, phát triển mạng lưới hợp tác xã mua bán ở các xã, nhanh chóng cải tiến một bước công tác quản lý ngân sách, quản lý tiền tệ, tập trung

khai thác cao nhất các mùa thu, nhất là thu trên địa bàn huyện. Quản lý nghiêm ngặt tiền mặt, cân đối giữa thu và chi, tăng chi tiết kiệm kiến thiết kinh tế, chú ý khi phát triển văn hóa, đồng thời giảm tối thiểu chi hành chính.

Tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tăng cường phát triển lực lượng sản xuất làm cho kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chiếm vị trí chủ đạo chi phối nền kinh tế, coi trọng công tác tổ chức lại sản xuất, sắp xếp phân công lại lao động cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật, đồng thời quản lý chặt chẽ các yếu tố của sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng xóa bỏ cơ chế hành chính bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phát huy quyền làm chủ của xí nghiệp, hợp tác xã trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất nhằm thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản "Lấy kế hoạch làm trung tâm thực hiện hạch toán kinh tế; đảm bảo quản lý tập trung, dân chủ kết hợp chặt chẽ các biện pháp quản lý hành chính, quản lý kinh tế với quản lý bằng pháp luật; gắn quyền hạn với trách nhiệm, quyền lợi với nghĩa vụ, kết hợp hài hòa giữa 3 lợi ích trên nguyên tắc phân phối lao động". Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế gắn với việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Các cấp ủy chỉ đạo phát triển đồng bộ các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế nhằm nâng cao một bước khả năng phục vụ nhu cầu bảo vệ sức khỏe, học tập và hưởng thụ văn hóa của nhân dân, giảm hẳn sự chênh lệch quá lớn về đời sống văn hóa giữa vùng thấp với vùng cao. Phấn đấu đưa sự nghiệp giáo dục phát triển có chiều sâu chất lượng và lớn mạnh về số lượng ở cả 3 ngành học. Tổ chức tốt việc nâng cao hiệu quả cải cách giáo dục trong các trường phổ thông, nâng cao hiệu quả đào tạo thế hệ trẻ huyện nhà phát triển toàn diện. Đẩy mạnh các hình thức,

bổ túc văn hóa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Chú ý quan tâm phát triển ngành học mầm non. Làm chuyển biến một bước vững chắc việc đầu tư xây dựng các điều kiện thiết yếu cho dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên mạnh về số lượng, vững về chất lượng, chú trọng xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, trang bị tài liệu, sách giáo khoa thiết bị thí nghiệm.

Trong y tế, quán triệt phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe. Tích cực bao vây, dập tắt các dịch bệnh nguy hiểm nhất là phòng, chống bệnh sốt rét. Nhanh chóng củng cố kiện toàn trạm y tế cơ sở, kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền, dùng thuốc nam chữa bệnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh tại chỗ của nhân dân. Mở rộng bệnh viện huyện, cùng các phân viện hiện có, xây dựng thêm phân viện khu vực Minh Lương, phấn đấu đạt tỷ lệ cứ 125 người dân có một giường bệnh điều trị. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa văn nghệ, phim ảnh, đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, hiểu biết xã hội và thưởng thức văn hóa nghệ thuật của nhân dân. Góp phần tích cực đẩy lùi các tập tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Chỉ đạo tốt việc thực hiện kế hoạch hóa dân số, từ trong cơ quan Nhà nước, cơ sở quốc doanh đến nông thôn, thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới, sinh đẻ có kế hoạch để giảm tỷ lệ tăng dân số hàng năm xuống 2%. Làm tốt công tác chăm sóc đối với thương binh, gia đình Liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Tiếp tục nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng mọi âm mưu phá hoại và xâm lược của kẻ địch. Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững mạnh. Kết hợp chặtchẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, đảm bảo hậu cần tại chỗ, đẩy mạnh phong trào quần

chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hành chính, quản lý kinh tế, quản lý xã hội theo tinh thần Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 128 của Hội đồng Bộ trưởng về chống chiến tranh phá hoại của địch và chống tiêu cực. Tăng cường công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ chính trị và bảo vệ kinh tế. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự trong quản lý kinh tế - xã hội, đề cao kỷ cương của Nhà nước. Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục pháp luật.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đảm bảo cho nhân dân lao động có đủ quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích của người làm chủ tập thể, bồi dưỡng về ý thức và năng lực làm chủ cho người lao động trên mọi mặt hoạt động, làm động lực thúc đẩy 3 cuộc cách mạng, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể có vai trò trọng yếu xây dựng chế độ làm chủ tập thể, do đó phải được nhanh chóng củng cố kiện toàn để thực hiện tốt chức năng giáo dục, động viên giác ngộ quần chúng, thực sự là chỗ dựa để quần chúng phát huy quyền làm chủ. Phát huy vai trò quản lý của chính quyền, tăng cường hiệu lực của hệ thống chính quyền vô sản. Tăng cường vai trò và hiệu lực của Hội đồng nhân dân các cấp, nâng cao chất lượng của các kỳ họp và khả năng giám sát, kiểm tra hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, xã hội và các cơ quan chuyên môn. Phát huy vai trò và năng lực của Ủy ban nhân dân trong việc cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Đảng bộ huyện đã đề ra. Đổi mới chế độ và phong cách làm việc của hệ thống chính quyền, đảm bảo ra quyết định đúng, kịp thời tổ chức thực hiện có kết quả cao.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng: Coi nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trước hết Đảng phải đổi mới tư duy, đổi mới phong cách

lãnh đạo, đổi mới hoạt động của đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo quản lý. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên cơ sở quy hoạch. Sử dụng đúng năng lực cán bộ và động viên khuyến khích lao động sáng tạo đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của Đảng, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, gắn với mở rộng dân chủ trong Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra của đảng kết hợp với thanh tra của Nhà nước theo tinh thần Chỉ thị 34 của Trung ương Đảng, kiên quyết lập lại trật tự, kỷ cương trong cơ quan Nhà nước. Nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Tăng cường công tác tư tưởng lý luận, tổ chức chặt chẽ trong việc học tập và thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện phương châm toàn Đảng làm công tác tư tưởng. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có chất lượng.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, từ đầu tháng 3/1987, Huyện ủy Văn Bàn tổ chức cho cán bộ đảng viên nghiên cứu học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Những quan điểm tư tưởng, nội dung và nhiệm vụ mới của Trung ương Đảng và của Đảng bộ địa phương được quán triệt sâu sắc tới cán bộ, đảng viên. Sau khi được nghiên cứu, đảng viên viết thu hoạch nhận thức về đường lối đổi mới của Đảng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên đồng thuận với Đảng về đường lối đổi mới và những nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra.

Sau hơn 2 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ huyện, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy, từ ngày 23 đến ngày 24/12/1988, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ

XIV được triệu tập. Về dự Đại hội có 123 đại biểu, thay mặt cho 1.136 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội kiểm điểm, đánh giá công việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, thảo luận thống nhất phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu 2 năm 1989-1990, kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 36 đồng chí. Đồng chí Tạ Duy Hiển được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Quán triệt nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, Trung ương và của tỉnh, Đại hội đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIV đã bổ sung nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu đến năm 1990, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế xã hội của huyện, đạt được kết quả trên các lĩnh vực.

Về phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp: Bảo đảm cân đối nhu cầu lương thực trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh sản xuất thực phẩm đi đôi với phát triển các cây ăn quả, cây rau, đậu đỗ các loại, đồng thời phát triển mạnh cây công nghiệp phục vụ đời sống hàng ngày và chế biến hàng xuất khẩu. Khuyến khích phát triển chăn nuôi ở cả 3 khu vực gia đình, tập thể và quốc doanh. Phát triển nuôi cá, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích ao hồ hiện có bằng hình thức khoán, đấu thầu cho tập thể, gia đình cá nhân. Hoàn thiện giao đất, giao rừng, xây dựng kinh tế vườn rừng. Phát động mạnh phong trào trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Tổ chức tốt việc khai thác theo quy hoạch, phát huy hiệu quả tài nguyên rừng hiện. Hoàn chỉnh sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường từ huyện đảm bảo thông suốt. Mở rộng mạng lưới giao thông xã, mở đường lâm sinh vào các khu khai thác lâm sản. Nâng cao chất lượng thông tin liên lạc, củng cố tổ chức mạng lưới bưu tá, thường xuyên tu sửa, bảo vệ các tuyến đường dây điện thoại, bảo đảm thông tin kịp thời thuận tiện. Tận thu ngân sách theo hướng tăng thu giảm chi, làm tốt công tác quản lý thị trường, đấu tranh làm giảm tốc độ tăng giá,

tiến tới ổn định giá cả. Đảm bảo kết hợp hài hòa 3 lợi ích trên nguyên tắc phân phối theo lao động. Tổ chức lại các ngành quốc doanh, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt đủ sức vươn lên làm chủ thị trường. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, tập trung củng cố, tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh phân công lao động để mở rộng sản xuất phát triển toàn diện. Quan tâm thích đáng đến sự nghiệp phát triển giáo dục, bảo đảm nâng cao một bước cả về số lượng và chất lượng giáo dục, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phát triển giáo dục vùng cao. Từng bước xóa mù chữ cho cán bộ và thanh thiếu niên trong độ tuổi đi học. Quan tâm xây dựng các trạm xá, bệnh viện đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Phát triển mạnh phong trào quần chúng tham gia hoạt động thể dục thể thao nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền gắn với xây dựng đời sống văn hóa mới, tích cực bài trừ tệ nạn mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện từ năm 1986 đến năm 1990, Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo địa phương trên các mặt, công cuộc đổi mới của huyện đạt được kết quả bước đầu quan trọng.

Về đổi mới quản lý và phát triển kinh tế, thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII và XIV, trong 5 năm (1986-1990). Trong điều kiện nền kinh tế xã hội của huyện có nhiều khó khăn, dưới sự lãnh chỉ đạo sát sao, sự vận dụng linh hoạt đường lối đổi mới của Đảng, của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo phát triển kinh tế đạt những thành tựu trên các lĩnh vực.

Trên lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện xác định lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng là lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, sớm ra các Nghị quyết về phát triển sản xuất như Nghị quyết 32 về củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn, Nghị quyết 01 về phát triển chăn nuôi đúng hướng, Nghị quyết 02 về phát triển cây ngô. Huyện ủy chú trọng đẩy mạnh khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở hội nghị cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp toàn huyện. Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp và Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị về cơ chế quản lý đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ở các xã, hợp tác xã. Qua thực hiện, người nông dân phấn khởi, tin tưởng, yên tâm sản xuất, nhiều người bỏ ruộng tự nguyện trở lại nhận khoán. Nhiều HTX có chuyển biến tốt; tình trạng xã viên nợ sản phẩm hợp tác xã, thiếu thuế giảm hẳn[1].

Mặc dù còn có nhiều khó khăn, còn nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết, nhưng thực hiện Nghị quyết 10 đã có tác dụng lớn kích thích sản xuất phát triển, lợi ích của người lao động ngày càng được giải quyết tốt hơn, lòng tin của nông dân đối với Đảng được củng cố hơn trước.

Để đưa sản xuất nông nghiệp phát triển, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo thâm canh đi đôi với mở rộng diện tích, bố trí sản xuất theo các vùng chuyên canh, hình thành được các vùng lúa, vùng ngô tập trung tương đối rõ nét, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, thực hiện mạnh mẽ việc đổi mới cơ cấu giống lúa mới (CR203), giống ngô mới (TXB49, MXB2) có năng suất cao vào gieo trồng. Các khâu thủy lợi, phân bón, dịch vụ nông nghiệp và các biện pháp chăn nuôi, chăm

[1] Báo cáo số 04-BC/HU, ngày 25/3/1989 của Huyện ủy về Kiểm điểm công tác tư tưởng của Đảng bộ huyện Văn Bàn qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc.

sóc, phòng trừ dịch bệnh được chú trọng. Vì vậy sản xuất nông nghiệp có những tiến bộ rõ rệt, nhất là việc thực hiện chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1989, đạt 13.358 tấn, năm 1990, đạt được 13.875 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 291 kg/người/năm. Đến năm 1990, huyện cơ bản tự cân đối được lương thực trên địa bàn[1].

Chăn nuôi được phát triển đúng hướng, trọng lượng xuất chuồng ngày càng tăng, đầu đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh. Đến năm 1990, toàn huyện có đàn trâu 8.942 con, đàn bò 644 con, đàn lợn 15.930 con, đàn ngựa 494 con, gia cầm 88.243 con[2]. Phong trào chăn nuôi đã có bước phát triển mới, cơ bản đáp ứng nhu cầu sức kéo và nhu cầu thực phẩm trên địa bàn.

Diện tích các cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đều được quan tâm mở rộng. Các cây lương thực như rau, đậu đỗ, vừng lạc, cây ăn quả phát triển mạnh, bắt đầu hình thành vùng cung ứng thực phẩm tương đối rõ nét, một số sản phẩm nông nghiệp trở thành hàng hóa lưu thông trên thị trường với số lượng đáng kể.

Lương thực, thực phẩm phong phú, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng. Đời sống nhân dân trong huyện được ổn định và có mặt được nâng cao hơn trước. Đó là kết quả của việc thực hiện đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất. Huyện tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp toàn diện như thay giống mới có năng suất cao, đầu tư phân bón, thuốc trừ sâu, xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, củng cố và mở rộng hệ thống mương máng tưới tiêu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong thâm canh, tăng năng suất.

---

[1] Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn, lần thứ XV.

[2] *Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.*

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý trong nông nghiệp và Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn về xây dựng củng cố tổ chức, đổi mới một bước cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, huyện chỉ đạo tập trung củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, chỉ đạo việc tiến hành tổ chức lại quy mô hợp tác xã, rà soát bố trí gọn lại đội ngũ cán bộ quản lý, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, đội trưởng sản xuất, tổ chức phân hạng ruộng đất, định mức khoán sản một cách hợp lý, đồng thời đưa các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng đi vào hoạt động để động viên nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất.

Ngành lâm nghiệp thực hiện đổi mới trong công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác sử dụng vốn rừng theo quy hoạch, kế hoạch. Diện tích rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn, rừng tái sinh được quan tâm bảo vệ. Công tác giao đất, giao rừng cho tập thể và hộ gia đình xã viên đã căn bản hoàn thành. Nhiệm vụ khai thác lâm sản được chỉ đạo chặt chẽ, hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao, Nạn đốt phá rừng giảm nhiều, kinh tế vườn rừng đã đi vào cuộc sống của nhân dân, bước đầu phát huy tác dụng tích cực.

Từ việc xác định rõ tiềm năng thế mạnh về nghề rừng, huyện tập trung đẩy mạnh công tác quản lý và khai thác vốn rừng sẵn có để làm hàng xuất khẩu, xác định rõ các mặt hàng chủ lực về gỗ quý, dược liệu quý như pơ mu, sến, táu, song đoạn, quế, thảo quả... Năm 1990, huyện đạt giá trị thu nhập về hàng xuất khẩu cao nhất kể từ trước, giá trị quy đổi đạt 300.000 đô la, góp phần quan trọng đảm bảo đời sống và cân đối thu chi, ngân sách trên địa bàn huyện[1].

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trong giai đoạn 1986-1990, huyện được tăng cường một

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn, lần thứ XV.

số cán bộ có trình độ chuyên môn như cán bộ quản lý ruộng đất; kỹ sư trồng trọt; kỹ sư chăn nuôi; kỹ sư thủy lợi; kỹ sư kinh tế nông nghiệp; cán bộ kế hoạch, thống kê... Do đó sản xuất nông nghiệp đã có những tiến bộ rõ rệt.

Trong giai đoạn này, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển về chăn nuôi, dịch vụ nước tưới tiêu, ngày 01/01/1986, Thú y huyện được thành lập trên cơ sở tách từ bộ phận chăn nuôi thú y, Phòng Nông Lâm nghiệp huyện. Năm 1987, huyện thành lập Trạm Thủy nông huyện[1].

*Về hoạt động của các ngành kinh tế quốc doanh, n*gày 13/3/1987, Chính phủ ban hành Quyết định số 80/QĐ-CP về giải thể trạm kiểm soát trên các đường giao thông. Thực hiện hướng dẫn của tỉnh, huyện Văn Bàn tiến hành gỡ bỏ các Trạm kiểm soát trên địa bàn. Nhờ đó tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường, gây ách tắc giao thông được giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và sản xuất kinh doanh.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-UB, ngày 25/7/1987, của UBND tỉnh Hoàng Liên Sơn về tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo công tác quản lý thị trường trong tình hình mới, huyện Văn Bàn đề ra các giải pháp quản lý giá cả, nhất là tập trung quản lý giá cả các mặt hàng đặc sản ở địa phương nhằm đảm bảo ổn định thị trường.

Ngày 24/5/1989, Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn ra Chỉ thị về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán theo Quyết định số 194 ngày 23/12/1988 của Hội đồng Bộ trưởng. Được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện Văn Bàn tổ chức các hội nghị xã viên để kiện toàn tổ chức hợp tác xã mua bán và sắp xếp lại phương thức hoạt động ở các hợp tác xã.

---

[1] *Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.*

Với việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các chỉ thị trên, trong những năm 1987-1990, hàng hóa trên thị trường trong huyện, nhất là hàng tiêu dùng khá dồi dào, đa dạng và lưu thông phân phối tương đối thuận lợi. Các cơ sở sản xuất kinh doanh gắn chặt hơn với nhu cầu thị trường. Phần bao cấp của Nhà nước về vốn, giá, vật tư giảm đáng kể. Một số sản phẩm tăng khá và có tiến bộ về chất lượng. Ngành tài chính, ngân hàng nhanh chóng chuyển hoạt động sang hạch toán kinh doanh, đẩy mạnh công tác huy động vốn, mở rộng tín dụng, thực hiện chính sách thuế, thu chi ngân sách, quản lý tiền mặt đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Những kết quả trên là thắng lợi của việc thực hiện đường lối đổi mới, chủ trương phát triển ngành kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của Đảng và có sự cố gắng của các cấp, các ngành trong công tác quản lý, điều hành, hạch toán kinh doanh phù hợp với điều kiện đặc thù của huyện.

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế gắn liền với việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn và gắn liền với việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế, Huyện ủy xác định rõ các công trình trọng tâm, trọng điểm trực tiếp phục vụ 3 chương trình kinh tế và đời sống nhân dân. Trong 5 năm, huyện đã đầu tư gần 1 tỷ đồng cho xây dựng các công trình trọng điểm, trong đó có sự đóng góp rất lớn của tập thể và nhân dân địa phương. Những năm 1986-1990, năng lực sản xuất của nền kinh tế tăng nhanh, nhiều công trình quan trọng về thủy lợi, giao thông, phương tiện vận tải, cơ sở vật chất phục vụ đời sống văn hóa - xã hội hoàn thành đưa vào sử dụng có hiệu quả.

Các loại hình kinh tế (kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân) trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo phát triển. Trong quá trình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, mặc dù có còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhưng huyện bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận

động theo cơ chế thị trường, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

Trên từng lĩnh vực đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức sản xuất một cách hợp lý, kiện toàn quan hệ sản xuất ở nông thôn, thực hiện chế độ khoán và cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp, khắc phục dần sự can thiệp của Nhà nước vào việc điều hành sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, sản xuất kinh doanh trong các đơn vị kinh tế quốc doanh ở Văn Bàn như Lâm trường Văn Bàn, Xí nghiệp Lâm nghiệp, Công ty vật tư tổng hợp... được giữ vững, bước đầu thích ứng với cơ chế mới, nhưng hiệu quả còn thấp và chưa thực hiện tốt vai trò chủ đạo, chưa mạnh dạn đổi mới để chủ động vươn lên.

Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đã có sự chuyển biến rõ nét. Huyện thực hiện rộng rãi cơ chế Khoán 10, tiến hành hạ cấp 22 hợp tác xã vùng cao xuống thành tổ, đội sản xuất theo thôn bản, tách hợp tác xã ra quy mô nhỏ phù hợp với trình độ quản lý. Nông dân yên tâm sản xuất, đầu tư cho thâm canh, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở mang các ngành nghề. Nhưng ở thời điểm này, phần lớn các ban quản lý hợp tác xã, các đội sản xuất có sự lúng túng, chưa tổ chức được khâu dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và quản lý điều hành. Tình trạng khoán trắng cho xã viên khá phổ biến. Các vụ tranh chấp đất đai trong xã được tích cực giải quyết song vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp cần được tháo gỡ và giải quyết dứt điểm.

Đến năm 1990, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân đã có bước phát triển đáng kể, nhiều hộ gia đình đã bỏ vốn đầu tư cho sản

xuất nông nghiệp, làm kinh tế vườn, trồng cây ăn quả, cây thực phẩm, cây công nghiệp, đầu tư chăn nuôi hoặc làm dịch vụ phục vụ cho sản xuất. Trong huyện xuất hiện nhiều đơn vị kinh tế tư nhân, nhiều hộ gia đình làm kinh tế giỏi, tăng theo sản phẩm cho xã hội, góp phần đáng kể làm giảm bớt những khó khăn kinh tế.

Nhìn chung trong 5 năm đầu đổi mới, nền kinh tế trong huyện có những chuyển biến quan trọng theo hướng đi lên, khẳng định quá trình thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng là đúng đắn, phù hợp với tiến trình đi lên của xã hội. Tuy nhiên, trong nhiệm vụ quản lý kinh tế của từng cấp, từng ngành vẫn còn có những khuyết điểm, nhược điểm, bộc lộ sự hạn chế về trình độ, năng lực. Đó là điều cần sớm được khắc phục.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của Đảng, của Trung ương và của tỉnh về đường lối đổi mới, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XIII, XIV xác định mục tiêu văn hóa xã hội tổng quát cho giai đoạn 1986-1990: Tạo sự chuyển biến về mặt xã hội, đảm bảo cho nhân dân có đời sống ổn định, ăn đủ no, mặc đủ ấm và được cải thiện một bước về đời sống văn hóa tinh thần, đáp ứng tốt hơn về nhu cầu hưởng thụ văn hóa. Đảm bảo người lao động có việc làm theo hướng phân công lao động hợp lý theo quy hoạch. Xây dựng quan hệ xã hội và nếp sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực.

Để thực hiện mục tiêu nêu trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể về văn hóa xã hội giai đoạn 1986-1990 là: Phát triển đồng bộ các hoạt động văn hóa nhằm nâng cao một bước khả năng phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, giảm hẳn sự chênh lệch quá lớn về đời sống văn hóa giữa vùng thấp với vùng cao. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa,

văn nghệ, phim ảnh, đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức tư tưởng, chính trị, hiểu biết xã hội và thưởng thức văn hóa nghệ thuật của nhân dân, góp phần tích cực đẩy lùi các tập tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, làm tốt công tác chăm sóc đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và những người có công với cách mạng. Phát triển mạnh phong trào quần chúng tham gia hoạt động thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền gắn với xây dựng đời sống văn hóa mới, tích cực bài trừ mê tín dị đoan và các tập tục lạc hậu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, XIV, Đảng bộ huyện chỉ đạo sát sao trên các lĩnh vực. Theo đó, các hoạt động văn hóa phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức, công tác thông tin tuyên truyền có bước tiến bộ nhất định. Tuy vậy, ở mức hưởng thụ của nhân dân về văn hóa, văn nghệ còn thấp, nhất là các xã vùng cao. Các phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan, các hủ tục trong việc cưới xin, ma chay chưa được khắc phục. Nạn cờ bạc, nghiện hút có chiều hướng gia tăng.

Từ những thành tựu về kinh tế, việc thực hiện các chính sách xã hội có điều kiện thuận lợi và có bước tiến bộ. Đời sống đại đa số nhân dân được ổn định và có mặt được cải thiện. Một bộ phận nhân dân có thu nhập cao chính đáng nhờ biết kinh doanh hoặc lao động có kế hoạch, biến áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiết kiệm trong tiêu dùng.

Trong lĩnh vực y tế, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, XIV xác định đảm bảo tốt hơn về nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Để đạt được mục tiêu đó, Huyện ủy quán triệt phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe; tích cực kiểm soát, dập tắt các dịch bệnh nguy hiểm, nhất là phòng, chống

bệnh sốt rét. Nhanh chóng củng cố kiện toàn trạm y tế cơ sở, kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền, dùng thuốc nam chữa bệnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh tại chỗ của nhân dân. Mở trộng bệnh viện tuyến huyện, củng cố các phân viện hiện có, xây dựng thêm phân viện khu vực Minh Lương[1]. Thực hiện tốt Quyết định 162 của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, từ năm 1986-1990, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân có nhiều tiến bộ. Mạng lưới y tế được mở rộng xuống đến cơ sở, phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh từ huyện xuống các xã, các thôn, bản, tiểu khu. Ngành y tế tăng cường cán bộ xuống cơ sở thực hiện kiểm tra thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời dịch bệnh, hướng dẫn nhân dân cách phòng chống bệnh, dịch, dùng thuốc nam để chữa các bệnh thông thường. Các trạm xá, bệnh viện được quan tâm xây dựng và tăng cường trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và ngăn chặn các bệnh dịch xảy ra. Huyện ủy chỉ đạo tuyên truyền, triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đến mọi tầng lớp nhân dân, do đó công tác kế hoạch hóa có chuyển biến tích cực.

Đối với sự nghiệp giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIII, XIV đề ra chủ trương đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, với mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đưa sự nghiệp giáo dục phát triển có chiều sâu chất lượng và lớn mạnh về số lượng ở cả 3 ngành học. Tổ chức tốt việc nâng cao hiệu quả cải cách giáo dục trong các trường phổ thông, nâng cao hiệu quả đào tạo thế hệ trẻ. Đẩy mạnh các hình thức, bổ túc văn hóa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Làm chuyển biến một bước vững chắc việc đầu tư xây dựng các

[1] *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn*, tập III, tr.79.

điều kiện thiết yếu cho dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên mạnh về số lượng, vững về chất lượng, chú trọng xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, trang bị tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị thí nghiệm.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 05/9/1987 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về củng cố và phát triển sự nghiệp giáo dục vùng cao và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, XIV, trong 5 năm hoạt động cải cách giáo dục của huyện đã có nhiều cố gắng. Các ngành học được sắp xếp lại và tiếp tục được duy trì về số lượng, nâng cao chất lượng[(1)].

Tiếp nối giai đoạn trước, giáo dục mầm non trong giai đoạn này mới dừng ở việc phát triển các lớp học mẫu giáo 5 tuổi tại nơi có bố trí giáo viên mầm non thuộc biên chế nhà nước giảng dạy. Do điều kiện về biên chế, các lớp mẫu giáo cho trẻ 5 tuổi mới được đầu tư tại trung tâm các xã Văn Sơn, Võ Lao, Chiềng Ken, Khánh Yên Hạ, Liêm Phú, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Hoà Mạc, Dương Quỳ, Tân An. Nhóm trẻ mới được đầu tư bố trí cô nuôi thuộc diện biên chế nhà nước cho các trường học trên địa bàn mà trường quản lý, có số lượng trẻ em là con của cán bộ nhà nước trong độ tuổi nhà trẻ, đủ số lượng mở nhóm trẻ. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mầm non được nuôi dưỡng trong trường học tỷ lệ rất thấp. Tại Trung tâm huyện có

---

(1) Tại huyện Văn Bàn, năm 1987 thành lập xã Thẳm Dương, tại xã Thẳm Dương thành lập Trường Phổ thông cơ sở Thẳm Dương; thành lập xã Văn Sơn, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Võ Lao đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Võ Lao, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Võ Lao đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Văn Sơn; thành lập xã Khánh Yên Trung, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Khánh Yên Hạ đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Khánh Yên Hạ, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Khánh Yên Hạ đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Khánh Yên Trung; thành lập xã Liêm Phú, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Chiềng Ken đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Chiềng Ken, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Chiềng Ken đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Liêm Phú.
Năm 1989, thành lập Trường Phổ thông cơ sở Tân Thượng; thành lập thị trấn Khánh Yên, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Khánh Yên Thượng đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Khánh Yên Thượng, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Khánh Yên Thượng đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Khánh Yên. Đến thời điểm này về hệ thống hành chính huyện Văn Bàn có 22 xã và 01 thị trấn.

Trường Mẫu giáo Liên cơ Văn Bàn, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức nuôi dạy hai buổi trong ngày. Các lớp nhóm lớp khác gắn với trường phổ thông, mới thực hiện nuôi dạy một buổi trong ngày.

Năm học 1985-1986, năm học 1986-1987, sự nghiệp giáo dục vẫn được duy trì và có bước phát triển. Từ năm 1987, tình hình kinh tế - xã hội nước ta bước vào giai đoạn của sự suy thoái nhiều mặt. Giá cả leo thang quá nhanh, giá trị đồng tiền giảm, tiền lương cán bộ nhà nước bất cập, dẫn đến đời sống giáo viên gặp nhiều khó khăn, hợp tác xã nông nghiệp không có khả năng hỗ trợ như giai đoạn trước. Nhiều giáo viên phải bươn chải với kinh tế thị trường, đời sống khó khăn. Từ năm học 1987-1988, số lượng học sinh đến trường giảm mạnh, cơ sở vật chất các trường học trong huyện chủ yếu bằng gỗ, vầu, lợp lá, nhanh hỏng, phải thường xuyên sửa chữa hàng năm. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nhân dân không tập trung để sửa chữa được. Một số xã, trường phổ thông cơ sở học sinh bỏ học giữa chừng nên không còn cấp II. Bên cạnh đó, do khó khăn về kinh tế cùng với việc chuyển đổi cơ chế mới còn nhiều lúng túng nên chất lượng giáo dục bị xuống cấp, số học sinh bỏ học ngày càng nhiều. Năm 1990, số học sinh toàn huyện giảm 12% so với năm 1988, số người mù chữ tăng lên. Năm học 1990-1991, tổng dân số của huyện 51.600 khẩu, tổng số trẻ 6-14 tuổi là 14.560 trẻ, đã huy động ra lớp 5.276 trẻ đạt 36%, toàn huyện chỉ còn 31 trường học[1].

Năm học 1990-1991, toàn huyện có 01 trường mầm non liên cơ quan dành cho con em cán bộ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước tại thị trấn Khánh Yên. Số địa phương cấp xã thực hiện nhiệm vụ mầm non chỉ còn 3 xã và thị trấn Khánh Yên gắn với trường phổ thông, có giáo viên mẫu giáo trong biên chế nhà

[1] *Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010*, tr.70.

nước. Tổng số nhóm trẻ trong toàn huyện huy động 27 nhóm, 200 trẻ, chủ yếu là nhóm trẻ diện quốc lập, lớp mẫu giáo gồm 27 lớp, 688 học sinh, chủ yếu lớp mẫu giáo quốc lập.

Năm học 1990-1991, toàn huyện có 29 trường[(1)]. Quy mô số lớp, số học sinh trong trường học quá nhỏ so với tổng dân số của địa phương. Tổng số học sinh phổ thông là 4.999, trong đó học sinh cấp I là 4.506, tốt nghiệp cấp I là 139 học sinh. Học sinh cấp II là 427, tốt nghiệp cấp II là 54 học sinh. Trường phổ thông trung học có 3 lớp với 66 học sinh, trong đó tốt nghiệp là 12 học sinh. Đây là một giai đoạn sự nghiệp giáo dục huyện sa sút khá nặng nề.

Về giáo dục thường xuyên, có 01 trường phổ thông lao động thực hiện nhiệm vụ bổ túc văn hoá cho cán bộ dự nguồn, đương nhiệm cấp xã, cấp huyện. Công tác xoá mù chữ, bổ túc văn hoá tại chức chủ yếu thực hiện tại các trường phổ thông cơ sở. Khi giáo dục phổ thông sa sút, công tác xoá mù chữ, bổ túc văn hoá không có điều kiện thực hiện. Do kinh tế - xã hội gặp khó khăn, trong giai đoạn khủng hoảng, kéo theo sự sa sút về giáo dục. Tình trạng mù chữ tăng, dân số từ 15-25 tuổi tại thời điểm cuối năm 1990 là 12.816 người, biết chữ chỉ có 6.054 người đạt 47,24. Phong trào bổ túc văn hoá trầm lắng, các trường bổ túc văn hoá vừa học vừa làm tại Khánh Yên Hạ, Dương Duỳ, Võ Lao phải giải thể do không có người học. Trường Phổ thông lao động huyện, ngoài lớp bổ túc văn hoá cho cán bộ trong cơ quan nhà nước, không tuyển sinh được đối tượng khác.

Đội ngũ giáo viên thừa do quy mô trường lớp bị thu hẹp lại, nhiều giáo viên bỏ việc, chuyển ngành, chuyển vùng bởi đời sống khó khăn và không có học sinh. Năm 1990, đội ngũ cán bộ,

---

(1) Trong đó trường phổ thông cơ sở có đến lớp 2 là 3 trường thuộc 3 xã, có đến lớp 3 là 4 trường thuộc 4 xã, có đến lớp 4 là 4 trường thuộc 4 xã, có đến lớp 5 là 11 trường thuộc 11 xã, có đến lớp 9 là 6 trường thuộc 5 xã và thị trấn Khánh Yên, 01 trường phổ thông dân tộc nội trú, 01 trường trung học phổ thông.

giáo viên thuộc sự nghiệp giáo dục huyện giảm xuống còn 356 người. Mặc dù khó khăn nhưng đa số giáo viên vẫn bám trường, bám lớp, tận tâm, tận tuỵ với sự nghiệp giáo dục. Phong trào thi đua ở nhiều trường học vẫn được đội ngũ cán bộ giáo viên hưởng ứng[1].

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Lào Cai lần thứ IX, xuất phát từ điều kiện thực tế của huyện, Đại hội đại biểu huyện Văn Bàn lần thứ XIII, XIV đề ra nhiệm vụ tổng quát về công tác quốc phòng, an ninh trong 5 năm 1986-1990: Bảo đảm các yêu cầu củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh toàn diện. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, đáp ứng nhu cầu về đời sống của nhân dân đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống và chi viện tích cực kịp thời cho tuyến một. Giữ vững an ninh chính trị, tăng cường trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và phòng ngừa tội phạm hình sự, đặc biệt trong Đại hội đại biểu huyện Văn Bàn lần thứ XIV tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng[2].

Thực hiện nhiệm vụ Đại hội Đại biểu huyện Văn Bàn lần thứ XIII, XIV; thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng, Đảng bộ huyện chỉ đạo xây dựng lại phương án tác chiến, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên theo hướng "chuyên - tinh - mạnh - gọn" giảm số lượng xuống còn 3% so với dân số, kiện toàn lại tổ chức theo hướng lấy chất lượng làm chính, phù hợp với tính chất và yêu cầu hoạt động trong tình hình mới[3]. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng và biên chế

---

[1] *Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010*, tr.71.

[2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn, lần thứ XIII, XIV.

[3] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn, lần thứ XIV.

ở 17/17 xã, thị trấn và 23 đơn vị được khối cơ quan, tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ ngày càng tăng (năm 1986 chiếm 6%; năm 1990 chiếm 11%). Các năm huyện đều hoàn thành chỉ tiêu giao quân và kế hoạch huấn luyện. Trong 5 năm 1986-1990, toàn huyện đã có 614/614 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu giao. Hàng năm huyện đều tổ chức thực hành diễn tập, kiểm tra quân sự dự bị động viên, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, Huyện ủy Văn Bàn đã chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện quán triệt chỉ thị, nghị quyết về công tác sẵn sàng chiến đấu của Đảng và cơ quan quân sự cấp trên đến cán bộ, chiến sỹ cơ quan quân sự và lực lượng dân quân tự vệ. Đồng thời kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ hiểu rõ hơn âm mưu, thủ đoạn của địch, nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong tình hình mới. Do đó lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện đã luôn chủ động, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng công an giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Lực lượng vũ trang địa phương huyện thường xuyên duy trì tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu như trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, bảo đảm quân số 24/24 giờ. Nhiệm vụ huấn luyện được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của các mặt công tác. Chi uỷ - Ban chỉ huy quân sự huyện luôn quán triệt chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tới cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang về công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khả năng của lực lượng vũ trang địa phương và khả năng quốc phòng toàn dân đã được phát huy, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững chắc, sẵn sàng chi viện cho phía trước trong mọi tình huống.

Năm 1986, huyện thực hiện kế hoạch diễn tập tiểu đoàn dự bị động viên của huyện để rút kinh nghiệm cho tỉnh chỉ đạo các huyện khác. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện phát lệnh động viên quân dự bị ở 17 xã và 29 cơ quan, kết quả quân số có mặt đạt 91,18%. Về phương tiện, huyện đã trưng dụng phương tiện của 6 cơ quan. Các cơ quan được động viên đều có mặt 100% quân số; tiêu biểu là xã Khánh Yên Thượng, Hoà Mạc, Nậm Xây, Nậm Xé... Qua diễn tập động viên năm 1986, lực lượng tăng cường đầu tiên của huyện lên đường đúng thời gian quy định, quân số, vũ khí trang bị bảo đảm đáp ứng được yêu cầu chiến đấu. Tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành mệnh lệnh động viên của hầu hết quân nhân dự bị tốt. Thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 1990, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo huyện Văn Bàn động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu trực diện, 1.611 quân nhân dự bị, 36 phương tiện kỹ thuật của 11 đầu mối đơn vị trên địa bàn[1].

Hàng năm, Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quân sự quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững chắc, các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra đều hoàn thành tốt như công tác tuyển quân, quản lý lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, động viên kiểm tra quân dự bị, huấn luyện chiến đấu cho các đối tượng; Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các phương án, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Với những thành tích trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới và trong xây dựng thời bình, tháng 2/1987 lực lượng vũ trang nhân dân huyện được Chủ tịch nước tặng Huân chương Quân công hạng Ba và nhiều bằng khen, giấy khen.

[1] Báo cáo công tác động viên quân đội của Ban chỉ huy quân sự huyện Văn Bàn (1986-1991).

Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW, ngày 30/7/1987 Bộ Chính trị (khoá VI) về nhiệm vụ quốc phòng xây dựng các tỉnh, thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc của Tổ quốc theo kế hoạch thống nhất của các quân khu và cả nước, ngày 15/7/1987, Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn ra nghị quyết số 03-NQ/TU xác định chủ trương nhiệm vụ công tác quân sự quốc phòng ở địa phương: "Quyết tâm xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn thành khu vực phòng thủ vững chắc trong bảo vệ Tổ quốc". Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 12 của Ban Bí thư Trung ương, Chỉ thị số 56 của Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ đã đánh dấu bước chuyển hướng chiến lược quan trọng, bước đổi mới tư duy sâu sắc về quốc phòng và công tác quân sự quốc phòng của Đảng, Nhà nước ta trong tình hình mới. Huyện Văn Bàn xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc trong giai đoạn cách mạng mới 1986-1990.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Huyện xây dựng kế hoạch động viên quân dự bị (1986-1990), hàng năm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Xây dựng kế hoạch bảo đảm thông tin liên lạc trong động viên, sở chỉ huy động viên, trạm tiếp nhận quân dự bị. Rà soát sắp xếp đủ nguồn quân dự bị theo biên chế, đã xếp một tiểu đoàn bộ binh, 4 trung đội trực thuộc huyện và một số chức danh cán bộ ở cơ quan quân sự huyện. Từng bước sắp xếp đúng chuyên nghiệp quân sự theo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đối với huyện Văn Bàn, nguồn dự bị động viên bộ binh dồi dào, nhưng thiếu nguồn dự bị động viên binh chủng, tỷ lệ xếp đúng chuyên nghiệp quân sự mới đạt 57%. Hàng năm, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với đơn vị nhận nguồn làm tốt công tác phúc tra, kiểm tra, đăng ký, quản lý chặt chẽ nguồn động viên. Lực lượng dân quân được xây dựng theo hướng rộng khắp, từ năm 1986-1989, biên chế lực lượng dân quân tự vệ ở 17 xã, thị trấn và 23 đơn vị tự vệ[1].

[1] *Lịch sử truyền thống Lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn.*

Hàng năm, lực lượng cán bộ dân quân tự vệ được tập huấn theo chương trình, kế hoạch của huyện và tỉnh. Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị theo nội dung thống nhất do trên chỉ đạo. Công tác củng cố các cơ sở dân quân tự vệ được thực hiện thường xuyên hàng năm theo đúng Nghị định 29 của Hội đồng Bộ trưởng ngày 29/01/1990 về điều lệ dân quân tự vệ. Do đó, chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ từng bước được nâng cao. Trước hết là chất lượng về chính trị, lực lượng cơ động chiến đấu, binh chủng được rà soát, tuyển chọn kỹ, độ tin cậy cao. Quán triệt thực hiện Chỉ thị số 55-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, các cấp uỷ Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên ở địa phương, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố lực lượng, kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp, chỉ đạo nhiệm vụ huấn luyện, tập huấn, chú ý phát triển đảng viên, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt từ 6-11%. Công tác tuyển quân giai đoạn 1986-1991, được thực hiện theo đúng luật nghĩa vụ quân sự. Huyện Văn Bàn hàng năm làm tốt công tác tuyển quân, phát huy truyền thống quê hương trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền luật nghĩa vụ quân sự, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, động viên kịp thời thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự[1].

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, lực lượng công an huyện Văn Bàn đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang huyện tiến hành truy quét tội phạm góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển

[1] *Lịch sử truyền thống Lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn.*

kinh tế, văn hoá, xã hội; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Lực lượng quân sự cùng với lực lượng công an và các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội làm tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là chính sách dân tộc, tôn giáo. Tăng cường bám nắm cơ sở, tình hình địa bàn đặc biệt vùng có đồng bào Mông sinh sống như Chiềng Ken, Sơn Thuỷ, Nậm Mả, Nậm Dạng, Nậm Chày... Do quản lý tốt địa bàn từ 1986-1989, an ninh chính trị ở vùng đồng bào dân tộc Mông ổn định, chưa có hoạt động đạo trái phép, di cư tự do, không có hiện tượng xưng vua, đón chúa. Nhân dân các dân tộc đoàn kết, cùng nhau lao động sản xuất phát triển kinh tế, thực hiện sự nghiệp đổi mới của Đảng.

Lực lượng công an không ngừng được củng cố, công tác an ninh chính trị được giữ vững. Huyện phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội với nhiều nội dung hình thức phong phú. Huyện khôi phục và củng cố phong trào an ninh ở các địa bàn trọng điểm, tập trung nhiều đợt truy quét và chống bọn tội phạm hình sự có kết quả. Tuy nhiên, tình hình trật tự xã hội trong những năm 1986-1990, vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp. Tội phạm tuy có giảm nhưng tính chất lại có chiều hướng nguy hiểm hơn. Việc phát hiện và xử lý các hiện tượng tiêu cực ở cơ sở còn nhiều hạn chế. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở một số nơi còn yếu.

Về củng cố, xây dựng hệ thống chính trị, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Lào Cai lần thứ IX, xuất phát từ điều kiện thực tế của huyện, Đại hội đại biểu huyện Văn Bàn lần thứ XIII, XIV đề ra nhiệm vụ tổng quát về củng cố, xây dựng hệ thống chính trị của huyện trong giai đoạn 1986-1990 là: Tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao sức chiến

đấu của Đảng. Tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho tổ chức Đảng phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối trên tất cả các mặt công tác.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, XIV đề ra một số nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu đại hội đề ra: Coi nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trước hết Đảng phải đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo, đổi mới hoạt động của đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo quản lý. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên cơ sở quy hoạch. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của Đảng, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đẩy mạnh tự phê bình và phê bình. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của bộ máy Đảng và chính quyền từ huyện đến cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra của đảng kết hợp với thanh tra của Nhà nước theo tinh thần Chỉ thị 34 của Trung ương Đảng, kiên quyết lập lại trật tự kỷ cương trong cơ quan Nhà nước. Tăng cường công tác tư tưởng lý luận, tổ chức chặt chẽ trong việc học tập và thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện phương châm toàn Đảng làm công tác tư tưởng. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có chất lượng. Nâng cao năng lực lãnh đạo vàsức chiến đấu của Đảng.

Những năm 1986-1990, là những năm đòi hỏi phải nâng cao nhận thức chính trị trước công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng, cần phải tăng cường bản chất XHCN trước những phức tạp của tình hình thế giới và âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Nhận thức đúng đắn ý nghĩa và nhiệm vụ chính trị của Đảng, Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảng bộ thường xuyên quán triệt nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, quán triệt quan điểm đường lối, nhiệm vụ của Đảng trong mỗi giai đoạn cách mạng. Qua đó, giúp cán bộ

Đảng viên nhận thức và vận dụng đúng đắn, kịp thời các chỉ thị Nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Tư tưởng bảo thủ, ỷ lại được khắc phục một bước, năng lực lãnh đạo với tính tích cực, năng động được nâng lên, sự đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng bộ được giữ vững và tăng cường, góp phần làm chuyển biến tư tưởng của xã hội, niềm tin được nâng lên. Không khí dân chủ công khai nói và làm được khơi dậy, khắc phục tâm trạng bi quan, dao động, giảm lòng tin và ý chí chiến đấu. Đảng bộ cố gắng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng; nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp có những đổi mới nhất định, bám sát cuộc sống, bám sát tâm tư nguyện vọng của quần chúng, phục vụ thiết thực cho cơ sở và thực hiện thông tin 2 chiều, tổ chức sinh hoạt định kỳ theo quý; tổ chưc việc thảo luận, dân chủ thẳng thắn, nâng cao tính giáo dục tính chiến đấu; chất lượng sinh hoạt Đảng ở các chi Đảng bộ được nâng cao và có nhiều cải tiến, tập trung đi vào thảo luận, đề ra phương hướng nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện sát, đúng thiết thực và hiệu quả[1].

Để tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, hàng năm, Đảng bộ lãnh đạo chặt chẽ việc đánh giá, phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Ngày 20/6/1988, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI Thông qua Nghị quyết về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng. Sau khi quán triệt Nghị quyết Trung ương 5, Huyện ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện. Đồng thời tiến hành chỉ đạo một cuộc vận động làm trong sạch tổ chức Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Các tổ chức đảng tiến hành sinh hoạt, kiểm điểm nghiêm túc việc thi hành Điều lệ Đảng; thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc bức xúc và xử lý nghiêm minh những tổ chức

[1] Báo cáo số 01-BC/HU, ngày 10/01/1989.

và cá nhân vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước. Qua đó, tăng cường sự dân chủ trong Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức xây dựng Đảng, củng cố chính quyền của cán bộ, đảng viên.

Để nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức Đảng, Đảng bộ chỉ đạo kịp thời thay thế những cán bộ chủ chốt ở cơ sở không đảm bảo đảm đương nhiệm vụ. Cải tiến công tác tổ chức cán bộ theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Riêng nhiệm kỳ XIV (1989-1990), toàn Đảng bộ kiện toàn 10 chi bộ cơ sở Đảng, bổ sung 14 cấp ủy, thay mới 20 bí thư cơ sở, sắp xếp bộ máy và cán bộ ở 11 cơ quan, ban, ngành trong huyện, mở 4 lớp đối tượng Đảng, 6 lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, đồng thời tích cực cử cán bộ đi học các lớp trung cấp, cao cấp lý luận và chuyên môn.

Công tác đảng viên được coi trọng đúng mức, thường xuyên chú ý nâng cao chất lượng đảng viên, giáo dục rèn luyện bồi dưỡng phẩm chất trình độ năng lực cho đội ngũ đảng viên, nâng cao ý thức chấp hành Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, xây dựng lối sống trung thực, cần cù, giản dị, liêm khiết và tiết kiệm. Năm 1988, toàn Đảng bộ bồi dưỡng kết nạp được 59 đảng viên mới. Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ được quan tâm, việc lựa chọn bồi dưỡng, đào tạo, bố trí cán bộ đi dần vào quy hoạch, đánh giá sử dụng cán bộ được khách quan và sát hơn. Trong năm 1988, đã mở được 2 lớp đối tượng Đảng cho 47 quần chúng ưu tú, mở một lớp Đảng viên mới cho 26 đồng chí và cử đi học văn hóa chính trị tại các trường của huyện, tỉnh, trung ương theo đúng quy hoạch đã xây dựng. Đảng bộ tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ, bước đầu phát huy tác dụng và đi vào ổn định, đội ngũ cán bộ được trẻ hóa, đổi mới, đảm bảo tính liên tục và tính kế thừa theo tinh thần Đại hội VI của Đảng. Trong 5 năm (1986-1990), toàn Đảng bộ kết nạp được 248 đảng viên. Tổng số đảng viên đến cuối năm 1990 của toàn Đảng bộ là 1.241 đảng viên[1].

[1] Báo cáo số 01-BC/HU, ngày 10/01/1989.

Cùng với việc kiện toàn tổ chức Đảng, phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của cấp ủy cũng được cải tiến, phân định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng chức năng quản lý của Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể. Các cơ sở Đảng chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tự vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ[1]. Cuộc vận động đã làm chuyển biến một bước công tác xây dựng Đảng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một trong những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới ở huyện Văn Bàn là việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt mối quan hệ giữa Đảng bộ với chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VI, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 5, Đảng bộ tập trung đẩy mạnh công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Năm 1988, tiến hành 4 đợt kiểm tra thực hiện Nghị quyết của Đảng, mở 2 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra cho cán bộ cơ sở, đã có tác dụng nắm chắc chất lượng đảng viên, kịp thời giải quyết các vụ việc vi phạm của đảng viên, góp phần thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ. So với năm 1987, số đảng viên phải xem xét xử lý kỷ luật giảm 17 đồng chí. Phương châm hoạt động của công tác kiểm tra được tôn trọng, đảm bảo chủ động - dân chủ - công khai và nghiêm minh. Có chỉ đạo điểm, có tổng kết rút kinh nghiệm và tiến hành thường xuyên liên tục.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong những năm 1986-1990, còn bộc lộ một số hạn chế. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cơ sở đảng, nhất là cơ sở ở nông thôn vùng cao chưa chuyển biến kịp yêu cầu đổi mới. Một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu, hoạt động kém hiệu quả, chưa phát huy được vai

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XV.

trò lãnh đạo trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trình độ nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của đảng viên nói chung còn thấp. Một bộ phận đảng viên còn tư tưởng "trung bình chủ nghĩa", chưa gương mẫu nên uy tín và tác dụng thuyết phục quần chúng bị hạn chế, một số ít đảng viên tiêu cực, kém rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, dẫn đến vi phạm kỷ luật, vi phạm Điều lệ Đảng.

Cùng với việc tăng cường đổi mới công tác xây dựng Đảng, hoạt động của HĐND, UBND các cấp cũng được đổi mới một bước. Các kỳ họp thể hiện rõ hơn tinh thần làm chủ tập thể, quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân. Hoạt động giám sát của HĐND được tăng cường và có hiệu quả hơn trước. UBND các cấp bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, có tiến bộ trong việc điều hành và quản lý Nhà nước bằng pháp luật, giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế và xã hội. Chính quyền cơ sở đã chủ động, linh hoạt, tự lực, tự cường trong việc điều hành chung và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong 5 năm (1986-1990), Huyện ủy chỉ đạo tinh giảm biên chế ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, từ 30 đầu mối giảm xuống còn 27 đầu mối. Số lượng cán bộ, công nhân viên giảm từ 20-23%, giảm 16 trưởng, phó phòng. Riêng khối hợp tác xã nông nghiệp giảm 40% cán bộ quản lý gián tiếp. Đồng thời Huyện ủy tập trung chỉ đạo nâng cao được chất lượng và hiệu quả công tác, từng bước đổi mới lề lối, phong cách làm việc ở từng cấp, từng ngành. Tuy vậy, công tác điều hành và quản lý các cấp chính quyền nói chung còn có những lúng túng trước cơ chế mới, việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội đôi lúc chưa kịp thời và thiếu kiên quyết. Bộ máy còn cồng kềnh, nặng nề chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu, ít được đào tạo và thiếu kinh nghiệm.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa VI (tháng 3/1990) về đổi

mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện cố gắng đổi mới tổ chức và hoạt động, cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động. Huyện ủy lãnh đạo sâu sát việc tổ chức Đại hội của các đoàn thể theo tinh thần đổi mới - dân chủ - đoàn kết. Qua các Đại hội, bộ máy tổ chức và cán bộ các đoàn thể đã được củng cố thêm một bước. Ngoài các tổ chức đã có từ trước như Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Công đoàn, các tổ chức mới như Hội Cựu chiến binh, Hội Bảo thọ, Hội Chữ thập đỏ được thành lập, thu hút đông đảo hội viên tham gia các hoạt động xã hội. Tuy nhiên trước yêu cầu nhiệm vụ mới, các tổ chức đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng còn chậm đổi mới về nội dung, hình thức và phương thức hoạt động. Một số cơ sở đoàn thể hoạt động còn hình thức, chưa phát huy tác dụng. Một số đoàn viên, hội viên không thiết tha gắn bó với tổ chức của mình. Một số cán bộ đoàn thể chưa có mô hình hoạt động rõ rệt, cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở thiếu quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện cho các đoàn thể hoạt động.

***

Trong 15 năm lãnh đạo địa phương xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, của tỉnh Hoàng Liên Sơn và khó khăn riêng của huyện, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương, chính sách phù hợp trên các lĩnh vực. Quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện đã phát huy thuận lợi cơ bản của địa phương, phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, cần cù lao động của cán bộ đảng viên, nhân dân các dân tộc trong huyện. Nhờ vậy, huyện Văn Bàn khắc phục và hạn chế được khó khăn, đẩy mạnh các mặt công tác, tiếp tục

phát triển và giành được những thắng lợi đáng kể trên các mặt sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện. Trên mặt trận sản xuất đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ba Chương trình kinh tế lớn, nền kinh tế của huyện có bước chuyển biến tích cực. Nông nghiệp của huyện đã có những bước phát triển hơn, năng suất và sản lượng lương thực hàng năm tăng lên; lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp cũng có bước tiến bộ giải quyết một phần việc làm cho lao động ở địa phương; đời sống của các tầng lớp nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện; sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao có bước phát triển; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào cách mạng của quần chúng ở địa phương, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ ngày càng trưởng thành, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới. Vai trò và uy tín của Đảng bộ ngày càng được đề cao, hệ thống chính trị được củng cố và phát triển, hiệu quả quản lý Nhà nước về kinh tế có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, các cấp ủy, chính quyền vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định trọng lãnh đạo, điều hành trên từng lĩnh vực cụ thể. Nguồn lực, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của địa phương còn nhiều khó khăn, bất cập; mặt bằng trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu còn phổ biến ở vùng dân tộc thiểu số là những lực cản không nhỏ đối với huyện trong sự phát triển.

Tuy còn những khó khăn, hạn chế nhưng những chuyển biến kinh tế - xã hội của huyện, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng là tiền đề vững chắc để Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc Văn Bàn bước vào chặng đường mới.

Chương 5

LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1991-2000)

I. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1991-1996)

Từ năm 1991 đến năm 1996, tình hình thế giới có những biến động lớn, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Các nước tư bản điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại, kịp thời thích ứng với sự biến đổi của thế giới nên có sự phát triển. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước thu được một số thành tựu quan trọng. Cán bộ, nhân dân phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng lãnh đạo. Tuy nhiên, nền kinh tế của nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng. Công cuộc đổi mới vừa tạo cơ hội thuận lợi, vừa tạo những nguy cơ, thách thức. Nhất là chúng ta còn phải đối phó với tệ tham nhũng, sự thoái hóa về đạo đức, lối sống của một số bộ phận cán bộ đảng viên, sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường và nguy cơ "diễn biến hòa bình" chống phá quyết liệt cách mạng nước ta của các thế lực thù địch.

Từ năm 1991, nguồn viện trợ từ các nước XHCN cho Việt Nam chấm dứt, nợ nước ngoài phải trả hàng năm tăng lên, các thị trường xuất khẩu và nhập khẩu truyền thống đột ngột đóng cửa, nhiều chương trình hợp tác quốc tế dừng hoạt động. Trong khi đó nước ta vẫn bị các nước phương Tây cấm vận và bao vây kinh tế. Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", kích động thực hiện đa nguyên, đa đảng nhằm

xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hoá độc hại, đưa gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta; Cấu kết với bọn phản động, các phần tử cơ hội trong nước tăng cường hoạt động hòng lật đổ chế độ. An ninh quốc gia bị đe dọa nghiêm trọng, nhiệm vụ bảo vệ đất nước nặng nề hơn lúc nào hết.

Nhưng đất nước ta cũng đứng trước những cơ hội mới. Công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng, tạo tiền đề đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng cô lập về chính trị, bị cấm vận về kinh tế, bước vào quỹ đạo tăng trưởng và hội nhập. Quan hệ đối ngoại của nước ta từng bước được đa phương hóa, đa dạng hóa. Quan hệ với các nước lớn được cải thiện, mở ra triển vọng bình thường hoá. Chúng ta tích cực tìm kiếm các thị trường mới, mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp nhận tiến bộ khoa học-công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới. Công cuộc đổi mới được đông đảo nhân dân ủng hộ, cục diện chính trị nước ta ổn định.

Xuất phát từ tình hình đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991) xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 1991-1995 là: Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó xác định nội dung và tính chất của thời đại, nhận thức mới của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội còn khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng kinh tế tập thể dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Đại hội xác định phương châm chỉ đạo của Đảng là: Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong Đảng,

quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần; tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề[1].

Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá VIII), Quốc hội đã ra Nghị quyết chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai.

Trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và công tác xây dựng Đảng đạt được những thành tựu to lớn. Kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện; hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động; an ninh, chính trị, trật tự xã hội được giữ vững - đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành; cấp uỷ các cơ quan lãnh đạo và cán bộ đảng viên đã rút ra được một số kinh nghiệm.

Đối với Lào Cai, việc tái lập tỉnh phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, tạo sự đồng thuận, phấn khởi, tin tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước và khó khăn

---

[1] Nghị quyết Trung ương 2 (tháng 12/1991) về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết Trung ương 3 (tháng 6/1992) về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng; Nghị quyết Trung ương 4 (tháng 11/1992) về một số chính sách xã hội, chăm lo con người; Nghị quyết Trung ương 5 (tháng 6/1993) về phát triển nông nghiệp nông thôn mới; Nghị quyết Trung ương 7 (tháng 7/1994) về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết Trung ương 8 (tháng 1/1995) về xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước về hành chính nhà nước.

riêng của địa phương, nền kinh tế, văn hóa, xã hội của Lào Cai đến năm 1991, tuy có bước phát triển nhưng nhìn chung vẫn còn thấp kém. Tốc độ tăng trưởng cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra chậm, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn trong GDP. Các ngành kinh tế tập trung phát triển theo diện rộng, hướng vào nhiệm vụ đảm bảo tự túc về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, ổn định đời sống nhân dân. Những hạn chế khó khăn về tài chính, ngân hàng, giá cả không ổn định không chỉ hạn chế sự phát triển của sản xuất mà còn tác động đến đời sống các tầng lớp nhân dân, nhất là những người làm công ăn lương. Hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh thấp kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh miền núi. Đời sống đại bộ phận nhân dân còn khó khăn. Khi mới tái lập tỉnh (1991), tỷ lệ đói nghèo của Lào Cai trên 50%, trong đó tỷ lệ đói là 31%. Nguồn nhân lực được bổ sung hàng năm nhưng chất lượng thấp, chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Tỷ lệ thất nghiệp còn cao, lao động thiếu việc làm còn nhiều, nhất là ở nông thôn. Tình trạng di cư tự do của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn diễn ra phổ biến. Các tệ nạn xã hội còn nhiều, diễn biến phức tạp trước sự mở cửa giao lưu. Đến năm 1991, tỉnh Lào Cai còn 14 xã trắng về giáo dục. Mạng lưới y tế cơ sở yếu kém mọi mặt, còn có 45/180 xã chưa có trạm y tế, trong đó có 15 xã trắng hoàn toàn về y tế.

Những kết quả đạt được, những hạn chế về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội là cơ sở để các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương đề ra những chủ trương, chính sáchphù hợp, tạo điều kiện cho Lào Cai giải quyết các vấn đề xã hội phù hợp với thực tế.

Nhận thức rõ các điều kiện thuận lợi, khó khăn trong và ngoài tỉnh, với tinh thần đoàn kết, nhất trí, tự lực, tự cường kiên trì sự nghiệp đổi mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ X đề ra mục tiêu tổng quát trong những năm 1992-1995 là: Phát

huy truyền thống đoàn kết các dân tộc và những kết quả đã đạt được, quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, giữ vững ổn định chính trị, củng cố và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ kinh tế tự nhiên và từng bước giảm kinh tế tự cấp tự túc để ổn định, có cải thiện một bước đời sống của nhân dân các dân tộc, đẩy lùi tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội. Phương châm chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh là tạo sự chuyển biến rõ rệt về kinh tế - xã hội, giữ vững hòa bình, giữ vững sự đoàn kết trong Đảng, tăng cường chặt chẽ mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi nhằm phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, giải quyết ngày càng tốt hơn đời sống nhân dân, từng bước nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Có thể thấy, ngay sau khi tái lập tỉnh, Đảng bộ Lào Cai đã đề ra chủ trương phát triển toàn diện trên các lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng bằng việc thể hiện rõ quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và ban hành nghị quyết chỉ đạo chuyên đề, thể hiện sự nhận thức đổi mới về giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội mà trước năm 1992 chưa được đề cập sâu. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X đi vào cuộc sống, giải quyết các vấn đề đặt ra trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Đối với huyện Văn Bàn, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có bước chuyển biến quan trọng. Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã đạt được những kết quả nhất định, bước đầu hình thành nền kinh tế thị trường.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng về tiến hành tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, trong 2 ngày 19 và 20/3/1991, Đảng bộ huyện Văn Bàn tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ XV (vòng 1). Từ ngày 21 đến ngày 22/11/1990 Đảng bộ huyện Văn Bàn tiến hành Đại hội lần thứ XV (vòng 2). Đại hội bầu ra BCH Đảng bộ gồm 27 đồng chí. Đồng chí Tạ Duy Hiển được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Để đạt được mục tiêu tổng quát là "*vượt qua khó khăn thử thách đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao một bước* đời *sống nhân dân, giữ vững ổn* định *chính trị,* đẩy *lùi tiêu cực và bất công xã hội*", Đại hội đã đề ra mục tiêu cụ thể trong 5 năm 1991-1995 trên từng lĩnh vực.

1. Đổi mới quản lý kinh tế: Phát triển nền kinh tế hàng hóa thị trường theo định hướng XHCN. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 chương trình kinh tế trọng tâm. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo cơ cấu nông - lâm - công nghiệp. Đặc biệt đặt nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu, coi trọng phát huy tiềm năng sẵn có về nông nghiệp, đồng thời từng bước đầu tư và phát triển công nghiệp chế biến tại địa phương. Tập trung khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế của huyện. Tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư cho sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phương châm đầu tư có trọng điểm. Tập trung đầu tư phát triển đường giao thông nông thôn, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dây thông tin, khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác. Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ sự nghiệp đổi mới.

2. Ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân. Thực hiện tốt chính sách xã hội, quan tâm chăm sóc đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội cho nhân dân.

3. Phát huy dân chủ tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

4. Đổi mới hoạt động của chính quyền và các đoàn thể chính trị. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch tổ chức Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Kiện toàn bộ máy tổ chức và cán bộ theo hướng gọn nhẹ. Tăng cường công tác vận động quần chúng và thể hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ. Đảng viên và quần chúng nhân dân. Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, phấn đấu đến năm 1995, không còn tổ chức đoàn thể yếu kém.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, trong tháng 3/1992, Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV và Nghị quyết Trung ương 2 khóa VII (12/1991) về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1992-1995.

Tiếp thu các nghị quyết của Trung ương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn tổ chức quán triệt xây dựng chương trình hành động thực hiện phù hợp với điều kiện của huyện.

Từ ngày 04 đến 06/4/1994, Đảng bộ huyện Văn Bàn họp Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ (khóa XV) để kiểm điểm đánh giá kết quả hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và bổ sung phương hướng, nhiệm vụ phấn đấu đến hết nhiệm kỳ.

Thực hiện công cuộc đổi mới theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ X, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra, để thúc đẩy sản xuất phát triển, Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo thực hiện đổi mới cơ chế quản lý và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù

hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Huyện ủy chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại tổ chức sản xuất trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Theo đó, các đơn vị có kinh nghiệm quản lý; có năng lực sản xuất, điều tiết ổn định thị trường được củng cố, sắp xếp theo quy mô hợp lý, biên chế gọn nhẹ. Các đơn vị không có năng lực sản xuất kinh doanh thì tiến hành giải thể hoặc bố trí lại kế hoạch sản xuất. Nhờ vậy, những đơn vị này từ chỗ khó khăn, mau chóng ổn định sản xuất, làm ăn có lãi, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

Về lĩnh vực nông nghiệp: Trên cơ sở những định hướng và mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu đề ra tại Đại hội lần thứ XV, hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ và chương trình hành động của Đảng bộ huyện Văn Bàn thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, đưa Nghị quyết vào đời sống. Kết quả trong 3 năm (1992- 1995) triển khai và thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 đã tạo ra bước chuyển biến tiến bộ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp. Nền kinh tế nhiều thành phần đã được hình thành và phát huy hiệu quả tích cực. Các sản phẩm hàng hóa bước đầu đáp ứng được nhu cầu thị trường, Kinh tế hàng hóa thay dần cho sản xuất tự cấp tự túc trước đây.

Huyện Văn Bàn tiến hành quy hoạch phân vùng kinh tế để có hướng đầu tư tập trung và đi vào chuyên canh, như vùng lúa cao sản Võ Lao và khu vực Khánh Yên. Vùng cây đặc sản có giá trị kinh tế cao ở Nậm Tha, Tân An, Liêm Phú, Nậm Chày, Dần Thàng. Vùng chăn nuôi Nậm Xây, Dần Thàng. Vùng cây công nghiệp ngắn ngày Hòa Mạc, Dương Quỳ. Vùng cây ăn quả thị trấn - Tân An. Huyện đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Võ Lao với số vốn đầu tư là 6 tỷ đồng. Thủy lợi Pom Chom, Khánh Yên Trung phục vụ tưới tiêu cho vùng lúa cao sản. Tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, ổn định và hoàn thiện giao đất cho nông dân theo Nghị quyết Trung

ương 5 làm cho nông dân yên tâm sản xuất trên mảnh ruộng của mình[1].

Năm 1994, Huyện ủy chỉ đạo chuyển đổi hình thức kinh tế hợp tác xã sang hình thức kinh tế hộ gia đình, hạ cấp 31 hợp tác xã nông nghiệp còn lại của huyện; tiến hành quy hoạch bố trí lại sản xuất[2]. Để thực hiện việc đầu tư có hiệu quả, huyện đã tiến hành quy hoạch hình thành trung tâm các cụm xã như cụm xã Võ lao, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ, Minh Lương và Tân An. Ở mỗi trung tâm cụm xã, huyện đầu tư xây dựng chợ và hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ sản xuất để kích thích sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa. Nhờ đó đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nhanh chóng được cải thiện. Tốc độ đầu tư xây dựng không ngừng phát triển đã làm đổi thay dần bộ mặt nông thôn miền núi vùng cao.

Trên cơ sở phân định vùng chuyên canh, huyện hoạch định rõ vùng thâm canh và phát triển sản xuất nông nghiệp, tiến hành xây dựng các trạm dịch vụ kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, tích cực đưa giống mới, phân bón đến với người sản xuất.

Cơ cấu kinh tế của huyện từ một nền kinh tế trước đây chủ yếu làm nông nghiệp, khai thác lâm sản, bán nguyên liệu, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa, sản xuất tự cung, tự cấp đã chuyển dần sang nền kinh tế hàng hóa thị trường với nhiều ngành nghề sản xuất kinh doanh và hình thành ngày càng rõ nét cơ cấu kinh tế nông - lâm, công nghiệp và dịch vụ. Trong nông nghiệp, đi vào thâm canh, phát triển theo hướng toàn diện gắn với yêu cầu thị trường. Nhiều vùng dân cư, nhiều hộ gia đình đi vào hoạch toán sản xuất kinh doanh chi tiết; phát triển trồng trọt, chăn nuôi, khoanh nuôi rừng theo quy hoạch hợp lý; biết bảo vệ, khai thác, chế biến, trồng rừng kinh tế theo hướng

---

[1] Báo cáo số 96-BC/HU, ngày 30/9/1995 của Huyện ủy Văn Bàn.

[2] Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

làm giàu lâu dài. Sự chuyển đổi đó góp phần tạo ra các vùng kinh tế ngày càng rõ nét, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của Nhà nước đem lại hiệu quả thiết thực.

Với những nỗ lực trên, ngành Nông nghiệp của huyện đi vào phát triển ổn định. Trước Đại hội năm 1991, năng suất lúa mới đạt 4,8 tấn/ha, năm 1995 vươn lên đạt 6,6 tấn/ha trên ruộng 2 vụ. Giống ngô kỹ thuật được đưa vào gieo trồng đưa năng suất từ 12 tạ/ha, năm 1991 lên 16 tạ/ha, năm 1995[1].

Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng lên hàng năm. Năm 1991 đạt 14.807 tấn, năm 1993 đạt 17.768 tấn, năm 1994 đạt 17.900 tấn, năm 1995 đạt 18.243 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người trên địa bàn huyện năm 1995, đạt 350 kg/người/năm. Văn Bàn trở thành một trong những huyện của tỉnh Lào Cai không những tự túc được lương thực mà còn đáp ứng yêu cầu điều chỉnh lương thực cho các huyện trong tỉnh.

Về chăn nuôi, phát huy thế mạnh có nhiều đồng cỏ, trong 5 năm, Đảng bộ Văn Bàn đã tập trung chỉ đạo phát triển đàn gia súc ăn cỏ, nên đầu đàn gia súc tăng nhanh, vượt so với kế hoạch hàng năm và so với mục tiêu Đại hội. Đàn trâu năm 1991, có 8744 con, năm 1992 có 9.218 con, năm 1993 có 10.508 con, đến năm 1995 có 11.328 con. Đàn bò năm 1991 có 548 con, năm 1992 có 608 con, năm 1993 có 698 con, đến năm 1995 có 884 con. Đàn lợn năm 1991 có 14574 con, năm 1992 có 15.978 con, năm 1995 có 16.958 con. Đàn gia cầm năm 1991 có 60.148 con, năm 1992 đàn có 75.000 con, năm 1993 có 17.506 con, đến năm 1995 có 102.931 con[2]. Ngoài ra còn có các đàn ngựa, dê.

Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 620 tấn, xuất ra thị trường mỗi năm từ 300 - 400 con trâu bò. Ngoài ra, huyện còn có trên 120 ha mặt nước ao hồ thả cá, hàng năm cung cấp cho

[1] Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

[2] Theo Báo cáo các năm 1992, 1993, 1994, 1995 của Huyện ủy Văn Bàn.

thị trường hàng chục tấn cá thịt. Thành tích của chăn nuôi góp phần giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, nạn thả rông gia súc trên vùng cao chưa được khắc phục, dịch bệnh trâu, bò, lợn vẫn xảy ra. Năm 1992, nạn dịch gia súc đã gây thiệt hại khá lớn cho nhiều hộ gia đình và cho nền kinh tế của huyện.

Cùng với phát triển cây lương thực và chăn nuôi, các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây đặc sản đều được phát triển theo quy hoạch. Bằng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và nguồn vốn tự có trong nhân dân, từ năm 1992, huyện Văn Bàn bắt đầu phát triển trồng các loại cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Bước đầu hình thành vùng sản xuất đậu tương ở 4 xã cụm Dương Quỳ 300 ha, thảo quả ở các xã vùng cao 100 ha, cây ăn quả ở các ven sông hồng 500 ha, cây thực phẩm ở các xã vùng thấp (Thị trấn, Khánh Yên Hạ, Võ Lao). Thời kỳ này toàn huyện còn trồng được trên 700 ha quế, 80 ha pơ mu[1]. Đây là bước tiến bộ trong nhận thức, tư duy kinh tế theo cơ chế thị trường, góp phần quan trọng vào cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân.

Sản xuất lâm nghiệp được Đảng bộ đặc biệt quan tâm vì đối với huyện miền núi đây không phải là vấn đề kinh tế mà còn mang ý nghĩa chính trị - xã hội. Công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng, tăng độ tán che phủ, giữa môi trường sinh thái là nhiệm vụ được Đảng bộ chỉ đạo sâu sát. Sau khi Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, Huyện ủy có Nghị quyết số 37 và chương trình tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng. Thực hiện Nghị quyết và chương trình của Đảng bộ, công tác quản lý bảo vệ rừng hàng năm đã có bước chuyển biến, giữ được diện tích rừng. Năm 1992, diện tích khoanh nuôi rừng đạt 1.000 ha, trồng mới đạt 583 ha, trong đó trồng tập trung theo quy hoạch đạt 60 ha. Năm 1995,

[1] Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

diện tích khoanh nuôi rừng đạt 1.828 ha, trồng mới tập trung được 110 ha, trồng cây phân tán được 50 vạn cây, nâng độ che phủ năm 1994 lên 54,56% diện tích, năm 1995, đạt 56% diện tích (tăng 2% so với mục tiêu đại hội). Các khu vực rừng đầu nguồn, rừng tự nhiên giàu tài nguyên, rừng tái sinh đều được giao cho các đơn vị quốc doanh quản lý, hoặc giao cho các xã và một số hộ gia đình nhận khoán, bảo vệ, tu bổ. Cũng trong 5 năm, toàn huyện đã trồng tập trung đạt 700 ha quế, 80 ha pơ mu và nhiều loại cây khác có giá trị kinh tế.

Sản xuất lâm nghiệp dần mở ra triển vọng làm giàu cho nhân dân các dân tộc trong huyện. Từ năm 1993, ngành lâm nghiệp địa phương khắc phục được tình trạng bán nguyên liệu thô. Các sản phẩm khai thác được đưa vào cơ sở chế biến lâm sản ngay tại huyện, giải quyết việc làm cho gần 500 lao động. Việc chế biến nông sản tại huyện đã thúc đẩy kinh tế huyện phát triển và có thêm mặt hàng tham gia xuất khẩu. Năm 1994, giá trị xuất khẩu bình quân của huyện đạt 12 USD/người/năm. Thông qua xuất khẩu gỗ pơ mu và song đoạn của huyện góp phần đáng kể vào chương trình xuất khẩu của tỉnh.

Bên cạnh mặt tiến bộ trong sản xuất nông - lâm nghiệp, đến năm 1995, trong huyện còn một bộ phận nhân dân, chủ yếu là đồng bào di cư từ nơi khác đến chưa thật sự ổn định sản xuất, còn sống theo tập quán du canh, phát rừng làm nương rẫy như ở các xã Sơn Thủy, Chiềng Ken, Liêm Phú, Nậm Tha. Trong công tác quản lý, bảo vệ rừng có một số địa phương chưa thực hiện tốt, còn xảy ra các vụ vi phạm, phát rừng làm nương rẫy, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép. Năm 1995, diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp của huyện là 18.139 ha, với 274 lao động trong lĩnh vực này.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, qua chuyển đổi cơ chế quản lý, một số đơn vị quốc doanh sản xuất kém hiệu quả bị giải thể. Số đơn vị còn lại

được sắp xếp lại một cách hợp lý nên bộ phận lao động không có việc làm dẫn tới đời sống gặp khó khăn. Tuy nhiên, với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình nên đời sống người lao động dôi dư nhanh chóng ổn định cuộc sống. Các đơn vị sản xuất mới với các hình thức sở hữu đa dạng đã được hình thành và bắt đầu phát triển. Trong 5 năm, tốc độ tăng trưởng giá trị công nghiệp, thủ công nghiệp bình quân đạt 20%/ năm. Năm 1995, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 3,5 tỷ đồng (theo giá cố định 1989), tăng 73% so với năm 1993. Sản phẩm chủ yếu là các mặt hàng được tạo ra từ sản xuất vật liệu xây dựng, xay xát, chế biến nông sản, sản xuất nông cụ, làm đệm bông lau, dệt vải... Sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đáp ứng được một phần nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương.

Với phương châm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, trong 5 năm (1991-1995), huyện Văn Bàn tập trung đầu tư và phát triển thủy lợi, giao thông, xây dựng trụ sở làm việc của UBND các xã, thị trấn và trụ sở cơ quan huyện. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và vốn đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn huyện do tổng các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, với các doanh nghiệp và vốn cho nhân dân trong huyện đóng góp đạt tổng số 32 tỷ đồng. Với nguồn vốn đó, huyện tập trung xây dựng kiên cố được 23 trụ sở xã, 19 trạm y tế xã, 19 tuyến đường cho xe cơ giới đến trung tâm 19/23 xã, xây 17 trường học với 72 phòng học. Đồng thời huyện đã chọn và đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối phục vụ cho khai hoang, sản xuất lương thực như các công trình thủy lợi Nậm Chày, Dần Thàng, Nậm Mả Nậm Xé, Khánh Yên Trung, Chiềng Ken, Liêm Phú. Ngoài việc xây dựng trên, các xã động viên nhân dân đóng góp mở mang các đường giao thông liên thôn, liên xã. Trong 5 năm, các xã làm thêm được 70 km đường giao thông nông thôn[(1)].

[(1)] *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn*, tập 3, tr.116, 117.

Tại thị trấn huyện lỵ, theo kế hoạch được tỉnh Lào Cai duyệt, năm 1994, huyện đầu tư xây dựng khu trung tâm hành chính huyện, bao gồm Trụ sở Huyện ủy, trụ sở HĐND và UBND huyện, trụ sở các cơ quan Kho bạc, Tài chính, Đài Truyền thanh - Truyền hình.

Hệ thống thông tin liên lạc được đầu tư lắp đặt tổng đài mới, nâng cấp hệ thống điện báo. Nhờ đó, đến năm 1993, thông tin giữa huyện với tỉnh và quốc tế được thông suốt, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của các cấp, các ngành và phục vụ yêu cầu thông tin của nhân dân.

Được Trung ương và tỉnh quan tâm đầu tư, năm 1992, đường điện quốc gia về Văn Bàn được khởi công. Huyện động viên nhân dân địa phương tham gia đóng góp sức người, sức của để xây dựng đường điện. Đến năm 1995, trung tâm huyện lỵ và 4 xã được sử dụng điện lưới quốc gia. Ngoài ra, huyện còn động viên khuyến khích nhân dân các xã phát huy thế mạnh có nhiều khe suối để phát triển thủy điện nhỏ. Đến năm 1995, có 3.000 hộ chiếm 1/3 tổng số hộ trong huyện được sử dụng điện.

Về Thương mại - Tài chính - Ngân hàng

Trong những năm 1991-1995, hoạt động của các ngành lưu thông trong năm vẫn còn những khó khăn do thiếu vốn và sự cạnh tranh của nền kinh tế nhiều thành phần; thị trường tự do chưa được mở rộng tới hầu hết các thôn bản vùng cao nên một số mặt hàng chưa đáp ứng kịp thời đời sống nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các ngành thương nghiệp, lương thực cố gắng vươn lên tự khẳng định mình, đảm bảo được vai trò chủ đạo trên thị trường, cải tiến hình thức kinh doanh, mở nhiều điểm phục vụ, tích cực khai thác nguồn hàng đảm bảo yêu cầu của thị trường, nhu cầu của nhân dân. Thương nghiệp quốc doanh khắc phục mọi khó khăn, thực hiện tốt vai trò cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào các xã vùng cao, vùng

sâu, vùng xa như gạo, muối, dầu hỏa, thuốc chữa bệnh, giấy, bút... Thông qua xuất khẩu gỗ pơ mu và song đoạn, tính đến năm 1994, Văn Bàn là huyện có nhiều đóng góp vào chương trình xuất khẩu của tỉnh, bình quân đạt 12 USD/người/năm. Số lượng tư thương và dịch vụ tư nhân tăng hàng năm: Năm 1991, toàn huyện có 73 cơ sở, năm 1995, là 113 tư thương và dịch vụ tư nhân. Do áp dụng cơ chế thị trường, các hệ tư thương và kinh tế tự nhiên phát triển mạnh, hàng hóa đa dạng, khá phong phú, nhất là hàng tiêu dùng và lương thực, thực phẩm. Bước đầu đã hình thành các cụm giao lưu, mua bán các loại hàng hóa ở các khu vực và 1 số xã trong toàn huyện tạo điều kiện rất thuận lợi cho mua bán, trao đổi hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường và đời sống nhân dân, kinh doanh có lãi, đảm bảo nộp ngân sách[(1)].

Ngành Tài chính huyện trong những năm 1991-1995 có nhiều biến động lớn, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Trước những đòi hỏi của nhiệm vụ thu, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, ngày 04/01/1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 07 thành lập hệ thống Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính để quản lý quỹ ngân sách nhà nước chuyển giao từ Ngân hàng nhà nước về Bộ Tài chính. Tiếp đó ngày 07/8/1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 281/1990-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập hệ thống Thuế nhà nước trên cơ sở thống nhất 3 cục thuế.

Thực hiện Quyết định và Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng, năm 1990, Kho bạc Nhà nước huyện Văn Bàn và Chi cục Thuế huyện Văn Bàn được thành lập. Kho bạc Nhà nước huyện với chức năng quản lý quỹ ngân sách nhà nước, các loại quỹ tài

(1) Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (1996): *Niên giám thống kê 1991-1995*, Nxb. Thống kê, tr.146.

chính nhà nước, huy động vốn cho ngân sách nhà nước, cho đầu tư phát triển và là đầu mối thực hiện nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán ngân sách nhà nước. Từ khi kho bạc được thành lập, công tác kiểm soát thanh toán chi ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển) được thực hiện đúng chính sách chế độ, đúng nguyên tắc, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Thông qua các chương trình dự án quốc gia làm thay đổi diện mạo một huyện miền núi, đời sống nhân dân các dân tộc được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Nhiều công trình phúc lợi công cộng được đầu tư, cơ sở vật chất xã hội được tăng cường. Kết quả công tác kiểm soát thanh toán năm 1990 đạt 880 triệu đồng.

Chi cục thuế với chức năng tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng dự toán thu hàng năm trên địa bàn, đề ra các giải pháp tích cực nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước về thuế; xây dựng dự toán và tổ chức quản lý khai thác các nguồn thu ngân sách nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chi cục Thuế huyện Văn Bàn tổ chức quản lý, khai thác mọi nguồn thu trên địa bàn, huy động vào ngân sách nhà nước theo phương châm "Thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, không lạm thu", vừa triển khai thực hiện chính sách khoan sức dân và khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển của các thành phần kinh tế, áp dụng đúng quy trình quản lý thuế, tổ chức thu thuế qua Kho bạc Nhà nước và ổn định công tác ủy nhiệm thu đối với 20 cơ sở thực hiện. Thực hiện công khai mức thuế đối với tất cả các hộ kinh doanh cá thể, xây dựng được các sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ thuế. Thực hiện công tác thu cải tiến mới, hướng dẫn hệ thống chứng từ hóa đơn, biên lai, sổ sách kế toán cho các đối tượng nộp thuế tại địa phương.

Huyện uỷ chỉ đạo ngành Tài chính tiếp tục tham mưu, UBND huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi, quản lý điều hành ngân sách huyện, tổ chức thực hiện dự án giảm nghèo bằng nguồn vốn vay của ngân hàng thế giới, giai đoạn I và II của huyện... đảm bảo phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Đến năm 1995, tổng thu ngân sách toàn huyện đạt 10,9 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 38,8%. Chi ngân sách 6,08 tỷ, tăng bình quân 24,4%[(1)].

Chi nhánh ngân hàng, Kho bạc Nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý tiền vốn của Nhà nước, thanh toán kịp thời, đầu tư, cho vay để giải quyết việc làm, thực sự đã có tác dụng thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Nhiều hộ sử dụng tốt vốn vay của Nhà nước, làm ăn có hiệu quả, giàu lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, cũng có một số hộ sử dụng đồng vốn nhưng không đúng mục đích, hoặc làm ăn thiếu kế hoạch, gây nhiều khó khăn cho chủ quản, để nợ nhà nước kéo dài.

Kinh tế quốc doanh được sắp xếp lại hợp lý với điều kiện địa phương. Đơn vị có kinh nghiệm quản lý, có nhu cầu giữ để thực hiện vai trò điều tiết, ổn định thị trường được tập trung củng cố, sắp xếp quy mô hợp lý. Lâm trường sản xuất kinh doanh có hiệu quả, công ty thương nghiệp vật tư dịch vụ tổ chức lại gọn nhẹ biên chế, bố trí lại địa bàn mạng lưới kinh doanh, phục vụ, từ chỗ khó khăn đến ổn định làm ăn có lãi, nộp ngân sách nhà nước theo chế độ chính sách quy định, góp phần quan trọng ổn định giá cả trên phạm vi huyện.

Huyện ủy chỉ đạo thực hiện chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện về hình thức kinh tế hộ gia đình phù hợp điều kiện miền núi. Phát huy tính chủ động sáng tạo của người sản xuất, huy động được tiềm năng trong dân để phát

(1) Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI.

triển sản xuất, hình thành 5 cụm thị tứ Võ Lao, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ, Minh Lương, Tân An. Huyện đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ phục vụ sản xuất; hình thành chợ nông thôn, kích thích phát triển kinh tế hàng hoá, đời sống vật chất, tinh thần có bước cải thiện; tốc độ đầu tư xây dựng có bước phát triển góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi vùng cao.

Cơ cấu kinh tế hướng chuyển dịch từ huyện chủ yếu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp nặng về khai thác lâm sản, bán nguyên liệu thô, sản phẩm mang nặng tính tự túc tự cấp dần hình thành ngày một rõ nét cơ cấu kinh tế nông lâm - công nghiệp, dịch vụ. Trong cơ cấu đó, nông nghiệp đi vào thâm canh phát triển theo hướng toàn diện theo yêu cầu thị trường. Nhiều vùng dân cư, nhiều hộ đi vào hạch toán, lâm nghiệp theo hướng xây dựng cơ cấu hợp lý; bảo vệ, khai thác, chế biến, trồng rừng kinh tế theo hướng làm giàu lâu dài. Xác định vị trí kinh tế theo vùng ngày càng rõ hơn, kết quả đầu tư hình thành vùng nhanh hơn có hiệu quả thiết thực. Nhân dân tích cực ủng hộ mô hình đó.

Về văn hóa, xã hội, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Lào Cai lần thứ X, căn cứ vào tình hình thực tế của huyện, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV xác định mục tiêu về văn hóa, xã hội giai đoạn 1991-1995 là: ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân. Thực hiện tốt chính sách xã hội, quan tâm chăm sóc đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Nâng cao chất lượng công tác văn hóa - xã hội cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 1995, giải quyết căn bản việc làm cho người lao động.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 4 (khóa VII), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ X và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XV về phát triển

văn hóa - xã hội, trong 5 năm, lĩnh vực văn hóa có bước chuyển biến khá mạnh mẽ.

Các hoạt động nghệ thuật, thể dục - thể thao có bước khởi sắc và bước đầu trở thành phong trào khá sôi nổi ở các xã vùng thấp, các trung tâm cụm xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị vũ trang và trường học. Trong nhân dân, một số lễ hội truyền thống đã được tổ chức sau nhiều năm không được quan tâm đúng mức, một số thể loại múa, hát truyền thống được khơi dậy. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao được đẩy mạnh, góp phần phát huy, bảo tồn những nét đẹp văn hóa của đồng bào các dân tộc trong huyện.

Trong 5 năm (1991-1995), các phương tiện thông tin đại chúng của huyện được đầu tư nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật, mở rộng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin của quảng đại quần chúng nhân dân. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, truyền thanh - truyền hình đã bám sát định hướng chính trị của Đảng để tuyên truyền giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho các tầng lớp nhân dân. Hệ thống thông tin, truyền thanh - truyền hình của huyện tập trung tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và những chính sách cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) của Đảng về phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa - văn nghệ; Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 về phát triển nông nghiệp và nông thôn... Các hoạt động trên đã góp phần nâng cao nhận thức đúng đắn về đường lối đổi mới đất nước của Đảng, về nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do Đảng đề ra, thúc đẩy phong trào xây dựng đời sống văn hóa, văn minh, tiến bộ, giảm các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu.

Huyện đảm bảo được mọi chế độ chính sách đối với Mẹ Việt Nam anh hùng được Nhà nước phong tặng, đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng. Bên cạnh

đó huyện còn động viên các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các cuộc vận động quyên góp ủng hộ, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào những nơi gặp thiên tai, hoạn nạn... Đồng thời quan tâm chỉ đạo việc tu sửa, nâng cấp các nghĩa trang, quy tập mộ liệt sĩ để tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thăm viếng.

Ngành Y tế, trong những năm 1991-1995, có nhiều chuyển biến quan trọng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 và chương trình hành động của tỉnh, của huyện, huyện Văn Bàn tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế thôn, bản. Đồng thời mở rộng mạng lưới y tế và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Năm 1991, huyện xây dựng mới 2 phân viện, tổ chức khám bệnh cho 16.490 lượt người, tăng 6.459 lượt người so với năm 1990. Điều trị nội trú cho 3.475 người, tăng so với năm 1990 là 599 người, tỷ lệ công tác tiêm chủng mở rộng, vận động kế hoạch hóa gia đình 950 trường hợp, góp phần làm giảm tỷ lệ tăng dân số trong huyện[1].

Năm 1993, sự nghiệp y tế phát triển khá đồng bộ. Văn Bàn được tỉnh đánh giá là huyện có phong trào khá, được chọn làm điểm đầu tư của tổ chức UNICEF quốc tế. Đã tranh thủ được vốn đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh. Huyện mở được 14 lớp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho 1.000 lượt cán bộ tham dự. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y bác sĩ từ huyện đến cơ sở ngày càng được nâng lên. Mục tiêu là xây dựng mạng lưới y tế thôn bản đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Năm 1993, ngành Y tế tiến hành khám, chữa và điều trị cho 5.775 lượt người. Trong đó điều trị nội trú 2.431 người, 3.344

[1] Báo cáo tổng kết năm 1991, phương hướng 1992 của Huyện ủy.

người điều trị ngoại trú. Công tác y tế dự phòng, tiêm chủng mở rộng được thực hiện. Các cấp, các ngành quan tâm đúng mức đến công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, với hình thức tuyên truyền và vận động làm chuyển biến một bước về nhận thức của cán bộ và nhân dân. Đặc biệt là thanh niên, và những người trong độ tuổi sinh đẻ. Ngày càng có nhiều người áp dụng các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch. Tỷ lệ tăng dân số giảm từ 3,6 xuống 3,3%[1].

Các chương trình y tế quốc gia hàng năm được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm phòng bệnh ở trẻ em dưới 5 tuổi đạt 76% năm 1991, lên 87% năm 1995. Phong trào vệ sinh phòng bệnh triển khai rộng khắp. Trong 5 năm, huyện đã cơ bản khống chế được dịch bệnh. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình bước đầu đem lại kết quả khá.

Tính đến năm 1995, các xã trong huyện đều có trạm y tế, tất cả các thôn bản có cán bộ y tế. Các xã, vùng khó khăn được cấp thuốc miễn phí, 100% dân số dùng muối i-ốt để phòng chống bướu cổ. Huyện sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư do UNICEF tài trợ. Tuy nhiên, đến năm 1995, Bệnh viện đa khoa huyện còn thiếu nhiều phương tiện kỹ thuật tiên tiến nên việc chẩn đoán, chữa bệnh gặp khó khăn, số lượng bệnh nhân phải chuyển lên tuyến tỉnh còn khá nhiều.

Về giáo dục, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII: "Đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp GD&ĐT, khoa học *và công nghệ, coi* đó *là quốc sách hàng* đầu để *phát huy nhân tố con người, động lực trực tiếp của sự phát triển"*[2], Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khoá VII) ra Nghị quyết *"Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo".*

---

[1] Báo cáo số 95-BC/HU, ngày 21/1/1994.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.32-33, 81.

Theo tinh thần Quyết định số 255/QĐ-HĐBT ngày 31/8/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư số 53/TT ngày 1/12/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn sắp xếp mạng lưới trường các ngành học mầm non, phổ thông thuộc địa phương quản lý. Hệ thống giáo dục phổ thông gồm hai bậc học, đó là bậc tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5) và bậc trung học (cấp II: từ lớp 6 đến lớp 9; cấp III: từ lớp 10 đến lớp 12).

Vận dụng đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn địa phương, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đề ra nhiệm vụ phát triển giáo dục trong những năm 1992-1995: Tiếp tục củng cố và phát triển với mức hợp lý theo từng vùng, cần tập trung cho chương trình chống xuống cấp giáo dục, chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, công tác xoá mù chữ cần phải tiếp tục thực hiện trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của đời sống và phát triển kinh tế, không xoá mù chữ tràn lan...

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV xác định mục tiêu của sự nghiệp giáo dục giai đoạn 1991-1995 là tập trung khắc phục hậu quả của sự sa sút về giáo dục trong giai đoạn 1986- 1990, đồng thời đẩy mạnh sự chăm lo của toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, công tác giáo dục đã đạt những kết quả quan trọng, khắc phục hậu quả sự sa sút của giáo dục trong thời kỳ khủng hoảng về giáo dục những năm 1986 - 1990. Từ năm 1991 đến năm 1995, huyện tập trung chủ yếu khôi phục đối với giáo dục phổ thông cơ sở cấp 1 ở tất cả các xã trong huyện và huy động học sinh đã học hết chương trình phổ thông cơ sở cấp 1 vào học lớp 6. Duy trì học hết phổ thông cơ sở ở những nơi đã có trường phổ thông cơ sở hoàn thiện đến cấp 2.

Triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII tháng 1-1993, Huyện uỷ Văn Bàn ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Trung ương 4 khoá VII về Giáo dục và đào tạo. Theo đó, các cấp uỷ, chính quyền tập trung khắc phục sự sa sút của giáo dục. Đặc biệt công tác phổ cập giáo dục tiểu học theo tinh thần Luật phổ cập giáo dục tiểu học và công tác chống mù chữ được triển khai quyết liệt hơn. Hàng năm, UBND huyện và UBND cấp xã tổ chức Hội nghị chuyên đề riêng về lĩnh vực giáo dục vào dịp kết thúc năm học cũ, chuẩn bị cho năm học mới. Hội đồng giáo dục từ cấp xã đến cấp huyện được kiện toàn đi vào hoạt động.

Năm học 1994-1995, huyện mở lớp đưa về thôn bản lẻ. Năm học 1994-1995, huyện Văn Bàn được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đánh giá là đơn vị dẫn đầu của tỉnh trong công tác xoá thôn bản trắng về giáo dục. Triển khai thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học. Ngoài chương trình học 165 tuần cho học sinh vùng phát triển, đang phát triển; chương trình 120 tuần cho vùng khó khăn nơi đồng bào dân tộc ít người sinh sống còn nhiều hủ tục, tập tục, tập quán lạc hậu, trẻ em không có cơ hội học theo chương trình 165 tuần; chương trình tiểu học học 100 tuần.

Huyện ủy chỉ đạo đưa lớp về thôn bản thu hút được nhiều đối tượng đi học. Nhờ vậy, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi 6-14 tuổi đến trường tăng nhanh hàng năm. Phong trào "nhà nhà chăm lo tới việc học hành của các thành viên trong mỗi gia đình" được lan rộng trong mỗi thôn, bản. Giáo dục mầm non trong những năm 1991-1995, theo định hướng chung dân lập hoá giáo dục mầm non là việc khó khăn đối với Văn Bàn. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông có những chuyển biến về phát triển quy mô. Ngoài ra, các trường học còn tập trung cho công tác nâng cao chất lượng, củng cố niềm tin trong nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục.

Quy mô mạng lưới trường lớp trung học cơ sở và trung học phổ thông trong giai đoạn này có chiều hướng mở rộng. Số lượng học sinh tốt nghiệp tiểu học học lên trung học cơ sở ngày một tăng nhanh. Để đáp ứng nhu cầu học tập và khích lệ học sinh tiểu học có động cơ học tập vươn lên, các trường trung học cơ sở huy động hết trẻ em học xong tiểu học trên địa bàn vào lớp 6. Quy mô giáo dục năm học 1995-1996 phát triển các bậc học, trong đó giáo dục mầm non tổng số trẻ là 1.768 cháu, tăng 880 cháu so năm học 1990-1991. Giáo dục tiểu học, 100% các xã, thị trấn có trường Tiểu học, tổng số 333 lớp với 9.399 học sinh[1]. Năm học 1995-1996, huy động 10.916 trẻ/16.200 trẻ, tăng 31% so năm học 1990-1991. Giáo dục phổ thông, năm học 1995-1996 có 11 xã và 01 thị trấn có trường THCS, tổng số 50 lớp với 1.261 học sinh. Tổng số học sinh phổ thông của huyện năm 1991 là 6.031 em, năm 1992 là 6.531 em, năm 1993 là 7.379 em, năm 1994 là 8.655 em, năm 1995 là 10.716 em. Năm 1995, toàn huyện có 31 trường phổ thông có 17 trường tiểu học, 9 trường PTCS (liên cấp 1 và cấp 2); 4 trường THCS; 01 trường Trung học phổ thông[2].

Phong trào xoá mù chữ được nhân dân tích cực tham gia. Do vậy, công tác xoá mù chữ được duy trì bền vững, chống được hiện tượng tái mù. Từ năm 1991 đến năm 1995, xoá mù chữ cho 1.655 người, bổ túc văn hoá bắt đầu được khôi phục trở lại.

Về cơ sở vật chất cho trường học, Huyện uỷ, UBND huyện chỉ đạo các cơ sở trường học hướng về thôn bản, tổ dân phố tuyên truyền vận động nhân dân chăm lo xây dựng sự nghiệp giáo dục; huy động xã hội hoá xây dựng cơ sở vật chất trường học. Hầu hết các xã đều đảm bảo đủ phòng học, đủ chỗ ngồi. Song chủ yếu là nhà tạm, cột chôn, bàn ghế tạm bằng tre, vầu, chỉ có mặt ghế, mặt bàn làm bằng tấm ván. Nhân dân trực tiếp

---

[1] Tỷ lệ trẻ 6-14 tuổi huy động ra lớp: năm học 1991-1992 đạt 42,42%, năm học 1992-1993 đạt 44,89%, năm học 1993-1994 đạt 50,57%, năm học 1994-1995 đạt 58,8%, năm học 1995-1996 đạt 67,4%.

[2] Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (1996): *Niên giám thống kê 1991-1995,* Sđd, tr.156.

hiến đất, đóng góp tài chính, vật liệu, công xây dựng trường học phục vụ con em, bảo vệ tài sản trường học. Đến năm học 1995-1996, toàn huyện có 17/23 xã có phòng học được đầu tư xây cấp 4, chấm dứt tình trạng thiếu phòng học phải tổ chức học ca ba...

Về đội ngũ giáo viên, đứng trước yêu cầu phát triển quy mô giáo dục tiểu học, thực hiện mục tiêu phổ cập và nhu cầu học tập của nhân dân, huyện Văn Bàn có 117 giáo viên (5+3: 25 người; 9+1: 65 người; 12+6: 27 người) được đào tạo để bổ sung lực lượng giảng dạy cho các trường, điểm trường vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tổng số cán bộ, giáo viên toàn ngành năm học 1995-1996 là 518 người[(1)].

Triển khai theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII của Đảng, toàn huyện đạt được kết quả đáng khích lệ về phát triển quy mô mạng lưới trường lớp, huy động người đi học ngành học phổ thông và ngành học bổ túc văn hoá, huy động cả cộng đồng tích cực chăm lo xây dựng cơ sở vật chất trường học và tham gia huy động người đi học. Đến tháng 12/1995, cả huyện chỉ còn 12 bản hẻo lánh còn trắng về giáo dục.

Công tác quốc phòng - an ninh

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XV đề ra mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ chủ yếu trong lĩnh vực quốc phòng an ninh là: Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trước những âm mưu "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, Đảng bộ huyện coi trọng chỉ đạo công tác an ninh, quốc phòng ở địa phương. Công tác quân sự ở địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và có sự đổi mới quan trọng về tổ chức biên chế, về chương trình, kế hoạch huấn luyện đối với lực lượng dân quân tự vệ và dân quân dự bị động viên. Việc tổ chức huấn luyện hàng năm đạt chất lượng tốt.

---

(1) Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010, tr.93.

Ngoài những đợt huấn luyện theo chương trình, tổ chức diễn tập theo phương án tác chiến phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, từng xã, huyện còn thực hiện tốt việc tổ chức các lớp tập huấn quân sự cho tổ trưởng các ngành và bí thư, chủ tịch các xã, cho quân dự bị động viên trong huyện; vừa làm tốt nhiệm vụ quân sự, vừa làm nòng cốt cho nhân dân trong sản xuất và đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Giai đoạn 1991-1995, thực hiện nghị quyết 02 của Bộ Chính trị (khoá VI), chỉ thị số 56 và 245 của Chính phủ về xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XV xác định nhiệm vụ quốc phòng an ninh của Đảng bộ trong tình hình mới, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, tập trung xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ, không ngừng phát triển cả về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh. Cán bộ, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang địa phương có bước chuyển biến về nhận thức nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới; vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ban ngành, đoàn thể làm tham mưu, trong đó quân sự, công an làm nòng cốt.

Quá trình triển khai xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, huyện kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh; chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp xây dựng xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, xây dựng địa bàn an toàn. Huyện bước đầu đáp ứng được yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ; thế trận quốc phòng an ninh được củng cố ngày càng vững chắc, các phương án kế hoạch tác chiến được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Lực lượng vũ trang được luyện tập, diễn tập sát với yêu cầu nhiệm vụ của hoạt động tác chiến khu vực phòng thủ. Huyện ủy chỉ đạo xây dựng khu vực phòng thủ theo 3 nội dung: Căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu

phương, khu vực phòng thủ then chốt phù hợp với đặc điểm địa hình và các tiêu chí theo quy định, hình thành thế trận vững chắc, có khả năng phòng thủ, bảo vệ được địa bàn khi có tình huống xảy ra. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân được quan tâm; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận thức rõ kẻ thù, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng chiến đấu cao.

Huyện ủy còn phát huy vai trò chức năng, nhiệm vụ của các đoàn thể, chỉ đạo trung tâm chính trị, trường phổ thông trung học, các phương tiện thông tin đại chúng để tiến hành công tác giáo dục quốc phòng. Thông qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ quân sự quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang của cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở các cấp và nhân dân. Trong 05 năm tổ chức tập huấn cho trên 400 lượt cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã. Tuyên truyền trên 1.000 lượt học sinh phổ thông trung học và trên 300.000 lượt nhân dân[(1)].

Thực hiện Quy định số 12 và Quy định số 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, năm 1993, huyện nâng cấp chi bộ quân sự thành Đảng bộ quân sự, có 3 chi bộ trực thuộc. Xây dựng cơ quan quân sự huyện có số lượng phù hợp, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác làm tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về nhiệm vụ quốc phòng. 100% xã thành lập hội đồng nghĩa vụ quân sự, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ. Cơ quan quân sự huyện phối hợp với công an tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thành lập ban chỉ đạo quốc phòng an ninh do Chủ tịch huyện làm trưởng ban. Do đó, công tác tuyển quân, giao quân hàng năm đều đạt 100% kế hoạch.

---

(1) Truyền thống LLVT huyện Văn Bàn.

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết 8B ngày 27/3/1990 của Bộ chính trị về "đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân", Huyện thành lập ban chỉ đạo tăng cường xây dựng cơ sở chính trị, tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý, phát triển kinh tế, quốc phòng an ninh cho các tổ công tác; tăng cường xây dựng cơ sở vùng sâu, vùng xa; củng cố cấp uỷ, chính quyền; giúp nhân dân xoá đói giảm nghèo; xoá bỏ tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống mới. Huyện chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức 18 đội công tác. Đối với lực lượng vũ trang, huyện thực hiện chỉ thị số 137 Ngày 31/8/1990 của Đảng uỷ quân sự trung ương về "tăng cường công tác dân vận trong tình hình mới". Năm 1992, cơ quan quân sự huyện cử 6 cán bộ tham gia tổ công tác xây dựng cơ sở chính trị ở ba xã: Nậm Mả, Nậm Chày, Tân Thượng. Hoạt động của các tổ công tác đạt kết quả tốt, góp phần tuyên truyền cho nhân dân nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật, Nhà nước; làm chuyển biến một số cấp uỷ, chính quyền yếu kém, vươn lên khá và vững mạnh. Năm 1991, có 05 cơ sở yếu kém, đến năm 1995, chỉ còn 02 cơ sở yếu kém. Vận động nhân dân xoá bỏ phong tục lạc hậu, thực hiện nếp sống văn minh. Các tổ công tác đã tham gia triệt phá hàng chục ha cây thuốc phiện[1].

Công tác củng cố, xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh được Huyện ủy quan tâm lãnh đạo sâu sát. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động mạnh mẽ trong các cấp, các ngành. Trong 5 năm, lực lượng Công an được củng cố, sắp xếp phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Chất lượng chuyên môn ngày càng được nâng cao. Thông qua phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tạo ra thế trận an ninh nhân dân vững chắc, kịp thời phát hiện và giải quyết những vụ việc bức xúc trong nhân dân và đảm bảo được trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 năm, lượng công an huyện điều tra,

[1] Truyền thống LLVT huyện Văn Bàn.

phá được 14 vụ án hình sự, UBND huyện đã chỉ đạo, giải quyết 47 đơn thư khiếu kiện, tranh chấp dân sự[1].

Pháp chế xã hội chủ nghĩa được thường xuyên tăng cường, các ngành bảo vệ pháp luật có nhiều cố gắng đổi mới hình thức, nội dung hoạt động, dựa vào dân để giải quyết các vấn đề nóng bỏng ở địa phương, xử lý các vụ việc đúng pháp luật quy định, góp phần giữ vững an ninh chính trị, tư tưởng trên địa bàn.

An ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, lực lượng an ninh được tổ chức phù hợp với từng địa bàn trong huyện, có tác động tích cực vào công tác chống tội phạm hình sự đạt kết quả. Các vụ việc vi phạm về an ninh chính trị được phát hiện và kết luận rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình trật tự xã hội trong 5 năm, có nhiều vấn đề phức tạp. Số tội phạm hình sự tuy có giảm nhưng các vụ trọng án lại tăng. Có vụ chưa được kết luận và xử lý theo pháp luật. Một số xã phong trào bảo vệ trật tự an toàn xã hội chậm chuyển biến so với yêu cầu nhiệm vụ.

Củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, được toàn Đảng bộ quan tâm thực thiện. Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, căn cứ điều kiện thực tế địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XV xác định mục tiêu cụ thể về củng cố và xây dựng hệ thống chính trị huyện giai đoạn 1991-1995: Đổi mới hoạt động của chính quyền và các đoàn thể chính trị. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch tổ chức Đảng. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Kiện toàn bộ máy tổ chức cán bộ theo hướng gọn nhẹ. Tăng cường công tác vận động quần chúng,

[1] *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn tập III (1975-2000).*

làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị. Phấn đấu đến năm 1995, không còn tổ chức đoàn thể yếu kém.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XV, Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Huyện ủy Văn Bàn tập trung đổi mới công tác xây dựng Đảng, chỉ đạo đổi mới hoạt động của bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị.

Trong công tác xây dựng Đảng, đổi mới trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ. Trong những năm 1991-1992, việc các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, không gây tác động mạnh đến tư tưởng cán bộ, đảng viên. Việc chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế thị trường dẫn tới trên địa bàn huyện có một số hiện tượng tiêu cực xuất hiện. Trước tình hình trên, Đảng bộ đã chỉ đạo tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, kết hợp với việc quản lý chặt chẽ đảng viên. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đều được quán triệt sâu sắc với cán bộ, đảng viên. Hàng năm, Huyện ủy trực tiếp tổ chức các đoàn kiểm tra toàn diện ở tất cả các chi, đảng bộ cơ sở.

Để đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Huyện ủy chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh việc sinh hoạt chính trị, tư tưởng, đồng thời đổi mới việc quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp. Việc học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy được gắn với xây dựng chương trình hành động của cơ sở. Cán bộ, đảng viên sau khi được học tập nghị quyết đã viết thu hoạch, tự liên hệ với thực tế địa phương để thống nhất với Huyện ủy các giải pháp thực hiện.

Nhằm nâng cao trình độ chính trị cho đội ngũ cán bộ, hàng năm Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng phương án quy

hoạch cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch, Huyện ủy xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ. Đảng bộ quan tâm cử cán bộ đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong công tác sinh hoạt Đảng, Đảng bộ coi trọng công tác thông tin tuyên truyền thời sự, chính sách, pháp luật để mọi cán bộ, đảng viên nắm bắt kịp thời. Nhằm làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, Huyện ủy coi trọng công tác củng cố đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Công tác tuyên truyền được thực hiện đổi mới về nội dung và áp dụng nhiều hình thức phong phú phù hợp với đối tượng.

Nhờ biện pháp đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, cán bộ, đảng viên vẫn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Cũng thông qua hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, quần chúng nhân dân ngày càng hiểu biết về đường lối đổi mới của Đảng, từ đó tạo được niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân đối với Đảng. Cán bộ, đảng viên tích cực đóng góp với tổ chức Đảng về những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội.

Trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức, Đảng bộ coi trong cả 2 mặt xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên. Thực hiện hướng dẫn của Tỉnh ủy, huyện Văn Bàn xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII của Đảng ngày 29/6/1992, một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Huyện ủy chỉ đạo tổ chức chỉnh đốn cơ sở Đảng ở cả 3 khu vực xã, cơ quan và doanh nghiệp. Trong công tác chỉnh đốn, củng cố tổ chức cơ sở Đảng, Huyện ủy đã chỉ đạo chú trọng đổi mới về phương thức lãnh đạo, đổi mới việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết theo hướng hiệu quả, sát thực; lấy chất lượng, hiệu quả làm thước đo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Công tác củng cố tổ chức Đảng thực hiện theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh trên cả ba mặt

chính trị, tư tưởng và tổ chức. Củng cố tổ chức gắn liền với kiện toàn nâng cao chất lượng cấp ủy. Giáo dục, bồi dưỡng đi đôi với kiểm tra, dân chủ, kỷ luật, nâng cao chất lượng đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) Nghị quyết số 10 của Bộ chính trị khóa VII và hướng dẫn của Tỉnh ủy, từ năm 1993, Huyện ủy Văn Bàn tiến hành chuyển đổi hình thức hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, từ chi bộ hợp tác xã, đội sản xuất sang chi bộ thôn bản cho phù hợp với sự chuyển đổi quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. Sự chuyển đổi này tuy bước đầu còn lúng túng nhưng đã có sự chuyển biến tích cực trong hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, trước tình hình và nhiệm vụ mới.

Trong 5 năm (1991-1995), Đảng bộ huyện quyết định giải thể 2 chi bộ cơ sở. Tổng số đến năm 1995, toàn Đảng bộ huyện còn 41 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó có 22 chi, đảng bộ cơ sở đạt danh hiệu vững mạnh, 16 cơ sở đạt loại khá và 3 cơ sở yếu[1]. Công tác phát triển đảng viên mới cũng đạt được nhiều kết quả. Đảng bộ chú trọng bồi dưỡng phát triển Đảng bộ ở các xã vùng cao, dân tộc ít người, trong đội ngũ công nhân, trí thức, tuổi trẻ. Trong 5 năm, toàn Đảng bộ đã tổ chức kết nạp được 275 đảng viên mới[2]. Trong công tác cán bộ, Huyện ủy quan tâm phát triển cơ cấu cán bộ từ nhiều nguồn khác nhau, đảm bảo quy hoạch cơ cấu cán bộ một cách hợp lý. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Huyện ủy cũng chú trọng chỉ đạo việc đổi mới công tác đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ. Thực hiện Quyết định số 371 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, trong 5 năm, Huyện ủy đã tiến hành xem xét quyết định bổ nhiệm 82 cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. Lực lượng cán bộ kế cận chiếm cơ

[1] Năm 1995 có 827 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt 72,22% tổng số đảng viên trong huyện. Trong 5 năm, xử lý kỷ luật 36 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng.

[2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV.

bản đáp ứng được yêu cầu trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, lối sống.

Công tác xây dựng Đảng tuy có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn hạn chế. Một số ít cơ sở Đảng chưa quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành cuộc vận động đổi mới chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII. Trong quá trình thực hiện nghị quyết còn lúng túng, có nơi quán triệt chưa sâu, không đảm bảo chất lượng. Số lượng đảng viên kết nạp trong 5 năm còn thấp so với yêu cầu. Đảng viên lại phân bố không đều giữa các vùng.

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo chính quyền, đoàn thể, trong 5 năm Đảng bộ luôn coi trọng nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của chính quyền các cấp. Cuộc bầu cử HĐND các cấp diễn ra ngày 10/11/1994, được Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo đúng chất lượng, cơ cấu theo quy định. Trong bầu cử, phát huy được quyền dân chủ của nhân dân, lựa chọn những người có đầy đủ đạo đức, phẩm chất năng lực, xứng đáng người đại biểu đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong công tác quản lý xã hội, quản lý kinh tế ở địa phương.

Để đảm bảo nâng cao hiệu lực của chính quyền các cấp, Huyện ủy chỉ đạo coi trọng việc bố trí, phân công hợp lý cho các Đại biểu HĐND, các ủy viên UBND vào cương vị công tác thích hợp theo phương châm "đúng người, đúng việc". Đồng thời quan tâm đến việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ chính quyền các cấp. Bên cạnh việc củng cố bộ máy Nhà nước, UBND huyện thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII của Đảng và Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, giữa năm 1995, huyện Văn Bàn đã thành lập tiểu ban cải cách hành chính.

Trong 5 năm (1991-1995), chính quyền các cấp trong huyện coi trọng việc quản lý, điều hành công tác quản lý kinh tế - xã

hội bằng pháp luật. Nhận thức về cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", trong hệ thống chính trị được nâng lên, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở ngày càng chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành, quản lý; biến các chủ trương, chính sách của Đảng thành chủ trương biện pháp của chính quyền; tổ chức cho nhân dân thực hiện đảm bảo hiệu quả, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại hoặc tình trạng bao biện, làm thay. Nhờ đó đến năm 1995, bộ máy chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng của huyện đã đi vào hoạt động khá nền nếp. HĐND, UBND các cấp đã phát huy tốt chức năng giám sát, điều hành các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị. Qua đánh giá phân xếp loại tổ chức chính quyền cấp xã, hàng năm, đã có trên 2/3 số tổ chức chính quyền đạt tiêu chuẩn khá giỏi[1].

Quán triệt nhiệm vụ của Đảng về công tác vận động quần chúng, Đảng bộ coi trọng việc lựa chọn những cán bộ đầy đủ phẩm chất, năng lực làm công tác vận động quần chúng vào công tác trong các cơ quan đoàn thể. Đồng thời chú trọng củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các lớp bồi dưỡng về chính trị, văn hóa. Coi đó là nhiệm vụ của cán bộ đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, khóa VI của Đảng về đổi mới công tác quần chúng, tăng cường quan hệ giữa Đảng với nhân dân, trong 5 năm, Huyện ủy tăng cường chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Ngoài những buổi làm việc theo định kỳ với các đoàn thể trong khối dân vận, các kỳ họp của Thường vụ và BCH còn bàn và triển khai thực hiện các giải pháp về công tác dân vận; chủ động lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; tôn trọng quyền làm chủ của nhân

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV.

dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Đồng thời tôn trọng và lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở có nhiều chuyển biến. Những lúng túng ban đầu do đổi mới cơ chế được Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tháo gỡ, khắc phục. Hàng năm, các tổ chức đoàn thể xác định đúng phương hướng hoạt động, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể còn thường xuyên chăm lo đến lợi ích chính đáng cho đoàn viên, hội viên; gắn công tác chuyên môn của hội với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Nhiều phong trào được phát động trở thành phong trào hành động sôi nổi, rộng khắp của quần chúng như phong trào xóa đói, giảm nghèo; phong trào sản xuất giỏi của Hội Nông dân; phong trào 5 chương trình của Hội Phụ nữ; Phong trào thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ bảo vệ Tổ quốc của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư của Mặt trận Tổ quốc, có tác dụng thiết thực, không những mang lại lợi ích kinh tế - xã hội mà còn tạo ra sự đoàn kết thống nhất, thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong từng tổ chức đoàn thể quần chúng.

Trong 5 năm (1991-1995), quán triệt sâu sắc nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo đổi mới kinh tế - xã hội, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của huyện, thường xuyên bám sát phương hướng, mục tiêu mà đại hội đề ra. Phát triển kinh tế theo cơ cấu nông - lâm - công - nghiệp. Trong đó vẫn xác định lấy nông nghiệp làm chính, coi trọng phát huy tiềm năng về lâm nghiệp, từng bước đầu tư và phát triển công nghiệp

chế biến xuất khẩu ở địa phương. Đảng bộ vận dụng và cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh vào điều kiện thực tế của huyện một cách đúng đắn, phù hợp, chủ động đề ra các chỉ thị, nghị quyết về từng lĩnh vực công tác, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Ban Chấp hành Đảng bộ xác định rõ yêu cầu quan trọng và tập trung lãnh đạo. Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa; đầu tư khoa học kỹ thuật và vốn cho phát triển nông - lâm nghiệp một cách tập trung. Do đó, về phát triển kinh tế - xã hội của huyện Văn Bàn có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng. Chăn nuôi được đẩy mạnh, công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm nên số lượng và sản phẩm các loại gia súc, gia cầm, thủy sản đều tăng khá, đáp ứng nhu cầu thực phẩm ở địa phương. Lâm nghiệp được đặc biệt quan tâm, đã từng bước hoàn thiện việc giao đất, giao rừng. Công tác bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng và khai thác rừng được trú trọng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, diện tích rừng được giữ vững, kinh tế lâm nghiệp thực sự trở thành ngành mũi nhọn của sản xuất hàng xuất khẩu ở địa phương. Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới, cơ sở hạ tầng và năng lực sản xuất như trụ sở, trường học, trạm xá, giao thông, thủy lợi, điện phát triển mạnh, các khu trung tâm ở các vùng, các xã được hình thành rõ nét. Văn hóa - xã hội có tiến bộ và phát triển, y tế, giáo dục được quan tâm, ngoài việc đầu tư xây dựng trường lớp, đã phấn đấu giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cả về số lượng và chất lượng. Công tác phòng dịch, khám chữa bệnh và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình đạt nhiều kết quả. Hoạt động văn hóa nghệ thuật - thể dục thể thao thông tin tuyên truyền có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa cả nhân dân. Đời sống nhân dân ổn định, được cải thiện và có tích lũy.

Trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước, Đảng bộ đặc biệt coi trọng giáo dục lập trường cách mạng, tinh thần cảnh giác chống âm mưu diễn biến hòa bình của địch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tập trung đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội, chống truyền đạo trái phép, đưa các vụ án điển hình ra xét xử để giáo dục chung. Do đó an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có nhiều tiến bộ, đảm bảo cho nhân dân yên tâm sản xuất và công tác. Nhiệm vụ quốc phòng được cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chăm lo xây dựng lực lượng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên có chất lượng đảm bảo khả năng tác chiến của lực lượng vũ trang trong mọi tình huống.

Đảng bộ coi trọng lãnh đạo phát huy dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị, thường xuyên củng cố các cơ sở yếu kém, nâng cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức cơ sở Đảng, nhất là đối với vùng cao. Do đó, chất lượng đảng viên và đội ngũ đảng viên được nâng cao. Đồng thời công tác phát triển đảng mới cũng có nhiều cố gắng, trong nhiệm kỳ qua kết nạp được 250 đảng viên mới. Công tác cán bộ, Ban Thường vụ bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ phù hợp với trình độ năng lực và nhiệm vụ được phân công.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội còn chưa đồng bộ, thực hiện một số nhiệm vụ còn chung chung, điều hành thực hiện có lúc, có nơi còn chậm, chống buôn lậu còn chậm, thiếu kiên quyết và dứt điểm. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội chưa thật ổn định, còn chưa kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế tỉnh với kinh tế địa phương, chưa hình thành được ngành kinh tế, mặt hàng có tính mũi nhọn của địa phương. Một số cơ sở, đơn vị lúng túng trước cơ chế chính sách mới, Ban Chấp hành Đảng bộ chưa kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của cơ sở. Việc bồi dưỡng nhân tố mới, tổng kết điển hình có làm,

nhưng chưa được tiến hành thường xuyên. Trật tự an toàn xã hội cũng còn nhiều phức tạp, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa đều, tội phạm và các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, số đề, trộm cắp chưa được giải quyết dứt điểm, một số vụ trọng án chưa được điều tra kết luận và xử lý trước pháp luật. Trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể cũng còn những khuyết điểm nhất định. Một số cơ sở Đảng phấn đấu vươn lên chậm, trước cơ chế mới các cơ quan chính quyền điều hành còn lúng túng. Bộ máy tổ chức cán bộ chưa ổn định, một số trường hợp bố trí cán bộ còn chưa đúng với quy hoạch. Các đoàn thể chậm đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, nên phong trào chưa mạnh và chưa đồng đều.

II. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

Đến năm 1996, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã tiến hành được 10 năm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng về mọi mặt. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng từ ngày 28/6 đến ngày 01/7/1996, đã khẳng định: Đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go và đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt. "Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"[1].

Nhận thức rõ những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, xu hướng trong quan hệ quốc tế, chỉ rõ thời cơ, thách thức lớn, trên cơ sở phát huy thành tựu đạt được của 10 năm đổi mới, Đại hội xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 và năm 2020 là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phấn đấu đến năm

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.67-68, 80.

2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Từ các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ mới, đại hội xác định nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 thế kỷ XX. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII đánh dấu bước chuyển biến quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước, mở ra giai đoạn phát triển cao hơn, định hướng các địa phương phát huy tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế toàn diện và vững chắc.

Từ một tỉnh mới được thành lập, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tự cung, tự cấp là chủ yếu, cơ sở hạ tầng thấp kém, đến năm 1996, tỉnh Lào Cai đã có bước chuyển biến tích cực trên hầu khắp các lĩnh vực, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ cấu ngành kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch đúng hướng, hình thành nền kinh tế nhiều thành phần. Đời sống nhân dân được cải thiện. Số hộ nghèo giảm. Sự nghiệp giáo dục đạt được một số tiến bộ trong việc xóa mù chữ, đa dạng hóa các loại hình giáo dục. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đặc biệt là việc củng cố mạng lưới y tế, xóa tình trạng xã trắng về y tế. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt được một số kết quả. Chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được

bảo đảm, an ninh và chủ quyền quốc gia được giữ vững, quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế được mở rộng. Tuy nhiên, trong phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Lào Cai vẫn còn bộc lộ những mặt yếu kém. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, nông nghiệp còn lạc hậu, phân tán, phụ thuộc vào thiên nhiên. Giá cả thị trường không ổn định. Năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất công nghiệp còn thấp, sức cạnh tranh yếu. Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm chưa được cải thiện rõ. Số người nghèo, đói còn chiếm tỉ lệ cao, nhất là tại các vùng cao, vùng dân tộc ít người. Giáo viên thiếu, chất lượng giáo dục chưa cao, trường, lớp vừa thừa, vừa thiếu, xuống cấp ở nhiều nơi. Tỷ lệ tăng dân số còn quá cao. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân chưa thật vững chắc. Tình trạng buôn lậu qua biên giới, lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để tuyên truyền phản động còn xảy ra ở nhiều nơi. Sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở một số nơi còn hạn chế, nhất là đối với vùng cao, vùng sâu. Đội ngũ cán bộ nhìn chung trình độ còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI xác định mục tiêu tổng quát của tỉnh trong giai đoạn 1996-2000 là: "Phát huy những truyền thống tốt đẹp và những thành quả đã đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua khó khăn thử thách, khai thác triệt để mọi tiềm năng, tiếp tục tạo ra những nguồn lực mới về kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao vai trò quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xóa bỏ tình trạng sản xuất độc canh, phân tán, tự nhiên, tự cung tự cấp. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố an ninh - quốc phòng, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh[1].

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI.

Đại hội đề ra những định hướng phát triển của tỉnh giai đoạn 1996-2000 về phát triển kinh tế - xã hội, về quốc phòng - an ninh và đối ngoại, về xây dựng và củng cố hệ thống chính trị. Đồng thời xác định các giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Trong đó nhấn mạnh các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, về vốn, thị trường, đẩy mạnh khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Đại hội khẳng định: "Thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội XI đề ra có ý nghĩa rất quan trọng, tạo tiền đề vững chắc để vững bước đi lên giành những thắng lợi mới khi tỉnh bước vào thế kỷ XXI; xây dựng tỉnh Lào Cai ổn định về chính trị, vững mạnh về an ninh, quốc phòng, kinh tế phát triển, quan hệ xã hội lành mạnh, có nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc"[(1)].

Thực hiện Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 19/05/1995 của Tỉnh ủy Lào Cai về tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ các cấp, từ ngày 05 đến ngày 06/03/1996, tại hội trường UBND huyện, Đảng bộ huyện Văn Bàn tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI. Tham dự Đại hội có 111 đồng chí (trong đó có 109 đại biểu chính thức, 02 đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 31 đồng chí. Đồng chí Tạ Duy Hiển được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Trên cơ sở đánh giá chung trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đã đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong những năm 1996 -2000.

Về mục tiêu tổng quát: Phát huy thành quả đã đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, Nghị quyết Tỉnh ủy; kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, khai thác tốt mọi tiềm năng, nguồn lực ở địa phương phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững ổn định chính trị; đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng công

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI.

nghiệp hóa, hiện đại hóa; không ngừng củng cố nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, từng bước xóa bỏ lối sản xuất tự túc, tự cấp, độc canh phân tán; chủ động kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội; giữ vững môi trường sinh thái; không ngừng nâng cao cảnh giác chống "diễn biến hòa bình"; cùng cố quốc phòng - an ninh; thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đại hội đã đề ra những mục tiêu cụ thể đến năm 2000. Để thực hiện những mục tiêu cụ thể đã xác định, Đại hội quán triệt tư tưởng chỉ đạo: (1). Giữ vững không ngừng nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, chú trọng nông lâm nghiệp, coi trọng khai thác chế biến lâm sản, khai thác khoáng sản, phát triển các mặt hàng xuất khẩu huyện có ưu thế, mở rộng dịch vụ phục vụ sản xuất. Xây dựng các cụm kinh tế và cụm dân cư của huyện, thúc đẩy phát triển nông thôn miền núi. (2). Tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, phát huy tính chủ động của địa phương với việc xây dựng tốt kế hoạch, dự án tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và Trung ương để phát triển kinh tế - xã hội. (3). Lấy hiệu quả kinh tế làm trọng tâm, tiêu chuẩn cơ bản để xác định kế hoạch, phương án đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng thời quan tâm vùng sâu, những xã chưa được đầu tư, bảo đảm các xã, các vùng dân cư được hưởng thành quả phát triển chung của đất nước. (4). Đầu tư phát triển nhân lực. Trước hết đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chú trọng vùng cao, bồi dưỡng văn hóa, khoa học kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, nâng cao tri thức cho lực lượng lao động xã hội để tiến kịp yêu cầu chung của đất nước. (5). Giữ vững ổn định chính trị, đoàn kết, gắn phát triển kinh tế với giải quyết các chính sách xã hội; củng cố an ninh quốc phòng; bảo vệ môi trường sinh thái; cảnh giác, đối phó hiệu quả với mọi tình huống xảy ra. (6). Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, Nhà nước, điều hành quản lý, thực hiện công tác dân vận của Đảng, thực hiện thắng lợi mục tiêu của đảng bộ đề ra.

Thực hiện Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 17/9/1996 của Tỉnh ủy Lào Cai về quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, cuối tháng 10/1996, Huyện ủy Văn Bàn tổ chức hội nghị quán triệt và thông qua chương trình hành động thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của huyện. Đầu tháng 11/1996, công tác quán triệt nghị quyết được tiến hành ở tất cả các chi, đảng bộ trong huyện.

Căn cứ vào chương trình công tác toàn khóa, huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn xây dựng chương trình hành động với các đề án, chuyên đề trên từng lĩnh vực cụ thể, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, sau đó phân công cấp ủy viên phụ trách cơ sở, phụ trách từng công việc, từng khâu trong chương trình, kế hoạch. Trong lãnh đạo thực hiện Nghị quyết, Huyện ủy đặc biệt coi trọng các nội dung đối tượng cần quán triệt. Với phương châm từ cấp trên xuống cấp dưới; từ cán bộ chủ chốt đến cán bộ khác; từ đảng viên đến quần chúng nhân dân. Trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt, đội ngũ này chính là lực lượng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời đây còn là lực lượng có tính quyết định việc đưa đường lối nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Huyện ủy hướng dẫn, giao cho các đoàn thể chính trị xã hội từ huyện đến cơ sở xây dựng chương trình hành động cụ thể của từng đoàn thể. Xây dựng các tiêu chí phấn đấu của mỗi tổ chức, của đoàn viên, hội viên. Từ đó hình thành phong trào thi đua, hành động cách mạng quần chúng. Do đó, Nghị quyết của Đảng đã nhanh chóng đi vào cuộc sống nhân dân và từng bước đạt được những kết quả trên các lĩnh vực.

Về phát triển kinh tế.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII chủ trương: Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng theo hướng thâm canh, chuyên canh và ứng

dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới về giống cây trồng, vật nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi; triển khai thực hiện quy hoạch và phát triển nhanh vùng nguyên liệu tập trung; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống người dân và sản xuất nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, các xí nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, dịch vụ và kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã theo đúng luật, bảo đảm các điều kiện cho hợp tác xã hoạt động; giao đất - giao rừng; sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi trọc, mặt nước theo hướng nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/01/1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xuất phát từ điều kiện tự nhiên của huyện, Huyện ủy Văn Bàn tiếp tục xác định tập trung phát triển nông - lâm nghiệp. Đồng thời từng bước phát triển tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong nhiệm kỳ mới 1996-2000, phấn đấu giữ ổn định và phát triển kinh tế, nâng dần nhịp độ tăng trưởng, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển những ngành, lĩnh vực, địa bàn, cơ sở có hiệu quả nhanh nhằm tạo ra ưu thế thuận lợi phát triển, thúc đẩy nhanh quá trình xoá đói giảm nghèo cho dân nhân các dân tộc. Huyện ủy tập trung chỉ đạo thực hiện các đề án đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và thực hiện các đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

Về sản xuất nông nghiệp.

Đảng bộ huyện chủ trương trong năm 1996- 2000 tăng cường cải tiến cơ cấu giống, tăng các loại giống kỹ thuật năng

suất cao, xây dựng cơ cấu mùa vụ hợp lý, tổ chức tốt dịch vụ kỹ thuật, phân bón, phòng trừ sâu bệnh, tăng năng suất, chủ yếu tập trung các vùng trọng điểm. Đồng thời khai hoang ruộng bậc thang vùng có điều kiện, đồng bào thiếu ruộng phải làm nương rẫy. Chú ý phát triển, tiếp tục hoàn thiện vùng đã được quy hoạch cây công nghiệp, cây ăn quả. Phát triển cây có thị trường như đậu tương, lạc, các cây họ đậu khác và một số cây ăn quả phù hợp khí hậu của huyện cho hiệu quả kinh tế cao. Phát triển đầu đàn gia súc một các hợp lý, tăng nhanh đàn bò, đàn dê, ổn định đàn trâu, đảm bảo điều kiện tăng nhanh đàn lợn lai kinh tế; phát triển đàn gia cầm, nuôi thuỷ sản trên diện tích ao hồ hiện có[1].

Theo đó, ngay từ đầu năm 1996, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng đề án quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp. Trong đó xác định rõ cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp là bước đi thích hợp với phương châm: "Người vùng cao ổn định cuộc sống và từng bước làm giàu từ kinh tế nông - lâm nghiệp". Thực hiện đề án trên, huyện tập trung đầu tư xây dựng và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm như thâm canh cây lúa cao sản ở các xã vùng Khánh Yên, Võ Lao; chăn nuôi đại gia súc ở các xã phía Tây; trồng cây quế ở các xã phía Nam; cây thảo quả ở các xã vùng cao Nậm Xây, Nậm Chày, Nậm Mả; cây ăn quả ở Tân An, Tân Thượng, các xã vùng Khánh Yên; ngô, đậu tương ở Sơn Thủy, Hòa Mạc, Dần Thàng.

Để tạo sự chuyển biến trong thâm canh cây lúa nước, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, huyện chú trọng phát triển hệ thống thủy lợi. Năm 1997, huyện tiến hành điều tra lập quy hoạch tổng thể về hệ thống thủy lợi, tiến hành lập dự án, phân kỳ đầu tư, xác định thứ tự ưu tiên và lồng ghép các nguồn vốn để xây dựng các công trình thủy lợi. Trong 5 năm, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, trong đó có công trình

[1] Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI.

được xây dựng với quy mô khá lớn như công trình thủy lợi Ta Cô ở xã Khánh Yên Hạ; công trình thủy lợi Võ Lao, các tuyến mương chính được xây dựng bằng bê tông bảo đảm sản xuất hai vụ cho xã Võ Lao và Văn Sơn. Từ năm 1999, có thêm nguồn vốn của Chương trình 135, huyện xây dựng kế hoạch huy động vốn để xây dựng các công trình thủy lợi trọng điểm có tác dụng thúc đẩy thâm canh, bảo đảm an ninh lương thực ngay tại địa bàn[1]. Nhờ đầu tư vốn cải tạo nâng cấp, các công trình thủy lợi đảm bảo có nước tưới 2 vụ. Đến năm 2000, toàn huyện có trên 80% diện tích lúa nước đủ nước canh tác. Nhờ có các công trình thủy lợi, diện tích canh tác lúa nước liên tục ổn định và tăng dần. Năm 1995, có 4.219,6 ha, đến năm 2000, có 4.769 ha diện tích được tưới nước. Diện tích lúa nương giảm dần từ 680 ha năm 1995 xuống còn 620 ha năm 2000.

Cùng với đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, Huyện chỉ đạo hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Đến năm 1999, thành lập các câu lạc bộ khuyến nông ở 5 xã với 132 hội viên, bao gồm các xã Chiềng Ken, Liêm Phú, Dương Quỳ, Sơn Thủy, Tân Thượng. Trạm khuyến nông thường xuyên cử cán bộ đến các xã và một số thôn bản để trực tiếp hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật canh tác mới cho nông dân. Trong năm 1999, huyện phổ biến và giao trồng được 26 ha ngô P11 ở 15 xã, 12 ha đỗ tương DT84 ở 7 xã với năng suất cao hơn hẳn các giống địa phương.

Nhằm cung ứng kịp thời vật tư nông nghiệp cho nhân dân, Huyện ủy chỉ đạo thành lập các cửa hàng, đại lý cung ứng giống, phân bón và những vật tư thiết yếu khác phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các cụm xã Võ Lao, Khánh Yên Hạ, Dương Quỳ,

---

[1] Đó là các công trình: Tông Hốc, Tông Pháy, Bản Khoay, (Dương Quỳ); Đồng Vệ, Làng Bẻ, Bản Pung (xã Chiềng Ken); Ta Khuấn (xã Sơn Thủy); Nậm Tăm (xã Dần Thàng); Màsaphìn (xã Nậm Xây); Làng Chút, Khuổi Cát, (xã Hòa Mạc); Nà Ít (xã Nậm Mả); Nậm Hỏm (xã Nậm Chày); Khe Hồng, Ba Xã (xã Tân An); Khe Dài (xã Tân Thượng); Hông Cải (xã Minh Lương); Khuổi Ngoa (xã Liêm Phú)...

Minh Lương. Đồng thời khuyến khích nhân dân thay thế giống lúa, ngô cũ của địa phương bằng các chủng loại giống mới có năng suất, áp dụng rộng rãi trên phần lớn diện tích canh tác. Từ năm 1997, tỉnh và huyện có chính sách trợ giá giống mới. Diện tích gieo trồng các giống mới ngày một tăng. Vụ hè thu năm 1996, có 300 ha gieo cấy giống lúa lai Trung Quốc, 75 ha gieo cấy giống lúa CR203. Đến năm 1999, toàn huyện có 1.45 ha cấy lúa lai Trung Quốc và 14.752 ha gieo cấy giống lúa CR203. Năm 2000 tăng thêm 800 ha ruộng cấy giống lúa mới các loại. Riêng trong vụ hè - thu năm 2000, sử dụng tới 27 tấn giống lúa lai.

Với những nỗ lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu giống mùa vụ và tích cực áp dụng kỹ thuật canh tác mới, bảo vệ thực vật nên năng suất, sản lượng lúa tăng hàng năm. Năm 1996, diện tích lúa nước cả năm là 4.323,5 ha, năng suất đạt 71,6 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 19.386 tấn. Năm 1997, diện tích gieo trồng đạt 7.663,2 ha, tổng sản lượng lương thực là 19.018 tấn. Năm 1998, diện tích lúa cả năm 4.462 ha, tổng sản lượng lương thực đạt 20.556 tấn. Năm 1999, diện tích lúa cả năm 4.593 ha, tổng sản lượng lương thực đạt 21.116 tấn. Đến năm 2000, diện tích lúa cả năm đạt 4.769 ha, năng suất bình quân 19,1 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực đạt 22.362 tấn.

Vùng ngô Tân An, Tân Thượng, Sơn Thủy, Hòa Mạc, Dương Quỳ chiếm 50% diện tích ngô của cả huyện. Hàng năm khu vực này cung cấp cho thị trường từ 200 đến 250 tấn ngô hàng hóa. Trong những năm 1996-2000, phong trào trồng các giống ngô có năng suất cao được nhân dân tích cực thực hiện. Diện tích trồng ngô hàng năm đều tăng. Năm 1996, cả huyện có 1.717 ha, đến năm 2000 đã tăng lên 2.261 ha. Năng suất ngô đến năm 2000 đạt gần 20 tấn/ha. Điều đó cho thấy sự chuyển biến về nhận thức sản xuất hàng hóa trong nhân dân ở một số xã thí điểm thành công trồng ngô trên chân ruộng một vụ.

Cây hoa màu phát triển thành vùng tập trung. Hàng năm diện tích trồng lạc, đậu, đỗ... đạt 600-700 ha, trong đó đỗ tương diện tích 300-320; lạc 100 ha; đỗ các loại 80 ha, trồng tập trung ở các xã Dương Quỳ, Hòa Mạc, Tân An, Tân Thượng và các xã vùng Khánh Yên. Các sản phẩm sản xuất ra cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, chế biến thực phẩm trên địa bàn. Huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn một số xã vùng cao có tập quán trồng màu, phát triển các loại cây đao riềng ở Dần Thàng, khoai sọ gừng ở Nậm Mả, thay giống đỗ tương của địa phương bằng các giống có năng suất cao hơn trồng trên nương...

Tổng sản phẩm trong toàn huyện năm 2000, đạt 116.818 triệu đồng (theo giá cố định 1994), tăng bình quân 5 năm là 7,4%. GDP bình quân đầu người tăng từ 1,37 triệu đồng năm 1995, lên 1,7 triệu đồng năm 2000. Do xác định nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của huyện, Đảng bộ chú trọng đầu tư quy hoạch rõ các vùng thâm canh, xây dựng các trạm dịch vụ kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, tăng cường sự chỉ đạo về chuyển đổi cơ cấu giống, nhất là một số giống lai có năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết khắc nghiệt ở huyện. Từ sự cố gắng nỗ lực chỉ đạo của các ngành, các cấp, cùng với sự chuyển biến nhận thức của nhân dân các xã trên địa bàn về chuyển đổi cơ cấu giống và thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, năng suất lúa tăng từ 35 tạ/ha năm 1996 lên tới 40 tạ/ha năm 2000, đưa tổng sản lượng lương thực toàn huyện năm 2000 đạt 22.362 tấn, tăng bình quân 5 năm là 3,6%[1].

Các loại cây đặc sản cũng được chú trọng phát triển. Qua các dự án định canh, định cư, ổn định và sắp xếp dân cư, huyện cung cấp hỗ trợ giống và hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây quế phát triển khá nhanh. Năm 1996, có 870 ha, đến năm 2000 là 1.272 ha, tập trung ở các xã Nậm Tha, Tân An, Tân Thượng, Nậm Mả, Nậm Dạng, Khánh Yên Hạ và Liêm Phú.

[1] Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII.

Nhận thấy hiệu quả kinh tế của cây thảo quả, nhân dân địa phương nhanh chóng tiếp nhận và phát triển mạnh. Năm 1996 có 120 ha, năm 2000 phát triển lên 456 ha, trồng ở các xã Khánh Yên Hạ, Liêm Phú, Nậm Chày, Nậm Xây, Nậm Xé, Nậm Mả, Dương Quỳ. Đây là loại cây dễ trồng, đầu tư ít, chu kỳ kinh tế kéo dài, thực sự là loại cây góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo cho đồng bào vùng cao.

Cây ăn quả các loại có sự phát triển mạnh về cả diện tích và chủng loại. Năm 1996, toàn huyện có 152 ha cây ăn quả các loại, đến năm 2000 phát triển lên 386 ha. Năm 1997, huyện chỉ đạo xây dựng quy hoạch, định hướng phát triển cây ăn quả cho từng khu vực, như chương trình nhân giống và trồng cây hồng không hạt ở Tân An, Tân Thượng. Đồng thời đưa giống mới vào trồng như nhãn, vải thiều, mận tam hoa ở xã Văn Sơn, Võ Lao và vùng Khánh Yên. Tuy nhiên, do khí hậu nắng nóng, thị trường tiêu thụ chưa được mở rộng, lại chưa có công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm, do đó một số cây không phát huy được hiệu quả kinh tế.

Dựa vào đặc điểm tự nhiên và trình độ sản xuất của các vùng, Đảng bộ chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển thành các khu vực chăn nuôi, như vùng nuôi lợn, phát triển ở các xã thâm canh lúa là Võ Lao, Văn Sơn và Khánh Yên. Năm 1996, đàn lợn của huyện có 18.617 con. Năm 1998, có 20.715 con. Năm 2000, đàn lợn của huyện đã lên tới 23.320 con, tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm đối với đàn lợn là 6,5%. Từ năm 1997, huyện thực hiện các giải pháp hỗ trợ kinh tế để thay thế dần giống lợn địa phương. Đến năm 2000, ở các vùng trọng điểm, nhân dân nuôi trên 30% giống lợn lai.

Chăn nuôi đại gia súc phát triển ở các xã phía Tây của huyện gồm các xã Hòa Mạc, Dương Quỳ, Dần Thàng, Minh Lương, Nậm Xây, Nậm Xé, Thẩm Dương, Nậm Chày. Do nhu cầu tiêu thụ trên thị trường nên đàn trâu, bò của huyện phát triển mạnh. Năm 1996, đàn trâu của huyện có 11.536 con, năm 2000 tăng lên 15.621 con, đạt tốc độ tăng trưởng 6%. Năm 1996,

tổng đàn bò của huyện mới có 957 con, đến năm 2000 phát triển lên 2.016 con, đạt tốc độ 19,9%/ năm. Từ năm 1998, huyện đưa giống bò đực Zebu và lai Sind vào để cải tạo đàn bò của địa phương. Công tác thú y được quan tâm, do đó trong 5 năm không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ huyện chủ trương trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch 1996-2000, xây dựng các dự án đầu tư cho sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho nhân dân tăng diện tích rừng trồng, tái sinh, khoanh nuôi bảo vệ rừng, nâng độ tán che phủ. Quản lý khai thác lâm sản bảo đảm quy trình về chỉ tiêu kế hoạch khai thác, tổ chức cơ sở chế biến lâm sản ở điểm dân cư đã có điện lưới quốc gia. Kết hợp tốt nông lâm, kết hợp cây ngắn ngày với cây dài ngày, huy động được vốn các thành phần kinh tế.

Huyện Văn Bàn có tiềm năng phát triển kinh tế rừng. Sớm xác định lợi thế, huyện xây dựng kế hoạch cùng những giải pháp để người dân gắn bó với rừng, thông qua các chính sách khoán, khoanh nuôi bảo vệ rừng và hưởng lợi từ rừng. Đồng thời có cơ chế phù hợp, khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức cá nhân đầu tư vốn, công nghệ để chế biến, sản xuất các sản phẩm lâm sản đem lại giá trị kinh tế thiết thực.

Thực hiện đổi mới kinh tế lâm nghiệp, hàng năm huyện phân bổ giao chỉ tiêu cụ thể trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán cho các xã, thị trấn. Lâm trường, Ban quản lý dự án 327 và đơn vị cung cấp giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc đối với từng loại rừng. Đến năm 2000, toàn huyện trồng rừng tập trung là 4.000 ha, tăng 273,4% so với năm 1996; khoanh nuôi bảo vệ được 15.000 ha. Trong 5 năm, toàn huyện trồng hàng triệu cây phân tán, nâng tỷ lệ che phủ của rừng từ 53% năm 1996, lên 55,5% năm 2000.

Ở các xã, thị trấn, Ban lâm nghiệp được kiện toàn, cán bộ được tập huấn về nghiệp vụ kỹ thuật đi vào hoạt động có hiệu quả. Thành lập các đội phòng cháy, chữa cháy, các chòi canh

cảnh báo cháy rừng, tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống cháy rừng, thiết kế và thi công hàng trăm km đường băng cản lửa. Vì thế mà từ năm 1996 đến năm 2000, trên địa bàn huyện không có vụ cháy rừng lớn xảy ra. Công tác bảo vệ tài nguyên rừng được các ngành chức năng thường xuyên phối hợp kiểm tra, kiểm soát. Theo Chỉ thị số 287/TTg năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức kiểm tra, truy quét những cá nhân, vụ việc liên quan đến phá hoại rừng, Chỉ thị số 853/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống buôn lậu và gian lận thương mại, các tuyến đường bộ, đường suối thành lập các trạm liên ngành kiểm soát lâm sản, hàng trăm vụ vận chuyển gỗ trái pháp luật được xử lý nghiêm túc, đúng thẩm quyền.

Hoạt động sản xuất chế biến nông sản được chú trọng phát triển. Đi đầu lĩnh vực này là Lâm trường Văn Bàn, đầu tư dây chuyền với công nghệ phù hợp để sản xuất ván sàn, gỗ ốp tường xuất khẩu; tận dụng cành, ngọn để sản xuất thảm hạt pơmu, chiếu tre, đũa tre phục vụ việc tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, vừa giải quyết việc làm cho nhân dân vừa tận thu được nguồn nguyên liệu sẵn có. Năm 1999, Lâm trường Văn Bàn liên doanh xây dựng xí nghiệp sản xuất giấy đế ở xã Sơn Thủy với công suất giai đoạn I là 3.000 tấn giấy đế/năm. Hàng năm giải quyết việc làm và thu nhập cho hàng ngàn lao động ở nông thôn. Một thành công trong sản xuất lâm nghiệp là Lâm trường Văn Bàn áp dụng tiến bộ kỹ thuật để di chuyển thành công cây Pơmu từ độ cao 1.600 m xuống khu vực thấp dưới 1.000m ở Liêm Phú. Tháng 7/1996, trong chuyến thăm và làm việc tại Văn Bàn, đồng chí Nông Đức Mạnh - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội cùng đoàn đại biểu của Trung ương và tỉnh Lào Cai đã thăm khu rừng trồng này. Đến năm 2000, toàn huyện có hơn 20 cơ sở sản xuất, chế biến lâm sản với nhiều thành phần kinh tế và đa dạng về hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Doanh thu từ kinh tế rừng trong năm 2000 đạt 92,3 tỷ đồng, đóng góp vào nguồn thu ngân sách và tạo nguồn thu nhập cho nhân dân. Sự phát triển kinh tế rừng khẳng định ý nghĩa và giá trị bền vững

của kinh tế rừng, là một hướng đi đúng đắn giúp cho nhân dân từng bước xóa đói giảm nghèo.

Được sự giúp đỡ của một số tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý rừng của Trung ương và của tỉnh phối hợp cùng với địa phương tiến hành điều tra, khảo sát về động vật và hệ thực vật, đánh giá giá trị bảo tồn hàng trăm héc ta rừng ở các xã Nậm Xé, Nậm Xây, Liêm Phú. Trên cơ sở đó, huyện đề nghị Nhà nước ra quyết định thành lập rừng bảo tồn cấp quốc gia. Điều đó đã khẳng định giá trị của rừng Văn Bàn, đồng thời cũng là vinh dự, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh Luật đất đai do Quốc hội sửa đổi và ban hành năm 1993, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân. Đồng thời đặc biệt coi trọng công tác xây dựng quy hoạch, chỉ đạo sâu sát việc kiểm kê, đánh giá phân loại rừng, lập bản đồ hiện trạng và sử dụng đất đai đối với từng xã, thị trấn. Trên cơ sở đó, tập lập hồ sơ giao đất, giao rừng cho tổ chức và cá nhân quản lý. Đến năm 2000, toàn huyện giao được 63.325 ha đất các loại, trong đó giao đất rừng phòng hộ 28.392 ha, rừng sản xuất 34.931 ha. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất trồng cây lâu năm, đạt 39.193,9 ha, đất trồng cây hàng năm 9.674,9 ha.

Với cơ chế vận hành mới, từng hộ gia đình chủ động về giống, thời vụ và bảo vệ thực vật, tích cực tiếp nhận và đưa giống mới vào sản xuất. Nhiều hộ gia đình tự đầu tư làm thủy lợi để chủ động nước cho sản xuất và khai hoang thêm diện tích, làm ao, hồ thả cá; kết hợp với trồng cây ăn quả, cây công nghiệp; mua sắm các loại máy móc phục vụ cho sản xuất, chế biến; vừa đảm bảo cho việc sản xuất của gia đình đồng thời làm dịch vụ trong cụm dân cư. Đến năm 2000, toàn huyện có 11 trang trại hoạt động theo mô hình sản xuất tổng hợp, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong 5 năm, huyện chỉ đạo thực hiện 5 dự án định canh,

định cư với 945 hộ, 5.976 khẩu; sắp xếp lại dân cư cho 210 hộ, gồm 1.260 khẩu. Đến năm 2000, trên địa bàn huyện cơ bản xóa bỏ cây thuốc phiện.

Về công nghiệp tiểu thủ công nghiệp

Ngày 19/11/1996, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HU về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 1996-2000. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu chung là: Khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư sản xuất với nhiều hình thức khác nhau. Mở rộng sản xuất, kết hợp đầu tư theo chiều sâu, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tổ chức đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề để sản xuất chế biến các loại sản phẩm nông - lâm nghiệp, khai thác và sản xuất các loại vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gốm, sành sứ, hàng thổ cẩm. Phấn đấu năm 1997, sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt mức tăng trưởng 12%/năm trở lên.

Phát huy lợi thế, tiềm năng, huyện đẩy mạnh phát triển các ngành nghề trên cơ sở định hướng quy hoạch. Về sản xuất vật liệu xây dựng, bao gồm sản xuất gạch, ngói tập trung ở xã Khánh Yên Trung, xã Võ Lao; khai thác sản xuất đá xây dựng các loại ở xã Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng; khai thác cát, đá, sỏi ở xã Hòa Mạc, Sơn Thủy, Võ Lao, Dương Quỳ; chế biến lâm sản, đồ mộc gia dụng, tập trung ở thị trấn Khánh Yên và một số trung tâm cụm xã; chú trọng đầu tư kỹ thuật, công nghệ, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm. Cơ khí nhỏ, sửa chữa ô tô, xe máy, công cụ tầm tay, phát triển ở thị trấn Khánh Yên, Võ Lao, Khánh Yên Hạ. Chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, định hướng phát triển ở trung tâm xã nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân trong từng khu vực, từng bước mở rộng thị trường ra bên ngoài.

Phát triển công nghiệp, ưu tiên cho phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, tạo điều kiện để các đơn vị đến Văn Bàn

thăm dò, điều tra, lập phương án tổ chức khai thác, sản xuất một số loại khoáng sản như Fenspat, sắt, các công trình thủy điện nhỏ và vừa.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết số 02 -NQ/TU của Huyện ủy, mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn, nhất là giao thông đường bộ, lưới điện chưa phát triển, nhưng bằng sự nỗ lực, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện đã có bước khởi sắc, đạt tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2000 là 20.209 triệu đồng, tăng 32,6% so với năm 1995. Nhiều ngành nghề sản xuất truyền thống của địa phương được duy trì và phát triển, bảo đảm cung ứng nhu cầu tiêu dùng trong phạm vi nội huyện như dệt vải thổ cẩm, đệm bông lau, các sản phẩm đan lát, đúc công cụ sản xuất.

Sản xuất vật liệu xây dựng phát triển mạnh đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng cơ bản trên địa bàn như khai thác cát, đá, sỏi. Huyện thành lập các HTX và duy trì hoạt động có hiệu quả. Hợp tác xã Thống Nhất sản xuất gạch đất nung ở xã Khánh Yên Trung, bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường trên 3,5 triệu viên gạch có chất lượng tốt.

Điểm sáng trong phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp là Lâm trường Văn Bàn đã đầu tư công nghệ sản xuất phù hợp để tận thu nguồn nguyên liệu, sản xuất ván sàn, thảm hạt Pomu, giấy để xuất khẩu. Ở Sơn Thủy, thị trấn Khánh Yên, Khánh Yên Hạ, xã Chiềng Ken có các hợp tác xã, tổ sản xuất đũa tre.

Sau một thời gian điều tra, đánh giá về trữ lượng, chất lượng và khai thác thị trường tiêu thụ, từ năm 1996, Công ty khoáng sản Lào Cai tiến hành khai thác quặng Fenspat ở Làng Giàng, năng cao nhất lên đến hàng trăm tấn.

Đến năm 2000, điện lưới quốc gia về đến hầu hết các xã vùng thấp. Hình thành các dịch vụ sửa chữa cơ khí, điện tử, xay xát, chế biến lương thực, thực phẩm ở trung tâm các xã.

Từ năm 1996 đến năm 2000, công tác xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện phát triển mạnh mẽ về cả số lượng và chất lượng, bằng nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách, thông qua các chương trình dự án đầu tư xây dựng đạt giá trị 41.200 triệu đồng. Năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt kế hoạch thị trấn Khánh Yên là đô thị loại V, với chức năng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện; phê duyệt quy hoạch tổng thể ở thị tứ Võ Lao là đô thị vệ tinh, trung tâm kinh tế - văn hóa của khu vực. Trên cơ sở quy hoạch chung, Đảng bộ lãnh đạo xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm. Đối với thị trấn Khánh Yên, huyện ưu tiên xây dựng các công trình trọng điểm như trụ sở cơ quan Huyện ủy, trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, trụ sở các phòng, ban, cơ quan chuyên môn, trường học, bệnh viện đa khoa và một số hạng mục thuộc hạ tầng đô thị, như điện chiếu sáng công cộng, giải thoát nước, khuôn viên cây xanh.

Giai đoạn 1996-2000, huyện Văn Bàn có 17/23 xã, thị trấn thuộc đối tượng đầu tư của chương trình 135 (năm 1999). Với định mức đầu tư mỗi xã 400 triệu đồng, huyện hướng dẫn, chỉ đạo các xã lập kế hoạch, xác định danh mục công trình và thứ tự ưu tiên đầu tư với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", tập trung vào những công trình có ý nghĩa thiết thực như thủy lợi, đường điện và các công trình giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt.

Bằng vốn kế hoạch tập trung, từ năm 1999, huyện tiến hành khảo sát lập thiết kế quy hoạch trung tâm cụm xã Dương Quỳ và Minh Lương để đầu tư. Đến năm 2000, toàn huyện có nhiều công trình được xây dựng theo chương trình 135 như Trạm tiếp sóng truyền hình, trạm xá, trường học và một số công trình giao thông, chợ trung tâm cụm xã... tạo điều kiện cho nhân dân trong khu vực giao lưu văn hóa, trao đổi nông, lâm sản và một số dịch vụ đời sống, thúc đẩy thương mại phát triển.

Ở thời điểm 1996, tình hình giao thông - vận tải của huyện rất khó khăn. Huyện còn 4 xã chưa có đường xe cơ giới đến trung tâm. Trong đó, khó khăn nhất là tuyến đường Dương Quỳ - Nậm Chày dài 14 km. Từ năm 1999, do được bổ sung kinh phí từ nguồn vốn của chương trình 135 là vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của tỉnh, huyện chỉ đạo thi công nâng cấp tuyến đường này lên đường cấp B giao thông nông thôn, xe ô tô đi lại được. Đến năm 2000, tuyến đường này cơ bản hoàn thành.

Năm 1996, tuyến đường Văn Bàn - Nậm Tha 28 km cũng được hoàn thành nâng cấp và đưa vào sử dụng. Các tuyến Võ Lao - Nậm Dạng 4 km, Dương Quỳ - Dần Thàng 3 km, trong 2 năm 1998 và 1999 đã hoàn thành với quy mô cấp A giao thông nông thôn. Một số tuyến đường nội thị thị trấn Khánh Yên cũng được đầu tư làm mới và chỉnh trang nâng cấp. Năm 1997, trên tuyến tỉnh lộ 151 cầu bê tông vĩnh cửu Khe Chấn hoàn thành và đưa vào sử dụng. Từ 1999, các dự án nâng cấp quốc lộ 279 và tỉnh lộ 151 bắt đầu triển khai.

Đến năm 2000, huyện có 23/23 xã, thị trấn có đường ô tô, đường xe cơ giới từ huyện lỵ đến trung tâm. Thực hiện phong trào phát triển giao thông nông thôn, Đảng bộ luôn quán triệt và vận dụng đúng phương châm, tư tưởng chỉ đạo "đường của dân, dân làm, dân đi và dân bảo vệ". Hàng năm, huyện đều có kế hoạch giao chỉ tiêu phát triển giao thông cho các xã, phát động phong trào thi đua trong toàn huyện. Nhân dân các dân tộc phấn khởi đóng góp nhân lực, vật lực, hiến đất để làm đường giao thông. Tổng cộng trong 5 năm đã mở mới được 219 km đường giao thông nông thôn, 26 km đường liên xã, với tổng giá trị đầu tư đạt 36.641 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 12,700 triệu đồng. Với sự nỗ lực cố gắng và thành tích đạt được trong phong trào giao thông nông thôn, năm 1996 huyện Văn Bàn được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc về phong trào thi đua làm đường giao thông nông thôn. Đến năm 2000, có 8 lượt

xã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tặng Cờ thi đua xuất sắc về phong trào làm giao thông nông thôn.

Về vận tải, huyện cùng các đơn vị tỉnh giải quyết bến bãi cho các đơn vị kinh doanh vận tải thuận lợi, khuyến khích các thành phần đầu tư phương tiện vừa và nhỏ, vận tải đi các xã vùng xa, vùng sâu phục vụ sản xuất đời sống nhân dân các dân tộc. Làm tốt công tác quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật phương tiện đảm bảo an toàn. Năm 1996, ở Văn Bàn duy nhất có tuyến xe chở khách từ tỉnh đến huyện và ngược lại của Công ty vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải. Các tuyến khác có từ 2 - 3 xe taxi tư nhân chở khách, có khoảng 20 xe vận tải hàng hóa của lâm trường và một số xe tư nhân. Đến năm 2000, trên tất cả các tuyến đường của huyện đều có xe ca vận chuyển hành khách thuộc các thành phần kinh tế. Riêng tuyến Văn Bàn - Lào Cai có trên 4 chuyến/ngày, đạt lưu lượng vận chuyển 82.000 lượt hành khách trong năm, trên 50 xe vận tải các loại hình của các doanh nghiệp, tư nhân, vận chuyển trong năm đạt khoảng 15.000 tấn hàng hóa.

Trong việc thực hiện mục tiêu phát triển giao thông nông thôn của huyện còn có một số tồn tại. Đó là cơ chế quản lý việc thi công và sử dụng công trình chưa linh hoạt và phù hợp. Vốn đầu tư lớn song việc duy tu bảo dưỡng chưa thường xuyên nên chất lượng của công trình chưa cao. Mặt khác, do hạn chế về nguồn vốn nên các công trình được thi công với quy mô nhỏ, kém bền vững nên chóng xuống cấp bởi các tác động của thiên nhiên.

Công tác tài chính, ngân hàng, Đại hội Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ: Đảm bảo chế độ thu đúng, thu đủ, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu, thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng để tăng vốn đầu tư phát triển. Ngân hàng tích cực huy động các nguồn vốn cấp trên hỗ trợ, huy động tiết kiệm ở địa phương đáp ứng nhu cầu vay vốn của các ngành, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, thực hiện xoá đói giảm nghèo. Kết hợp chính quyền, đoàn thể hướng dẫn người vay sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo thu nợ đúng hạn.

Là một huyện miền núi, kinh tế hàng hóa chậm phát triển, nguồn thu ít lại không bền vững nên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Ngân sách và Luật Thuế, thực hiện thu đúng, thu đủ đáp ứng yêu cầu chi thiết yếu. Năm 2000, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.945 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương là 18.024 triệu đồng, tăng so với năm 1995 là 124%. Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc quản lý vốn và thanh quyết toán cho các nhu cầu hoạt động chính trị của huyện; chỉ đạo và tổ chức tốt việc vay vốn phát triển sản xuất, nhất là vốn xoá đói giảm nghèo. Đến năm 2000, ngân hàng huyện cho các đối tượng vay là 6.960 hộ, với số dư nợ là 21.040 triệu đồng, góp phần tích cực xoá đói, giảm nghèo, ổn định phát triển kinh tế[1]. Chi nhánh ngân hàng, Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành mình trong việc quản lý, cấp phát, thanh toán các nguồn vốn theo quy định, bảo đảm cho các nhu cầu hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ có tính đột xuất, cấp bách khác của huyện. Năm 2000, ngân hàng huy động tiền gửi tín dụng trên địa bàn được 17.000 triệu đồng; số dư nợ là 17.000 triệu đồng, trong đó cho hộ nghèo vay để sản xuất là 10.400 triệu đồng.

Về hoạt động thương mại, dịch vụ, chủ trương của Đảng bộ là tiếp tục khuyến khích phát triển theo đúng pháp luật quy định. Đồng thời tiếp tục phát triển củng cố kinh tế quốc doanh, đổi mới tổ chức quản lý kinh doanh phù hợp, có hiệu quả, bảo đảm cung ứng đủ mặt hàng thiết yếu, dự trữ vật tư, quản lý các mặt hàng nhà nước trợ giá cho sản xuất. Thực hiện chính sách vùng cao của Đảng và nhà nước. Tiếp tục đầu tư xây dựng thị trường, đầu tư hình thành các chợ nông thôn thúc đẩy quá trình sản xuất hàng hoá. Khắc phục yếu kém của nền sản xuất tự túc tự cấp ở vùng nông thôn miền núi.

[1] Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVII.

Trong 5 năm (1996-2000), hoạt động thương mại, dịch vụ của huyện có bước phát triển đáng kể. Tổng giá trị thương mại, dịch vụ tăng từ 5.613 triệu đồng năm 1996 lên 12.968 triệu đồng năm 2000. Nhịp độ phát triển bình quân 12,1%/năm, tăng 2,5% so với mục tiêu Đại hội XVI. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh được củng cố, phát triển, đảm bảo cung ứng tốt các mặt hàng chính sách, tự phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào vùng cao. Thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển nhanh, góp phần lưu thông hàng hóa, bình ổn giá trên thị trường. Nhìn chung huyện đã làm tốt việc giải quyết đầu ra cho sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp và chế biến lâm sản xuất khẩu.

Trong 5 năm 1996-2000, xác định rõ cơ cấu kinh tế của huyện là nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ, nhằm từng bước tạo điều kiện quan tâm đầu tư cho các ngành kinh tế phát triển đồng đều, Ban Chấp hành Đảng bộ chú trọng đến sự chuyển đổi cơ cấu giống trong nông nghiệp, tăng cường đầu tư phát triển kinh tế lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của huyện có thế mạnh về tài nguyên rừng. Đồng thời từng bước đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hoá. Trong sản xuất nông nghiệp, chú trọng đầu tư theo hướng thâm canh, tăng vụ, đáp ứng nhu cầu lương thực trên địa bàn và trao đổi hàng hoá, đảm bảo nâng cao mức sống cho nhân dân. Việc đầu tư, quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp uỷ chính quyền, các ngành từ huyện tới cơ sở quan tâm tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các vùng đặc sản như cây ăn quả, vùng lúa cao sản, vùng chăn nuôi đại gia súc được hình thành rõ nét, phục vụ cho phát triển hàng hoá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Đến năm 2000, tỷ lệ các ngành trong GDP là: nông lâm nghiệp 71,6%, công nghiệp 17,3%, dịch vụ 11,1%.

Nền kinh tế đa dạng, nhiều thành phần được phát triển đúng hướng. Các xí nghiệp quốc doanh đã có nhiều cố gắng trong việc tham gia cải tiến và tổ chức lại sản xuất, tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, lao động nên có đóng góp quan

trọng cho sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Kinh tế hợp tác xã thực hiện chuyển đổi theo luật bước đầu hoạt động dịch vụ và hướng dẫn khuyến nông có hiệu quả. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại, vườn rừng bắt đầu phát triển mạnh, đặc biệt là khu vực thị trấn và các xã vùng thấp.

Các lĩnh vực xã hội

Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra ra nhiệm vụ trong những năm 1996-2000: Toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội từ giải quyết việc làm, giáo dục đào tạo, xây dựng nếp sống văn hoá mới, chăm sóc sức khoẻ, dân số - kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ trẻ em, thể dục thể thao... đều được tiến hành theo hướng xã hội hoá trong đó nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi người, tăng cường đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Tiếp tục thực hiện phân bố lại dân cư và lao động, đẩy mạnh công tác định canh định cư, tạo cơ sở vật chất để hạn chế, tiến tới xoá bỏ tình trạng du canh, du cư trên địa bàn. Hỗ trợ mọi mặt để nhân dân định cư, ổn định cuộc sống và phát triển kinh tế. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đồng thời vận động nhân xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa đối với các Mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng và chăm sóc giúp đỡ người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, gia đình đặc biệt khó khăn. Công tác giáo dục cần được ưu tiên phát triển trước một bước. Tiếp tục đầu tư mới và củng cố hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học của nhân dân và yêu cầu đào tạo cán bộ của tỉnh. Xoá mù chữ cho cán bộ xã và trưởng thôn, bản trong toàn tỉnh, mở rộng việc học ngoại ngữ, tin học và dạy nghề. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở các xã vùng thấp và các xã vùng cao có điều kiện. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, củng cố mạng lưới y tế cơ sở phát triển y tế cộng đồng. Xây dựng hoàn chỉnh Bệnh viện tỉnh Lào Cai. Mở rộng bảo hiểm y tế đến các đối tượng dân cư, nâng

cao trình độ chuyên môn và trách nhiệm phục vụ của đội ngũ thầy thuốc. Đẩy mạnh cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình, tiếp tục phát triển thể dục, thể thao nhất là các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng và truyền thống. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp văn hoá dân tộc với hiện đại một cách chọn lọc. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, lối sống đồi trụy, lạc hậu. Xây dựng nếp sống văn hoá mới trong từng gia đình và toàn xã hội.

Quán triệt nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội trên địa bàn.

Về giáo dục, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về định hướng nhiệm vụ chiến lược giáo dục và đào tạo, căn cứ vào chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai, Huyện ủy Văn Bàn xây dựng chương trình hành động theo định hướng phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2000, với mục tiêu chung là: Hoàn thành một cách vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học và thanh toán nạn mù chữ ở 100% các xã, thị trấn. Xây dựng lộ trình thực hiện bền vững phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và tiến tới phổ cập trung học cơ sở. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, từng bước xây dựng một số trường đạt chuẩn quốc gia.

Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn khoá XVI nhiệm kỳ 1996-2000, xác định phấn đấu huyện đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ vào năm 1999, trước kế hoạch ban đầu của tỉnh 4 năm. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, UBND huyện xây dựng Đề án 133/ĐA - UBND ngày 7/5/1996 về phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 1996-2000. Nội dung Đề án xác định rõ lộ trình của từng xã, thị trấn phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và biện pháp duy trì bền vững; lộ trình tách trường PTCS thành lập các trường

tiểu học, trung học cơ sở, phát triển mới các trường phổ thông cơ sở đối với xã trước đây mới có trường tiểu học; mở rộng quy mô đến các xã vùng xa trung tâm huyện và xã vùng cao tuyển sinh vào trường THPT huyện, tiến tới thành lập trường THPT số 2 tại xã Võ Lao vào năm 2000. Phấn đấu không để tình trạng diễn ra học ca ba trong ngày vì thiếu cơ sở vật chất, từng bước tăng số lượng bàn ghế đúng quy cách phục vụ học sinh học tập, phấn đấu đến năm 2000 cơ bản bàn ghế học sinh được trang bị bằng gỗ đúng quy cách; từng bước thay thế nhà cột chôn thành nhà gỗ kê, lịa ván trở lên. Đây là những mục tiêu lớn trong phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 1996-2000, đòi hỏi sự nỗ lực và đầu tư các nguồn lực khá lớn của huyện, của xã. Triển khai thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ theo kế hoạch điều chỉnh của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nêu quyết tâm phấn đấu đẩy nhanh tiến độ huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ vào năm 1998.

Giáo dục mầm non, Huyện uỷ, UBND huyện chỉ đạo bằng mọi biện pháp quyết tâm mở lớp mẫu giáo cho trẻ 4 tuổi, 5 tuổi, hình thức dân lập và đề nghị UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí lương cho giáo viên. Hầu hết các điểm có lớp tiểu học tại các xã vùng 2 của huyện, cơ bản mở được lớp mẫu giáo dân lập cho trẻ 4 tuổi, 5 tuổi, tổ chức học 1 buổi trong ngày. Các xã vùng 3 khó khăn không mở được lớp mầm non dân lập, tiếp tục chỉ đạo các trường Tiểu học bố trí cho trẻ 5 tuổi được học ghép cùng lớp 1, có nội dung hoạt động cho trẻ mẫu giáo riêng. Với cách tổ chức mở lớp gắn với thôn bản của bậc tiểu học và gắn mầm non với điểm lớp tiểu học đã thu hút khá đông trẻ 5 tuổi và 4 tuổi ra lớp để làm quen tiếng Việt, làm quen với cộng đồng, quen với trường lớp, giúp cho trẻ hình thành kỹ năng ban đầu trong giao tiếp. Sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII của Đảng, giáo dục mầm non của huyện có bước phát triển đáng kể. Tháng 12/1997, toàn huyện có 21 nhóm trẻ với 150 cháu, 61 lớp

mẫu giáo với 1519 cháu. Năm học 2000-2001, số xã và thị trấn thực hiện giáo dục mầm non là 19/23 xã, đạt 82,6%, tăng 15 xã so với năm 1990; tỷ lệ trẻ 5 tuổi học mẫu giáo đạt 78,94%; tổng số trẻ được nuôi dưỡng, giáo dục trong trường, lớp mầm non là 1.750 trẻ, tăng 1.550 trẻ so năm học 1990-1991.

Giáo dục tiểu học phát triển mạnh nhất về quy mô tính từ các giai đoạn trước đến năm 2000. Hệ thống mạng lưới các điểm lớp tiểu học được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và toàn xã hội tham gia xây dựng. Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ cấp huyện, cấp xã được kiện toàn hàng năm do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp là Trưởng ban. Đến năm 1998, toàn huyện có 22/23 xã, thị trấn và huyện Văn Bàn được công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, là đơn vị trong tốp đầu của tỉnh hoàn thành vượt mức kế hoạch sớm đạt chuẩn. Năm 2000, Trường Tiểu học Khánh Yên được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia, mở đầu cho phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện.

Thực hiện Quyết định số 28/QĐ-BGD&ĐT ngày 23/6/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Bản quy định kiểm tra, đánh giá và công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi", UBND huyện xây dựng Đề án phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi[(1)]. Thị trấn Khánh Yên là đơn vị đầu tiên của huyện được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Giáo dục Trung học cơ sở, đến năm 2000, toàn huyện hoàn thiện 22/23 cơ sở xã, thị trấn có trường trung học cơ sở. Văn Bàn

---

(1) Tỷ lệ huy động trẻ 6 - 14 tuổi ra lớp số: năm học 1996-1997 huy động 82,00%, năm học 1997-1998 huy động 91,65%, năm học 1998-1999 huy động 95,25%, năm học 1999-2000 huy động 96,00%, năm học 2000-2001 huy động 98,2 %. Số học sinh tiểu học: năm học 2000-2001 là 13.060 học sinh so năm học 1990-1991 tăng 65,4%, số học sinh vượt 8554 hs, so với năm học 1995-1996 vượt 20%, số học sinh vượt 3661 học sinh.

là huyện đi đầu của tỉnh trong việc thành lập trường THCS tại các xã trong huyện. Số lượng học sinh tăng dần hàng năm theo mức độ tăng dần học sinh tốt nghiệp tiểu học. Số học sinh THCS năm học 2000-2001 là 5.134 học sinh, tăng 4.707 học sinh so với năm học 1990-1991.

Đối với Trung học phổ thông, số lượng học sinh cấp trung học phổ thông tăng nhanh hàng năm theo nhịp độ tăng số lượng học sinh lớp 9 cấp THCS. Để đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân các xã phía Bắc của huyện, tháng 8 năm 2000, UBND tỉnh Lào Cai quyết định thành lập Trường THPT số 2 đặt tại xã Võ Lao. Trường THPT Văn Bàn đổi tên là Trường THPT số 1 Văn Bàn. Số học sinh trung học phổ thông năm học 2000-2001 là 15 lớp, 661 học sinh. So với năm học 1995-1996 tăng 537 học sinh; so với năm học 1990-1991 tăng 595 học sinh.

Về giáo dục thường xuyên: Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường học với tinh thần một trường học ba nhiệm vụ, đó là giáo dục phổ thông và giáo dục bổ túc, giáo dục mầm non. Phong trào bổ túc văn hoá phát triển rộng ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông. Giai đoạn này, công tác bổ túc văn hoá không chỉ dừng ở bậc tiểu học mà còn phát triển mạnh bổ túc THCS, bổ túc THPT cho cán bộ cấp xã, cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị nhà nước[1].

Xây dựng đội ngũ, xây dựng tổ chức Đảng trong trường học. Việc phát triển quy mô giáo dục đòi hỏi bổ sung lực lượng giáo viên các cấp học với số lượng khá lớn trong khi nguồn giáo viên được đào tạo tại các trường sư phạm của địa phương và Trung ương số lượng ít, không đáp ứng nhu cầu tuyển dụng. Trước tình

[1] Năm học 2000-2001, số học viên bổ túc THCS tập trung có 65 học viên; bổ túc THCS tại chức tổ chức tại các trường THCS cho 640 học viên; bổ túc THPT cho 138 học viên. Tổng số người cần phải xoá mù chữ năm 1990 từ 15 - 25 tuổi là 6762 người, trong đó xoá mù chữ từ năm 1991 đến năm 2000 là 6194 người, đạt 88,1%. Đưa số người biết chữ ở độ tuổi 15 - 25 của năm 2000 lên 12.688 người, đạt tỷ lệ 96,2%.

hình đó, UBND huyện cho phép người ngoài địa phương huyện có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, cống hiến lâu dài tại thôn bản hẻo lánh vùng khó khăn, được phép đăng ký hộ khẩu tại nơi có nhu cầu giáo viên cắm bản và được dự tuyển đào tạo giáo viên cắm bản tại huyện. Huyện cũng thu hút đội ngũ giáo viên cho các thôn bản vùng cao, có địa chỉ sử dụng trước khi đào tạo giáo viên. Kết quả trong hai năm liên tục, huyện tuyển sinh đủ theo chỉ tiêu giao; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu phổ cập năm 1998, giải quyết dứt điểm trẻ nhỡ độ tuổi đi học. Phòng Giáo dục và Đào tạo bố trí giáo viên tham gia giảng dạy một cách linh hoạt, nên nhu cầu học tập phổ thông, bổ túc văn hoá, xoá mù chữ trong nhân dân luôn được đáp ứng. Đến năm 2000, giáo viên các cấp học toàn huyện có trình độ văn hoá tốt nghiệp THPT. Huyện lựa chọn số giáo viên được đào tạo chuẩn, có phẩm chất tốt, có năng lực quản lý để bổ nhiệm chức danh quản lý, hoặc giao quyền quản lý trường học.

Trước tình hình nhiều trường học chưa có đảng viên, công tác phát triển đảng trong trường học gặp nhiều khó khăn, thực hiện Chỉ thị số 34- CT/TW năm 1998 của Trung ương Đảng về tăng cường phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng trong trường học, công tác phát triển đảng viên trong trường học được các cấp uỷ cơ sở xã, thị trấn quan tâm. Liên tục vào dịp hè từ năm 1996 đến năm 2000, Huyện uỷ tổ chức lớp bồi dưỡng chính trị, phát triển đảng viên dành riêng cho sự nghiệp giáo dục, mỗi lớp từ 70 đối tượng. Đến năm 2000, huyện giải quyết xong tình trạng trường học trắng đảng viên. Các xã có chi bộ trường học, một số xã tách thành lập riêng chi bộ trường học, tổng số chi bộ trường học là 22 chi bộ. Số đảng viên trong ngành giáo dục năm 2000 là 96 đảng viên.

Về cơ sở vật chất, huyện phát huy vai trò chủ động của cấp uỷ, chính quyền cơ sở trong công tác quản lý, xây dựng sự nghiệp giáo dục từ cấp xã. Từ năm 1998, nhờ thực hiện Chương

trình 135/1998/CTr-CP của Chính phủ đầu tư cho xã đặc biệt khó khăn, cơ sở vật chất trường học được cải thiện đáng kể, hướng tới mục tiêu kiên cố hoá. Đến năm 2000, toàn huyện có 598 phòng học được xây dựng với quy mô nhà cấp III và cấp IV; đầu tư mua sắm mới 4.116 bộ bàn ghế, xây dựng 307 gian nhà ở cho giáo viên. Diện mạo trường học được khang trang hơn, dần đi đến kiên cố hoá, tác động trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Bước vào thời kỳ đổi mới Trung ương Đảng, tỉnh Lào Cai ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng về phát triển văn hóa, thể thao[1]. Theo đó, hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Huyện làm tốt công tác thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn, hóa tinh thần cho nhân dân. Năm 2000, đã có 35.000 lượt người xem biểu diễn các loại hình văn hóa, nghệ thuật, tăng 75% so với năm 1996. Năm 1996, cả huyện mới có một trạm thu phát một kênh truyền hình ở trung tâm huyện. Năm 2000, trạm trung tâm huyện tăng công suất lên gấp 2 và thu - phát liên tục 2 kênh truyền hình; đồng thời xây dựng mới 3 trạm thu - phát lại sóng truyền hình ở ba khu vực Võ Lao, Dương Quỳ và Minh Lương, đạt diện tích phủ sóng truyền hình 850 km^2 (năm 1996 là 560 km^2). Lắp đặt mới 4 trạm truyền thanh ở các trung tâm xã, cấp phát mới gần 2.000 máy thu hình, 4.568 radio. Đến năm 2000, có 70% dân số của huyện xem được truyền hình và 85% dân số nghe được thông tin qua sóng phát thanh, góp phần

[1] Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa VIII) năm 1998 đã ban hành Nghị quyết về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 24/3/1994 về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới; Quyết định số 12/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai năm 1996 về quản lý các hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quy định về xử phạt các vi phạm trong lĩnh vực văn hóa.

nâng cao trình độ dân trí và đời sống tinh thần của nhân dân trong huyện.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng được duy trì, phát triển rộng khắp. Các xã đều có đội văn nghệ, thể thao. Một số thôn, bản thành lập đội văn nghệ, đội bóng đá, bóng chuyền. Hàng năm, từ cấp xã đến huyện đều tổ chức hội diễn văn nghệ, thi đấu một số môn thể thao phong trào. Thành tích nổi bật về phong trào văn nghệ - thể thao trong 5 năm là các xã Võ Lao, Văn Sơn, Tân An, thị trấn Khánh Yên. Năm 1997, huyện tổ chức ngày Hội văn hóa, thể thao các dân tộc lần thứ III. Đến năm 2000 tổ chức lần thứ IV, có 23/23 xã, thị trấn và trên 20 cơ quan, đơn vị tham gia. Bên cạnh đó, các lễ hội dân gian truyền thống được tổ chức hàng năm ở các cụm dân cư, cộng đồng làng - xã, như lễ hội Cầu mùa của đồng bào Dao, lễ hội Xuống đồng của đồng bào dân tộc Tày, dân tộc Giáy. Qua đó tạo không khí phấn khởi, tăng cường tình đoàn kết trong nhân dân.

Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh. Số gia đình, thôn bản, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa hàng năm tăng từ 10-15%. Năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa cho 48 thôn bản, 23 cơ quan và 4.940 hộ gia đình.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng chương trình hành động với mục tiêu phấn đấu cụ thể. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm có tính đặc thù của địa phương, Đảng bộ xác định những nhiệm vụ về giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng dân cư; khai thác bảo tồn các làn điệu dân ca, dân vũ, đặc biệt là những làn điệu hát then, hát nôm, hát ru của các dân tộc;

các môn thi đấu thể thao truyền thống như leo núi, kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, đánh yến, ném còn được khơi dậy.

Các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn được đẩy mạnh. Công tác bảo vệ môi trường được các địa phương chú ý thực hiện. Ở trung tâm huyện thành lập đội vệ sinh môi trường, quy hoạch xây dựng khu vực thu gom rác thải sinh hoạt.

Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng trong những năm 1996-2000, Đảng bộ huyện vẫn quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực xã hội. Chương trình xóa đói giảm nghèo được coi trọng với nhiều hoạt động thiết thực như cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi, vốn 120 giải quyết việc làm và phát triển ngành nghề... Đồng thời huyện thực hiện có hiệu quả công tác khuyến nông, khuyến lâm, giúp nhau làm kinh tế... góp phần giảm mạnh số hộ đói nghèo (trung bình hàng năm giảm 2,3%); tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội. Đến năm 2000, huyện căn bản hoàn thành việc xóa bỏ cây thuốc phiện trên địa bàn, góp phần giảm tỷ lệ nghiện ma túy.

Một thành tích đáng ghi nhận trong công tác xã hội là trong 5 năm, huyện tôn tạo lại nghĩa trang liệt sĩ của huyện, xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" được 48,1 triệu đồng, huy động đóng góp xây dựng được 5 nhà tình nghĩa, giá trị trên 100 triệu đồng cho các đối tượng chính sách theo quy định.

Về y tế, chủ trương của Đảng bộ huyện trong giai đoạn này là xây dựng một số trạm xá ở các xã còn lại, trang bị đủ thiết bị kỹ thuật bệnh viện đa khoa, tăng cường đầu tư các phòng khám đa khoa khu vực, nâng cấp các trạm xá cơ sở, phấn đấu có đủ cán bộ y tế theo yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn, chú trọng các vùng cao, đời sống người dân còn nhiều thiếu thốn, phòng chống dịch kịp thời.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, công tác y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được cấp ủy lãnh đạo, chỉ

đạo sâu sát, thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hàng năm, ngành Y tế đã cử cán bộ y tế đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức y tá thôn bản, vệ sinh viên. Đến năm 2000,100% thôn bản trong huyện có nhân viên y tá và được trang bị túi thuốc, đảm bảo việc hướng dẫn sử dụng thuốc, sơ cứu ban đầu cho bệnh nhân. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vệ sinh thôn bản, phòng chống dịch bệnh, thực hiện tiêm chủng mở rộng đúng quy định, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin đạt 95-99%. Năm 2000, huyện giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 44%, khám chữa bệnh cho 74.907 lượt người bằng 120% so với năm 1995. Các căn bệnh xã hội như bệnh lao, sốt rét, bướu cổ được theo dõi, chữa trị kịp thời. Các dịch bệnh từng bước được khống chế, không để lây lan diện rộng và không để xảy ra tử vong do dịch bệnh.

Cơ sở vật chất ngành y tế tiếp tục được đầu tư xây dựng mới với mục tiêu kiên cố, khang trang. Thiết bị khám, chữa bệnh được trang bị ngày càng hiện đại hơn. Năm 1995, toàn huyện có 29 cơ sở y tế. Trong đó có 1 bệnh viện đa khoa, 5 phòng khám khu vực, 23 trạm y tế xã, thị trấn; có 151 cán bộ ngành y tế. Trong đó có 9 bác sỹ và trên đại học, 51 y sỹ, kỹ thuật viên, 76 y tá, hộ lý, 15 trình độ khác; có 21 cán bộ dược, trong đó dược sỹ trung cấp là 3, dược tá là 16, trình độ khác là 2[(1)]. Năm 2000, có 100% trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực được xây dựng từ cấp IV trở lên; đầu tư hàng trăm triệu động để nâng cấp trạm y tế và CSVC phục vụ cho khám chữa bệnh, nâng số giường bệnh từ 152 giường năm 1995 lên 215 giường năm 2000. Số người được khám chữa bệnh tăng từ 50.105 lượt người năm 1995 lên 74.907 lượt người năm 2000. Ngành y tế chủ động phát hiện và dập tắt kịp thời dịch bệnh, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác tiêm chủng mở rộng thực hiện tốt, đạt tỷ lệ hàng năm từ 90 - 97%, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn ở mức 44%; làm

[(1)] Cục Thống kê Lào Cai (2000); *Niên giám thống kê năm 1999*, Nxb. Thống kê, tr.220-222.

tốt công tác truyền thông dân số, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ, chăm sóc và bảo vệ bà mẹ trẻ em... hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,9% năm 1995 xuống 2,4% năm 2000[1].

Công tác quốc phòng, an ninh

Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVI xác định nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm 1996-2000: Phải coi trọng tăng cường quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững an ninh - chính trị trật tự an toàn xã hội, bảo đảm phát triển theo định hướng XHCN. Nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố các cơ sở chính trị, phong trào an ninh, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân. Xây dựng tốt các phương án tác chiến trên địa bàn, chú trọng các trọng điểm, vùng hẻo lánh có nhiều khó khăn, không để các phần tử xấu lợi dụng. Xây dựng lực lượng quân sự, an ninh, trong sạch vững mạnh. Củng cố lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an cơ sở. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đối với nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Giáo dục thanh niên thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự. Vận động nhân dân tham gia xây dựng quốc phòng an ninh, giải quyết kịp thời mâu thuẫn nội bộ nhân dân không để phần tử xấu kích động lợi dụng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ huyện, quân và dân huyện Văn Bàn đạt được kết quả quan trọng trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Trong 5 năm được Đảng bộ chú trọng lãnh đạo phong trào xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác quốc phòng toàn dân và quân sự địa phương. Nhờ vậy, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được tăng cường; nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên được thực hiện tích cực. Huyện thường xuyên tổ chức luyện tập theo phương án A2 phòng chống bạo loạn lật đổ, cứu hộ, cứu nạn, chỉ đạo theo cơ chế "Một bên - một cấp". Đồng thời tích cực mở các lớp huấn luyện, giáo dục quốc

[1] Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII.

phòng cho các đối tượng phân cấp theo quy định; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ dân quân, tự vệ.

Giai đoạn 1996-2000, lực lượng dân quân tự vệ tiếp tục được củng cố xây dựng theo Nghị định 29 của Chính phủ về Điều lệ dân quân tự vệ năm 1990 và Pháp lệnh dân quân tự vệ năm 1996. Với phương châm xây dựng lực lượng dân quân "rộng khắp", "dân bàn, dân cử, dân chăm lo" ở 100% các thôn bản, từ vùng cao, vùng sâu, đến vùng thấp của huyện đều tổ chức lực lượng dân quân. Các cơ quan, đơn vị đều tổ chức lực lượng tự vệ. Biên chế sắp xếp dân quân tự vệ đúng hướng dẫn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai. Ở cấp xã, thị trấn có lực lượng chiến đấu tại chỗ, lực lượng cơ động, lực lượng làm nhiệm vụ A2, lực lượng binh chủng bảo đảm và binh chủng chiến đấu. Trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ coi trọng chất lượng, đặc biệt là chất lượng chính trị, có số lượng phù hợp. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 36 đầu mối dân quân tự vệ, tỷ lệ dân quân tự vệ chiếm 2,4% so với dân số; trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ là 8,2%, đoàn viên 57,3%, nữ 5,24%, quân nhân phục viên xuất ngũ 8,6%[(1)].

Lực lượng dân quân hàng năm được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật theo nội dung, chương trình thống nhất cho từng đối tượng. Chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu được nâng lên; hoạt động có hiệu quả trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng và chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, khắc phục hậu quả thiên tai ở cơ sở. Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị luôn được đổi mới cả về nội dung, phương pháp, duy trì nghiêm túc, thực hiện đúng phương châm: "Cơ bản, thiết thực, vững chắc", sát với yêu cầu tác chiến ở cơ sở và vũ khí trang bị hiện có. Trong 5 năm qua, đã tổ chức huấn luyện cho gần 10.000 lượt các đối tượng dân quân tự vệ, 100% các đầu mối dân quân tự vệ được huấn luyện. Những nội dung huấn luyện được vận dụng vào hoạt động thực tiễn sẵn

[(1)] Truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2000.

sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tham gia diễn tập, luyện tập ở cơ sở có hiệu quả. Lực lượng dân quân tự vệ thực sự là nòng cốt thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng ở cơ sở, sẵn sàng bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên được thực hiện theo đúng pháp luật, pháp lệnh. Công tác đăng ký, quản lý, phúc tra, kiểm tra, tạo nguồn dự bị động viên hàng năm được tổ chức chặt chẽ từ huyện đến cơ sở. Năm 2000, quân dự bị chiếm tỷ lệ 2,25% so với dân số. Hàng năm cơ quan quân sự huyện xây dựng kế hoạch phúc tra, kiểm tra quân dự bị, phối hợp với cấp uỷ, chính quyền các xã, đơn vị nhận nguồn, xuống cơ sở thực hiện "*3 gặp, 4 biết*", quản lý nguồn dự bị động viên theo đúng pháp lệnh, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với quân nhân dự bị.

Công tác tuyển quân của huyện từ năm 1996-2000 đạt kết quả, cơ quan quân sự làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tiến hành các bước tuyển quân đúng quy trình, nguyên tắc, đúng pháp luật. Chất lượng tuyển quân ngày càng nâng lên. Do làm tốt công tác tuyên truyền luật nghĩa vụ quân sự, nhận thức của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, nhân dân và thanh niên về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, trách nhiệm của địa phương, thành viên của hội đồng nghĩa vụ quân sự có chuyển biến tốt; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội trong tuyển quân. Công tác tuyển quân từng bước đã gắn với công tác tạo nguồn dự bị động viên ở các địa bàn vùng cao, vùng sâu, vùng xa của huyện. Quân nhân sau khi xuất ngũ trở về địa phương là lực lượng quan trọng, bổ sung cho lực lượng dự bị động viên ở cơ sở.

Từ năm 1996 đến năm 2000, huyện tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị (khoá VI), Chỉ thị số 56 và 245 của Chính phủ về xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ

huyện Văn Bàn lần thứ XVI xác định nhiệm vụ quốc phòng an ninh của Đảng bộ trong tình hình mới. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Do đó, huyện tập trung xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ, không ngừng phát triển cả về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá xã hội, quốc phòng - an ninh. Cán bộ, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang địa phương có bước chuyển biến tốt về nhận thức nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới; vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ban ngành, đoàn thể tham mưu trong đó quân sự, công an làm nòng cốt.

Quá trình triển khai xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc huyện kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh; chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp xây dựng xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, xây dựng địa bàn an toàn. Thế trận quốc phòng - an ninh được củng cố vững chắc. Các phương án, kế hoạch tác chiến được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kịp thời; thường xuyên luyện tập, diễn tập sát với yêu cầu nhiệm vụ của hoạt động tác chiến khu vực phòng thủ[(1)].

Huyện có kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ then chốt, căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu; đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông liên xã, liên thôn bản; bệnh xá đa khoa khu vực, thời bình phục vụ đời sống dân sinh, khi có chiến tranh xảy ra phục vụ kịp thời cho hoạt động tác chiến trong khu vực phòng thủ; xây dựng địa bàn an toàn, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng an ninh.

---

(1) Hàng năm, quân sự huyện tổ chức tốt các đợt diễn tập như diễn tập khu vực phòng thủ năm 1997; luyện tập khu vực phòng thủ huyện các năm 1997, 1998, 1999, 2000; luyện tập kế hoạch phòng chống lụt bão cấp; luyện tập cụm quốc phòng an ninh 6 lần vào các năm từ 1995 đến năm 1999. Đối với các xã, năm 2000 huyện chỉ đạo diễn tập kế hoạch chiến đấu trị an 2 xã, luyện tập kế hoạch chiến đấu trị an lần một và hai là 28 lượt xã, thị trấn.

Huyện uỷ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình phối hợp hoạt động giữa lực lượng vũ trang huyện với các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương. Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ đạo huyện, cơ quan quân sự đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội ở huyện xây dựng, ký kết chương trình phối hợp hoạt động và triển khai tổ chức thực hiện từ huyện đến cơ sở. Qua thực hiện chương trình phối hợp, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa quân đội và nhân dân, gìn giữ, phát huy bản chất, truyền thống quân đội trong thời kỳ mới.

Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Cùng với lãnh đạo xây dựng lực lượng quốc phòng, Huyện ủy quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân; chỉ đạo tuyên truyền giáo dục cho toàn dân và lực lượng vũ trang địa phương nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận thức rõ kẻ thù, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng chiến đấu.

Huyện ủy chỉ đạo xây dựng củng cố, kiện toàn các tổ chức an ninh thôn bản, tổ dân phố, tổ tự quản ở 248/248 thôn bản và 30/30 tổ an ninh, an toàn cơ quan để kịp thời phát hiện và ngăn chặn từ đầu các vụ việc xảy ra. Xây dựng lực lượng an ninh nhân dân, các cơ sở đều có ban công an xã, thôn bản có công an viên được củng cố, bồi dưỡng nâng cao chất lượng. Lực lượng quân sự và lực lượng công an có sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ trong các phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xử lý các tình huống trên địa bàn, thực sự là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Huyện ủy còn quan tâm chỉ đạo xây dựng làng xã chiến đấu, cụm làng xã trên cơ sở quy hoạch 6 cụm kinh tế, tổ chức xây dựng 6 cụm quốc phòng an ninh. Các hiện tượng vi phạm pháp luật được xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội. Số vụ vi phạm hình

sự, vi phạm hành chính trung bình hàng năm giảm 20%. Đồng thời tích cực đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả việc lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái phép, trái pháp luật của các phần tử xấu trong đồng bào Mông di cư.

Bên cạnh đó, Huyện ủy còn quan tâm thực hiện chính sách hậu phương quân đội, góp phần quan trọng vào củng cố xây dựng thế trận quốc phòng an ninh trong khu vực phòng thủ huyện. Với sự nỗ lực của cấp uỷ, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành lực lượng vũ trang và toàn dân trong khu vực phòng thủ không ngừng được tăng cường; khu vực phòng thủ của huyện Văn Bàn có đủ khả năng phát huy được sức mạnh tổng hợp, trực tiếp tác chiến bảo vệ được địa bàn, chi viện cho phía trước đánh địch, góp phần đánh bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị địa bàn; đồng thời góp phần củng cố thế trận phòng thủ chung của tỉnh và quân khu. Do làm tốt cuộc vận động "quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc" nên trong 5 năm 1996-2000, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội huyện Văn Bàn được giữ vững và tăng cường.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và lãng phí cũng được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Trên cơ sở quán triệt đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chủ trương chính sách của Nhà nước về công tác chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm trong tình hình mới, các cấp ủy chỉ đạo lãnh đạo hoạt động của Ban chống buôn lậu, gian lận thương mại và Ban phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đề ra các giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn tệ tham nhũng, buôn lậu, nhất là trong lĩnh vực quản lý gỗ pơ mu, động vật hoang dã, khoáng sản trên địa bàn, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

Công tác xây dựng củng cố hệ thống chính trị.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ triển khai từ huyện đến cơ sở trên cả phương diện chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ.

Trước tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, địch không ngừng thực hiện âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ để tấn công chống phá cách mạng nước ta, Đảng bộ các coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập, quán triệt đầy đủ các chỉ thị. Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua đó làm chuyển biến nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố giữ vững niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Nội bộ tổ chức Đảng các cấp từ cơ sở đến huyện đoàn kết thống nhất trên cơ sở triệt để tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc thực hiện quy chế làm việc của chương trình công tác của cấp ủy. Cán bộ, đảng viên phát huy tính tiền phong gương mẫu trong học tập, lao động, công tác sinh hoạt. Các chi, đảng bộ cơ sở giữ được nền nếp sinh hoạt và thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Cùng với việc giáo dục lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, việc xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, phát triển đội ngũ đảng viên và xóa thôn bản chưa có đảng viên được toàn Đảng bộ quan tâm. Đảng bộ triển khai thực hiện có hiệu quả đề án củng cố tổ chức cơ sở Đảng, phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở các thôn, bản. Thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy Lào Cai về xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh, trong 5 năm, Đảng bộ huyện Văn Bàn nâng cấp 15 chi bộ cơ sở lên thành Đảng bộ. Đến năm 2000, Đảng bộ huyện có 40 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 28 đảng bộ cơ sở với 1.875 đảng viên. Trong nhiệm kỳ kết nạp được 660 đảng viên, tăng 674 đảng viên so với năm 1996, xóa được 14 thôn, bản chưa có đảng viên, đến năm 2000 chỉ còn 4 thôn bản chưa có đảng viên. Năm 1999, Đảng bộ củng cố, đưa chi bộ xã Nậm Chày từ một cơ sở yếu kém nhiều năm vươn lên thành chi

bộ khá. Số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh năm 2000 là 25/40 bằng 62,5%, trong đó có 13/40 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liên tục, chiếm 32,5%. Về chất lượng đảng viên, năm 2000, đảng viên loại I chiếm 80,4% tăng 4,3% so với năm 1996; loại II là 18,9% giảm 2,8% so với năm 1996. Bình quân hàng năm có 57,5% chi, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh và 73,8% đảng viên đạt loại I, trong đó có 70,6% xuất sắc. Trong công tác phát triển đảng, chú trọng việc phát triển đảng viên nữ, đảng viên là người dân tộc ít người và đảng viên trẻ.

Công tác kiểm tra đảng theo Điều lệ Đảng được duy trì thực hiện nghiêm túc làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Đảng bộ xử lý kịp thời đối với các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm nguyên tắc, Điều lệ Đảng, vi phạm tư cách đảng viên. Trong 5 năm (1996-2000), Huyện ủy tiến hành kiểm tra 95 đảng viên và 17 tổ chức cơ sở Đảng có dấu hiệu vi phạm; kết luận kiểm tra có 52/95 đảng viên vi phạm, chiếm 54,7% tổng số đảng viên được kiểm tra; 2/7 tổ chức cơ sở Đảng vi phạm, chiếm 11,7%; nhận và giải quyết 25/25 đơn, thư tố cáo cán bộ, đảng viên. Sau kiểm tra, Đảng bộ có kết luận rõ ràng, xử lý công minh và chỉ đạo cơ sở khắc phục tồn tại, đồng thời thường xuyên kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm của các tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên.

Cùng với công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, Đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ. Trong 5 năm, có 24 cán bộ được cử đi học các lớp cao cấp và cử nhân chính trị, trên 20 cán bộ đi học chuyên môn nghiệp vụ bậc đại học; 82 cán bộ theo học các lớp trung cấp ở tỉnh và huyện, gần 100 cán bộ học các lớp bổ túc văn hóa. Hàng năm, huyện có gần 2.000 lượt cán bộ, đảng viên được bồi dưỡng về lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và kỹ năng hoạt động đoàn thể.

Trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy Lào Cai, Huyện ủy Văn Bàn xây dựng Chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, hàng năm đều tiến

hành sơ tổng kết đánh giá kết quả đạt được. Đến tháng 8 năm 2000, toàn Đảng bộ có 40/40 tổ chức cơ sở Đảng, 27/27 huyện ủy viên, 239/239 ủy viên cấp ủy cơ sở, 31/31 cán bộ trưởng, phó, ban, ngành cấp huyện và 1.498/1.498 đảng viên thực hiện xong nội dung kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về ban hành quy định đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú, cuối năm 2000, Huyện ủy Văn Bàn chỉ đạo các cơ quan tiến hành giới thiệu đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú để nhân dân có điều kiện tham gia đóng góp xây dựng Đảng và đánh giá đội ngũ đảng viên, nhằm nâng cao chất lượng đảng viên trong các cơ quan và giữ mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân.

Cùng với xây dựng Đảng, việc củng cố nâng cao hiệu lực của chính quyền các cấp được Đảng bộ thực hiện theo Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII của Đảng. Trọng tâm của công tác này là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo giải quyết công việc nhanh, đúng pháp luật, không phiền hà, sách nhiễu, quan liêu; đồng thời lãnh đạo sâu sát việc đổi mới hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tổ chức thực thi được nâng lên một bước, nhất là việc triển khai xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện cho nhân dân phát huy quyền dân chủ, thực trực tiếp tham gia vào những vấn đề lớn ở cơ sở, góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh củng cố niềm tin trong quần chúng nhân dân.

Ngày 27/3/1998, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TU về xây dựng, củng cố cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm củng cố nâng cao chất

lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn huyện.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã nhiệm kỳ 1994-1999 hoàn thành nhiệm vụ. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004 được tiến hành đúng luật định và thành công.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp, Đảng bộ quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kỹ năng hoạt động thực tiễn cho các thành viên Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Trong 5 năm, có 1.469 lượt cán bộ chính quyền được tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề khác nhau, trong đó bồi dưỡng trưởng thôn, bản là 623 lượt người; bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân là 776 lượt người; bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên môn cấp xã là 71 lượt.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về công tác dân vận trong tình hình mới, Đảng bộ huyện quan tâm sâu sát công tác lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm làm tốt công tác vận động, tập hợp quần chúng tham gia phong trào thi đua yêu nước. Trong 5 năm (1996- 2000), Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể quần chúng từ huyện đến các cơ sở đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các ngành chức năng, tổ chức cho nhân dân học tập và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các đoàn thể không ngừng được củng cố, kiện toàn; đội ngũ cán bộ được đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, chính trị văn hóa, nâng cao trình độ mọi mặt và được bố trí sắp xếp công việc hợp lý.

Những thành tựu về phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trong 5 năm (1996-2000) khẳng định phong trào quần chúng trong huyện được đẩy mạnh; truyền thống đoàn kết phấn đấu trong lao động, tinh thần đồng thuận với Đảng, chính quyền của nhân dân các dân tộc tiếp tục được nâng

cao. Đó là kết quả của sự phối hợp hành động của các tổ chức thành viên trong mặt trận dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ. Qua tổng kết đánh giá, phân xếp loại hàng năm, các đoàn thể của huyện được tỉnh công nhận đạt loại khá trở lên. Trong đó Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên của huyện liên tục được đánh giá có phong trào vững mạnh xuất sắc. Đối với các tổ chức đoàn thể ở cơ sở, qua tổng kết 5 năm, kết quả phân xếp loại, 90% đoàn thể cơ sở đạt loại khá và vững mạnh, trong đó có 50% cơ sở đạt vững mạnh, không có cơ sở yếu kém.

*

* *

Trong 10 năm (1991-2000) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, XVI, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Văn Bàn đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định; cơ cấu chuyển dịch giữa nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển trồng trọt và chăn nuôi phát thế độc canh, dựa vào thế mạnh của từng vùng tiến tới phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá. Nhờ áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thay đổi cơ cấu giống, chuyển dịch mùa vụ, đẩy mạnh giao đất nông nghiệp cho nhân dân yên tâm phát triển sản xuất ổn định và lâu dài. Đảng bộ quan tâm chỉ đạo xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội. Nhờ vậy đường giao thông liên thôn, liên xã được mở rộng; cơ sở khám chữa bệnh, trường học từ thị trấn đến nông thôn đều được xây dựng khang trang hơn. Mạng lưới thuỷ lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp được mở rộng, dần dần được kiên cố hóa. Đảng bộ cũng quan tâm, chăm lo phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Các hoạt động văn hoá, xã hội tiếp tục có bước phát triển, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu vật chất, tinh thần, hưởng thụ văn hoá, thông tin

của đồng bào các dân tộc. Nhân dân tích cực tham gia các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng làng bản văn hoá - gia đình văn hoá" góp phần xoá bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan; góp phần gìn giữ phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. An sinh xã hội được các cấp ủy quan tâm, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng được cải thiện. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm, hộ khá giàu tăng đều qua các năm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố vững mạnh. Cùng với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội Đảng bộ còn quan tâm đến công tác xây dựng hệ thống chính trị. Số tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên ngày một tăng, chất lượng cũng được nâng cao, yếu kém giảm. Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng không ngừng được củng cố, góp phần làm tăng thêm sức mạnh của hệ thống chính trị địa phương đáp ứng những yêu cầu cao hơn của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ còn một số tồn tại, đó là phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm. Đời sống của nhân dân tuy được nâng lên nhưng chưa đồng đều giữa các vùng trong huyện. Các tập tục lạc hậu vẫn còn tồn tại. Công tác quốc phòng, an ninh chưa chủ động trong nắm bắt tình hình. Năng lực lãnh đạo của một số cấp uỷ còn hạn chế, có lúc, có nơi còn buông lỏng lãnh đạo và thiếu kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện nghị quyết.

Tuy còn hạn chế nhưng những thành tích đạt được trên các lĩnh vực khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong thực tiễn. Những chủ trương, quyết sách đề ra của Đảng bộ huyện đúng đắn phù hợp với điều kiện địa phương, tạo sự đồng thuận trong xã hội góp phần củng cố niềm tin của nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng.

Chương 6

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO HUYỆN VĂN BÀN TỪNG BƯỚC CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2001-2015)

I. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (2001-2005)

Trong những năm 2001-2005, tình hình quốc tế có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn. Khả năng duy trì hoà bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép Việt Nam tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, đồng thời vẫn phải đề cao cảnh giác, chủ động ứng phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra. Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực. Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp. Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động, trong đó Trung Quốc có vai trò ngày càng lớn.

Sau 15 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được

cải thiện rõ rệt, văn hoá xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước ngày càng được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đã đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước.

Trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp so với mức trung bình của thế giới. Giáo dục, đào tạo còn kém về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp. Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo dục, khoa học, văn hoá, thông tin, thể thao còn nhiều thiếu thốn. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng thường bị thiên tai. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma tuý, mại dâm, lây nhiễm HIV - AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm ngày càng nhiều.

Trong bối cảnh đó, Đại hội IX của Đảng đề ra chiến lược phát triển đất nước trong 2 thập kỷ đầu thế kỷ XXI với định hướng lớn là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tạo được nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ (1996-2000), tỉnh Lào Cai tiếp tục đạt được nhiều thành tích quan trọng trên nhiều mặt. Kinh tế tiếp tục phát triển; văn hoá có những tiến bộ mới; công tác xoá đói giảm nghèo được

đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tốt, đời sống nhân dân nói chung được cải thiện; ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng được giữ vững; hệ thống chính trị được xây dựng và củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh; dân chủ được phát huy tốt hơn; quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, đảm bảo hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

Bên cạnh thành tựu đạt được, tỉnh Lào Cai vẫn còn những hạn chế, khó khăn. Phát triển kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Công tác xoá đói, giảm nghèo nhất là ở vùng cao kết quả chưa vững chắc. Phổ cập giáo dục tiểu học chưa vững chắc, đội ngũ giáo viên thiếu và hạn chế. Hoạt động văn hoá ở cơ sở chưa sâu rộng và mức hưởng thụ chưa cao, thực hiện nếp sống văn minh chưa được rộng khắp; y đức và trình độ chuyên môn của cán bộ y tê nhiều nơi chưa đáp ứng mong mỏi của nhân dân. Tỷ lệ người nghèo, người thiếu việc làm và chưa được đào tạo còn cao, việc thực hiện một số chính sách xã hội như trợ cước, trợ giá ở một số nơi thực hiện chưa tốt nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả như nghiện hút ma tuý, bệnh AIDS, di cư tự do, các tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội, buôn lậu, vượt biên. Công tác xây dựng Đảng còn hạn chế, tổ chức cơ sở Đảng một số nơi chưa chủ động phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo. Phương thức hoạt động và năng lực quản lý điều hành của một bộ phận cán bộ công chức trong chính quyền còn hạn chế. Còn thiếu cán bộ trên nhiều lĩnh vực nhất là quản lý kinh tế, thị trường, khoa học kỹ thuật trình độ cao trong. Chính quyền cơ sở một số nơi hạn chế về trình độ, năng lực. Công tác vận động quần chúng một số cơ sở chưa tốt nhất là ở vùng cao, vùng khó khăn[1].

Trên cơ sở nhận định tình hình thế giới và trong nước, căn cứ vào tình hình địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần

[1] Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ XI trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

thứ XII xác định mục tiêu trong những năm đầu thế kỷ XXI là: Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, lao động cần cù và sáng tạo, thực hiện dân chủ, tranh thủ lợi thế, khai thác mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội; xác định rõ lĩnh vực, ngành, công nghiệp mũi nhọn của cả thời kỳ và từng giai đoạn, trong đó tập trung xoá đói giảm nghèo, cải thiện đôi sống vật chất và văn hoá cho nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng an ninh, quốc phòng vững chắc và bảo vệ môi trường sinh thái[1].

Thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI và Nghị quyết Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVI, trong 5 năm (1996-2000), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, huyện đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Nền kinh tế - xã hội của huyện có chuyển biến tích cực, cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển đổi phù hợp với điều kiện của huyện, năng suất cây trồng, vật nuôi tăng nhanh; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Sự nghiệp văn hoá xã hội phát triển mạnh và đạt được những kết quả vượt bậc so với những năm trước. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được coi trọng và từng bước được củng cố kiện toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, xung quanh Đảng bộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại

[1] Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, nhiệm kỳ XI trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng; dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lào Cai, Đảng bộ được chọn làm điểm của tỉnh nhằm rút kinh nghiệm cho tiến hành Đại hội cấp huyện. Từ ngày 16 đến hết ngày 18/10/2000 Đảng bộ huyện Văn Bàn tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVII.Tham dự Đại hội có 144 đại biểu. Đại hội bầu cử BCH khóa mới gồm 33 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Hà Xuân Kiến được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát: Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, thực hiện khai thác mọi tiềm năng, nguồn lực ở địa phương để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xoá đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng: Tổng giá trị sản phẩm trong toàn huyện (GDP) 163,662 tỷ đồng (giá cố định 1994), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 8%/năm; Bình quân GDP đầu người 2,2 triệu đồng/năm. Tổng sản lượng lương thực 27.000 tấn; Đàn gia súc tăng bình quân 4,5%/năm; Tỷ lệ tán che phủ rừng 60,6%; Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 14%/năm. Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, từng bước được phổ cập đúng độ tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường 98,6%. Phấn đấu đạt chuẩn THCS ở thị trấn và các xã vùng 2 vào năm 2005. Số dân được nghe đài 85 - 90%, xem truyền hình 75 - 80%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,9%. Hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống 3%/năm. Cơ bản xoá đói, giảm nghèo 3%/năm. Thu hút và tạo việc làm cho 1.000 lao động đang thiếu việc làm. Phấn đấu 100% tổ chức cơ sở Đảng đạt từ khá trở lên, trong đó 75 - 80% đạt trong sạch vững mạnh, cơ bản xoá thôn bản trắng không có đảng viên vào năm 2001; 90% tổ chức đoàn thể ở cơ sở đạt từ khá trở lên.

Về kinh tế, Đảng bộ xác định phát triển nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm của huyện trong nhiệm kỳ 2000-2005, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, ổn định dân cư và từng bước nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc trong huyện; tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng kinh tế. Tiếp tục coi nông lâm nghiệp là mặt trận quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông lâm - công nghiệp - dịch vụ, khai thác triệt để tiềm năng về đất đai và tài nguyên rừng sẵn có. Đẩy mạnh các ứng dụng khoa học kỹ thuật, làm tốt công tác khuyến nông, tăng cường các dịch vụ sản xuất, thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu giống cây, con theo hướng vừa tăng nhanh sản xuất, sản lượng, vừa tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá. Tăng cường đầu tư thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích canh tác, chăm lo phát triển thuỷ lợi, nhằm không ngừng tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, góp phần quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh vùng lúa, chăn nuôi đại gia súc ở khu vực Dương Quỳ, Minh Lương để đảm bảo sức kéo phục vụ sản xuất và trao đổi hàng hóa phục vụ các địa phương trong và ngoài tỉnh. Tăng cường các biện pháp khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Thực hiện tốt công tác giao đất giao rừng, khuyến khích và đầu tư cho việc trồng cây theo các chương trình quốc gia, đẩy mạnh việc trồng cây trong nhân dân, nhằm tăng nhanh diện tích rừng trồng. Xây dựng kế hoạch thật cụ thể nhằm đảm bảo cân đối giữa công tác khoanh nuôi, bảo vệ, trồng rừng với khai thác chế biến lâm sản. Tích cực đầu tư cho công nghiệp sản xuất và chế biến lâm sản, kể cả xí nghiệp ngoài quốc doanh, phát huy thế mạnh của tài nguyên rừng và tăng thu cho ngân sách, tạo thêm việc làm cho người lao động.

Triển khai nghị quyết Đại hội Đảng bộ về lĩnh vực nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 12/4/2001 về "Xoá đói

giảm nghèo, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá".

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2001-2005, là nông - lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư theo thứ tự ưu tiên phù hợp, khai thác tốt tiềm năng, phát huy tốt thế mạnh của địa phương. Mũi nhọn của kinh tế nông nghiệp là sản xuất lương thực và chăn nuôi. Các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt được sử dụng ngày càng nhiều. Nhờ vậy, huyện đảm bảo nhu cầu lương thực thực phẩm tại chỗ và có một phần bán ra thị trường. Về lâm nghiệp, đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp với khai thác chế biến lâm sản, một cách có hiệu quả, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển mạnh với các ngành chính là sản xuất gạch, khai thác cát sỏi phục vụ xây dựng cơ bản của huyện. Hoạt động dịch vụ cơ bản đáp ứng phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế hình thành các vùng sản xuất, bước đầu có sản phẩm hàng hoá tập trung với số lượng tương đối lớn như lúa, ngô, đậu tương, quế, thảo quả, lợn thịt, trâu bò thịt.

Trong những năm 2001-2005, kinh tế nông - lâm nghiệp là ngành mũi nhọn của huyện, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung tương đối rõ nét. Đó là các vùng thâm canh lúa cao sản, vùng sản xuất ngô và đậu tương, vùng cây công nghiệp, vùng nguyên liệu giấy, vùng chăn nuôi đại gia súc. Nhờ công tác chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Huyện ủy, UBND huyện và cấp ủy chính quyền các cấp, sự tham mưu chủ động tích cực của các cơ quan chức năng, sự đầu tư của bà con nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Do đó, kinh tế nông - lâm nghiệp đã thu được kết quả quan trọng.

Sản xuất lương thực vẫn là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó tập trung vào cây lúa nước và cây ngô hàng hóa. Diện tích và sản lượng cây lương thực có hạt tăng lên hàng năm. Năm 2001 diện tích cây lương thực đạt 6.661,5 ha, sản lượng 23.975 tấn; năm 2002 diện tích là 6.913 ha, sản lượng đạt 24.832 tấn; năm 2004 diện tích 7.183 ha, sản lượng đạt 27.810 tấn; năm 2005 diện tích 7.219 ha sản lượng 29.137 tấn[1]. Việc thâm canh trong sản xuất lương thực thời kỳ này được đẩy mạnh. Các giống lúa mới, lúa lai Trung Quốc được đưa vào sản xuất ngày càng nhiều, chiếm trên 70% diện tích gieo cấy. Ngô lai chiếm khoảng 40% diện tích gieo cấy, là yếu tố quan trọng trong việc tăng nhanh sản lượng lương thực. Các loại phân bón được tăng cường, nhất là phân vô cơ, mỗi năm sử dụng 1.400 đến 1.700 tấn. Trong 5 năm (2001-2005), sản lượng lương thực tăng bình quân 4,8 %/năm. Kết quả sản xuất lương thực cây có hạt khẳng định trong 5 năm 2001-2005, Văn Bàn có sự chuyển biến quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu giống và thâm canh. Vì vậy, mặc dù dân số tăng nhưng huyện vẫn đảm bảo an ninh lương thực tại địa phương, bình quân lương thực năm 2002 đạt 348 kg/người, năm 2005 đạt 373 kg/người, mỗi năm có từ 3- 4 ngàn tấn lương thực hàng hoá bán ra trên thị trường. Các cây trồng ngắn ngày khác cũng được chú ý, diện tích hàng năm từ 1.700 đến 2.200 ha, trong đó có 300-500 ha đậu tương, 120-150 ha lạc, 500-600 ha rau màu phục vụ đời sống và 750-800 ha sắn phục vụ chăn nuôi[2].

Về chăn nuôi, Huyện ủy quan tâm chỉ đạo đồng bộ, toàn diện cả chăn nuôi gia súc, gia cầm. Huyện triển khai thực hiện Đề án cải tạo đàn giống gia súc, tiếp tục cung ứng giống lợn Móng Cái cho các xã. Đàn gia súc ổn định và tăng trưởng tốt. Đàn trâu, năm 2002 có 17.359 con, năm 2004 có 19.027 con, năm có 2005, toàn huyện có 19.325 con trâu. Đàn bò, năm 2002

[1] Huyện ủy Văn Bàn: *Báo cáo tổng kết công tác năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005.*

[2] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

có 3.204 con, năm 2004 có 3.870 con, năm 2005 có 4.208. Đàn lợn cũng tăng nhanh, năm 2002 có 39.816 con, năm 2004 có 47.171 con, năm 2005 có 48.001 con lợn. Gia cầm năm 2002 có 231.000 con, năm 2004 có 236.841 con, năm 2005 có 250.012 gia cầm, tăng bình quân 4,7% /năm[1]. Trong chăn nuôi, huyện làm tốt công tác khuyến nông, từng bước cải tạo đàn bò, đàn lợn địa phương bằng các chương trình cụ thể, như đưa giống bò lai Sind, bò Zebu, giống lợn Móng Cái và một số lợn ngoại vào nuôi ở các địa phương. Chăn nuôi cá cũng được quan tâm. Các cơ sở trong huyện khai thác tốt mặt nước ao hồ; nhiều hộ có sự đầu tư thâm canh nên có thu nhập cao từ nuôi cá. Công tác thú y được đẩy mạnh; mạng lưới thú y cơ sở được tăng cường. Hàng năm nhà nước hỗ trợ tiền công tiêm 02 đợt tiêm phòng cho thú y xã; công tác kiểm soát giết mổ gia súc được triển khai ở chợ thị trấn; công tác kiểm dịch vận chuyển gia súc, gia cầm được chú trọng. Trạm kiểm dịch động vật được lập ở Tân An, Văn Sơn. Do đó, Văn Bàn là một trong số ít các địa phương không để xảy ra dịch lở mồm long móng đối với gia súc và dịch cúm gia cầm.

Các cây trồng khác được quan tâm chỉ đạo, đầu tư phát triển, tăng cả về diện tích và sản lượng. Trong huyện hình thành tương đối rõ nét vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến và sản xuất hàng hoá. Nổi bật là vùng quế 2000 ha ở Nậm Tha, Tân thượng; vùng thảo quả 800 ha ở Nậm Mả, Nậm Chày, Nậm Xây, Nậm Xé; vùng nguyên liệu giấy ở Tân An, Tân Thượng, Sơn Thuỷ, Chiềng Ken, Nậm Tha. Đáng chú ý là trong những năm 2001-2005 huyện trồng được gần 200 ha luồng Thanh Hoá, có triển vọng rất tốt cho công nghiệp chế biến bột giấy. Quế và thảo quả hàng năm cung ứng cho thị trường hàng trăm tấn sản phẩm. Nhiều hộ gia đình nông dân trở nên giàu từ quế và thảo quả.

[1] Huyện ủy Văn Bàn: *Báo cáo tổng kết công tác năm 2002, 2004, 2005.*

Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục được xác định là thế mạnh của Văn Bàn. Vì vậy, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết 13 của Tỉnh uỷ Lào Cai về phát triển kinh tế lâm nghiệp. Trong những năm 2001-2005, huyện tăng cường tổ chức tuyên truyền Pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng, cho nhân dân ký cam kết không vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng, giao khoán bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh; kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống cháy rừng các cấp, tổ chức diễn tập phòng chống cháy rừng... Vì vậy huyện giao trên 65 nghìn ha rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức và cá nhân quản lý; trên 16 nghìn ha rừng được khoán bảo vệ; khoanh nuôi tái sinh được trên 6.500 ha và trồng mới được 580 ha rừng; tỷ lệ tán che phủ tăng từ 55,6% năm 2.000 lên 60,6% năm 2005, hầu hết các vụ vi phạm Luật quản lý và bảo vệ rừng được phát hiện và xử lý. Bên cạnh việc quản lý bảo vệ rừng một cách chặt chẽ, huyện còn tổ chức khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng. Toàn huyện khai thác chế biến 2300m3 gỗ pơmu, trên 11 ngàn m2 thảm hạt, trên 50.000 tấn vầu nứa[(1)], tạo ra hàng ngàn tấn sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống và sản xuất của nhân dân địa phương, trong và ngoài Tỉnh; xuất khẩu ra nước ngoài, giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động. Thời kỳ này, Lâm trường Văn Bàn được đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Văn Bàn. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp năm 2005, đạt 109 tỷ đồng, chiếm 64,5% cơ cấu GDP.

Các chương trình, dự án định canh, định cư, sắp xếp lại dân cư cho 689 hộ, 3804 khẩu; 5492 hộ khác được hưởng lợi từ nguồn vốn định canh, định cư và vốn chương trình dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Đến năm 2005, toàn huyện cơ bản không còn hộ du canh du cư, đã xoá bỏ cây thuốc phiện trên địa bàn.

---

(1) Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản

Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản trong nhiệm kỳ là: Tìm mọi biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, khai khoáng, khuyến khích phát triển ngành nghề sản xuất các mặt hàng gắn với nhu cầu thị trường. Đổi mới công tác quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm góp phần quan trọng vào nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương. Chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng cơ bản trên địa bàn từ các nguồn vốn. Đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng xây dựng công trình phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, các công trình thuộc nguồn vốn 135 của Chính phủ, phục vụ an ninh - quốc phòng, cơ bản hoàn thành kiến thiết thị chính của thị trấn Khánh Yên theo qui hoạch. Tập trung chỉ đạo thiết kế và ưu tiên đầu tư cho việc hoàn chỉnh đường ô tô tới trung tâm của xã Dần Thàng và Nậm Chày. Tổ chức xây dựng mới các tuyến đường liên xã, liên thôn, nâng cấp các tuyến đường địa bàn; tiếp tục đầu tư phát triển mạng thông tin liên lạc tới các cơ sở xã. Đảm bảo thông suốt thông tin liên lạc, tiếp tục đầu tư xây dựng các điểm bưu điện văn hoá, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phát triển nâng cao đời sống nhân dân. Từng bước đầu tư xây dựng mạng lưới điện nông thôn phục vụ cho phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong những năm 2001-2005, có bước phát triển mới. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2005, đạt 34 tỷ đồng, tăng 104% so với năm 2000, chiếm 20% GDP của huyện. Trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đáng chú ý là công nghiệp địa phương được tăng cường, các sản phẩm chủ yếu như gạch, cát,

đá, sỏi đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ bản của huyện. Trên địa bàn huyện hình thành một số hợp tác xã trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp làm ăn hiệu quả. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản của huyện được phê duyệt giai đoạn 2001-2005 là 161,158 tỷ đồng, tăng 119,958 tỷ so với giai đoạn 1996-2000. Huyện đầu tư được 254 hạng mục công trình, bao gồm 263,96 km đường, 76 công trình thuỷ lợi, 26 công trình cấp nước sinh hoạt, 512 phòng học và nhiều công trình phúc lợi khác. Trong đó, chương trình 135 trong 5 năm 2001-2005, được đầu tư gần 40 tỷ xây dựng 94 hạng mục công trình, bao gồm 36 công trình thuỷ lợi để tăng vụ cho 800 ha, 15 công trình cấp nước sinh hoạt cho 900 hộ, 14 công trình giao thông dài 29 km, 01 công trình cấp điện sinh hoạt cho 59 hộ và xây dựng 28 điểm trường[(1)].

Nhờ kinh tế phát triển mà bộ mặt nông thôn Văn Bàn có nhiều đổi mới so với 5 năm trước. Đến năm 2005, toàn huyện có 23/23 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó có 11/23 xã có đường trải nhựa. Các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp sửa chữa khang trang hơn; hình thành thêm một số trung tâm cụm xã, trong đó có những trung tâm phát triển nhanh như Minh Lương, Dương Quỳ... góp phần quan trọng thúc đẩy tăng cường giao dịch, trao đổi hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân. Sản xuất phát triển đã cải thiện đáng kể đời sống nhân dân. Đến năm 2005, Văn Bàn không còn hộ đói thường xuyên. Trong 5 năm 2001-2005, Đảng bộ chỉ đạo quyết liệt công tác xoá đói giảm nghèo và giảm được 18,45% số hộ đói nghèo, đưa số hộ đói nghèo năm 2005 xuống còn 11,15%, bình quân giảm 3,78%/ năm. Nhiều hộ đầu tư xây dựng được nhà ở kiên cố, mua sắm được phương tiện phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Thương mại, dịch vụ

Dịch vụ giao thông vận tải phát triển hơn trước từ phương tiện, khối lượng hàng hóa, hành khách đến giá trị sản xuất, tạo

[(1)] Ban Chấp hành Đảng bộ huyện: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.*

động lực thúc đẩy các ngành kinh tế và các hoạt động xã hội phát triển. Trong giai đoạn này doanh thu dịch vụ giao thông vận tải chủ yếu thuộc thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong xu hướng hội nhập, từ năm 2001-2005, dịch vụ bưu chính viễn thông được đầu tư, phát triển nhanh, cước dịch vụ giảm dần, tạo được sự cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ. Mạng lưới viễn thông phát triển mở rộng tới các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chất lượng dịch vụ liên tục được cải thiện, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao đời sống văn hoá cho nhân dân. Đến năm 2005, có 100% các xã, các cơ quan và nhiều hộ gia đình lắp đặt điện thoại, 17 điểm bưu điện văn hoá xã hoạt động thường xuyên, tích cực.

Hoạt động của ngành thương mại, dịch vụ được củng cố và tăng cường, nhất là khu vực kinh tế tư nhân có sự phát triển mạnh mẽ. Giá trị ngành thương mại dịch vụ năm 2005 đạt 26 tỷ đồng, tăng 12 tỷ đồng so với năm 2000, đạt mức tăng bình quân 18,5%/ năm[1]; đã bảo đảm cung ứng đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá.

Mặc dù còn nhiều khó khăn đặc thù của một huyện miền núi, kinh tế chậm phát triển, nguồn thu ít, nhưng Ban Chấp hành Đảng bộ huyện vẫn tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt luật ngân sách và các luật về thuế, nuôi dưỡng tốt nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, cơ bản đáp ứng nhu cầu chi thiết yếu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2005, đạt 11,43 tỷ đồng. Một số lĩnh vực có mức thu tăng nhanh như các khoản thu từ quản lý quỹ đất, thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh. Thu từ kinh tế quốc doanh tương đối ổn định. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2005 là 64,493 tỷ đồng, gấp 5,6 lần so với năm 2000, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các cấp các ngành.

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

Về Tài chính - Ngân hàng, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo thực hiện việc động viên các nguồn thu trên địa bàn; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ, nhằm thu đúng, thu đủ cho ngân sách. Theo đó, huyện thực hiện triệt để tiết kiệm trong tiêu dùng để đầu tư cho phát triển, tái sản xuất. Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo tốt việc quản lý tiền mặt, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về tiền tệ phục vụ cho sản xuất và đời sống. Năm 2001, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.006,6 triệu đồng, tổng thu ngân sách huyện đạt 13.019,2 triệu đồng, tổng chi ngân sách huyện là 12.910 triệu; năm 2004, tổng thu ngân sách của huyện đạt 52,18 tỷ, tổng chi ngân sách đạt 49 tỷ; năm 2005 tổng thu ngân sách huyện đạt 66,569 tỷ, chi ngân sách đạt 64,882 tỷ[(1)].

Công tác ngân hàng tín dụng làm tốt việc cho vay vốn đối với các đối tượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đảm bảo đáp ứng đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống nhân dân; tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân nhất là một số mặt hàng mũi nhọn của địa phương có giá trị cao, như quế, thảo quả, hoa quả, sản phẩm lâm sản chế biến. Chính quyền huyện tăng cường công tác quản lý về giá cả và chất lượng hàng hoá nhất là một số mặt hàng được trợ giá theo qui định của Nhà nước và của tỉnh.

Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước huyện triển khai thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành trong việc quản lý vốn và thanh toán vốn phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Năm 2002, toàn huyện có 10.900 hộ được vay vốn, với tổng dư nợ đạt 54 tỷ đồng. Đến năm 2005, toàn

(1) Huyện ủy Văn Bàn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2002, 2004, 2005.

huyện có trên 13.000 lượt hộ được vay vốn với tổng mức dư nợ là 111 tỷ đồng. Trong đó Ngân hàng NN&PTNT cho 5400 hộ vay với số tiền là 78 tỷ đồng và Ngân hàng Chính sách xã hội cho 7.600 hộ vay với số tiền là 33 tỷ đồng. Hầu hết các đối tượng vay vốn đã sử dụng có hiệu quả đồng vốn vay, đầu tư mở rộng sản xuất, ổn định và nâng cao đời sống, thiết thực góp phần xoá đói giảm nghèo[1].

Cơ cấu kinh tế của huyện đã có sự thay đổi đáng kể, cụ thể là năm 2000, tỷ lệ nông lâm nghiệp chiếm 72%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 16% và dịch vụ chiếm 12%. Đến năm 2005, tỷ lệ nông lâm nghiệp còn 64,5%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng lên 20%, dịch vụ tăng lên 15,5%[2].

Từ việc xác định rõ cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 2000-2005 là nông - lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, trong 5 năm (2001-2005), Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quan tâm đầu tư theo thứ tự ưu tiên cho phù hợp, khai thác tốt tiềm năng, phát huy tốt thế mạnh của địa phương. Mũi nhọn của kinh tế nông nghiệp là sản xuất lương thực và chăn nuôi. Các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt được sử dụng ngày càng nhiều. Nhờ vậy, huyện đảm bảo nhu cầu lương thực thực phẩm tại chỗ và có một phần bán ra thị trường. Về lâm nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp với khai thác chế biến lâm sản, một cách có hiệu quả, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển mạnh với các ngành chính là sản xuất gạch, khai thác cát sỏi, phục vụ xây dựng cơ bản của huyện. Hoạt động dịch vụ cơ bản đáp ứng phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã hình

[1] Huyện ủy Văn Bàn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2002, 2005.

[2] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

thành các vùng sản xuất, bước đầu có sản phẩm hàng hoá tập trung với số lượng tương đối lớn như lúa, ngô, đậu tương, quế, thảo quả, lợn thịt, trâu bò thịt.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII xác định về phát triển văn hóa, xã hội giai đoạn 2001-2005 là tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, thực hiện, khai thác mọi tiềm năng, nguồn lực ở địa phương để đầu tư cho phát triển xã hội, xoá đói, giảm nghèo.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Huyện ủy xây dựng các chương trình công tác trọng tâm là các Đề án, chỉ thị, nghị quyết về phát triển văn hóa nhằm huy động mọi nguồn lực trong và ngoài huyện để tập trung giải quyết những vấn đề văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện.

Về giáo dục, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2001-2005, chủ trương phấn đấu huyện Văn Bàn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi trước năm 2005, phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở năm 2007, phát triển mở rộng quy mô mạng lưới trường lớp các cấp học, ngành học, từng bước kiên cố hoá trường lớp học.

Triển khai thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XVII) ban hành Nghị quyết số 02- NQ/HU, ngày 12/4/2001, thông qua và thống nhất tập trung lãnh đạo thực hiện mục tiêu kế hoạch số 02/KH-UBND của UBND huyện về phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 2001-2005 và đến năm 2010. Đề án số 03, ngày 04/02/2002 về thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở nêu rõ mục tiêu và giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2001-2005: "Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ 23/23 xã ở mức độ

cao. Huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vào năm 2005, được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2008".

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động trẻ ra lớp, quy mô trường lớp, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã cụ thể hoá bằng nhiều Chỉ thị, công văn nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục[1]. Trong các chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, tổ chức họp sơ kết, tổng kết về công tác lãnh đạo thực hiện mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục theo các nghị quyết đề ra trong nhiệm kỳ.

Trên cơ sở những mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Hội đồng nhân dân huyện đề ra, Đảng bộ huyện Văn Bàn tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện ở các cấp học một cách có hiệu quả. Huyện uỷ chủ trương triển khai phát huy trách nhiệm cấp uỷ viên phụ trách vùng, phụ trách xã thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc cấp uỷ, chính quyền cơ sở trong công tác triển khai thực hiện mục tiêu giáo dục tại mỗi cơ sở. Kiện toàn và nâng cao năng lực của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, Ban Chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia. Phân cấp và phát huy chức năng của chính quyền cơ sở quản lý sự nghiệp giáo dục theo Nghị định số 166/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

Về giáo dục mầm non, UBND huyện triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống trường

---

[1] Chỉ thị số 38-CT/HU ngày 14/2/2003 của Huyện uỷ Văn Bàn về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục và đào tạo; Chỉ thị số 09-CT/HU ngày 29/8/2003 về việc đẩy mạnh công tác khuyến học huyện Văn Bàn giai đoạn 2000-2010; Công văn số 329-CV/HU ngày 04/8/2004 và Công văn số 416-CV/HU ngày 11/3/2005 về việc chấn chỉnh công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập và huy động học sinh ra lớp để đảm bảo tiến độ phổ cập.

lớp mẫu giáo trên các địa bàn dân cư. Chú trọng việc tách các nhóm, lớp mẫu giáo gắn với trường phổ thông thành trường mầm non độc lập theo mô hình bán trú. Ở các địa bàn khó khăn, chưa đủ điều kiện tách trường, tiếp tục duy trì các lớp mầm non gắn với trường phổ thông. Các trường thực hiện nghiêm túc các chương trình chăm sóc giáo dục trẻ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, huyện chỉ đạo cơ sở thực hiện việc nâng cao chế độ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Việc phát triển giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa được huyện quan tâm, tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất và giáo viên để thu hút các cháu đến lớp.

Giáo dục phổ thông

Đối với giáo dục tiểu học, Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 12/4/2001 của Huyện ủy đề ra mục tiêu "giữ vững, phát huy thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi". Theo đó, Đảng bộ huyện Văn Bàn chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện nhiều giải pháp thiết thực, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của huyện. Toàn huyện tích cực huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ 6 đến 11 tuổi đi học tiểu học; tiếp tục duy trì mạng lưới các điểm trường, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ đến trường. Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhằm đảm bảo chất lượng của cấp tiểu học, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc, giáo dục trẻ em của gia đình và xã hội.

Đối với giáo dục trung học cơ sở, huyện phát triển các lớp bán trú, nội trú dân nuôi ở trung tâm xã để thu hút trẻ ở các thôn, bản lẻ đi học. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động mở lớp THCS cho đối tượng phổ cập đến tận các thôn, bản ở xa trung tâm học theo chương trình bổ túc 2 năm/4 lớp, 3 năm/4 lớp. Chất lượng giáo dục học sinh trung học cơ sở được nâng lên.

Để đẩy mạnh phát triển giáo dục trung học phổ thông, huyện xây dựng đề án quy hoạch mạng lưới trường lớp; quan tâm đến việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trường lớp cho các

vùng khó khăn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Hàng năm, các trường, các tổ chức đoàn thể huyện tích cực tuyên truyền, huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT và bổ túc THPT.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, hàng năm UBND huyện tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý; đồng thời cử đi học chuẩn hóa, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp.

Nhận thức được tầm quan trọng của cơ sở vật chất đối với việc phát triển ổn định về quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục, trong 5 năm (2001-2005), huyện xây dựng đề án xóa nhà tạm, nhà tranh tre, nứa, lá. Bằng các nguồn vốn, chương trình, dự án đầu tư của nhà nước như chương trình 135, kiên cố hoá trường lớp học, WB... cùng với sự đóng góp của nhân dân, phong trào xã hội hoá cơ sở vật chất, diện mạo trường học thay đổi đáng kể, không còn nhà tạm, không có nơi nào phải học 3 ca do thiếu cơ sở vật chất, nhiều trường được xây cấp 3 kiên cố, hầu hết các điểm trường, trường học có diện tích đảm bảo tiêu chuẩn, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đảm bảo.

Quy mô trường lớp, học sinh ngày càng phát triển. Từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 161/2002/QĐ- TTg ngày 15/11/2001 về một số chính sách giáo dục mầm non, các lớp mầm non 5 tuổi dân lập được chuyển đổi từ dân lập sang quốc lập, hệ thống các trường mầm non được thành lập. Đến năm 2005, toàn huyện có 19 trường mầm non quốc lập, thuộc 18 xã và 01 thị trấn, tăng 17 trường so với năm học 2000-2001; huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo đạt 99,6% tổng số trẻ 5 tuổi, tăng 20,66% so với năm 2000-2001, trẻ từ 3 đến 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 63,2%. Hầu hết các nhóm lớp tại điểm trường đều gắn với điểm trường tiểu học.

Giáo dục tiểu học, với những biện pháp đã triển khai thực hiện từ những năm trước, với việc phát động toàn dân tham gia huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường học, các

trường tổ chức quản lý duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục, không để tình trạng học sinh lưu ban ở tiểu học, tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi. Số lượng trẻ đúng độ tuổi hoàn thành chương trình tiểu học dần được nâng lên. Huy động trẻ 6 - 14 tuổi ra lớp hàng năm từ 96-97,4%. Duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở 23/23 xã, thị trấn. Đến tháng 9/2004, toàn huyện có 22/23 xã, thị trấn được công nhận duy trì và công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tăng 21 xã so với năm 2000. Huyện Văn Bàn được công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, sớm 01 năm so với kế hoạch của tỉnh. Năm 2005, xã Nậm Xây là đơn vị cuối cùng của huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi[(1)].

Huyện thực hiện bổ túc tiểu học cho người lao động nhằm củng cố kết quả xoá mù chữ và chống hiện tượng tái mù chữ. Tổng số học viên tốt nghiệp bổ túc tiểu học từ năm 2001 đến 2005 của toàn huyện là 2235 học viên. Tổng số trường tiểu học được công nhận đơn vị đạt chuẩn quốc gia là 4 trường, tăng 3 trường so với năm 2000.

Giáo dục trung học cơ sở, năm 2005 toàn bộ các xã, thị trấn có trường THCS, tăng 1 xã so với năm 2000. Hàng năm huy động triệt để trẻ đã tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6, mở rộng bổ túc THCS ở tất cả các xã cho đối tượng trong diện phổ cập THCS, cán bộ xã và người lao động có nhu cầu học tập. Tổng số tốt nghiệp bậc THCS khoá thi năm 2001 đến năm 2005 là 7.434 người, trong đó tốt nghiệp phổ thông THCS là 5.536 HS; tốt nghiệp bổ túc THCS 1.898 học viên. Đến tháng 12/2005, có 12/23 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập THCS. Liên tục nhiều năm liền được UBND tỉnh đánh giá là huyện trong tốp đầu của tỉnh về phổ cập giáo dục. Phong trào xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh, đến tháng 12/2005 có 02 trường THCS được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

---

(1) *Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010*, tập 1, tr.130.

Đối với giáo dục trung học phổ thông, huyện mở rộng phạm vi xã có học sinh theo học các loại hình trường bậc THPT 23/23 cơ sở xã. Nhằm tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp THCS tại các xã vùng đặc biệt khó khăn phía tây của huyện Văn Bàn học lên THPT, tháng 7/2005 UBND tỉnh Lào Cai quyết định thành lập trường THPT số 3 tại xã Dương Quỳ. Do đó, số lượng học sinh vào học các trường THPT hàng năm tăng nhanh. Năm học 2000-2001, tổng số HS THPT là 659 HS, trong đó tốt nghiệp trung học phổ thông 102 HS. Năm học 2004-2005, tổng số học sinh THPT là 1.635 HS, tăng 248% so với năm học 2000-2001, trong đó học sinh tốt nghiệp THPT là 276 học sinh, tăng 170% so với năm học 2000-2001.

Giáo dục thường xuyên phát triển khá mạnh, bổ túc văn hoá THCS cho học sinh vùng khó khăn, học muộn độ tuổi để có cơ hội tốt nghiệp THCS trước tuổi 18, đáp ứng mục tiêu phổ cập THCS và bổ túc THPT. Năm học 2004-2005, huyện thành lập Trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTX), trên cơ sở chuyển đổi trường bồi dưỡng giáo dục. Số lượng học viên tham gia học bổ túc THPT hàng năm tăng, góp phần nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ nhà nước, cán bộ cơ sở, cán bộ dự nguồn cơ sở và người lao động. Tổng số học viên tốt nghiệp bổ túc THPT từ năm 2001 đến năm 2005 là 360 học viên[1].

Cùng với việc phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục các cấp học cũng từng bước nâng lên. Do đó chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giảng dạy trong trường lớp mầm non không ngừng tăng lên. Đối với giáo dục phổ thông, chất lượng học sinh ở ba cấp học có sự chuyển biến rõ rệt. Về tiểu học, chuyển đổi 100% trường học theo chương trình 120 tuần, dạy

[1] Số lượng học viên tham gia học bổ túc THPT năm sau cao hơn năm trước, cụ thể: Năm học 2000-2001 tổng số học viên bổ túc THPT là 138, trong đó tốt nghiệp bổ túc THPT 24 học viên; Năm học 2004-2005 tổng số học viên bổ túc THPT là 610 học viên, tăng 342% so năm học 2000-2001, trong đó học viên khối lớp 12 thi tốt nghiệp 159 học viên, đỗ tốt nghiệp 144 tăng 511% so với năm học 2000-2001.

đủ 9 môn. Đây là cố gắng rất lớn đối với giáo dục vùng cao. Chất lượng chuyển lớp từ lớp 1 đến lớp 5 hàng năm đều đạt từ 98 đến 99,5%, tốt nghiệp tiểu học đúng độ tuổi 11 ngày một tăng. Riêng năm học 2004-2005, toàn huyện có 2.121 trẻ tốt nghiệp tiểu học, trong đó ở tuổi 11 là 1896, chiếm 89,4%. Hàng năm đều có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Toàn huyện xây dựng được 4 trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

Đối với giáo dục THCS, các trường vùng cao khó khăn như Nậm Chày, Dần Thàng, Nậm Xé, Nậm Xây, Nậm Tha, Nậm Dạng, Nậm Mả, Sơn Thuỷ chuyển từ việc thực hiện chương trình bổ túc THCS sang THCS (phổ thông). Chất lượng chuyển lớp từ lớp 6 đến lớp 9 hàng năm đạt từ 90-95%. Kết quả thi tốt nghiệp hàng năm đạt từ 85-100%. Hàng năm có học sinh tham gia học sinh giỏi cấp tỉnh và đạt giải.

Trong lĩnh vực giáo dục THPT, hàng năm chuyển lớp từ 90 đến 95%. Thi tốt nghiệp hàng năm đạt từ 85% đến 90% (riêng năm học 2001-2002 tỷ lệ đạt 66%). Các năm đều có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh kể cả học sinh Bổ túc THPT, 3 năm liên tục đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia. Số lượng học sinh đỗ vào cao đẳng, đại học ngày một tăng, từ năm 2001 đến 2005 đã có 101 học sinh được tuyển vào các trường đại học, 111 HS được tuyển vào các trường cao đẳng.

Chất lượng giáo viên ngày càng được nâng cao, phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, nền nếp kỷ cương được giữ vững, ý thức tự học, tự bồi dưỡng cùng với cuộc thi giáo viên giỏi diễn ra sôi nổi. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn của toàn huyện ngày càng được nâng cao. Tổng số cán bộ giáo viên toàn huyện đến năm học 2005-2006 là 1.478 người, tăng 597 người so với năm 2000. Giáo viên khá giỏi ngày một tăng[1]. Công tác phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức Đảng trong trường học được các cấp ủy

[1] Năm học 2003-2004 có 203 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp tăng 30% so với năm học 2002-2003. Năm học 2004-2005 có 414 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp tăng 165% so với năm học 2002-2003.

quan tâm. Đến tháng 5/2006, số đảng viên trong sự nghiệp giáo dục là 445 đảng viên, đạt 30,1% tổng số cán bộ giáo viên, tăng 349 so với năm 2000. Tổng số các chi bộ trường học là 48, trong đó số trường có chi bộ riêng là 37, chi bộ ghép là 11, tăng 26 chi bộ so với năm 2000.

Cơ sở vật chất trường học, lớp học được nâng cấp. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, với tinh thần tự lực, phát huy các tiềm năng xã hội, điều kiện tự nhiên tại chỗ là chính, phối hợp cùng với đầu tư của nhà nước. Trong 5 năm, từ năm 2001-2005, các cơ sở xã khắc phục tư tưởng bao cấp chờ đợi, chuyển sang chủ động huy động toàn dân chăm lo sự nghiệp giáo dục.

Nhân dân tình nguyện đóng góp cát,
ngày công xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục được tăng cường. Trong 5 năm (2001- 2005), Văn Bàn làm mới và nâng cấp được 512 phòng học, trong đó chủ yếu là nhà xây cấp 3, cấp 4, cơ bản xoá được lớp học tạm và không còn tình trạng học 3 ca. Tổng số phòng

học trong toàn huyện đến năm học 2005-2006 có 995 phòng, trong đó kiên cố và bán kiên cố 801 phòng; phòng học nhà gỗ tạm 194 phòng.

Với những kết quả, thành tích đạt được, trong những năm 2001-2005, ngành giáo dục và đào tạo huyện Văn Bàn có 3 tập thể và 3 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; Phòng Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc 3 năm liền và 5 xã, 4 trường học được nhận Cờ thi đua xuất sắc; 13 tập thể, 49 cá nhân được nhận Bằng khen của UBND tỉnh.

Về văn hóa, thể dục thể thao

Nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển sản xuất, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; bảo vệ phát triển môi trường sinh thái, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng về phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và các hoạt động văn nghệ thể thao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội và góp phần phát triển nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, đẩy mạnh việc thực hiện phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá "tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá, tích cực phòng ngừa và giải quyết các tệ nạn xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 27 của Bộ chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, huyện tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền, văn hoá văn nghệ và thể thao; quan tâm chăm sóc các đối tượng chính sách như: thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng; xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa,

tuyên truyền thực hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, đảm bảo tốt việc thực hiện chế độ bảo hiểm cho người lao động và các đối tượng chính sách theo chế độ hiện hành của nhà nước. Thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động, ổn định dân cư, xoá đói, giảm nghèo.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Đảng bộ tỉnh đã ban hành những chỉ thị, nghị quyết quan trọng về phát triển văn hóa thể thao[1]. Huyện ủy Văn Bàn chỉ đạo tăng cường hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin, tuyên truyền; đẩy mạnh cuộc vận động "toàn dân xây dựng đời sống văn hóa" ở khu dân cư, nâng cao chất lượng văn hóa gia đình, văn hóa thôn bản...

Nhờ vậy, từ năm 2001 đến năm 2005, công tác văn hoá - thể thao, thông tin - tuyên truyền đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác văn hoá - thông tin đã làm tốt chức năng tuyên truyền phổ biến chủ trương đường lối, các chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; Đồng thời từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá cho nhân dân, khơi dậy các hoạt động văn hoá truyền thống của các dân tộc trong huyện.

Cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp văn hoá được quan tâm đầu tư. Đến năm 2005, toàn huyện có 04 trạm thu phát lại truyền hình và 11 điểm thu phát phủ sóng vùng lõm, đảm bảo cho 23/23 xã, khoảng 80% dân số được xem truyền hình, 90% dân số được nghe thông tin qua sóng phát thanh truyền thanh.

---

[1] Trong đó có Chiến lược phát triển Văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục, thể thao (2001-2010); Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"; Nghị quyết chuyên đề số 07-NQ/TU ngày 23/11/2011 về việc đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; Đề án "Khai thác, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Lào Cai (giai đoạn 2001-2005).

Số máy thu hình tăng từ 1985 máy năm 2000, lên 6740 máy năm 2005, số đài ra đi ô tăng từ 4.568 chiếc năm 2000, lên 5.284 chiếc năm 2005. Phong trào văn nghệ - thể dục thể thao quần chúng cũng được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo và nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Trong 5 năm 2001-2005, toàn huyện có 432.000 lượt người được xem biểu diễn văn nghệ. Năm 2002, huyện tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao và tham gia Đại hội thể dục thể thao quần chúng của tỉnh, tham gia lễ hội Đền Thượng đạt giải Ba toàn đoàn. Trong những năm 2001-2005, nhiều xã có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông duy trì hoạt động khá đều đặn; hàng năm tổ chức thi đấu nhân dịp lễ tết, nhằm rèn luyện sức khỏe, động viên tinh thần nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh. Số gia đình, thôn bản, cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá ngày càng tăng. Năm 2001, toàn huyện có 5.674 hộ đạt gia đình văn hóa, 2002, toàn huyện có 6.248 hộ, năm 2005 có 7.570 hộ đạt gia đình văn hóa[(1)].

Đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục được cải thiện và từng bước được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 2,254 triệu đồng. Trong 5 năm 2001-2005, toàn huyện giảm được 1710 hộ đói nghèo, bình quân mỗi năm giảm 3,78%. Số hộ khá, giàu và sản xuất kinh doanh giỏi ngày 1 tăng. Cơ sở phúc lợi công cộng, cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng, nhiều hộ khó khăn được hỗ trợ tu sửa và xây dựng nhà cửa, mua phương tiện nghe nhìn.

Vấn đề lao động và việc làm được quan tâm giải quyết, người dân được vay vốn từ nhiều nguồn để phát triển sản xuất và tạo việc làm với số tiền hàng chục tỷ đồng. Trong 5 năm, hàng nghìn lượt người được đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn nâng cao trình độ nhất là trong lĩnh vực khuyến nông

(1) Huyện ủy Văn Bàn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2001, 2002, 2005.

- khuyến lâm. Các chính sách và công tác xã hội được triển khai thực hiện. Hàng năm, huyện tổ chức tuyên truyền vận động xây dựng quỹ "đền ơn đáp nghĩa", các dịp tết, ngày thương binh liệt sĩ tổ chức thăm hỏi, tặng quà đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các đối tượng chính sách xã hội khác. Việc chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp khó khăn đột xuất, hỗ trợ cứu đói được thực hiện. Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được triển khai trong toàn huyện.

Về y tế, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, tích cực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh, mở rộng đầu tư cho các phòng khám đa khoa khu vực, củng cố vững chắc mạng lưới y tế thôn bản, nhằm thực hiện có hiệu quả việc bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Huyện ủy quan tâm chỉ đạo việc vận động toàn dân thực hiện công tác dân số và KHHGĐ theo Chiến lược phát triển dân số quốc gia (2000-2010). Thường xuyên làm tốt công tác truyền thông dân số, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đã giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,4% năm 2000, xuống 1,9% năm 2005 đạt mục tiêu đại hội đề ra.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị bệnh viện trung tâm và các phòng khám khu vực phục vụ khám chữa bệnh. Số giường bệnh tăng từ 215 giường năm 2000, lên 232 giường năm 2005. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân được quan tâm chú ý. Số lượt người được khám chữa bệnh năm 2000 là 74.907 lượt và năm 2005 là 128.404 lượt. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được chú trọng. Công tác tiêm chủng mở rộng hàng năm được triển khai tốt, đạt tỷ lệ từ 95 - 97%. Đã chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện và dập tắt dịch bệnh. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 40% năm 2000, xuống còn 30% năm 2005.

Về quốc phòng an ninh, quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, trên cơ sở thực tiễn địa phương, Đại Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra mục tiêu quốc phòng an ninh là tăng cường củng cố, xây dựng lực lượng, đẩy mạnh công tác quân sự quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội[1].

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành Nghị quyết 04-NQ/HU ngày 17/7/2001 về "tăng cường lãnh đạo công tác an ninh trật tự". Theo đó, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp như: Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường xây dựng củng cố nền quốc phòng ở địa phương, đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân. Tích cực đầu tư và từng bước xây dựng thế trận an ninh, chú trọng củng cố xây dựng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Nâng cao chất lượng huấn luyện hàng năm, tổ chức luyện tập, diễn tập các phương án, chủ động kịp thời đối phó các tình huống xảy ra. Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, nâng cao chất lượng tuyển quân hàng năm và làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường xây dựng mạng lưới an ninh cơ sở, tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi thủ đoạn, âm mưu diễn biến hoà bình của kẻ địch và ngăn ngừa tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Làm tốt công tác thi hành pháp luật, thực hiện đúng qui định trong việc bắt, giam giữ, điều tra, xét xử, không làm oan người ngay, không để lọt tội phạm, nâng cao chất lượng toàn diện của các cơ quan thi hành pháp luật.

Trước âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, tình trạng lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do, Đảng bộ huyện tập trung sự lãnh đạo làm tốt công tác

[1] Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 18/10/2000 của Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn, lần thứ XVII.

quốc phòng - an ninh, nhằm ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên làm tốt công tác xây dựng lực lượng, tăng cường huấn luyện, tổ chức diễn tập theo các phương án cho cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã và lực lượng dân quân tự vệ. Hàng năm đều hoàn thành 100 % kế hoạch giao quân, đảm bảo chất lượng tân binh nhập ngũ. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội.

Thực hiện đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong 5 năm, trên địa bàn huyện xảy ra 176 vụ phạm pháp hình sự. Lực lượng Công an huyện điều tra khám phá và giải quyết 172 vụ, đạt 95,4%, khởi tố 131 vụ 188 bị can. Trong đó có 19 vụ trọng án, 50 vụ án ma tuý. Đã phối hợp giải quyết 276 vụ tệ nạn xã hội. Lực lượng công an xã, công an viên, các tổ an ninh, tổ bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về tư tưởng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động có nền nếp và hiệu quả hơn. Công tác quản lý nhân hộ khẩu, vật liệu nổ, vũ khí được tăng cường. Hoàn thành việc đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh bổ sung. Tuyên truyền vận động nhân dân thu nộp hơn 3600 khẩu súng tự chế. Quần chúng nhân dân tích cực hợp tác, cung cấp nhiều tin báo có giá trị, tố giác các đối tượng phạm pháp hình sự[1].

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được quan tâm. Các tổ hoà giải ở các thôn bản, các tổ dân phố được củng cố, thường xuyên làm tốt công tác hoà giải từ cơ sở nên đã hạn chế việc khiếu kiện đơn thư vượt cấp.

Các cơ quan trong khối nội chính có nhiều chuyển biến tích cực trong việc đổi mới nội dung, phương pháp làm việc. Các vụ việc được thụ lý giải quyết kịp thời, chính xác. Các hành vi vi phạm được xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền được tăng cường.

---

[1] Báo cáo chính trị số 01-BC/HU ngày 25/10/2005 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.8.

Về công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị.

Thấm nhuần quan điểm xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt gắn với nhiệm vụ xây dựng cả hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể. Quán triệt quan điểm của Đảng, của Trung ương, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra mục tiêu cụ thể về công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị giai đoạn 2001-2005: Phấn đấu 100% tổ chức cơ sở Đảng đạt từ khá trở lên, trong đó 75 - 80% đạt trong sạch vững mạnh, cơ bản xoá thôn bản trắng không có đảng viên vào năm 2001; 90% tổ chức đoàn thể ở cơ sở đạt từ khá trở lên.

Để thực hiện đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Ban Chấp hành Huyện uỷ đã xây dựng và triển khai Nghị quyết 05-NQ/HU ngày 17/7/2001 về "nâng cao chất lượng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh". Trong đó, Nghị quyết xác định nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng: Tiếp tục tuyên truyền cho toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuyên truyền các chỉ thị nghị quyết của các cấp bộ Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước tới nhân dân, xây dựng và giữ vững niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình, thực hiện nghiêm túc cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII của Đảng. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và trong các cơ quan nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nhằm xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể vững mạnh, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ cách

mạng trong thời kỳ CNH - HĐH đất nước. Tăng cường công tác phát triển Đảng, chú trọng việc nâng cao chất lượng đảng viên về mọi mặt, kết nạp đảng viên nữ, đảng viên khối nông thôn và dân tộc thiểu số. Phấn đấu cơ bản xoá xong các thôn bản chưa có đảng viên vào năm 2001, đầu tư xây dựng các tổ chức Đảng tới tận các thôn bản. Tích cực làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ đảng viên về mọi mặt, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, nhất là đảng viên khối nông thôn, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ ở cơ sở, địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra theo Điều lệ Đảng, đặc biệt kiểm tra và khắc phục tồn tại, sửa chữa khuyết điểm của các tổ chức cơ sở Đảng thông qua tự phê bình và phê bình, thực hiện nghiêm kỷ luật Đảng, kiên quyết xử lý những cá nhân, tổ chức có vi phạm, đảm bảo sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII) hoàn thiện một bước về bộ máy hành chính nhà nước, Nghị quyết 8-NQ/ TU của Tỉnh uỷ Lào Cai về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh, nhằm củng cố, xây dựng các cấp chính quyền từ huyện tới cơ sở đủ mạnh đáp ứng với nhu cầu công tác lãnh đạo, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò trách nhiệm của các cơ quan, các thôn bản.

Đại hội đề ra chủ trương xây dựng UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể: Tiếp tục đổi mới công tác quần chúng của Đảng, đầu tư củng cố, kiện toàn bộ máy các tổ chức đoàn thể, bồi dưỡng lý luận chính trị nâng cao nhận thức tư tưởng nghiệp vụ công tác đoàn thể cho các cán bộ đoàn viên, hội viên. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Xây dựng tổ chức bộ máy của các đoàn thể quần chúng tới tận thôn bản, tiếp tục bồi dưỡng kết nạp đoàn viên, hội viên. Tăng cường đầu tư xây dựng tổ chức đoàn, đội, hội mạnh về mọi mặt từng bước đáp ứng với yêu cầu của công tác đổi mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tập trung sự chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở tiếp thu và tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị nghị quyết của Đảng các cấp. Trong đó tập trung vào thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương khoá IX, nghị quyết BCH Đảng bộ tỉnh khoá XII và nghị quyết BCH Đảng bộ huyện khoá XVII, nghị quyết TW 6 (lần 2) khoá VIII. Kết quả triển khai học tập các chỉ thị nghị quyết của Đảng, tự phê bình và phê bình trong việc thực hiện xây dựng chỉnh đốn Đảng làm chuyển biến tích cực về nhận thức tư tưởng của cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chính quyền được giữ vững và tăng cường. Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, công tác và học tập, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, đoàn kết thi đua phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Công tác xây dựng củng cố tổ chức Đảng, xoá cơ sở không có đảng viên và phát triển đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng được Đảng bộ hết sức coi trọng. Đến năm 2005, toàn huyện có 42 tổ chức cơ sở Đảng, 197 chi bộ dưới cơ sở với 2687 đảng viên, tăng trên 800 đảng viên so với năm 2000, bình quân tăng 8,5% /năm. Trong 5 năm (2001-2005), toàn huyện xoá được 25 cơ sở không có đảng viên, gồm 16 điểm thôn bản, 5 trường học và 4 trạm xá. Trong phát triển đảng, Đảng bộ chú ý tới việc phát triển đảng viên nữ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên trẻ, đặc biệt là phát triển mạnh đảng viên trong đội ngũ giáo viên và lực lượng dân quân tự vệ. Năm 2001, toàn Đảng bộ kết nạp được 169 đảng viên mới, năm 2002 kết nạp được 184 đảng viên mới, năm 2003 kết nạo được 165 đảng viên mới, năm 2004 kết nạp 187 đảng viên mới, năm 2005 kết nạp được 245 đảng viên mới. Năm 2005 toàn Đảng bộ có 2 thôn bản và 1 trạm y tế xã chưa có đảng viên.

Không chỉ chú trọng tới số lượng, Đảng bộ còn coi trọng nâng cao chất lượng đảng viên bằng tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn

nghiệp vụ; tăng cường và thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cấp uỷ viên, cán bộ làm công tác Đảng, đội ngũ báo cáo viên cơ sở tại trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.

Công tác kiểm tra việc thi hành kỷ luật của Đảng được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo và được thực hiện. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng được chương trình kiểm tra toàn khoá, chương trình và kế hoạch kiểm tra hàng năm. Cụ thể là trong nhiệm kỳ 2001-2005, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra 17 cuộc. Nội dung là kiểm tra tổ chức cơ sở Đảng cấp dưới thực hiện mục tiêu phát triển KT - XH, lãnh đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng các cấp, kiểm tra công tác quốc phòng an ninh, củng cố hệ thống chính trị, kiểm tra việc thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở. UBKT Huyện uỷ tiến hành 26 cuộc kiểm tra, bao gồm kiểm tra tổ chức Đảng và UBKT thực hiện điều 30 và điều 32 Điều lệ Đảng, kiểm tra tổ chức Đảng có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra việc thu nộp và sử dụng đảng phí, kiểm tra 52 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Đã tiếp nhận và xử lý 25 đơn, trong đó có 01 đơn khiếu nại. Qua kiểm tra, xử lý kỷ luật 94 đảng viên, trong đó khai trừ 10 đảng viên, cách chức 3 đồng chí bí thư chi bộ, 01 đảng uỷ viên, 01 chi uỷ viên, cảnh cáo 37 đảng viên khác. Sau khi kiểm tra, đã chỉ đạo khắc phục tồn tại và thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng[1].

Đảng bộ quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và củng cố kiện toàn bộ máy chính quyền. Tiêu chuẩn, chất lượng của Đại biểu HĐND ngày được nâng cao. Sau khi được kiện toàn đại biểu HĐND và cán bộ cơ sở được đào tạo tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác. Năm 5 qua, có 309 cán bộ được đào tạo tại tỉnh và Trung ương, 7.170 cán bộ được bồi dưỡng tại huyện. Hoạt động giám sát của HĐND được tăng cường, chất lượng giám sát từng bước được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

[1] Báo cáo chính trị số 01-BC/HU ngày 25/10/2005 của Huyện ủy Văn Bàn.

đúng mục tiêu, đúng pháp luật. Trong 5 năm 2001-2005, huyện 2 lần bố trí sắp xếp lại các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện đảm bảo đúng nguyên tắc, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và làm tốt chức năng tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch nhà nước tại địa phương. Hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ huyện tới cơ sở có sự phối kết hợp tốt, cùng chính quyền và các cơ quan chuyên môn tổ chức cho nhân dân học tập, triển khai thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Xây dựng được chương trình hành động phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Thường xuyên coi trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao trình độ lý luận, trình độ văn hoá. Trong 5 năm, MTTQ và các tổ chức đoàn thể có sự chuyển biến tốt cả về kiện toàn tổ chức hội, đổi mới phương thức hoạt động và phát triển hội viên. Chất lượng hoạt động phong trào được nâng lên, làm tốt chức năng phản biện xã hội, tích cực đóng góp việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, thiết thực xoá đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, triển khai có hiệu quả 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở.

Hội Nông dân với 03 phong trào thi đua, nhất là phong trào "Nông dân thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi" có tác dụng to lớn. Đến năm 2005, toàn huyện có 1.575 Hộ Nông dân đạt tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh giỏi. Hội phối hợp tốt với Ngân hàng tạo vốn, phối hợp với khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật cho phụ nữ sản xuất. Vận động nông dân đóng góp trên 01 triệu ngày công tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Trong năm 2005 kết nạp được 650 hội viên mới, nâng tổng số hội viên Hội nông dân lên 7.905 người.

Hội Phụ nữ với 06 chương trình trọng tâm. Năm 2005 có 4.975 chị em đạt 03 tiêu chuẩn của phong trào, 7.489 gia đình đạt 04 chuẩn mực, 7.069 hội viên được tham gia học tập pháp

luật, 2.039 hội viên được vay vốn từ các nguồn với trên 10 tỷ đồng. Phụ nữ giúp nhau được trên 27 triệu đồng, 755 ngày công và nhiều giống cây con. Trong năm 2005 phát triển được 884 hội viên nâng tổng số hội viên lên 9.717 chị em.

Thanh niên đoàn viên tích cực tham gia các phong trào trong các lĩnh vực lao động, học tập và công tác. Thanh niên ngày càng khẳng định rõ hơn vai trò trách nhiệm trong phong trào xây dựng và bảo vệ quê hương. Tổ chức nhiều buổi tuyên truyền cổ động, nhiều buổi biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trong năm vận động thanh niên quyên góp ủng hộ được 30 triệu đồng xây dựng nhà bán trú cho học sinh nghèo tại xã Dần Thàng, 10 triệu đồng ủng hộ tân binh nhập ngũ và gia đình chính sách; kết nạp được 570 thanh niên vào đoàn.

Liên đoàn lao động triển khai phong trào thi đua yêu nước trong lực lượng CNVC-LĐ; vận động công nhân viên chức-lao động tham gia các cuộc thi, các phong trào văn nghệ - thể thao, phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp". Các cuộc vận động xây dựng các quỹ được thực hiện hàng năm. Tổ chức công đoàn cơ sở không ngừng được củng cố và tăng cường. Quyền lợi chính đáng của công nhân viên chức - lao động luôn được bảo vệ. Năm 2005, toàn huyện có 118 đơn vị công đoàn với tổng số 2.342 Đoàn viên Hội CCB luôn phát động hội viên phát huy bản chất "bộ đội Cụ Hồ", nhiệt tình tham gia các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện. Đại bộ phận hội viên luôn gương mẫu chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Nhiều hội viên tích cực giúp đỡ nhau làm kinh tế, Xóa đói giảm nghèo, tham gia giữ gìn trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay toàn huyện có 26 cơ sở hội, 142 chi hội, 67 phân hội. Trong năm đã kết nạp 273 hội viên, đưa tổng số hội viên toàn huyện lên 2.410 người.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Đảng bộ đã tập trung sự lãnh đạo chỉ đạo nhân dân các dân tộc trong huyện khai thác tốt các

tiềm năng lợi thế, khắc phục khó khăn, đoàn kết thống nhất và giành được thắng lợi rất quan trọng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh. Các ngành kinh tế nông lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển. Văn hóa, xã hội có bước phát triển mới. Chất lượng dạy và học được nâng lên, tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh khá giỏi cao hơn trước. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tăng cường. Công tác y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Hoạt động Văn hóa - Thể thao được đẩy mạnh , thu hút nhiều người tham gia. Các đối tượng chính sách xã hội được được quan tâm giải quyết đúng chế độ. Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, không có vấn đề gì lớn xảy ra. Hệ thống chính trị được tăng cường.

Tuy nhiên trong 5 năm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa còn chậm, còn mang nặng tính tự cấp tự túc. Sản xuất nhìn chung còn manh mún, sản phẩm hàng hóa còn ít và chất lượng chưa cao. Chương trình xóa đói giảm nghèo chưa bền vững. Nhiều hộ thoát nghèo nhưng mức sống còn rất thấp nên khi phân xếp loại theo tiêu chí mới tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Tình trạng học sinh nghỉ học còn nhiều, tỷ lệ chuyên cần chưa cao, gây khó khăn cho việc thực hiện phổ cập Trung học cơ sở và duy trì phổ cập bền vững. Phạm pháp hình sự, tai tệ nạn xã hội vẫn còn. Tình trạng di dịch cư tự do, khai thác vàng trái phép vẫn còn diễn ra. Phong trào đoàn thể có lúc có nơi chưa mạnh, hiệu quả tác dụng chưa cao. Ý thức rèn luyện tu dưỡng, tinh thần đấu tranh phê và tự phê của một số cán bộ đảng viên chưa tốt.

II. LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG PHÁT TRIỂN NHANH, TOÀN DIỆN (2005- 2010)

Trong những năm 2006-2010, trên thế giới xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo; toàn cầu hoá và

hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được đẩy nhanh; đầu tư, lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng. Cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục phát triển theo chiều sâu, tác động lớn đến cơ cấu và sự phát triển của kinh tế thế giới. Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động. Hợp tác trong khu vực, nhất là ASEAN ngày càng mở rộng, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp; các tranh chấp, xung đột cục bộ, cùng với hoạt động khủng bố quốc tế có thể gây mất ổn định ở khu vực và nhiều nơi trên thế giới. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích kinh tế và tìm cách áp đặt các rào cản trong thương mại với các nước nghèo và đang phát triển. Thị trường tài chính, tiền tệ và giá cả thế giới diễn biến phức tạp. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn năng lượng và nguyên vật liệu, khoảng cách giàu nghèo... càng trở nên gay gắt hơn.

Ở trong nước, đất nước ta có được thuận lợi rất cơ bản là những thành tựu to lớn và những bài học kinh nghiệm quan trọng sau 20 năm đổi mới. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hoá-xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Nhưng thành tựu đạt được trong 5 năm (2001-2005) còn dưới tiềm năng. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng và tính bền vững của sự phát triển còn kém. Kết cấu hạ tầng kinh tế,

xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Văn hoá - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc. Bộ máy Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức đổi mới chậm; quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi.

Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra mục tiêu tổng quát: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Tạo được nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, sự điều hành năng động, sáng tạo của chính quyền các cấp cùng với sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận và nỗ lực phấn đấu của nhân dân các dân tộc, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Lào Cai có bước chuyển biến mạnh mẽ. Kinh tế luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển vượt bậc ở tất cả các cấp học, ngành học. Cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư, đặc biệt là chương trình kiên cố hóa trường lớp học. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phòng chống các tệ nạn xã hội được chú trọng. Bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc được giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Khoa học kỹ thuật gắn với sản xuất và đời sống. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được nhiều kết quả. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng có sự chuyển biến tích cực. Năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành của chính quyền các

cấp có nhiều tiến bộ. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể hoạt động thiết thực và hiệu quả hơn. Sức mạnh khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh được phát huy.

Bên cạnh những thành tựu đó, đến năm 2006, tỉnh Lào Cai còn những khó khăn hạn chế nhất định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhìn chung còn thấp kém, hạn chế đến việc khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển. Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chất lượng tăng trưởng thấp, quy mô nền kinh tế còn nhỏ bé. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của tỉnh và của từng ngành còn chậm. Tổ chức thực hiện trên một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao. Văn hóa - xã hội còn một số vấn đề bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả, di dân tự do chưa có chiều hướng giảm. Sự thụ động, tập quán lạc hậu đang là lực cản và gây sự trì trệ trong quá trình phát triển của tỉnh. Chất lượng cuộc sống còn thấp; thu nhập bình quân trên đầu người mới bằng 50% bình quân của cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định an ninh chính trị. Việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, quản lý trên một số lĩnh vực của cấp ủy, chính quyền các cấp còn lúng túng, hiệu quả thấp. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đặc biệt là ở cơ sở có nơi chưa làm tốt chức năng giám sát hoạt động của chính quyền, tham gia ý kiến xây dựng Đảng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết đại hội X của Đảng, trên cơ sở thực tiễn địa phương, Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII thống nhất tư tưởng chỉ đạo: Tập trung đầu tư phát triển vùng cao, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; huy động mọi nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân. tạo nền tảng để phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, du lịch và dịch vụ để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng. Phát huy tối đa nội lực, coi trọng và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Trung ương,

tranh thủ nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước, nguồn lực từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế. Phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Tiếp tục xây dựng và củng cố mối quan hệ với tỉnh láng giềng Vân Nam và các tổ chức quốc tế. Tăng cường hơn nữa công tác xây dựng Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là tuyến cơ sở xã, phường, thị trấn. Phát huy mạnh mẽ dân chủ và sức mạnh khối đoàn kết các dân tộc, phấn đấu đưa Lào Cai sớm ra khỏi diện tỉnh nghèo.

Trong bối cảnh chung của đất nước, của tỉnh, căn cứ tình hình địa phương, trên cơ sở quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII được tổ chức từ ngày 24 đến ngày 26/10/2005. Tham dự Đại hội có 200 đồng chí. Đại hội bầu cử BCH khóa mới gồm 37 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí, Đồng chí *Hà Kim Tam* được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2006-2010, đề ra mục tiêu tổng quát: Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, khai thác tốt mọi tiềm năng, nguồn lực ở địa phương, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh, tăng cường hợp tác kêu gọi đầu tư, tập trung sự lãnh đạo thực hiện các chương trình trọng tâm hướng về cơ sở. Đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, coi trọng nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho địa bàn vùng sâu, vừng xa, vùng nông thôn, vùng dân tộc ít người, đồng thời tập trung cho vùng Đô thị - Công nghiệp để tạo sự bứt phá. Từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vì mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Đại hội đề ra một số mục tiêu chủ yếu đến năm 2010 trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIII, trên cơ sở thực tiễn địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII thống nhất tư tưởng chỉ đạo: tiếp tục thực hiện 05 chương trình công tác trọng tâm với 11 đề án và các nghị quyết chuyên đề của BCH Đảng bộ huyện khóa XVIII đề ra, trên cơ sở điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với tình hình mới, đồng thời, nghiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều đề án cụ thể cho từng ngành, từng cơ sở[1].

Về kinh tế, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII xác định mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010 là đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế, ưu tiên đầu tư cho địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, vùng dân tộc ít người, đồng thời tập trung cho vùng Đô thị - Công nghiệp để tạo sự bứt phá. Từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xoá

[1] Chương trình 1: Phát triển nông nghiệp - nông thôn và ổn định nâng cao đời sống nhân dân (02 Đề án) Đề án 1: Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Đề án 2: Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo theo hướng bền vững.

Chương trình 2: Phát triển đô thị, công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp (02 Đề án): Đề án 3: Phát triển cơ sở hạ tầng Nông thôn giai đoạn 2006-2010. Đề án 4: Phát triển Công nghiệp, TTCN và ngành nghề.

Chương trình 3: Phát triển văn hóa - xã hội (03 Đề án): Đề án 5: Phát triển Giáo dục gai đoạn 2006-2010. Đề án 6: Củng cố và phát triển Y tế giai đoạn 2006-2010. Đề án 7: Phát triển Văn hoá, thông tin Thể dục - Thể thao giai đoạn 2006-2010.

Chương trình 4: Quốc phòng, an ninh (02 Đề án): Đề án 8: Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự. Đề án 9: Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức xây dựng huyện thành KVPT vững chắc.

Chương trình 5: Xây dựng hệ thống chính trị và đào tạo nguồn nhân lực (02 Đề án): Đề án 10: Nâng cao năng lực, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đề án 11: Đào tạo nguồn nhân lực.

đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vì mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ huyện, huyện đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển nông nghiệp - nông thôn - nhiệm vụ trọng tâm của huyện, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo, ổn định dân cư, từng bước nâng cao đời sống đồng bào, làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn miền núi; tiếp tục thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, chương trình giao thông nông thôn và chương trình quy hoạch sản xuất, sắp xếp dân cư.

Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh chương trình thâm canh lúa cao sản, sản xuất ngô hàng hoá, đậu tương hàng hoá nhằm tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Từng bước cải tạo để nâng cao tầm vóc đàn bò, nạc hoá đàn lợn địa phương. Phát triển chăn nuôi gia cầm, thuỷ sản để sử dụng lao động tại chỗ, khai thác có hiệu quả mặt nước hồ ao, sông suối của huyện; tăng cường các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đặc biệt tập trung việc đẩy mạnh việc sử dụng giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt; đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ và một phần là lương thực hàng hoá, lương thực dùng cho chăn nuôi và chế biến công nghiệp.

Huyện chỉ đạo đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi lợn để tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp, quản lý tốt tình hình dịch bệnh; quy hoạch vùng chăn thả, đồng cỏ, khuyến khích người dân trồng cỏ, dự trữ thức ăn để phát triển chăn nuôi trâu bò; đưa các giống cá có năng suất, chất lượng vào nuôi trên diện rộng như các loại cá chép lai, rô phi đơn tính, cá chim trắng; nuôi tôm càng xanh ở vùng Võ Lao, Văn Sơn, nuôi cá nước lạnh ở vùng Liêm Phú - Nậm Tha; xây dựng chợ nông thôn, nuôi dưỡng thị trường, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm chăn nuôi. Chỉ đạo đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ rừng, khoanh

nuôi tái sinh để nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng. Khuyến khích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, trồng rừng sản xuất, rừng có giá trị kinh tế cao. Thực hiện tốt chính sách đối với người dân ở khu vực có nhiều rừng, được hưởng lợi từ rừng, để người dân có trách nhiệm bảo vệ rừng, chung sống với rừng. Phát triển rừng phải gắn với đầu tư công nghệ chế biến, gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu bền vững để tăng giá trị lâm sản, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân sở tại.

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với nhiệm vụ quy hoạch sản xuất, sắp xếp dân cư theo dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt, có tính đến việc điều chỉnh cho phù hợp. Đồng thời, ưu tiên sắp xếp các hộ vùng thiên tai nguy hiểm, vùng thiếu nước, thiếu đất, các hộ ở quá phân tán nhằm làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, văn minh hiện đại.

Nhờ sự tập trung sự chỉ đạo và đầu tư, sự triển khai đồng bộ các giải pháp của huyện, nhờ chính sách ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn - nông dân như chính sách trợ giá, trợ cước giống, phân bón cho nông dân của nhà nước, trong những năm 2006-2010, nông nghiệp giành được kết quả quan trọng.

Thời gian này, lĩnh vực nông nghiệp đã tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, đã làm chủ được ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất một số cây, con giống như giống lúa Bắc Ưu 903, Nhị Ưu 838, VL20, hạt đậu tương, ngô lai, giống chè, giống cá rô đơn tính... Nhân giống thành công một số lúa mới mang thương hiệu Lào Cai như LC25, LC212, LC270... Các ứng dụng khoa học đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế[1].

[1] Đề án số 12 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

Sản xuất lương thực của Văn Bàn tiếp tục có những vụ mùa bội thu. Năm 2010, diện tích đạt 8.357 ha, sản lượng 31.923 tấn, diện tích tăng 1.138 ha, sản lượng tăng 2786 tấn so với năm 2005. Trồng trọt có bước phát triển toàn diện. Các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, nhất là giống mới (đặc biệt là giống lai) được bà con đưa vào sản xuất, hình thành vùng thâm canh lúa (vùng Võ Lao; vùng Khánh Yên)[1], thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích sản xuất. Năm 2010, diện tích đạt 8.357 ha, tăng 1.138 ha so với năm 2005. Sản xuất tăng vụ được mở rộng, bước đầu đem lại hiệu quả. Tổng sản lượng lương thực năm 2010 đạt 31.923 tấn, tăng 7.451 tấn so với năm 2005.

Sản xuất ngô lai của nhân dân xã Hòa Mạc.

Từ đầu nhiệm kỳ, huyện đã có chủ trương về trồng cây vụ đông. Những năm đầu, diện tích cây vụ đông trên dưới 100 ha. Từ năm 2008, huyện tập trung sự chỉ đạo quyết liệt, cùng với chính sách hỗ trợ sản xuất vụ đông của tỉnh, diện tích cây vụ đông không ngừng tăng nhanh. Năm 2010, đạt 590 ha[2], tăng

[1] Đề án số 01 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

[2] Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

trên 400 ha so với năm đầu thực hiện. Diện tích cây vụ đông của huyện tuy chưa nhiều, mới chiếm 5-6% diện tích gieo trồng cây hàng năm của huyện, nhưng sản xuất vụ đông đã bước đầu tạo sự chuyển biến trong nhận thức, trong thay đổi tư duy của bà con nông dân.

Nhờ sản xuất lương thực và làm cây vụ đông, giá trị sản xuất trên một đơn vị canh tác cũng được nâng lên một cách rõ rệt. Năm 2005, chỉ đạt 13 triệu đồng/ha, đến năm 2010, tuy lúa mùa bị rầy nặng nhưng giá trị sản xuất vẫn đạt 34,4 triệu đồng/ha[(1)], đạt 160% mục tiêu đại hội.

Huyện tiếp tục chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Ngành nông nghiệp tích cực tham mưu cho huyện, giúp các cơ sở khai thác các nguồn vốn từ các dự án hỗ trợ nông dân cải tạo đàn giống gia súc địa phương, tuyên truyền vận động nông dân tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi. Công tác thú y tiếp tục được quan tâm. Đặc biệt là mạng lưới thú y cơ sở được củng cố và tăng cường. Thú y viên cơ sở hàng năm được tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, được trang bị phương tiện làm việc. Nếu như giai đoạn, trước thú y viên mỗi năm chỉ được hỗ trợ kinh phí 02 kỳ tiêm phòng thì giai đoạn này, thú y viên cơ sở được hưởng trợ cấp hàng tháng. Công tác kiểm dịch vận chuyển và kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm được duy trì thường xuyên, hạn chế sự lây lan dịch bệnh. Nhờ có chính sách hỗ trợ về giống, về công tác thú y nên giai đoạn 2006-2010, nông dân tích cực đẩy mạnh chăn nuôi. Tỷ lệ lợn lai, bò lai, gia cầm giống mới, các loại cá giống mới ngày một tăng. Đàn gia súc, gia cầm và chăn nuôi thủy sản có tốc độ tăng trưởng nhanh. Năm 2010, đàn gia súc 114,4 nghìn con, tăng 34.952 con so với năm 2005, bình quân tăng 9,5%/năm, đạt 79% mục tiêu đại hội. Đàn gia cầm

(1) Đề án số 01 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.1.

385,4 nghìn con, tăng 135.388 con so với năm 2005, diện tích nuôi trồng thuỷ sản 228 ha, sản lượng thủy sản 315 tấn[1].

Lâm nghiệp tiếp tục được coi trọng và phát triển theo hướng bền vững. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường, Ban chỉ đạo phòng chống, chữa cháy rừng (PCCCR) cấp huyện và các cơ sở với lực lượng PCCCR duy trì 298 tổ đội với trên 3.000 thành viên, có năm huy động tới hàng nghìn lượt người tham gia chữa cháy rừng. Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho nhân dân được đẩy mạnh. Lực lượng chức năng và các cơ sở tích cực thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng chống, phát hiện và xử lý các vụ vi phạm Luật Quản lý và bảo vệ rừng.

Huyện chỉ đạo tập trung nhiệm vụ trồng rừng, nhất là trồng rừng kinh tế được coi trọng. Giai đoạn 2006-2010, toàn huyện đã trồng mới được 4.016 ha rừng, bình quân 803 ha/năm; khoanh nuôi rừng có trồng bổ sung 1.533 ha. Hàng năm khoán bảo vệ từ 14.500 ha đến 16.500 ha rừng các loại[2]. Năm 2009-2010, thực hiện cắm mốc 03 loại rừng với 710 mốc.

Công tác xã hội hóa lâm nghiệp có sự chuyển biến tích cực, đã thu hút được mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế lâm nghiệp. Thu nhập của người lao động lâm nghiệp đã tăng lên rõ rệt.

Việc khai thác chế biến lâm sản được quan tâm, nòng cốt là Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Văn Bàn, cùng với một số hợp tác xã, các cơ sở chế biến nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình. Trong 05 năm, toàn huyện đã khai thác gần 5.000 m3 gỗ tròn, chế biến trên 03 nghìn m3 sản phẩm từ gỗ, trên 10.000 tấn sản phẩm từ tre nứa, khai thác tận thu hàng chục nghìn tấn lâm sản khác[3].

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

[2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

[3] Truyền thống ngành Nông nghiệp Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.

Nhờ tích cực thực hiện quản lý và bảo vệ rừng, đến năm 2010, độ che phủ rừng đạt 65%, tăng 4,4% so với năm 2005, tăng bình quân 0,88%/năm, đạt 110% mục tiêu đại hội[1]. Giá trị sản xuất lâm nghiệp trong năm 2010 là 54.486 triệu đồng, trong đó khai thác gỗ và lâm sản đạt 21.152 triệu đồng, chiếm 38,82% giá trị trong cơ cấu ngành lâm nghiệp huyện[2].

Đến năm 2010, giá trị sản phẩm ngành Nông Lâm nghiệp đạt 340 tỷ đồng, tăng 2 lần so với năm 2005, chiếm 32,4% GDP huyện, tốc độ tăng bình quân 14,9%/năm[3].

Thu hoạch quế của nhân dân xã Nậm Tha.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông - lâm nghiệp giai đoạn 2006-2010, còn một số hạn chế là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn chậm; năng suất cây trồng, vật nuôi, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích còn thấp so với yêu

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

[2] Đề án số 02 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

[3] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

cầu và so với tiềm năng địa phương; tệ thả rông gia súc chưa được khắc phục dứt điểm; quản lý nhà nước về lâm nghiệp còn nhiều hạn chế, chỉ tiêu về phát triển đàn gia súc chưa đạt mục tiêu đại hội[1].

Trong lĩnh vực *công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng,* huyện *c*huẩn bị tốt các điều kiện để tiếp nhận chủ trương kêu gọi đầu tư và tham gia khai thác mỏ sắt Quý Sa (Sơn Thuỷ), mỏ vàng Minh Lương, xây dựng các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện. Tiếp tục triển khai khai thác quặng Fenspat ở Làng Giàng. Nghiên cứu vận dụng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng, phát triển nghề truyền thống, chế biến nông lâm sản, sản xuất thức ăn gia súc. Đổi mới công nghệ sản xuất và quản lý để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, làm cho sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Chính quyền địa phương chỉ đạo quản lý chặt chẽ công tác xây dựng cơ bản trên địa bàn, từ khâu lập và phê duyệt dự án, giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công, bàn giao đưa vào sử dụng. Tăng cường sự giám sát đối với công tác xây dựng cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn đầu tư hiệu quả công trình. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo xây dựng cơ bản cần tập trung vào chương trình giao thông nông thôn, kiên cố hoá trường lớp học, kiên cố hoá kênh mương, cấp nước sinh hoạt và các công trình phúc lợi công cộng khác. Trong đó, huyện ưu tiên cho phát triển giao thông nông thôn, coi đây là chìa khoá để mở rộng giao lưu phát triển KT - XH ở địa phương; những nơi chưa có đường thì mở đường; những nơi đã có mặt đường thì nâng cấp, làm cầu cống, từng bước rút ngắn khoảng cách giữa vùng sâu, vùng xa

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

với các trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá; chú ý đầu tư các tuyến đường Dương Quỳ, Nậm chày, Nậm Xây - Mà Sa Phìn, Khánh Yên Hạ - Nậm Tha, Võ Lao - Nậm Dạng, Tân An - Khe Sang, Tân Thượng - Cam Cọn. Huyện tiếp tục đầu tư xây dựng mạng lưới điện nông thôn, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng các điểm bưu điện văn hoá xã.

Trong những năm 2006-2010, nhiều chương trình dự án đã tập trung đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng. Đến năm 2010, 100% số xã, thị trấn của huyện có đường ô tô đến nơi, trong đó có 15/23 xã có đường nhựa đến trung tâm. 5 năm qua, đã mở mới 71,6 km đường giao thông nông thôn; nâng cấp 151 km đường trên một số tuyến như tuyến tỉnh lộ đi qua Văn Sơn - Võ Lao - Sơn Thuỷ, tuyến nội huyện từ thị trấn Khánh Yên đi Khánh Yên Hạ - Liêm Phú, Khánh Yên Hạ - Nậm Tha. Toàn huyện có 60 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trên 67% dân số toàn huyện được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Về hệ thống thuỷ lợi, năm 2010 có trên 150 công trình thủy lợi lớn nhỏ, với gần 455,7 km kênh mương, đảm bảo phục vụ nước tưới ổn định cho 5000 ha, đạt trên 90% diện tích gieo cấy[1]; 100% số xã, thị trấn được sử dụng điện lưới quốc gia, 238/271 thôn, bản, tổ dân phố có điện, đạt 85%.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tiềm năng thuỷ điện được quan tâm đầu tư khai thác, 5/22 dự án thủy điện đã hoàn thành, phát điện hòa vào lưới điện quốc gia với tổng công suất 31,1 MW[2]. Ngoài ra còn tập trung khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn như vàng gốc, vàng sa khoáng, quặng sắt, quặng Fenspat, khai thác đá, khai thác cát, sản xuất vật liệu xây dựng không nung.

---

[1] Đề án số 04 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

[2] Đề án số 05 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

Khai thác quặng ở mỏ sắt Quý Sa - Sơn Thủy.

Huyện tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Huyện đã quy hoạch 2 cụm tiểu thủ công nghiệp tại xã Khánh Yên Thượng và xã Võ Lao. Số cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh. Năm 2010, có 295 cơ sở, tăng 200 cơ sở so với năm 2005[1].

Đến năm 2010, tổng giá trị sản lượng giao thông - xây dựng cơ bản - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 460 tỷ đồng, tăng 407 tỷ đồng so với năm 2005, bình quân 54%/năm, chiếm 43,8% GDP huyện. Tổng giá trị hoạt động dịch vụ thương mại đạt 250 tỷ đồng, tăng 210 tỷ đồng so với năm 2005, chiếm 23,8% GDP, tốc độ tăng bình quân 44,25%/năm[2].

Hoạt động *dịch vụ, thương mại có bước mở rộng*. Dịch vụ vận tải các tuyến vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại và các hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Dịch vụ Bưu chính - Viễn thông phát triển mạnh, quy mô được mở rộng với nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như Vinafone, Mobifone, Viettel, EVN; 100% số xã được phủ sóng di động; 22/23 xã có điểm bưu điện văn hóa (trừ thị trấn Khánh Yên); 100% xã, thị

[1], [2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

trấn có điểm đọc báo hàng ngày. Viễn thông và Internet phát triển về số lượng và chất lượng, mật độ thuê bao điện thoại đến năm 2010, đạt 9,12 thuê bao/100 dân[1]. Do đó, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ chính quyền các cấp và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Dịch vụ tín dụng ngân hàng, trên địa bàn có 02 chi nhánh ngân hàng hoạt động, cơ bản đáp ứng về vốn để phát triển sản xuất nông nghiệp, xoá đói giảm nghèo và một số hoạt động sản xuất, kinh doanh khác của nhân dân và doanh nghiệp.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, cụm xã. Tổng doanh số hoạt động thương mại năm 2010, đạt 43,456 tỷ đồng, tăng 16,456 tỷ đồng so với năm 2005, tốc độ tăng bình quân 9,75%/năm. Bên cạnh đó, huyện Văn Bàn tích cực tham gia quảng bá và giới thiệu sản phẩm truyền thống của địa phương tại Hội chợ lễ hội Đền Thượng; Hội chợ giới thiệu các mặt hành nông sản của tỉnh tổ chức, các Hội chợ xúc tiến thương mại, đồng thời quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế, thương mại của Văn Bàn.

Tuy nhiên, trong những năm 2006-2010, sản xuất CN-TTCN-XD-DVTM quy mô còn nhỏ lẻ. Công nghiệp chế biến phát triển chậm, chiếm tỷ trọng thấp; sản phẩm một số ngành nghề địa phương chất lượng còn thấp và đơn điệu, khó cạnh tranh và tiêu thụ trên thị trường. Chất lượng dịch vụ chưa cao; cơ sở vật chất, nguồn nhân lực trong lĩnh vực dịch vụ thương mại còn thiếu và yếu.

Trong công tác tài chính - ngân hàng, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo nuôi dưỡng và khai thác tốt các nguồn thu. Quản lý chặt chẽ, nhằm thu đúng, thu đủ cho ngân sách. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn đạt 24 tỷ đồng vào năm 2010, tăng bình quân 15%/năm. Thực hiện tiết kiệm cho tiêu dùng để đầu

[1] Đề án số 08 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.2.

tư cho phát triển sản xuất. Chỉ đạo công tác ngân hàng đảm bảo nhu cầu cho vay vốn các đối tượng, trong đó ưu tiên vay vốn đầu tư cho sản xuất, các đối tượng vay vốn xoá đói giảm nghèo, trên cơ sở bảo toàn và phát huy hiệu quả đồng vốn vay. Chỉ đạo dịch vụ, thương mại cần đảm bảo đủ vật tư, phục vụ sản xuất, xây dựng cơ bản; giao thông vận tải đảm bảo chuyên chở hành khách, vận chuyển hàng hoá, kích thích sản xuất phát triển. Các mặt hàng thiết yếu, mặt hàng có trợ giá cước đảm bảo bán đủ số lượng, chất lượng đúng giá, đúng đối tượng.

Tiềm năng kinh tế của huyện ngày càng phát triển, tác động tốt đến tiềm lực Tài chính ngân sách huyện được củng cố và tăng cường, từng bước chuyển từ sự lúng túng, bị động sang sự chủ động, tích cực, cơ cấu thu ngân sách từng bước vững chắc, đồng thời có sự tích lũy để đầu tư phát triển.

Vận dụng sáng tạo hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về tài chính vào điệu kiện thực tế của địa phương, đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh. Do đó, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt mức tăng trưởng khá. Năm 2010, tổng thu ngân sách 265,56 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 30,009 tỷ đồng[(1)], tăng 17,834 tỷ đồng so với năm 2005, đạt 104,5% mục tiêu đại hội, tốc độ tăng bình quân 15,45%/năm.

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phân phối nguồn ngân sách Tài chính hợp lý, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực kinh tế, xã hội quan trọng, thiết yếu. Thời gian này, chi ngân sách huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổng chi ngân sách huyện năm 2010, thực hiện là 241,308 tỷ đồng (tăng 177,397 tỷ đồng so với năm 2005, tăng bình quân 25,35%/năm), trong đó chi cho sản xuất phát triển kinh tế 8,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40%[(2)]. Công tác tài chính giai đoạn này chưa có bước đột phá; số thu trên địa

[(1), (2)] *Lịch sử Đảng bộ Tài chính huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010.*

bàn mới đáp ứng 13-15% chi cho địa phương; nguồn thu còn hạn chế và không ổn định; tốc độ tăng chưa cao.

GDP toàn huyện năm 2010, đạt 1.050 tỷ đồng, tăng 787 tỷ đồng so với năm 2005, tăng bình quân 31,9%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2010, đạt 13,25 triệu đồng, tăng 9,75 triệu đồng so với năm 2005, tăng bình quân 30,5%/năm. Cơ cấu GDP theo lĩnh vực ngành nông lâm nghiệp - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ của huyện năm 2010, tương ứng là 32,4% - 43,8% - 23,8%.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo triển khai thực hiện. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII (2006-2010) xác định tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vì mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII (2006-2010), Huyện ủy Văn Bàn đã ban hành Đề án về "phát triển thể chế văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc huyện Văn Bàn, giai đoạn 2005-2010" với mục tiêu cụ thể như: Xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao từ huyện đến cơ sở; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể (đề nghị UBND tỉnh công nhận 3 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh đó là đền Cô - Tân An, đền Chiềng Ken, Khu di tích Pú Gia Lan), bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể (lễ hội xuống đồng, múa xòe, múa khèn...); cải tạo phong tục tập quán lạc hậu (ma chay, cưới xin, tảo hôn, bắt cóc vợ...) và Đề án đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2006- 2010 với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ công chức cấp xã; công tác đào tạo nghề và lao động, việc làm.

Theo đó, Đảng bộ huyện chỉ đạo các cấp chính quyền thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hoá - văn nghệ, thông

tin - thể thao; tăng cường các hoạt động thông tin tuyên truyền, các hoạt động văn nghệ, TDTT phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nâng cao sức khoẻ và đời sống tinh thần của nhân dân. Khai thác tốt bản sắc văn hoá các dân tộc, coi đây là lợi thế, là nguồn lực để phát triển. Tổ chức sưu tầm và phát triển các bộ môn nghệ thuật, các lễ hội mang bản sắc văn hoá dân tộc, các hàng thủ công mỹ nghệ, các món ăn dân tộc truyền thống, nâng lên 1 tầm cao mới để phục vụ du lịch và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở khu dân cư; Nâng cao chất lượng gia đình văn hoá, thôn bản văn hoá. Phấn đấu đến năm 2010, có 70% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 85 % dân số được xem truyền hình, 90% dân số được nghe đài truyền thanh.

Quan tâm chăm sóc tốt các đối tượng chính sách xã hội như thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, những người già yếu, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào "vì người nghèo", "lá lành đùm lá rách", "uống nước nhớ nguồn"... Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ chính sách cho người lao động và nhân dân. Giải quyết tốt vấn đề lao động và làm việc, có biện pháp tích cực giải quyết làm việc cho người lao động, nhất là thanh niên học xong THCS, THPT, bộ đội xuất ngũ, đối tượng sau cai nghiện. Đẩy mạnh công cuộc xoá đói, giảm nghèo, phấn đấu mỗi năm giảm 3% số hộ nghèo (theo tiêu chí mới).

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đồng bộ, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt được nhiều kết quả. Hoạt động văn hoá, thông tin, thể thao tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức; diện phủ sóng truyền thanh, truyền hình đảm bảo cho 100% xã, thị trấn với trên 90% số hộ được xem truyền hình và trên 80% số hộ được nghe đài phát thanh.

Phong trào văn nghệ - thể dục thể thao quần chúng thường xuyên được củng cố tăng cường, duy trì hoạt động tốt, hàng năm

phục vụ bình quân 105.000 lượt người xem. Hoạt động thể dục-thể thao được duy trì thường xuyên, nhằm rèn luyện sức khoẻ, động viên tinh thần nhân dân. Các đội văn nghệ, thể thao và thông tin tuyên truyền của huyện tham gia hội diễn và thi đấu ở tỉnh đều đạt giải cao.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn huyện đạt được kết quả đáng kể. Ba di tích được UBND tỉnh công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh đó là: Di tích Đền Cô - Tân An; di tích Đền Ken - Chiềng Ken; di tích Pú Gia Lan[1]; văn hóa phi vật thể như các lễ hội (xuống đồng; cấp sắc...); các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao (hát nôm, múa xòe của dân tộc Tày; thổi khèn của dân tộc Mông, hát đối của dân tộc Dao; kéo co, ném còn...) được duy trì và biểu diễn thường xuyên, đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân, giáo dục truyền thống cách mạng địa phương đối với thế hệ trẻ. Các phong tục tập quán lạc hậu trên địa bàn huyện đã được cải tạo đáng kể. Không còn việc người chết không đưa vào quan tài ở một bộ phận dân tộc Mông xã Nậm Mả, Nậm Chày.

Hiện tượng để người chết quá 48 giờ chưa chôn cất, tổ chức cưới xin, ma chay dài ngày, nạn tảo hôn, bắt cóc vợ... giảm đi đáng kể so với giai đoạn trước[2].

Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống được chỉ đạo và triển khai thực hiện rộng khắp. Hàng năm bình quân có 55,1% hộ gia đình, 40,2% thôn bản tổ dân phố và 45,3% cơ quan đơn vị trường học đạt tiêu chuẩn văn hoá[3].

Công tác xoá đói giảm nghèo được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tập trung, đã huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia; nguồn lực được ưu tiên đầu tư cho

[1], [2] Đề án số 11 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn.

[3] Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

vùng cao, vùng sâu vùng xa; nhiều chính sách, chương trình dự án phục vụ công tác xoá đói giảm nghèo được thực hiện lồng ghép đã tác động mạnh mẽ và hiệu quả. Hết năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 20,9%.

Các chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng chính sách xã hội được chỉ đạo triển khai tốt. Trong nhiệm kỳ đã có 4.093 lượt đối tượng chính sách xã hội được hưởng tổng số tiền là 25,75 tỷ đồng. Thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ, năm 2009 và năm 2010, toàn huyện có 1.415 hộ gia đình được hỗ trợ làm nhà ở. Nhiều hộ khó khăn được hỗ trợ tu sửa và xây dựng nhà cửa, mua phương tiện nghe nhìn, được vay vốn với lãi suất ưu đãi; cuối năm 2009, có 13.121 lượt hộ vay trên 145 tỷ đồng đầu tư cho phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống.

Về y tế, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XVIII (2006-2010) xác định phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống mức 1,7%/năm; hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 20%. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Huyện ủy Văn Bàn đã xây dựng Đề án phát triển sự nghiệp Y tế, giai đoạn 2006-2010 với 4 Dự án thành phần[(1)]. Theo đó, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế; Tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; Làm tốt công tác quản lý nhà nước về y tế; Tăng cường củng cố hệ thống phòng khám

[(1)] Dự án xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân với mục tiêu 85% thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; 100% bệnh viện công lập chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ; Dự án phát triển cơ sở hạ tầng y tế phấn đấu xây dựng mới 4 trạm y tế; cải tạo nâng cấp, sửa chữa nhỏ 7 trạm y tế; Dự án giảm suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đã xác định tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 20%; 100% xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi; 100% thôn bản có đủ cộng tác viên dinh dưỡng, tỉ lệ trẻ 6-36 tháng tuổi được uống vitamin A đạt 98% trở lên; Dự án phát triển nguồn nhân lực đào tạo cán bộ y tế có trình độ chuyên môn kỹ thuật ngày nâng cao phấn đấu đến năm 2010 đào tạo 18 đại học, 3 dược sỹ đại học, 4 nữ hộ sinh Đại học, 5 nữ hộ sinh trung học.

đa khoa khu vực, trạm y tế xã, mạng lưới y tế thôn bản để giải quyết được những ca bệnh thông thường tại cơ sở, tránh sự quá tải cho y tế tuyến huyện; Vận động toàn dân thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Nhờ được quan tâm đầu tư, hệ thống y tế được củng cố, phát triển và từng bước hoàn thiện từ tuyến huyện đến cơ sở: 23/23 xã, thị trấn có trạm y tế; 84,8% thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân luôn được chú trọng. Chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao. Năm 2010, có trên 213.000 lượt người khám chữa bệnh, tăng 80.374 lượt so với năm 2005, tăng bình quân 9,5%/ năm, số lần khám chữa bệnh bình quân đạt chỉ tiêu kế hoạch. Năm 2010, đạt 2,3 lần/người/năm. tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 28,7% (năm 2005) xuống còn 23,62% (năm 2010)[1], giảm bình quân 1,6%/năm.

Trong những năm 2006-2010, y học cổ truyền được quan tâm phát triển, đảm bảo nhu cầu thuốc cho phòng bệnh và chữa bệnh. Tỷ lệ người có bảo hiểm y tế đạt 86,43% dân số, đạt 101% kế hoạch[2]. Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư xây dựng, bổ sung, sửa chữa, nâng cấp. Năm 2010, bệnh viện đa khoa huyện được đầu tư xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng; xây mới 8 trạm y tế xã, đạt 200% kế hoạch; cải tạo nâng cấp 5 trạm y tế xã, đạt 71,4% kế hoạch[3]. Bệnh viện, các trạm y tế không ngừng được bổ sung các trang thiết bị y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện.

Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế được tăng cường. Đến năm 2010, toàn huyện có 25 bác sỹ; 01 dược sỹ đại học (tăng 9 bác sỹ và 01 dược sỹ đại học so với năm 2006)[4].

---

[1], [2], [4] Đề án số 10 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.1.

[1] Đề án số 10 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.2.

An toàn vệ sinh thực phẩm được đẩy mạnh, có nhiều biện pháp quản lý thực phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Chương trình Mục tiêu quốc gia dân số, KHHGĐ được đẩy mạnh; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2010 ước chiếm 1,72%.

Công tác xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế được triển khai có hiệu quả. Năm 2005, Văn Bàn chưa có xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Đến năm 2010, đã có 17/23 xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế, chiếm 74% số xã toàn huyện[1].

Về giáo dục, trên cơ sở những thành tựu đạt được năm 2005 và những hạn chế về chất lượng giáo dục, tỷ lệ chuyên cần, cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, việc phát huy sức mạnh toàn dân trong phát triển sự nghiệp giáo dục còn hạn chế, Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2006-2010), xác định phấn đấu huyện giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường 98%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS vào năm 2010.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ huyện về sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2006-2010 là*:* "Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về giáo dục và đào tạo, tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS năm 2007. Cấp xã có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, vận động, đảm bảo huy động số lượng học sinh ra lớp, ngành giáo dục chịu trách nhiệm phối hợp các ngành, các địa phương chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục"[2].

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, ngày 21/4/2006, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn ban

[1] Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

[2] Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVIII, tr.18.

hành Nghị quyết số 02-NQ/HU, *"Về chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XIX, nhiệm kỳ 2006-2010"* với 5 chương trình và 11 Đề án, trong đó có Đề án 05 "Phát triển giáo dục giai đoạn 2006- 2010". Đề án xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành học, cấp học. Đảng bộ huyện cũng đề ra 9 nhóm giải pháp thực hiện đề án[1].

Để thực hiện thắng lợi phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo đã xác định, từ năm 2006 đến năm 2010, huyện phát triển quy mô giáo dục một cách hợp lý, cân đối giữa các cấp học**.** Chỉ đạo hoàn thiện, củng cố mạng lưới trường lớp các ngành học, bậc học. Hình thành và đẩy mạnh hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, đầu tư các điều kiện cơ sở vật chất nhằm đẩy mạnh hoạt động của TTGDTX, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Phấn đấu xây dựng nhiều trường học đạt chuẩn quốc gia, ổn định và nâng dần quy mô 4 trường THPT, ưu tiên quan tâm các trường THPT mới thành lập tại các cụm xã. Trên cơ sở phân luồng học sinh sau mỗi cấp học, việc đa dạng hoá các loại hình trường lớp sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi nhằm thoả mãn cơ hội học tập cho người học. Duy trì và phát huy tốt các loại hình trường, lớp hiện có ở các cấp học. Tổ chức tốt dạy nghề phổ thông, tăng cường các hình thức dạy nghề nhằm bổ sung kiến thức mới cập nhật và đảm bảo việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS tốt hơn. Đồng thời làm tốt việc phân luồng học sinh, không gây áp lực tất cả các học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT. Duy trì các trung tâm học tập cộng đồng ở 23/23 xã, thị trấn.

Đảng bộ huyện Văn Bàn tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng thực chất. Chú trọng các giải pháp để nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục toàn diện

[1] Đề án phát triển giáo dục giai đoạn 2006-2010, tr.9, 10.

ở tất cả các cấp học. Tập trung vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực của học sinh.

Đối với giáo dục mầm non, huyện tập trung ưu tiên cho mẫu giáo 5 tuổi, thực hiện chuyên đề "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số", giúp trẻ bạo dạn, tự tin. Tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp. Chú trọng nâng cao chất lượng chăm sóc, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

Đối với giáo dục phổ thông, các trường học chú trọng dạy sát đối tượng, đánh giá kết quả học sinh, học viên theo giờ dạy và tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo học sinh yếu kém theo từng môn học. Công tác thi, kiểm tra, đánh giá được đổi mới toàn diện. Các trường tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy năng lực thực tiễn, thực hành cho học sinh. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng các nhà trường không có tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

Quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và

Quyết định số 09/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Huyện ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc rà soát, phân loại giáo viên theo quy chế đánh giá xếp loại theo Quyết định số 06/QĐ-BNV, của Bộ Nội vụ và Quyết định số 22/2006/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo chưa đạt trình độ chuẩn. Đồng thời chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chính sách, chế độ đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chỉ đạo đổi mới quản lý giáo dục.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của cơ sở vật chất trường học đối với sự phát triển giáo dục, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện việc huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính để xây dựng cơ sở vật chất, đáp ứng sự nghiệp phát triển giáo dục. Xây dựng trường học theo tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia trở thành phong trào rộng khắp các xã trong huyện. Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Các trường học được trang bị phần mềm quản lý trường học.

Trong những năm 2006-2010, công tác xây dựng Đảng và củng cố tổ chức công đoàn trong đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành Giáo dục đã triển khai thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào lớn trong ngành như thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương* đạo đức *Hồ Chí Minh";* cuộc vận động "*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương* đạo đức, *tự học và sáng tạo".*

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ *Về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục* và hưởng ứng sáng tạo cuộc vận động *"Hai không*" với 4 nội dung của ngành, công tác giáo dục của huyện Văn Bàn đã tạo ra sự chuyển biến căn bản trong việc thực hiện quy chế thi, kiểm tra và đánh giá học sinh. Đến năm 2010,

ngành giáo dục của huyện khắc phục được tình trạng "học sinh ngồi nhầm lớp", hạn chế tình trạng học sinh học yếu, dẫn đến chán học và bỏ học, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm theo từng năm.

Phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" được đẩy mạnh. Cùng với việc kiện toàn về tổ chức và xây dựng kế hoạch hoạt động của ban chỉ đạo các cấp hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo mở rộng các hoạt động phối hợp với các ngành và đoàn thể có liên quan triển khai hiệu quả nội dung của phong trào.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện về xã hội hóa giáo dục, UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập ở các trường Hội đồng trường, hoạt động theo quy định, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương và của nhà trường; chỉ đạo phát triển mô hình bán trú để học sinh được nuôi dạy, tham gia học tập, được rèn luyện hai buổi trong ngày tại trường học. Mở rộng dần đáp ứng yêu cầu nội trú dân nuôi, tạo điều kiện cho học sinh ở xa điểm trường được theo học đúng độ tuổi và đảm bảo đi học chuyên cần, nâng cao chất lượng dạy học. Huyện phát huy chức năng các ngành, đoàn thể quần chúng của huyện như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên của huyện, có các nghị quyết phối hợp với Phòng GD&ĐT để tuyên truyền vận động, chỉ đạo tổ chức đoàn thể quần chúng tại cơ sở, tuyên truyền vận động nhân dân và các tổ chức kinh tế, xã hội tham gia tích cực xây dựng xã hội hóa trường học.

Nhờ triển khai đồng bộ chủ trương, đường lối về công tác giáo dục với các giải pháp cụ thể phù hợp, trong 5 năm (2006-2010), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Văn Bàn, sự nghiệp giáo dục của huyện có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả tốt. Quy mô mạng lưới trường lớp không ngừng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của toàn dân, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Mặc dù điều

kiện kinh tế- xã hội của Văn Bàn còn nhiều khó khăn, song mạng lưới trường lớp và quy mô giáo dục phát triển đồng bộ và rộng khắp theo hướng đa dạng hóa các loại hình trường, lớp ở tất cả các bậc học, ngành học, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân.

Năm học 2005-2006, toàn huyện có 81 trường, 1.052 lớp và 24.205 học sinh (thành lập mới đầu năm học 08 trường mầm non, 01 trường THPT số 3). Năm học 2010-2011, toàn huyện có 93 đơn vị trường học, 997 lớp với 21.706 học sinh (tăng 12 trường so với năm học 2005-2006).

Giáo dục mầm non có sự phát triển đáng kể. Đến năm 2010, toàn huyện có 26 trường mầm non, tăng 8 trường so với năm 2006. Giáo dục phổ thông có nhiều tiến bộ. Năm 2010, toàn huyện có 36 trường tiểu học (tăng 02 trường so với năm học 2005-2006) với 416 lớp và 7840 học sinh; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (tăng 4% so với năm học 2005-2006), trẻ 6-14 tuổi đi học tiểu học đạt 99,4% tổng số trẻ trong độ tuổi; tổng số học sinh tiểu học được xét tốt nghiệp 1512/1512 đạt 100%.

Ở bậc trung học cơ sở, toàn huyện có 24 trường với 212 lớp, 6447 học sinh (tăng 01 trường so với năm 2005). Đối với bậc học THPT, toàn huyện có 04 trường (tăng 01 trường so với năm 2005) với 60 lớp, 2236 học sinh[1]. Sự phát triển không ngừng của mạng lưới trường lớp và quy mô giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đã thực sự thỏa mãn được nhu cầu của người học, đánh dấu bước phát triển sự nghiệp giáo dục của huyện, khẳng

[1] Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT năm học 2009-2010 đạt 1343/1901 học sinh đạt 70,65% vượt so với mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 là 5,65%. Trong đó, các xã vùng 1 và vùng 2 tỷ lệ tốt nghiệp THCS vào THPT là 642/833 đạt 77,07% tăng 22,07% so với năm 2005, vượt so mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 là 2,07%; Các xã vùng 3 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT là 707/1068 học sinh đạt 66,19%, vượt 6,19% so với mục tiêu phấn đấu đến năm 2010.

định sự nỗ lực không mệt mỏi của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

Đồng thời với giáo dục phổ thông, trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên, mở các lớp bổ túc THCS tập trung cho cán bộ nguồn cơ sở xã và liên kết với các trường THPT, THCS mở các lớp bổ túc THPT tại cụm xã và tại trung tâm, đáp ứng nhu cầu học lên cho người lao động, cán bộ cấp xã, cán bộ cấp huyện đảm bảo chuẩn hóa công chức, viên chức; 23/23 xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Công tác phổ cập giáo dục luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân từ huyện đến cơ sở. Trên cơ sở phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, hàng năm ngành giáo dục đã huy động học sinh tham gia học bổ túc trung học cơ sở.

Đến tháng 12/2006, huyện được công nhân đạt chuẩn PCGD THCS[(1)]. Với kết quả đó, Văn Bàn đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trước một năm so với kế hoạch của tỉnh và nghị quyết Đảng bộ huyện đặt ra.

Giai đoạn 2005-2010, việc huy động trẻ đến trường duy trì ổn định, giáo dục mầm non được quan tâm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, biên chế giáo viên mầm non tiếp tục được tăng cường Năm 2010, số trẻ mầm non toàn huyện là 4306 trẻ, tăng 1044 trẻ so với năm 2005. Số học sinh tiểu học, THPT duy trì ổn định. Riêng THCS, toàn huyện tập trung chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục THCS, do đó số lượng học sinh không ngừng được tăng lên.

Chất lượng giáo dục có bước phát triển toàn diện và vững chắc, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý từng bước được nâng

(1) Văn kiện đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý giáo dục có nhiều đổi mới. Ngành giáo dục đã tập trung nhiều công sức, trí tuệ, nguồn lực nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học. Chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững và nâng dần qua từng năm.

Trong giáo dục phổ thông, thực hiện đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tăng cường kiểm soát chất lượng giáo dục, đầu tư thích đáng cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi, kèm cặp, giúp đỡ học sinh yếu kém... Nhờ đó, chất lượng giáo dục phổ thông ngày càng được nâng cao.

Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đến hết năm học 2010-2011 được củng cố và nâng cao. Tổng số học sinh trong độ tuổi 11-14 hoàn thành chương trình Tiểu học là 6.329/6.398, đạt 98,92%; Tổng số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học là 1415/1420, đạt 99,6%. Tỷ lệ học sinh đạt khá giỏi, 61,84%, tăng 21,94% so với năm 2006[1].

Chất lượng giáo dục toàn diện bậc trung học cơ sở được nâng lên. Trong giáo dục THPT, các trường học tổ chức thực hiện chương trình phân ban kết hợp với dạy học tự chọn đảm bảo theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Năm học 2010-2011, tỷ lệ học sinh khá giỏi đạt 33,2%, tăng 14,9% so với năm học 2005-2006; tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém còn 9,8%, giảm 0,93% so với năm học 2005-2006. Từ năm 2006 đến năm 2010, huyện có 489 học sinh đỗ vào các trường cao đẳng và đại học. Trong 5 năm (2006-2010), Văn Bàn liên tục cải tiến hình thức thi chọn học sinh giỏi các bậc học, nhằm chọn lọc những học sinh giỏi xuất sắc, làm nền tảng cơ sở tuyển chọn đào tạo đội tuyển học sinh giỏi các

[1] Báo cáo số 377/PGD&ĐT, ngày 16/6/2011 của Phòng GD&ĐT về tổng kếtnăm học 2010-2011, tr.4, 5.

cấp. Từ năm 2006 đến 2010, toàn huyện có 796 học sinh đạt giải kì thi học sinh giỏi cấp huyện, 221 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh và 14 học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp Quốc gia. Trong 3 năm liên tục, kết quả kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh của các cấp học, bậc học huyện Văn Bàn luôn được xếp thứ 2 sau thành phố Lào Cai. Giáo dục thể chất, thẩm mỹ, giáo dục lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ở các trường cũng được chú trọng.

Giáo dục thường xuyên góp phần nâng cao trình độ văn hóa cho người lao động, cán bộ công chức xã, công chức, viên chức huyện. Trung tâm GDTX tiếp tục mở rộng phổ cập nghề cho người lao động và bồi dưỡng kiến thức văn phòng cho cán bộ cơ sở cấp xã. Từ 2006 đến 2010, có 1.646 học viên tốt nghiệp bổ túc THCS, 416 người tốt nghiệp bổ túc THPT.

Ngành giáo dục huyện Văn Bàn chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên. Đến năm 2010, tổng số cán bộ, giáo viên trong toàn huyện có 1967 người. Trong 5 năm, bố trí được 295 giáo viên các cấp học đi học nâng cao trình độ đào tạo đạt chuẩn. Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giáo viên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Bàn đã thực hiện nghiêm túc chính sách tinh giản biên chế. Từ năm 2006 đến năm 2010, toàn huyện giải quyết tinh giản 31 trường hợp theo Nghị định số 132 của Chính phủ, đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên tương đối toàn diện.

Cơ sở vật chất trường học không ngừng được tăng cường, việc kiên cố hóa trường, lớp học được đẩy mạnh, hệ thống trường chuẩn quốc gia ngày một tăng. Các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương có nhiều biện pháp huy động các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất trường học.

Bằng các nguồn vốn, chương trình, dự án đầu tư của nhà nước như chương trình 135, kiên cố hoá trường lớp học, cùng

với sự đóng góp của nhân dân và phong trào xã hội hoá, đến năm 2010, cơ cở vật chất, diện mạo trường học thay đổi đáng kể, không còn nhà tạm, không phải học 3, nhiều trường được xây cấp 3 kiên cố; hầu hết các điểm trường, trường học có diện tích đảm bảo trang thiết bị phục vụ dạy học. Toàn huyện có 1.256 phòng học, tăng 261 phòng so với năm 2006. Huyện đầu tư xây dựng tăng 78 phòng học thực hành bộ môn và 551 phòng học thông thường quy mô kiến cố, 346 phòng ở giáo viên, 114 phòng ở học sinh nội trú, 95 công trình vệ sinh công cộng trong trường học và các công trình phụ trợ khác.

Đến tháng 12/2010, toàn huyện có 32 trường được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia. Trong đó có 05 trường Tiểu học, 02 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, tăng so với năm 2005 là 28 trường. Với những thành tích đó, huyện Văn Bàn là đơn vị dẫn đầu tỉnh Lào Cai về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện trao hoa chúc mừng Trường Tiểu học Khánh Yên Trung và Trường Mầm non Khánh Yên Trung trong Lễ đón nhận Bằng công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

UBND xã Hòa Mạc tổ chức cho nhân dân các dân tộc cùng nhà giáo, học sinh các trường học trong xã đón bằng công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia.

Tháng 12/2010, huyện được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận 32 trường học đạt Trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 30/5/1998 của Bộ chính trị về *"tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển* đảng viên *trong trường học"*, huyện tổ chức thực hiện các chương trình về giáo dục chính trị, tư tưởng, lối sống cho cán bộ giáo viên, chăm lo công tác xây dựng các cơ sở Đảng và các đoàn thể trong nhà trường, quan tâm phát triển đảng viên mới. Công tác củng cố xây dựng tổ chức Đảng trong trường học đã có nhiều chuyển biến đáng khích lệ. Năm học 2005-2006, toàn ngành có 445 cán bộ, giáo viên là đảng viên đạt 30,1%, đến năm học 2010-2011, 100% trường học có đảng viên, 89 chi bộ trường học, với 702 đảng viên chiếm 35,7%[(1)].

Với những thành tích đạt được, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Bàn và cán bộ, giáo viên của huyện đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Phòng Giáo dục và Đào tạo liên tục

[(1)] Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010, tr.153.

được công nhận đơn vị tiên tiến. Năm 2007 được tặng Huân chương Lao động hạng Ba[1]. Từ năm 2006 đến năm 2010, có 01 trường được tặng Huân chương Lao động hạng Ba; 04 trường được Thủ tướng Chính phủ tặng và Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; 01 trường được Bộ GD&ĐT tặng Cờ thi đua xuất sắc và 06 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc.

Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh. Các tầng lớp nhân dân nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, sự quan tâm đến giáo dục, xác định phát triển sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội. Toàn huyện huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục, xây dựng quỹ khuyến học, chăm lo cho việc học tập của con em các gia đình chính sách, gia đình khó khăn, khen thưởng giáo viên giỏi, học sinh giỏi. Từ năm 2006 đến năm 2010, nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở vật chất và quỹ khuyến học được gần 13 tỷ đồng. Ngoài ra, các tổ chức xã hội và nhân dân đóng góp nhiều ngày công lao động xây dựng trường lớp, nhiều gia đình đã tự nguyện hiến đất xây dựng trường học.

Có thể khẳng định, từ năm 2006 đến năm 2010, huyện Văn Bàn đạt được nhiều thành tựu trên lĩnh vực giáo dục. Đó là duy trì bền vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; là đơn vị tốp đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt chuẩn phổ cập THCS của tỉnh Lào Cai; phát triển nhanh, mạnh quy mô, mạng lưới trường lớp các cấp học ngành học; là đơn vị phát huy sức mạnh cộng đồng chăm lo xây dựng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia thúc đẩy nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục có bước phát triển mạnh. Đã tạo ra phong trào rộng khắp trong việc phát huy sức mạnh toàn dân, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tập trung xây dựng các đơn vị trường học đạt chuẩn quốc gia, đến nay nhiều trường đang trong lộ trình hoàn thiện đạt chuẩn quốc gia trong những năm tới.

---

[1] Truyền thống ngành Giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 1945-2010, tr.157.

Về quốc phòng, an ninh, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu huyện lần thứ XVIII về lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Huyện ủy Văn Bàn xây dựng và ban hành các Đề án về công tác quốc phòng - an ninh nhằm cụ thể hóa nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII như Đề án "Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2006- 2010"; Đề án "nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn, giai đoạn 2006-2010".

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Đảng bộ huyện chỉ đạo tập trung một số nhiệm vụ: Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân, nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù; nắm chắc tình hình, chủ động tấn công làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ" của đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong việc củng cố xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng huấn luyện hàng năm. Thực hiện tốt công tác tuyển quân. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường mạng lưới an ninh cơ sở, tích cực đấu tranh ngăn chặn kịp thời và phòng chống có hiệu quả với các loại tội phạm hình sự, các tệ nạn xã hội. Làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường hoạt động hoà giải. Nâng cao chất lượng của hoạt động điều tra, xét xử và thi hành án, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Thực hiện chủ trương trên, Đảng bộ huyện đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh. Công tác quốc phòng - an ninh có nhiều chuyển biến tích cực, gắn với nhiệm

vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được chú trọng, dân quân tự vệ chiếm 1,86% dân số toàn huyện, trong đó tỷ lệ đảng viên là 23,74%. Trong 05 năm, toàn huyện tổ chức 50 cuộc diễn tập và luyện tập, đạt 100% kế hoạch; tuyển chọn 430 thanh niên gọi nhập ngũ đảm bảo chất lượng, hoàn thành 100% kế hoạch giao. Công tác hậu phương quân đội được chỉ đạo thực hiện tốt.

Tình hình an ninh trật tự luôn ổn định và được giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường. Lực lượng công an cơ sở, an ninh nông thôn, bảo vệ cơ quan đơn vị thường xuyên được bồi dưỡng về tư tưởng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động có nền nếp và hiệu quả. Công tác quản lý nhân hộ khẩu, quản lý vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ được chú trọng.

Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy chính quyền quan tâm, quyết liệt đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, tụ tập tuyên truyền đạo trái phép; đồng thời tăng cường tuyên truyền chính sách pháp luật cho quần chúng nhân dân và kịp thời triển khai thực hiện biện pháp nắm vững tình hình, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, thu giữ nhiều tài liệu, đĩa hình có nội dung tuyên truyền đạo trái phép, đồng thời gọi lên trụ sở giáo dục, răn đe các đối tượng có biểu hiện hoạt động trên, lập danh sách số dân theo Công giáo, đạo Tin Lành ở các xã, thị trấn trên địa bàn để quản lý theo quy định.

Công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể quan tâm, lãnh chỉ đạo sát sao, như nâng cao giáo dục chính trị tư tưởng, phòng chống các hoạt động móc nối, cài cắm gián điệp trong nội bộ cơ quan, tổ chức đoàn thể, đồng thời tăng cường chấn chỉnh công tác bảo vệ bí mật theo quy định của pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước. Do đó, giai

đoạn 2006- 2010, chưa phát hiện có cơ sở thiếu sót trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ, cũng như chưa phát hiện các vụ để lọt lộ thông tin, tài liệu mật gây hậu quả nghiêm trọng trong cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện[1].

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được Huyện ủy, UBND huyện quan tâm, chỉ đạo sát sao. Các lực lượng chức năng của huyện, cấp ủy, chính quyền các xã trong huyện triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy và đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Củng cố kiện toàn các Ban chỉ đạo từ huyện xuống cơ sở một cách kịp thời, hoạt động có hiệu quả. Giai đoạn 2006-2010, các lực lượng công an mở 14 đợt cao điểm tấn công, truy quét các loại tội phạm hình sự, ma túy và phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em. Các cơ quan chức năng đã tích cực điều tra, khám phá và giải quyết 193 vụ phạm pháp hình sự, đạt 92% số vụ; khởi tố 158 bị can. Các vụ tệ nạn xã hội được phát hiện và giải quyết kịp thời đúng pháp luật, lập hồ sơ quản lý 464 đối tượng nghiện ma túy để đưa vào quản lý, giáo dục tại cộng đồng và đưa vào trung tâm lao động xã hội tỉnh, xử lý hành chính 445 vụ thuộc thẩm quyền cấp xã[2].

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm, như bố trí nơi tiếp công dân, niêm yết lịch và nội quy tại nơi tiếp công dân, bố trị cán bộ tiếp công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân đến phản ánh, kiến nghị, đề nghị hoặc khiếu nại tố cáo. Do đó, các đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân được giải quyết khách quan, đúng chính sách pháp luật, đúng thời gian quy định và có lý, có tình. Trong nhiệm kỳ 2006-2010, trên địa bàn tiếp 3.032 lượt công dân và

[1] Đề án số 14 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.3.

[2] Đề án số 14 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.3.

tiếp nhận tổng số 1.688 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị, trong đó giải quyết 1.170/1.232 đơn thuộc thẩm quyền đạt 95%[1]; hoàn thành 60 cuộc thanh tra. Các tổ hoà giải ở các thôn bản, tổ dân phố thường xuyên được củng cố tăng cường và làm tốt công tác hoà giải từ cơ sở.

Về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, Huyện uỷ triển khai quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động của huyện thực hiện nghị quyết Trung ương 3 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; gắn việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí với đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đã triển khai thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Hàng năm, UBND huyện ra quyết định giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách cho các đơn vị, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Việc kê khai minh bạch về tài sản và thu nhập đối với các cán bộ thuộc diện phải kê khai trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị được triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng được chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ. Qua 60 cuộc thanh tra, những vi phạm của các cá nhân và tập thể được xử lý kịp thời, đúng mức; thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước 452.243.483 đồng; thu hồi 798,11m^2 đất vườn và 43 hợp đồng giao khoán đất với diện tích 4.300m^2; thu hồi một máy nổ của tập thể sử dụng vào mục đích cá nhân; buộc tháo dỡ 26 trường hợp do xây dựng nhà ở trái phép; khiển trách đối với 7 cá nhân và 3 tập thể; cảnh cáo đối với 2 cá nhân; kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 7 tập thể và 5 cá nhân. Trong 5 năm

[1] Đề án số 15 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn, tr.2.

(2006-2010), trên địa bàn huyện không phát hiện vụ việc nào liên quan đến lĩnh vực tham ô, tham nhũng đến mức phải truy tố xét xử.

Tuy nhiên, tình hình di dịch cư tự do, truyền đạo trái pháp luật, các hoạt động tội phạm và tệ nạn xã hội, khai thác trái phép tài nguyên trên địa bàn có thời điểm diễn biến phức tạp, mặt khác các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hóa bình, bạo loạn lật đổ" lợi dụng các vấn đề về dân tộc để chống phá cách mạng dưới nhiều hình thức; công tác quốc phòng - quân sự của một số cấp ủy còn có biểu hiện chủ quan, coi nhẹ. Đó là những nguyên nhân tiềm ẩn sự mất ổn định về an ninh trật tự.

Xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra mục tiêu tổng quát về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, giai đoạn 2006-2010 là coi trọng nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; với mục tiêu phấn đấu 100% tổ chức cơ sở Đảng đạt loại khá trở lên, trong đó 70% đạt trong sạch vững mạnh; 100% các thôn bản, trạm xá, trường học, cơ quan nhà nước đều có đảng viên; 90% tổ chức đoàn thể ở cơ sở đạt loại khá trở lên. Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ huyện về công tác xây dựng và củng cố hệ thống chính trị.

Cụ thể hóa mục tiêu đề ra về xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, mọi cán bộ đảng viên phải tuyệt đối phục tùng tổ chức. Phải khơi dậy tinh thần trách nhiệm, lòng dũng cảm của cán bộ đảng viên trong việc đấu tranh tự phê bình và phê bình, thực hiện tốt cuộc vận động xây

dựng chỉnh đốn Đảng. Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và trong cơ quan nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tăng cường công tác phát triển Đảng, coi trọng việc nâng cao chất lượng đảng viên, chú ý phát triển đảng viên nữ, đảng viên trẻ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân. Làm tốt công tác phát triển Đảng. Làm tốt công tác kiểm tra thi hành điều lệ Đảng đối với tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên[1].

Thấu suốt quan điểm xây dựng Đảng là then chốt, Đảng bộ đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tăng cường, làm cho nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có sự chuyển biến, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Hàng năm, các cấp ủy tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và nhân dân. Năm 2008, Huyện ủy triển khai học tập và thực hiện các Nghị quyết Trung ương 06, 07 khoá X, Nghị quyết 23 của Bộ chính trị, các chuyên đề tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; tổ chức cuộc thi "báo cáo viên giỏi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" với 29 thí sinh tham gia.

Triển khai học tập, quán triệt các chuyên đề về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh năm 2009, triển khai cuộc vận động bí thư chi bộ "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Năm 2010, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động thi đua chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương; chàomừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XI của Đảng; gắn với triển thực hiện cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" theo chuyên đề

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

"xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh", "là đạo đức, là văn minh"; tổ chức tổng kết 4 năm thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", sơ kết bước một phong trào thi đua "Bí thư Chi bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Công tác xây dựng tổ chức Đảng và đảng viên được coi trọng. Năm 2007, Huyện ủy quyết định tách thành lập mới 01chi bộ cơ sở, nâng tổng số tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện lên 44 tổ chức đảng, năm 2008 tách thành lập 20 chi bộ dưới cơ sở. Năm 2009, thành lập 01 tổ chức cơ sở Đảng, nâng tổng số lên 45 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc huyện uỷ; tách thành lập mới 09 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, nâng tổng số lên 286 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở. Đến năm 2010, toàn huyện có 46 Chi, Đảng bộ trực thuộc Huyện uỷ, tăng 03 đơn vị so với năm 2005; 286 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, tăng 76 đơn vị so với năm 2005; các cơ quan đơn vị, các thôn, tổ dân phố đều có đảng viên với tổng số trên 3.500 đảng viên, tăng trên 900 đảng viên so với năm 2005, tăng bình quân 6,5%/năm[1]. Việc đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên hàng năm được Huyện uỷ chỉ đạo chặt chẽ, đúng hướng dẫn của cấp trên. Bình quân hàng năm có 70% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, đạt 100% mục tiêu đại hội; 82% cấp uỷ viên và 84% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy chú trọng. Năm 2007 kết nạp được 231 đảng viên; năm 2008 kết nạp được 232; năm 2009 kết nạp được 153; năm 2010, kết nạp được 218 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của toàn huyện lên 3.593 đồng chí.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm và thực hiện đúng quy định. Những vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay được xem xét giải quyết, xử lý kịp thời. Công tác quản

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

lý hồ sơ đảng viên được thực hiện tốt. Đảng bộ đã chỉ đạo thực hiện tốt Quy định số 76-QĐ/TW của Bộ chính trị, đa số đảng viên các cơ quan nhà nước sinh hoạt tại nơi cư trú đều thể hiện tính tiên phong gương mẫu, đảm bảo mối liên hệ tốt với cấp uỷ, chính quyền nơi cư trú.

Công tác kiểm tra giám sát của Đảng được chỉ đạo tiến hành chặt chẽ từ huyện đến cơ sở. Giai đoạn 2006-2010, Huyện ủy ban hành 03 văn bản về công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Trong nhiệm kỳ Huyện uỷ đã kiểm tra 30 tổ chức đảng và giám sát 07 tổ chức đảng Huyện uỷ kiểm tra 61 tổ chức đảng và 27 đảng viên, giám sát 07 tổ chức đảng; Qua kiểm tra giám sát xử lý kỷ luật 03 tổ chức đảng và 60 đảng viên[1]; sau kiểm tra Huyện ủy chỉ đạo khắc phục tồn tại và thường xuyên theo dõi kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng; các trường hợp bị xử lý kỷ luật đều đúng mức độ; các quyết định xử lý được chấp hành tốt, không có khiếu nại.

Công tác dân vận của Đảng bộ đạt được nhiều kết quả, có sự đổi mới về nội dung và phương pháp vận động quần chúng, tạo sự chuyển biến tốt. Hệ thống tổ chức dân vận được củng cố và kiện toàn, chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có nhiều cố gắng đổi mới phương thức hoạt động, biện pháp tuyên truyền vận động. Quy chế dân chủ được triển khai đồng bộ ở cơ sở, đạt được kết quả tốt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng; Chỉ thị 06-CT/TW, ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về "Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", giai đoạn 2006-2010, với sự chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của các cấp ủy và tổ chức đảng; sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, cuộc vận động đạt được kết quả bước đầu, góp phần

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng; Nghị quyết Đại hội XIII của Tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Kết quả triển khai cuộc vận động khẳng định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là rất quan trọng và cần thiết, chẳng những đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt mà còn có ý nghĩa cơ bản, lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được huyện ủy triển khai tích cực, trở thành đợt sinh hoạt sâu rộng trong đảng và trong xã hội; Huyện ủy xây dựng 02 kế hoạch và ban hành 05 quyết định triển khai, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Cấp ủy, tổ chức Đảng, ban chỉ đạo, các ngành triển khai kịp thời và đồng bộ các nội dung cuộc vận động. Huyện uỷ đã chọn cơ sở làm điểm để nhân rộng ra toàn huyện.

Công tác kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cấp được tiến hành thường xuyên. Hình thức kiểm tra, giám sát luôn được đổi mới. Ngoài việc các tổ chức tự kiểm tra, Huyện ủy trực tiếp kiểm tra 67% số chi, đảng bộ cơ sở. Hàng năm các cấp ủy tổ chức sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện cuộc vận động.

Cuộc thi "*Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" có 02 Đảng bộ xã tổ chức Hội thi cấp cơ sở; 29 đồng chí tham gia cuộc thi cấp huyện; cấp huyện đã chọn 01 đồng chí tham gia thi cấp tỉnh và đạt giải ba. Cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí đã thu hút một số đồng chí tham gia; huyện đã chọn 02 bài dự thi cấp tỉnh[1].

Quá trình triển khai thực hiện, các cơ sở cụ thể hoá việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức phù hợp. Thông qua bản thu

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

hoạch, liên hệ của đảng viên, nhiều chi bộ, cơ quan, đơn vị đã tổ chức thảo luận nghiêm túc, đánh giá đúng thực trạng đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó, mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn cụ thể về đạo đức lối sống phù hợp với đặc điểm công tác theo từng ngành, lĩnh vực. Huyện ủy chỉ đạo triển khai tổ chức lấy ý kiến đóng góp của quần chúng đối với cán bộ, đảng viên nơi cơ quan công tác và nơi cư trú một cách chặt chẽ, khách quan, đúng theo quy định, đảm bảo yêu cầu và đạt được hiệu quả thiết thực.

Năm 2009, Đảng bộ huyện phát động phong trào thi đua "Bí thư chi bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", đã tổ chức ký giao ước thi đua, có 94% bí thư chi bộ đăng ký tham gia. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm các bước triển khai cuộc vận động được các cấp uỷ đảng quan tâm; lựa chọn 26 tập thể và 29 cá nhân để biểu dương khen thưởng cấp huyện; lựa chọn 03 tập thể, 14 cá nhân đề nghị tỉnh khen; chọn 03 cá nhân, 02 tập thể dự Hội nghị gặp mặt cá nhân, tập thể tiêu biểu cấp tỉnh.

Về xây dựng và củng cố chính quyền, từ năm 2006 đến năm 2010, huyện tiếp tục củng cố hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước, nhất là cấp xã, thị trấn đảm bảo chính quyền từ huyện tới cơ sở đủ mạnh để làm tốt chức năng quản lý điều hành nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Người đứng đầu chính quyền các cấp tổ chức việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Đánh giá đội ngũ cán bộ công chức cả ở cấp huyện và cấp xã trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Công tác cán bộ được tiến hành đúng quy trình, phù hợp. Công tác đào tạo bồi dưỡng về lý luận chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý cho đội ngũ cán bộ công chức, nhất là ở cơ sở được triển khai. Công tác xây dựng và củng cố kiện toàn bộ máy chính quyền được Đảng bộ huyện chỉ đạo một cách thường xuyên. Trong nhiệm

kỳ, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành 53 nghị quyết, tiến hành 36 cuộc giám sát chuyên đề, 05 cuộc khảo sát. Các đại biểu Hội đồng nhân dân nhìn chung có ý thức trách nhiệm cao trước cử tri, trước nhân dân. Hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền được tăng cường.

Công tác xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới. Tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn các tổ chức đoàn thể. Cán bộ làm công tác đoàn thể, ngoài yêu cầu chung của cán bộ công chức, cần chọn người có lòng nhiệt tình công tác, am hiểu phong tục tập quán địa phương, có khả năng vận động quần chúng.

Huyện ủy chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc phát huy tốt vai trò trung tâm khối đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp quần chúng nhân dân triển khai thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Qui chế dân chủ ở cơ sở và trong các cơ quan được coi trọng. Hàng năm Mặt trận Tổ quốc huyện làm tốt công tác giám sát và tích cực tham gia xây dựng chính quyền: Đã phối hợp tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc cử tri; Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào: "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"; "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc"; "Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi"; xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa"; xây dựng quỹ "vì người nghèo", xoá nhà tạm cho người nghèo .Mặt trận các cấp tích cực tham gia xây dựng chính quyền thông qua giám sát việc triển khai các chương trình công tác.

Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên, hội viên các tổ chức đoàn thể, nhằm không ngừng nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể vững mạnh, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phấn đấu hàng năm có 90% tổ chức đoàn thể trở lên đạt loại khá, trong đó có 70 % đạt vững mạnh.

Lễ kỉ niệm 60 năm giải phóng huyện Văn Bàn (16/11/1950-16/11/2010).

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể có sự phối kết hợp tốt trong việc tổ chức cho nhân dân học tập, triển khai thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở ngày càng đi vào chiều sâu, có sự chuyển biến cả về kiện toàn tổ chức hội, phát triển hội viên và đổi mới phương thức hoạt động; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đoàn viên hội viên được coi trọng. Hàng năm có 100% chính quyền cơ sở, bình quân có 97% tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở xếp loại khá trở lên, vượt mục tiêu đại hội 7%.

Huyện ủy chỉ đạo các đoàn thể tăng cường củng cố tổ chức hội, phát triển hội viên và tổ chức các phong trào rộng khắp để động viên hội viên tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị trên địa bàn và đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Hàng năm, Huyện ủy có kế hoạch cụ thể để xây dựng bộ máy của các đoàn

thể tới tận thôn bản. Xúc tiến việc xây dựng tổ chức công đoàn ở cấp xã, công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân. Tích cực bồi dưỡng kết nạp đoàn viên, hội viên mới.

Hội Nông dân từ huyện đến cơ sở tích cực vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi; vận động nông dân đóng góp nhiều ngày công, tiền mặt, lương thực, cây con giống hỗ trợ giúp đỡ hộ nghèo. Huy động nhiều công lao động tham gia làm đường giao thông nông thôn, làm kênh mương thủy lợi, xây dựng trường lớp. Năm 2007, Huyện ủy chỉ đạo đại hội Hội Nông dân từ cơ sở đến cấp huyện; kết nạp 446 hội viên mới, nâng tổng số lên 8.801 hội viên. Năm 2008, kết nạp 463 hội viên mới, bầu bổ sung 01 Chủ tịch và 03 Phó chủ tịch hội nông dân xã, kiểm tra toàn diện 250 chi hội, năm 2009, thành lập mới 04 chi hội, nâng tổng số lên 253 chi hội; kết nạp 324 hội viên mới. Năm 2010 kết nạp mới 300 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 9.888 người.

Hội Phụ nữ tập trung chỉ đạo các phong trào thi đua và 06 chương trình trọng tâm của công tác hội. Triển khai tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, tuyên truyền pháp luật cho chị em phụ nữ. Tuyên truyền vận động giúp đỡ phụ nữ nghèo phát triển sản xuất và lúc khó khăn hoạn nạn bằng nhiều hình thức phong phú. Năm 2007, phát triển được 1.850 hội viên mới, nâng tổng số hội viên Hội phụ nữ toàn huyện lên 11.974 chị em, chiếm 68% phụ nữ từ 18 tuổi trở lên. Năm 2008 kiện toàn 264 chi hội và 72 tổ, bổ sung 08 uỷ viên Ban Chấp hành phụ nữ xã và 12 chi hội trưởng, kết nạp mới 86 hội viên. Năm 2009, kiện toàn bổ sung Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ huyện; kiện toàn 04 chi hội; bầu bổ sung 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 03 uỷ viên Ban thường vụ và 06 ủy viên Ban Chấp hành hội cơ sở; kết nạp mới 841 hội viên. Năm 2010, kết nạp mới 524 hội viên, đưa tổng số hội viên toàn huyện lên 14.407 chị em; bầu bổ sung 02 phó chủ tịch và 01 ủy viên ban thường vụ hội cơ sở; kiện toàn 04 chi hội.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên có nhiều hoạt động sôi nổi mừng Đảng mừng Xuân, tổ chức ra quân hưởng ứng "Tháng thanh niên" từ huyện tới cơ sở. Đẩy mạnh các hoạt động Văn hoá - Văn nghệ, thể dục thể thao tạo sân chơi lành mạnh thu hút hàng nghìn lượt Thanh - Thiếu niên tham gia. Công tác xây dựng đoàn, hội, đội được chú ý. Năm 2007, tổ chức Đại hội đoàn cấp Huyện nhiệm kỳ 2007-2012, kiện toàn Ủy ban Hội Liên hiệp thanh niên huyện nhiệm kỳ 2004-2009. Trong năm 2007 kết nạp 940 đoàn viên và 940 hội viên mới, có 134 đoàn viên được kết nạp vào Đảng. Năm 2008 mở 17 lớp đối tượng đoàn cho 585 thanh niên ưu tú, kết nạp 566 đoàn viên mới, có 77 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Năm 2009 kết nạp mới 443 đoàn viên. Năm 2010 kết nạp mới 794 đoàn viên nâng tổng số đoàn viên toàn huyện lên 6.107, với 46 cơ sở đoàn, chi đoàn trực thuộc, có 350 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Hội Cựu chiến binh bám sát nội dung chương trình kế hoạch công tác, phối hợp tuyên truyền vận động nhân dân và Hội viên tích cực đẩy mạnh sản xuất, xoá đói giảm nghèo, xoá nhà tạm, tích cực trong hoạt động tình nghĩa từ thiện, làm công tác hoà giải có hiệu quả. Công tác tổ chức Hội và phát triển Hội viên thường xuyên được quan tâm. Năm 2007 phát triển thêm 02 Hội cơ sở, 14 chi hội, kết nạp mới 140 hội viên, nâng tổng số lên 2.632 Hội viên. Năm 2008, toàn huyện có 2.700 hội viên. Năm 2009 kết nạp mới 169 hội viên, nâng tổng số lên 2.870 hội viên. Năm 2010 kết nạp mới 196 hội viên, nâng tổng số lên 3.028 hội viên.

Liên đoàn lao động huyện có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền vận động cán bộ công chức và lao động tham gia các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị trong cơ quan đơn vị và trên địa bàn, trong đó đáng chú ý là phong trào thi đua *"Lao động giỏi, lao động sáng tạo"* thu hút đông đảo cá nhân và tập thể tham gia. Công đoàn đã làm tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cán bộ công chức và lao động; Tích cực phối hợp tổ chức các hoạt động văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể

thao. Trong năm 2007 thành lập mới 06 công đoàn cơ sở xã, kết nạp 121 đoàn viên công đoàn, nâng tổng số lên 2.244 đoàn viên công đoàn. Năm 2008, tổ chức thành công Đại hội Công đoàn Huyện lần thứ VI; tăng cường công tác xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, kết nạp mới 183 đoàn viên. Năm 2009, kiện toàn một số công đoàn cơ sở, kết nạp 13 đoàn viên mới. Năm 2010, thành lập mới và kiện toàn công tác tổ chức 02 công đoàn cơ sở, kết nạp mới 18 đoàn viên.

Tuy nhiên, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng ở một số cơ sở chưa cao. Công tác vận động quần chúng có lúc có nơi triển khai chưa tốt. Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu điều hành nhiệm vụ và quản lý địa bàn. Một số cán bộ đảng viên có dấu hiệu suy thoái phẩm chất đạo đức lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm, xa rời quần chúng, vi phạm quy định khi làm việc, vi phạm đạo đức lối sống, chưa có tinh thần học tập phấn đấu vươn lên.

Có thể thấy trong 5 năm (2005-2010), Đảng bộ huyện đoàn kết thống nhất lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII và đạt được kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao. Cơ cấu chuyển dịch đúng hướng. Sản xuất lương thực liên tục được mùa, đàn gia súc gia cầm tăng, nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao. Văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực; đời sống nhân dân được cải thiện, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được tăng cường. Tuy nhiên, đến năm 2010 Văn Bàn vẫn là huyện nghèo, thu nhập bình quân còn thấp so với bình quân chung của tỉnh và cả nước. Cơ sở hạ tầng còn thiếu, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Xóa đói giảm nghèo chưa bền vững, đời sống người dân vùng nông thôn, vùng cao còn khó khăn. Chất lượng giáo dục và đào tạo, khám

chữa bệnh chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình hình an ninh trật tự và tệ nạn xã hội, di cư tự do, ma túy, buôn lậu... còn diễn biến phức tạp. Năng lực lãnh đạo của của cán bộ, đảng viên cơ sở còn hạn chế[1]. Tuy còn những khó khăn, hạn chế nhưng kết quả đạt được là cơ sở cho sự phát triển của Văn Bàn giai đoạn tiếp theo.

III. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2015)

Trong những năm 2010-2015, tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, nhưng các nước lớn vẫn chi phối các quan hệ quốc tế. Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học-công nghệ phát triển mạnh mẽ. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

Trong nước, những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986-2011) tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài

[1] Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVIII nhiệm kỳ 2005-2010 trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

"dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có những diễn biến phức tạp. Trên cơ sở phân tích tình hình thực tiễn, Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra mục tiêu phát triển đất nước 5 năm (2011-2015) là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trên cơ sở dự báo tình hình thế giới và trong nước, trước những thời cơ và thách thức đan xen đối với sự phát triển của đất nước, Đại hội Đảng lần thứ XI bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 và thông qua Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (2011-2020).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, mặc dù có nhiều khó khăn, song với chủ trương, quan điểm, định hướng đúng đắn, sát thực tiễn, cộng với sự năng động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, sự quyết tâm phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng bộ, của các cấp, các ngành và nhân dân trên địa bàn, kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao với mức bình quân 5 năm 13%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Sản xuất lương thực liên tục được mùa. Lợi thế về cửa khẩu, công nghiệp, dịch vụ, du lịch được khai thác hiệu quả, đã và đang tạo bước phát triển mạnh mẽ cho Lào Cai. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng nhanh. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực và nâng cao đáng kể; đời sống nhân

dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt đô thị, nông thôn và vùng cao ngày càng đổi mới. Quốc phòng - an ninh được tăng cường và củng cố; hoạt động đối ngoại thu được nhiều kết quả, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác phát triển. Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều tiến bộ, hệ thống chính trị các cấp được củng cố và tăng cường. Mặc dù vậy, đến năm 2010, Lào Cai vẫn là tỉnh nghèo, thu nhập bình quân chỉ bằng 2/3 mức bình quân của cả nước, cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và trong từng ngành, lĩnh vực còn chậm. Công tác xoá đói, giảm nghèo không bền vững, đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Chất lượng giáo dục - đào tạo, công tác khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu. Phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn phổ biến ở vùng cao, vùng dân tộc thiểu số. Thiết chế văn hoá, nhất là cơ sở vẫn thiếu thốn. Tình hình an ninh ở một số địa bàn, tai nạn và tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp. Ở một số cơ sở năng lực đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế.

Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, trên cơ sở phân tích tình hình địa phương sau hơn 20 năm đổi mới đề ra mục tiêu tổng quát là: Kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh, bền vững, gắn với ổn định, phát triển xã hội, để đến năm 2015, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng trung du và miền núi phía Bắc, là địa bàn quan trọng về hợp tác và giao lưu kinh tế quốc tế của vùng và cả nước. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và y tế, văn hoá, thể dục thể thao. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững

ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ gìn biên giới ổn định, hoà bình, hữu nghị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh,... tạo tiền đề vững chắc để đến năm 2020, Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của cả nước.

Đối với Văn Bàn, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2005-2010, huyện có bước phát triển toàn diện. Nền kinh tế của huyện tiếp tục có bước tăng trưởng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có sự chuyển biến tích cực; công tác xoá đói giảm nghèo được triển khai thực hiện tốt; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Công tác quốc phòng - an ninh được tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có nhiều tiến bộ; hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, là nền tảng vững chắc cho sự phát triển. Tuy nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội còn kém; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành, từng lĩnh vực còn chậm; Công tác xoá đói giảm nghèo chưa bền vững; đời sống của một bộ phận không nhỏ người dân, nhất là ở nông thôn và vùng cao còn rất khó khăn. Chất lượng giáo dục - đào tạo, khám chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác cải tạo tập quán lạc hậu chuyển biến chậm; thiết chế văn hoá cơ sở còn nghèo nàn; tình hình an ninh trật tự và tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp; công tác xây dựng hệ thống chính trị ở một cơ sở còn bất cập;đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên còn hạn chế.

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04/8/2009 của Bộ chính trị về đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 16/10/2009 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc triển khai Chỉ thị số 37-CT/ TW

của Bộ Chính trị, từ ngày 10 đến 12/8/2010, Đảng bộ huyện Văn Bàn tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ XIX. Tham dự Đại hội có 200 đồng chí. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 43 đồng chí. Đồng chí Hoàng Thế Hùng được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

Trên cơ sở tình hình, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra mục tiêu tổng quát: Duy trì và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững. Phát triển nông nghiệp - nông thôn là trọng tâm; đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng; chú trọng phát triển thương mại - du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và phát triển sự nghiệp y tế, văn hoá, thể dục thể thao. Đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo bền vững, tạo việc làm; cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên; xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong sạch vững mạnh, làm cơ sở lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ huyện Văn Bàn, nghị quyết Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ tỉnh Lào Cai và nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015 trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, tài nguyên và môi trường, xây dựng nông thôn mới, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đảng bộ huyện xác định gắn xóa đói, giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; phát triển nông nghiệp - nông thôn là trọng tâm.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX ngày 01/3/2012, Ban Chấp hành

Đảng bộ huyện khóa XIX đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 10/2/2011 về phê duyệt, ban hành và triển khai thực hiện 5 chương trình, 19 đề án trọng tâm, nhiệm kỳ 2011-2015[(1)].

Về kinh tế, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX đề ra mục tiêu tổng quát về lĩnh vực kinh tế trong giai đoạn 2011-2015 là: Duy trì và phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững. Phát triển Nông nghiệp-nông thôn là trọng tâm; đẩy mạnh phát triển Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng; chú trọng phát triển thương mại - du lịch gắn với bảo vệ môi trường.

---

(1) Chương trình 1: Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững và phát triển nông thôn mới gồm 4 đề án là: Đề án 1 "Chuyển dịch cơ cấu Kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác", Đề án 2 "Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp", Đề án 3 "Thực hiện xây dựng nông thôn mới", Đề án 4 "Phát triển hạ tầng nông thôn".

Chương trình 2: Xây dựng hạ tầng đô thị gắn với phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, phát triển thương mại, du lịch và dịch vụ gồm 4 đề án là: Đề án 5 "Phát triển Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, Đề án 6: "Phát triển đô thị trên địa bàn", Đề án 7 "Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông", Đề án 8 "Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch".

Chương trình 3: Phát triển văn hóa, xã hội gồm 4 đề án là: Đề án 9 "Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục", Đề án 10 "Phát triển sự nghiệp Y tế", Đề án 11 "Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn", Đề án 12 "Phát triển Khoa học và công nghệ".

Chương trình 4: Quốc phòng - An ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội gồm 3 đề án là: Đề án 13: Nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn giai đoạn 2010-2015, Đề án 14 "Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Văn Bàn giai đoạn 2010 - 2015, Đề án 15 "Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo giai đoạn 2010-2015".

Chương trình 5: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và chất lượng đội ngũ đảng viên gồm 4 đề án là: Đề án 16 "Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác vận động quần chúng", Đề án 17 "Nâng cao hiệu quả công tác Kiểm tra - Giám sát của hệ thống chính trị", Đề án 18 "Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị", Đề án 19 "Phát triển nguồn nhân lực".

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành 08 Đề án, giao cho UBND huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, các cơ quan đơn vị có liên quan và Đảng ủy các xã, thị trấn huy động các nguồn lực, tổ chức triển khai thực hiện đạt và vượt các mục tiêu phát triển kinh tế đại hội đã đề ra.

Nhằm thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đó là: Đẩy mạnh sản xuất Nông Lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới. Huyện đầu tư có trọng điểm để nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất chuyên canh, các vùng cây đặc sản, cây có giá trị kinh tế cao; liên kết với các huyện có đặc điểm, điều kiện tương đồng để sản xuất thành vùng hàng hóa nhằm xây dựng thương hiệu và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh chương trình thâm canh tăng vụ, sản xuất lúa giống, lúa cao sản, lúa đặc sản, ngô hàng hoá, nhằm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Đến năm 2020, xây dựng vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao tại một số xã phía tây và phía bắc (xã Dương Quỳ; Nậm Xây; Thẳm Dương; Dần Thàng; Hòa Mạc) với quy mô 600 ha. Duy trì và phát triển vùng lúa giống tại xã Võ Lao, Văn Sơn 30 ha. Xây dựng vùng cây ăn quả chất lượng cao tại các xã phía nam, trồng các loại bưởi, cây đặc sản tại các xã Chiềng Ken, Khánh Yên Hạ, Nậm Tha, Liêm Phú, trồng khảo nghiệm 50 ha, phát triển thành vùng khoảng 250 ha. Phía đông trồng chuối tại xã Tân An, Tân Thượng 600 ha. Xây dựng vùng rau sạch, rau an toàn quy mô 40 ha (xã Võ Lao, Văn Sơn), phát triển một số loại cây đặc sản (Măng bói, măng sặt, mướp đắng, rau ngót rừng, bò khai... tại các xã Dương Quỳ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, toàn huyện tăng cường các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm, tích cực đưa

các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chú trọng sản xuất tăng vụ. Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, phát triển chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản theo hướng tập trung hàng hóa. Quy hoạch, chuyển đổi một số diện tích trồng lúa năng suất hiệu quả thấp sang nuôi trồng thuỷ sản; đưa các giống cá chép lai, rô phi đơn tính... vào nuôi trên diện rộng; tiếp tục nghiên cứu, nuôi thí điểm một số loại thuỷ sản khác có năng suất cao, chất lượng tốt như tôm càng xanh, cá tầm, cá hồi, ba ba; xây dựng chợ nông thôn, chợ trâu bò, khuyến khích thực hiện liên kết giữa các doanh nghiệp với nông dân trong sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Tăng cường phòng chống đói, rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, quy hoạch vùng chăn nuôi; xây dựng mô hình kết hợp kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại làm nhân tố thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp. Vận dụng chính sách khuyến công, đổi mới công nghệ sản xuất và tăng cường quản lý nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh các biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, PCCC rừng và trồng rừng. Chú trọng trồng rừng kinh tế gắn với chế biến lâm sản, trong đó phát triển mạnh trồng quế để từng bước hình thành vùng quế có trọng điểm của tỉnh tại huyện. Thực hiện tốt việc khoanh nuôi tái sinh để nhanh chóng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng; thực hiện tốt chính sách đối với người dân ở khu vực có nhiều rừng, được hưởng lợi từ rừng, để người dân có trách nhiệm bảo vệ rừng, chung sống với rừng.

Thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy chỉ đạo phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn theo 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao với những chủ trương, quyết sách phù hợp nên sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về nhận thức cũng như về giá trị gia tăng. Cơ cấu nội ngành trong nông nghiệp chuyển biến

mạnh theo hướng giảm tỷ trọng giá trị ngành trồng trọt, tăng giá trị ngành chăn nuôi, thủy sản. Trong trồng trọt dần hình thành các vùng sản xuất cây trồng theo hướng trồng tập trung thành các vùng: vùng thâm canh lúa nước, vùng sản xuất ngô hàng hóa, vùng sản xuất sản phẩm đặc sản địa phương... Trên địa bàn đã xuất hiện các mô hình chuyển đổi từ sản xuất nông hộ sang hình thức sản xuất trang trại có sử dụng lao động làm thuê. nhân dân tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến từ khâu chuyển đổi cây, con giống, sử dụng cơ giới hóa trong sản xuất ở một số khâu như: làm đất, thu hái sản phẩm, bảo quản, chế biến... để giảm giá thành của sản phẩm. Nhiều hộ dân chủ động bỏ vốn tự có hoặc vay ngân hàng đầu tư vào sản xuất, khắc phục dần những nhược điểm trước đây là trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước và các tổ chức tài trợ hợp pháp khác.

Lĩnh vực trồng trọt, Huyện ủy Văn Bàn ban hành 03 dự án[1] trong lĩnh vực trồng trọt, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Các tiến bộ khoa học, kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, nhất là giống mới có chất lượng và năng suất cao; thí điểm thực hiện cánh đồng một giống tại xã Dương Quỳ, đồng thời áp dụng phương pháp cấy cải tiến (SRI) đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Hình thành vùng sản xuất lúa giống của tỉnh tại huyện (xã Võ Lao), tổ chức thực hiện sản xuất trên tất cả các chân ruộng, cả các vùng thấp, vùng cao bước đầu đem lại hiệu quả rõ rệt (điển hình các xã Võ Lao, Chiềng Ken, Dương Quỳ...). Tổng sản lượng lương thực năm 2011 đạt 41.066 tấn, tăng 29% so với năm 2010; năm 2012 đạt 43.700 tấn, năm 2014 đạt 47.007 tấn; năm 2015, đạt 50.690 tấn, bình quân tăng 4,3%/năm. Giá trị sản xuất bình quân/ha đất canh tác đạt 51 triệu đồng/ha, tăng 8 triệu/ha so với năm 2010[2].

---

[1] 03 Dự án giai đoạn 2011-2015: Dự án sản xuất thâm canh, tăng vụ, lúa chất lượng cao gắn với thương hiệu; Dự án Bảo vệ sản xuất cây trồng, vật nuôi; Dự án triển khai sản xuất hạt giống lúa tốt.

[2] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XX, tr.6.

Sản xuất, chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung theo hướng trang trại có bước tăng trưởng. Riêng năm 2014, đã có 9 trang trại, trong đó có 3 trang trại chăn nuôi lợn, 1 trang trại chăn nuôi gia cầm, 5 trang trại chăn nuôi đại gia súc. Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao trình độ, cải thiện đời sống nhân dân góp phần xây dựng nông thôn mới.

Chăn nuôi bước đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa (đàn gia súc tăng 2,36%/ năm), công tác thú y được quan tâm. Các sản phẩm từ chăn nuôi đã từng bước đáp ứng được nhu cầu thị trường tiêu dùng của nhân dân trong huyện. Năm 2012, đàn trâu 21.590 con, tăng 5,9% so với năm 2011; đàn bò 3.560 con, tăng 11% so với năm 2011; Đàn lợn 60.167, tăng 24,7% so với năm 2011; Tổng đàn gia cầm 382.000 con, tăng 41,2% so với năm 2011. Duy trì tốt diện tích ao, hồ trên địa bàn huyện 234 ha, sản lượng thủy sản ước đạt 516 tấn, tăng 14,6% so với 2011. Năm 2015, xuất chuồng 2.676 con trâu; 959 con bò; 15.192 con lợn[1]. Công tác kiểm soát giết mổ, kiểm dịch, vận chuyển và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được duy trì thường xuyên, trên địa bàn huyện không để xảy ra các loại dịch trên vật nuôi.

Mô hình kinh tế chăn nuôi gia súc của hộ gia đình ông Mai Văn Duy - thôn Khe Lếch, Sơn Thủy, Văn Bàn mang lại thu nhập hàng trăm triệu mỗi năm.

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XX, tr.7.

Nuôi trồng thủy sản tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Nhiều hộ dân áp dụng hình thức nuôi bán công nghiệp, sử dụng giống thủy sản có năng suất cao như chép lai 3 màu, cá rô đơn tính, trắm đen... đem lại hiệu quả kinh tế cao. Hình thành vùng nuôi cá nước lạnh với diện tích mặt nước đã đưa vào nuôi trồng là 0,23 ha; số lượng bồn bể là 31 bể; 2 giống cá được nuôi cá hồi thương phẩm, cá tầm đẻ trứng. Với phương thức nuôi chủ yếu là chuyên canh đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, tại các đơn vị Công ty TNHH một thành viên Hải Sơn, Công ty CP nông nghiệp công nghệ cao. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2010, là 229 ha, đến năm 2015 là 290, sản lượng năm 2010 đạt 210 tấn, năm 2015 đạt 830 tấn[1].

Về lĩnh vực lâm nghiệp, thực hiện Đề án số 02 về phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp, giai đoạn 2011 - 2015, sản xuất lâm nghiệp tiếp tục được coi trọng và phát triển theo hướng bền vững. Thực hiện nghiêm túc chủ trương đóng cửa rừng đã giúp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn. Ý thức bảo vệ rừng của người dân được nâng lên đáng kể. nhân dân quan tâm đến việc trồng rừng thay vì chủ yếu là khai thác rừng tự nhiên như giai đoạn trước.

Huyện chú trọng chỉ đạo công tác trồng và bảo vệ rừng. Do đó, tổng diện tích rừng trồng hàng năm tăng cao, đạt 4.055,8 ha. Trong đó trồng rừng đặc dụng 20 ha, trồng rừng phòng hộ 690 ha, trồng rừng kinh tế (rừng sản xuất) 3.345,8 ha, trồng cây lâm nghiệp phân tán gồm 65.000 cây các loại. Khoanh nuôi tái sinh: 300 ha. Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có (45.444 ha đạt 100% kế hoạch giao hàng năm). Tỉ lệ che phủ rừng của huyện năm 2013 là 64,5%, năm 2015 là 65% tăng 1,4% so với năm 2010[2].

---

[1] Đề án 01 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020, tr.3.

[2] Đề án 01 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế ông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa huyện Văn Bàn, giaiđoạn 2016-2020, tr.3.

Công tác xã hội hóa lâm nghiệp có sự chuyển biến tích cực, đã thu hút được mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế lâm nghiệp, thu nhập của người lao động lâm nghiệp đã tăng lên rõ rệt.

Xây dựng nông thôn mới, nhờ sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành và toàn thể hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là khơi dậy được sự đồng thuận của toàn thể cộng đồng dân cư nông thôn đã tạo sự lan tỏa và phát huy được sức mạnh đoàn kết, tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện, làm thay đổi căn bản quan điểm, cách nghĩ, cách làm của phần lớn cư dân nông thôn thông qua công tác tuyên truyền, vận động gia đình, cộng đồng tự nguyện hiến công lao động, đất đai, vật tư, tiền mặt. Vì vậy, việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Văn Bàn đã thu được những kết quả đáng khích lệ.

Lễ phát động chung tay xây dựng nông thôn mới xã Hòa Mạc

Đến năm 2015, 100% các xã rà soát điều chỉnh, bổ sung Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới của xã để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định mới của Trung ương, của tỉnh. Trong đó 6/22 xã đã có quy hoạch chi tiết trung tâm xã, bao gồm xã Văn Sơn, xã Hòa Mạc, xã Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Hạ, xã Võ Lao, xã Tân An.

Đảng bộ các xã tập trung chỉ đạo thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và đạt kết quả bước đầu**.** Về thu nhập và tiêu chí hộ nghèo, các xã tập trung thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn... đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm hộ nghèo trên địa bàn huyện. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đến hết năm 2015, còn 6.622 hộ, chiếm 35,17%. Số hộ cận nghèo là 2.999 hộ, chiếm tỷ lệ 15,93% (theo chuẩn nghèo mới). Đến hết năm 2015, đã có 5/22 xã đạt tiêu chí hộ nghèo, bao gồm xã Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Thượng và 3/22 xã đạt tiêu chí thu nhập bao gồm xã Văn Sơn, Hòa Mạc và Khánh Yên Trung.

Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên duy trì ở mức trên 90%. Cơ cấu lao động đã có sự biến chuyển theo hướng giảm lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp. Đến hết năm 2015, có 22/22 xã đạt tiêu chí.

Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn từng bước được củng cố, kiện toàn, thành lập mới, góp phần đáng kể vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn. Đến hết năm 2015, toàn huyện có 22 hợp tác xã đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phi nông nghiệp với trên 200 thành viên và 22 tổ hợp tác, trên 200 thành viên. Năm 2010, chưa có xã nào đạt tiêu chí, đến năm 2015, có 10/22 xã đạt tiêu chí gồm Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Làng Giàng, Võ Lao, Tân Thượng, Thẩm Dương, Liêm Phú, đạt tỷ lệ 45,45%.

Bằng việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện và huy động nguồn lực từ nhân dân, đến hết năm 2015, hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện được chú trọng nâng cấp, xây dựng, tạo động lực phát triển kinh tế của huyện.

Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện đến hết năm 2015 có tổng chiều dài 668,74 km. Trong đó, đường bê tông là 197,79 km, đường cấp phối 246,19 km, đường đất 224,19 km. Đến hết năm 2015, toàn huyện đã bê tông hóa, nhựa hóa đường trục xã, đạt chuẩn được 168,6 km; đường liên thôn, trục thôn cứng hóa đạt chuẩn 443,98 km; số km đường ngõ xóm sạch, đã đạt chuẩn không bị lầy lội vào mùa mưa 3,30km; 3,70 km đường nội đồng. Đến hết năm 2015, có 02 xã Văn Sơn và xã Hòa Mạc đạt tiêu chí giao thông[1].

Hệ thống thủy lợi đáp ứng đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Trong 05 năm, trên địa bàn huyện được đầu tư 24 công trình thuộc các nguồn: vốn Chương trình 135 và giảm nghèo bền vững, vốn WB2, vốn ngân sách, vốn vay tín dụng ưu đãi... Từ năm 2011 đến hết năm 2015, xây mới được 27 công trình thủy lợi, nâng cấp, sửa chữa 47 công trình. Toàn huyện có 198 công trình thủy lợi, tổng chiều dài kênh mương 525,34 km, trong đó mương kiên cố 238,8 km. Năm 2015 có 22/22 xã đạt tiêu chí thủy lợi, tăng 02 xã so với năm 2011.

Về điện, huyện đầu tư được 27 trạm biến áp, tổng công suất 2.333 KVA; chiều dài đường dây 35 kV là 43,974 km; đường dây 0,4 kV là 15,465 km. Đến hết năm 2015, 100% xã đã có điện lưới quốc gia về đến trung tâm xã. Trong đó, 242/271 thôn bản đã có

[1] Đề án số 02 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.3.

điện, đạt 89,30%, riêng khu vực nông thôn có 222/251 thôn bản có điện, chiếm 88,45%. Có 17.078/18.447 hộ được sử dụng điện lưới quốc gia. Trong đó có 1.492/17078 hộ do nhân dân tự đầu tư đường dây 0,4 kV và có 479 hộ sử dụng thủy điện nhỏ[1]. Đến hết năm 2015, có 8/22 xã đạt tiêu chí điện là Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Sơn Thủy, Nậm Mả, Minh Lương, có 12/22 xã đạt tiêu chí trường học là Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Làng Giàng, Sơn Thủy, Tân Thượng, Tân An, Chiềng Ken, Liêm Phú, đạt tỷ lệ 54,54%; có 5/22 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa là Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng.

Đến hết năm 2015 về tiêu chí chợ, trên địa bàn huyện Văn Bàn có 06 chợ được đầu tư xây dựng ở các xã Minh Lương, Dương Quỳ, Chiềng Ken, Nậm Tha, Võ Lao, Văn Sơn. Có 19/22 xã đạt tiêu chí chợ (trừ các xã Khánh Yên Hạ, Tân An, Liêm Phú); có 21/22 xã (trừ xã Tân Thượng) đạt tiêu chí Bưu điện.

Về nhà ở, nhân dân các xã đã chỉnh trang, nâng cấp nhà ở. Đến năm 2015, số nhà tạm trên toàn huyện còn 1.465 nhà, số nhà đạt chuẩn là 15.333/16.798 hộ. Đến hết năm 2015 có 02 xã đạt tiêu chí (bao gồm xã Văn Sơn và xã Hòa Mạc), đạt tỷ lệ 9,1%, tăng 02 xã so với 2010[2].

Về tiêu chí giáo dục, y tế, văn hóa: Chất lượng giáo dục ở các cấp học được nâng lên rõ rệt, huyện duy trì phổ cập giáo dục THCS, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên THPT, bổ túc, học nghề đạt 66%, lao động qua đào tạo đạt 28,59%. Đến hết năm 2015 có 10/22 xã đạt tiêu chí giáo dục gồm Văn Sơn,

---

[1] Đề án số 02 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.4.

[2] Đề án số 02 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.5.

Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Làng Giàng); 12/22 xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế, gồm Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Võ Lao, Làng Giàng, Dương Quỳ, Tân Thượng, Tân An, Nậm Tha, Minh Lương; 05 xã đạt tiêu chí văn hóa là Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ. Đạt 22,7%, tăng 03 xã so với năm 2010, có 02 xã đạt tiêu chí là Văn Sơn, Hòa Mạc, tăng 02 xã so với năm 2010.

Về xây dựng hệ thống chính trị, đến hết năm 2015, có 4/22 xã đạt tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh là Văn Sơn, Hòa Mạc, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng. Tình hình an ninh nông thôn luôn được duy trì ổn định, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngăn chặn đẩy lùi tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo trên địa bàn huyện được chú trọng, các mô hình tự quản về an ninh trật tự được thành lập, phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh quốc phòng" phát triển.

Với chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm", chương trình, mục tiêu quốc gia xây dựng "nông thôn mới" được cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc. Đặc biệt, so với các chương trình khác, đây là chương trình nhận được sự đồng thuận rất cao của nhân dân. Kết quả, chương trình xây dựng nông thôn mới đã đem đến diện mạo mới, nhất là ở những vùng nông thôn. Từ chương trình này, từ năm 2011 đến năm 2015 toàn huyện đã có trên 90 km đường GTNT được mở mới, hơn 245 km được đổ bê tông xi măng, 130 km được rải cấp phối, trên 15.000 hộ dân có nhà tiêu, chuồng trại nuôi gia súc hợp vệ sinh. Nhân dân đã hiến hơn 80.000m2 đất, đóng góp bằng ngày công, vật liệu quy ra tiền giá trị hàng trăm tỷ đồng. Đến năm 2015, có 19/22 xã đạt tiêu chí (trừ xã Khánh Yên Thượng; Sơn Thủy và Thẳm Dương).

Nhân dân xã Hòa Mạc đổ bê tông đường giao thông nông thôn.

Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, huyện Văn Bàn đã có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới là xã Văn Sơn, Hòa Mạc, tăng 02 xã so với năm 2010. Trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhiều gương điển hình tiên tiến, nhiều địa phương đã có chuyển biến tích cực trong sản xuất nông nghiệp; năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên, góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, bộ mặt nông thôn từng bước được cải thiện, đổi mới.

Cùng với lãnh đạo phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ huyện còn lãnh đạo phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản và quản lý tài nguyên, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư khai thác chế biến khoáng sản như sắt thuộc mỏ sắt Quý Sa, vàng Minh Lương, Apatit Chiềng Ken; đẩy mạnh tiến độ thi công công trình thuỷ điện theo quy hoạch trên địa bàn huyện; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ để giải quyết việc làm, phát triển dịch vụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng, phát triển nghề truyền thống, chế biến nông lâm sản, sản xuất thức ăn gia

súc. Phấn đấu tăng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 897 tỷ đồng vào năm 2015, nhịp độ phát triển 13%/năm[1].

Huyện tăng cường huy động mọi nguồn lực, trong đó nguồn ngân sách ưu tiên cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội của huyện. Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch xây dựng và đẩy mạnh việc phát triển đô thị; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch trong các khu dân cư, điểm dân cư nông thôn; quản lý nhà nước về xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động đầu tư, xây dựng; quản lý, khai thác các công trình XDCB sau đầu tư một cách có hiệu quả.

Xây dựng cơ bản tập trung vào chương trình giao thông nông thôn, kiên cố hoá trường lớp học, kiên cố hoá kênh mương, cấp nước sinh hoạt, điện nông thôn và các công trình phúc lợi công cộng khác, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới. Ưu tiên cho phát triển giao thông nông thôn, coi đây là chìa khoá để mở rộng giao lưu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; phấn đấu 50% thôn bản có đường được rải cấp phối; tạo điều kiện và phối hợp tốt với các nhà thầu trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, nâng cấp quốc lộ 279 và các tuyến đường giao thông khác được đầu tư trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường phát triển bền vững. Xác định rõ trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở trong việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trên địa bàn. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường. Trong đó, cần chú trọng nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong việc bảo vệ và cải thiện môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm, hợp lý theo quy hoạch, gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự. Giải quyết tốt vệ sinh

[1] Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ XVIII: *Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX.*

môi trường đô thị và môi trường khu vực nông thôn; xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu.

Trong 5 năm (2010-2015), nhiều chương trình, dự án đã tập trung cho phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là Chương trình Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ trên địa bàn huyện[1]. Xây dựng cơ bản được quan tâm đầu tư nhất là các công trình đảm bảo cơ sở hạ tầng nông thôn[2]. Công tác quy hoạch xây dựng, đô thị được quan tâm đồng bộ (hình thành các cụm đô thị: Trung tâm thị trấn Khánh Yên, Văn Sơn - Võ Lao, Tân An - Tân Thượng). Nhà ở dân cư phát triển khá nhanh và ngày một khang trang hơn, nhất là ở các khu trung tâm. Đến hết năm 2015, số nhà tạm trên toàn huyện còn 1.465 nhà, số nhà đạt chuẩn là 15.333/16.798 hộ, đạt 91,3%[3].

Trong thời gian này, WB hỗ trợ xây dựng 31 công trình hạ tầng, trong đó có 29 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, gồm 6 công trình cầu, đường giao thông (phục vụ cho 483 hộ), 12 công trình thủy lợi (phục vụ tưới tiêu cho 405 ha lúa), 11 công trình cấp nước sạch (phục vụ cho 1.032 hộ dân và một số trường học) với tổng số vốn đã giải ngân hơn 43 tỷ đồng. Các công trình hạ tầng được WB hỗ trợ xây dựng đã góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng của các thôn, bản vùng cao, đảm bảo nước tưới cho nhiều

---

[1] 100% xã có đường ô tô đến trung tâm, 21/22 xã đã có đường rải nhựa đến trung tâm; các tuyến đường nội thị của thị trấn Khánh Yên được mở mới và nâng cấp. Đến năm 2015, mở mới được 87,52 km đường giao thông nông thôn; đổ bê tông đường giao thông nông thôn được 241,45 km, rải cấp phối 124,99 km.

[2] 100% xã có trụ sở làm việc được xây kiên cố; 100% xã có điểm trường xây kiên cố tại trung tâm, 100% các xã có trạm y tế được xây kiên cố; trung tâm huyện được đầu tư xây dựng từng bước khang trang, từng bước triển khai thực hiện quy hoạch khu hành chính của huyện.

[3] Đề án số 02 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.5.

diện tích đất sản xuất, giúp đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, nâng cao đời sống.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Trong 5 năm (2010-2015), sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản (quặng sắt; Fenspat; gạch nung; vàng...), vật liệu xây dựng (cát), điện thương phẩm, chế biến nông, lâm sản... Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN thực hiện đến năm 2015, đạt 72,3 tỷ đồng (theo giá hiện hành), tăng 14 %/năm[1].

Để phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch, huyện Văn Bàn tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ trên các lĩnh vực đầu tư, thương mại, phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, phát triển đô thị và nông thôn mới. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm thu hút đầu tư, quảng bá, tiêu thụ đối với các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của địa phương; triển khai có hiệu quả cuộc vận động "người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành dịch vụ để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng ở các vùng trung tâm và nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

Huyện ủy chỉ đạo các hoạt động dịch vụ, thương mại đảm bảo cung ứng vật tư, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống; giao thông vận tải đảm bảo chuyên chở hành khách, vận chuyển hàng hoá kích thích sản xuất phát triển. Các mặt hàng thiết yếu, mặt hàng có trợ giá cước đảm bảo bán đủ số lượng, chất lượng, đúng giá, đúng đối tượng. Duy trì và phát triển tốt các chợ đang hoạt động (chợ trung tâm, chợ Võ Lao, Văn Sơn). Củng cố các chợ hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động (chợ Minh Lương, Dương Quỳ, Chiềng Ken, Nậm Tha). Xây dựng chợ mới Khánh Yên Hạ, Tân An, Liêm Phú. Xây dựng và quảng bá thương hiệu, nâng cao chất lượng một số sản phẩm địa phương như rượu Nậm Cần, gạo Chăm Pét và một số đặc sản khác.

---

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX, tr.8.

Bên cạnh đó, Huyện ủy còn chỉ đạo mở rộng hệ thống bưu chính - viễn thông ở các khu vực nông thôn, các khu vực vùng xa của huyện; khuyến khích phát triển dịch vụ giải trí, văn hóa; tập trung đầu tư, hình thành các khu thương mại - dịch vụ theo quy hoạch được duyệt; huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đầu tư, khai thác du lịch có hiệu quả như: Du lịch tâm linh Đền Cô Tân An, Đề Chiềng Ken; khu sinh thái (Liêm Phú, Nậm Xé, Nậm Tha), bản làng (Làng Coóc).

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, các cơ quan, đơn vị của huyện Văn Bàn đã triển khai thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi để thương mại, dịch vụ phát triển góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của huyện, giải quyết lao động, việc làm, phục vụ tích cực cho sản xuất và đời sống nhân dân. Các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, tăng thêm động lực và quy mô phát triển, đặc biệt là dịch vụ vận tải, đầu tư, bảo hiểm, cung ứng vật tư hàng hoá. Các loại hình dịch vụ - thương mại gồm chợ trung tâm với diện tích 4.200m^2, họp thường xuyên vào các ngày trong tuần. Chợ trên địa bàn các xã đưa hoạt động thương mại tại các trung tâm xã, cụm xã, đặc biệt là trung tâm huyện lỵ có bước phát triển mới, giúp nhân dân có điều kiện mua bán, trao đổi hàng hóa thuận lợi hơn, quy củ, nền nếp hơn, người dân ở nhiều nơi chuyển biến nhận thức, chuyển đổi từ sản xuất tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa.

Về Dịch vụ vận tải bến bãi, đến năm 2015, các tuyến vận chuyển hành khánh và hàng hoá bằng đường bộ cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Điển hình là các tuyến Than Uyên - Văn Bàn - Bảo Hà; Lào Cai - Văn Bàn - Liêm Phú; Lào Cai - Văn Bàn - Minh Lương; Văn Bàn - Mỹ Đình (Hà Nội), Văn Bàn - Nam Định, Văn Bàn - Yên Bái. Bến xe khách được đầu tư xây dựng mới tại trung tâm huyện là bến xe liên tỉnh theo tiêu chuẩn, quy mô lâu dài là bến liên vận quốc tế.

Trong xu thế hội nhập, đất nước ngày một phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu tham quan

nghỉ dưỡng, giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm, ký kết các hợp đồng sản xuất kinh doanh, sản xuất kinh doanh mua bán hàng hóa ngày càng phong phú, đa dạng. Việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, các dịch vụ để phục vụ du khách, nghỉ dưỡng, được nhân dân quan tâm đầu tư. Trên địa bàn thị trấn Khánh Yên có 8 nhà nghỉ với quy mô từ 10 phòng nghỉ trở lên[1].

Mạng lưới bưu chính, viễn thông từng bước được nâng cấp, hiện đại hóa. 100% số xã có thùng thư, 20/22 xã có điểm bưu điện văn hóa, 100% xã có mạng Internet đến trung tâm xã, mạng lưới điện thoại di động phủ sóng đến trung tâm xã và hầu hết các thôn[2], đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân và phục vụ cho công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

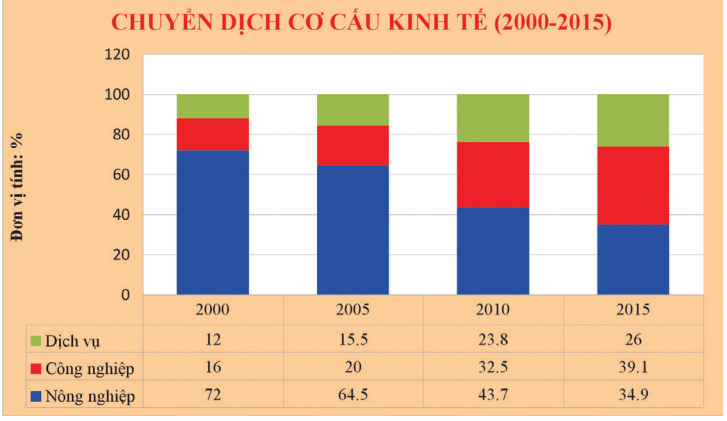

	2000	2005	2010	2015
Dịch vụ	12	15.5	23.8	26
Công nghiệp	16	20	32.5	39.1
Nông nghiệp	72	64.5	43.7	34.9

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là mục tiêu mà Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo. Đặc biệt, trong giai đoạn 2011-2015, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là 1 trong 5 nội dung trọng tâm của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, có tác động trực tiếp đến giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hầu hết

---

[1] Đề án số 03 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Phát triển mạng lưới đô thị huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020", tr.3.

[2] Đề án số 02 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "Xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.5

người dân ở nông thôn, chủ thể xây dựng nông thôn mới. Đa số người dân ở nông thôn sống dựa vào nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tích cực không chỉ nâng cao giá trị sản xuất mà còn làm thay đổi nhận thức về sản xuất nông nghiệp. Do đó, trong những năm 2011-2015, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực. Năm 2000, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 71%, đến năm 2015, giảm xuống còn 34,9%; công nghiệp, dịch vụ tăng từ 12-16% lên 26-39,1%, đặc biệt là cơ cấu công nghiệp năm 2015, tăng 23,1% so với năm 2000.

Công tác Tài chính - Ngân hàng, phấn đấu thực hiện đạt và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước tỉnh giao hàng năm, huyện thực hiện quản lý chặt và khai thác tốt các nguồn thu, tuân thủ đúng định mức, kế hoạch trong thực hiện chi ngân sách; quan tâm bố trí nguồn để đảm bảo cho chi đầu tư XDCB và chi phát triển giáo dục - đào tạo, y tế. Huyện ưu tiên đầu tư vốn vào lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn đảm bảo hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động các ngân hàng trên địa bàn, đảm bảo tăng trưởng gắn liền với việc mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng; cải tiến và mở rộng các hình thức huy động vốn, hoạt động dịch vụ ngân hàng... Phát triển ưu thế của địa phương có công nghiệp khai khoáng để phát triển các dịch vụ phụ trợ trên địa bàn.

Huyện chú trọng các nguồn thu tại chỗ, đặc biệt nguồn thu từ quỹ đất; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã để phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân, khai thác có hiệu quả các nguồn thu ngân sách nhà nước (đấu giá quyền sử dụng đất, thuế VAT, thuế môn bài, các loại phí...), chi ngân sách tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bao gồm cả nguồn vốn nhà nước và khu vực tư nhân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp nên tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt mức tăng trưởng cao. Đến năm 2015, đạt 70 tỷ đồng, tăng 180% so với năm 2010, tốc độ bình quân đạt trên 18%/năm. Chi ngân sách cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển của huyện, hàng năm đều đạt so với chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn cơ bản đáp ứng được nhu cầu vốn vay để tập trung cho sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Nhằm phát huy các nguồn lực trong nhân dân, doanh nghiệp, huyện tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế hợp tác cùng phát triển, bổ sung lẫn nhau, tạo thành mạng liên kết sản xuất, tận dụng kinh tế theo qui mô và tăng hiệu quả. Huyện tiếp tục phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, khuyến khích các hộ nông dân phát triển các hình thức hợp tác theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Chú trọng và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã và các tổ chức hợp tác kinh tế. Gắn kết các nhà đầu tư với người nông dân thông qua các hợp tác xã và các tổ hợp tác.

Tài nguyên và môi trường

Là địa phương có địa bàn rộng, đất đai màu mỡ, nguồn sinh thủy dồi dào, bên cạnh đó nguồn tài nguyên, khoáng sản của huyện khá phong phú, đây là điều kiện thuận lợi để tạo đà cho huyện phát triển. Song đây cũng là khó khăn, thách thức trong công tác quản lý của huyện. Sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, UBND huyện đã khẩn trương triển khai thực hiện ban hành nhiều văn bản để thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ, quyết định của UBND tỉnh, theo đó công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện ngày càng được quản lý chặt chẽ hơn và hiệu quả hơn.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2015 đạt được một số kết quả. Công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ, bản đồ địa chính và cấp mới, cấp đổi

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo kế hoạch của tỉnh giao[1]. Đã hoàn thành lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện và các xã giai đoạn 2010-2015. Hoàn thành xây dựng quy hoạch chi tiết trung tâm của 2/23 xã, thị trấn; đang triển khai xây dựng quy hoạch chi tiết cho 3 xã: Tân An, Tân Thượng, thị trấn Khánh Yên; hoàn thành công tác lập kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2015, triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016. Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính; cấp đổi, cấp lại, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSĐ) đất ở và đất sản xuất nông nghiệp, đã hoàn thành công tác đo đạc địa chính được 20/22 xã, bàn giao giấy chứng nhận QSĐ đất cho 15/22 xã với tổng số 25.592 giấy[2]. Đang tiến hành triển khai thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn huyện; đo đạc cắm mốc đất do công ty lâm nghiệp được giao quản lý (đơn vị tư vấn đang triển trai thực hiện). Khai thác có hiệu quả quỹ đất tại thị trấn Khánh Yên (giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến 25 tạo quỹ đất để đấu giá), nguồn thu từ tiền sử đất được nộp vào ngân sách nhà nước liên tục tăng qua các năm, từ năm 2010-2015, tổng thu từ tiền sử dụng đất đạt 51,143 tỷ đồng.

Từ năm 2010-2015, đã thực hiện giải phóng mặt bằng để thực hiện triển thực hiện dự án được 134 công trình, với diện tích thu hồi đất là 555,3 ha[3]. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai tại 5/23 xã (Tân An, Tân Thượng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Hạ, Văn Sơn), qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các sai phạm, kịp thời xử lý theo qui định.

Về tài nguyên khoáng sản, đến năm 2015, trên địa bàn huyện có 15 đơn vị được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trong đó có 03 đơn vị khai thác vàng; 06 đơn vị khai

---

[1] Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 90% về số thửa và 69% so với tổng diện tích trên địa bàn.

[2], [3] Đề án số 07 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020", tr.2.

thác sắt; 05 đơn vị khai thác đá làm vật liệu xây dựng; 01 đơn vị khai thác Fenspats và có 04 đơn vị được phép thăm dò các loại khoáng sản trên địa bàn[2]. Văn Bàn có nhiều dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chính phủ đã chính thức đi vào hoạt động như: Mỏ sắt Quý Sa, Mỏ sắt Tắc Ái, Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, Mỏ vàng Minh Lương, Mỏ vàng Mà Sa Phìn, Nậm Xây, Mỏ Fenspat Làng Giàng và một số điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. Với tiềm năng khoáng sản như vậy, khi các điểm mỏ đi vào hoạt động đã tạo ra việc làm cho hàng nghìn lao động của địa phương; Góp phần rất lớn vào nguồn thu từ khai thác, chế biến khoáng sản cho ngân sách của tỉnh, của huyện.

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được quản lý chặt chẽ hơn, việc phối hợp cấp phép khai thác mỏ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Các doanh nghiệp khi được phép khai thác khoáng sản đã phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường, hạn chế khai thác tài nguyên trái phép. Trong công tác quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, đã quan tâm thực hiện việc đẩy đuổi, truy quét các đối tượng khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn. Từ năm 2010 đến nay, UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt trên 20 trường hợp với số tiền trên 200.000.000 đồng, trình UBND tỉnh xử phạt gần 400.000.000 đồng và tịch thu 2 máy xúc, 01 tàu quốc[1]. Ngoài ra, hàng năm huyện đều lập kế hoạch, tổ chức lực lượng truy quét các đối tượng khai thác vàng gốc trái phép tại xã Minh Lương và xã Nậm Xây; qua các đợt truy quét đã đẩy đuổi các đối tượng ra khỏi địa bàn, tịch thu và tiêu hủy các loại máy móc, tang vật phục vụ khai thác vàng trái phép, như máy nổ, máy nghiền, dây điện, ống nước, cuốc

[1] Đề án số 07 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020", tr.3.

xẻng, lán trại v.v... Đến nay, cơ bản tình trạng khai thác khoáng sản trái phép đã được khống chế có hiệu quả.

Xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản được quan tâm. UBND huyện chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và kiểm soát chặt chẽ việc xả nước thải vào nguồn nước; kiểm tra việc chấp hành các quy định trước và sau khi cấp giấy phép, đăng ký; việc thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước. Ưu tiên nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt tại các xã thường xuyên xảy ra thiếu nước, gồm các xã Làng Giàng, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Tân An, Tân Thượng, Minh Lương, thị trấn Khánh Yên. Trong nhiệm kỳ vừa qua, huyện đã tích cực trồng rừng kết hợp bảo vệ nguồn nước và giảm thiểu tác hại do nước gây ra, đặc biệt là trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn để tăng khả năng trữ nước tại các xã có nguy cơ thiếu nước vào mùa khô.

Thông qua việc quản lý tốt nguồn tài nguyên nước trên địa bàn huyện, đã phát huy được tiềm năng, lợi thế về nguồn tài nguyên nước của huyện trong việc phát triển ngành công nghiệp thủy điện, nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, thương mại, dịch vụ. Hoạt động thủy điện hàng năm đã đóng góp lớn cho nguồn thu ngân sách nhà nước. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 08 nhà máy thủy điện đi vào vận hành phát điện với tổng công suất 66 MW, gồm: thủy điện Nậm Tha 4,5,6; thủy điện Phú Mậu 1,2,3; thủy điện Nậm Khóa 3; thủy điện Nậm Mu. Ngoài ra còn có 08 thủy điện đã và đang được đầu tư xây dựng[1].

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng được thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, hạn chế được tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái

[1] Đề án số 07 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020", tr.4.

phép. Diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng trồng sản xuất cơ bản đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất rừng. Công tác phát triển tài nguyên rừng được tăng cường. Trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn thay thế diện tích đất trồng sắn hai bên đường cao tốc trên địa bàn, trồng rừng mô hình theo chương trình dự án UN-REDD, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn thay thế của các công trình dự án phải thu hồi rừng. Hàng năm tăng bình quân 0,4%/năm, nâng độ che phủ rừng năm 2015, lên 65%, đạt mục tiêu đề ra.

Chi trả dịch vụ môi trường rừng được quan tâm triển khai. Trong năm 2014, kiểm tra nghiệm thu, hoàn thành các thủ tục và chi trả dịch vụ môi trường rừng là 25.927.970 đồng cho các chủ rừng[(1)].

Về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, hàng năm, huyện thường xuyên tổ chức mỗi năm 2 đợt tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên địa bàn các xã trọng điểm về môi trường như xã Minh Lương, Sơn Thủy, Võ Lao, Văn Sơn, thị trấn Khánh Yên. Năm 2011 và 2015, UBND huyện đăng cai và tổ chức thành công Ngày môi trường thế giới và Ngày nước thế giới (cấp tỉnh).

Các dự án trọng điểm như khai thác khoáng sản, các khu công nghiệp... đều được cấp có thẩm quyền tiến hành thẩm định, phê duyệt, xác nhận, chấp nhận hồ sơ về bảo vệ môi trường; được cấp phép để tổ chức hoạt động xây dựng và sản xuất.

Công tác bảo vệ môi trường được cụ thể bằng việc thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường trong bộ tiêu chí nông thôn mới. Huyện ủy chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều biện pháp nhằm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí

---

(1) Đề án số 07 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy về "tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020", tr.4.

hậu như: Tăng độ che phủ và nâng cao chất lượng rừng để bảo vệ nguồn nước; chủ động phòng chống cháy rừng; hàng năm tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao phù hợp với môi trường sản xuất mới; xây dựng công trình kè chống sạt lở sông suối, bảo vệ cơ sở hạ tầng, đất sản xuất nông nghiệp, khu dân cư và phòng tránh thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, giảm thiểu những thiệt hại do biến đổi khí hậu, thời tiết gây ra.

Về văn hóa, xã hội, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX chỉ rõ: Tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục thể thao; đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo bền vững, tạo việc làm; cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; đảm bảo an sinh xã hội.

Nhằm đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX vào cuộc sống, ngày 01/3/2012, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/HU về phê duyệt, ban hành và triển khai thực hiện 5 chương trình, 19 đề án trọng tâm giai đoạn 2011-2015, trong đó có 02 đề án phát triển văn hóa, xã hội[1]. Theo đó, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm là:

1. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về văn hoá - văn nghệ, thông tin - thể thao. Tăng cường các hoạt động thông tin tuyên truyền, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nâng cao sức khoẻ và đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Khai thác và xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, kết hợp với tiên tiến, hiện đại, coi đây là lợi thế, là nguồn lực

[1] Đề án số 11 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về phát triển thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015. Đề án số 12 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, giai đoạn 2011-2015.

để phát triển. Cần tổ chức sưu tầm và phát triển văn hoá - thể thao các dân tộc thiểu số, nâng lên một tầm cao mới để phục vụ du lịch và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng văn hoá công sở, văn hoá quần chúng.

3. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở khu dân cư; nâng cao chất lượng gia đình văn hoá, thôn bản văn hoá, cơ quan trường học văn hoá đúng tiêu chí văn hoá.

4. Quan tâm chăm sóc tốt các đối tượng thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, những người già yếu, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào "đền ơn đáp nghĩa", phong trào giúp đỡ người nghèo, các đối tượng chính sách, các hoạt động từ thiện nhân đạo. Kiềm chế và kiểm soát số người nghiện ma tuý; tổ chức cai nghiện bằng nhiều hình thức đạt hiệu quả. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ chính sách cho người lao động và nhân dân.

5. Giải quyết tốt vấn đề lao động và làm việc, có biện pháp tích cực giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là thanh niên học xong các chương trình giáo dục phổ thông và học nghề, bộ đội xuất ngũ, đối tượng sau cai nghiện. Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xoá đói, giảm nghèo theo hướng bền vững.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin tiếp tục phát triển. Năm 2013, các xã quyết định thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý và tổ chức hoạt động Nhà văn hóa - khu thể thao của 251/251 khu dân cư. Các khu dân cư chưa xây dựng cơ sở vật chất cho Nhà Văn hóa - Khu thể thao, khu dân cư đã linh hoạt tổ chức nhờ cơ sở vật chất nhà dân, trường học và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tại bãi đất trống, sân trường.

Tổng số 271 khu dân cư trên địa bàn huyện đều xây dựng hương ước và duy trì sinh hoạt cộng đồng. Huyện đã quy hoạch đất cho nhà văn hóa, khu thể thao, sân vận động của xã, của khu dân cư gắn với quy hoạch chương trình xây dựng nông thôn mới; đã quy hoạch và xây dựng sân vận động huyện theo quy hoạch xây dựng đô thị tại Thị trấn Khánh Yên.

Đến hết năm 2015, có 6 xã xây dựng nhà văn hóa xã, tăng 6 xã so năm 2010; 7/22 xã có sân vận động theo tiêu chuẩn, tăng 2 xã so năm 2010; 136/271 thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, đạt 50,18%, tăng 81 nhà so năm 2010, Trong đó 79 nhà văn hóa đã được trang bị tăng âm, loa đài, ti vi[1].

Hàng năm, Huyện ủy chỉ đạo các xã tổ chức các hoạt động vui chơi, lễ hội truyền thống trong dịp đón xuân, UBND huyện đầu tư luân phiên làm điểm lễ hội xuống đồng tại các xã đồng bào dân tộc Tày cư trú đông, khuyến khích các lễ hội truyền thống của các dân tộc. Qua đó giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố tình đoàn kết, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tại các trường học xây dựng khu trưng bày các sản phẩm văn hóa phản ánh tập quán sản xuất, sinh hoạt, trang phục các dân tộc trong xã để giáo dục thế hệ trẻ.

Các di sản văn hóa tiêu biểu được bảo tồn như dân ca Khắp Nôm; dân ca nhạc cụ Pí lè, Mo then; Mo tham thát, Lễ hội xuống đồng, cúng thổ công bản của đồng bào dân tộc Tày; Lễ cúng rừng, Lễ cấp sắc, Lễ hội "Cầu làng" của đồng bào dân tộc Dao; Lễ hội đền Cô xã Tân An, Dâng hương đền Ken xã Chiềng Ken[2].

---

[1] Đề án số 05 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát triển phong trào thể dục thể thao huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020.

[2] Đề án số 05 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát triển phong trào thể dục thể thao huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020, tr.2, 3.

Huyện được công nhận 3 di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh đó là Đền Cô xã Tân An, Đền Ken xã Chiềng Ken, Khu du kích Gia Lan xã Khánh Yên Thượng. Các di tích lịch sử, văn hóa được bảo tồn và phát huy như Đền Cô, Đền Ken, khu du kích Gia Lan.

Đền Cô xã Tân An và Đền Ken xã Chiềng Ken không chỉ đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh, mà còn là cơ sở để hình thành tuyến du lịch văn hóa tâm linh gắn với du lịch văn hóa sinh thái, thắng cảnh và du lịch văn hóa cộng đồng trên địa bàn huyện. Bước đầu hình thành "Tua" du lịch tâm linh Đền Cô và Đền Ken. Hệ thống cơ sở lưu trú phục vụ phát triển du lịch đang có xu hướng phát triển mạnh so với đầu nhiệm kỳ.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" từng bước đi vào chiều sâu. Năm 2015, số gia đình văn hóa là 11.562 hộ, đạt 63%, tăng 2.152 hộ so năm 2010. Số khu dân cư được công nhận văn hóa là 213/271, đạt 78%, tăng 111 khu dân cư văn hóa so năm 2010. Số xã được công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" 4/22 xã[1], tăng 4 xã so với năm 2010[2].

Phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh. Phong trào văn nghệ phát triển khá rộng, có 60 đội văn nghệ khu dân cư. Hầu hết các khu dân cư hàng năm đều tổ chức các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Đại đoàn kết toàn dân tộc. Hàng năm, các xã tổ chức đêm văn nghệ chào mừng những ngày lễ lớn. Năm 2014, 2015 huyện tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật: Hội diễn Nghệ thuật quần chúng, ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc, tổ chức thi ca khúc cách mạng cho đối tượng thanh niên và tham dự các kỳ Hội diễn nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh đều đạt giải cao. Xây dựng 12 câu lạc bộ

---

[1] Gồm xã Văn Sơn, xã Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Trung, xã Khánh Yên Hạ.

[2], [3] Đề án số 05 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát triển phong trào thể dục thể thao huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020, tr.3.

Khắp Nôm tại 11 xã và thị trấn Khánh Yên[3], nơi đồng bào dân tộc Tày cư trú đông, xây dựng các câu lạc bộ về lĩnh vực gia đình tại các khu dân cư thuộc các xã.

Một số tập quán lạc hậu cơ bản đã cải tạo được như tập tục người chết không đưa vào áo quan của đồng bào Mông đã được cải tạo dứt điểm; tập quán để người chết trong nhà quá 48 giờ; tập quán thách cưới, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống đã được cải tạo.

Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục được phát triển rộng khắp[1]. Đặc biệt tại thị trấn Khánh Yên, nhân dân khu vực đô thị tham gia các hoạt động thể dục buổi sáng, cuối ngày làm việc, trở thành phong trào rộng khắp. Các hoạt động thể thao được các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quan tâm, như: Tổ chức giải cầu lông, bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi cho các độ tuổi tham gia... Các xã phía Nam, các xã tuyến phía Tây của huyện, hàng năm luân phiên đăng cai tổ chức giao hữu bóng đá khu vực. Nhiều xã và thị trấn tổ chức giải bóng đá giữa các khu dân cư. Thị trấn tổ chức giải bóng bàn. Các xã lân cận thị trấn tổ chức giao hữu bóng đá thiếu niên.

Hàng năm, Huyện tổ chức giải việt dã cấp huyện cho thanh niên, giải bóng bàn, giải cầu lông, giải bóng chuyền; tổ chức giải bóng đá cấp huyện năm 2013; tổ chức thi các môn thể thao trong ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc năm 2015.

Thông tin, liên lạc, tốc độ tăng trưởng của bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông, truyền dẫn sóng phát thanh - truyền hình về tới các khu dân cư được cải thiện rõ nét[2]. Năm 2015, huyện có 21/22 xã đạt tiêu chí nông thôn

---

(1) Hằng năm duy trì giải việt dã, duy trì tốt tổ chức định kỳ 2 năm một lần Đại hội thể dục, thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải bóng đá.

(2) Đến nay trên địa bàn huyện 20/22 xã có điểm bưu điện văn hóa. Toàn huyện có 3 mạng viễn thông chính đang hoạt động: VinaPhone, MobiFone, Viettel.

mới về bưu điện. Lắp đặt mạng LAN kết nối Internet 100% các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn phục vụ cải cách hành chính[1]. Có 90% số hộ dân xem được truyền hình, phát thanh địa phương. Tất cả các điểm dân cư đều tiếp sóng được Đài Tiếng nói Việt Nam và Truyền hình Việt Nam. Các phương tiện thông tin - truyền thông đáp ứng yêu cầu kịp thời tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và nhu cầu thông tin liên lạc trong đời sống xã hội, góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí và đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân.

Công tác xoá đói, *giảm nghèo, an sinh xã hội.*

Trong những năm 2011-2015, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo đã được các cấp, các ngành của huyện quan tâm đẩy mạnh và đạt được những kết quả tích cực. Các hoạt động xóa đói giảm nghèo hướng mạnh về cơ sở, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo đến với nhân dân, tạo niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án và các chính sách giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của toàn huyện giảm nhanh, đạt và vượt mục tiêu kế hoạch, huyện Văn Bàn giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 42,5% (năm 2011)[2] xuống 17,2% (năm 2015), bình quân mỗi năm giảm 6,02% tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện[3].

Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã đặc biệt khó khăn được đầu tư phát triển mạnh, bộ mặt nông thôn từng bước khởi sắc; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% số xã có điện

---

[1] Trang thông tin điện tử huyện Văn Bàn thường xuyên cập nhật thông tin phát triển kinh tế - xã hội tuyên truyền kịp thời. Củng cố, trang bị 22/22 xã có trạm truyền thanh, 217/251 thôn, bản thuộc 22 xã có cụm loa thôn, bản phục vụ thông tin địa phương.

[2] Đề án số 06 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020, tr.2.

[3] Văn kiện đại hội Đảng bộ lần thứ XX.

lưới quốc gia và được phủ sóng phát thanh, truyền hình; 12/23 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% số xã có trường mầm non, tiểu học, THCS, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt trên 99,7%.

Nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo không ngừng tăng. Tổng kinh phí đã bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện là 955.422,817 triệu đồng. Trong đó, ngân sách trung ương là 949.711,138 triệu đồng, các nguồn vốn khác 5.711,679 triệu đồng[1]. Các chính sách đối với người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực. Các chính sách này đã tạo chỗ dựa vững chắc cho các hộ nghèo, người nghèo, tạo động lực mạnh mẽ giúp người nghèo, hộ nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được tập trung chỉ đạo, nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, ổn định cuộc sống cho người dân. Hàng năm, tạo việc làm mới cho trên 1.238 lao động. Công tác chăm sóc người có công, an sinh xã hội được đẩy mạnh, thực hiện tốt việc xây dựng quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Trợ cấp thường xuyên, cứu trợ và cứu đói đột xuất cho các đối tượng trên địa bàn[2]. Cấp phát trên 79.894 thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng, đảm bảo đúng đối tượng. Cơ bản các đối tượng chính sách đã có mức sống ngang bằng với các hộ dân trên địa bàn huyện.

---

[1] Đề án số 06 ngày 24/12/2015 của Huyện ủy Văn Bàn về giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020, tr.2.

[2] Thực hiện trợ cấp thường xuyên trên 84.799 lượt đối tượng, với tổng kinh phí 59.555,39 triệu đồng; cứu trợ đột xuất 58 hộ, với tổng kinh phí 289 triệu đồng; Hỗ trợ cứu đói cho 4.692 hộ, tổng số trên 319,480 tấn gạo; in ấn, cấp phát trên 79.894 thẻ BHYT người nghèo, người dân tộc thiểu số; đối tượng BTXH và NCC đảm bảo đúng đối tượng.

Đồng chí Phạm Toàn Thắng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện tặng giấy khen, quà cho Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Công tác y tế, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe, bảo đảm cho mọi đối tượng được tiếp cận với dịch vụ y tế chất lượng cao, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX của huyện đề ra nhiệm vụ cho sự nghiệp y tế những năm 2011-2015 là: Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác y tế - dược. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có cơ cấu phù hợp, có trình độ cao và có y đức tốt. Tăng cường củng cố hệ thống phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, mạng lưới y tế thôn bản để giải quyết được những ca bệnh thông thường tại cơ sở, tránh sự quá tải cho y tế tuyến huyện. Làm tốt công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, công tác bảo vệ và chăm sóc bà mẹ và trẻ em.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, Huyện ủy ban hành Đề án số 10 ngày 10/3/2012, về phát triển sự nghiệp y tế huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015, nhằm xây dựng hệ thống y tế huyện Văn Bàn từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, hoàn chỉnh đồng bộ từ huyện đến xã, gồm hệ thống bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa khu vực; đơn vị Trung tâm y tế; Trung tâm Dân số kế hoạch

hóa gia đình, các Trạm y tế xã, y tế thôn, bản và y tế trường học, cơ quan, xí nghiệp; phát triển y dược học cổ truyền và hoạt động các hội nghề nghiệp. Tập trung phát triển nhân lực y tế, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên khoa sâu. Tổ chức thực hiện chiến lược quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, Dân số kế hoạch hóa gia đình và các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Xây dựng hệ thống y tế huyện phát triển tới các chỉ số đạt mức khá so với tỉnh. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân; giảm tỉ lệ mắc bệnh tật và tử vong, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, đạt và vượt các chỉ tiêu sức khỏe trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra.

Đảng bộ huyện chỉ đạo công tác y tế tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm: Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia như phòng chống bệnh sốt rét, bướu cổ, lao, phong, suy dinh dưỡng ở trẻ em, vệ sinh an toàn thực phẩm... Tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, đảm bảo tính hệ thống và tính liên tục trong chuyên môn của từng tuyến điều trị và sự cân đối, hợp lý giữa các cơ sở khám chữa bệnh. Có đủ điều kiện xử lý chất thải y tế và khả năng chống nhiễm khuẩn tại các cơ sở y tế. Bổ sung trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa huyện, trung tâm y tế, trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình.

Nhờ sự chỉ đạo kịp thời, sự đầu tư đồng bộ nên hệ thống mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường, đầu tư. Đến năm 2015, huyện có 1 bệnh viện đa khoa và 4 phòng khám đa khoa khu vực được xây dựng kiên cố, khang trang; 23/23 xã, thị trấn có trạm y tế; 19 trạm y tế xã được xây kiên cố theo mẫu định hình; tổng số 247 giường bệnh[1], tăng 95 giường so với năm 1995.

[1] Đề án số 10 ngày 10/3/2012, tr.1.

Từ năm 2011 đến hết năm 2015, đã xây mới 10 trạm y tế[1] đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế được tập trung đào tạo nguồn cán bộ y tế chuyên khoa sâu, chuyển giao kỹ thuật từ Trung ương, từ tỉnh về huyện; tạo điều kiện cho cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, bổ túc về chuyên môn và quản lý cho cán bộ trạm y tế xã; đào tạo bổ sung y tế thôn bản và tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế thôn bản. Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y dược học cổ truyền bằng nhiều hình thức, nhằm thực hiện khám chữa bệnh bằng y dược học cổ truyền. Đến năm 2015, toàn huyện có 11/19 trạm y tế xã có bác sỹ, đội ngũ bác sỹ được tăng cường.

Chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân từng bước được nâng lên. Trong nhiệm kỳ, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tiêm chủng cho trẻ em dưới 5 tuổi luôn đạt trên 95%, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội; công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm, đẩy mạnh[2]. Đến năm 2015, có 9/23 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới).

Huyện chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc trên địa bàn thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, dưới nhiều hình thức như tuyên truyền miệng, sân khấu hóa, kí cam kết thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Do đó, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình giai đoạn này có chuyển biến tích cực, tỉ lệ sinh hàng năm giảm.

---

[1] Giai đoạn 2011-2015 xây mới trạm y tế xã Văn Sơn, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Hòa Mạc, Làng Giàng, Dần Thàng, Tân Thượng, Liêm Phú, Mà Sa Phìn (Nậm Xây).

[2] Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%, vượt mục tiêu NQĐH. Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em được quan tâm chỉ đạo, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm bình quân 1,4%/năm, chưa hoàn thành mục tiêu NQĐH.

Năm 2015, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,32%[1], giảm 2,4% so với năm 1990; giảm 0,58% so với năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc bà mẹ và trẻ em được chú trọng, tuyên truyền, tư vấn dinh dưỡng bà mẹ mang thai, trẻ dưới 5 tuổi, do đó tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng hàng năm giảm.

Về giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX của huyện xác định: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, với những chỉ tiêu cụ thể.

Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong những năm 2011-2015 là: Tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về giáo dục - đào tạo. Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi trước năm 2015, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 ở 100% số xã thị trấn; hàng năm huy động trẻ trong độ tuổi đi học đến trường đạt 99,5; đến năm 2015, có 50 trường đạt chuẩn quốc gia; Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục, để người dân được trực tiếp tham gia vào hoạt động GD-ĐT. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá trường lớp học, huy động nguồn lực tại chỗ tham gia chương trình này để sớm có một cơ sở vật chất khang trang phục vụ cho việc dạy và học. Đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ cơ sở, bồi dưỡng đào tạo nghề cho nông dân.

Đại hội đề ra giải pháp cụ thể về giáo dục - đào tạo từ năm 2011 đến năm 2015: Đảng bộ huyện Văn Bàn lãnh đạo tập trung vào việc triển khai thực hiện thông báo kết luận số 242-TB/TW của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương II (khoá VIII) về phát triển giáo dục - đào tạo. Phát triển mạnh giáo dục mầm non cả ở loại hình công lập và ngoài công lập; chú trọng phát triển giáo dục phổ thông; củng cố và phát triển các loại hình

[1] Báo cáo số 78-BC/HU ngày 19/01/2016 về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2015.

trường lớp có dân nuôi, các trung tâm học tập cộng đồng. Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; ưu tiên đào tạo và sử dụng đội ngũ giáo viên là người địa phương, người dân tộc thiểu số. Xây dựng và thực hiện đề án số 19 của huyện ủy về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015, xác định rõ cơ cấu tỷ trọng ngành nghề, trong đó chú ý đào tạo nghề cho nông dân; đa dạng hoá các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Củng cố kiện toàn các cơ sở đào tạo của huyện đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục đào tạo.

Để triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của tỉnh về giáo dục và đào tạo, đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX của huyện, Huyện ủy, UBND huyện Văn Bàn đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền và huy động sức mạnh tổng hợp của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện cchung tay, góp sức xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục[(1)]. Hàng năm UBND huyện ban hành Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ PCGD, Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo nhằm giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan chức năng liên quan, các xã, thị trấn trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm từng năm học, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đại hội đề ra.

---

(1) Đề án số 09 ngày 10/3/2012 của Huyện uỷ Văn Bàn về việc phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục huyện Văn Bàn giai đoạn 2011- 2015; Đề án số 19 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về phát triển nguồn nhân lực, giai đoạn 2011- 2015; Chương trình hành động số 21-CTr/HU ngày 25/02/2014 của Huyện uỷ Văn Bàn về chương trình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa". Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/02/2012 của UBND huyện về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015; Đề án số 157/ĐA-UBND ngày 12/3/2015 về quy hoạch mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên huyện Văn Bàn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, ngày 01/3/2012, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn ban hành Nghị quyết số 07- NQ/HU, *"Về chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XIX, nhiệm kỳ 2011-2015"* với 5 chương trình và 19 Đề án, trong đó có Đề án 09, ngày 10/3/2012 về phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015, với mục tiêu: Củng cố, phát triển quy mô mạng lưới trường, lớp thuộc các cấp học, ngành học một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu thu hút tối đa người trong diện đi học. Đa dạng hóa các hình thức học tập nhằm từng bước xây dựng xã hội học tập. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng, mức độ đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học, Phổ cập giáo dục THCS, tiến tới Phổ cập giáo dục phổ thông cấp xã vùng thấp. Tập trung nâng cao, tạo chuyển biến rõ nét cho về chất lượng giáo dục toàn diện, hiệu quả giáo dục nhằm từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch khá xa về chất lượng giáo dục giữa các vùng trong huyện và từng bước tiếp cận với chất lượng, hiệu quả vùng phát triển của tỉnh. Thực hiện theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, từng bước tiến tới hiện địa hóa trường học, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trên địa bàn. Đề án cũng nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của từng cấp học và giải pháp thực hiện nhiệm vụ.

Huyện chỉ đạo cấp xã, các ngành chuyên môn thường xuyên quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân để triển khai thực hiện các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo; đặc biệt là các nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; đưa cả hệ thống chính trị tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục, xác định việc chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương,

gắn với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội từng năm và nhiệm vụ giáo dục trong mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục từ huyện đến cơ sở, huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân chăm lo, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật và chế độ của Nhà nước đối với người dạy, người học. Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, từ năm 2011 đến năm 2015, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Phát triển mạng lưới trường, lớp và quy mô giáo dục hợp lý, thu hút người học đi học chuyên cần, phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và khắc phục sự chênh lệch chất lượng giữa các vùng. Quy mô trường lớp tiếp tục được mở rộng, mạng lưới trường lớp nhất là ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn phát triển nhanh, thu hút ngày càng nhiều học sinh đến trường ở tất cả các cấp học, bậc học. Các xã, thị trấn quy hoạch, củng cố, phát triển quy mô, mạng lưới trường học thuộc các cấp học một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu thu hút tối đa người học trong diện đi học. Đặc biệt các trường thuộc xã vùng cao, vùng dân tộc thiểu số đã chuyển đổi các loại hình trường THCS sang trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS. Đa dạng hóa các hình thức học tập nhằm từng bước xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục củng cố, bổ sung các điều kiện để tất cả các trường, điểm lớp mầm non được nuôi, dạy bán trú trong ngày, nhằm duy trì ổn định số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, giữa các xã vùng cao khó khăn; góp phần giảm đáng kể sự chênh lệch chất lượng giữa các vùng. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất, công trình phụ trợ để đưa số học sinh lớp 3, 4, 5 tại các điểm trường về học tại trường chính, nuôi dạy theo hình thức bán trú, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tiếp tục chuyển đổi các đơn vị trường THCS sang loại hình trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, đồng thời tiếp tục củng cố mô hình học sinh ở nội trú dân nuôi, nhằm thu hút trẻ trong độ tuổi đến trường. Đặc

biệt trẻ ở các thôn bản xa, không đi về trong ngày được. Tiếp tục mở lớp bổ túc THCS tại các trường THCS và bổ túc THPT tại trung tâm giáo dục thường xuyên, nhằm nâng cao trình độ cho công chức xã, đối tượng dự nguồn và người lao động.

Quy mô nhóm lớp nhà trẻ, mẫu giáo tiếp tục được mở rộng, 100% các xã, thị trấn trong toàn huyện đã có trường mầm non hoạt động ổn định. Các cụm dân cư xa trung tâm xây dựng các điểm lớp lẻ thuận lợi thu hút trẻ đến trường. Huy động 10,5% trẻ tuổi nhà trẻ, 89,3% trẻ tuổi mẫu giáo được nuôi, dạy trong trường mầm non, trong đó tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp học mẫu giáo, hàng năm đạt 99,9% trở lên so với tổng số trẻ 5 tuổi.

Quy mô mạng lưới trường, lớp các cấp học phổ thông ổn định. Huy động 99,7% trẻ từ 6 - 14 tuổi ra lớp, 100% học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm vào lớp 6. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học Trung học phổ thông đạt 70% năm 2015. Đến năm 2015, toàn huyện có 93 cơ sở giáo dục và đào tạo, trong đó Mầm non: 27 trường; Tiểu học: 36 trường; các trường thuộc loại hình trường Trung học cơ sở: 25 trường; Trung học phổ thông: 4 trường; 01 Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên; tăng 01 trường mầm non so với năm 2010. Đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, đảm bảo huy động tối đa trẻ trong độ tuổi đến trường.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của 23 trung tâm học tập cộng động thuộc 23 xã, thị trấn, đảm bảo nhu cầu học tập thường xuyên, tại chỗ của nhân dân. Đồng thời tập trung vào khuyến nông, khuyến lâm, bổ túc nghề, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Công tác phổ cập giáo dục được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Từ năm 2011 đến năm 2015, thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, việc chăm sóc, giáo dục được quan tâm, đầu tư toàn diện hơn. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được đẩy mạnh. Toàn huyện huy động 99,9%

trẻ 5 tuổi đến trường; đảm bảo tỉ lệ 2 giáo viên/lớp, trong đó trên chuẩn 38,2%; 100% các lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây dựng kiên cố, bán kiến cố; 100% các lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người dạy, người học. Chất lượng và hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ có chuyển biến tích cực. Năm học 2015- 2016, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 0,4%, giảm 51,2% so với năm 1991. Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường đạt 100%, tăng 34,5% so với năm 2005. Đến tháng 12/2013, toàn huyện có 23/23 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, về đích sớm 1 năm so với nghị quyết của Huyện ủy.

Vụ trưởng Vụ Giáo dục mầm non Nguyễn Bá Minh (áo đen đứng giữa) kiểm tra công nhận huyện Văn Bàn đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2013.

Huyện duy trì vững chắc phổ cập giáo dục Tiểu học chống mù chữ, phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở của 22 xã và thị trấn. Mở bổ túc THPT tại Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Huyện chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần khắc phục khoảng cách chênh lệch chất lượng giữa các vùng.

Cùng với việc mở rộng quy mô trường lớp, huy động học sinh đến trường, ngành giáo dục Văn Bàn còn chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục cho các cấp học, bảo đảm các điều kiện và tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định trong tất cả các cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện nâng cao hiệu quả chương trình dạy tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số thuộc các xã Nậm Xây, Nậm Xé, Nậm Chày, Nậm Mả. Quan tâm tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hành vi ứng xử cho học sinh bằng nhiều hình thức phù hợp trên cơ sở phát huy vai trò của tổ chức Đoàn, Hội và giáo viên làm công tác tư vấn trong nhà trường; kết hợp hiệu quả ba môi trường giáo dục để thực hiện tốt công tác giáo dục học sinh.

Từ năm học 2015-2016, trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện chuyển thành trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS và THPT huyện. Huyện tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS và THPT huyện thành trung tâm chất lượng cao, nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

Huyện thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục theo hướng công khai, minh bạch và từng bước tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đổi mới phương pháp dạy học từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Đổi mới công tác thi cử, kiểm tra và đánh giá đảm bảo thực chất, trung thực và khách quan. Do đó, học sinh chuyển lớp, chuyển cấp đạt tỷ lệ cao. Chất lượng học tập của học sinh, đặc biệt là học sinh ở các xã, thôn bản vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có bước chuyển biến mạnh, học sinh đạt được yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng cơ bản, mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục.

Giáo dục mầm non, chất lượng nuôi dạy có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng hằng năm giảm. Đến cuối năm học 2015-2016, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 0,4% và thể thấp còi còn 0,9%, giảm 1,37% so với năm học

2010-2011. Số trẻ được đánh giá đạt yêu cầu trở lên đạt 99,9%. Tỷ lệ học sinh mẫu giáo được làm quen với Tin học đạt 60,3%.

Giáo dục Tiểu học, hàng năm có 100% học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ; từ 99,3% trở lên học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập; 100% học sinh lớp 5 được xét hoàn thành chương trình tiểu học. Tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp hàng năm đạt 99,9% trở lên; 71,7% học sinh từ lớp 3 đến lớp 5 được học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông, 51% học sinh từ lớp 3 đến lớp 5 được học môn Tin học.

Giáo dục THCS, tỷ lệ học sinh được chuyển lớp hàng năm đạt 99,8% trở lên. Học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS đạt 99,86%; Học sinh học xong lớp 9 học lên lớp 10 hàng năm đạt từ 65% đến 70%.

Giáo dục THPT, tỷ lệ chuyển lớp hằng năm đạt 99,6% trở lên. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm bình quân đạt trên 95%. Số lượng học sinh đỗ vào các trường Cao đẳng, Đại học tăng. Từ năm 2011 đến năm 2015, có 668 học sinh được tuyển vào các trường Đại học, 1332 học sinh được tuyển vào các trường Cao đẳng. Học sinh tham gia học Trung cấp nghề là 954 học sinh[(1)].

Tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp, học sinh đạt giải cấp quốc gia tại các kỳ thi, cuộc thi hàng năm đều tăng, trong đó có học sinh của các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chất lượng học sinh đạt giải qua các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, vận dụng kiến thức liên môn, khoa học kỹ thuật hàng năm tăng, tiêu biểu như trường THCS Tân An; THPT số 1; THPT số 4. Đặc biệt năm học 2014-2015, đạt 14 giải cấp tỉnh và 11 giải cấp Quốc gia về cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, vận dụng kiến thức liên môn, khoa học kỹ thuật.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia luôn được các cấp ủy đảng chính quyền từ huyện đến cơ sở xác định vừa là

(1) Đề án số 08 về phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020, tr.3.

mục tiêu, vừa là con đường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, được toàn xã hội quan tâm và hưởng ứng. Cấp ủy, chính quyền, các ngành đoàn thể từ huyện đến xã chú trọng trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện vận động, huy động xã hội hóa giáo dục, kết hợp với sự đầu tư của nhà nước để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Đặc biệt, trong giai đoạn này, huyện Văn Bàn triển khai thực hiện có hiệu quả việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với Chương trình xây dựng Nông thôn mới. Từ đó đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Số trường học đạt chuẩn quốc gia hàng năm tăng, làm thay đổi diện mạo của các đơn vị nhà trường, đặc biệt số trường chuẩn quốc gia tăng. Do đó, cơ sở vật chất như phòng học, phòng chức năng, các công trình phụ trợ đầy đủ hơn, kiên cố hơn và hiện đại hơn; các trang thiết bị dạy học hiện đại ngày các được tăng cường như máy chiếu, máy vi tính, bảng tương tác, phòng nghe nhìn... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các nhà trường. Đến năm 2015, toàn huyện có 59 trường học đạt chuẩn quốc gia, tăng 25 trường so với năm 2010.

Đội ngũ nhà giáo tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy

Huyện chăm lo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nhờ vậy, cán bộ quản lý, giáo viên tiếp tục được tăng cường cả về số lượng và chú trọng nâng cao chất lượng. Đến năm 2015, toàn huyện có 2271 cán bộ, giáo viên, nhân viên, tăng 304 giáo viên so với năm 2010. Tỷ lệ giáo viên giỏi hàng năm đạt từ 35,8% trở lên. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, hàng năm UBND huyện thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý, sắp xếp đội ngũ giáo viên, thực hiện chính sách luân chuyển, điều động đảm bảo phù hợp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng dạy và học.

Công tác bồi dưỡng chính trị, chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm chú ý; đặc biệt chú trọng bồi dưỡng năng lực đổi mới, kỹ năng quản lý, kỹ năng dạy học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp; các chuyên đề, mô hình do ngành giáo dục triển khai; tổ chức tốt việc đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp với từng vị trí việc làm.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên, giáo viên và học sinh được chú trọng. Hàng năm, huyện tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý nhà nước về giáo dục, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tỷ lệ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học đạt trình độ đào tạo chuẩn trở lên là 99,8%, tỷ lệ giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt trình độ đào tạo chuẩn trở lên 100%.

Phát triển đảng viên trong trường học luôn được các cấp uỷ Đảng quan tâm, đến năm 2015, có 91/91 đơn vị trường học trong toàn huyện có đảng viên. Tổng số đảng viên trong ngành giáo dục huyện là 1171 đảng viên, đạt 51,56%, tăng 469 đảng viên, tăng 15,86% so với năm 2010. Tổng số trường có chi bộ là 88, ba trường có chi bộ ghép.

Hàng năm huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển giáo dục; cơ sở vật chất trường lớp được tăng cường, ưu tiên trang bị thiết bị dạy học; quản lý và sử dụng hợp lý, hiệu quả các thiết bị dạy học đã được trang bị; UBND huyện ưu tiên các nguồn vốn, kết hợp các nguồn đầu tư từ các dự án, chương trình để bổ sung, thay thế phòng học tạm, phòng học cấp 4 đã xuống cấp cho các trường học.

Công tác xã hội hóa giáo dục được triển khai mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm và hưởng ứng của các lực lượng xã hội. Thông qua đó, thu hút được nguồn nhân lực, vật lực và trí tuệ của toàn xã hội tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục. Đảng bộ, chính quyền, các ngành, đoàn thể từ huyện đến xã đã chú trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện vận động huy động xã hội hóa, kết hợp với sự đầu tư của nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất trường học. Tổng huy động các nguồn lực xã hội hóa trong cộng đồng để chăm lo và đầu tư cho giáo dục giai đoạn 2011-2015: Nhân dân hiến đất và hỗ trợ bồi thường đất để xây dựng trường học được 15064m2 đất; huy động ngày công, tiền của, vật liệu xây dựng để xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ cho học sinh học tập, và sinh hoạt. Huy động cộng đồng tham gia giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, đảm bảo cho học sinh đủ ăn, đủ mặc, đủ sách vở. Tổng giá trị xã hội hóa quy ra tiền đạt trên 40 tỷ đồng.

Đến năm 2015, tổng số phòng học trong toàn huyện là 972 phòng. Trong đó, phòng kiên cố 1 tầng trở lên là 639 phòng, chiếm 65,7%, phòng học tạm là 121 phòng, chiếm 12,4%, số còn lại là phòng học bán kiên cố chiếm 21,9%. Tổng số 362 phòng ở giáo viên, trong đó có 2 phòng kiên cố, bán kiên cố 266 phòng, phòng tạm 94 phòng. Tổng số phòng chức năng, phòng học bộ môn là 945 phòng, thiếu 360 phòng.

Công tác khuyến học, khuyến tài ngày càng phát triển, số hội viên tăng. Đến năm 2015, có 22 xã và thị trấn xây dựng Hội khuyến học cơ sở, 271 chi hội trực thuộc hội cơ sở và 162 Ban khuyến học với tổng số 17.598 hội viên. Giai đoạn 2011-2015,

đã huy động trên 15 tỷ đồng, nhằm hỗ trợ xây dựng các trường, điểm trường vùng sâu, vùng xa; học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; học sinh nghèo vượt khó; học sinh, giáo viên có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong học tập và công tác.

Lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện trao thưởng học sinh nghèo vượt khó

Công tác thi đua - khen thưởng trong giáo dục từng bước được cải tiến. Các phong trào thi đua thu hút 100% cán bộ giáo viên, học sinh trong ngành. Tạo ra động lực góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Giai đoạn 2010-2015 có gần 500 lượt tập thể; trên 10.000 lượt cá nhân được nhận danh hiệu thi đua.

Công tác quốc phòng - an ninh cũng được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo. Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX xác định rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ huyện là đảm bảo quốc phòng - an ninh; xây dựng huyện Văn Bàn là khu vực phòng thủ, căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh.

Quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX đề ra nhiệm vụ tổng quát về công tác quốc phòng, an ninh là: Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX đề ra nhiệm vụ cụ thể về quốc phòng - an ninh, phòng chống tham nhũng. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi các chỉ thị nghị quyết của Đảng về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nhất là nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù; nắm chắc tình hình chủ động tấn công làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong việc củng cố xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng phát triển kinh tế gắn với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng, đảm bảo về số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng huấn luyện, sau huấn luyện. Hoàn thành kế hoạch luyện tập, diễn tập các phương án. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, đảm bảo 100% quân số có chất lượng, tăng tỷ lệ thanh niên nhập ngũ là người dân tộc để tạo nguồn cho sau này khi hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tăng cường mạng lưới an ninh cơ sở, tích cực đấu tranh ngăn chặn kịp thời và phòng chống có hiệu quả với các loại tội phạm hình sự, các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn. Phấn đấu điều tra phá án hình sự đạt từ 95% trở lên. Làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tập trung chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi tham nhũng. Tăng cường sự giám sát của HĐND, MTTQ và các đoàn thể, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo công khai dân chủ gắn với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XIX, ngày 01/3/2012, Ban Chấp hành Đảng bộ

huyện khóa XIX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/HU về việc phê duyệt, ban hành và triển khai thực hiện 5 chương trình, 19 đề án trọng tâm giai đoạn 2011-2015. Trong đó có 03 Đề án về lĩnh vực quốc phòng - an ninh[1] với mục tiêu từng bước xây dựng khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn có tiềm lực và sức mạnh toàn diện, nhằm ngăn ngừa, làm thất bại âm mưu và hoạt động diễn biến hòa bình, gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Ban Chấp hành Đảng bộ quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nhất là chấp hành nghiêm Nghị quyết số 28-NQ/TW về xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc[2].

Trong công tác quốc phòng, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng huyện Văn Bàn là căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh và xây dựng khu vực phòng thủ của huyện được các cấp uỷ Đảng thường xuyên chỉ đạo thực hiện, ngày càng đi vào chiều sâu, đạt kết quả.

Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, Huyện ủy thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Trung ương[3]; nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh lần thứ V, Đảng bộ huyện lần thứ XIX về nhiệm vụ quân

---

[1] Đề án số 09 về nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự trong khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn giai đoạn 2010 - 2015; Đề án số 13 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015; Đề án số 14 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015; Đề án số 15 ngày 10/3/2012 của Huyện ủy Văn Bàn về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo giai đoạn 2011-2015.

[2] Nghị định số 152/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Nghị quyết sôm sao thês 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI) về tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013.

[3] Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc, Nghị định số 152/2007/ NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

sự, quốc phòng hàng năm. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các chỉ thị, kế hoạch về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng; chỉ đạo ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các cơ sở xã, thị trấn, đơn vị tự vệ triển khai thực hiện có hiệu quả trên tất cả các mặt công tác, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự - quốc phòng hàng năm. Huyện đã tập trung xây dựng mới, hoàn chỉnh kế hoạch A, kế hoạch tác chiến phòng thủ và kế hoạch bảo đảm của các ngành; kế hoạch A2, A4, kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng thời kỳ đầu chiến tranh; kế hoạch bảo vệ các ngày lễ, sự kiện của đất nước và hướng dẫn các ngành của địa phương xây dựng mới kế hoạch B, phục vụ cho quyết tâm tác chiến phòng thủ của huyện.

Các cấp ủy chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 13 của Huyện ủy về xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc giai đoạn 2011-2015. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, hiệu quả hoạt động từng bước nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện, tốc độ tăng trưởng hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân được quan tâm. Thực hiện tốt việc phát triển kinh tế xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh.

Toàn huyện tổ chức luyện tập, diễn tập 43 cuộc ở các cấp; tổ chức 22 lớp giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng, quân số 1.716 người; giáo dục quốc phòng cho học sinh, học viên 9.849 em. Công tác giáo dục quốc phòng góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhiệm vụ quân sự quốc phòng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh[1].

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 16 và Kết luận số 41-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, Huyện ủy lãnh đạo nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực

[1] Đề án số 09 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự trong khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020, tr.2.

lượng vũ trang huyện. Hàng năm, củng cố cơ sở dân quân tự vệ đúng Luật, với 1517 người, đạt tỷ lệ 1,8% dân quân tự vệ so với dân số. Cơ quan quân sự các cấp tham mưu cho cấp uỷ địa phương làm tốt công tác phát triển đảng viên trong dân quân tự vệ và dự bị động viên. Do đó, đến năm 2015, tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ và dự bị động viên đạt 26%. Xây dựng được kế hoạch bảo đảm của các ngành về công tác động viên quân đội để triển khai thực hiện, từng bước nâng cao số lượng và chất lượng, sắp xếp cho các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ đạt 84%, trong đó đúng chuyên nghiệp quân sự 70%.

Huyện ủy chỉ đạo tổ chức tập huấn cho cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và thôn đội trưởng hàng năm với tổng số 28 lớp, 29.199 người. Tổ chức tốt lễ ra quân huấn luyện hàng năm[(1)]. Công tác huấn luyện đã góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh của lực lượng vũ trang địa phương luôn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Huyện ủy lãnh đạo lực lượng vũ trang huyện tham gia làm tốt công tác dân vận, góp phần xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; chỉ đạo phối hợp với các lực lượng tham gia kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do, khai thác khoáng sản, vật liệu ở một số địa bàn, góp phần giữ vững ổn định chính trị. Lực lượng vũ trang thường xuyên bám nắm địa bàn, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương củng cố hệ thống chính trị, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể vận động nhân dân tích cực xây dựng nông thôn mới, xoá đói giảm nghèo, hạn chế di cư tự do, không hoạt động tôn giáo trái pháp luật, xoá bỏ tập tục lạc hậu, góp phần giữ vững an ninh chính trị ổn định đời sống, được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân tin cậy.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định. Các ngành, các cấp từ huyện đến cơ sở đã

---

(1) Đề án số 09 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự trong khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020, tr.3.

quán triệt và tổ chức thực hiện tốt chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và đề án của địa phương về an ninh, trật tự xã hội[1]. Nhờ vậy, huyện đã phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với âm mưu *"diễn biến hòa bình"*, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch. Đáng chú ý là công tác đấu tranh với hoạt động tuyên truyền thành lập "*Nhà nước Mông*". Bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại địa phương; công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước được tăng cường; giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện phức tạp ngay từ cơ sở, không để hình thành "điểm nóng", không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ, gây rối, bạo loạn, góp phần đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Huyện củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tập trung điều tra, khám phá nhiều vụ án nghiêm trọng được nhân dân đồng tình ủng hộ, tỷ lệ điều tra tội phạm đạt 93,02%. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy - kinh tế- chức vụ được quan tâm chỉ đạo. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 21 - CT/TW ngày 26/3/2009 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới. Trong những năm 2011-2015, lực lượng phòng chống tội phạm mở 15 đợt cao điểm tấn công truy quét các loại tội phạm hình sự, ma tuý, tệ nạn xã hội và phòng chống mua bán người góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Trong 5 năm,

---

[1] Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 14/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới"; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới"; triển khai có hiệu quả Đề án số 14 của Huyện ủy về "Tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015".

trên địa bàn huyện xảy ra 285 vụ việc, trong đó Công an huyện thụ lý 279 vụ việc, 06 vụ việc chuyển Công an tỉnh Lào Cai thụ lý[1]. Nhờ vậy huyện kiềm chế sự gia tăng tội phạm và tệ nạn xã hội, tạo sự chuyển biến tích cực về trật tự an toàn xã hội.

Công tác cai nghiện ma túy, trên địa bàn huyện Văn Bàn hiện có khoảng 905 người nghiện ma túy. Đã tiến hành lập hồ sơ quản lý, đưa đi cai nghiện tại Trung tâm giáo dục, lao động xã hội tỉnh Lào Cai 250 lượt đối tượng; 350 đối tượng nghiện ma túy đang tham gia uống Methadone tại thị trấn Khánh Yên và xã Minh Lương[2].

Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được chấn chỉnh, củng cố. Sự phối hợp giữa công an với các lực lượng quân sự, các ngành, cấp ủy, chính quyền ở địa phương chặt chẽ hơn. Huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức các đợt ra quân tuyên truyền, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt Nghị định số 34/CP và Nghị định số 71/CP của Chính phủ, huyện thường xuyên tổ chức tuần tra kiểm soát an toàn giao thông trên các tuyến đường thuộc huyện quản lý; phát hiện xử lý 3.518 trường hợp vi phạm, phạt tiền 2.527.640.000 đồng, tạm giữ 11 xe ô tô, 03 xe ô tô tự chế, 1.177 xe mô tô các loại. Tai nạn giao thông trên địa bàn huyện cơ bản được kiềm chế và giảm.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm đổi mới về hình thức, nội dung. Huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"*; Nghị quyết liên tịch giữa Bộ Công an với MTTQ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên được thường xuyên phối hợp, triển khai thực hiện.

Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành Nghị quyết, Kế hoạch để chỉ đạo phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đã tiến hành củng cố, kiện toàn Ban Công an

[1], [2] Đề án số 10 về "đảm bảo an ninh, trật tự huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016- 2020", tr.2.

22 xã, thành lập Công an chính quy tại thị trấn Khánh Yên, bổ nhiệm 01 đồng chí cán bộ Công an huyện đảm nhiệm chức danh Phó trưởng Công an xã Chiềng Ken; kiện toàn, duy trì 271 tổ an ninh nhân dân, 271 tổ hòa giải ở thôn bản. Đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và các ngành (đặc biệt là công an) triển khai các mặt công tác đảm bảo an ninh trật tự nông thôn. Đến năm 2015, có 19/22 xã đạt tiêu chí số 19 về an ninh, trật tự xã hội, đạt 86,4%[1]. Việc xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được kịp thời, không xảy ra các *"Điểm nóng"* về an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí được cấp ủy, chính quyền các cấp quán triệt nghiêm túc. Huyện ủy xây dựng chương trình kế hoạch, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước về phòng chống tham nhũng, lãng phí gắn với việc triển khai đồng bộ các nội dung của Luật phòng, chống tham nhũng; luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong đó tập trung các giải pháp như: Cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước 2011-2020; Nghị quyết số 23-NQ/TU, ngày 11/11/2015 của Tỉnh ủy Lào Cai về "đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể năm 2015, định hướng đến năm 2020"; công khai thu chi tài chính, mua sắm tài sản công; kê khai thu nhập, tài sản... Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc giám sát thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng. Hoạt động thanh tra tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, coi trọng việc kiểm tra thực hiện các kết luận sau thanh tra. Qua thanh tra kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Từ năm 2011 đến năm 2015, Huyện ủy đã tổ chức kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng đối với 30 thủ trưởng đơn vị

[1] Đề án số 02 của Huyện ủy về "xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2015-2020", tr.6.

và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn[1]. Ngoài ra, thông qua sự phân công phụ trách cơ sở của Ban Thường vụ huyện ủy, 100% ủy viên Ban Chấp hành huyện Đảng bộ tham gia giám sát đối với hoạt động, sinh hoạt của chi, đảng bộ trực thuộc; qua đó hỗ trợ, hướng dẫn cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời đóng góp, nhắc nhở kịp thời những thiếu sót, góp phần ngăn ngừa, hạn chế những vi phạm có thể xảy ra.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2011-2015), lần thứ XX (nhiệm kỳ 2016-2020) xác định xây dựng Đảng là then chốt, với mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên; xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong sạch vững mạnh.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Tập trung sự lãnh đạo xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tích cực giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức cách mạng, quán triệt đầy đủ các chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03 ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về *"Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh";* Chỉ thị số 05 ngày 15/5/2016 về "Đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện đạt hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước gắn với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương; xây dựng, củng cố, nâng cao hơn nữa niềm tin của nhân dân với Đảng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo và trong sinh hoạt Đảng. Tiếp tục thực hiện

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện, lần thứ XX.

nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"*, gắn với việc thực hiện tốt các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng; nâng cao trình độ và tính tiền phong gương mẫu đi đầu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, chủ chốt trong các cơ quan đơn vị.

Đảng bộ huyện tiếp tục triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng. Trong đó, Đảng bộ coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý cán bộ đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị và vấn đề chính trị. Các cấp ủy nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, gắn với việc bồi dưỡng, phát triển đảng viên có chất lượng, duy trì bền vững các chi bộ độc lập trực thuộc đảng ủy cơ sở, nhất là những chi bộ có ít đảng viên, chú ý phát triển đảng viên nữ, đảng viên trẻ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, trong các doanh nghiệp tư nhân. Các cấp ủy coi công tác kiểm tra, giám sát thực sự là phương tiện lãnh đạo của Đảng. Thông qua đấu tranh tự phê bình và phê bình; thông qua công tác kiểm tra, giám sát tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ và đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm được kết luận sau kiểm tra, giám sát.

Sự tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đề ra chủ trương, phương hướng đúng đắn, kịp thời yêu cầu phát triển. Nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chỉ thị, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn địa phương. Các chỉ thị, nghị quyết được quán triệt từ cấp trên xuống cấp dưới, từ cán bộ chủ chốt đến cán bộ khác.

Trong tổ chức, nghiên cứu, quán triệt nghị quyết có bước tiến mới như tổ chức hội nghị trực tuyến; xây dựng đội ngũ báo cáo viên từ huyện đến cơ sở, trong đó gắn trách nhiệm của bí thư các cấp ủy duy trì việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nghị

quyết của cấp mình. Vì vậy, việc học tập, quán triệt nghị quyết đã đi vào nền nếp, đạt chất lượng, tạo tiền đề tiếp tục triển khai nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, có chiều sâu và bề rộng, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, của huyện đến với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có nhiều đổi mới và cố gắng, được duy trì thường xuyên, có nền nếp từ huyện đến cơ sở. Chú trọng giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Tiếp tục đổi mới nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong đó, tập trung đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt, học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng và công tác giáo dục lý luận chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở. Huyện ủy tổ chức nhiều Hội nghị quán triệt nghị quyết cho cán bộ chủ chốt từ huyện đến cơ sở, từ cấp ủy, tổ chức đảng đến các đoàn thể chính trị xã hội và quần chúng. Nhờ đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng được nâng lên rõ rệt, tạo niềm tin, sự đoàn kết, thống nhất trong hành động thực tiễn.

Toàn Đảng bộ tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị *"Về* đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí *Minh"* gắn với việc thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 *(khóa XI) "Một số vấn* đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Hàng năm, cán bộ đảng viên xây dựng kế hoạch của cá nhân để đăng ký thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương của Bác; các cơ quan, đơn vị, chi bộ xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của đơn vị mình; cán bộ lãnh đạo, quản lý đăng ký việc gương mẫu đi đầu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo đúng hướng dẫn và quy định của Trung ương và Tỉnh ủy. Các cấp

ủy Đảng thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị với chuyên đề Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, từ đó đã làm chuyển biến khá rõ nét về nhận thức, tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân[1].

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị (Gọi tắt là Chỉ thị 03), Huyện ủy Văn Bàn ban hành 36 văn bản; Ban Tuyên giáo Huyện ủy ban hành 03 văn bản; Bộ phận giúp việc Huyện ủy ban hành 46 văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, trọng tâm là Kế hoạch số 18-KH/HU, ngày 06/01/2012 về tiếp tục đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2012 và giai đoạn 2011-2015... Qua đó tạo ra sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc học tập và làm theo Bác hiệu quả hơn ở 62 đảng bộ trực thuộc Huyện ủy.

Các đảng ủy cơ sở, các phòng, ban chuyên môn của huyện, các đơn vị sự nghiệp căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, chủ động xây dựng và cụ thể hóa thành các kế hoạch hoạt động của đảng ủy, cơ quan, đơn vị đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tích cực triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy và ngành dọc cấp trên để cụ thể hóa vào các phong trào hoạt động của đoàn viên, hội viên. Đồng thời tích cực tuyên truyền, vận động để đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thông qua nhiều phong trào hành động cách mạng thiết thực, cụ thể.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 03 trên địa bàn huyện Văn Bàn được toàn Đảng bộ và sự vào cuộc của cả hệ thống chính

[1] Trong đợt sơ kết 3 năm việc thực hiện Chỉ thị 03 (năm 2014) đã có 115 tập thể và 218 cá nhân tiêu biểu, xuất sắc được biểu dương, khen thưởng.

trị từ Huyện đến cơ sở. Nhờ đó, sau 5 năm thực hiện đã đem lại những kết quả tích cực, cụ thể ở nhiều cấp, nhiều ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị. Sau 05 năm thực hiện Chỉ thị 03, huyện Văn Bàn thực hiện nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Tỉnh ủy và Trung ương. Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy mở rộng đối tượng, đề nghị đăng ký phấn đấu, rèn luyện, xây dựng kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo chuẩn mực Hồ Chí Minh và cuối năm báo cáo công khai trước chi bộ, cơ quan, đơn vị.

Việc thực hiện nghiêm túc quy định nêu gương đem lại những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ ở các cơ quan, đơn vị được thực hiện đúng quy trình, chất lượng và hiệu quả hơn. Công tác thi đua - khen thưởng, kỷ luật ngày càng thực chất, khách quan hơn; dân chủ được mở rộng và ngày càng thực chất hơn. Đặc biệt là trong thực hiện đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Thực hiện Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về quyết định ban hành quy chế tiếp xúc với nhân dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong năm 2014-2015, cấp ủy các cấp và các tổ chức đoàn thể huyện tổ chức được 97 hội nghị tiếp xúc đối thoại trực tiếp với 3.980 đại biểu tham gia. Trong đó cấp ủy huyện tổ chức 05 hội nghị, các đoàn thể huyện tổ chức 04 hội nghị, cấp ủy xã tổ chức 88 hội nghị. Tại các hội nghị có tổng số 740 ý kiến của nhân dân, trong đó có 595 ý kiến được giải quyết. Việc sử dụng, bố trí kinh phí, cơ sở vật chất của cơ quan, đơn vị hiệu quả và đúng quy định, không để thất thoát, lãng phí của công. Việc thực hiện các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; thực hiện văn hóa hội họp, văn hóa ứng xử, văn hóa giao thông, văn hóa công sở, văn hóa gia đình và khu dân cư có nhiều chuyển biến rất cụ thể, từ năm 2011 đến năm 2015, có 55.659 hộ gia đình được công nhận Gia đình văn hóa.

Ở cấp cơ sở, việc gương mẫu biểu hiện qua chấp hành nghiêm túc thời gian làm việc; nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; tăng cường đối thoại để tạo sự đồng thuận trong dân; cán

bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu làm trước, đi trước để người dân noi theo; gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản, tổ dân phố văn hóa... của đội ngũ cán bộ cơ sở trong huyện chuyển biến tích cực. Có nhiều chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị, cán bộ lãnh đạo có những việc làm thể hiện sự nêu gương của đội ngũ cán bộ trước dân, rõ nhất là thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cán bộ từ thôn, bản, ban chi ủy chi bộ trở lên gương mẫu đóng góp tiền, công sức để xây dựng nông thôn mới, hành động đó lôi cuốn hàng nghìn gia đình tự nguyện hiến đất, chặt cây cối để làm đường, xây dựng trường học, nhà văn hóa. Trong 5 năm, toàn huyện đóng góp được 421.159,68 triệu đồng để xây dựng nông thôn mới (gồm 841.732 ngày công lao động, có 79 hộ gia đình hiến đất 54.220 m2 đất các loại). Tổng kết phong trào thi đua "Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi" giai đoạn 2010-2015, Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen cho 179 hộ. Từ năm 2012-2015, có 291 cá nhân, 98 tập thể tiêu biểu trong phong trào chung sức xây dựng Nông thôn mới được UBND huyện tặng giấy khen. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang, thầy giáo, thầy thuốc tận tụy với công việc, nhận đỡ đầu học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không ngừng nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.

Công tác xây dựng tổ chức bộ máy và cán bộ được quan tâm, chú trọng, Huyện ủy ban hành nhiều văn bản, kế hoạch để chỉ đạo thực hiện công tác phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ thôn, bản, tổ dân phố. Trong 5 năm (2010-2015), toàn Đảng bộ kết nạp mới được 1.640 đảng viên, đưa tổng số đảng viên toàn huyện đến tháng 9/2015 lên là 4.739 đồng chí. Từ tháng 10/2012 đến hết năm 2014, toàn huyện tách, thành lập mới được 150 chi bộ thôn, bản, tổ dân phố, đạt 271/271 thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ độc lập. Việc củng cố, thành lập các tổ chức cơ sở Đảng được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để lãnh đạo thực hiện

nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị[1]. Do đó, công tác phát triển đảng có chuyển biến tích cực. Số tổ chức cơ sở Đảng và số đảng viên không ngừng được tăng cường về số lượng, chất lượng có chuyến biến. Năm 2015, toàn huyện có 61 tổ chức cơ sở Đảng, tăng 21 tổ chức cơ sở Đảng so với năm 2000; số đảng viên năm 2015 là 4.739 đảng viên, tăng 2.550 đảng viên, tăng 216,5% so với năm 2000.

Đội ngũ cán bộ các cấp của huyện được bổ sung về số lượng, chú trọng việc nâng cao về chất lượng[2]; thường xuyên chỉ đạo củng cố, kiện toàn đội ngũ cấp ủy viên các cấp; hàng năm bổ sung quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho cấp ủy viên, tăng cường công tác quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Trong nhiệm kỳ đã thực hiện việc luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp, đảm bảo tính hiệu quả của các chức danh, vị trí công việc[3]. Công tác bồi dưỡng, đào tạo luôn được sự quan tâm của Thường trực Huyện ủy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cũng như kiến

---

[1] Trong nhiệm kỳ đã tách thành lập mới được 15 tổ chức cơ sở Đảng, nâng tổng số tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc huyện ủy lên 61 (bao gồm 29 đảng bộ cơ sở và 32 chi bộ cơ sở).

[2] Cán bộ công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị XH đến tháng 12/2015 là 67 người; Trình độ học vấn: THCS: 01/67 chiếm 1,5%; THPT: 66/67 đạt 98,5%; Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 01 đạt 1,5%; Đại học 55 đạt 82,1%; Cao đẳng 01 đạt 1,5%; Trung cấp 8 đạt 11,9%; chưa qua đào tạo 02 chiếm 3%. Cán bộ công chức cấp huyện đến tháng 12/2015 là 124 người (Trình độ học vấn: THPT: 124/124 người, đạt 100%; Trình độ chuyên môn: Chưa qua đào tạo là 01 người, chiếm 0,8%; Sơ cấp và tương đương là 4 người, chiếm 3,2%; Trung cấp 11 người, đạt 9%; Cao đẳng 4 người, đạt 3,2%; Đại học 102 người, đạt 81,4%; Thạc sỹ 2 người, đạt 2,4%. Cán bộ công chức cấp xã đến tháng 12/2015: 500 người, trong đó trình độ học vấn: Tiểu học: 10 người, chiếm 2%; THCS: 118 người, chiếm 23,6%; THPT: 372 người, chiếm 74,4%; Trình độ chuyên môn: Chưa qua đào tạo là 101 người, chiếm 20,2%; Sơ cấp và tương đương là 42 người, chiếm 8,4%; Trung cấp 217 người, chiếm 43,4%; Cao đẳng, Đại học 140 người, chiếm 28%.

[3] Tổng số cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý: 74 người; Công tác điều động, luân chuyển cán bộ, công chức: thực hiện điều động, tiếp nhận 179 người (cấp huyện: 117 người; cấp xã: 62 người).

thức quản lý nhà nước, từng bước nâng cao được chất lượng đội ngũ cán bộ từ cấp chi ủy trực thuộc Đảng ủy cơ sở góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác được giao. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm và thực hiện đúng quy định. Những vấn đề lịch sử chính trị và chính trị hiện nay được xem xét giải quyết, xử lý kịp thời. Chỉ đạo và thực hiện tốt Quy định số 76 của Bộ Chính trị, đa số đảng viên cơ quan Nhà nước tham gia sinh hoạt nơi cư trú đều thể hiện tính tiên phong gương mẫu, đảm bảo tốt mối liên hệ với cấp ủy, chính quyền nơi cư trú.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của toàn đảng bộ và hệ thống chính trị, nhằm bảo vệ, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, tạo sự đoàn kết, thống nhất và bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng được Huyện uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, toàn diện. Đặc biệt, việc triển khai, thực hiện Đề án số 17 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị huyện Văn Bàn, giai đoạn 2011-2015. Trong nhiệm kỳ, Huyện uỷ đã thực hiện 8 cuộc kiểm tra và 9 cuộc giám sát chuyên đề. Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ thực hiện 29 cuộc kiểm tra và 9 cuộc giám sát chuyên đề[1]. Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện uỷ đều được kiểm tra hoặc được giám sát từ 01 đến 02 lần. Nội dung chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị, Quy chế, Quy định của Đảng và các Chương trình, Đề án nghị quyết chuyên đề của Huyện uỷ. Công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm và tồn tại hạn chế, xác định rõ nguyên nhân, giúp

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

cấp uỷ các cấp kịp thời rút kinh nghiệm, sửa chữa khắc phục. Công tác kỷ luật của đảng được thực hiện nghiêm minh. Trong nhiệm kỳ đã xem xét, kết luận đảng viên, tổ chức đảng vi phạm kịp thời, cấp uỷ và Ủy ban kiểm tra các cấp đã quyết định xử lý kỷ luật 73 đảng viên[1]. Công tác giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại của đảng viên và công dân gửi đến Huyện uỷ và Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ đều được quan tâm chỉ đạo giải quyết dứt điểm, đảm bảo đúng thẩm quyền và thời gian quy định.

Công tác dân vận của Đảng bộ đạt được nhiều kết quả, có sự đổi mới về nội dung và phương pháp vận động quần chúng, tạo sự chuyển biến rõ rệt. Trong nhiệm kỳ đã chỉ đạo và tổ chức thành công đề án của Tỉnh ủy về thực hiện mô hình thí điểm Ban tuyên vận xã, tổ tuyên vận thôn bản, tổ dân phố. Đến nay 23/23 xã, thị trấn của huyện triển khai thực hiện mô hình. Qua đánh giá, tổng kết việc thực hiện mô hình đã đem lại kết quả quan trọng trong việc tuyên truyền và vận động nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể có nhiều cố gắng trong việc đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động. Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc. Công tác dân tộc, tôn giáo được các cấp, các ngành quan tâm; tình hình dân tộc, tôn giáo của huyện ổn định, không có vấn đề lớn xảy ra.

Về xây dựng hệ thống chính quyền, huyện đã củng cố, hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước, nhất là cấp cơ sở; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; bảo đảm chính quyền từ huyện tới cơ sở đủ mạnh để làm tốt chức năng quản lý, điều hành, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Luôn quan tâm củng cố, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm trước công việc, trước nhân dân của đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở; thực hiện có hiệu quả công tác

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

tinh giản biên chế, kiên quyết loại bỏ những cán bộ, công chức không đủ năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, thoái hóa, biến chất ra khỏi cơ quan nhà nước các cấp. Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh toàn diện.

Thực hiện nghiêm bộ thủ tục hành chính đã được ban hành và thường xuyên cập nhật, bổ sung phù hợp với yêu cầu. Nâng cao hiệu quả cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" tại các cơ quan hành chính Nhà nước. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc cũng như kiện toàn về tổ chức, bộ máy cán bộ, công chức của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nghiệp vụ chuyên môn. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện (từ năm 2015), xã. Tăng cường hiệu quả và chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên các lĩnh vực phát triển KTXH-ANQP. Tổ chức tốt công tác bầu cử đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

Công tác quản lý, điều hành của UBND huyện kịp thời, sáng tạo, có nhiều đổi mới. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn đảm bảo đúng luật quy định, thực hiện các cuộc giám sát, tiếp xúc cử tri trước, sau các kỳ họp theo đúng quy định. Các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn nhìn chung có ý thức trách nhiệm cao trước cử tri, trước nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng.

Chương trình cải cách hành chính từ năm 2011 đến năm 2015, được Đảng, Chính phủ và các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm chỉ đạo ở tất cả các nội dung: Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính. Do đó hiệu quả hoạt động của công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Văn Bàn

đạt được một số kết quả đáng khích lệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện (chỉ số DCI) và bước đầu đã thu được một số kết quả quan trọng.

Tăng cường công tác dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội. Tuyên truyền, quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong nhân dân. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với việc kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước triển khai trên địa bàn. Nắm chắc tâm tư nguyện vọng của nhân dân để kịp thời phản ánh đến các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo theo đúng quan điểm của Đảng và quy định của Hiến pháp, pháp luật. Không ngừng nâng cao vai trò của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ vững an ninh trật tự, xây dựng nông thôn mới.

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng nhân dân, không ngừng củng cố, kiện toàn, mở rộng tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, phấn đấu đạt chỉ tiêu về tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức và tỷ lệ cơ sở hội trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp quần chúng; nâng cao chất lượng công tác vận động nhân dân. Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội triển khai có hiệu quả các hình thức vận động quần chúng nhân dân với phương châm hướng mạnh về cơ sở, gần dân để nắm chắc tình hình và tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác vận động quần chúng.

Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tổ chức đoàn thể, nhằm không ngừng nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế

- xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Quan tâm, tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn các tổ chức đoàn thể từ huyện tới thôn bản, tổ dân phố. Quan tâm xây dựng tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân. Tích cực bồi dưỡng kết nạp đoàn viên, hội viên mới. Chú trọng trong khâu lựa chọn cán bộ làm công tác đoàn thể, ngoài yêu cầu chung của cán bộ công chức ra, đã chọn người có lòng nhiệt tình công tác, am hiểu phong tục tập quán địa phương, có khả năng vận động quần chúng. Tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân để góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Huyện ủy tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, thống nhất chỉ đạo và tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn đọng, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục có nhiều tích cực trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Bám sát nhiệm vụ của Cấp uỷ, Chính quyền và của ngành; phát động và tổ chức được nhiều phong trào thi đua yêu nước thiết thực và hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; công tác xây dựng hệ thống chính trị. Phối hợp chặt chẽ với UBND các cấp làm tốt công tác tham gia xây dựng chính quyền. Thực hiện tốt quy chế phối hợp các đoàn thể, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, đảm bảo an sinh xã hội theo chủ trương của Đảng, nhà nước. Nhất là trong các hoạt động tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia học tập, thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc triển khai, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, không di cư tự do, đấu tranh tích cực với các hoạt động lợi dụng chính

sách tôn giáo làm trái pháp luật. Xây dựng tổ chức Hội từ huyện đến cơ sở vững mạnh.

Công tác dân vận, MTTQ và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã bám sát vào sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Chỉ đạo cơ sở tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực lao động sản xuất; Phòng chống dịch bệnh trên người và trên đàn gia súc gia cầm; chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong công tác đền bù GPMB. Tăng cường bám nắm cơ sở nắm bắt tâm tư nguyện vọng và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân không nghe luận điệu tuyên truyền về thành lập "vương Quốc Mông". Đôn đốc các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mô hình "Dân vận khéo" sát đúng với yêu cầu của công tác dân vận. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thành lập và hoạt động của tổ dân vận thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn huyện. Tổ chức tốt các hội nghị cho đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân 02 cấp tiếp xúc với cử tri trước và sau các kỳ họp theo quy định. Chỉ đạo cơ sở xây dựng chương trình công tác và triển khai xây dựng các mô hình điểm thực hiện 06 nội dung của cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Các đoàn thể huyện đã tích cực, chủ động trong việc tổ chức cho đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia các hoạt động tình nguyện như: tu sửa đường giao thông nông thôn, nạo vét kênh mương, xây dựng nhà văn hóa, trồng cây xanh gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 14 của Tỉnh ủy Lào Cai về "Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, trọng tâm là vận động nhân dân cải tạo tập quán lạc hậu" trên địa bàn huyện. Các đoàn thể đã tăng cường củng cố tổ chức, kết nạp đoàn viên, hội viên đảm bảo tăng về số lượng và đảm bảo chất lượng để tổ chức các phong trào hoạt động.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể được quan tâm xây dựng vững mạnh, gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể có nhiều đổi mới về nội dung

và phương thức vận động, tập hợp quần chúng nhân dân. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tập trung tuyên truyền và tổ chức cho nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới; các hoạt động của đoàn thể đã đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả cụ thể qua các phong trào. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng tổ chức Hội trong sạch vững mạnh được quan tâm, đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng từng bước đáp ứng được yêu cầu về cán bộ. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Hàng năm, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể của huyện được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Trong 5 năm (2010-2015), trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức song Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, thi đua thực hiện, đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Hầu hết các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra đều đạt và vượt. Kinh tế của huyện tiếp tục được quan tâm, đầu tư phát triển. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch đúng hướng. Sản xuất lương thực liên tục được mùa, tổng sản lượng lương thực cây có hạt hàng năm đều tăng. Chăn nuôi phát triển khá, từng bước đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trên thị trường huyện; chất lượng công tác trồng và bảo vệ rừng được nâng lên; hoạt động thương mại diễn ra ở trung tâm huyện và hầu hết các cụm xã; thu ngân sách trên địa bàn luôn đạt cao so với chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao hàng năm và so với mục tiêu NQĐH. Kết cấu hạ tầng có sự phát triển. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm chỉ đạo và thu được kết quả, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia tăng lên; cơ sở vật chất cho giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư; chất lượng giáo dục, khám chữa bệnh cho nhân dân từng bước được nâng lên; hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền đáp ứng được nhiệm vụ phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; công tác xóa đói giảm nghèo được triển khai thực hiện tốt; an

sinh xã hội được bảo đảm. Quốc phòng an ninh được tăng cường, góp phần ổn định tình hình để phát triển kinh tế - xã hội. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều tiến bộ. Việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đạt được kết quả, nhất là thực hiện Chỉ thị số 03 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) của BCH Trung ương. Hoạt động của chính quyền các cấp tiếp tục được nâng lên; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, thực hiện phát triển kinh tế, xã hội khá toàn diện. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đạt được hiệu quả thiết thực. Công tác xây dựng nông thôn mới được triển khai một cách đồng bộ, có lộ trình cụ thể cho từng giai đoạn; đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện được cải thiện đáng kể, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới.

*

* *

Từ năm 2001 đến năm 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đoàn kết, thống nhất, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc trong huyện, các lực lượng xã hội lãnh đạo địa phương hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Trong thời gian này, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm đầu tư, ủng hộ, giúp đỡ huyện về mọi mặt. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên cho đầu tư, tạo điều kiện cho các huyện miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số vươn lên. Các sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn và phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị của huyện. Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn phát huy truyền thống yêu nước, cần cù, chịu khó, luôn đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tích cực trong lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp trong huyện

không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; quan tâm gần dân, sâu sát cơ sở; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở. Các phong trào thi đua yêu nước được phát động thường xuyên, khơi dậy tinh thần thi đua yêu nước trong nhân dân.

Nhờ vậy, nền kinh tế và mọi mặt xã hội của huyện có bước chuyển biến vượt bậc. Kinh tế của huyện tiếp tục được quan tâm, đầu tư phát triển. Thu nhập bình quân đầu người hàng tăng lên đáng kể. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch đúng hướng. Kết cấu hạ tầng có sự phát triển. Sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực. Sản xuất lương thực liên tục được mùa, tổng sản lượng lương thực cây có hạt hàng năm đều tăng; chăn nuôi phát triển khá, từng bước đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trên thị trường huyện. Nông nghiệp chuyển biến mạnh theo hướng giảm tỷ trọng giá trị ngành trồng trọt tăng giá trị ngành chăn nuôi, thủy sản. Trong trồng trọt, dần hình thành các vùng sản xuất cây trồng theo hướng trồng tập trung thành các vùng: vùng thâm canh lúa nước, vùng sản xuất ngô hàng hóa, vùng sản xuất sản phẩm đặc sản địa phương. Chất lượng công tác trồng và bảo vệ rừng được nâng lên. Nhờ sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành và toàn thể hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là khơi dậy được sự đồng thuận của toàn thể cộng đồng dân cư nông thôn, việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Văn Bàn thu được những kết quả bước đầu. Trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhiều gương điển hình tiên tiến, bộ mặt nông thôn từng bước khởi sắc, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên trên cả phương diện vật chất và tinh thần. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Xây dựng cơ bản được quan tâm đầu tư, nhất là các công trình đảm bảo cơ sở hạ tầng nông thôn. Thương mại - dịch vụ phát triển góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của huyện, giải quyết lao động, việc làm, phục vụ cho sản xuất và đời sống

nhân dân. Các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, tạo động lực và quy mô phát triển, đặc biệt là dịch vụ vận tải, đầu tư, bảo hiểm, cung ứng vật tư hàng hoá. Hoạt động thương mại diễn ra ở trung tâm huyện và hầu hết các cụm xã; thu ngân sách trên địa bàn luôn đạt cao. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" từng bước đi vào chiều sâu. Phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh. Hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền đáp ứng được nhiệm vụ phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước. Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục được phát triển rộng khắp. Công tác xóa đói giảm nghèo được triển khai thực hiện; an sinh xã hội được bảo đảm. Thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án và các chính sách giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của toàn huyện giảm nhanh. Công tác chăm sóc người có công được đẩy mạnh, thực hiện tốt việc xây dựng quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã đặc biệt khó khăn được đầu tư phát triển, bộ mặt nông thôn từng bước khởi sắc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề, giải quyết việc làm tiếp tục tạo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, ổn định cuộc sống cho người dân. Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân được đầu tư nâng cấp. Phát triển đội ngũ cán bộ y tế, có trình độ cao và có y đức tốt. Hệ thống mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường;chất lượng giáo dục, khám chữa bệnh cho nhân dân từng bước được nâng lên.

Với quan điểm phát triển giáo dục, đào tạo là khâu đột phá, nhân tố quyết định sự phát triển của huyện, Đảng bộ tập trung ưu tiên phát triển giáo dục, đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đào tạo để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển toàn diện giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trên cơ sở mở rộng quy mô, điều chỉnh cơ cấu đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, khắc phục sự chênh lệch chất lượng giữa các vùng. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, góp phần ổn định tình hình để phát triển kinh tế - xã hội. Công tác

xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều tiến bộ. Đảng bộ huyện đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, tạo công tác xây dựng Đảng, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 03 trên địa bàn huyện Văn Bàn đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Huyện đến cơ sở. Chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng lên, các thôn bản, tổ dân phố có chi bộ độc lập, công tác phát triển đảng được quan tâm. Hoạt động của chính quyền các cấp tiếp tục được nâng cao chất lượng về quản lý, điều hành phát triển kinh tế- xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đạt được hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên do còn nhiều khó khăn, đến năm 2015, Văn Bàn vẫn là huyện nghèo, số hộ nghèo và cận nghèo còn cao. Cơ sở hạ tầng còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế; chưa khai thác được thế mạnh tiềm năng về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng và các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tạo ra các sản phẩm hàng hóa chủ lực. Sản xuất nông nghiệp chưa mang tính tập trung, chưa có tính liên kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu thụ. Mô hình kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã chưa phát triển. Công tác xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững; đời sống của bộ phận không nhỏ người dân vẫn còn khó khăn. Chất lượng giáo dục giữa các vùng không đồng đều; hoạt động khám chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Công tác cải tạo phong tục tập quán lạc hậu chuyển biến còn chậm. Việc chuyển đổi nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội còn xảy ra. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở một số nơi còn hạn chế; công tác quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở nhiều mặt chưa đạt yêu cầu; năng lực củađội ngũ cán bộ công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ. Những hạn chế, khó khăn đặt ra nhiệm vụ cho Đảng bộ và hệ thống chính trị của huyện tập trung mọi nguồn lực khắc phục, giải quyết trong thời gian tiếp theo.

Chương 7

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐƯA VĂN BÀN TRỞ THÀNH HUYỆN PHÁT TRIỂN KHÁ CỦA TỈNH (2015-2025)

I. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐƯA VĂN BÀN PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG (2015-2020)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, trong điều kiện thế giới chuyển biến nhanh chóng khó lường, đất nước ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các kinh tế - xã hội; giữ vững ổn định chính trị; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Đây chính là điều kiện thuận lợi cho đất nước tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hướng tới mục tiêu "*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*". Tuy nhiên, đến năm 2015, đất nước ta còn nhiều khó khăn, thách thức, nền kinh tế và mọi mặt xã hội của đất nước phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đáp ứng được yêu cầu.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, trước yêu cầu của tình hình mới, Đại hội lần thứ XII của Đảng xác định quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 là: "*Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh*

bạch. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo. Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, lấy phục vụ nhân dân và lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất. Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài".

Đối với tỉnh Lào Cai, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, trong những năm 2010-2015, kinh tế có bước phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh hơn và theo hướng tích cực. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có bước chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ. Tỉnh Lào Cai phát triển theo hướng bền vững. Tuy vậy, nền kinh tế, các lĩnh vực văn hóa xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế cần tập trung mọi nguồn lực để giải quyết.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV đề ra mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2015-2020: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên, cán bộ, xây dựng Đảng bộ trong sạch,*

vững mạnh và hệ thống chính trị vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm; phát triển thương mại - du lịch, dịch vụ là đột phá; phát triển công nghiệp là quan trọng. Tập trung nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, chú trọng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên đầu tư, phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là nông dân; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động bảo vệ môi trường tự nhiên, xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ gìn biên giới hoà bình, hữu nghị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Đến năm 2020, Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc".

Huyện Văn Bàn có vị trí quan trọng, là cửa ngõ của tỉnh Lào Cai, có đường cao tốc chạy qua, có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển. Nhờ vậy, huyện tiếp tục được quy hoạch là vùng sản xuất lương thực, chăn nuôi, trồng rừng và vùng công nghiệp mỏ quan trọng của tỉnh. Đảng bộ huyện có truyền thống đoàn kết, nhân dân các dân tộc trong huyện cần cù, sáng tạo; lực lượng lao động dồi dào; dân trí dần được nâng lên, bước đầu đã tiếp cận với sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường. Đảng và Nhà nước cũng như tỉnh Lào Cai tiếp tục có những chủ trương, chính sách tập trung cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, trong đó trọng tâm là chương trình xây dựng nông thôn mới tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội phát triển cho Văn Bàn. Bên cạnh những thuận lợi, huyện Văn Bàn còn chịu những tác động từ bên ngoài gây khó khăn, cản trở cho sự phát triển, đó là tình hình thế giới, khu vực tiềm ẩn diễn

biến phức tạp, khó lường; kinh tế trong nước còn có những khó khăn, bất ổn; việc hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam, trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường dẫn đến tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cho những địa phương có nền kinh tế còn kém phát triển; tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến nguy cơ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh xảy ra nhiều hơn. Văn Bàn vẫn là một huyện nghèo, cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng nhiệm vụ, giao thông đi lại khó khăn ở hầu hết các xã vùng cao. Bên cạnh đó những yếu kém trong lĩnh vực kinh tế - xã hội chậm được khắc phục; năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ có nơi còn hạn chế; nguồn nhân lực lao động phổ thông phần lớn chưa qua đào tạo; tâm lý trông chờ, ỷ lại, phong tục lạc hậu vẫn còn nặng nề trong một bộ phận nhân dân; cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 28 đến 30/7/2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XX diễn ra. Tham dự Đại hội có 300 đại biểu. Đại hội bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa mới gồm 43 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Phạm Toàn Thắng được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Trên tinh thần dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, sau khi phân tích, đánh giá tình hình, Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XX thống nhất thông qua nghị quyết, trong đó nêu rõ quan điểm chỉ đạo: Phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Coi phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm - xuyên suốt; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản là quan trọng; thương mại - dịch vụ là mũi nhọn; xây dựng Đảng là then chốt. Đảm bảo quốc phòng - an ninh; xây dựng huyện Văn Bàn là khu vực phòng thủ, căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2020: "Sản xuất hàng hóa theo hướng chất lượng, hiệu quả; chuyển dịch mạnh cơ cấu nội ngành theo hướng tích cực. Tập trung nguồn

lực xây dựng nông thôn mới, khai thác tối đa lợi thế so sánh của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết tốt các vấn đề xã hội; quan tâm đúng mức bảo vệ môi trường; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phấn đấu đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển của tỉnh". Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị.

Đảng bộ huyện Văn Bàn có nhiều đổi mới trong công tác lãnh đạo. Ngay sau đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ chỉ đạo tổ chức cụ thể hoá nghị quyết đại hội Đảng bộ cấp trên; lựa chọn những nội dung trọng tâm, xuyên suốt để xây dựng các đề án; các nội dung còn lại tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình hành động. Kế thừa những thành tựu đã đạt được của nhiệm kỳ 2010-2015, lựa chọn những nội dung, mục tiêu cần tiếp tục thực hiện trên các lĩnh vực để bổ sung, hoàn chỉnh toàn diện. Phát huy lợi thế, khắc phục những hạn chế, yếu kém tồn tại, Đảng bộ tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Bám sát 4 chương trình, 19 đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành và tập trung chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện 4 chương trình với 13 đề án, 5 kế hoạch trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhằm đạt được mục tiêu, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị.

Hàng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện kịp thời ban hành Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể, sát với thực tế, để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức cơ sở Đảng chủ động triển khai thực hiện.

Đảng bộ kịp thời chỉ đạo tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, mời các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, tập trung chỉ đạo việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ bám sát những định hướng, chủ trương lớn của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương, tập trung chỉ đạo các cơ quan, các xã, thị trấn triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Huyện ủy đổi mới phương thức lãnh đạo, triển khai kịp thời các văn bản của cấp trên, tập trung hướng về cơ sở, chỉ đạo sâu sát, ưu tiên đầu tư cho cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở, để kịp thời nắm bắt, giải quyết những khó khăn, phát sinh, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn; chỉ đạo việc cân đối, bố trí nguồn lực để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 13 đề án, 05 kế hoạch trọng tâm toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX (2015 - 2020).

Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV, đại biểu HĐND các cấp và tổ chức các kỳ họp HĐND nhiệm kỳ 2016-2021 trên toàn huyện. Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Đảng bộ lãnh đạo đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn huyện, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, đạt được các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra.

Lãnh đạo phát triển kinh tế[1]

Ngày 24/12/2015, Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành đề án số 01-ĐA/HU về việc Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá huyện Văn Bàn giai đoạn

[1] Những số liệu trong nội dung này, Ban biên soạn khai thác trong các báo cáo tổng kết hàng năm của Huyện uỷ (năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020) báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIX trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

2016-2020. Đảng bộ lãnh đạo tập trung phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện các biện pháp canh tác mới, sử dụng các cây con giống chất lượng cho hiệu quả kinh tế cao để đưa vào sản xuất; quan tâm chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức của các hợp tác xã đi vào hoạt động ổn định, đúng Luật Hợp tác xã mới. Tăng cường chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Chỉ đạo chú trọng phát triển chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghiệp; nâng cao chất lượng công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; phát triển mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp. Chỉ đạo chính quyền tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn; tập trung thực hiện tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng các công trình; quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Tăng trưởng kinh tế nhanh, bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt 12,04%/năm, năm 2020 tăng gần 2 lần so với năm 2015, thu nhập bình quân đầu người 45,2 triệu đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; năm 2020 so với năm 2015: tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 34,9% xuống còn 20,8%; công nghiệp, xây dựng tăng nhanh từ 39,1% lên 52%, thương mại dịch vụ từ 26% lên 27,2%.

Đảng bộ chủ trương: Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh tế nông nghiệp, đầu tư trọng điểm để nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất chuyên canh, các vùng cây trồng có giá trị kinh tế cao; liên kết với các huyện có đặc điểm, điều kiện tương đồng để sản xuất thành vùng hàng hóa nhằm xây dựng thương hiệu và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Toàn huyện triển khai thực hiện Đề án "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng

sản xuất hàng hoá huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020; các dự án sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh triển khai với 09 dự án trọng tâm; đẩy mạnh việc thâm canh tăng vụ, sản xuất lúa giống, lúa cao sản, lúa chất lượng cao, ngô hàng hóa nhằm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị canh tác. Nhờ vậy, kinh tế nông, lâm nghiệp của huyện có những chuyển biến theo hướng tích cực. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng trồng trọt; liên kết và ứng dụng khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh. Sản xuất vụ Đông được nhân rộng, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân.

Năm 2016, toàn huyện gieo trồng được 11.853,7 ha cây lương thực có hạt, tổng sản lượng đạt 56.062 tấn; giá trị sản phẩm bình quân/ha đất canh tác đạt 59,7 triệu đồng. Sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản bản địa, sản xuất ngô hàng hoá theo hướng bền vững được quan tâm. Năm 2016, toàn huyện gieo trồng được 2.500 ha lúa, trong đó thực hiện cánh đồng 01 giống được 1.481,6 ha, tăng 1.253 ha so với năm 2015, năng suất đạt 62 tạ/ha, giá trị thu nhập tăng trên 13 triệu đồng/ha so với sản xuất đại trà. Sản xuất ngô hàng hoá với diện tích 372,9 ha, năng suất đạt 47,2 tạ/ha. Năm 2017, toàn huyện gieo trồng được 12.339 ha cây lương thực có hạt; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 60.186 tấn, tăng 5,4 so với năm 2016. Giá trị sản phẩm bình quân/ha đất canh tác đạt 63 triệu đồng. Sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản bản địa, sản xuất ngô hàng hoá theo hướng bền vững được quan tâm như: sản xuất lúa cánh đồng một giống, lúa nếp Thẩm Dương, gạo Chăm Pét, nếp Nậm Xây... Thực hiện cánh đồng 01 giống được 3.917 ha, tăng 2.435 ha so với năm 2016, năng suất đạt 62,8 tạ/ha vụ Xuân, đạt 59 tạ/ha vụ mùa, giá trị thu nhập tăng trên 13 triệu đồng/ha/năm so với sản xuất đại trà. Diện tích trồng ngô mật độ cao đạt 1047 ha, tăng 710 ha so với năm 2016, năng suất đạt 61 tạ/ha vụ Xuân, đạt 60 tạ/ha vụ mùa, giá trị thu nhập tăng trên 9 triệu đồng/ha/

năm so với sản xuất truyền thống. Năm 2018, toàn huyện gieo trồng được 12.455 ha cây lương thực có hạt, tăng 5% so với năm 2017. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 62.358 tấn, tăng 9,4 so với năm 2017. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất canh tác đạt 69,5 triệu/ha, tăng 6,9% so với năm 2017. Huyện phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh Lào Cai thực hiện dự án cải tạo vườn nhãn 2018 tại 2 xã Khánh Yên Thượng và Hòa Mạc; phối hợp với các Công ty triển khai thực hiện 07 mô hình ngô, 13 mô hình trình diễn giống lúa; phối hợp với Công ty cổ phần đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước thực hiện trồng khảo nghiệm mô hình Gai xanh AP1 với diện tích 3 ha; phối hợp với Tập đoàn TH True Milk khảo sát lập dự án cây dược liệu, chăn nuôi bò sữa. Năm 2019, toàn huyện gieo trồng được 11.953 ha cây lương thực có hạt; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 64.749 tấn, tang 6,7% so với năm 2018, Giá trị sản phẩm bình quân/ha đất canh tác đạt 74,4 triệu đồng/ha; tiếp tục thực hiện c*ác* mô hình liên kết, mô hình khảo nghiệm.

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề do tình hình dịch bệnh Covid-19, dịch tả lợn châu Phi và thiên tai, bão lũ nhưng với nguồn nội lực vững chắc, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của toàn hệ thống chính trị và nhân dân, nền kinh tế trong toàn huyện tiếp tục có bước phát triển. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tốc độ phát triển kinh tế đạt cao, đời sống nhân dân ngày một nâng lên. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá, tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng và đem lại giá trị kinh tế cao theo hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa. Trồng trọt cả 3 tiêu chí về diện tích, sản lượng và năng suất đạt và vượt kế hoạch giao. Tích cực vận động nông dân thâm canh tăng vụ góp phần nâng cao thu nhập. Các dự án chuyển đổi cơ cấu nông, lâm nghiệp, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được triển khai; một số dự án đã đem lại hiệu quả kinh tế cao

cho người dân. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 2.400 tỷ đồng tăng 155,8% so với năm 2015; lựa chọn bộ giống tốt, có năng suất cao vào sản xuất đại trà có trên 80% diện tích trồng lúa sử dụng giống lúa thuần chất lượng cao, 60% diện tích thực hiện cánh đồng một giống. Hình thành các vùng sản xuất lúa tập trung, lúa đặc sản tại Dương Quỳ, Võ Lao, Liêm Phú, Thẩm Dương và Nậm Xây. Năng suất lúa đạt 57,4 tạ/ha; giá trị sản phẩm trên ha đất canh tác đạt 83 triệu đồng. Tổng sản lượng lương thực có hạt là 66.000 tấn.

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá, tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng và đem lại giá trị kinh tế cao theo hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa. Chương trình "*mỗi xã một sản phẩm*" đem lại những kết quả bước đầu, góp phần quan trọng làm thay đổi tư duy sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp hàng hóa, giá trị cao, bền vững. Toàn huyện, có 14 sản phẩm được công nhận đạt sản phẩm OCOP.

Huyện đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, phát triển chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, hàng hóa; ưu tiên phát triển chăn nuôi đại gia súc, nhất là đàn trâu, phát triển các trang trại chăn nuôi công nghệ cao. Các biện pháp phát triển chăn nuôi; công tác phòng chống đói rét, dịch bệnh cho đàn vật nuôi được thực hiện. Huyện khuyến khích bảo tồn và phát triển các giống vật nuôi sản vật địa phương và các mô hình gia trại, trang trại; các tập quán canh tác lạc hậu trong chăn nuôi dần được đẩy lùi, đặc biệt là tập quán thả rông gia súc; công tác kiểm soát giết mổ bắt đầu được triển khai thực hiện, góp phần phòng chống dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho người dân. Chăn nuôi tiếp tục phát triển với 22 dự án hợp phần được triển khai. Năm 2016, tổng đàn trâu 22.688 con, đàn bò 3.869 con, đàn lợn 68.705 con, đàn gia cầm 443.000 con. Năm 2017, tổng đàn trâu 22.736 con, đàn bò 4.236 con, đàn lợn là

67.542 con, đàn gia cầm 421.000 con. Năm 2018, tổng đàn gia súc là 96.573 con; tổng đàn gia cầm đạt 475.440 con. Năm 2019, tổng đàn gia súc là 76.380; tổng đàn gia cầm đạt 525.000 con. Trong năm 2020, dịch tả lợn Châu phi có diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ đến chăn nuôi của người dân, số lượng đàn lợn trong toàn huyện sụt giảm mạnh, còn 42.500 con. Các chỉ tiêu về đầu đàn gia súc, gia cầm đều đạt và vượt so với năm 2019. Giá trị ngành chăn nuôi đạt 733 tỷ đồng chiếm 30,55% nội ngành nông nghiệp.

Thuỷ sản ngày càng phát triển, diện tích nuôi trồng tăng lên, năm 2016 là 300 ha, sản lượng 900 tấn. Năm 2017, diện tích nuôi trồng là 320 ha, sản lượng 1.030 tấn. Năm 2018, diện tích là 323 ha, năng suất 33,2 tạ/ha, sản lượng 1.071 tấn; nuôi cá nước lạnh 2.070 m^3, sản lượng đạt 8 tấn. Năm 2019, diện tích nuôi trồng 342 ha; năng suất 35 tạ/ha; sản lượng 986 tấn; nuôi cá nước lạnh trên 2.070 m^3, sản lượng đạt 8 tấn. Năm 2020, chăn nuôi thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, tổng diện tích ao hồ nhỏ 376 ha; sản lượng đạt 1.523 tấn. Thuỷ sản phát triển góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn của huyện.

Công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng được đẩy mạnh; chú trọng trồng rừng kinh tế gắn với chế biến lâm sản; phát triển diện tích rừng cây gỗ lớn, các loài cây có giá trị kinh tế cao, trong đó phát triển mạnh trồng quế. Thực hiện tốt việc khoanh nuôi tái sinh rừng để phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tập thể, cá nhân trồng rừng sản xuất, rừng có giá trị kinh tế cao. Năm 2016, toàn huyện trồng mới 1.350 ha rừng sản xuất đạt, 90 ha rừng phòng hộ, 201,83 ha rừng trồng thay thế, khoanh nuôi tái sinh rừng 600 ha, giao khoán bảo vệ rừng được 45.444 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 63,3%. Năm 2017, toàn huyện trồng mới 2.077 ha, trong đó 2.005 ha rừng sản xuất, 72 ha rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh rừng 500 ha, giao khoán bảo vệ rừng

được 46.597 ha, tăng 1.153 ha so năm 2016, tỷ lệ che phủ rừng đạt 63,7%.

Năm 2018, Huyện uỷ chỉ đạo kiện toàn 27 Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững các cấp, củng cố duy trì hoạt động 283 tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với 2.255 người tham gia; tổ chức giao khoán 45.799 ha rừng cho các hộ, các tổ nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 1.000 ha; triển khai kế hoạch trồng rừng được 1.090. tỷ lệ che phủ rừng đạt 64%. Năm 2019, tổ chức giao khoán 84.225 ha rừng cho các hộ, nhóm hộ, các tổ nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh 1.150 ha. Tích cực triển khai kế hoạch trồng rừng, trồng mới được 630 ha. Năm 2020, huyện tiến hành giao khoán 84.225 ha rừng cho các hộ, nhóm hộ, các tổ nhận khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh 1.150 ha. Trồng rừng năm 2020 đạt tổng số diện tích là 853,35 ha. Tỷ lệ che phủ rừng ở mức cao so với mặt bằng chung của toàn tỉnh, đạt 64,8%.

Trong xây dựng nông thôn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành Đề án xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2016-2020. Theo đó các cấp uỷ và chính quyền tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung các nguồn lực và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua *"Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"* và cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về xây dựng nông thôn mới, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong thực hiện các tiêu chí xây dựng đường giao thông nông thôn, cải tạo vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nếp sống văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc... Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới hàng năm.

Đến hết năm 2016, trên địa bàn huyện đạt được 235 tiêu chí nông thôn mới, riêng năm 2016, đã hoàn thành 31/31 tiêu chí; được UBND tỉnh Lào Cai công nhận 02 xã hoàn thành và đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới. Năm 2017, toàn huyện đã hoàn thành 250 tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn 22 xã.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, ngày 5/2/2018, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về xây dựng nông thôn mới. Năm 2018, huyện đạt 273 tiêu chí; có 02 xã (xã Làng Giàng và xã Tân An) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 08 xã. Năm 2019, toàn huyện hoàn thành 312 tiêu chí nông thôn mới; có thêm 02 xã (Dương Quỳ, Liêm Phú) hoàn thành xây dựng nông thôn mới; lũy kế toàn huyện có 10 xã hoàn thành nông thôn mới.

Năm 2020, Đảng bộ lãnh đạo tiếp tục triển khai, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của nhân dân trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Tổng số tiêu chí đạt trên toàn huyện là 322 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 15,33 tiêu chí/xã. Do sáp nhập xã Văn Sơn và xã Võ Lao, cả 02 xã đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, toàn huyện có 09 xã nông thôn mới, 42 thôn nông thôn mới, 13 thôn kiểu mẫu. Đời sống của nhân dân được nâng cao, thu nhập khu vực nông thôn tăng từ 16,0 triệu đồng lên 34,8 triệu đồng. Hết năm 2020 có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và quản lý tài nguyên, Đảng bộ chủ trương: Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp được cấp phép tiếp tục đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn. Đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản được đầu tư, nhất là các công trình xây dựng cơ bản trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, dịch vụ để giải quyết việc làm cho lao động của địa phương. Khuyến

khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất và phát triển ngành nghề truyền thống, chế biến nông, lâm sản, sản xuất thức ăn gia súc. Vận dụng tốt chính sách khuyến công, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn[1].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển ổn định, giá trị sản xuất công nghiệp, TTCN chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản; thủy điện; chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng (đá, cát, gạch không nung); dệt may truyền thống. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2016 đạt 641,5 tỷ đồng (giá so sánh 2010). Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp được 547 tỷ đồng; giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 94,5 tỷ. Huyện duy trì hoạt động 8 nhà máy thủy điện với tổng công suất lắp đặt là 66,1MW, sản lượng điện năm 2016 là 256 triệu kWh.

Năm 2017, tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 1.461,56 tỷ đồng. Hoàn thành và đưa vào hoạt động 04 nhà máy thuỷ điện, nâng số nhà máy hoàn thành lên 12 nhà máy, sản lượng điện là 470 triệu kWh. Duy trì khai thác tại 7 công ty khai thác khoáng sản. Năm 2017, huyện có thêm Công ty Apatit Tam Đỉnh mới vào hoạt động khai thác; đầu tư dự án khai thác và chế biến mỏ vàng Mà Sa Phìn. Duy trì hoạt động Nhà máy giấy xã Sơn Thủy; Nhà máy chế biến tinh bột sắn Tân An; xây dựng mới 01 nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã Tân An; tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy phân lân nung chảy; triển khai đầu tư nhà máy tuyển quặng Apatit Tam Đỉnh. Năm 2018, tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 1.807 tỷ đồng, giá trị sản xuất đạt 144,9 tỷ đồng. Toàn

[1] Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015-2020.

huyện có 23/23 xã, thị trấn được sử dụng điện lưới quốc gia, có 18.920 hộ đã được sử dụng điện lưới quốc gia, đạt 96%; số thôn bản, tổ dân phố có điện lưới quốc gia là 202, đạt 95,3%; trên địa bàn huyện có 16 nhà máy thủy điện, sản lượng điện thương phẩm năm 2018 đạt 560 triệu kWh. Năm 2020, huyện có 20 nhà máy thủy điện với tổng công suất 259 MW. Hệ thống điện nông thôn được quan tâm đầu tư, 100% thôn, tổ dân phố có điện lưới quốc gia, 96% người dân được sử dụng điện an toàn.

Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp của huyện tiếp tục được duy trì và phát triển. Năm 2016, có 25 cơ sở sửa chữa, sản xuất cơ khí nhỏ. Năm 2017, có 35 cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng, 289 cơ sở sản xuất chế biến nông sản thực phẩm, tăng 1 cơ sở so với năm 2016; có 44 cơ sở sản xuất chế biến vật liệu xây dựng, tăng 2 cơ sở so với năm 2016; có 30 cơ sở sửa chữa, sản xuất cơ khí nhỏ, tăng 05 cơ sở so với năm 2016; có 31 cơ sở may mặc, thêu dệt thổ cẩm. Tổng trị giá sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2016, đạt 1.700 triệu đồng; năm 2017 đạt 110,5 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010). Huyện duy trì và khuyến khích phát triển các làng nghề truyền thống như nghề thêu, dệt thổ cẩm; nghề nấu rượu tại thôn Nậm Cần, xã Dần Thàng. Năm 2019, tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 171,5/163 tỷ đồng. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp góp phần tạo công ăn việc làm cho trên 1.365 lao động địa phương. Năm 2020, tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 198 tỷ đồng. Tăng cường thu hút, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn huyện. Triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19; tạo công ăn việc làm cho 1.370 lao động địa phương. Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư.

Thực hiện chủ trương "Tăng cường huy động mọi nguồn lực, trong đó nguồn ngân sách ưu tiên cho đầu tư phát triển kết

cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội của huyện, chú trọng tập trung đầu tư hạ tầng khu vực được định hướng phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn kết với hệ thống hạ tầng của các địa phương lân cận (tập trung tại cụm thị trấn Khánh Yên; các xã Tân An - Tân Thượng, Văn Sơn - Võ Lao)", Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành đề án "Phát triển mạng lưới đô thị huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020". Chính quyền địa phương tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động đầu tư, xây dựng. Quản lý, khai thác các công trình xây dựng cơ bản sau đầu tư một cách có hiệu quả. Tiếp tục triển khai xây dựng các cơ quan hành chính trong khu trung tâm huyện. Trung tâm hành chính mới của huyện được hoàn thành; 100% các xã nhà văn hoá xã; xây dựng đường Dương Quỳ - Nậm Chày, các tuyến đường đô thị kết nối trung tâm hành chính của huyện với quốc lộ 279, các tuyến tỉnh lộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh, khu vực phòng thủ của tỉnh.

Về xây dựng cơ bản, Huyện uỷ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được giao ủy quyền làm chủ đầu tư các dự án thực hiện nghiêm túc thực hiện quy trình đầu tư xây dựng cơ bản như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Đất đai và các quy định. Chính quyền địa phương tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động đầu tư, xây dựng; quản lý, khai thác các công trình xây dựng cơ bản sau đầu tư một cách có hiệu quả; tiếp tục triển khai xây dựng các cơ quan hành chính trong khu trung tâm huyện. Theo đó, huyện huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng.

Thực hiện Đề án "Huy động nguồn nhân lực cho đầu tư phát triển huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020" của Ban Chấp hành Đảng bộ, hàng năm huyện huy động được nhiều nguồn vốn. Năm 2016, tổng vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội

trên địa bàn huyện đạt 2.278.063 đồng. Trong năm 2017, huyện huy động đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 680.427 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư đó góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn và chương trình nông thôn mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được nâng lên rõ nét. Năm 2018, huyện được giao 263.560 triệu đồng giải ngân: 243.541 triệu đồng. Năm 2019, huyện được giao 296.301 triệu đồng, giải ngân 257.387 triệu đồng. Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 14/3/2016 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng thị trấn Khánh Yên đạt chuẩn văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020, trong năm 2016 và 2017, huyện công bố quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Yên và vùng phụ cận giai đoạn 2020 tầm nhìn đến 2030, với quy mô 1500 ha; Đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị mới phía Tây thị trấn Khánh Yên có quy mô 48 ha; khu đô thị mới trung tâm thị trấn Khánh Yên có quy mô 22 ha; nút giao cao tốc Nội Bài - Lào Cai IC16 xã Tân Thượng 60 ha. Hạ tầng kỹ thuật được triển khai đồng bộ với việc thực hiện các dự án. Kết cấu hạ tầng, đô thị, thiết chế văn hoá, thể thao; cơ sở vật chất giáo dục, y tế được đầu tư, nâng cấp.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ "*phát huy lợi thế để phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch",* huyện tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ trên các lĩnh vực đầu tư, thương mại để phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, phát triển đô thị và nông thôn mới tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm thu hút đầu tư, quảng bá, tiêu thụ đối với các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của địa phương; tiếp tục triển khai cuộc vận động *"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành dịch vụ để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng ở các vùng trung tâm và nhu cầu của nhân dân trên địa bàn, nhất là dịch

vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ - thông tin, viễn thông, vận tải, bảo hiểm, y tế, tư vấn.

Theo đó, thương mại và dịch vụ trên địa bàn phát triển ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Hệ thống chợ được duy trì hoạt động và phát huy hiệu quả từ chợ trung tâm huyện cho đến các chợ tại các xã. Hệ thống các cửa hàng thương mại, cửa hàng tiện ích, siêu thị mini phát triển đa dạng; chất lượng sản phẩm và dịch vụ được nâng cao. Năm 2017, triển khai đầu tư xây dựng chợ Khánh Yên Hạ; xây dựng 01 gian hàng giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương tại chợ Kim Tân thành phố Lào Cai. Chú trọng mở rộng hệ thống bưu chính - viễn thông ở khu vực nông thôn, các khu vực vùng xa của huyện; khuyến khích phát triển dịch vụ giải trí, văn hóa. Hạ tầng cơ sở, mạng lưới và chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư, tỷ lệ số thôn bản được phủ sóng điện thoại đạt trên 98%; dịch vụ tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm; các loại hình bảo hiểm được phát triển. Năm 2018, huyện tổ chức thành công Hội chợ Thương mại Văn Bàn, quy mô 70 gian hàng. Năm 2020, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn sụt giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, một số loại hình không thiết yếu phải tại dừng hoạt động trong tháng 4/2020. Ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, thị trường bắt đầu có sự hồi phục, nhưng do khó khăn chung, nhu cầu của người tiêu dùng có phần giảm. Các biện pháp bảo đảm bình ổn giá, phòng chống gian lận thương mại và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được chú trọng. Dịch vụ vận tải phát triển với 155 tổ chức, cá nhân kinh doanh, phục vụ hành khách, hàng hóa, việc đi lại của nhân dân thuận lợi. Du lịch bước đầu đạt kết quả, khai thác du lịch tâm linh được phát huy; hàng năm khu di tích lịch sử Đền Cô (Tân An) và Đền Ken (Chiềng Ken) thu hút trên 50 ngàn du khách đến thăm quan, chiêm bái, đóng góp 1,750 tỷ đồng vào ngân sách huyện.

Đối với công tác thu, chi ngân sách, Huyện uỷ chỉ đạo các ngành chuyên môn; uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường thực hiện việc dự toán ngân sách nhà nước theo kế hoạch tỉnh, huyện giao như phấn đấu tăng thu; tiết kiệm chi theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thu, chi ngân sách nhà nước đảm bảo đáp ứng các hoạt động của huyện. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng hàng năm. Năm 2018 đạt 157.186,995. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 547.931,183. Tổng chi ngân sách đạt 542.923. Năm 2019, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 213,352 tỷ đồng; tổng thu ngân sách địa phương đạt 737,906. Tổng chi ngân sách đạt 681,364/668,559 tỷ đồng. Năm 2020, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 488,7 tỷ đồng; Tổng thu ngân sách địa phương đạt 807,358 tỷ đồng. Phân cấp về quản lý tài chính, ngân sách được đẩy mạnh, huyện giao quyền tự chủ cho 100% các đơn vị sự nghiệp, trường học trên địa bàn.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn vay phục vụ nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện nghiêm túc những quy định về chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng. Năm 2018, tổng nguồn vốn huy động đạt 835,632 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động tại địa phương 501,158 tỷ đồng; tổng dư nợ trên địa bàn là 961,650 tỷ đồng. Năm 2020, tổng nguồn vốn huy động đạt 810,92 tỷ đồng; tổng dư nợ trên địa bàn là 1.273 tỷ đồng. Các ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện hoạt động ổn định, tăng trưởng nhanh; người dân được tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh; có 18.099 hộ được vay vốn và 2.493 hộ trở thành hộ sản xuất, kinh doanh giỏi.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ "*Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ việc khai thác các nguồn tài nguyên, khoáng sản. Tổ chức khai thác các mỏ khoáng sản phục vụ nhu cầu xây*

dựng trên địa bàn theo quy hoạch. Kiên quyết ngăn chặn khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn. Thực hiện chuẩn hóa, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, nâng cao năng lực quản lý tài nguyên - môi trường" và Đề án *"Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020",* công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tài nguyên khoáng sản được thực hiện trong toàn huyện. Năm 2016, huyện lập quy hoạch chi tiết tại trung tâm xã Tân An, quy hoạch trung tâm thị trấn Khánh Yên và vùng phụ cận. Huyện uỷ chỉ đạo kiểm tra trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch; đồng thời, làm tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo nhu cầu của người sử dụng đất. Tài nguyên khoáng sản được khai thác, hiệu quả, thu hút doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư khai thác tập trung quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp của tỉnh. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường. Huyện uỷ chỉ đạo các ngành chức năng, uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, đơn vị có hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện; sử dụng đất đai; thực hiện nghĩa vụ tài chính; sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; an toàn lao động; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; an toàn hồ đập; quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng và công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. Tình trạng khai thác trái khoáng sản phép cơ bản đã được xử lý. Hoạt động vận chuyển và tiêu thụ khoáng sản đã giảm tác động xấu đến môi trường, hạ tầng giao thông. Tình trạng vận chuyển khoáng sản vượt tải trọng được kiểm tra, ngăn chặn.

Các ngày kỷ niệm bảo vệ môi trường được huyện tuyên truyền, hưởng ứng mạnh mẽ, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân đối với giữ gìn, bảo vệ môi trường sống

xanh, sạch, đẹp. Huyện tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước Thế giới; ngày Khí tượng Thế giới; ngày Môi trường Thế giới; Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn. Huyện uỷ chỉ đạo kiểm tra các dự án trên địa bàn huyện Văn Bàn có dấu hiệu ảnh hưởng môi trường; tổ chức lễ phát động phong trào *"Chống rác thải nhựa"* trên địa bàn huyện Văn Bàn. Nhờ sự chỉ đạo của huyện uỷ, nhận thức và hành động bảo vệ môi trường trong cộng đồng có sự chuyển biến rõ rệt; các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện đồng bộ.

Lãnh đạo phát triển văn hóa, xã hội

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra nhiệm vụ cho ngành Giáo dục: "*Tập trung các nguồn lực nhằm đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ về chất lượng và hiệu quả giáo dục".* Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt Chương trình hành động số 21-CTr/HU, ngày 25/02/2014 của huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về *"Đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế";* tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ cơ sở và đội ngũ cán bộ, giáo viên; đào tạo nghề cho nông dân; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia, trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Giáo dục và đào tạo của huyện tiếp tục đổi mới, đạt nhiều kết quả tích cực, là một trong các địa phương tốp đầu của tỉnh về chất lượng giáo dục. Thực hiện đề án *"Phát triển nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020",* dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện tiếp tục phát triển

quy mô, mạng lưới trường lớp phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực. Năm 2016, toàn huyện có 89 cơ sở giáo dục với 124 điểm trường, 23.484 học sinh. Năm 2017, toàn huyện có 88 cơ sở giáo dục với 124 điểm trường, 24.139 học sinh; sáp nhập trường và đưa học sinh lớp 3, 4, 5 từ các điểm trường lẻ về trung tâm xã, thực hiện mô hình bán trú cho học sinh. Năm học 2017-2018, đã đưa 382 học sinh về ở bán trú và học tại trung tâm. Từ năm 2018 đến năm 2020, mạng lưới trường lớp duy trì ổn định, đảm bảo thuận lợi cho người học, toàn huyện có 86 cơ sở giáo dục. Loại hình trường phổ thông dân tộc bán trú phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo được tăng cường về số lượng, từng bước chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Chất lượng giáo dục toàn diện có tiến bộ vững chắc và rõ nét, chất lượng học sinh tham dự các cuộc thi, kỳ thi học sinh giỏi có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo. Năm học 2016-2017, tỷ lệ học sinh chuyển lớp bậc tiểu học và THCS đạt 99,5%; chất lượng học sinh THPT và GDTX xếp loại học lực từ trung bình trở lên đạt 94,6% Năm 2018, học sinh tốt nghiệp THPT đạt 99,2%, tăng 2% so với năm học 2016-2017. Năm 2019, học sinh tốt nghiệp THPT đạt 97,3%. Năm 2020, học sinh tốt nghiệp cấp THCS đạt 100%, cấp THPT đạt 99,4%; số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi tăng so với năm trước.

Thực hiện nhiệm vụ đề ra tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XX: Tăng cường đầu tư các điều kiện đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ, đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, ngành giáo dục và đào tạo huyện duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp. Năm 2016, tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi

ra lớp của huyện đạt 95%; tỷ lệ học sinh từ 6 đến 10 tuổi ra lớp đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh từ 11 đến 14 tuổi ra lớp đạt 98,8%. Năm 2017, trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra lớp đạt 96,8%; tỷ lệ học sinh từ 6 đến 10 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ học sinh từ 11 đến 14 tuổi ra lớp đạt 99,2%. Năm 2020, công tác phổ cập giáo dục các cấp học tiếp tục được giữ vững tại 22 xã, thị trấn; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,97%. Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi đến trường thực hiện đạt 99,7%, đạt 100,2% so với năm 2019.

Trường học đạt chuẩn quốc gia của huyện tiếp tục tăng. Năm 2016, toàn huyện duy trì 56/90 trường học đạt chuẩn quốc gia. Năm 2017, có 59/88 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 67% tổng số trường học trên toàn huyện. Trong đó trường đạt chuẩn mức độ 2 đạt 16 trường. Năm 2018, toàn huyện duy trì 64 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 75,3%. Năm 2019, toàn huyện có 67 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 78,8% so với tổng số trường. Năm 2020, có 71 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 84,7%.

Chất lượng hoạt động của Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên của huyện được nâng lên theo hướng liên kết đào tạo đa dạng, đa ngành nghề, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của nhân dân ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi. Trong 5 năm đã đào tạo nghề cho 1.396 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 32,6% năm 2015 lên 45,55% năm 2020; cơ cấu lao động nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp từ 17,5 % năm 2015 lên 24,7 % năm 2020.

Cơ sở vật chất trường, lớp học, cơ sở đào tạo nghề tiếp tục được chú trọng đầu tư và từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hoá, hiện đại hóa và chuẩn hóa. Nhiều trường vùng cao có cơ sở vật chất tốt, cảnh quan đẹp, hoạt động giáo dục sôi nổi. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng trong đổi mới giáo dục của huyện. Sự phát triển của Giáo dục và đào tạo không chỉ tạo nền tảng xây dựng nguồn nhân lực

đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương mà còn góp phần xây dựng nông thôn mới.

Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ: xây dựng đội ngũ cán bộ ngành y tế theo yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả công tác y tế dự phòng, nâng cao năng lực giám sát, chủ động phát hiện và phòng chống kịp thời các loại dịch bệnh. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chống suy dinh dưỡng và tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em. Theo đó, Đảng bộ lãnh đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia y tế trên địa bàn huyện. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo việc bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có trình độ cao, y đức tốt. Trong năm 2016, Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn được đầu tư thêm máy sinh hoá tự động để phục vụ cho công tác xét nghiệm máu; trang bị thêm các thiết bị như lồng ấp sơ sinh, đèn chiếu vàng da, kính thử thị lực, máy đếm nhịp tim; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và quản lý hành chính. Năm 2017, huyện tổ chức lễ tuyên dương khen thưởng thầy thuốc tiêu biểu xuất sắc và kỷ niệm 62 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/2/2017). Các hoạt động từ thiện, nhân đạo tiếp tục được triển khai thực hiện tốt.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, ngành Y tế huyện duy trì thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở tất cả các tuyến, quy mô mạng lưới các cơ sở khám chữa bệnh của huyện được duy trì và ổn định. Huyện phối hợp Sở Y tế chỉ đạo thực hiện bàn giao cơ sở vật chất giữa Trạm y tế và Phòng khám Đa khoa khu vực, thành lập 02 Đơn nguyên điều trị (Minh Lương, Võ Lao). Công tác y tế dự phòng tiếp tục được đẩy mạnh, luôn sẵn sàng đáp ứng kịp thời đầy đủ phương tiện, hoá chất, thuốc nhân lực cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

Mạng lưới y tế được củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường. Năm 2016, được tỉnh công nhận 3 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn huyện lên 15/23 xã. Năm 2018, huyện có 18 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Năm 2019, huyện có 21 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Năm 2020, tỷ lệ bác sỹ đạt 5,5 bác sỹ/vạn dân, 21,6 giường bệnh/vạn dân huyện; duy trì 22 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế cao đạt 99%.

Cơ sở vật chất được huyện quan tâm đầu tư, đã tiến hành cải tạo, sửa chữa bệnh viện tuyến huyện và các phòng khám đa khoa tuyến xã. Năm 2017, có 18/19 trạm y tế được xây dựng theo mẫu định hình. Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại tuyến xã thông qua chính sách hỗ trợ cho các xã và cán bộ chuyên trách an toàn thực phẩm, phòng chống các bệnh cho nhân dân.

Công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh, kiểm tra quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược tư nhân được chú trọng. Huyện kiểm soát tốt, không xảy vụ ngộ độc thực phẩm; một số bệnh truyền nhiễm như cúm mùa, tiêu chảy xảy ra rải rác tại các xã, thị trấn được giám sát phát hiện, điều trị kịp thời.

Năm 2020, trong điều kiện dịch Covid-19, hoạt động khám chữa bệnh vẫn đáp ứng nhu cầu cấp cứu và điều trị bệnh cho nhân dân; thực hiện nghiêm các quy định về tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ trong các cơ sở y tế công lập. Công tác y tế dự phòng và các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai đầy đủ. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 được Huyện uỷ triển khai nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo vừa chống dịch hiệu quả, vừa duy trì phát triển kinh tế.

Huyện uỷ chỉ đạo sát sao công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình sáp nhập về Trung tâm Y tế huyện theo quy định của tỉnh. Toàn huyện tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục dân số, giới tính, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới cho nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên; thực hiện mô hình tư vấn chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân; tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng. Huyện hỗ trợ và mở rộng các mô hình xã điểm về giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại Nậm Xé, Nậm Chày và mô hình giảm thiểu mất cân bằng giới tính tại 14 xã có tỷ số giới tính khi sinh cao trên địa bàn. Năm 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,95%. Tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm từ 12,8% năm 2015 xuống còn 5,73%.

Về văn hóa, thể dục, thể thao, Đảng bộ lãnh đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của BCH Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Huyện uỷ chỉ đạo triển khai Đề án "Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cải tạo tập tục, tập quán lạc hậu và phát triển thể dục, thể thao, huyện Văn Bàn, giai đoạn 2016-2020". Nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân được quan tâm, chỉ đạo tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân được quan tâm; các lễ hội được tổ chức phù hợp với ý nghĩa văn hóa, tín ngưỡng của từng dân tộc, góp phần phát huy truyền thống, giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc và quảng bá hình ảnh địa phương. Chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc. Tăng cường các hoạt động thông tin tuyên

truyền, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện. Hình thành và phát huy trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã; phát huy hoạt động nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản trong phát triển văn hóa, thể thao; xây dựng *"Xã đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới"; x*ây dựng *"Đô thị văn minh"*; khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa.

Phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc của các dân tộc Văn Bàn được gìn giữ, phát huy. Thực hiện Đề án "*Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cải tạo tập tục, tập quán lạc hậu và phát triển thể dục, thể thao, huyện Văn Bàn"* đã nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của văn hóa, thể thao. Di sản văn hóa truyền thống có giá trị của các dân tộc tiếp tục được giữ gìn và phát huy, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Toàn huyện đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào *"toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư";* nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí về gia đình văn hoá, thôn bản văn hoá, cơ quan đơn vị văn hoá. Phong trào được nhân dân hưởng ứng tích cực, góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam, tạo môi trường văn hoá lành mạnh cho nhân dân. Năm 2016, huyện có 13.651 hộ đạt "Gia đình văn hoá", chiếm 71% tổng số hộ trong toàn huyện; trong đó số hộ được công nhận 3 năm liên tục 10.803 hộ; công nhận lần đầu cho 8 thôn, công nhận lại cho 41 thôn đạt "Thôn văn hóa". Năm 2018, huyện phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai cấp 18 bộ trang thiết bị nhà văn hóa thôn và 01 bộ trang thiết bị nhà văn hóa xã Làng Giàng. Toàn huyện có 14.666 hộ được công nhận đạt gia đình văn hóa, chiếm 73,77% tổng số hộ dân.

Năm 2018, huyện lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận các di sản văn hóa phi vật thể. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai triển

khai thực hiện quay phim, ghi hình Chương trình mục tiêu phát triển Văn hóa Bảo tồn, phục dựng lễ hội Cơm mới của người Xá Phó tại xã Sơn Thủy. Huyện uỷ chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức Hội diễn nghệ thuật quần chúng đối với các thôn, bản, tổ dân phố và Hội diễn nghệ thuật quần chúng cấp huyện, tham gia Hội diễn Nghệ thuật quần chúng tỉnh.

Năm 2020, huyện được công nhận 03 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, gồm: Nghi lễ Cúng thổ công bản của người Tày; Nghi lễ Then Khoăn của người Tày; Nghi lễ Cúng rừng người Giáy. Tiến hành khảo sát nét văn hóa đặc sắc của người Mông Xanh, xã Nậm Xé; thực hiện dự án "Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020" đối với di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Tày trên địa bàn huyện; nâng cấp một số hạng mục tại Di tích lịch sử Đền Ken - xã Chiềng Ken. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở được quan tâm đầu tư phát triển và hoạt động hiệu quả, 195/195 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, với 13 di sản văn hoá, 06 di tích lịch sử văn hoá, góp phần giáo dục truyền thống và thu hút phát triển du lịch. Bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn và phát huy, các câu lạc bộ "Khắp nôm" duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong tổ chức các lễ hội; phát triển văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững.

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng được quan tâm chỉ đạo, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo; công tác giáo dục, rèn luyện thể chất cho lực lượng đoàn viên, thanh niên, học sinh được chú trọng; duy trì các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian, phát triển với các môn thể thao hiện đại, góp phần bảo tồn bản sắc

văn, toàn huyện có 38% dân số tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao được quan tâm xây dựng đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe; tham gia thi đấu các giải của tỉnh đạt kết quả cao. Huyện duy trì có hiệu quả Giải Việt dã truyền thống huyện Văn Bàn, Ngày chạy Olympic toàn dân, giải Cầu lông công nhân viên chức, các môn thể thao dân tộc. Khuyến khích phát triển các phong trào luyện tập thể dục, thể thao trong nhân dân và các cơ quan nhà nước. Huyện phối hợp với Liên đoàn lao động huyện tổ chức thành công giải bóng chuyền nam năm 2018 với 18/23 xã, thị trấn và 05 đội của các cơ quan, đơn vị tham gia. Hoạt động thể thao của các xã, thị trấn phát triển tốt. Tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh Lào Cai lần thứ VI năm 2018 với kết quả đứng thứ 7/14 đoàn tham gia (đạt 7 HCV, 8 HCB, 10 HCĐ). Tổ chức các đoàn văn nghệ, thể dục thể thao tham gia các cuộc thi, giải đấu cấp tỉnh đạt kết quả cao như tham gia giải Việt dã tỉnh Lào Cai đạt giải Nhì toàn đoàn. Năm 2020, huyện tổ chức 02 giải thể thao (giải cầu lông và giải bóng đá 7 người); tổ chức Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc huyện Văn Bàn và kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng huyện Văn Bàn; tham gia giải Bóng đá Thanh niên tỉnh Lào Cai năm 2020 đạt giải nhất toàn đoàn. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tiếp tục chuyển biến tích cực.

Trên lĩnh vực khoa học và công nghệ, Đảng bộ huyện lãnh đạo triển khai đề án *"Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Văn Bàn"*. Huyện đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với sản xuất nông nghiệp, đưa một số giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, mang lại giá trị kinh tế cao, giúp nâng cao thu nhập cho người dân. Huyện Văn Bàn

thực hiện các mô hình sản xuất, các giống cây mới. Năm 2016, huyện thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng một giống với tổng diện tích 1.481,4 ha, năng suất bình quân 71 tạ/ha/năm. Năm 2017, huyện tiếp tục thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng một giống tại 16 xã với cả 02 vụ là 3.917 ha, tăng 2.435 ha so với năm 2016. Toàn huyện tiếp tục triển khai ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến kỹ thuật, từng bước cơ giới hóa trong sản xuất từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch. Đến năm 2017, nông dân sử dụng thiết bị máy móc vào khâu làm đất trong sản xuất nông nghiệp thay sức kéo bằng trâu, với tỷ lệ cơ giới hóa đạt trên 75%. Trên địa bàn huyện có 2.121 máy cày, máy bừa, máy tuốt lúa. Tiếp tục khuyến khích nhân dân trồng các giống lúa đặc sản của địa phương đã được phục tráng như Lúa Chăm pét Dần Thàng, lúa nếp Thẩm Dương, lúa nếp Nậm Xây.

Trong năm 2016 và 2017, huyện tiếp tục triển khai hỗ trợ cho nhân dân theo Chương trình dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn vay tín dụng của các tổ chức phi Chính phủ, đưa các con giống lai tốt vào chăn nuôi như dự án nuôi bò ở xã Dần Thàng, các giống gia cầm, lợn đen bản địa, vịt Khánh Yên Trung, đồng thời nuôi khảo nghiệm mới các giống cao sản như gà ri DABACO số lượng 100.000 con; lợn Duroc và xây dựng các mô hình trang trại tập trung, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, như trang trại của Hợp tác xã Quang Vinh xã Làng Giàng, Hợp tác xã Hướng Nghiệp xã Tân An; Dự án nuôi cá hồi, cá tầm lấy trứng thương phẩm ở Nậm Xé, phát triển tốt. Hạ tầng thông tin được đầu tư tương đối đồng bộ, chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin của huyện luôn xếp ở thứ hạng cao so với các huyện trong tỉnh.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được Huyện uỷ chỉ đạo thực hiện tốt, đặc biệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND

các xã, thị trấn tăng cường ứng dụng, sử dụng các phần mềm dùng chung như hệ thống Gmail Lào Cai; phần mềm Ioffice, phần mềm Igate. Huyện phối hợp với VNPT tỉnh Lào Cai tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm dùng chung cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Huyện tổ chức thành công công tác khảo sát thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, cấp xã.

Trong công tác bảo đảm an sinh xã hội, Đảng bộ huyện chỉ đạo: Đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt an sinh xã hội; thực hiện đồng bộ các chương trình phát triển kinh tế, tạo sự tăng trưởng cao và ổn định; nâng cao năng lực quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho chính sách giảm nghèo; thực hiện có hiệu quả nguồn vốn giải quyết việc làm, ưu tiên cho người lao động vay vốn tạo việc làm tại chỗ, tư vấn giới thiệu việc làm, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động nhằm tăng thu nhập đảm bảo giảm nghèo bền vững. Công tác giảm nghèo được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, được chỉ đạo, thực hiện đồng bộ. Theo đó, công tác xoá đói giảm nghèo tiếp tục được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân tích cực tham gia thực hiện. Nhân dân các dân tộc trong huyện tự vươn lên thoát nghèo và phấn đấu làm giàu. Các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo được nhân dân phấn khởi đón nhận. Nhiều dự án, chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ và phù hợp đã có tác động hỗ trợ mạnh mẽ giúp nhiều hộ nghèo nhanh chóng thoát nghèo.

Trong 5 năm, huyện huy động được trên 229 tỷ đồng cho công tác giảm nghèo, tập trung vào các dự án về sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng, vay vốn; xã hội hoá huy động được 19,6 tỷ đồng, xoá 870 nhà tạm; chi 182,3 tỷ đồng cho công tác giảm nghèo, thu nhập khu vực nông thôn năm 2020 tăng 2,1

lần so với năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 35,17% năm 2016 xuống còn 9,5% năm 2020, bình quân giảm 5,14%/năm[1]. Công tác giảm nghèo của huyện đạt kết quả cao nhất tỉnh.

Chính sách đối với người có công được huyện quan tâm, thực hiện. Hàng năm, huyện chi trả trợ cấp thường xuyên cho người có công; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với các đối tượng chính sách người có công. Huyện thành lập các đoàn thăm hỏi tặng quà gia đình người có công, gia đình chính sách trong dịp tết nguyên đán. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Triển khai thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công. Hàng năm, huyện thực hiện tốt công tác vận động ủng hộ, sử dụng quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Năm 2018, các cơ quan, đơn vị ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa 482.485.721 đồng; ủng hộ kinh phí làm nhà người có công, số tiền vận động được 358.504.407 đồng. Năm 2019, vận động được 554.776.177 đồng; phối hợp tốt trong công tác đón nhận hài cốt liệt sỹ.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới được tuyên truyền sâu rộng và thực hiện có hiệu quả; tổ chức thành công Lễ phát động Thành hành động vì trẻ em tỉnh Lào Cai năm 2018 tổ chức tại huyện. Công tác phòng ngừa và quản lý các vấn đề xã hội được quan tâm, đặc biệt là việc giải quyết vấn đề nghiện ma túy tại địa phương. Công tác cai nghiện và tổ chức

[1] Năm 2016, số hộ nghèo giảm là 1.179 hộ, giảm 6,92%; số hộ nghèo còn lại là 5.425 hộ, chiếm 28,25% so với tổng số hộ trên địa bàn. Số hộ cận nghèo giảm 327 hộ, còn lại là 2.672 hộ, chiếm 13,91% số hộ trên địa bàn. Năm 2017, số hộ nghèo giảm là 1053 hộ, giảm 5,97%; số hộ nghèo còn lại 4.372 hộ, chiếm 22,28%. Năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,64%. Số hộ nghèo còn lại là 3.507 hộ, chiếm 17,64%; Số hộ cận nghèo còn lại là 2.616 hộ, chiếm 13,16%. Năm 2019, huyện triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,55%; số hộ nghèo còn lại: 2.627 hộ, chiếm 13,09%; số hộ cận nghèo còn lại 2.663 hộ, chiếm 13,27%. Năm 2020, công tác xóa đói, giảm nghèo, số hộ nghèo giảm 737 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,79%, số hộ nghèo còn lại 1.890 hộ tương đương với tỷ lệ 9,3%, số hộ cận nghèo còn 2.237 hộ tương đương với tỷ lệ 11%.

người nghiện đi cai nghiện theo đúng quy định của Nhà nước. Huyện tổ chức cho các đối tượng đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1; áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối; hoàn thành và chính thức đưa cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Nậm Chày đi vào hoạt động bắt đầu từ ngày 01/6/2020; thành lập điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma tuý.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề được Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo thực hiện. Thực hiện hướng nghiệp, tư vấn, hỗ trợ giải quyết việc làm, nhất là ở khu vực nông thôn; kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng đào tạo của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; nắm bắt nhu cầu lao động thị trường lao động và của doanh nghiệp để đào tạo các ngành nghề phù hợp. Các dự án thuộc chương trình 135 về phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo được thực hiện hiệu quả, tổng kinh phí đầu tư là trên 32,4 tỷ đồng, thu hút 1.845 lao động tham gia. Năm 2016, huyện giải quyết việc làm mới cho 1.275 người, trong đó có 650 lao động nghèo. Năm 2018, giải quyết việc làm mới cho 1.348 người. Năm 2019, giải quyết việc làm mới cho 1.365. Năm 2020, giải quyết việc làm cho 1.385 lao động; mở 06 lớp đào tạo nghề ngắn hạn với tổng số 202 học viên, trong đó có 191 học viên là người dân tộc thiểu số. Các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo tinh thần Nghị quyết số 42/NQ-CP được triển khai kịp thời. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho nhân dân; chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời đến 100% các đối tượng hưởng chính sách xã hội. Các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới được triển khai thực hiện tốt. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ.

Đảng bộ tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng về

công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc. Triển khai phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn. Các chính sách dân tộc được triển khai kịp thời, người dân được tiếp cận với nhiều chính sách của Nhà nước. Tình hình tư tưởng nhân dân các dân tộc cơ bản ổn định, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương. Tổ chức hội nghị gặp mặt cung cấp thông tin cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện. Thực hiện tốt công tác thăm hỏi, tặng quà người có uy tín, tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai kế hoạch thực hiện dự án tập huấn, tham quan mô hình sản xuất thuộc chương trình 135 tại xã, thị trấn. Các chương trình, dự án và các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số được triển khai, thực hiện đầy đủ đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn ổn định cuộc sống và yên tâm phát triển sản xuất.

Đảng bộ đề ra nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh: Tiếp tục thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh nông thôn, an ninh thông tin. Xây dựng huyện Văn Bàn là căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện đề án xây dựng khu vực phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội của huyện đạt hiệu quả. Thực hiện ba khâu đột phá *"Đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện, rèn luyện kỷ luật, quản lý chặt chẽ vũ*

khí, trang bị kỹ thuật", đẩy mạnh phong trào thi đua *"Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới"* và cuộc vận động *"Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh bộ đội Cụ Hồ"* củng cố *"Thế trận lòng dân"* ngày càng vững chắc. Lãnh đạo, củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo đủ số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt chính sách quân đội, hậu phương quân đối, chính sách đối với người có công và công tác dân vận lực lượng vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, huyện triển khai đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự trong khu vực phòng thủ huyện"; tiếp tục củng cố vững chắc thế trận an ninh nhân dân gắn liền với thế trận quốc phòng toàn dân. Nâng cao chất lượng xây dựng và huấn luyện trong lực lượng vũ trang của huyện ngày càng vững mạnh toàn diện theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Củng cố và chuẩn hóa đội ngũ dân quân tự vệ và dự bị động viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đạt chỉ tiêu được giao. Phối hợp chặt chẽ các ban ngành liên quan thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng toàn dân; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Hoàn thành công tác tuyển quân hằng năm đạt chỉ tiêu về số lượng, chất lượng ở cả hai cấp huyện, xã.

Hàng năm, huyện triển khai thực hiện các phương án luyện tập, diễn tập, kế hoạch huấn luyện, tuyển quân. Huyện tổ chức xây dựng dân quân tự vệ, dự bị động viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Huyện tiếp tục củng cố cơ sở dân quân tự vệ; xây dựng kế hoạch bảo đảm của các ngành về công tác động viên quân đội, xếp cho các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ. Huyện duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Hàng năm tổ chức lễ giao nhận quân năm đảm bảo trang trọng, nhanh gọn,

an toàn; tổ chức tập huấn cán bộ thôn đội trưởng, tổ trưởng các binh chủng dân quân tự vệ. Tổ chức tập huấn Luật Dân quân tự vệ, Luật Lực lượng Dự bị động viên. Hàng năm rà soát, lập danh sách đối tượng 2 và đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng GDQP-AN. Thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường các biện pháp phòng thủ tác chiến, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Xây dựng lực lượng vũ trang huyện có chất lượng tổng hợp, sức mạnh, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, luôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Thực hiện phong trào "Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới"; hành trình "Quân đội chung tay vì người nghèo" cùng với nhân dân tham gia trên 1000 ngày công khắc phục hậu quả thiên tai.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội: Ban chấp hành Đảng bộ ban hành đề án "Đảm bảo an ninh, trật tự huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020". Triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước về giữ vững an ninh; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; tăng cường công tác nắm bắt tình hình, giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở; phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện nhiệm vụ; kiềm chế các loại hình tội phạm, tai, tệ nạn xã hội; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; xây dựng phương án và bố trí lực lượng bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa; giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở và các biện pháp phòng ngừa xã hội.

Huyện huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, nòng cốt là lực lượng Công an đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, vụ việc phức tạp

được xử lý ngay từ cơ sở. Công tác điều tra, triệt phá các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự, các vụ án về ma túy được chỉ đạo quyết liệt, tỷ lệ điều tra, phá án đạt trên 85%. Việc xây dựng mô hình, phát huy sức mạnh toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực.

Tình hình an ninh trên địa bàn huyện được giữ vững, không phát hiện, phát sinh vụ việc nghiêm trọng, xâm hại đến an ninh quốc gia. Các cơ quan chức năng nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tiếp tục thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí một cách có hiệu quả. Tình hình an ninh chính trị nội bộ các cơ quan ổn định, quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chủ trương phương hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Bảo đảm an ninh trong dịp Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIV và HĐND các cấp và các sự kiện trọng đại của đất nước, địa phương, các chuyến thăm, làm việc của lãnh đạo tỉnh, các cuộc tiếp xúc cử tri của đoàn đại biểu quốc hội, HĐND tỉnh tại địa phương, kỳ thi, xét tuyển học sinh các lớp đầu cấp. Các đơn vị chức năng của huyện nắm tình hình địa bàn, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện ngay từ cơ sở, đồng thời tiến hành các biện pháp tác động, hạn chế hoạt động khiếu kiện, không để phát sinh thành điểm nóng. Huyện ủy chỉ đạo các ban, ngành chức năng thực hiện Chỉ thị số 01/TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành, Chỉ thị số 15/HU về việc ngăn chặn tình trạng di dịch cư trên địa bàn. Huyện duy trì hoạt động của tổ công tác vận động quần chúng tại các địa bàn trọng điểm phức tạp về tôn giáo, dân tộc, di dịch cư tự do. Cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân không tham gia các hoạt động thành lập "Nhà nước Mông".

Huyện ủy phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phương án phòng chống bạo loạn, phòng chống khủng bố đối với 04 mục tiêu trọng điểm trên địa bàn huyện. Hàng năm, Huyện ủy chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự huyện và các ban ngành huyện, cấp uỷ, chính quyền địa phương xây dựng, bổ sung điều chỉnh và thực hiện các cuộc diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ, phòng chống báo lũ, thiên tai cấp huyện và các xã đạt kết quả khá và giỏi. Công an huyện thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm hình sự, ma tuý, tệ nạn xã hội và phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, góp phần giữ vững và ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn; xây dựng, triển khai, tập trung chỉ đạo củng cố phong trào ở các địa bàn phức tạp về an ninh trật tự tại 09 xã (29 thôn), 01 thị trấn (07 tổ dân phố). Trong năm, đã chuyển hóa 03 địa bàn phức tạp về an ninh trật tự bao gồm xã Sơn Thủy, Chiềng Ken, Nậm Xây. Đến năm 2016, lũy kế toàn huyện đã xây dựng 01 mô hình và có 67 điểm "Thôn bản bình yên gia đình hạnh phúc". Trong đó, năm 2016 thành lập mới là 11 điểm. Năm 2020, Văn Bàn thực hiện đưa Công an chính quy về cơ sở theo Quyết định số 785-QĐ/UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Toàn huyện có 22 Ban công an xã với 100% cán bộ, chiến sỹ là công an chính quy.

Công tác phòng, chống tham nhũng được các cấp uỷ, các ngành triển khai thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền, phổ biến kết hợp triển khai, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng; các văn kiện, tài liệu liên quan tới công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tài liệu về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Qua công tác tuyên truyền, giáo dục, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã góp phần thông tin và nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân các dân

tộc về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, người lao động; công tác kê khai, minh bạch tài sản của cán bộ đảng viên; quy trình công tác cán bộ thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch. Huyện uỷ xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát năm, trong đó lồng ghép các nội dung về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Công tác xử lý các tin báo tố giác về tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc tiếp tục được các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo, không để xảy ra án oan sai; Các hoạt động giao ban liên ngành tiếp tục được duy trì ổn định, kịp thời nắm bắt tình hình, thống nhất xử lý các vụ việc. Năm 2018, huyện tổ chức hội nghị để tuyên truyền, giới thiệu về Luật Phòng, chống tham nhũng và công tác kê khai tài sản lồng ghép với các đợt tuyên truyền pháp luật.

Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đẩy mạnh công khai, minh bạch chính sách, quy trình, thủ tục giải quyết công việc, gắn với cải cách thủ tục hành chính; công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, phân bổ dự toán, phân cấp nguồn thu, công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Hình thức công khai theo đúng quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan trong khối nội chính thực hiện các công việc theo đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc. Tổ chức có hiệu quả công tác thanh tra. Các cơ quan tư pháp phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc giải quyết, xử lý, xét xử các vụ án, vụ việc trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng: Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư

tưởng. Tích cực giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng; quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03- CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về *"Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành Đề án "*Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên huyện Văn Bàn giai đoạn 2016-2020"*.

Hàng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bám sát những quan điểm, định hướng, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng và triển khai Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ chính trị. Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy thường xuyên nắm bắt, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo trên toàn diện các lĩnh vực. Chấp hành nghiêm túc các chế độ thông tin, báo cáo với cấp ủy cấp trên và cấp dưới. Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tư tưởng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cơ sở Đảng trên địa bàn. Chỉ đạo cấp ủy cơ sở nâng cao năng lực, hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng; tuyên truyền; văn hóa, văn nghệ; khoa giáo; nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương và truyền thống ngành, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 28-QĐ/TU và thực hiện công tác Tuyên vận. Hướng dẫn các Đảng bộ cơ sở trực thuộc xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị.

Tiếp tục đổi mới công tác tư tưởng chính trị, tuyên truyền vận động. Chỉ đạo đấu tranh trên lĩnh vực an ninh tư tưởng đối với các thế lực thù địch, kịp thời thông tin, tuyên truyền, định hướng những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm Công tác

thông tin tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, lịch sử Đảng, giáo dục lịch sử truyền thống, công tác khoa giáo thực hiện gắn với yêu cầu nhiệm vụ hàng năm. Đẩy mạnh tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; kết quả thực hiện 4 chương trình, 13 đề án, 5 kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương và tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống cháy nổ, an toàn thực phẩm. Sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận theo sự chỉ đạo của cấp trên.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin, hoạt động báo cáo viên và nắm bắt dư luận xã hội. Chủ động bám sát tình hình, nhiệm vụ của đất nước, của tỉnh và của huyện, tập trung tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cổ vũ cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, lần thứ 5, lần thứ 6; lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, nâng cao chất lượng chương trình, tin bài; phản ánh đầy đủ những sự kiện chính trị nổi bật trong huyện, tỉnh và cả nước. Kiện toàn đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội.

Chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực thí điểm mô hình Ban tuyên vận xã, tổ tuyên vận thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn. Công tác tuyên truyền đã có nhiều đổi mới về hình thức, phương pháp, phong phú về nội dung, đặc biệt là công tác tuyên truyền miệng; duy trì hoạt động thường xuyên của báo cáo viên cấp huyện. Hàng tháng, tổ chức hội nghị báo cáo viên toàn huyện. Chỉ đạo Ban tuyên vận cơ sở duy trì tốt Hội nghị tuyên vận tại các thôn bản.

Chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Triển khai cuộc thi

tìm hiểu 70 năm Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (05/3/1947 - 05/3/2017) đến toàn thể, cán bộ, đảng viên, nhân dân trong toàn huyện, một số tập thể, cá nhân tham gia đạt giải cao. Ban hành Kế hoạch số 111-KH/HU, ngày 31/01/2018 về việc nghiên cứu, biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng, địa phương, đơn vị giai đoạn 2018-2020. Tiến hành nghiên cứu, biên soạn, chỉnh sửa Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn thành (1947-2017), hoàn thành xuất bản năm 2020. Năm 2018, toàn huyện có 03/23 xã, thị trấn đã xuất bản cuốn lịch sử Đảng bộ đạt 43,3% kế hoạch; 09 Đảng bộ tiến hành triển khai viết lịch sử Đảng; 05 cơ quan, đơn vị xuất bản cuốn lịch sử truyền thống ngành. Tổ chức thành công cuộc thi tìm hiểu 70 năm lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn.

Việc thực hiện Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được các cấp ủy triển khai sâu rộng. Để thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Huyện ủy Văn Bàn xác định lấy việc xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức trong học tập và làm theo Bác tại các cơ quan, đơn vị, trong cán bộ, đảng viên làm nội dung đột phá đi đầu. Tổ chức triển khai Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Quy định số 08-QĐ/TU, ngày 26/3/2016 về tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", ngày 12/10/2016, Huyện ủy đã ban hành Hướng dẫn số 12-HD/HU về việc hướng dẫn thực hiện chuẩn mực đạo đức, nêu gương, thi đua, khen thưởng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Các chi, đảng bộ trực thuộc xây dựng nội dung chuẩn mực đạo đức theo đúng quy định của Tỉnh ủy. Đến 30/12/2016, tất cả các chi, đảng bộ trực thuộc đã in nội dung chuẩn mực đạo đức thành khẩu hiệu treo ở vị trí trang trọng nơi làm việc.

Thực hiện Quy định 28-QĐi/TU ngày 26/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Huyện ủy ban hành văn bản chỉ đạo về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, học tập chuyên đề; ban hành quyết định công nhận các tập thể, cá nhân, người đứng đầu tiêu biểu và vào sổ Ghi danh cấp huyện hàng năm. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định đăng ký nêu gương, kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức triển khai và hướng dẫn tuyên truyền đợt thi đua đặc biệt chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ thăm Lào Cai (23/9/1958 - 23/9/2018), 70 năm ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018). Có 4.650 gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến xuất sắc trên các lĩnh vực; có 327 tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc được tỉnh khen thưởng, 07 tập thể, cá nhân được nhà nước khen thưởng. Việc thực hiện chuẩn mực đạo đức được biểu hiện qua chấp hành nghiêm túc thời gian làm việc; nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; tăng cường đối thoại để tạo sự đồng thuận trong dân; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu làm trước, đi trước để người dân noi theo. Có nhiều chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị, cán bộ lãnh đạo có những việc làm thể hiện sự nêu gương của đội ngũ cán bộ trước dân, rõ nhất là thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Việc thực hiện quy định trách nhiệm cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc đổi mới phương pháp lãnh đạo, tác phong làm việc được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm, chú trọng. Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm "Trên trước, dưới sau", "Trong trước, ngoài sau", "Học đi đôi với làm theo"; cấp ủy viên nêu gương cho đảng viên, đảng viên nêu gương cho quần chúng; cán bộ cấp trên nêu gương cho cán bộ cấp dưới; thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu gương cho công chức, viên chức và người lao động.

Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên thể hiện toàn diện trên các mặt về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng được các cấp ủy chỉ đạo sát sao. Lãnh đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên đảm bảo nghiêm túc, khách quan, dân chủ và hiệu quả. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng được chú trọng. Đổi mới chỉ đạo nghiệp vụ công tác Đảng, với nội dung chủ yếu là củng cố hồ sơ nghiệp vụ công tác Đảng. Cùng với củng cố hồ sơ nghiệp vụ là nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (Ban thường vụ, Ban chấp hành đến dự sinh hoạt chi bộ, kịp thời góp ý, uốn nắn từng nội dung), góp phần tăng cường sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên. Việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, đề án, kế hoạch được đánh giá, thực hiện nghiêm túc. Công tác đào tạo bồi dưỡng, chuẩn hóa cán bộ; củng cố tổ chức cán bộ được đẩy mạnh**.** Công tác phát triển đảng viên được quan tâm, đặc biệt là thành phần cơ cấu nữ, dân tộc thiểu số, lực lượng dân quân tự vệ, đảng viên trong khu vực nông thôn. Năm 2016 và 2017, Đảng bộ có 62 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 33 chi bộ và 29 đảng bộ cơ sở trực thuộc, có 395 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Đến hết tháng 6/2017, Đảng bộ huyện có 61 tổ chức cơ sở Đảng với 395 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, 5.132 đảng viên.

Năm 2018, chia tách, sáp nhập 18 chi bộ thôn bản và 01 chi bộ Y tế, toàn huyện có 62 đảng bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ; 374 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Tổng số đảng viên toàn huyện 5.476 đảng viên. Năm 2019, tổng số đảng viên toàn huyện 5.708 đảng viên. Toàn Đảng bộ có 61 tổ chức cơ sở Đảng. Năm 2020, sáp nhập giảm 03 chi đảng bộ trực thuộc Huyện ủy; thành lập 20 chi bộ Công an xã. Năm 2020 toàn Đảng bộ có 58 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy (30 chi bộ và 28 đảng bộ), 341 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, trong đó 195/195 thôn, tổ dân phố có

chi bộ độc lập; toàn đảng bộ có 5.970 đảng viên. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng được thực hiện nghiêm minh, theo quy định của Điều lệ Đảng. Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng năm, thực hiện đảm bảo công tác giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại và thi hành kỷ luật trong Đảng. Năm 2016, tiến hành 01 cuộc kiểm tra toàn diện, giám sát thường xuyên tại 04 đảng ủy cơ sở, 3/3 cuộc giám sát chuyên đề; giám sát chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với 05 đảng ủy xã và 03 đồng chí Bí thư đảng ủy xã. Kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới 03 cuộc. Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban kiểm tra Huyện ủy thực hiện giám sát thường xuyên đối với 62/62 chi, đảng bộ. Chỉ đạo, xem xét, xử lý thi hành kỷ luật đảng đối với 07 đảng viên; tiếp nhận, giải quyết 4 đơn tố cáo. Tiến hành 03 cuộc kiểm tra về công tác tài chính Đảng đối với 04 tổ chức cơ sở Đảng. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời nắm bắt tình hình, xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Năm 2018, Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện 01 cuộc kiểm tra toàn diện đối với Đảng ủy và đồng chí Bí thư đảng ủy xã Khánh Yên Trung, 14 chi bộ cơ sở và 222 đảng viên. Giám sát thường xuyên đối với 100% các tổ chức đảng trực thuộc[1]. Năm 2019, thực hiện 05 cuộc kiểm tra, Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện giám sát trực tiếp 08 cuộc đối với 08 Đảng bộ; Giám sát chuyên đề 02 cuộc. Trong năm 2019, Huyện ủy thi hành kỷ luật 02 đảng viên.

---

[1] Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy giám sát trực tiếp 04 cuộc đối với 04 Đảng bộ; giám sát chuyên đề 03 cuộc đối với 03 Đảng ủy xã, 06 chi bộ trực thuộc Đảng ủy và 03 đồng chí Bí thư Đảng ủy xã; thực hiện 01 cuộc giám sát. Thực hiện 02 cuộc giám sát, giám sát 04 đảng viên, là cấp ủy viên cấp huyện và cơ sở. Tiếp nhận, xem xét, hướng dẫn giải quyết 12 đơn. Kiểm tra 02 cuộc về thu, chi ngân sách đối với 02 Đảng ủy xã. Kiểm tra việc thu, nộp đảng phí 02 cuộc đối với 29 chi bộ trực thuộc cơ sở, 287 đảng viên.

Năm 2020, các chuyên đề kiểm tra, giám sát bám sát các nhiệm vụ chính trị của huyện tập trung vào việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của tổ chức đảng và đảng viên; công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội và các nhiệm vụ cần triển khai sau đại hội; tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống và tính tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Công tác thi hành kỷ luật đảng được thực hiện nghiêm túc, khách quan, tuân thủ đúng quy định, quy trình. Ban hành Quy định về trách nhiệm và xem xét trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

Huyện uỷ chỉ đạo tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân trên địa bàn huyện: năm 2016, thực hiện tại xã Dương Quỳ, cụm xã Khánh Yện Hạ - Liêm Phú, Võ Lao, Nậm Xây; năm 2018, tổ chức 04 cuộc tiếp xúc đối thoại trực tiếp với nhân dân tại 04 xã (Khánh Yên Thượng, Nậm Tha, Dần Thàng, Nậm Mả); năm 2029, tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên và nhân dân tại 04 xã Khánh Yên Trung, Tân An, Làng Giàng và Minh Lương; phối hợp tổ chức hội nghị tiếp xúc đối thoại giữa Thường trực Tỉnh ủy với cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện; năm 2020, Thường trực Huyện ủy tổ chức 04/04 cuộc tiếp xúc đối thoại với cán bộ, đảng viên và nhân dân các xã Võ Lao, Khánh Yên Thượng, Liêm Phú, Khánh Yên Hạ.

Trong công tác vận động quần chúng, các cấp ủy tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác dân vận của Đảng, tập trung nắm tình hình tư tưởng nhân dân, tình hình công tác dân tộc, tôn giáo. Vận động nhân dân thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, lao động sản xuất, làm giàu chính đáng; thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; cải tạo tập quán

lạc hậu trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở xã, thị trấn nắm tình hình an ninh trật tự, phòng chống các hành vi lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước. Vận động nhân dân tích cực sản xuất, xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền nhân dân chống tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; không di cư tự do; phụ nữ không bỏ đi khỏi địa phương, không tuyên truyền đạo trái với pháp luật.

Công tác tuyên vận ở cơ sở đạt nhiều kết quả quan trọng; công tác dân vận khéo, dân vận chính quyền trong các cơ quan nhà nước được tập trung chỉ đạo, điều hành; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đồng bộ, hiệu quả, hướng về cơ sở, gần dân, sát dân. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận thành các nghị quyết để tổ chức thực hiện. Mở rộng đối thoại, công khai, dân chủ nhất là các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến người dân. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai sâu rộng, đi vào nề nếp, có chiều sâu, tác động tích cực đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng.

Năm 2016, Huyện ủy chỉ đạo 23 xã, thị trấn; tổng kết 5 năm thực hiện Đề án "Thí điểm mô hình ban tuyên vận xã, tổ tuyên vận thôn, bản, tổ dân phố" trên địa bàn huyện. Huyện ủy tổ chức kiểm tra toàn diện về công tác dân vận đối với 03 đảng bộ; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đối với 03 đảng bộ. Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tổ chức tập huấn công tác dân vận, công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác tôn giáo và tập huấn cho 169 đại biểu có uy tín. Chỉ đạo tổ chức hội nghị tập huấn công tác vận động quần chúng cho giáo viên, thôn, bản. Rà soát về nâng cao chất lượng xây dựng mô hình "Dân vận khéo". Chỉ đạo Ban Tuyên vận các xã, thị trấn tiếp tục duy trì mô hình tuyên vận. Hàng tháng tổ chức tuyên truyền ở các thôn, tổ dân phố với hàng nghìn lượt người tham gia Chỉ đạo

thực hiện nghiêm túc Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp công dân; ban hành Quy chế về trách nhiệm của Bí thư Huyện ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp và xử lý những kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân.

Xây dựng hệ thống chính trị

Lãnh đạo Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện phối hợp với chính quyền, các ban, ngành tuyên truyền triển khai đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; ủng hộ các chủ trương, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện phong trào thi đua gắn với chương trình "chung sức xây dựng nông thôn mới"; vận động nhân dân tích cực thi đua lao động sản xuất; gieo cấy đúng thời vụ; đẩy mạnh việc trồng rừng và bảo vệ rừng. Vận động nhân dân tổ chức các hoạt động vui xuân lành mạnh, bổ ích. Đẩy mạnh việc tuyên truyền tới người dân về tình hình dịch bệnh và chấp hành nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở bám sát vào các chương trình hoạt động, chủ động phối hợp với các ngành chức năng tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh. Việc thực hiện các quy định về thực hiện dân chủ, nhất là ở cơ sở được quan tâm; tổ chức 32 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; tiếp thu, giải quyết kịp thời 742 ý kiến, 48 cuộc giám sát, phản biện xã hội đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân. Tăng cường chỉ đạo Mặt

trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nắm tình hình nhân dân, công tác dân tộc, tôn giáo, tình hình an ninh, trật tự, dư luận xã hội tại địa phương. Phối hợp triển khai các hoạt động thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán; hỗ trợ các gia đình bị thiên tai, hỏa hoạn, đuối nước, tai nạn lao động, ốm đau nằm viện dài ngày. Tổ chức bàn giao và trao nhà đại đoàn kết. Năm 2018, vận động ủng hộ làm nhà Đại đoàn kết nhân dân trên đảo Trường Sa được 49,5 triệu đồng; Phối hợp vận động các loại quỹ từ thiện, nhân đạo. Chỉ đạo MTTQ các xã, thị trấn tổ chức tốt "*Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc*" ở các khu dân cư. Triển khai vận động Quỹ *"Vì người nghèo"*. Tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, đối thoại trực tiếp với nhân dân theo đúng quy định.; giám sát thực hiện Chỉ thị số 27 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh. Các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ xây dựng các loại quỹ, giúp đỡ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn huyện, tỉnh và cả nước, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Củng cố xây dựng hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, phương thức hoạt động được đổi mới và có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng năm, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%, cấp cơ sở đạt trên 90%.

Hội Liên hiệp Phụ nữ có nhiều hoạt động hướng về cơ sở, kịp thời nắm tình hình tư tưởng, đời sống của hội viên, phụ nữ. Tích cực phối hợp đưa các nội dung hoạt động công tác hội và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Triển khai Cuộc vận động "*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"* trong Chương trình MTQG xây dựng NTM, gắn với việc thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Năm 2016, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ tại 24 đơn vị cơ sở và Đại hội Hội

LHPN huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2016-2021. Công tác đoàn thể, các phong trào do các cấp hội phát động đã có những đổi mới nhất định về nội dung và phương thức hoạt động. Các hoạt động dịch vụ, tư vấn, dạy nghề, hỗ trợ nông dân được triển khai đảm bảo. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XX; vận động phụ nữ tích cực lao động sản xuất, phòng chống tội phạm, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em; cải tạo hủ tục lạc hậu; vui xuân an toàn, tiết kiệm, tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3. Năm 2018, tổ chức ngày Phụ nữ khởi nghiệp kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Hội LHPN. Tổ chức hội thi "Cán bộ hội giỏi chuyên môn, tự tin, khéo léo ứng xử". Năm 2019, tổ chức gắn biển nhà sạch, vườn đẹp được 117 hộ, nâng tổng số hộ đã được gắn biển trên toàn huyện là 345 hộ.

Hội Nông dân tiếp tục chỉ đạo các cấp Hội cơ sở thực hiện có hiệu quả 3 phong trào trọng tâm của Hội. Đẩy mạnh phát triển hội viên, xây dựng, củng cố tổ chức Hội vững mạnh. Hội Nông dân huyện hướng dẫn hội viên phát triển kinh tế, tham gia xây dựng nông thôn mới. Phối hợp đăng cai, tổ chức thành công giải bóng chuyền "Bông lúa vàng" lần thứ XX. Năm 2018, Hội Nông dân huyện tổ chức thành công Đại hội cấp cơ sở và Đại hội Đại biểu Hội Nông dân huyện lần thứ X, nhiệm kỳ 2018-2023. Đẩy mạnh công tác phát triển hội viên đảm bảo về chất lượng, kết nạp mới hội viên.

Huyện đoàn thanh niên đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác Đoàn; hoàn thành công tác chỉ đạo tổ chức Đại hội Đoàn cấp cơ sở, tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Văn Bàn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2017-2022 và các hoạt động chào mừng Đại hội. Kết nạp đoàn viên mới, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng. Tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 70 năm Ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Văn Bàn (19/5/1948-19/5/2018), Hội thi Cán

bộ Đoàn, Báo cáo viên và Tuyên truyền ca khúc cách mạng và tuyên dương Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác. Tổ chức tốt các hoạt động tháng Thanh niên, chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, Tình nguyện mùa đông - xuân. Tham gia xây dựng nông thôn mới như đường giao thông nông thôn, trường học, tặng quà cho các hộ gia đình chính sách, có công với cách mạng và học sinh nghèo vượt khó.

Liên đoàn Lao động huyện thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, trọng tâm là công tác chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn công tác Đại hội cấp cơ sở nhiệm kỳ 2017-2022; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn. Các cấp Công đoàn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nắm bắt kịp thời tư tưởng của đoàn viên, chỉ đạo các cấp công đoàn tiến hành khảo sát, nắm tình hình việc làm, đời sống của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và người lao động; đề nghị quỹ "Xã hội Công đoàn Lào Cai" hỗ trợ tiền làm nhà mái ấm công đoàn. Năm 2018, tiếp tục vận động ủng hộ quỹ "Xã hội Công đoàn Lào Cai" là 75,2 triệu đồng; triển khai 01 dự án với 100 triệu đồng cho 05 hộ gia đình CNVCLĐ vay, góp phần giải quyết việc làm tăng thêm thu nhập cho 10 lao động. Năm 2019, tổ chức thành công hội thi Cán bộ Công đoàn giỏi cấp huyện và tham gia Hội thi Cán bộ Công đoàn giỏi cấp tỉnh. Liên đoàn Lao động huyện chỉ đạo các cấp công đoàn tổ chức tốt các hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động. Tổ chức "Tết sum vầy" xuân Kỷ Hợi năm 2019.

Hội cựu chiến binh tích cực tham gia các phong trào, các chương trình phối hợp, các cuộc vận động ở địa phương cơ quan, đơn vị. Hội Cựu chiến binh huyện chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của hội, xây dựng tổ chức hội TSVM. Công tác tổ chức Hội và phát hiện hội viên tiếp tục ổn định. Hội CCB chỉ đạo hoàn thành việc tổ chức Đại hội Hội CCB cấp cơ sở, tổ chức thành công Đại hội Hội CCB cấp huyện nhiệm kỳ 2017-2022.

Các hoạt động ủy thác vay vốn qua các tổ chức Hội tiếp tục được quan tâm thực hiện nhằm giúp hội viên, nông dân phát triển kinh tế. Tổng kết xong phong trào thi đua 5 năm 'CCB gương mẫu' giai đoạn 2014-2019. Đẩy mạnh phong trào CCB giúp nhau làm kinh tế, phát triển các mô hình kinh tế trang trại, doanh nghiệp, HTX, dịch vụ có hiệu quả.

Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính và hoạt động của các cơ quan tư pháp:

Chính quyền các cấp được củng cố, kiện toàn, hoạt động chính quyền hiệu lực, hiệu quả. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; vai trò đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân được nâng lên; thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện quản lý, điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển lĩnh vực kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, quy chế và chương trình kế hoạch; xây dựng, ban hành chương trình hoạt động, chương trình giám sát, kế hoạch tiếp công dân và hoạt động theo đúng chương trình và quy định của pháp luật. Việc chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp được Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện quan tâm, chỉ đạo. Hoạt động giám sát, khảo sát có sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả; qua giám sát đánh giá những tồn tại, hạn chế, đồng thời đề xuất được giải pháp với các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành. Duy trì tốt công tác phối hợp với UBND, UBMTTQVN theo Quy chế phối hợp. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư; công tác tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri được thực hiện đúng luật; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến các cấp, các ngành xem xét giải quyết và trả lời theo quy định. Tổ chức

Hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm hoạt động HĐND 2 cấp huyện, xã; tổ chức thành công hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã. Thường trực HĐND huyện phối hợp với Lãnh đạo UBND huyện giải quyết các nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của huyện.

Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết của HĐND huyện về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện 04 Chương trình, 13 Đề án, 05 kế hoạch trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX; nghị quyết của HĐND huyện. Chỉ đạo tập trung sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Tăng cường kiểm tra phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, phòng trừ sâu bệnh; triển khai các biện pháp phòng chống thiên tai, bão lũ, các biện pháp phòng chống cháy rừng mùa hanh khô. Chỉ đạo tổ chức các ngày lễ, tết cho nhân dân, đảm bảo vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm. Tập trung chỉ đạo công tác XDCB, thực hiện các giải pháp thu ngân sách. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng đất đai, khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy và học; huy động học sinh ra lớp, duy trì số lượng và nâng cao tỷ lệ chuyên cần cả ba cấp học. Tiếp tục chỉ đạo công tác khám chữa bệnh, đáp ứng tốt công tác cấp cứu và điều trị bệnh cho nhân dân. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Triển khai hiệu quả các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; thực hiện tốt công tác xây dựng chính quyền, công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, công chức,

viên chức trên địa bàn huyện. Chỉ đạo tăng cường giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; trấn áp tội phạm, kiềm chế tai nạn giao thông; thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện. Xây dựng và thực hiện nền nếp hội họp theo quy định; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo.

Công tác cải cách hành chính được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Theo đó, toàn huyện triển khai thực hiện Đề án *"Đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, giai đoạn 2016 - 2020",* tạo sự chuyển biến rõ rệt trong cải cách hành chính; nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ chủ chốt được nâng cao; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện luôn ở tốp đầu, liên tục 3 năm 2017, 2018 và 2019 đứng thứ nhất[1]. Huyện có 12/12 phòng chuyên môn, 23/23 xã, thị trấn triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy được quan tâm lãnh đạo, triển khai thực hiện đúng quy định. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; chỉ đạo hoàn thành việc sáp nhập xã Văn Sơn và xã Võ Lao thành một đơn vị hành chính mới. Thực hiện giảm 01 phòng chuyên môn và 12 đơn vị sự nghiệp; thành lập mới 04 đơn vị sự nghiệp công lập, sáp nhập 20 đơn vị, giải thể 01 đơn vị. Chỉ đạo và triển khai tốt việc sáp nhập thôn, tổ dân phố, giảm được 76 thôn.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính nhà nước ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt

[1] Trong năm 2018, số thủ tục hành chính cấp huyện đã được chuẩn hóa là 325; số thủ tục hành chính đưa ra giải quyết tại một cửa là 225; các xã, thị trấn là 129. Tổng hợp kết quả điều tra đánh giá đo lường sự hài lòng của tổ chức công dân tại bộ phận một cửa cấp xã của 2.440 lượt người tham gia đánh giá có 2.037 phiếu rất hài lòng, 381 hài lòng, không hài lòng là 22.

yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện hiệu quả việc tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, trong 5 năm đã giải quyết nghỉ chế độ cho 409 cán bộ, tinh giản biên chế đạt 10,43%. Tài chính công được triển khai thực hiện hiệu quả, 100% đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ về tài chính; thực hiện tốt chế độ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

Về tổ chức bộ máy, Huyện ủy chỉ đạo triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm đối với 13 phòng chuyên môn; 11/11 cơ quan thuộc khối Đảng, UBMTTQ và các đoàn thể gắn với tinh giản biên chế; 23/23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã hoàn thiện đề án vị trí việc làm, trình tỉnh phê duyệt theo phân cấp. Thực hiện nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị gồm: Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện; Trưởng ban Dân vận Huyện ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện. Sắp xếp cán bộ không chuyên trách cấp xã, cấp thôn, bản theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh và Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh.

Trong năm 2018, đẩy mạnh thực hiện Đề án sáp nhập tinh gọn bộ máy, chủ động xây dựng, hoàn thiện đề án sáp nhập, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị sự nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cấp xã, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017. Ban hành Đề án thí điểm Ban Tổ chức Huyện ủy và phòng nội vụ huyện Văn Bàn; hợp nhất cơ quan UBKT với Thanh tra huyện Văn Bàn; đề án thành lập cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Văn Bàn. Thực hiện ghép thôn, tổ dân phố từ 271 xuống còn 212 (giảm 86 thôn, tổ dân phố).

Về công tác bố trí, sử dụng chính sách cán bộ, xây dựng hoàn thiện tổ chức, bộ máy từ huyện đến cơ sở tinh gọn, công tác

cán bộ có chuyển biến tích cực đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Năm 2016, huyện thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108, nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo Luật Bảo hiểm xã hội. Năm 2016, có 68 người chuyển đổi vị trí công tác, phân công lại nhiệm vụ cho 15 công chức. Luân chuyển theo Nghị định 158 được 05 công chức. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển điều động cán bộ, công chức. Huyện ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và cả giai đoạn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, ưu tiên cán bộ công chức cấp xã để thực hiện tiêu chí 18 "hệ thống chính trị". Thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trước và sau đại hội các cấp, đảm bảo cơ cấu, chất lượng, tiêu chuẩn cán bộ. Tập trung chỉ đạo thực hiện quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu cho giai đoạn mới; quy hoạch cán bộ trẻ tuổi dự nguồn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt giai đoạn 2021-2026. Công tác điều động, luân chuyển, sắp xếp cán bộ được thực hiện thường xuyên, tuân thủ đúng quy trình, thẩm quyền, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ được quan tâm, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện. Cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Quyết định nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội, nâng lương cho cán bộ kịp thời.

Tổ chức, bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả. Thực hiện kiêm nhiệm đối với chức danh Trưởng ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm chính trị huyện, Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện. Luân chuyển cán bộ gắn với đào tạo được đẩy mạnh, có nhiều chuyển biến tích cực, nâng cao năng lực cán bộ, thực hiện luân chuyển 21 đồng chí giữ vị trí chủ chốt ở cơ sở. Thực hiện nghiêm túc việc lấy phiếu tín nhiệm đối với lãnh đạo quản lý trong các cơ quan

Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các chức danh do HĐND bầu.

Trong 5 năm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX (2016-2020), Đảng bộ huyện triển khai cụ thể, sáng tạo nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế địa phương; lựa chọn đúng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực; đoàn kết, thống nhất. Các cấp ủy, chính quyền không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ cơ sở. Thường xuyên phát động các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự quản lý điều hành của chính quyền; sự đoàn kết, thống nhất, tinh thần khắc phục khó khăn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, huyện Văn Bàn đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, GRDP tăng đều qua các năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; sản xuất nông nghiệp hàng hoá phát triển mạnh, giá trị được nâng cao. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Nông nghiệp, nông thôn đạt được nhiều kết quả quan trọng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Văn hoá, giáo dục, y tế được quan tâm phát triển; đời sống của nhân dân được nâng lên; bản sắc văn hoá được giữ gìn, phát huy; hoạt động thể dục thể thao phát triển, đạt nhiều thành tích. Các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và đạt được nhiều kết quả, tạo đồng thuận trong xã hội. Hoạt động của chính quyền các cấp hiệu lực, hiệu quả; năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế, xã hội

được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đạt được hiệu quả thiết thực. Tuy vậy, đến năm 2020, kinh tế huyện Văn Bàn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn chưa đồng bộ. Hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ còn thiếu, chất lượng chưa cao. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng khám chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu; bản sắc văn hóa chưa được phát huy, một số phong tục lạc hậu chậm được khắc phục; phong trào thể dục thể thao phát triển chưa rộng khắp; phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường còn bất cập. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ còn hạn chế chưa ngang tầm nhiệm vụ. Đời sống của một bộ phận nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, giảm nghèo chưa bền vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa mạnh.

Thành tựu đạt được từ năm 2015 đến năm 2020, khẳng định, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn; sức mạnh đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân thực hiện các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra. Những thành tựu đạt được là tiền đề quan trọng; những hạn chế cần được khắc phục để huyện Văn Bàn phát triển mạnh mẽ và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

II. ĐOÀN KẾT, DÂN CHỦ, ĐỔI MỚI, LÃNH ĐẠO ĐƯA VĂN BÀN TRỞ THÀNH HUYỆN PHÁT TRIỂN KHÁ CỦA TỈNH (2020-2025)

Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên.

Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Thế và lực của đất nước ngày càng vững mạnh, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao; Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn. Những thành tựu đó tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tuy vậy, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức; bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Tham nhũng, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ vẫn diễn ra phức tạp. Khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội có xu hướng gia tăng. Tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng, diễn biến phức tạp khó lường; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta; đại dịch Covid-19 gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh của các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Trước yêu cầu của tình hình mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác mục tiêu tổng quát đến năm 2025: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa*

thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Trong tỉnh, thành tựu được qua 30 năm tái lập khá toàn diện trên mọi lĩnh vực khẳng định vị trí, vai trò của Lào Cai trong khu vực miền núi phía Bắc và cả nước. Các lợi thế về cửa khẩu, du lịch, công nghiệp tiếp tục được phát huy. Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách ưu tiên, tập trung phát triển khu vực vùng núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh tiếp tục còn khó khăn, thiếu nguồn lực phát triển. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh, trực tiếp và gay gắt hơn; thiên tai và dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ xảy ra cao. An ninh biên giới, nông thôn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; trật tự an toàn xã hội đặt ra nhiều khó khăn.

Lào Cai đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng nhiều khó khăn, thách thức. Trước tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới, Đại đội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ đề ra mục tiêu tổng quát giai đoạn 2020-2025: Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững; khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh cho phát triển, trong đó công nghiệp là trụ cột quan trọng; thương mại - du lịch, dịch vụ là đột phá; nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Lào Cai phát triển toàn diện trở thành trung tâm, cầu nối giao thương kinh tế, đối ngoại giữa Việt Nam và các nước ASEAN với

vùng Tây Nam - Trung Quốc; đến năm 2025 Lào Cai tiếp tục là tỉnh phát triển của vùng Trung du, miền núi phía Bắc, năm 2030 Lào Cai trở thành tỉnh khá của cả nước, năm 2045 là tỉnh phát triển của cả nước[1].

Trong nhiệm kỳ 2015- 2020, Đảng bộ huyện Văn Bàn phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực khai thác tiềm năng thế mạnh thực hiện các nhiệm vụ chính trị địa phương. Nền kinh tế và mọi mặt xã hội của huyện phát triển nhanh; bản sắc văn hoá các dân tộc được duy trì; quốc phòng được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, đồng lòng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động, tăng gia sản xuất, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trong giai đoạn 2020-2025, các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng như đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi Lai Châu, đường sắt tốc độ cao qua địa phận Văn Bàn, đường Văn Bàn - Yên Bái; Cảng hàng không Quốc tế Sa Pa, đường Quý Xa - Tằng Lỏong... được hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng tạo ra những thuận lợi cho kinh tế - xã hội của huyện phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện, là căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh. Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, nguồn thu của huyện chưa thực sự bền vững, liên kết trong phát triển kinh tế- xã hội chưa tạo sức đột phá, đời sống của một bộ phận nhân dân vẫn còn khó khăn, tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; an ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tình hình dự báo trên tạo ra thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, đòi hỏi toàn Đảng bộ Văn Bàn phát huy trí tuệ, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, khai thác thuận lợi, khắc phục khó khăn lãnh đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của huyện giai đoạn 2020-2025.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 diễn ra từ ngày 22 - 23/6/2020, tham dự Đại hội có 300 đại biểu, thay mặt 5.838 đảng viên trong toàn huyện. Đại hội bầu cử BCH nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 43 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thành Sinh được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, dân chủ, đổi mới đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2020-2025: Chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm. Xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng các khu đô thị, hình thành các vùng kinh tế trọng tâm là đột phá. Khai thác tiềm năng thế mạnh, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư là động lực. Phát huy nội lực, huy động tối đa nguồn lực, tăng thu ngân sách để chi cho đầu tư phát triển. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng khu căn cứ hậu phương của tỉnh vững chắc. Đến năm 2025, Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2021-2025

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra 19 mục tiêu cụ thể trên các lĩnh vực và 9 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị tạo các vùng kinh tế trọng tâm, động lực. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

2. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

3. Phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông, phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người Văn Bàn.

4. Thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội.

5. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

7. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

8. Củng cố, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả các cơ quan tư pháp.

9. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Đại hội xác định 02 lĩnh vực đột phá của nhiệm kỳ là:

1. Phát triển giao thông, xây dựng hạ tầng đô thị.

2. Quy hoạch, sắp xếp dân cư nông thôn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2020-2025) thể hiện ý chí và nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn. Kế thừa và phát huy những thành tựu đạt được trong quá trình phát triển, tập trung khắc phục hạn chế, khuyết điểm, Đảng bộ huyện Văn Bàn quyết tâm "Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh".

Đảng bộ huyện triển khai cụ thể, sáng tạo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ vào điều kiện thực tế địa phương; xác định đúng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và Luật dân chủ cơ sở, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc. Cấp ủy, chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo và tính chủ động của đội ngũ cán bộ cơ sở. Thường xuyên phát động các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách an sinh, xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; 18 Đề án của tỉnh và 08 Đề án, 04 Nghị quyết, 05 Kế hoạch trọng tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI và nhiệm vụ hàng năm. Chỉ đạo tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử Đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026. Đảng bộ bám sát những định hướng, chủ trương lớn của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm và cả nhiệm kỳ.

Nhận diện rõ những thuận lợi, khó khăn, thách thức, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã bám sát các quan điểm, định hướng, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, xác định các nhiệm vụ trọng tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo triển khai nhiệm hàng năm.

Lãnh đạo phát triển kinh tế

Lãnh đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; phát triển nông nghiệp đúng hướng, xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập cho người dân. Đảng bộ đề ra nhiệm vụ: Lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi toàn bộ cây trồng kém hiệu quả, cải tạo vườn tạp sang trồng cây có giá trị gia tăng, thay đổi tập quán canh tác. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, xây dựng sản phẩm nông nghiệp đạt chất lượng. Lựa chọn bộ giống tốt, thực hiện cánh đồng lúa một giống; mở rộng vùng trồng lúa đặc sản trên 800 ha Nếp khẩu Tan Đón, lúa Chăm Pét, Nếp Nậm Xây tại các xã: Dương Quỳ, Thẩm Dương, Nậm Xây, Dần Thàng. Chuyển một phần diện tích trồng ngô sang trồng Gai xanh, dâu tằm trọng điểm tại các xã Hòa Mạc, Sơn Thủy, Liêm Phú. Duy trì diện tích trồng bưởi, mở rộng diện tích trồng cam tại các xã phía nam tại các xã Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Trung, Chiềng Ken; Nậm Tha, mở

rộng diện tích cây hồng không hạt tại xã Tân An, Tân Thượng; phục tráng và đưa cây lê, cây đào trồng tại xã Nậm Xây và Dương Quỳ tạo ra hàng hóa và phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. Khai thác triệt để diện tích đất trống, chuyển mục đích phù hợp để mở rộng diện tích trồng măng sặt, măng bói. Định hướng lại cơ cấu chăn nuôi trên địa bàn, khuyến khích chăn nuôi theo quy mô trang trại, chăn nuôi hữu cơ an toàn để kiểm soát dịch bệnh. Xây dựng vùng chăn nuôi gia súc ăn cỏ tập trung tại các xã phía tây huyện, vùng chăn nuôi lợn, thủy sản tại các xã phía bắc huyện và chăn nuôi gia cầm, thủy cầm tại các xã phía nam và vùng Khánh Yên. Mở rộng diện tích nuôi cá nước lạnh và nuôi trứng cá tầm ứng dụng công nghệ cao tại các xã Nậm Xây, Nậm Xé. Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tăng giá trị nội ngành nông nghiệp. Tiếp tục củng cố và phát triển các HTX, các đại lý, doanh nghiệp vừa và nhỏ tại huyện để thu mua sản phẩm hàng hóa nông sản, cung ứng giống và vật tư nông nghiệp cho người dân. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống cháy rừng; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách để phát huy tiềm năng tài nguyên rừng trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, đổi mới cơ cấu giống cây lâm nghiệp, nâng cao chất lượng rừng gắn với chế biến lâm sản; đóng cửa rừng tự nhiên, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác lâm sản trái phép, lấn chiếm đất rừng. Mở rộng diện tích trồng quế. Tăng cường trồng rừng trên đất trống đồi trọc, nâng cao chất lượng rừng, hạn chế nạn khai thác, lấn chiếm đất rừng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. GRDP bình quân đầu người tăng từ 78 triệu đồng năm 2020 lên 116 triệu đồng năm 2024. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tích cực. Năm 2024 so với năm 2020: tỷ trọng ngành

nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 20,8% xuống còn 18,9%; công nghiệp và xây dựng tăng từ 52% lên 52,91%; thương mại, dịch vụ tăng từ 27,2% lên 28,19%. Năm 2021, là năm tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức; ngay từ những ngày đầu năm tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thiên tai, dịch bệnh xảy ra kéo theo nhiều tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, phát triển sản xuất của người dân. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, kịp thời của Huyện ủy, điều hành linh hoạt của UBND huyện tình hình kinh tế của huyện tiếp tục phát triển.

Kinh tế nông, lâm nghiệp

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành đề án "*Phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025",* ban hành Nghị quyết lãnh đạo thực hiện chương trình *"Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025".*

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Huyện uỷ ban hành kế hoạch số 90-KH/HU, ngày 25/10/2021 của Huyện ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU. Nông, lâm nghiệp, phát triển nông thôn được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, coi đó là trọng tâm trong phát triển kinh tế; cơ cấu lại theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp dân cư nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích canh tác. Phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng tập trung, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh môi trường. Bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ gắn với khai thác có hiệu quả giá trị kinh tế của tài nguyên rừng, phát huy giá trị đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen. Chuyển đổi mạnh mẽ từ lâm nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế lâm nghiệp, từng bước nâng cao hiệu quả

kinh tế đồi rừng. Từ năm 2021 đến năm 2024, sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn huyện nói riêng gặp nhiều khó khăn, thách thức. Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài dẫn đến việc tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, giá cả vật tư đầu vào tăng cao, thời tiết diễn biến cực đoan, hạn hán, bão lũ gây thiệt hại, hưởng xấu tới sinh trưởng và năng suất của các cây trồng. Được sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh, sự đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, sự vào cuộc quyết liệt của các cấp uỷ, chính quyền địa phương trong chỉ đạo, điều hành và sự chung sức, sáng tạo của các doanh nghiệp, nhân dân nên lĩnh vực nông nghiệp đã đạt được các kết quả tích cực. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch mạnh mẽ từ cây có giá trị kinh tế thấp, đầu ra không ổn định sang các ngành hàng chủ lực, tiềm năng có giá trị kinh tế cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP của Văn Bàn

Năm 2021, toàn huyện gieo trồng được 11.995 ha cây lương thực có hạt. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 69.821 tấn. Giá trị thu nhập trên ha canh tác trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 92 triệu đồng/ha. Năm 2022, toàn huyện gieo trồng được 12.075 ha cây lương thực có hạt, tổng sản lượng lương thực đạt 71.837 tấn. Năm 2023, tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 74.056 tấn. Trong năm 2024, tổng diện tích cây lương

thực được gieo trồng đạt 13.202 ha; tổng sản lượng đạt 69.898 tấn, tổng giá trị canh tác đạt 105 triệu đồng/ha. Trong năm 2024, công nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn 3 sao OCOP đối với 10 sản phẩm của 08 cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt bình quân từ 5,5-6%. Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất canh tác đến hết năm 2023 đạt 103,5 triệu đồng/ha; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 74.056 tấn; đảm bảo an ninh lương thực. Tiếp tục thúc đẩy việc chuyển đổi cây trồng, xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu cây gai xanh API gắn với sơ chế, chế biến sợi; vùng nguyên liệu Quế gắn với nhà máy chế biến tại Liêm Phú; liên kết sản xuất dưa chuột bao tử tại xã Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Liêm Phú. Đến năm 2023, diện tích Quế toàn huyện đạt 9.769,4 ha, trong đó diện tích quế cho thu hoạch trên 4.000 ha, diện tích Quế hữu cơ 1.300 ha. Xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm các sản phẩm từ Quế giữa nhân dân trên địa bàn các xã với Công ty Quế Thái Tuấn, Công ty VINASAMEX với các tổ nhóm trồng Quế trên toàn huyện; hình thành và mở rộng một số cánh đồng mẫu lớn tại Võ Lao, Dương Quỳ, Khánh Yên Hạ. Đặc biệt, huyện Văn Bàn đã thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp với 2 nhà máy chế biến quế và 2 dự án chăn nuôi lợn công nghệ cao. Tiếp tục phát triển vùng trồng cây ăn quả, Măng, khoai sọ hàng hóa; chuỗi liên kết phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện, toàn huyện có gần 50 sản phẩm OCOP; 2 sản phẩm được công bố chứng nhận nhãn hiệu tập thể[(1)].

Chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục phát triển ổn định; tăng cường công tác quản lý hoạt động giết mổ và xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy mô nhỏ trên địa bàn huyện; bám sát cơ sở, hướng dẫn nhân dân phòng chống đói, rét, dịch

[(1)] Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch số 90-KH/HU, ngày 25/10/2021 của Huyện ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 .

bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Chỉ đạo tập trung thực hiện nghiêm các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn, khống chế dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tuy nhiên còn phát sinh bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục, cây trồng bị nhiễm bệnh tại một số địa phương, Huyện uỷ chỉ đạo khống chế, dập tắt dịch kịp thời.

Công tác trồng rừng và bảo vệ rừng được chú trọng triển khai. Năm 2021, thực hiện trồng rừng mới được 1.568 ha. Năm 2022, thực hiện trồng rừng mới được 1.900 ha. Năm 2023, thực hiện trồng rừng mới được 1.084 ha rừng. Năm 2024, trồng mới được 727, tỷ lệ che phủ rừng đạt 68,76%; tổ chức "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" dịp Xuân Giáp Thìn năm 2024. Huyện uỷ chỉ đạo tăng cường các biện pháp cấp bách trong công tác bảo vệ rừng, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, khí hậu để cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên địa bàn huyện; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Công tác phòng, chống và ứng phó với thiên tai, Huyện uỷ chỉ đạo theo dõi, nắm bắt và kịp thời thông tin, cảnh báo về diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai và kịp thời thực hiện các phương án ứng phó. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương huy động lực lượng, phương tiện theo phương châm "4 tại chỗ" hỗ trợ nhân dân khẩn trương khắc phục thiệt hại.

Xây dựng nông thôn mới

Nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới những năm 2021-2025 được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI là: Huy động nguồn lực đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, lấy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, nâng cao thu nhập cho nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm. Đẩy nhanh việc xây dựng hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn. Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu Quốc gia trong đầu tư xây dựng, hỗ trợ sản xuất, nâng cao thu nhập của người

dân, giảm nghèo bền vững. Tăng cường hỗ trợ, thu hút các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, khuyến khích các dự án trong lĩnh vực chăn nuôi, chế biến nông, lâm sản; chỉ đạo thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập cho nông dân. Tiếp tục củng cố và phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đẩy mạnh thực hiện mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Thường xuyên rà soát, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới của các xã đã được công nhận đạt chuẩn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI và đề án "Phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025", huyện xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, đảm bảo tính đồng bộ, bền vững; thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn. Huyện huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, rà soát, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới của các xã đã được công nhận đạt chuẩn, đồng thời tiếp tục chỉ đạo các xã phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Hàng năm, tổ chức tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, Chương trình OCOP; phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Năm 2021, Huyện uỷ chỉ đạo tiến hành rà soát cơ sở vật chất đảm bảo hoàn thành các tiêu chí về đích nông thôn mới, đồng thời UBND huyện giao danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng cho 3 xã đăng ký về đích nông thôn mới với tổng đầu tư 29.303 triệu đồng. Chỉ đạo các địa phương triển khai công tác xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch; đẩy mạnh xây dựng các hạng mục đường giao thông nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn; hoàn thành 337 tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện,

bình quân 16,05 tiêu chí/xã, có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 27 thôn nông thôn mới, 9 thôn kiểu mẫu.

Năm 2022, Huyện uỷ chỉ đạo điều hành chương trình xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, thôn kiểu mẫu (theo bộ tiêu chí mới); chỉ đạo các xã Chiềng Ken, Nậm Dạng, Minh Lương, Võ Lao tiếp tục duy trì nâng cao các tiêu chí đã đạt và hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt; đẩy mạnh xây dựng các hạng mục đường giao thông nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn. Chỉ đạo công tác xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn thị trấn Khánh Yên và các vùng quy hoạch. Chỉ đạo UBND huyện phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức triển khai, ký giao ước thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; đoàn kết, đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự mỹ quan đô thị, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Chỉ đạo triển khai thực hiện "Năm trật tự văn minh đô thị" và đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Năm 2023 và năm 2025, công tác xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao được Huyện uỷ chỉ đạo triển khai, trong đó chú trọng công tác duy trì và nâng cao tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn, đồng thời tiếp tục chỉ đạo các xã phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Huyện tổ chức Lễ phát động Phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" và Phong trào thi đua "Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hoá tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Chỉ đạo xây dựng Đề án huyện Văn Bàn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2025-2030. Ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện "Xây dựng đô thị văn minh" trên địa bàn thị trấn Khánh Yên và đạt 44/52 tiêu chí theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị; tạo được sự đồng thuận lớn trong nhân dân, đời sống của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt. Xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp dân cư nông thôn, trong đó phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân. Đến hết quý I năm 2025, có 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao), 56 thôn được công nhận "Thôn nông thôn mới" và 22 thôn được công nhận "Thôn Kiểu mẫu". Số tiêu chí bình quân đạt 17 tiêu chí/xã.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Từ năm 2021 đến năm 2025, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ đối với ngành công nghiệp, thương mại là: Sắp xếp dân cư tập trung, tăng quỹ đất cho sản xuất - kinh doanh; xây dựng hạ tầng thiết yếu các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án xây dựng nhà máy tuyển Apatit Làng Phúng - Tam Đỉnh; các dự án thủy điện đã được phê duyệt. Xây dựng nhà máy chế biến tinh dầu quế, sản phẩm quế hữu cơ, tinh dầu sả, bồ đề cánh kiến tại Nậm Tha và nhà máy chế biến măng tại Hoà Mạc.Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ những lĩnh vực có thế mạnh gắn với chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm chủ lực địa phương, xây dựng sản phẩm OCOP chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Phát triển nghề và làng nghề như thêu thổ cẩm, mây tre đan, chế biến nông sản tại các xã Khánh Yên Trung, Minh Lương, Dương Quỳ, Hòa Mạc, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Chú trọng công nghiệp chế biến nông, lâm sản xây dựng nhà máy chế biến tinh dầu quế, sản phẩm quế hữu cơ, tinh dầu sả, bồ đề cánh kiến tại Nậm Tha; nhà máy chế biến măng tại Hoà Mạc hỗ trợ những lĩnh vực có thế mạnh gắn với chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm địa phương chất

lượng tốt có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Phát triển các nghề truyền thống như thêu thổ cẩm tại các xã Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Trung, Dần Thàng, Nậm Tha; mây tre đan tại các xã Minh Lương, Nậm Xây tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Phát triển thương mại, dịch vụ, từng bước hình thành các khu du lịch tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân Phát triển mạnh các loại hình vận tải, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng, tài chính, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, phục vụ văn hóa, thể thao.Thúc đẩy đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng các dự án thương mại, dịch vụ đồng bộ, chất lượng tại các khu trung tâm, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, mở rộng thị trường tại khu vực nông thôn, vùng khó khăn bảo đảm cung ứng mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh thu mua, chế biến sản phẩm cho nông dân. Phát triển hợp lý các chợ truyền thống; tiếp tục đầu tư xây chợ gắn với xây dựng nông thôn mới.

Công nghiệp, xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Năm 2021, tổng giá trị sản xuất TTCN trên địa bàn đạt 221 tỷ đồng. Năm 2022, tổng giá trị sản xuất TTCN đạt 256 tỷ đồng. Năm 2023, tổng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng năm 2023 đạt 6.380 tỷ đồng, giá trị sản xuất TTCN đạt 310 tỷ đồng. đạo về quản lý hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Năm 2024, giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 10.359 tỷ đồng, giá trị sản xuất TTCN đạt 356 tỷ đồng. Hoàn thành công tác quy hoạch khu công nghiệp Võ Lao với diện tích 1.000 ha; tiểu thủ công nghiệp được quan tâm chỉ đạo, tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

Xây dựng cơ bản

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra nhiệm vụ: Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng; xác định phát triển hạ tầng và đô thị là lĩnh vực đột phá quan trọng gắn với thực hiện quy hoạch tỉnh; ưu tiên đầu tư nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng ở bốn vùng kinh tế trọng tâm là Thị trấn Khánh Yên và

các xã Võ Lao, Dương Quỳ và Khánh Yên Hạ. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, sắp xếp dân cư tập trung, tăng quỹ đất cho sản xuất - kinh doanh; đầu tư hạ tầng thiết yếu cho các cụm công nghiệp theo quy hoạch. Tổ chức thực hiện quy hoạch vùng tỉnh, hoàn thành việc lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết thị trấn Khánh Yên đến năm 2030 và quy hoạch chi tiết trung tâm của 10 xã, tạo thành hệ thống đô thị trọng điểm. Hoàn thiện hạ tầng xã hội y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao từ huyện đến xã, thôn.

Xây dựng khu Trung tâm hành chính của huyện theo quy hoạch. Cuối năm 2021, huyện Văn Bàn tổ chức khánh thành công trình trụ sở Hợp khối các cơ quan huyện. Các tuyến đường kết nối trung tâm huyện với khu hành chính tạo hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết nối thuận lợi đáp ứng yêu cầu đảm bảo về quốc phòng, an ninh. Thiết kế và trồng cây xanh cảnh quan trên tất cả các tuyến đường nội thị, xây dựng Thị trấn Khánh Yên trở thành đô thị văn minh, hiện đại.

Trụ sở hợp khối các cơ quan huyện Văn Bàn khánh thành năm 2021

Chỉ đạo khởi công xây dựng, tổ chức giám sát, đẩy nhanh tiến độ đảm bảo thời gian hoàn thành công trình theo kế hoạch đề ra; tập trung đôn đốc, tập trung tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm. Chỉ

đạo giải ngân vốn đầu tư công, triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm hoàn thành giải ngân hoàn thành kế hoạch tỉnh giao. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021 tỉnh giao là 156.554 triệu đồng, giá trị giải ngân đạt 146.011 triệu đồng. Trong năm 2023, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025 triển khai, thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến cơ sở hạ tầng 44 công trình khởi công mới. Kết quả giải ngân vốn đầu tư đạt 325 tỷ đồng; kết quả giải ngân vốn sự nghiệp đạt 17,48 tỷ đồng. Năm 2024, tổng vốn đầu tư phát triển giao năm là 443.838 triệu đồng; Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đến nay đạt 325.240 triệu đồng.

Thực hiện lĩnh vực đột phá nhiệm kỳ 2021-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chủ trương: Quy hoạch, xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với Quốc phòng - An ninh và căn cứ hậu phương của tỉnh; ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện đề án "Phát triển mạng lưới giao thông, xây dựng các đô thị huyện Văn Bàn giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030". Theo đó, công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch gắn với phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị. Các quy hoạch cơ bản đã được đồng bộ, đảm bảo cho sự phát triển. Huyện đã tập trung hoàn thành sớm xây dựng quy hoạch huyện, tích cực triển khai xây dựng quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu du lịch, trung tâm xã, khu dân cư nông thôn. Trong nhiệm kỳ, kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm chỉ đạo, có tính lan tỏa, kết nối và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các tuyến đường giao thông nông thôn được cải tạo, nâng cấp, mở rộng, trong nhiệm kỳ đã nâng cấp, mở rộng, làm mới 38 công trình với tổng chiều dài 62 km. Triển khai công tác BTHT&TĐC Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và chính phủ Úc tài trợ (đoạn qua địa phận huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai), đến tháng 5/2025

đã giải phóng xong mặt bằng và thi công đúng theo chỉ đạo của tỉnh.

Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, bình ổn giá cả thị hường đặc biệt là các mặt hàng y tế trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Công tác lập và quản lý quy hoạch được quan tâm chỉ đạo, phát huy hiệu quả. Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các phương tiện vận chuyển hàng hóa vi phạm. Xây dựng phương án dự trữ và cung ứng hàng hóa nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ cho người dân trong trường hợp dịch Covid-19 xảy ra trên diện rộng, phải thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn huyện. Năm 2021, tuy bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, nhưng tình hình thị trường hàng hóa, giá cả và các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Từ năm 2022 đến năm 2025, tình hình hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện diễn ra ổn định, tăng trưởng, các nguồn cung hàng hóa dồi dào, đa dạng, giá cả hàng hóa ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu của đời sống và nhân dân, không có hiện tượng đầu cơ găm hàng, tăng giá bất hợp lý. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ đạt 2.350 tỷ đồng.

Phát triển dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, phục vụ văn hóa, thể thao. Thu hút xã hội hoá đầu tư hạ tầng thương mại tại khu đô thị, nhà nước đầu tư tại khu vực nông thôn, vùng khó khăn để hình thành mạng lưới thương mại, đồng bộ, văn minh, bảo đảm cung ứng mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh thu mua, chế biến sản phẩm cho nông dân. Thương mại, dịch vụ phát triển, từng bước hình thành các khu du lịch tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân.

Để thúc đẩy du lịch, dịch vụ phát triển, Huyện uỷ chỉ đạo triển khai hiệu quả Đề án số 02-ĐA/HU về bảo tồn, phát huy

bản sắc văn hóa các dân tộc, phát triển du lịch huyện Văn Bàn gắn với thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 27/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *"Phát triển du lịch tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050"*. Đẩy mạnh thu hút hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa để các nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính sớm triển khai hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án du lịch. Hình thành các điểm du lịch gắn với phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững của huyện, ở những địa bàn có tiềm năng Khu du lịch sinh thái thác Bay - Liêm Phú; Đèo Khau co xã Nậm Xé, du lịch cộng đồng tại các xã Dương Quỳ, Liêm Phú, kết nối tua du lịch tâm linh Đền Đông Cuông (huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) - Đền Bảo Hà (huyện Bảo Yên) - Đền Tân An - Đền Ken (huyện Văn Bàn). Chú trọng tạo sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu của du khách. Chỉ đạo phát triển các loại hình du lịch độc đáo như Leo núi Gia Lan; nghỉ dưỡng kết hợp du lịch trải nghiệm rừng nguyên sinh tại xã Nậm Tha, Liêm Phú, Khánh Yên Hạ, Dần Thàng; du lịch làng, bản kết nối với Sa Pa. Đầu năm 2022, Văn Bàn bảo vệ thành công Đề án "Chiến lược phát triển du lịch huyện Văn Bàn đến năm 2030, tầm nhìn 2050" nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho việc phát triển du lịch.

Huyện uỷ chỉ đạo tổ chức các lễ hội văn hoá dân tộc, lễ hội truyền thống, quảng bá nét đẹp văn hóa truyền thống con người Văn Bàn; hỗ trợ phát triển các loại hình, các điểm du lịch gắn với phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, du lịch cộng đồng lồng ghép với xây dựng nông thôn mới. Nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn ở vùng có tiềm năng phát triển du lịch. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch, chú trọng phát triển thương mại, dịch vụ gắn với du lịch. Thành lập Ban quản lý di tích và phát triển du lịch, hoạt động hiệu quả, đến nay lượng khách du lịch đến Văn Bàn năm 2024 đạt trên 500.000 lượt người đạt 1,8% so với năm 2020,

nguồn thu từ khách du lịch đạt 70.455 triệu đồng; thu hút lao động trong lĩnh vực du lịch đạt 1.100 người; xây dựng 01 điểm du lịch cấp tỉnh, phát triển 33 sản phẩm du lịch, bước đầu hình thành kinh tế du lịch trên địa bàn huyện. Công tác quản lý thị trường được triển khai quyết liệt, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ người tiêu dùng. Du lịch, dịch vụ phát triển, tạo nhiều việc làm, thu nhập cho nhân dân và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế huyện.

Tài chính - tín dụng

Chủ trương của Đảng bộ trong lĩnh vực tài chính, tín dụng là: Các cơ quan, đơn vị khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tăng thu ngân sách, thực hiện các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, mở rộng cơ sở, đối tượng nộp thuế; huy động đúng, đủ nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, phát huy tốt nguồn lực từ đất đai, tăng thu ngân sách, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Thực hiện khoán quỹ lương gắn với tinh giản biên chế, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư; tăng cường đầu tư phúc lợi xã hội, bảo đảm sử dụng các nguồn vốn an toàn, hiệu quả. Duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DCI) trong tốp đầu của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích, hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng để các ngân hàng hoạt động, hỗ trợ, quan tâm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội.

Hoạt động ngân hàng gắn với huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển. Thu ngân sách nhà nước và tín dụng tiếp tục tăng nhanh. Huyện uỷ chỉ đạo đẩy mạnh rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, ngân sách hằng năm

để có giải pháp quản lý tốt tài chính - ngân sách, đẩy mạnh các giải pháp tăng nguồn thu ngân sách từ đất, từ các hoạt động du lịch. Chi ngân sách nhà nước được cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Phân cấp về quản lý tài chính, ngân sách được đẩy mạnh, giao quyền tự chủ cho 100% các đơn vị sự nghiệp, trường học trên địa bàn. Chỉ đạo công tác thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi theo quy định; đẩy mạnh các giải pháp tăng nguồn thu ngân sách, nhất là thu từ đất và các hoạt động du lịch. Hàng năm, ngành Tài chính tổ chức thu, chi ngân sách huyện đảm bảo theo đúng tiến độ. Đặc biệt năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện vẫn đạt 335,886 tỷ đồng; tổng thu ngân sách huyện đạt 823,609 tỷ đồng; chi ngân sách cả năm đạt 742,246 tỷ đồng. Năm 2022, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện đạt 515,2 tỷ đồng; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.075,5 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 1.075,5 tỷ đồng.

Năm 2023, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo thực hiện đổi mới phương án thu tiền sử dụng đất theo hướng phân tán; xây dựng cơ chế quản lý nguồn thu từ các hoạt động tại đền Cô Tân An, Đền Ken và khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ các khu di tích trên địa bàn. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 505,8 tỷ đồng. Đây là năm thứ hai Văn Bàn có số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 500 tỷ đồng. Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 607,7 tỷ đồng; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.454 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 1.170 tỷ đồng. Số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn có xu hướng phát triển bền vững theo hướng tăng dần tỷ trọng số thu thuế góp phần quan trọng trong cân đối ngân sách địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc các quy định về chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động

ngân hàng, giám sát hệ thống thanh toán, quản lý và bảo đảm cho hệ thống thanh toán qua hệ thống ATM hoạt động an toàn thông suốt. Chỉ đạo công tác hoàn thiện chuẩn bị đầu tư các dự án giao khởi công mới, công tác thẩm định, quyết toán vốn đầu tư. Các ngân hàng trên địa bàn huyện hoạt động ổn định, tăng trưởng nhanh; người dân được tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế tư nhân phát triển, từ năm 2021 đến năm 2025, huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 900 tổ chức, cá nhân. Kinh tế tập thể được quan tâm hỗ trợ phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động, trên địa bàn huyện có 39 hợp tác xã đang hoạt động, góp phần thúc đẩy thương mại, dịch vụ, tạo ra các sản phẩm OCOP và nhiều sản phẩm đã có thương hiệu, uy tín

Tài nguyên, môi trường

Trước tình hình tài nguyên môi trường còn nhiều vấn đề đặt ra, tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra nhiệm vụ: Tăng cường quản lý đất, giải quyết vấn đề đất ở nông thôn, tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn, tranh chấp đất đai. Khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất cho đầu tư phát triển; thực hiện chủ trương tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tài nguyên chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trên địa bàn. Thực hiện nghiêm quy định về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, duy trì tỷ lệ che phủ rừng của huyện; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xử lý các trường hợp có nhà ở trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm; công khai quy hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng đất. Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên. Xây dựng Đề án "Tăng cường

quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025". Nâng cao năng lực quản lý, giám sát môi trường. Bố trí nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường khu vực nông thôn, vùng khó khăn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Từ năm 2021 đến năm 2025, Huyện uỷ chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng các hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường. Công khai kế hoạch sử dụng đất cấp, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030; Chỉ đạo thực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xử lý các trường hợp có nhà ở trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng. Chỉ đạo kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn huyện, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện; triển khai truy quét, đẩy đuổi các đối tượng khai thác vàng trái phép tại Minh Lương, Nậm Xé và thực hiện các giải pháp quản lý sau truy quét. Tăng cường công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện các dự án.

Năm 2023, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Bàn; đẩy mạnh công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để bàn giao mặt bằng cho các chủ đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tạm dừng hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ khoáng sản chưa khai thác đặc biệt là khoáng sản vàng tại các xã Nậm Xây, Minh Lương, Nậm Xé.

Năm 2024, chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác xử lý 420 trường hợp làm nhà, xây dựng công trình trên đất chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất trên địa bàn. Chỉ đạo đẩy mạnh công

tác quản lý đất đai, công tác giao đất, thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để bàn giao mặt bằng cho các chủ đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường và trật tự xây dựng trên địa bàn huyện; không để xảy ra hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển khoáng sản trái phép, gây ô nhiễm môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng chống sạt lở đất, phối hợp bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện; đẩy mạnh trồng rừng, bảo vệ rừng; ứng dụng khoa học công nghệ về bảo tồn nguồn gen và các giống loài có khả năng bị tuyệt chủng ở Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn. Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu, đặc điểm sinh thái các vùng, địa phương; bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ của biến đổi khí hậu. Chủ động phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, thực hiện sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai nguy hiểm, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. Chỉ đạo triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày nước Thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và ngày Đại dương thế giới. Nhận thức của cộng đồng về ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu chuyển biến tích cực.

Lãnh đạo phát triển giáo dục, đào tạo nghề

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Đại hội Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ: Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo tích cực, hiệu quả; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục phù hợp với sự phát triển chung của huyện, đảm bảo ổn định lâu dài. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn. Củng cố duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo

dục Tiểu học và Trung học cơ sở. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đầu tư cho giáo dục và đào tạo chất lượng cao; quan tâm phát triển giáo dục vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, nâng cao chất lượng hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú. Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tăng cường hướng nghiệp cho học sinh. Đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của huyện. Huy động doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, chú trọng đào tạo nghề trong nông nghiệp, chuyển dịch dần lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành và chỉ đạo triển khai đề án "Đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, duy trì trường học đạt chuẩn Quốc gia giáo dục - Đào tạo nghề - Ứng dụng Khoa học công nghệ huyện Văn Bàn giai đoạn 2021-2025".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, ngành giáo dục triển khai thực hiện đồng bộ, tích cực việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn. Triển khai Đề án "Đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, duy trì trường học đạt chuẩn Quốc gia - Đào tạo nghề - Khoa học công nghệ huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025", huyện tiến hành quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục phù hợp với sự phát triển, đảm bảo ổn định lâu dài. Huy động các nguồn lực cho xây dựng mới và duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia, đầu tư phát triển giáo dục vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường hướng nghiệp cho học sinh; đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện đã có bước phát triển mạnh và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Quy mô mạng lưới trường lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp, quy hoạch hợp lý đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; kết quả phổ cập giáo dục các cấp học được duy trì và nâng cao chất lượng; giáo dục toàn diện được nâng lên; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú ngày càng hoàn thiện; cơ sở vật trường lớp được ưu tiên đầu tư; công tác quản lý giáo dục có nhiều đổi mới; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hằng năm được bổ sung về số lượng và nâng cao chất lượng cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, tạo thuận lợi cho người dân học tập suốt đời; giáo dục Văn Bàn đạt được nhiều kết quả quan trọng, luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh.

Mạng lưới trường, lớp được rà soát, quy hoạch lại đảm bảo lộ trình của đề án. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Hàng năm, huyện, tổ chức thực hiện thành công nhiệm vụ năm học, kỳ thi THPT Quốc gia và xét tuyển hoàn thành chương trình Tiểu học, xét tốt nghiệp THCS. Chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, công tác duy trì số lượng, nâng cao tỷ lệ chuyên cần ở vùng cao. Tổ chức triển khai khai giảng và các nhiệm vụ năm học đúng thời gian, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh đảm bảo các quy định. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nội trú, bán trú trong các cơ sở giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Năm 2023, số trường chuẩn quốc gia là 75 trường; Giáo dục huyện Văn Bàn xếp thứ ba trong kỳ

thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Đặc biệt, huyện có 16 học sinh thi đỗ vào trường THPT Chuyên Lào Cai (đứng thứ 2 sau thành phố Lào Cai. Năm học 2024-2025, toàn huyện có 78 trường học trực thuộc; 837 nhóm, lớp với 22.627 học sinh. Huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp vượt chỉ tiêu kế hoạch giao. Cụ thể: trẻ nhà trẻ từ 0-2 tuổi đạt 37,0%, trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đến trường đạt 99,7%, trẻ trong độ tuổi 6-10 tuổi ra học tiểu học đạt 99,9%, trẻ trong độ tuổi 11-14 tuổi ra học THCS đạt 99,7%. Duy trì vững chắc kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục THCS. Được công nhận phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 4 tuổi năm 2024. Đến nay tháng 5/2025 số trường chuẩn quốc gia là 76/83 trường đạt 91,6%.

Trên cơ sở dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những biến động về cơ cấu lao động, huyện xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch phát triển đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025; định hướng nghề nghiệp, huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, chú trọng đào tạo nghề trong nông nghiệp, chuyển dịch dần lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Đến tháng 5-2025, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề ngắn hạn đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, tăng 25% so với 2020. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động từng bước bảo đảm thích ứng với điều kiện sản xuất; trong đó tập trung đào tạo các nghề thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp - xây dựng.

Khoa học công nghệ

Thực hiện nhiệm vụ đề ra tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XX, huyện đẩy mạnh và nâng cao chất lượng ứng dụng khoa học-công nghệ. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành *Nghị quyết "Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025".* Huyện

triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trên địa bàn theo hướng thiết thực, hiệu quả, chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tiếp tục đổi mới, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp, đưa một số giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, mang lại giá trị kinh tế cao, giúp nâng cao thu nhập cho người dân. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến đảm bảo hệ thống chính trị hoạt động hiệu quả.

Phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số đồng bộ trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Hạ tầng số, hạ tầng viễn thông có bước phát triển đột phá, phủ sóng di động đến 100% trung tâm các xã; 97,1 % đến trung tâm thôn, tổ dân phố; 95,3% thôn, tổ dân phố có hạ tầng cáp quang phục vụ truy cập Internet. Hạ tầng công nghệ thông tin các cơ quan trong hệ thống chính trị được đầu tư, nâng cấp. Một số cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung được triển khai xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu 4 cấp từ trung ương, tỉnh, huyện, xã. An toàn thông tin được nâng cao. Mở rộng các dịch vụ thông tin, truyền thông. Đến năm 2025, 100% người dân được nghe, xem đài phát thanh - truyền hình, tiếp cận và khai thác mạng Internet. Phát huy hiệu quả vai trò tổ công nghệ số cộng đồng, công dân số.

Văn hóa, thể thao

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở. Phát triển văn hóa, thể thao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, duy trì bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể; trùng tu, tôn tạo phát huy giá trị của các khu di

tích văn hoá, lịch sử. Đầu tư hoàn thiện, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao, phát huy di sản văn hóa cộng đồng, phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, xã hội, môi trường. Ưu tiên quỹ đất, khuyến khích xã hội hóa xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cộng đồng. Bảo tồn, khôi phục phát huy những di sản, giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng đặc trưng của các dân tộc và con người Văn Bàn. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người phù hợp với truyền thống văn hoá và bản sắc dân tộc, tạo môi trường để con người Văn Bàn, đặc biệt là thế hệ trẻ phát triển toàn diện. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Nâng cao thể lực, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống. Thực hiện Đề án "Bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, phát triển du lịch huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025". Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, phát triển rộng khắp; trên địa bàn huyện có 07 di tích lịch sử văn hóa; Có 14 di sản văn hóa được công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; góp phần giáo dục truyền thống và thu hút phát triển du lịch. Chú trọng công tác sưu tầm di sản văn hoá phi vật thể gắn với phát hiện, đào tạo tài năng trong lĩnh vực nghệ thuật dân tộc với nòng cốt là các nghệ nhân. Tiếp tục triển khai thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ cúng tế đặc thù của các dân tộc; ngăn chặn đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức, lối sống chống và các quan điểm sai trái gây ảnh hưởng đến xây dựng văn hóa và ổn định xã hội.

Phát triển văn hóa luôn gắn với phát triển kinh tế - xã hội, giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc của các dân tộc Văn Bàn được gìn giữ, phát huy. Các di sản văn hóa được nhân dân quan tâm, tham gia giữ gìn, bảo tồn và phát huy với nhiều hình thức. Đến năm 2025, huyện có 14 Câu lạc bộ "Khắp nôm", 33 Câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống. các đơn

vị trường học thành lập các câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống. Huyện quy hoạch, xây dựng hệ thống các khuôn viên công cộng; đầu tư hoàn thiện và khai thác hiệu quả trung tâm văn hóa - thể thao; ưu tiên quỹ đất, khuyến khích xã hội hóa xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cộng đồng. Gắn đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát triển văn hóa với khai thác các giá trị văn hóa phục vụ phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa lãnh đạo, quản lý, tăng cường xây dựng nếp sống văn hóa trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, xây dựng đô thị văn minh, nông thôn an toàn, con người Văn Bàn thân thiện, văn hóa.

Tại lễ hội Đền Cô Tân An năm 2025, tiết mục múa chuông truyền thống của dân tộc Dao đã xác lập kỷ lục Việt Nam với số lượng người tham gia đông nhất

Để bảo tồn di tích, di sản phát huy giá trị bản sắc hóa dân tộc, năm 2021, huyện phối kết hợp với Ban truyền hình đối ngoại, Đài truyền hình Việt Nam xây dựng chương trình sản xuất một số tập phim tại huyện nhằm giới thiệu, quảng bá những nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc huyện Văn Bàn. Hàng năm, tổ chức ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc huyện Văn Bàn đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả. Quan tâm chỉ đạo công tác phát triển du lịch, quảng bá hình ảnh quê

hương và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa. Đời sống văn hóa của nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện, các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư nâng cấp, duy trì tốt các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình.

Hoạt động thể thao được quan tâm, các môn thể thao dân tộc được chú trọng. Phát động mạnh mẽ các phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong cộng đồng, chú trọng giáo dục thể chất tại các trường học. Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được triển khai thực hiện, từ năm 2020 năm 2024 tổ chức 22 giải thể thao cấp huyện; tham gia thi đấu 20 giải thể thao cấp tỉnh đạt kết quả cao, tiêu biểu như đạt 221 Huy chương các loại; Giải bóng đá Thanh niên đạt giải Nhất toàn đoàn vào các năm 2020,2023,2024; Giải Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Lào Cai lần thứ IX năm 2023 đạt giải Ba toàn đoàn. Năm 2024, huyện giải Vô địch Đẩy gậy - Kéo co - Bắn nỏ tỉnh Lào Cai; tổ chức thành công Đại hội Thể dục Thể thao, giải đua xe đạp, giải leo núi "Chinh phục đỉnh Gia Lan", Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc huyện Văn Bàn. Phối hợp với Trung tâm huấn luyện Thể dục Thể thao tỉnh Lào Cai đăng cai địa điểm tổ chức tổ chức thành công Giải bóng đá nam, giải thi kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ tỉnh Lào Cai năm 2025. Tham gia 20 giải thể thao cấp tỉnh đạt 221 Huy chương các loại; đăng cai tổ chức nhiều giải thể thao lớn của tỉnh. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao được quan tâm xây dựng đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho nhân dân.

Các câu lạc bộ thể thao thường xuyên được duy trì, phát triển. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao được quan tâm xây dựng đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho nhân dân.

Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra nhiệm vụ: Phát triển hệ thống y tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, sắp xếp lại các cơ sở y tế; xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện hiện đại, đáp ứng yêu cầu về công tác khám, chữa

bệnh cho nhân dân và phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi cần thiết. Quản lý chặt chẽ, đổi mới cơ chế tài chính, khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa và liên kết công - tư trong lĩnh vực y tế. Thực hiện công tác y tế dự phòng, đảm bảo kiểm soát, khống chế dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân; nâng cao tuổi thọ, chất lượng cuộc sống và năng lực phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng. Phát huy vai trò của y học cổ truyền trong khám chữa bệnh; thực hiệu hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức, giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tập trung thực hiện kế hoạch hóa gia đình đối với các xã vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng dân số với cơ cấu, quy mô dân số hợp lý; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm, hướng tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành đề án "*Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trên địa bàn huyện Văn Bàn giai đoạn 2021-2025*". Theo đó, huyện phát triển hệ thống y tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng khám, điều trị. Năm 2022, huyện triển khai xây dựng bệnh viện mới với qui mô 250 giường bệnh giai đoạn 1 và mở rộng giai đoạn 2 lên 300 giường bệnh. Đây là công trình bệnh viện tuyến huyện hiện đại nhất trong tỉnh. Đến tháng 5/2025, đạt 28,1 giường bệnh/vạn dân; số bác sỹ/vạn dân đạt 6,5 người.

Ngành Y tế duy trì tốt mọi hoạt động khám chữa bệnh, đáp ứng tốt công tác cấp cứu và điều trị bệnh cho nhân dân. Công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh được chú trọng. Thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin định kỳ cho trẻ em. Xây dựng kế

hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thực phẩm. Tăng cường kiểm soát, xử lý việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong các dịp lễ, tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân và tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Tổ chức thực hiện các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn huyện. Giai đoạn từ năm 2020 đến 2023, thế giới nói chung và huyện Văn Bàn nói riêng chịu tác động nặng nề bởi dịch Covid-19. Từ khi làn sóng Covid-19 đầu tiên ập đến vào đầu năm 2020, Huyện ủy chỉ đạo ngành Y tế nhanh chóng triển khai hàng loạt biện pháp ứng phó khẩn cấp, đặt mục tiêu bảo vệ tối đa sức khỏe người bệnh và cộng đồng. Trải qua năm đợt bùng phát, với các biến chủng Alpha, Delta, Omicron... ngành Y tế không những đảm bảo điều trị hiệu quả cho các ca bệnh F0 mà còn duy trì đảm bảo hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong năm 2021, Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn đã lập đoàn công tác gồm 18 cán bộ là các bác sĩ, kỹ thuật viên, điều dưỡng xung phong lên đường hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các khu cách ly tập trung của tỉnh Lào Cai, tỉnh Đồng Nai, Bình Dương. Đoàn công tác đã tham gia trực tiếp vào phân luồng, sàng lọc, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân và hỗ trợ vận hành các khu thu dung, điều trị tại những nơi tình hình dịch Covid-19 đang ở giai đoạn nguy hiểm nhất. Nhiều cán bộ ngành Y đã nhiễm bệnh, thậm chí tử vong trong quá trình thực hiện nhiệm vụ[1].

Công tác y tế dự phòng tiếp tục được đẩy mạnh, luôn sẵn sàng đáp ứng kịp thời đầy đủ phương tiện, hoá chất, thuốc nhân lực cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai; triển khai công tác

[1] Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn có đồng chí La Văn Quyển, kỹ thuật viên xét nghiệm đã mắc Covid-19 và tử vong ngày 11/9/2021 khi đang làm nhiệm vụ tại tỉnh Đồng Nai, là điểm nóng về dịch Covid-19. Sự hy sinh của đồng chí là minh chứng cao đẹp cho tinh thần "vì bệnh nhân, vì cộng đồng", đồng thời tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm cho đội ngũ cán bộ Y tế huyện Văn Bàn trên mặt trận chống dịch.

tiêm chủng đúng tiến độ. Công tác khám, chữa bệnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh được chú trọng. Duy trì 22 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế. Tăng cường, nâng cao công tác kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.

Tổ chức truyền thông giáo dục về dân số và phát triển, hưởng ứng Tháng hành động Quốc gia về Dân số. Duy trì hoạt động cấp phát thuốc Methadone tại cụm xã Minh Lương và Võ Lao. Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19. Thực hiện khám chữa bệnh từ xa với Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản nhi tỉnh.

Bảo đảm an sinh xã hội

Nhằm bảo đảm an sinh xã hội, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025: Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp giảm nghèo, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên tập trung nguồn lực cho xã có tỷ lệ hộ nghèo cao từ 40% trở lên. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào: "Cả nước chung tay vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau". Chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tuyên truyền, động viên, phát huy nội lực, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; tích cực lao động, sản xuất, chủ động thay đổi tư duy sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch số 27-KH/HU của Ban Thường vụ Huyện uỷ về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025, Huyện uỷ chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững và triển khai các dự án thành phần Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế gắn với giải quyết việc làm. Công tác giảm nghèo thực hiện hiệu quả, tỷ lệ giảm nghèo chung toàn huyện năm 2021 giảm 3,5%. Năm 2023, tỷ lệ

giảm nghèo 4,34%, năm 2024 tỷ lệ giảm nghèo 4,04%. Đến năm 2025, có trên 65% số xã (14 xã) có tỷ lệ hộ nghèo đạt chuẩn tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm từ 4% đến 5%; tỷ lệ hộ nghèo đến 31/12/2024 còn 6,97%.

Thực hiện tốt các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là 3 Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với tạo việc làm cho lao động trên địa bàn. Công tác hướng nghiệp, tư vấn, hỗ trợ giải quyết việc làm, nhất là ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đẩy mạnh, từng bước thay đổi tư duy, nhận thức của gia đình, xã hội về hướng nghiệp, học nghề. Cơ cấu lao động nông nghiệp đã chuyển dịch mạnh sang phi nông nghiệp. Thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, huyện đã đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho lao động từ khu vực nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực phi nông nghiệp gắn với công tác giảm nghèo bền vững. Vận động người đi xuất khẩu lao động; tạo điều kiện cho lao động được đào tạo nghề có việc làm. Huyện xây dựng kế hoạch giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025. Năm 2021, giải quyết việc làm mới cho 1.414 người. Năm 2023, giải quyết việc làm cho 1.465 lao động. Năm 2024, giải quyết việc làm cho 1.476 lao động. Cơ cấu lao động nông nghiệp đã chuyển dịch mạnh sang phi nông nghiệp. Đến tháng 5/2025, huyện giải quyết việc làm cho 7.250 lao động.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng. Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người có công và gia đình người có công đảm bảo cơ bản có mức sống ổn định bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân trong cùng địa bàn cư trú. Thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TU của Tỉnh ủy về xoá nhà tạm, nhà dột nát, Huyện uỷ chỉ đạo huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, triển khai các giải pháp, quyết tâm hoàn thành mục tiêu đến 31/5/2025 hoàn thành 816/816 nhà tạm, nhà dột nát trong toàn huyện, đến tháng 1/2025, Huyện uỷ chỉ đạo xóa 592 nhà tạm cho người có công và hộ nghèo.

Chỉ đạo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, các trường hợp khó khăn trên địa bàn. Kịp thời triển khai Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội. Năm 2021, thực hiện điều chỉnh cho 1.809 đối tượng được hưởng theo mức trợ giúp mới. Đề cao trách nhiệm của gia đình và chính quyền, đoàn thể cơ sở trong quản lý, tạo việc làm, tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng xã hội. Chỉ đạo thực hiện kịp thời các chương trình trợ giúp xã hội, các hoạt động hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tiêu biểu, tổng hợp điều tra nhu cầu cai nghiện. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng bị chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; bão số 3 năm 2024 (bão Yagi). Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, huyện triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện. Tổ chức thăm hỏi tặng quà Tết Nguyên đán cho người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống" trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện đồng bộ các chính sách dân tộc gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trong vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Thực hiện chính sách về bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp. Đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội đạt 8,5%, bảo hiểm thất nghiệp đạt 7,4%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 97%. Các chính sách dân tộc phát huy hiệu quả. Đẩy mạnh các biện pháp đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện đa dạng hoạt động công tác xã hội, giáo dục cộng đồng; tăng cường vai trò giáo dục của gia đình đối với

thanh, thiếu niên về tác hại của ma tuý, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác. Đề cao trách nhiệm của gia đình và chính quyền, đoàn thể cơ sở trong quản lý, tạo việc làm, tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng xã hội. Duy trì tỷ lệ 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; tổ chức cai nghiện bằng các hình thức cho người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý. Đổi mới tuyên truyền về phòng chống tảo hôn, giáo dục giới tính, phòng chống xâm hại tình dục trong trường học.

Quốc phòng, an ninh

Trong tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp khó lường, Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của huyện: Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, chủ động đấu tranh, làm thất bại âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Xây dựng và thực hiện quy hoạch thế trận trong khu vực phòng thủ, đảm bảo là căn cứ hậu phương vững chắc của tỉnh; quản lý tốt các công trình quốc phòng; bảo vệ an toàn tuyệt đối các công trình, mục tiêu trọng điểm; xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững mạnh; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang của huyện vững mạnh, toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; quan tâm phát triển nâng cao chất lượng lực lượng dân quân tự vệ. Sẵn sàng xử trí mọi tình huống về an ninh và quốc phòng, không để bị động, bất ngờ. Đẩy mạnh thực hiện Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", kết hợp giữa thế trận an ninh nhân dân với thế trận quốc phòng toàn dân, tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả "thế trận lòng dân" làm nền tảng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành Nghị quyết "*Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng tiềm lực quân sự trong khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn, giai đoạn*

2021-2025"; Nghị quyết *"Đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025".* Chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Không để hình thành tội phạm có tổ chức, triệt phá, xóa các tụ điểm, địa bàn phức tạp về ma túy, tệ nạn xã hội. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông, tăng cường phòng, chống cháy nổ. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc; duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo đúng quy định; thực hiện Nghị định số 03/2020/NĐ-CP và Nghị định số 02/2020/NĐ-CP của Chính phủ trong công tác phối hợp các lực lượng; quản lý, nắm chắc tình hình địa bàn. Tổ chức các đợt luyện tập, diễn tập luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu đảm bảo đầy đủ nội dung và an toàn tuyệt đối. Chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ; diễn tập ứng phó chữa cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn cấp xã. Hàng năm hoàn thành chỉ tiêu bàn giao công dân nhập ngũ, tiếp nhận công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương bảo đảm đúng Luật. Hướng dẫn các cơ sở tổ chức củng cố lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng mô hình điểm dân quân tự vệ. Tổ chức huấn luyện rộng rãi, nâng cao chất lượng hoạt động dân quân tự vệ. Thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 100% các đối tượng. Lực lượng vũ trang huyện được củng cố xây dựng vững mạnh, rộng khắp có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao; luôn là lực lượng tin cậy bảo vệ Đảng, chính quyền, nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, hành trình "Quân đội chung tay vì người nghèo". Huy động trên 2.000 lượt cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả thiên

tai, tìm kiếm cứu nạn. Huyện hoàn thành tổ chức Hội thao Thể dục thể thao quốc phòng và Hội thi bắn súng quân dụng nâng cao Dân quân tự vệ cấp huyện và thành lập đội thi cấp tỉnh; tổ chức Đại hội thi đua quyết thắng giai đoạn 2024-2029. Chỉ đạo quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị; duy trì nghiêm lượng dự trữ hậu cần cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.

Trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, Đảng bộ lãnh đạo phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn. Chỉ đạo kiểm soát, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội; triển khai các chỉ thị, nghị quyết, văn bản chỉ đạo về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; triển khai thực hiện hiệu quả các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm. Chỉ đạo truy quét, đẩy đuổi các đối tượng khai thác vàng trái phép trên địa bàn xã Minh Lương, Nậm Xé. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn một số đối tượng có biểu hiện tuyên truyền đạo trái phép; xử lý nghiêm minh các loại tội phạm giữ vững tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Công tác bắt giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; việc khởi tố, điều tra, truy tố đảm bảo đầy đủ căn cứ, đúng người, đúng tội, không để xảy ra oan, sai, bức cung, nhục hình. Triển khai thực hiện các dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp căn cước công dân. Thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, người nước ngoài cư trú trên địa bàn, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, kiềm chế, giảm tai nạn giao thông và phòng chống cháy nổ. Đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào

toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa bàn cơ sở. Đổi mới trong xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, các tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự.

An ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh quốc gia, phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh mang, bảo vệ bí mật nhà nước được đảm bảo. Đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để hình thành băng nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức; điều tra làm rõ nhiều chuyên án, vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, triệt phá nhiều đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Chất lượng công tác điều tra, xử lý tội phạm được tăng cường và nâng cao, không để oan, sai và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp. Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường; tình hình tai nạn giao thông đã được kiềm chế và có xu hướng giảm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh.

Phòng, chống tham nhũng

Đảng bộ đề ra nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng: Triển khai các nhóm giải pháp thực hiện có hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện hiệu quả việc kiểm kê và kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo, tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thường xuyên đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan khối nội chính đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Từ năm 2021 đến năm 2025, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; công khai, minh bạch trong công tác cán bộ; chỉ đạo thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kê khai tài sản theo quy định. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông và nhân dân trong phòng chống tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng, thiếu trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện hiệu quả. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra nhằm phòng ngừa sai phạm và phát hiện, xử lý kịp thời các sai phạm. Chỉ đạo thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc, không xảy ra hành vi tham nhũng trên địa bàn huyện.

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Trong Chương trình công tác toàn khoá, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ và giải pháp: Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn của huyện. Thường xuyên quán triệt sâu sắc đến cán bộ, đảng viên những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng. Chủ động dự báo nắm chắc tình hình, dư luận xã hội; kịp thời định hướng thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân

dân. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Xây dựng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành đề án *"Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025"*; Nghị quyết "Tiếp tục đổi mới công tác tư tưởng chính trị, tuyên truyền vận động trên địa bàn huyện Văn Bàn, giai đoạn 2020-2025". Đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 huyện trong việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 23/10/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Thực hiện việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng gắn với tổng kết thực tiễn. Nâng cao chất lượng ban hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Chú trọng đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của Trung tâm chính trị huyện.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai quán triệt học tập các Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 01/12/2021 và Kết luận số 21-KL/TW, của BCH TW Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi xử lý nghiêm cán bộ đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện ổn định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Các chi,

đảng bộ trực thuộc nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đảng các cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các chỉ thị, nghị quyết góp phần nâng cao trình độ nhận thức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, đồng thuận trong xã hội.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ, hàng năm huyện thực hiện các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả công tác lý luận chính trị; công tác bồi dưỡng, nâng cao lý tưởng cách mạng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được thực hiện thường xuyên. Huyện tổ chức thành công Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi (có 01 thí sinh đạt giải Ba toàn quốc). Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng; các hoạt động tuyên truyền được triển khai đồng bộ từ huyện đến cơ sở.

Việc nghiên cứu, biên soạn tuyên truyền giáo dục lịch sử Đảng giai đoạn 2021-2025 được các cấp ủy quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. 22/22 đảng bộ xã đã hoàn thành việc nghiên cứu, biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng bộ cơ sở, 10 cơ quan đơn vị biên soạn truyền thống ngành. 100% đơn vị hoàn thành biên soạn tài liệu rút gọn phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Năm 2024 Văn Bàn là huyện đầu tiên trong toàn tỉnh chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức thành công hội thi tìm hiểu lịch sử Đảng bộ huyện và lịch sử Đảng bộ cơ sở trong khối trường học thu hút 100% học sinh các trường học tham gia. Lần đầu tiên trong lịch sử tham gia các Hội thi về lý luận chính trị, Văn Bàn có thí sinh đạt giải nhất cấp tỉnh, giải ba toàn quốc.

Chỉ đạo tổ chức công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương. Theo đó, các hoạt động tuyên truyền được triển khai đồng bộ từ huyện đến cơ sở. Huyện ủy ban hành 02 Nghị quyết chuyên đề về công tác tuyên giáo để định hướng, chỉ đạo xuyên suốt

cho cả nhiệm kỳ 2020-2025. Chỉ đạo phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở, đội ngũ báo cáo viên; quản lý, sử dụng có hiệu quả báo, tạp chí của Đảng. Xây dựng cơ chế quản lý, đánh giá, thẩm định tin bài của cộng tác viên gửi đến ban biên tập định kỳ nhằm nâng cao chất lượng tin, bài trên trang fanpage "Gia Lan huyền thoại". Nắm bắt tình hình dư luận xã hội, kịp thời định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực. Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo 35 trong công tác đấu tranh phản bác lại các thông tin sai trái, thù địch trên các trang mạng xã hội, phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ, xử lý tin giả, thông tin xấu độc và các nguồn phát tán trên Internet, mạng xã hội, đồng thời đăng tải, chia sẻ, lan tỏa những thông tin tích cực góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Công tác tuyên vận được thực hiện và duy trì đảm bảo góp phần nâng cao trình độ nhận thức, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Hàng năm, thực hiện đổi mới việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng theo hướng gắn với thực tiễn.

Việc học tập, làm theo và nêu gương theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nhiều đổi mới, sáng tạo và đi vào nền nếp. Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo đồng bộ, thống nhất trong việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016, Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị, Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, làm cho nội dung học tập và làm theo Bác trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị và đảng viên. Nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức được gắn kết chặt chẽ giữa yêu cầu học và làm theo Bác với thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW, Quy định số 37-QĐ/TW tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Kết quả học tập và làm theo Bác đã tạo sức lan tỏa sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời

sống xã hội, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhiều mô hình mới, cách làm sáng tạo, gương điển hình trên các lĩnh vực được phát hiện, biểu dương, nhân rộng kịp thời. Trong 5 năm, toàn huyện có 79 lượt tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng; 1.325 lượt mô hình, tập thể, cá nhân được ghi danh theo quy định.

Nhằm phát huy vai trò của các tổ chức Đảng trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đại hội Đảng bộ huyện đề ra nhiệm vụ: Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức bộ máy, cán bộ. Hoàn thiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện các văn bản của của Trung ương, của Tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Thực hiện quy hoạch, đào tạo, đánh giá, sàng lọc, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, trình độ và phẩm chất. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trách nhiệm, tiền phong, gương mẫu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng các cấp. Đổi mới sinh hoạt chi bộ, quản lý đảng viên gắn với nâng cao chất lượng đảng viên. Coi trọng phát triển đảng viên về chất lượng, phát triển đảng viên tại chỗ ở các thôn, tổ dân phố. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, coi trọng đào tạo gắn với sử dụng, luân chuyển cán bộ; quan tâm đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ, chống lạm chức, lạm quyền và chạy chức, chạy quyền, ngăn chặn những tiêu cực trong công tác cán bộ. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thực hiện chặt chẽ quy trình thẩm định lý lịch phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý; giới thiệu ứng cử để bầu vào các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác tổ chức xây dựng Đảng và bộ máy tổ chức các cơ sở

Đảng trong toàn huyện. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở; tổ chức rà soát quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, xã, các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện. Chỉ đạo tổ chức thành công Hội thảo về mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của thôn, tổ dân phố tại 06 cụm xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Hoạt động nổi bật trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ là luân phiên thực hiện điểm về mô hình nghiệp vụ công tác Đảng ở các chi bộ dưới cơ sở nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; củng cố và nắm chắc hồ sơ nghiệp vụ công tác Đảng để các chi bộ trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Đưa các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cấp ủy chi bộ dưới cơ sở về các cụm xã. Việc tổ chức bồi dưỡng đến cụm xã, xã sẽ giúp cho 100% chi ủy chi bộ, các đồng chí chi ủy viên được bồi dưỡng nghiệp vụ, tiết kiệm kinh phí đi lại cho cấp ủy cơ sở. Thực hiện số hóa hồ sơ cán bộ lãnh đạo quản lý diện Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý đem lại hiệu quả trong quản lý hồ sơ, tra cứu thông tin cán bộ; cán bộ không phải làm lại hồ sơ, phô tô văn bằng, chứng chỉ.

Trong năm 2023, tập thể Ban Thường vụ đã tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo hướng về cơ sở. Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy đã tổ chức 16 cuộc làm việc với Đảng bộ cơ sở 01 cuộc làm việc với Đảng bộ Kinh tế - Tài chính; tổ chức 15 cuộc làm việc của Thường trực với các Ban Chỉ đạo, UBND huyện xem xét và cho ý kiến theo thẩm quyền để kịp thời đánh giá, nhận định tình hình, dự báo, rà soát các nhiệm vụ, có hướng lãnh, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023 và giai đoạn 2023-2025 của các địa phương, đơn vị. Định hướng, giao nhiệm vụ cho các cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, UBND huyện lựa chọn 20 nội dung đổi mới hướng về cơ sở mang lại hiệu quả thiết thực trong các lĩnh vực

góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở.

Đặc biệt, Ban Thường vụ Huyện uỷ xây dựng kế hoạch về phát triển đảng viên, đoàn viên; tổ chức Đảng, đoàn thể trong đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Đến tháng 5/2025, thành lập 1 chi đoàn, 2 tổ chức công đoàn, 3 chi bộ Đảng trong đơn vị kinh tế tư nhân. Đồng thời, kiện toàn sắp xếp lại hoạt động của các tổ chức đảng khối cơ quan, thực hiện chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy trong hệ thống chính trị.

Chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý. Theo đó, huyện rà soát, sắp xếp ổn định đội ngũ cán bộ, công chức; đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phù hợp với tình hình địa phương, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp xã, huyện đạt chuẩn. Tiếp tục nâng cao hiệu quả mô hình đưa Công an chính quy về làm Trưởng, Phó Công an và công an viên trên địa bàn các xã, thị trấn; thường xuyên rà soát, sắp xếp ổn định đội ngũ cán bộ, công chức.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, hợp đồng đảm bảo hợp lý, đúng quy định, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ. Các khâu của công tác cán bộ được kiểm soát chặt chẽ theo đúng Luật và theo Quy định số 205-QD/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị đảm bảo dân chủ, minh bạch, công tâm, khách quan. Chỉ đạo hướng dẫn kiểm điểm đánh giá phân xếp loại tổ chức Đảng và đảng viên theo quy định. Chỉ đạo thực hiện việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW. Lãnh đạo duy trì mô hình nghiệp vụ công tác đảng; nâng cao chất lượng nghiệp vụ công tác đảng đối với các chi, đảng bộ. Thực hiện đảm bảo các quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ". Làm tốt công tác tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, công tác phát triển đảng viên, quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ cho đảng viên. Rà soát, sàng

lọc những người vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, không còn đủ uy tín ra khỏi Đảng. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ, ngăn chặn những tiêu cực trong công tác cán bộ.

Công tác phát triển Đảng được quan tâm, chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Việc trao tặng Huy hiệu Đảng được thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ Đảng. Năm 2021, có 58 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy và 342 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở; toàn huyện có 6.132 đảng viên. Năm 2022, thực hiện giải thể, sáp nhập các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy từ 58 tổ chức cơ sở Đảng xuống còn 35 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy. Từ năm 2021 đến năm 2025, toàn huyện kết nạp mới 1.202 đảng viên; tính đến 15/4/2025, toàn huyện có 6.550 đảng viên; 29 Đảng bộ, 28 chi bộ trực thuộc Huyện uỷ; 365 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Huyện ủy đã tổ chức quán triệt và ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong các bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức triển khai thực hiện, theo đó từ khi triển khai nghị quyết đến nay đã sáp nhập, thành lập các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ gồm: Sáp nhập Đài TT-TH và Trung tâm VH-TT&TT thành Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện; Sáp nhập Nhà thiếu nhi huyện Văn Bàn vào Trung tâm VH-TT huyện để thành Trung tâm VHTT - Thanh thiếu nhi huyện; sáp nhập Phòng Nội vụ với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành Phòng Nội vụ; hợp nhất Ban Tuyên giáo Huyện ủy với Ban Dân vận Huyện ủy thành Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy; sáp nhập Ban quản lý đầu tư xây dựng cơ bản với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; sáp nhập Trung tâm dạy nghề với Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện; sáp

nhập xã Văn Sơn vào xã Võ Lao, giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã. Thực hiện ghép thôn, tổ dân phố từ 242 thôn, tổ dân phố xuống còn 193 thôn, tổ dân phố; Sáp nhập giảm 06 đơn vị trường tiểu học. Chuyển giao Trạm Thú y từ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp về chi cục chăn nuôi thú y thuộc Sở Nông nghiệp. Giải thể Ban Quản lý chợ huyện Văn Bàn. Thông qua việc giải thể, sáp nhập các cơ quan, đơn vị đã góp phần tinh giản đầu mối, giảm biên chế và tiết kiệm chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị, giảm chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tăng cường lãnh đạo về công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ các cấp; quán triệt, tổ chức học tập, bồi dưỡng tạo chuyển biến, nâng cao nhận thức của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp và cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đảm bảo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, sát tình hình thực tiễn và gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện lãnh đạo về công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ cơ sở; thống nhất công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với hoạt động thanh tra của Nhà nước. Chú trọng việc giám sát thường xuyên, nắm chắc tình hình, chủ động phát hiện, tổ chức kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kịp thời phát hiện, động viên khen thưởng những nhân tố mới, phát huy sự năng động, sáng tạo của tổ chức đảng, đảng viên trong công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp; thường xuyên củng cố, kiện toàn Ủy ban kiểm tra các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm quy định về tiếp nhận, xử lý giải quyết các kiến nghị, phản ánh và khiếu nại, tố cáo.

Hàng năm, các cấp uỷ xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát đảm bảo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đúng theo các quy định của Điều lệ Đảng và các hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tập trung

kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, chú trọng kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm như công tác cán bộ, tài chính, tài sản, quản lý tài nguyên, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, đất đai. Củng cố, kiện toàn kịp thời ủy ban kiểm tra các cấp đảm bảo số lượng, cơ cấu, thành phần, chuyên môn theo đúng quy định của Đảng. Phối hợp chặt chẽ giữa HĐND, UBND, UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị tránh chồng chéo, trùng lặp. Đổi mới trong công tác kiểm tra, giám sát: chia cụm để tổ chức kiểm tra, mỗi cụm lựa chọn 01 đơn vị kiểm tra điểm, các đơn vị trong cụm cùng dự và rút kinh nghiệm.

Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai đồng bộ từ huyện đến cơ sở được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Huyện uỷ chỉ đạo cụ thể hóa Đề án 16-KH/TU của Tỉnh ủy bằng 06 kế hoạch triển khai thực hiện của cấp ủy huyện; tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của BCH Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của BCH Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Qua công tác kiểm tra, giám sát đã xem xét kết luận và xử lý kỷ luật kịp thời các trường hợp tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở. Nghiêm túc thực hiện các quyết định, kết luận kiểm tra, giám sát, quyết định thi hành kỷ luật.

Trong công tác vận động quần chúng, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ,

phát huy dân chủ trong Đảng, trong xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác dân vận. Phát huy hiệu quả vai trò của đội ngũ "tuyên vận" ở cơ sở trong công tác dân vận. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội, trước hết là của cấp ủy đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội về phát huy vai trò to lớn của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền, cụ thể hoá các chương trình, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao hằng năm thành các nội dung cụ thể để triển khai tới các cấp, các ngành, chủ động tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đạt hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "Dân vận khéo" gắn với các phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường nắm bắt cơ sở, thực hiện hoạt động tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu các cấp với nhân dân, cán bộ, đảng viên. Công tác dân vận tiếp tục được các cấp ủy quan tâm, thực hiện. Tiếp tục chỉ đạo việc nắm chắc tình hình tư tưởng nhân dân, tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn đặc biệt là tình hình nhân dân trước, trong và sau Đại hội XIII của Đảng; cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, những ngày lễ lớn của đất nước. Triển khai thực hiện Quy định 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và Quy chế số 17-QC/TU ngày 04/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Triển khai thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh kiến nghị của nhân dân; kịp thời thăm hỏi, động viên, hỗ trợ ổn định cuộc sống của người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn thương tích. Gắn với công tác dân vận tiếp tục được các cấp ủy quan tâm, thực hiện đổi mới cả về nội dung, phương thức theo hướng gần dân, sát cơ sở. Năm 2023, các hoạt động dân vận trong xây dựng nông thôn mới tại xã Sơn Thủy, Nậm Chày,

Nậm Xây, Nậm Tha các hoạt động dân vận tại cơ sở đã huy động nguồn lực tham gia tu bảo dưỡng 440 km đường giao thông, 72 km kênh mương, làm mới 1.276 nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh, 2.493 hố thu gom rác, 710 chuồng nuôi nhốt gia súc, cứng hóa 117 nền nhà... hỗ trợ làm mới, sửa chữa làm mới 399 "Nhà đại đoàn kết" trị giá hơn 6 tỷ đồng.

Quy chế dân chủ từ huyện đến cơ sở đi vào hoạt động có nề nếp, người đứng đầu các chi, đảng bộ; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, lực lượng vũ trang thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở tổ chức, đơn vị mình. Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền quan tâm chăm lo đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động dân vận hướng về cơ sở (tại xã Sơn Thủy, Nậm Xây) phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Duy trì và phát huy hiệu quả mô hình "Dân vận khéo" bảo đảm có sự đồng bộ, thống nhất, có chiều sâu mang lại hiệu quả cao trong quá trình tổ chức và thực hiện mô hình.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội huyện bám sát tình hình thực tế và nhiệm vụ chính trị tại địa phương tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phát huy khối đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; tuyên truyền thu hoạch và gieo trồng đúng thời vụ; đẩy mạnh trồng rừng và tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đói rét cho vật nuôi, cây trồng. Vận động nhân dân đăng ký, cài đặt, kích hoạt và sử dụng định danh điện tử mức độ 2 VNeID. Thực hiện, nhân rộng các mô hình, điển hình "dân vận khéo"; cải tạo tập quán lạc hậu; cải tạo không gian sinh hoạt trong đồng bào DTTS; tổ chức các hoạt động chăm sóc đoàn viên, hội viên có hoàn cảnh khó khăn dịp lễ, tết... Vai trò của

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua, nhất là cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"* ngày càng được khẳng định.

Công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới về nội dung và phương pháp; góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Ban Chấp hành Đảng bộ ban hành đề án "Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Văn Bàn, giai đoạn 2021-2025". Tập trung lãnh đạo mọi hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội hướng về cơ sở với phương châm "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân", thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

Tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của hệ thống chính trị trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố sự đồng thuận trong nhân dân; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đề ra. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng phù hợp với yêu cầu mới, đẩy mạnh chương trình phối hợp và thống nhất với các hội thành viên, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức, tín đồ và chức sắc các tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết các dân tộc, cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng lấy dân làm "gốc", nâng cao đạo đức công vụ, có trách nhiệm với nhân dân. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, kiên quyết chống biểu hiện dân chủ cực đoan, hình thức; xây dựng, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền. Tuyên truyền vận động nhân dân phát huy nội lực, sáng tạo trong lao động sản xuất, tinh thần tự lực, khát vọng vươn lên làm giàu, phấn đấu để Văn Bàn là huyện phát triển khá của tỉnh Lào Cai. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức tốt các hội nghị hiệp thương về cơ cấu, số lượng, thành phần và giới thiệu đại biểu ứng cử HĐND cấp huyện, cấp tỉnh đảm bảo đúng quy định. Hằng năm, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại. Chỉ đạo tổ chức thành công đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ; Đại hội Hội chữ Thập đỏ, Đại hội Hội người cao tuổi các cấp, Đại hội Hội Cựu chiến binh, Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đại hội Hội Nông dân và Liên đoàn Lao động, Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp. Chỉ đạo tổ chức thành công Ngày hội Đại Đoàn kết toàn dân tộc điểm cấp tỉnh, Trung ương tại xã Khánh Yên Thượng; tổ chức thành công Hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở tổ chức hội nghị đối thoại với đoàn viên, hội viên và các hoạt động kiểm tra, giám sát theo kế hoạch; phối hợp tặng quà cho tân binh lên đường nhập ngũ. Tổ chức hội nghị tổng kết 20 năm ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc giai đoạn 2003-2023. Tiếp tục duy trì, phát huy vai trò tích cực của già làng, trưởng bản, người uy tín trong việc tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách dân tộc, quy định của pháp luật về tôn giáo đối với đồng bào các dân tộc trên địa bàn.

Đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia ý kiến vào Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Chung sức xây dựng Nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh; đẩy mạnh trồng rừng và tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng.

Trong công tác xây dựng chính quyền, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ và giải pháp xây dựng chính quyền nhiệm kỳ 2021-2025: Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu lực điều hành, quản lý nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Chú trọng về chất lượng hoạt động, năng lực, kỹ năng hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, nhất là ở cấp xã, phát huy hiệu quả vai trò của đại biểu trong việc tham gia giải quyết các vấn đề quan trọng của địa phương. Tăng cường hoạt động giám sát, tái giám sát, lựa chọn nội dung giám sát phù hợp, trọng tâm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Tăng cường xem xét, giám sát việc giải quyết các ý kiến kiến nghị của cử tri, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, cơ cấu phù hợp theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời đảm bảo cân đối tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ; chú trọng củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã, thôn, tổ dân phố nhất là đội ngũ cán bộ chuyên môn. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc

hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Thực hiện nghiêm Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp. Tăng cường năng lực giám sát của các cơ quan dân cử. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả các kiến nghị chính đáng và các khiếu nại, tố cáo của công dân.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện thực hiện chương trình, kế hoạch hàng năm. Trong năm 2021, Hội đồng nhân dân huyện đã phối hợp với UBMTTQVN huyện chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026; chỉ đạo tổ chức thành công kỳ họp tổng kết hoạt động Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 tại 22 xã, thị trấn và tổng kết Hội đồng nhân dân huyện. Tổ chức phiên họp giao ban hàng tháng, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, thông qua nhiều Nghị quyết. Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp HĐND. Tiếp nhận đơn tố cáo của công dân và giải quyết theo quy định. Tổ chức Hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm hoạt động Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã lần thứ và tập huấn đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác đảm bảo đúng quy định.

Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, hướng dẫn hoạt động đối với HĐND, UBND cấp xã thực hiện theo đúng luật định. UBND tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn hàng năm và đánh giá, xếp loại chất lượng Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện. Quyết định đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với Phó Chủ tịch UBND huyện; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; Quyết định đánh giá, xếp loại Chính quyền cơ sở cấp xã, đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo thực hiện

công tác quản lý địa giới hành chính. Chỉ đạo chi trả đầy đủ, kịp thời, đúng quy định chế độ chính sách của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn tại các xã, thị trấn.

Hội đồng nhân dân huyện bám sát chương trình hoạt động, chương trình giám sát, khảo sát hàng năm; thực hiện đổi mới hoạt động giám sát. Thực hiện đúng quy chế làm việc; làm tốt, phối hợp làm tốt công tác tiếp xúc cử tri, phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân với Quốc hội và các cơ quan nhà nước. Phối hợp tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động HĐND 2 cấp tỉnh, huyện lần thứ ba nhiệm kỳ 2021-2026 tại huyện Văn Bàn. Tổ chức thành công Hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm hoạt động HĐND 2 cấp huyện, xã lần thứ tư, thứ năm nhiệm kỳ 2021-2026 tại xã Nậm Chày và Nậm Tha. Thực hiện tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định. Tổ chức tập huấn cho đại biểu HĐND huyện, xã. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND huyện tại một số tỉnh miền Trung. Thực hiện tốt công tác phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp. Công tác phối Công tác phối hợp với UBND, UBMTTQVN được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới và nâng cao. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tiếp tục được đổi mới và nâng cao, làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường. Công tác giám sát được tăng cường, nội dung giám sát phù hợp có trọng tâm, trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Thực hiện tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ lãnh đạo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được

đổi mới và nâng cao. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tiếp tục được đổi mới, chất lượng nâng cao; làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Trong nhiệm kỳ, HĐND huyện đã ban hành nhiều Nghị quyết; tổ chức thành công các kỳ họp. Xem xét, cho ý kiến các văn bản, tờ trình của UBND huyện trình về các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Công tác giám sát được tăng cường, nội dung giám sát phù hợp có trọng tâm, trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Thực hiện tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu bảo đảm khách quan và hiệu quả.

Năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ sở được nâng lên; phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn; thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

Thực hiện cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị. Rà soát, bổ sung thủ tục hành chính của các cơ quan khối Đảng, đoàn thể. Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ nhân dân. Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, quản lý biên chế theo vị trí việc làm. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi công vụ. Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức các cấp thường xuyên sử dụng các

hệ thống thông tin dùng chung của huyện trong trao đổi công việc, quản lý, điều hành và tác nghiệp trên môi trường mạng.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 28-KH/HU về cải cách hành chính trên địa bàn huyện Văn Bàn giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan đảng, đoàn thể đồng bộ với các cơ quan nhà nước, gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị; chú trọng đổi mới việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, rà soát, bổ sung thủ tục hành chính của các cơ quan khối Đảng, đoàn thể. Duy trì các thứ bậc cao và cải thiện vị trí thấp đối với Chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) giai đoạn 2020-2025.

Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong cơ quan Đảng, hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng chính quyền điện tử, đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030. Triển khai Quyết định số 27-QĐ/TW ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025; xây dựng Chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; tập trung triển khai về phát triển nền tảng cho chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số. Triển khai ứng dụng chương trình họp không giấy tờ đối với các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giao ban định kỳ. Quá trình thực hiện các thủ tục hành chính đáp ứng được trên 95% sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến được tỉnh đánh giá nằm trong tốp đầu của tỉnh. Tổ chức rà soát, bổ sung hoàn thiện bộ thủ tục hành chính khối Đảng, đoàn thể. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, triển khai các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp.

Hàng năm chỉ đạo xây dựng các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Chỉ đạo công nhận kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn. Chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh

khen thưởng cho các tập thể có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua "Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai" năm 2021 cho 02 đơn vị. Đến năm 2023, tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn huyện đạt 100%. Đẩy mạnh triển khai đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm; tổ chức ký kết hợp tác giữa Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai với BCĐ Chuyển đổi số huyện Văn Bàn trong lĩnh vực thông tin, truyền thông, chuyển đổi số.

Với mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ - chuyên nghiệp - hiện đại - tinh gọn - hiệu lực - hiệu quả, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo của nền hành chính, huyện đã thực hiện cải cách hành chính đồng bộ trong cả hệ thống chính trị gắn với chuyển đổi số. Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, hạ tầng viễn thông trên địa bàn huyện đảm bảo các thôn, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng di động 3G, 4G; thôn, tổ dân phố có hạ tầng cáp quang phục vụ truy cập Internet; các cơ quan nhà nước từ huyện đến xã có mạng nội bộ và được kết nối mạng diện rộng, kết nối Internet. Hồ sơ công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

Trong 5 năm (2021-2025) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, ngành Tỉnh quan tâm ủng hộ, giúp đỡ, Đảng bộ huyện đã triển khai cụ thể, sáng tạo nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế địa phương; xác định đúng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Với tinh thần "Đoàn kết - Dân chủ - Đổi mới - Phát triển", Huyện ủy ban hành và triển khai nhiều nghị quyết, đề án quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng cụ thể hóa với 08 đề án, 04 nghị quyết và 05 kế hoạch trọng tâm. Đây là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, bảo đảm quốc phòng an ninh. Trong nhiệm kỳ có 3 năm liên tiếp Đảng

bộ, chính quyền huyện Văn Bàn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những kết quả đạt được là sự chuyển biến nhanh, toàn diện, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đổi mới công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát hướng về cơ sở. Đảng bộ huyện Văn Bàn chỉ đạo thực hiện "mô hình nghiệp vụ công tác Đảng" ở các chi, đảng bộ trực thuộc. Hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội gắn với công tác dân vận đổi mới cả về nội dung, phương thức theo hướng gần dân, sát cơ sở. HĐND ban hành nhiều quyết sách kịp thời sát thực tiễn, giải quyết các vấn đề lớn của địa phương. Những chủ trương, quyết sách của Đảng bộ và chính quyền tác động sâu rộng đến kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân. Nhờ đó kinh tế huyện Văn Bàn đã có những bứt phá trong khó khăn, tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Thu NSNN tăng bình quân cao nằm trong tốp đầu của tỉnh; huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa; hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới nhanh. Hệ thống giao thông và sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp. Công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư các dự án được triển khai đồng bộ. Lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến toàn diện, vững chắc. Công tác giảm nghèo đạt kết quả vượt bậc, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát huy động được nhiều nguồn lực tham gia, đẩy nhanh tiến độ. Nhờ quan tâm, triển khai đồng bộ trên tất cả lĩnh vực, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên đáng kể. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm, các vụ việc phạm pháp hình sự, vụ án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, ngăn chặn kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự tại địa phương. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường. Thực hiện tinh gọn bộ máy, Huyện ủy Văn Bàn tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện kịp thời các kết luận, nghị quyết của trung

ương. Tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ đảng viên và nhân dân. Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy từ huyện đến cơ sở tinh gọn, công tác cán bộ có chuyển biến tích cực đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*

* *

Từ năm 2015 đến năm 2025, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân huyện thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, XXI trong điều kiện tình hình thế giới có nhiều biến động; đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới thu được nhiều thành tựu, vị thế của đất nước ngày càng được nâng cao song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Tỉnh Lào Cai phát triển nhanh, toàn diện, trở thành tỉnh phát triển của vùng trung du và miền núi phía bắc, nhưng hạn chế và khó khăn còn không ít. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã đoàn kết, phát huy dân chủ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, lãnh đạo huyện Văn Bàn từng bước trở thành huyện phát triển khá của tỉnh. Trong 10 năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn lần thứ XX, XXI, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết nhằm tổ chức thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ, những vấn đề trọng tâm trên các lĩnh vực mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra; tạo sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang, các cơ quan đơn vị, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện 4 Chương trình với 13 đề án, 5 kế hoạch của BCH Đảng bộ huyện để tăng cường chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị đã đề ra. Trong nhiệm kỳ 2021-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện 08 Đề án, 04 Nghị quyết, 05 Kế hoạch trọng tâm của Ban Chấp

hành Đảng bộ huyện khóa XXI để đạt được mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra. Đảng bộ huyện căn cứ vào thực tiễn địa phương, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch trọng tâm của tỉnh, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đảng bộ huyện bám sát các chủ trương, chỉ đạo của tỉnh, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai các nhiệm vụ công tác hàng năm linh hoạt, chủ động, sáng tạo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn cần cù, sáng tạo, đoàn kết, chung sức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tăng trưởng kinh tế tăng nhanh; GRDP bình quân đầu người tăng cao; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tích cực: tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm, công nghiệp và xây dựng tăng. Phát triển nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn là trọng tâm trong phát triển kinh tế, trong đó cơ cấu lại theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp dân cư nông thôn được thực hiện hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, đẩy mạnh liên kết, sản xuất hàng hoá; cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng trồng trọt. Phát triển chăn nuôi bền vững theo hướng hàng hóa. Phát triển chăn nuôi thuỷ sản tại các xã Võ Lao, Nậm Dạng, đưa một số giống thủy sản có chất lượng, giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ gắn với khai thác có hiệu quả giá trị kinh tế của tài nguyên rừng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị; tạo được sự đồng thuận lớn trong nhân dân, đời sống của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt. Xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp dân cư nông thôn, trong đó phát triển kinh tế nông nghiệp,

nâng cao thu nhập cho người dân. Công nghiệp, xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Kết cấu hạ tầng, đô thị, thiết chế văn hoá, thể thao; cơ sở vật chất giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Trung tâm hành chính mới của huyện được hoàn thành, các xã đều có nhà văn hoá xã. Du lịch, dịch vụ phát triển, tạo nhiều việc làm, thu nhập cho nhân dân và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế huyện. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt kết quả cao. Thu ngân sách nhà nước tăng cao. Phân cấp về quản lý tài chính, ngân sách được đẩy mạnh. Hoạt động tín dụng đã bám sát nhiệm vụ chính trị. Các thành phần kinh tế phát triển ổn định, sản xuất kinh doanh hiệu quả. Hệ thống hợp tác xã được sắp xếp, củng cố nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện đã có bước phát triển mạnh và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Hạ tầng số, hạ tầng viễn thông có bước phát triển đột phá, phủ sóng di động đến trung tâm các xã; trung tâm thôn, tổ dân phố. Hạ tầng công nghệ thông tin các cơ quan trong hệ thống chính trị được đầu tư, nâng cấp. Một số cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung được triển. Phát triển văn hóa được chú trọng; giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc của các dân tộc Văn Bàn được gìn giữ, phát huy. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở được quan tâm đầu tư phát triển và hoạt động hiệu quả. Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, ấm no Hoạt động thể thao được quan tâm, các môn thể thao dân tộc được chú trọng; phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì. Giảm nghèo, giải quyết việc làm có nhiều chuyển biến tích cực. Cơ cấu lao động nông nghiệp đã chuyển dịch mạnh sang phi nông nghiệp. Các chính sách ưu đãi đối với người có công;

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; dân tộc; trợ giúp xã hội được giải quyết kịp thời. Công tác dân số, bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân được nâng lên. Phát triển hệ thống y tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư. Quốc phòng được tăng cường, củng cố vững chắc. An ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường; tình hình tai nạn giao thông đã được kiềm chế và có xu hướng giảm. Hoạt động của UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc được củng cố. Công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai. Dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm; ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh toàn dân được khơi dậy mạnh mẽ. Bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội với phương châm "không ai bị bỏ lại phía sau". Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới. Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ sở được nâng lên; cải cách hành chính được tăng cường; phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn; thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính trong hệ thống chính trị, cải cách tư pháp, đổi mới hoạt động các cơ quan khối nội chính. Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng cao. Hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc gắn với trách nhiệm của cấp ủy Đảng và người đứng đầu. Phòng chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện

quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu. Phương châm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Công tác xây dựng Đảng được thực hiện toàn diện đạt kết quả tích cực. Công tác tư tưởng chính trị được chú trọng đổi mới, sát thực tiễn, phát huy hiệu quả. Niềm tin của nhân dân vào đường lối, vai trò lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được củng cố và tăng cường. Công tác nghiên cứu, biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng và giáo dục truyền thống đạt kết quả tích cực. Việc học tập, làm theo theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nhiều đổi mới, sáng tạo và đi vào nền nếp, trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị và đảng viên. Việc thực hiện đổi mới, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đạt được kết quả quan trọng, phù hợp với yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới. Công tác quy hoạch, tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và chính sách cán bộ được thực hiện đồng bộ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đem lại hiệu quả thiết thực, phương pháp kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới. Công tác dân vận đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động. Mở rộng đối thoại, công khai, dân chủ nhất các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến người dân. Công tác tuyên vận tiếp tục được triển khai thực hiện nền nếp, hiệu quả ở các xã, thị trấn, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua, xây dựng nông thôn mới.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, nhưng nền kinh tế và mọi mặt xã hội của huyện vẫn còn hạn chế, khó khăn. Kinh tế phát triển chưa t tương xứng với tiềm năng. Quy mô sản xuất còn nhỏ, sản phẩm chủ lực của địa phương ít, giá trị thấp, liên kết sản xuất chưa bền vững. Hệ thống chợ, dịch vụ thương mại khu vực nông thôn phát triển chưa mạnh. Ô nhiễm môi trường vẫn xảy ra, chưa được khắc

phục triệt để. Chất lượng giáo dục còn có sự chênh lệch giữa các vùng, các trường, chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hoạt động khoa học công nghệ chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Một số tập quán lạc hậu trong nhân dân chậm được khắc phục, thiết chế văn hóa, thể thao ở một số cơ sở còn thiếu. Phong trào thể thao quần chúng, chưa rộng khắp. Hệ thống truyền thanh một số xã xuống cấp. Giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ cận nghèo cao, tiềm ẩn tái nghèo lớn. Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, có khoảng cách lớn giữa mức sống của người dân nông thôn vùng cao so với vùng thấp. Công tác phát hiện, đấu tranh với một số loại tội phạm hình sự, kinh tế, tham nhũng, tội phạm sử dụng công nghệ cao kết quả còn hạn chế. Công tác phối hợp Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền có nội dung chưa thường xuyên, hiệu quả. Cải cách hành chính chưa đồng bộ.

KẾT LUẬN

Văn Bàn là một huyện miền núi vùng cao, trước đây thuộc tỉnh Yên Bái. Từ năm 1976, hợp nhất tỉnh, huyện Văn Bàn thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn. Từ năm 1991 tách tỉnh đến nay, huyện Văn Bàn thuộc tỉnh Lào Cai. Là huyện có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, là khu vực phòng thủ của tỉnh Lào Cai. Mặc dù vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên mang tính chất đặc thù của khu vực miền núi song Văn Bàn có rất nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển sản xuất Nông - Lâm nghiệp, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Dịch vụ. Nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất. Huyện có hệ thống đường giao thông huyết mạch là quốc lộ 279 và tỉnh lộ 151 nối liền trung tâm huyện với trung tâm tỉnh lỵ Lào Cai và tỉnh Yên Bái, Lai Châu. Đặc biệt có đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi qua địa phận của huyện. Đất đai màu mỡ, tài nguyên khoáng sản rất đa dạng và phong phú. Trên địa bàn huyện có một số mỏ khoáng sản có trữ lượng và giá trị rất lớn như mỏ vàng Minh Lương, Nậm Xây. Mạng lưới sông, suối có độ chênh cao là tiềm năng cho việc xây dựng các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ, xây dựng các công trình thuỷ lợi phục vụ, cung cấp nước tưới cho nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân. Văn Bàn là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng, có khu di tích lịch sử Pú Gia Lan, khu du lịch tâm linh Đền Ken, Đền Cô Tân An, với nền văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc, nơi hội tụ các sắc màu văn hóa của 11 dân tộc đang cùng nhau gắn bó chung sức xây dựng bản làng, xây dựng cuộc sống mới, tạo thành một nền văn hoá phong phú, đầy bản sắc.

Trước năm 1991, Văn Bàn là một trong những địa bàn khó khăn nhất của tỉnh Yên Bái. Văn Bàn xa trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lại có nhiều thành phần dân tộc. Các dân tộc

ít người cư trú rải rác trên các triền núi cao, đời sống nghèo đói, còn tập quán du canh du cư. Nền kinh tế ở địa phương mang nặng tính tự cấp, tự túc đã hàng nghìn năm. Tập tục và các tệ nạn xã hội cũ còn nặng nề trong việc tổ chức cưới xin, ma chay, mê tín dị đoan, nghiện hút, cờ bạc, nạn mù chữ.

Những khó khăn trên đã bị thực dân Pháp triệt để khai thác, thực hiện âm mưu "chia để trị" nhằm biến Văn Bàn thành bàn đạp đàn áp cách mạng các nơi khác. Trước khi có Đảng Cộng sản, nhân dân các dân tộc trong huyện Văn Bàn đã phát huy truyền thống yêu nước sẵn có, không chịu cam tâm làm nô lệ. Trong nhiều thời kỳ, nhân dân đã không ngừng vùng dậy đấu tranh nhưng không tự giải phóng mình được. Từ Cách mạng tháng Tám giải tán chính quyền phong kiến tay sai của thực dân Pháp, đặc biệt là từ khi thành lập (1947) đến năm 1954, Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo, cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang huyện Văn Bàn đã chiến đấu anh dũng kiên cường và lao động sáng tạo đóng góp to lớn vào thắng lợi chung của địa phương, đất nước. Quán triệt sâu sắc đường lối của Trung ương, của tỉnh và của huyện, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn phát huy truyền thống tốt đẹp đã hun đúc trong hàng ngàn năm lịch sử, được khơi dậy từ khi có ánh sáng của Đảng, giải phóng quê hương, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ...

Trong 9 năm kháng chiến (1945-1954), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Huyện ủy, nhân dân các dân tộc Văn Bàn đã được giáo dục, giác ngộ, đứng lên xóa bỏ các chính quyền hại nước, hại dân, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phát triển các lực lượng cách mạng, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược và bè lũ tay sai, phá tan âm mưu hậu chiến của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, truy quét bọn biệt kích, việt gian, thổ phỉ, giải phóng địa phương.

Trong quá trình chống Pháp, tiễu phỉ, huyện đã động viên thanh niên nhập ngũ xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ như đại đội 85 và các đội du kích cơ động liên xã, các tổ võ trang,

lực lượng an ninh. Huyện cũng đã xây dựng được căn cứ đứng chân điển hình là khu du kích Gia Lan, phát triển và giữ vững các đường dây thông tin liên lạc với chiến khu, với tỉnh và với các huyện lân cận. Đảng bộ huyện Văn Bàn đã giáo dục và phát động quần chúng đấu tranh chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm làm cho thế và lực của ta ngày càng phát triển. Nhân dân các dân tộc ngày càng tin tưởng vào đảng bộ, chính quyền, càng hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến và kiến quốc. Cũng trong quá trình ấy, Đảng bộ huyện Văn Bàn trưởng thành về nhiều mặt, lãnh đạo toàn diện, làm biến đổi sâu sắc tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của huyện, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng địa phương. Kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến đầy hy sinh gian khổ, nhân dân, cán bộ và đảng viên Văn Bàn đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 512 huân chương và huy chương các loại... Đó là phần thưởng cao quý cho công lao to lớn của quân và dân trong huyện cùng các cán bộ, chiến sĩ các nơi khác được tỉnh và Trung ương cử đến, đã hết lòng với cách mạng địa phương dưới sự lãnh đạo của huyện đảng bộ, góp phần tô đẹp truyền thống đấu tranh cách mạng của cán bộ và nhân dân trong huyện.

Sau thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến chống Pháp, tiễu phỉ ở địa phương, bước sang giai đoạn thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược vừa xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa chống Mỹ cứu nước. Với đặc điểm là một huyện miền núi vùng cao, nhiều dân tộc lại ở xa tỉnh lỵ, huyện Văn Bàn có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Trong hoàn cảnh cụ thể của địa phương, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy Yên Bái, qua các thời kỳ cách mạng khi hòa bình cũng như lúc có chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện không ngừng phấn đấu vươn lên và đã tạo ra được những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong những biến đổi ở Văn Bàn, biến đổi sâu sắc nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu mang tính độc canh, manh mún, sản xuất cá thể, tự cấp tự túc đã trở thành một nền kinh tế sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa và quốc doanh có nông - lâm - công nghiệp phát triển toàn diện, có giao thông vận tải mở mang và ngày càng có nhiều sản phẩm hàng hóa. Mặc dù dân số tăng tự nhiên hàng năm tới 3,5% nhưng mức ăn bình quân nhân khẩu hàng tháng vẫn đạt trên 20kg lương thực trở lên. Chăn nuôi đang trở thành một ngành sản xuất chính của huyện. Điểm nổi bật của huyện là qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, rừng vẫn giữ được; rừng khai thác đến đâu được tu bổ, trồng lại đến đó.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, cùng với việc kiên trì đưa nông dân các dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ huyện xác định lấy phương hướng thâm canh tăng vụ, tăng hệ số sử dụng ruộng đất để không ngừng tăng diện tích trồng trọt và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, tăng sản lượng cây trồng, đảng bộ đã quan tâm chỉ đạo công tác vận động đồng bào vùng cao "hạ sơn" xuống vùng thấp khai hoang làm ruộng nước, nương bậc thang. Mở rộng mạng lưới thủy điện kết hợp làm đường giao thông, thực hiện "định canh định cư" có kết quả tốt. Huyện Văn Bàn đã hình thành được các vùng chuyên canh: Vùng trọng điểm lúa, vùng lai, vùng quế, vùng đỗ tương...

Ngành công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương tuy quy mô còn nhỏ bé nhưng đã cùng các ngành thương nghiệp, lương thực, tư liệu sản xuất, tài chính, ngân hàng, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... có nhiều cố gắng theo chức năng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Ngay trong những năm có chiến tranh phá hoại và những năm bị thiên tai lũ lụt, nắng hạn kéo dài, các ngành trên đã góp phần hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại và vẫn bảo đảm cung cấp các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ đời sống nhân dân. Công tác văn hóa xã hội được phát triển. Giao thông vận tải được mở rộng. Công tác quân sự

địa phương, công tác hậu phương quân đội được thực hiện theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược". Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn đã bảo đảm được yêu cầu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", phục vụ cho nhu cầu xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện cho các chiến trường đánh Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Trong 25 năm (1976-2000), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Văn Bàn, nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết vượt khó khăn thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Những năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980) và (1981-1985), dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và cấp ủy, chính quyền các cấp, cán bộ và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn đã phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, ý chí phấn đấu vươn lên vượt mọi khó khăn thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Từ năm 1986 đến năm 2000, thực hiện đường lối đổi mới, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, trong 14 năm đầu tư xây dựng, từ một huyện miền núi vùng cao còn nhiều khó khăn, yếu kém, Văn Bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế - xã hội phát triển, an ninh - trật tự được giữ vững, hệ thống chính trị từ huyện tới cơ sở được củng cố, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đời sống của nhân dân nâng lên. Nhân dân các dân tộc trong huyện luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, một lòng đoàn kết khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương tạo cơ sở cho bước phát triển giai đoạn tiếp theo.

Từ năm 2001 đến năm 2015, quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo và phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách

pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương, Đảng bộ huyện Văn Bàn xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đề ra giải pháp phù hợp, tạo sự đoàn kết, thống nhất, quyết tâm chính trị cao, thực hiện hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ chính trị đã đề ra. Trong 15 năm (2001-2015), Đảng bộ và nhân dân huyện Văn Bàn đã quyết tâm, nỗ lực phấn đấu phát huy tinh thần nội lực để khai thác tiềm năng lợi thế và đã đạt được thành tựu nổi bật trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng luôn duy trì ở mức cao, năm sau cao hơn năm trước, các tiềm năng lợi thế của địa phương được khai thác tốt, phát huy được nội lực bằng nhiều cơ chế phù hợp, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển; chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, chú trọng hiệu quả, chất lượng cao gắn với bảo vệ môi trường. Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo, huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội chung tay thực hiện, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Công tác đô thị đạt được nhiều kết quả quan trọng, kết cấu hạ tầng đô thị có bước phát triển vượt bậc. Lĩnh vực văn hóa xã hội có chuyển biến tích cực, cơ sở vật chất giáo dục và y tế được quan tâm đầu tư, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao; y tế đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân; văn nghệ, thể thao quần chúng phong phú, đa dạng thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; tai nạn, tệ nạn xã hội được kiềm chế; an sinh xã hội được đảm bảo, giảm nghèo nhanh và tương đối bền vững. Quốc phòng, an ninh được đặc biệt quan tâm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đối ngoại, hợp tác không ngừng được mở rộng và đi vào chiều sâu. Công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị luôn được chú trọng, quan tâm xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong sạch vững mạnh, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, củng cố niềm tin và tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn và các cấp ủy trong Đảng bộ đã đoàn kết, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, điều hành, quán triệt nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, các quan điểm đổi mới của Đảng; kịp thời cụ thể hoá nghị quyết của Đảng thành các kế hoạch, chương trình để tổ chức thực hiện; nắm bắt, dự báo đúng tình hình và đề ra các giải pháp thích hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn từ cơ sở; phát huy tốt các nguồn lực trong xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện những tồn tại, những vấn đề thực hiện chậm để có chỉ đạo, động viên, đôn đốc, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng định hướng nghị quyết; xây dựng được khối đoàn kết trong nội bộ Đảng và hệ thống chính trị; tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ và nhân dân; tiếp thu góp ý, đóng góp của các cán bộ lão thành trên địa bàn. Quan tâm đổi mới phương pháp lãnh đạo, phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát động các phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân, toàn quân tích cực thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, Chính quyền trong sạch vững mạnh, với quyết tâm chính trị cao trong thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Văn Bàn.

Từ năm 2015 đến năm 2025, Đảng bộ huyện đã triển khai cụ thể, sáng tạo Nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế địa phương; xác định đúng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và Luật dân chủ cơ sở, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc. Cấp ủy, chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tập thể Ban Thường vụ đã tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo hướng về cơ sở, sáng tạo trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo và tính chủ động của đội ngũ cán bộ cơ sở được chú trọng. Hàng năm, các phong trào thi đua yêu nước được phát động khơi dậy mọi nguồn lực trong toàn xã hội cùng xây dựng

địa phương phát triển trên các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng liên tục, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng gắn kết với thị trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước, thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Sản xuất công nghiệp, xây dựng giữ vững tốc độ tăng trưởng nhanh; nông nghiệp nông thôn tập trung vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Văn hóa, giáo dục, y tế không ngừng đổi mới, phát triển, chất lượng ngày càng cao; trình độ dân trí, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên, bản sắc văn hoá được giữ gìn, phát huy; hoạt động thể dục thể thao có bước phát triển đạt được nhiều thành tích. Các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Phát triển thông tin và truyền thông, chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền, thúc đẩy cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ và căn cứ hậu phương của tỉnh ngày càng vững chắc. Hoạt động của chính quyền các cấp hiệu lực, hiệu quả; năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế, xã hội được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đạt được hiệu quả thiết thực. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo. Thực hiện luân chuyển cán bộ từ huyện đến cơ sở, với 3 mục tiêu: cán bộ rèn luyện thử thách; củng cố cán bộ cấp xã; người đứng đầu không phải người địa phương. Việc tinh giản biên chế đạt nhiều kết quả, đội ngũ cán bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác. Trong quá trình phát triển, Văn Bàn luôn phát huy vai trò, vị trí của địa phương. Những kết quả đạt được tiếp tục khẳng định Đảng bộ và chính quyền Văn Bàn vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối của Đảng, của Tỉnh ủy đề ra những quyết sách phù

hợp và thực hiện thành công. Mặc dù vẫn còn hạn chế và khó khăn nhưng những thành tựu của Văn Bàn đạt được trên các lĩnh vừ trong 78 năm (1947-2025) là cơ sở quan trọng để Văn Bàn tiếp tục phát triển ngày càng giàu mạnh, văn minh.

Có thể tự hào rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Đảng bộ huyện và nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn luôn đoàn kết, sáng tạo. Sự linh hoạt, nhạy bén của Đảng bộ, chính quyền huyện trong lãnh đạo, quản lý điều hành đã huy động được và mọi nguồn lực, khơi dậy và phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết các dân tộc. Sự chung sức, đồng lòng của Đảng bộ, hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đưa huyện Văn Bàn vượt qua mọi khó khăn lập lên những chiến công trong cuộc đấu tranh giải phóng, những thành tựu trong sự nghiệp kiến thiết, xây dựng địa phương. Trong công cuộc đổi mới, Đảng bộ huyện Văn Bàn đã xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh văn hóa con người và khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ thực tiễn lịch sử sinh động trong 78 năm (1947-2025) bước đầu tổng kết một số kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện như sau:

Một là: Nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ tỉnh phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng.

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào nào Đảng bộ huyện cũng luôn quán triệt sâu sắc và nắm vững các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng bộ tỉnh, thực hiện đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước, sự quản lý và điều hành của chính quyền cấp trên. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ

chính trị, Đảng bộ huyện luôn coi trọng việc tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng. Thông qua học tập đã tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức, sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ và nhân dân trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua đó, từng bước đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, Đảng bộ bàn bạc dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra những nội dung, biện pháp lãnh đạo hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Đối với các Nghị quyết quan trọng của Đảng các cấp, Đảng bộ huyện đều có kế hoạch và hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện luôn kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp thông tin, nắm được những khó khăn, vướng mắc để kịp thời tháo gỡ. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn căn cứ vào tình hình cụ thể, xác định trọng tâm, trọng điểm đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn phù hợp với tình hình chung và điều kiện cụ thể trên từng lĩnh vực, để nghị quyết của Đảng luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị của cả nước, của tỉnh và của huyện. Khi mới thành lập trong hoàn cảnh có chiến tranh, Đảng bộ phải đảm đương trọng trách lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng quê hương, bảo vệ thành quả cách mạng. Trong điều kiện đầy cam go, ác liệt, thông tin liên lạc rất khó khăn, nhưng các cấp uỷ đảng luôn tiếp nhận, quán triệt đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên. Theo đó, các Chỉ thị, Nghị quyết của của Đảng được Đảng bộ huyện triển khai thực hiện kịp thời, sáng tạo bằng những chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy. Nhờ vậy, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân địa phương đấu tranh giải phóng khỏi ách cai trị của thực dân Pháp, giành chính quyền và bảo vệ thành quả cách mạng, góp sức cùng nhân dân cả nước làm hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Trong điều kiện khó khăn chồng chất của 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986), Đảng bộ huyện luôn chấp hành đường lối chung của Đảng; coi trọng việc học tập, phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong hoàn cảnh khó khăn chung của cả nước, của tỉnh và của huyện, khi bước vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ huyện đã đề ra chủ trương phù hợp, phát huy được tinh thần đồng cam cộng khổ, lao động cần cù sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng, kiến thiết quê hương, tạo nền móng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với sự nhạy bén chính trị, Đảng bộ huyện đề ra những quyết sách kịp thời, khơi dậy tinh thần anh dũng, kiên cường của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ hậu phương góp sức bảo vệ biên giới phía bắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, từ 1986 đến 2025, trên cơ sở quán triệt chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện đã vận dụng ban hành chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy trên tinh thần chỉ đạo là chọn đúng vấn đề, xác định trọng tâm, trọng điểm, chọn khâu đột phá để tổ chức thực hiện, đồng thời tuân thủ sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên. Trên cơ sở nắm vững đặc điểm của huyện và đường lối đổi mới của Đảng, đảng bộ đã kịp thời đổi mới phương thức lãnh đạo theo phương châm hướng về cơ sở, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp theo hướng gắn với nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Trong từng nhiệm kỳ Đảng bộ đều xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hành động, nghị quyết, kế hoạch chung toàn khoá để thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện. Trên cơ sở chương trình, nghị quyết, kế hoạch chung, Đảng bộ xây dựng và ban hành đề án,

nghị quyết chuyên đề, kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện nghị quyết của các cấp uỷ. Đảng bộ luôn giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; việc đề ra chủ trương, đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện tại Đảng bộ phải dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững vì lợi ích cộng đồng, bảo đảm minh bạch, công khai, chịu sự giám sát của cộng đồng; thực hiện đúng các nguyên tắc về thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu. Người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, là trung tâm đoàn kết, có khả năng tập hợp, quy tụ trí tuệ tập thể vì đại cuộc; luôn sát cánh cùng tập thể, nhìn thẳng sự thật, nói đúng sự thật, dám nhìn nhận khuyết điểm để sửa sai và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để xây dựng huyện; biết kế thừa những giá trị của các nhiệm kỳ trước, nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời có giải pháp đột phá xây dựng, phát triển huyện. Thực hiện đúng phương châm "Đảng nói - dân tin; chính quyền làm - dân ủng hộ; Mặt trận, đoàn thể vận động - dân theo"; luôn gắn bó với nhân dân, dựa vào dân, bám sát cơ sở, lắng nghe và chăm lo nguyện vọng chính đáng của nhân dân; phát huy truyền thống văn hóa, cách mạng, tinh thần trung dũng kiên cường, năng động sáng tạo của người Văn Bàn; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phục vụ cho sự phát triển của huyện.

Trong lãnh đạo, toàn Đảng bộ thường xuyên nghiên cứu lý luận, coi trọng tổng kết thực tiễn, kịp thời phát hiện những vấn đề mới, bất cập để điều chỉnh, bổ sung và có giải pháp phù hợp; triển khai cụ thể các chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương. Hàng năm, đánh giá đúng tiềm năng - lợi thế, khó khăn - thách thức, dự đoán, dự báo đúng tình hình, chủ động trong mọi tình huống đề ra nhiệm vụ chính trị, xác định các nội dung trọng tâm để tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Đảng bộ có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, năng động, tích cực, thực hiện tốt công tác dự báo, kịp thời nắm bắt

các xu hướng phát triển mới để điều chỉnh một cách linh hoạt, kịp thời tháo gỡ các khó khăn.

Hiện thực lịch sử sinh động của cuộc đấu tranh giải phóng, của công cuộc xây dựng huyện Văn Bàn trong 78 năm (1947-2025) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện là một minh chứng khẳng định "sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng".

Thứ hai, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý điều hành mọi lĩnh vực của địa phương.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của địa phương, Đảng bộ huyện luôn nắm vững ngọn cờ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Đảng bộ luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết thống nhất, thực hiện nghiêm minh kỷ cương, kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát huy dân chủ, công khai minh bạch; kiên trì, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, giữ vững sự trong sạch của Đảng, Nhà nước. Đảng bộ luôn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trong việc xây dựng chủ trương, đường lối, quyết sách quan trọng của Đảng bộ của chính quyền địa phương; chú trọng hiệu quả tổ chức thực hiện và tăng cường sự kiểm tra, giám sát kịp thời tổng kết thực tiễn để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đảng bộ luôn quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; đổi mới nâng cao tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng của Đảng bộ; đổi mới mới việc tuyên truyền học tập, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; động viên, khen thưởng kịp thời các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng cho cán bộ đảng viên. Đảng bộ luôn coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; giáo dục công dân trong hệ thống các nhà trường trên địa bàn huyện;

chú trọng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh chống các thế lực thù địch, chống âm mưu "diễn biến hòa bình", bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

Trong công tác cán bộ, Đảng bộ huyện luôn thấm nhuần lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Cán bộ là người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng, công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Đứng trước yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, đảng bộ luôn nhận thức được vai trò quan trọng của công tác cán bộ trong công tác xây dựng Đảng. Đảng bộ quan tâm lãnh đạo công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và công khai quy hoạch cán bộ theo quy định. Đẩy mạnh luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, trẻ hoá đội ngũ cán bộ, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở, chú trọng người dân tộc thiểu số người địa phương. Với những biện pháp tích cực và chủ động, Đảng bộ huyện đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và bề dày thực tiễn, đồng thời còn là cái nôi tạo nguồn cung cấp cán bộ lãnh đạo cho các ngành và của tỉnh.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ huyện tới cơ sở luôn được quan tâm, trở thành nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng bộ. Các cấp ủy thường xuyên quan tâm củng cố những tổ chức đảng yếu kém; kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở nơi còn nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết; thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là chất lượng phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt đảng. Cùng với việc quan tâm bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác, định hướng cho các cơ sở có những nghị quyết lãnh đạo

đúng đắn, kịp thời, nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Đảng bộ chú trọng làm tốt công tác kiểm tra đối với cơ sở, đồng thời chỉ đạo cơ sở làm tốt công tác kiểm tra các chi bộ trực thuộc. Từ đó kịp thời uốn nắn những sai lệch, chỉ đạo tổ chức đảng thực hiện đúng phương châm, nguyên tắc, Điều lệ và kỷ luật Đảng. Trong quá trình tổ chức lãnh đạo, Đảng bộ luôn xác định từng bước rút kinh nghiệm, thận trọng trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở từng công việc, luôn đổi mới tư duy, đổi mới phương pháp làm việc. Đấu tranh khắc phục chống lại cách nghĩ, cách làm cũ kém hiệu quả. Vì vậy, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bảo đảm cho Đảng bộ thực sự trong sạch vững mạnh, việc xây dựng hệ thống chính quyền thực sự là của dân, do dân và vì dân cũng được Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo.

Trong những năm kháng chiến Mỹ cứu nước, Đảng bộ coi trọng hệ thống chính quyền, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; củng cố và phát huy dân chủ, vai trò, chức năng của các tổ chức chính quyền đoàn thể quần chúng các cấp; củng cố sự đoàn kết nhất trí trong nhân dân các dân tộc; cải tiến công tác tổ chức, công tác chỉ đạo thực hiện tạo nên một sự chuyển biến mới trong toàn bộ hoạt động của Đảng bộ; nâng cao vai trò, tác dụng, năng lực của chính quyền là công cụ chủ yếu của cách mạng, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng đề ra và thực sự là cơ quan có quyền lực đối với mọi công việc của địa phương. Coi trọng kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp về tổ chức, về nội dung trách nhiệm và lề lối làm việc, đảm bảo cho Ủy ban hành chính các cấp đủ người làm việc. Nắm vững được khâu trung tâm là chỉ đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện, đồng thời chỉ đạo tốt các mặt công tác khác của địa phương. Bảo đảm cho chính quyền làm chức năng của chuyên chính vô sản, phát huy mọi quyền làm chủ của nhân dân về cả ba mặt: chính trị, kinh tế, xã hội. Mặt khác, tăng cường chuyên chính, kiên quyết trấn áp mọi âm mưu, hành động chống phá của địch; trừng trị

kịp thời những kẻ phá hoại đường lối, chính sách của Đảng, phá hoại kinh tế và pháp luật của Nhà nước. Củng cố và phát huy đúng chức năng, tác dụng của hội đồng nhân dân các cấp; đẩy mạnh hoạt động của các ủy viên, thực hiện đúng hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực cao nhất của địa phương và đảm bảo sự liên hệ chặt chẽ giữa nhân dân và Nhà nước. Các cơ quan thuộc bộ máy chính quyền các cấp đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy đầy đủ chức năng; ra sức sửa đổi lề lối làm việc; cải tiến tác phong đi sâu, đi sát quần chúng; nêu cao tinh thần trách nhiệm và hợp tác xã hội chủ nghĩa, nhằm giải quyết nhanh chóng và kịp thời các công việc thuộc phạm vi chức trách của mình và do cấp dưới yêu cầu. Chỉ đạo thực hiện cuộc vận động xây dựng "chính quyền giỏi toàn diện" ở cơ sở, gắn liền với cuộc vận động xây dựng, chi bộ, Đảng bộ cơ sở bốn tốt.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ luôn phát huy vai trò quản lý của chính quyền huyện và xã đối với việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường. Công tác giám sát được tăng cường, nội dung giám sát phù hợp có trọng tâm, trọng điểm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu bảo đảm khách quan. Hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới và nâng cao và đổi mới; vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương được khẳng định. Năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp được nâng lên; cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ; phân cấp, phân quyền gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp phát huy vai trò trong việc phát huy và khai thác các nguồn lực, điều

phối, khắc phục những khó khăn, hạn chế của nền kinh tế thị trường, bảo vệ môi trường, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thực hiện các an sinh xã hội đối với các đối tượng chính sách và đối tượng dễ yếu thế trong xã hội, nhằm thực hiện dân chủ và công bằng trong phát triển.

Thứ ba, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương.

Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh. Thực hiện có hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Tập trung lãnh đạo mọi hoạt động của mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội hướng về cơ sở với phương châm "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân", thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của hệ thống chính trị trong việc phát huy dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong nhân dân; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, đẩy mạnh chương trình phối hợp và thống nhất với các hội thành viên, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức, tín đồ và chức sắc các tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Các cấp ủy luôn coi trọng bài học "lấy dân làm gốc", lấy sự tin tưởng của nhân dân và xã hội là điều kiện tiên quyết để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân xung quanh Đảng. Thường xuyên xây dựng và củng cố mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; phát huy vai trò và sức mạnh của nhân dân tham gia xây dựng Đảng,

chính quyền; đấu tranh chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực; giữ vững niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Xây dựng Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị, xã hội ngày càng lớn mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn chính trị - xã hội gắn với nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân của toàn Đảng bộ. Xây dựng hệ thống mặt trận và các đoàn thể của Đảng bộ thực sự là cơ sở chính trị, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân là nhiệm vụ xuyên suốt cùng với việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng bộ trong các nhiệm kỳ. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hoạt động hướng về cơ sở với phương châm "gần dân, sát cơ sở" nghe được dân nói, nói được dân hiểu, làm cho dân tin. Cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể dành nhiều thời gian đi công tác cơ sở, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, phản ánh kịp thời với Đảng, Nhà nước. Đồng thời tuyên truyền thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước gắn với quyền và nghĩa vụ của công dân. Thông qua đó, Mặt trận Tổ quốc, các thành thành viên ngày càng được mở rộng, tập hợp ngày càng đông mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Trong suốt chặng đường lịch sử, Đảng bộ huyện luôn quan tâm xây dựng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội; tập hợp mọi tầng lớp nhân dân trong khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong các phong trào thi đua yêu nước. Đó là một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm nên những thắng lợi vẻ vang trong cuộc đấu tranh giải phóng, cũng như công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của huyện Văn Bàn.

Chặng đường lịch sử 78 năm xây dựng và lãnh đạo (1947-2025), khẳng định Đảng bộ huyện ngày càng phát triển, làm tròn vai trò lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần vào sự nghiệp cách mạng đất nước. Nhân dân các dân tộc huyện Văn Bàn tự hào về truyền thống của Đảng bộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Phụ lục

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

Đồng chí: **ĐÀO ĐÌNH BẢNG**

Trưởng ban Cán sự Đảng
(6/1946 - 7/1947)

Đồng chí: **CHU SÁCH**

Bí thư Huyện ủy
(10/1947 - 12/1948)

Đồng chí: **LÊ THÀNH TÂM**

Bí thư Huyện ủy
(11/1949 - 4/1951)

Đồng chí: **TRẦN HƯỞNG**

Bí thư Huyện ủy
(1/1952 - 1955)

Đồng chí: **MAI THANH TIẾN**

Bí thư Huyện ủy
(1955 - 1957)

Đồng chí: **TRẦN NGHĨA**

Bí thư Huyện ủy
(1957 - 1959)

Đồng chí: **BÙI HỮU BỈNH**

Bí thư Huyện ủy
(1961 - 1968)

Đồng chí: **PHẠM VĂN SAN**

Bí thư Huyện ủy
(1968 - 1972)

Đồng chí: **DƯƠNG XUÂN CƯƠNG**

Bí thư Huyện ủy
(1973 - 1983)

Đồng chí:**HOÀNG ĐÌNH TOM**

Bí thư Huyện ủy
(1983 - 1986)

Đồng chí: **TẠ DUY HIỂN**

Bí thư Huyện ủy
(1986 - 1998)

Đồng chí: **HÀ XUÂN KIẾN**

Bí thư Huyện ủy
(1998 - 2004)

Đồng chí: **HÀ KIM TAM**

Bí thư Huyện ủy
(4/2004 - 8/2010)

Đồng chí: **HOÀNG THẾ HÙNG**

Bí thư Huyện ủy
(8/2010 - 11/2012)

Đồng chí: **TĂNG NGỌC PHÒNG**

Bí thư Huyện ủy
(11/2012 - 7/2015)

Đồng chí: **PHẠM TOÀN THẮNG**

Bí thư Huyện ủy
(30/7/2015 - 2018)

Đồng chí: **NGUYỄN THÀNH SINH**

Bí thư Huyện ủy
(1/2019 - 4/2022)

Đồng chí: **PHÍ CÔNG HOAN**

Bí thư Huyện ủy,
(5/2022 - 3/2024)

Đồng chí: **NGUYỄN ANH CHUYÊN**

Bí thư Huyện ủy
(Từ tháng 3/2024 đến nay)

CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY QUA CÁC THỜI KỲ[1]

Đồng chí: **HOÀNG KIM BẢO**

Phó Bí thư Huyện ủy (1959 - 1962)

Đồng chí: **LÊ THẠCH BÍCH**

Phó Bí thư Huyện ủy (1962 - 1966)

Đồng chí: **NGUYỄN THÁI QUANG**

Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban Hành chính
(1965 - 1973)

Đồng chí: **LƯƠNG VIẾT VỸ**

Phó Bí thư Huyện ủy
(1966 - 1973)

[1] Ban Biên soạn chưa sưu tầm được ảnh

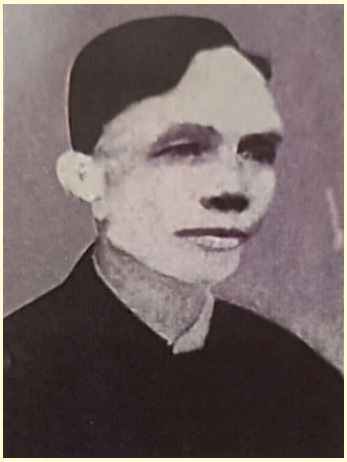

Đồng chí: **DƯƠNG TÙNG THỌ**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (1973 - 1976)

Đồng chí: **HOÀNG ĐÌNH TOM**

Phó Bí thư TT Huyện ủy (1973 - 1979); Chủ tịch UBND huyện (1976 - 1981)

Đồng chí: **LÊ LƯU LỘC**

Phó Bí thư TT Huyện ủy (1979 - 1981); Chủ tịch UBND huyện (1981 - 1986)

Đồng chí: **TẠ DUY HIỂN**

Phó Bí thư Huyện ủy (1981-1986)

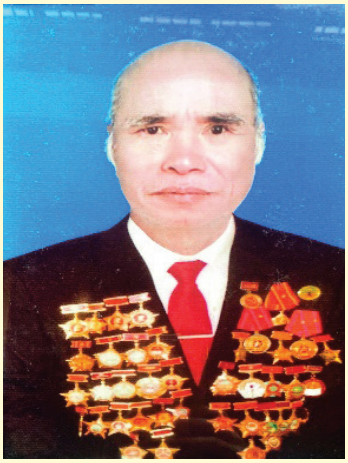

Đồng chí: **HÀ NGỌC ĐÔNG**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (1986 - 1991)

Đồng chí: **HÀ ĐỨC MIỀU**

Phó Bí thư TT Huyện ủy (1986 - 1991); Chủ tịch UBND huyện (1991 - 1996)

Đồng chí: **HÀ XUÂN KIẾN**

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (1991 - 1996)

Đồng chí: **HÀ KIM TAM**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (1996 - 2005)

Đồng chí: **LÊ VĂN QUÝ**

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (1996 - 2010)

Đồng chí: **MAI ĐÌNH ĐỊNH**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2005 - 2009)

Đồng chí: **NGUYỄN VĂN THUẦN**

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (2010 - 2020)

Đồng chí: **HOÀNG QUỐC KHÁNH**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2009 - 2015)

Đồng chí: **PHẠM TOÀN THẮNG**

Phó Bí thư Huyện ủy
(5/2015 - 30/7/2015)

Đồng chí: **ĐỖ VĂN DUY**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2015 - 2017)

Đồng chí: **PHAN TRUNG BÁ**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2017 - 2020)

Đồng chí: **TRẦN THỊ VIỆT**

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (2020 - 2024)

Đồng chí: **PHÍ CÔNG HOAN**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2020 - 2022)

Đồng chí: **VŨ HỒNG PHƯƠNG**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2022 - 2024)

Đồng chí: **NGUYỄN VĂN BÀN**

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (2024 - 2025)

Đồng chí: **NGÔ HOÀI LINH**

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (2024 - 2025)

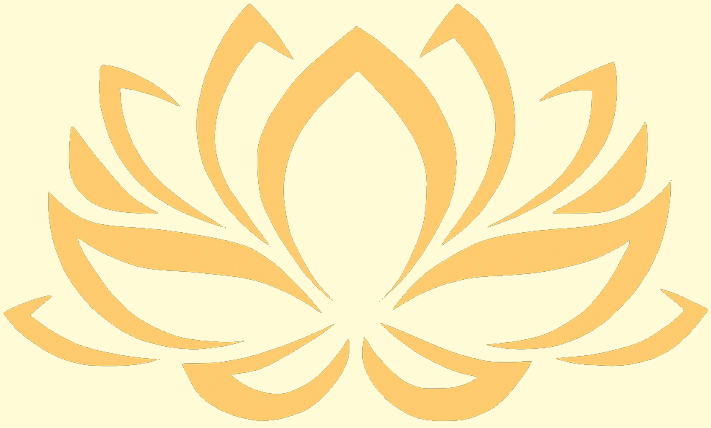

DANH SÁCH MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN VĂN BÀN

TT	Họ Và tên	Năm sinh	Quê Quán	Dân tộc	Quyết định phong tặng
1	Lò Thị Nhi	1905	Chiềng Ken, Văn Bàn, Lào Cai	Xa phó	Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
2	Đặng Thị Bách	1903	Khánh Yên Thượng, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
3	Phan Thị Mán	1904	Thị Trấn Khánh Yên, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 394/QĐ-CTN ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
4	Triệu Thị Náy	1922	Dần Thàng, Văn Bàn, Lào Cai	Dao	Quyết định số 394/ QĐ-CTN ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
5	Hà Thị Hâm	1894	Khánh Yên Thượng, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 514/2004/QĐ-CTN ngày 12/8/2004 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
6	Lự Thị Phang	1934	Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3815/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
7	Hoàng Thị Khoong	1920	Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3815/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
8	An Thị Lai	1914	Khánh Yên Hạ, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 2404/QĐ-CTN ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
9	Hà Thị Pèm	1920	Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3184/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

TT	Họ Và tên	Năm sinh	Quê Quán	Dân tộc	Quyết định phong tặng
10	Nguyễn Thị Áy	1910	Liêm Phú, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3184/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
11	Nguyễn Thị Đượm	1924	Tân An, Văn Bàn, Lào Cai	Kinh	Quyết định số 3184/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
12	Lự Thị Ngân	1910	Võ Lao, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3815/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
13	Nguyễn Thị Hỏ	1924	Võ Lao, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 3184/QĐ-CTN ngày 08/12/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
14	Chúng Thị Khàng	1914	Khánh Yên Hạ, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 2385/QĐ-CTN ngày 23/10/2015 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
15	Hà Thị Tiên	1910	Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai	Tày	Quyết định số 465/QĐ-CTN ngày 30/5/2024 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

DANH SÁCH CÁC LIỆT SỸ HUYỆN VĂN BÀN

CÁC LIỆT SĨ HY SINH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
1	Khổng Duy Bách	1932	Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc		16/7/1951
2	Đinh Văn Bộ		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
3	Hoàng Văn Cắm	1915	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		1947
4	Lê Văn Cắm		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		
5	Hoàng Văn Căn		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		9/1/1949
6	La Văn Cấu		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		3/1950
7	Lục Văn Chi	1914	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		22/9/1947
8	Hoàng Văn Chỉ		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
9	Hoàng Văn Chiếu	1925	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1948	9/1/1953
10	Vương Văn Chính	1930	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	2/1/1948	01/12/1951
11	Hoàng Văn Chiu	1931	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		1950
12	Hoàng Ngọc Chúng		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		17/6/1954
13	Hoàng Văn Cứ	1936	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai		1954
14	Hoàng Văn Dai		Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai		
15	La Văn Đán		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		03/1950
16	Hoàng Văn Đẩy		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		03/4/1954

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
17	Hoàng Thị Đến	1922	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai		02/02/1954
18	Hoàng Văn Dong		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		02/1947
19	Vũ Minh Đức	1947	Giao Thủy, Nam Định		03/2/1947
20	Dương Văn Giai	1922	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		12/1947
21	Hoàng Văn Giàng	1929	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		1953
22	Lìn Văn Giêng		Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai		3/1950
23	La Văn Han	1932	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1953	12/01/1953
24	Lương Văn Hãn		Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai		01/12/1953
25	Lương Văn Hin		Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai		
26	Bàn Văn Hinh	1923	Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1950	
27	Hoàng Văn Khánh		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
28	Vương Văn Khuyên	1934	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	10/1/1953	04/6/1954
29	Lưu Văn Khuyến		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		15/11/1952
30	Bàn Thừa Kim	1918	Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		
31	Lục Văn Kinh	1918	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1946	1947
32	Ma Văn Lả	1920	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		09/1949
33	Hoàng Văn Lả	1936	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	9/1953	10/7/1954
34	Trần Văn Lài		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		29/6/1954

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
35	Hoàng Văn Lè		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
36	Hoàng Văn Lục		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
37	Phùng Văn Lỳ		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		02/10/1947
38	Hoàng Văn Mày		Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai		12/1952
39	Hoàng Kim Minh		Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		
40	Lương Văn Nè		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		02/8/1949
41	Lý Văn Ngôn		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
42	Bùi Đức Nguyên		Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai		
43	Nguyễn Văn Nhất	1925	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai		1952
44	Lý A Nhè		Xã Nậm Xé - Văn Bàn - Lào Cai		
45	Lục Văn Nòi		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		
46	La Văn Nội		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
47	La Văn On	1922	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai		
48	Nguyễn Văn Pà		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		10/11/1953
49	Ma Văn Pau		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
50	La Văn Pâu		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
51	Hoàng Văn Pẻn	1932	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
52	Hoàng Văn Phai		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		1953
53	Triệu Kim Phây		Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		
54	Lục Văn Phiên		Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai		09/01/1947
55	Triệu Hữu Phú		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		
56	Triệu Hữu Phúc	1938	Xã Nậm Tha - Văn Bàn - Lào Cai		7/1956
57	Hà Văn Phương		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
58	Triệu Kim Quây	1920	Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		
59	Hoàng Văn Quy	1938	Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai		15/5/1954
60	Bàn Thừa Quý	1920	Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		
61	Nông Văn Quyền		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		
62	Nông Thị Sâm	1932	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	9/1952	11/1952
63	Hoàng Văn Sần		Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		
64	Hoàng Văn Sần	1920	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1952	1954
65	Sầm Văn Sáng		Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		
66	Hoàng Văn Sáu		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
67	Nguyễn Văn Sen	1922	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1947	01/3/1949
68	Hoàng Văn Sèn		Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		01/02/1947

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
69	Chu Văn Sơn	1931	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		1949
70	Hoàng Văn Sóng	1925	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	12/1/1945	4/1950
71	Lương Văn Sột		Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		
72	Lự Văn Sun		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		9/1/1949
73	Hoàng Văn Tăng		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		02/01/1947
74	La Văn Thắc	1928	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		20/6/1950
75	Nguyễn Văn Thâm		Trấn Yên, Yên Bái		
76	Phạm Văn Thanh		Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		
77	Lương Văn Thanh	1918	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1946	10/1947
78	Phùng Văn Thích		Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai		
79	Lương Văn Thịnh	1933	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		20/11/1952
80	Hoàng Văn Thon		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
81	Hoàng Văn Thón		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
82	Lương Văn Thường		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
83	Triệu Đắc Tiên		Xã Nậm Tha - Văn Bàn - Lào Cai		
84	La Văn Tiến		Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai		
85	Bùi Duy Tiến	1923	Xã Hiền Quan - Tam Nông - Phú Thọ	3/1/1945	6/1/1947
86	Bàn Văn Tình	1920	Xã Nậm Xây - Văn Bàn - Lào Cai		

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
87	Hoàng Văn Tình	1937	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1963	05/6/1963
88	Đoàn Văn Triển	1910	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai		3/1948
89	Lự Văn Trực		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		9/1948
90	Hoàng Văn Vên	1930	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	1947	9/1/1949
91	Lục Đình Vinh	1925	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		18/8/1947
92	Nguyễn Văn Vò		Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		16/10/1954
93	Mai Văn Vượng	1928	Xuân Thủy, Nam Định		07/7/1953
94	Đặng Văn Vượng		Xã Nậm Dạng - Văn Bàn - Lào Cai		
95	Hoàng Văn Xính	1926	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		20/4/1954
96	Ma Văn Xuân		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1950	03/1950
Tổng số 96 Liệt sĩ					

CÁC LIỆT SĨ HY SINH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
1	Vấn Văn Ác	1943	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	7/01/1967	04/6/1968
2	Nông Văn An		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	9/01/1963	03/3/1968
3	Hoàng Văn Au	1950	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	04/1970	18/12/1971
4	Lục Văn Chúng	1949	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		11/8/1969
5	Đỗ Đình Bão	1943	Xuân Trường - Nam Định		25/8/1968

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
6	Triệu Văn Bảo	1953	Xã Nậm Tha - Văn Bàn - Lào Cai		07/02/1972
7	Hoàng Kim Các	1936	Cát Thịnh, Văn Chấn, Yên Bái		17/3/1970
8	Hoàng Văn Cái	1942	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	2/1964	18/7/1968
9	Nguyễn Văn Cái	1947	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	9/5/1969
10	La Văn Cắm	1940	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	27/7/1969
11	Hoàng Văn Cát	1950	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	5/1972	04/12/1972
12	Nguyễn Văn Chài	1948	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	01/9/1973
13	Phạm Văn Chấp	1946	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	12/8/1969
14	Lự Văn Chẻ	1943	Xã Hòa Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	2/01/1961	21/5/1962
15	Vấn Văn Chiểu	1949	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	05/11/1969
16	Phan Tiến Chin	1943	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	12/02/1971
17	Lương Văn Chính	1951	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	8/1970	07/7/1973
18	Đỗ Xuân Chúc	1952	Xuân Thuỷ, Nam Hà	6/1970	22/6/1972
19	Lục Văn Chúng	1950	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1968	11/8/1969
20	Vương Văn Chúng	1951	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	25/12/1969
21	Liễu Văn Chưởng	1952	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	8/01/1971	29/7/1974
22	Lương Văn Cót	1950	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	26/4/1970
23	Phạm Văn Cuốn	1943	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1966	03/4/1968

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
24	Đỗ Đức Cường		Tiền Hải, Thái Bình	4/1965	11/4/1970
25	Trần VănĐại	1940	Xã Văn Sơn (nay là Võ Lao) - Văn Bàn - Lào Cai	2/1962	12/7/1965
26	Hoàng Văn Dăm	1943	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1961	06/01/1962
27	La Văn Đán	1954	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	12/1972	29/7/1975
28	Lương Văn Đán	1942	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	26/8/1969
29	Nguyễn Văn Đặng	1953	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	18/9/1972
30	Vi ThanhĐề	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	4/1970	10/3/1971
31	Nguyễn Văn Đi	1939	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	24/1/1969
32	Lương Văn Đích	1952	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	1/1972	10/12/1972
33	Hoàng Văn Độ	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1968	29/12/1969
34	Hà Văn Độ	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	12/01/1975
35	Hà Văn Đoàn	1946	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	30/12/1970
36	Phạm Văn Đoàn	1948	Văn Yên, Yên Bái	02/1968	06/6/1969
37	Vương Văn Đói	1934	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	27/10/1969
38	La Văn Dồn	1950	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	04/4/1970
39	Hoàng Văn Dồn	1943	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	2/1965	15/12/1968
40	Hoàng Đình Dong	1944	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1965	19/7/1972
41	Lương Kim Dong	1945	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	29/7/1970

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
42	Lương Thành Đồng	1958	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	05/9/1972
43	Nguyễn Văn Đồng	1949	Văn Yên, Yên Bái	3/1966	25/5/1967
44	Hoàng Văn Đoỏng	1940	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	24/10/1969
45	Lý Văn Đường	1950	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	02/6/1970
46	Vũ Đình Giáp	1943	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	28/01/1969
47	Nông VănGiòn	1947	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	26/9/1968
48	Bùi Thanh Hải	1946	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	01/7/1969
49	Hoàng Văn Hải	1948	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	29/12/1970
50	Hoàng Văn Hạp	1952	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	29/10/1972
51	Sầm Minh Hiếu	1950	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	30/01/1970
52	Hoàng Hin	1946	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	24/02/1969
53	Nguyễn Văn Hổ	1949	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	25/12/1968
54	Nguyễn Văn Hoa	1948	Xuân Thuỷ, Nam Hà	8/1969	28/4/1974
55	Phạm Văn Hội	1950	Văn Yên, Yên Bái	8/1972	11/10/1974
56	Hoàng Ngọc Huân	1948	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	10/9/1972
57	Hoàng Văn Khàng	1948	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	1/1968	12/7/1969
58	Nông Văn Khặt	1945	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	8/1969	21/12/1970
59	Vi Thanh Khèo	1949	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	02/7/1971

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
60	Sầm Văn Khinh	1941	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	12/3/1970
61	Đoàn Hữu Khuynh	1950	Xã Văn Sơn (nay là Võ Lao) - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	04/8/1972
62	Lự Văn Kiến	1943	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1961	26/3/1967
63	Nguyễn Ngọc Kình	1951	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1972	21/4/1975
64	Phạm Văn Ky	1950	Trực Ninh, Nam Định		31/10/1968
65	Nguyễn Văn Ký	1953	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	12/1971	10/02/1973
66	Hoàng Thanh Lam	1953	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	5/1971	19/10/1972
67	Nguyễn Xuân Lâm	1938	Xã Cam Cọn - Bảo Yên		
68	Nguyễn Đình Lâm	1941	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	07/6/1970
69	Lục Hải Lân	1949	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	1/1968	04/6/1968
70	Hoàng Văn Liềng	1951	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		29/10/1972
71	Lục Phúc Linh	1943	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	30/5/1969
72	Chu Tiến Lình	1948	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	04/01/1973
73	La Văn Lơ	1950	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	30/01/1973
74	Vi Văn Long	1947	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai		18/8/1961
75	Lục Văn Luân	1948	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	3/1972	29/9/1972
76	Hoàng Văn Lục		Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai		
77	Hoàng Thọ Lung	1946	Đông Trà, Tiền Hải, Thái Bình	8/1966	12/01/1969

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
78	Nguyễn Văn Lưới	1940	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	9/1965	30/8/1971
79	Đinh Quang Lương	1950	Xuân Trường - Nam Định	4/1970	20/01/1972
80	Đặng Xuân Lương	1954	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	10/10/1975
81	Hoàng Văn Lưởng	1951	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	1968	30/12/1969
82	Ma Văn Lượng	1948	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		19/8/1968
83	Phạm Văn Mà		Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai		07/5/1974
84	Ma Văn Mằn	1951	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	5/1971	12/11/1972
85	Lương Văn Mẳn	1943	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	20/12/1969
86	Ma Kim Mặn	1947	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	27/12/1974
87	Nguyễn Đức Minh	1950	Hải Dương		16/02/1968
88	Hoàng Hồng Minh	1950	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	8/1969	04/12/1973
89	Phạm Ngọc Minh	1951	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	4/1970	25/5/1972
90	Phạm Đức Minh	1947	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	30/01/1969
91	Nguyễn Văn Mộc	1954	Xuân Thuỷ - Nam Hà	5/1972	16/4/1975
92	Nguyễn Xuân Mong	1952	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	1/1971	17/3/1974
93	Hoàng Đình Mong	1955	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	12/1972	30/4/1975
94	Lự Đại Mươn	1947	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	30/3/1968
95	Hoàng Văn Mươn	1952	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	3/1972	12/10/1972

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
96	Hà Văn Mươn	1945	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1967	21/8/1968
97	Hoàng Văn Mỷ	1953	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	5/1971	19/10/1972
98	Trương Công Nặn	1942	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1961	16/01/1969
99	Vương Đức Ngài	1940	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	7/1968	12/8/1972
100	Lương Văn Ngọc	1947	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1966	29/01/1967
101	La Văn Ngôn	1945	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	25/12/1969
102	Hà Văn Nguyệt	1945	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	1966	30/3/1969
103	La Văn Nhâm	1933	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	16/11/1969
104	Hoàng VănNò	1954	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	11/1971	05/7/1974
105	Lục VănNòi	1951	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	01/2/1972	03/9/1975
106	Lục Phúc Nuôi	1949	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1968	23/11/1969
107	Hà Văn Páo	1952	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	8/1969	10/11/1972
108	Lương Văn Pào	1944	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	29/7/1969
109	Hoàng Văn Pâu	1949	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	20/11/1967
110	Hoàng Văn Pháng	1941	TT Khánh Yên - Văn Bàn - Lào Cai	8/1964	26/10/1968
111	Hoàng Văn Pheng	1950	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	8/1969	27/11/1970
112	Triệu Văn Phủ	1954	Xã Nậm Dạng - Văn Bàn - Lào Cai	4/1972	03/10/1972

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
113	Nguyễn Hạnh Phúc	1952	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	09/9/1972
114	Trần Đức Phúc	1949	Vụ Bản - Nam Định		15/10/1972
115	Lê Văn Puồn	1950	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	25/12/1968
116	Lương Văn Qua	1936	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1/1953	22/02/1968
117	Đặng Tiến Quý		Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		18/5/1969
118	Lương Đại Quỳnh	1950	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	30/12/1969
119	Lý Mu Sa	1940	Xã Sơn Thuỷ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	27/7/1969
120	Hoàng Văn Sài	1945	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	9/1968	26/01/1973
121	Vi Ngọc San	1949	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai		28/8/1968
122	Lý Văn San	1945	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	8/12/1968
123	Hà Văn Sành	1948	Xã Thẳm Dương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1966	30/12/1971
124	Hoàng Văn Sặp	1948	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	04/6/1968
125	Hà Kim Sắt	1935	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	03/12/1969
126	Hoàng Ngọc Sáu	1950	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	16/6/1972
127	Dương Văn Sẩu	1940	Xã Thẳm Dương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	28/9/1972
128	Hoàng Văn Sinh	1951	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	24/01/1969
129	Nguyễn Quốc Sinh	1938	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	16/02/1971
130	Phạm Văn Sinh	1947	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	04/06/1968

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
131	Hoàng Văn Sinh	1939	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	11/3/1969
132	Lương Kim Soạn	1946	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1966	30/5/1969
133	Lương Văn Sự	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	8/1970	02/3/1972
134	Chu VănTam	1943	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	02/1961	29/8/1965
135	Ma Đình Tăng	1945	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	5/1965	30/01/1968
136	Hoàng Ngọc Tăng	1951	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	02/9/1972
137	Phạm Văn Tha	1950	Xuân Trường - Nam Định		14/04/1969
138	Nguyễn Văn Thái		Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai		
139	Trương Đình Thắm	1950	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	23/7/1971
140	Sầm Văn Thăng	1941	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	03/02/1973
141	Hà Chí Thắng	1954	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	8/1973	27/3/1975
142	Hoàng Ngọc Thi	1945	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	01/07/1970
143	Lương Văn Thọ	1953	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	8/1972	14/3/1975
144	La Văn Thon	1942	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	02/1961	1965
145	Nông Văn Thòn	1937	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	30/12/1969
146	Hoàng Văn Thơn	1941	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	5/1966	30/8/1967
147	Lương Văn Thường	1950	Xã Hòa Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	4/8/1968
148	Lự Văn Thưởng	1951	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	5/1971	23/10/1972

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
149	Phan Văn Tiên	1942	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	1968	17/4/1972
150	Triệu Hữu Tiên	1940	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	4/1970	11/1971
151	Đinh Quang Tiến	1947		2/1966	10/8/1970
152	Phạm Quốc Tiến	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	08/7/1969
153	Hoàng Văn Tiển	1944	Xã Khánh Yên Trung - Văn Bàn - Lào Cai	4/1963	1969
154	Phạm Văn Tiện	1952	Xuân Trường - Nam Định	1/1971	11/7/1974
155	Dương Văn Tờ	1943	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1961	14/02/1962
156	Vi VănTờ	1941	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	12/7/1969
157	Dương Văn Toi	1937	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	11/5/1972
158	Ma Văn Tới	1952	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	1/1971	26/5/1972
159	Lương Văn Tom	1942	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	2/1961	20/3/1962
160	Đồng Văn Tỏn	1938	Xã Hòa Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	19/6/1970
161	An Văn Trạch	1945	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	4/1966	13/9/1968
162	Đỗ NgọcTriều	1953	Xã Văn Sơn (nay là Võ Lao) - Văn Bàn - Lào Cai	8/1973	17/3/1975
163	Ma Văn Trình	1954	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	3/1972	20/10/1972
164	Lự Văn Tự	1948	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	03/7/1969
165	Phạm Quang Tuấn	1950	Xuân Trường - Nam Định	9/1966	12/10/1970
166	Đoàn Minh Tuấn	1949	Hải Hậu, Nam Định	10/1968	1969
167	Trần Anh Tuất	1946	Trấn Yên - Yên Bái		20/8/1969

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
168	Nguyễn Văn Ương	1951	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	05/6/1972
169	Hoàng Văn Van	1942	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	9/1966	12/02/1968
170	Hoàng Đình Vân	1939	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	5/1968	19/7/1975
171	Hoàng Văn Vẹn	1948	Minh Chuẩn, Lục Yên, Yên Bái	4/1970	21/9/1974
172	Hoàng Văn Việt	1950	Xã Hòa Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	05/12/1968
173	Sầm Văn Vìn	1952	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	5/1971	25/8/1975
174	Lương Văn Vui	1947	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1968	13/12/1968
175	Hoàng Thông Vy		Xã Dần Thàng - Văn Bàn - Lào Cai	4/1968	23/9/1971
176	Phạm Ngọc Vy	1950	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	6/1968	28/01/1969
177	Lương Văn Vỷ	1948	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1967	15/12/1968
178	Hoàng Văn Xương	1951	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai		30/01/1974
179	Lục Văn Yên	1943	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	2/1968	
180	Hoàng Văn Yên	1946	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1968	14/5/1972
181	Nguyễn Văn Yên	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1968	02/5/1970
182	Nguyễn Văn Mộc	1954	Xuân Thủy - Nam Định		16/4/1975
Tổng số 182 Liệt sĩ					

CÁC LIỆT SĨ HY SINH TRONG CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
1	Trần Xuân Ba	1949	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1971	05/4/1978
2	Lục Văn Bình	1963	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	2/1/1984	05/4/1987
3	Hà Văn Bình	1966	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	12/7/1984
4	Hoàng Xuân Bình	1956	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1974	8/8/1978
5	Phạm Văn Bon	1964	Xuân Trường - Nam Định	3/1984	12/7/1984
6	Hoàng Ngọc Cảnh	1962	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1985	10/10/1989
7	Hoàng Văn Chài	1960	Xã Hoà Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	17/2/1979
8	Nguyễn Văn Chài	1956	Xã Liêm Phú - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1976	23/02/1979
9	Hà Văn Chin	1960	Xã Hoà Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	14/12/1979
10	Hoàng Thanh Chung	1953	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1976	17/2/1979
11	Trần Văn Đãi	1958	Xuân Trường - Nam Định	14/5/1978	17/2/1979
12	Ấu Văn Đạm	1969	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1989	09/4/1991
13	Hoàng Hữu Đăng	1959	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	29/6/1978
14	Giàng A Di	1961	Xã Nậm Chày - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1983	12/7/1984
15	Hoàng Văn Dòm	1958	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	28/5/1978
16	Hoàng Văn Hải	1960	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	10/1978	04/11/1987

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
17	Hà Văn Hao	1953	Xã Thẩm Dương - Văn Bàn - Lào Cai	8/1/1972	17/11/1977
18	Nguyễn Đức Hoàn	1955	Xuân Trường - Nam Định	01/7/1977	23/3/1978
19	Vi Văn Huân	1960	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	05/1975	20/3/1979
20	Triệu Phúc Hương	1957	Xã Nậm Tha - Văn Bàn - Lào Cai	8/1971	17/04/1981
21	Triệu Quốc Hương	1957	Xã Nậm Tha - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	17/4/1981
22	Hoàng Văn Khàng	1959	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	14/5/1978
23	Bàn Thừa Khuân	1955	Xã Nậm Dạng - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1976	17/2/1979
24	Ma Văn Kiến	1960	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	17/2/1979
25	Dương Văn Lả	1961	Xã Thẩm Dương - Văn Bàn - Lào Cai	11/1/1980	24/2/1982
26	Hoàng Văn Lai	1954	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	10/1974	29/3/1979
27	Vi Ngọc Liên	1955	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	10/1974	25/6/1978
28	Hoàng Văn Lơ	1953	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	6/1/1974	19/7/1978
29	Nguyễn Lý Lừng	1959	Đông Quý, Tiền Hải, Thái Bình	7/1977	16/4/1984
30	Lự Văn Mạo	1962	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	4/1/1981	06/11/1984
31	Nông Văn Mé	1962	Xã Sơn Thuỷ - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	17/1/1985
32	Hoàng Đức Minh	1962	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1979	13/8/1983
33	Sầm Văn Mong	1958	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	10/1/1974	08/3/1978

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
34	Lê Xuân Nam	1958	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	8/1/1978	03/3/1979
35	Hoàng Văn Nghiêm	1965	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	12/7/1984
36	Đinh Xuân Ngọc	1962	Kiến Xương, Thái Bình	2/1/1982	23/10/1988
37	Hoàng Văn Nguyên	1958	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	6/7/1978
38	Phạm Văn Nhân	1960	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	18/2/1979
39	Hà Văn Pản	1957	Xã Thẳm Dương - Văn Bàn - Lào Cai	4/1/1975	26/2/1979
40	Giàng A Páo	1960	Xã Nậm Xé - Văn Bàn - Lào Cai	8/1/1978	30/3/1979
41	Hoàng Văn Pầu	1959	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	19/3/1979
42	Giàng A Pé	1958	Xã Nậm Chày - Văn Bàn - Lào Cai		03/3/1979
43	Nguyễn Quốc Phòng	1964	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	23/5/1985
44	Bàn Văn Phúc	1964	Xã Tân An - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	04/5/1986
45	Tòng Văn Phúng	1962	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1983	12/7/1984
46	Hoàng Văn Pòm	1960	Xã Hoà Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	24/2/1979
47	Vi Văn Quân	1965	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	12/7/1984
48	Vi Thành Quyến	1957	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	4/1/1975	19/02/1979
49	Lương Văn Sáu	1954	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	8/1/1972	22/4/1978
50	Vương Văn Sẹn	1965	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	14/01/1985
51	Giàng A Sình	1965	Xã Suối Thầu, Sa Pa, Lào Cai		17/2/1995

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
52	Sùng A Sự	1958	Xã Nậm Chày - Văn Bàn - Lào Cai	8/1/1978	03/3/1979
53	Lương Văn Tá	1959	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	5/1/1978	17/2/1979
54	Hoàng Lương Tâm	1955	Xã Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	6/1/1974	22/7/1978
55	Hoàng Văn Tâm	1954	Xã Sơn Thuỷ - Văn Bàn - Lào Cai	10/1/1974	24/4/1979
56	Nguyễn Đình Tân	1956	Xã C/Điền T/hoà P/Thọ	11/1/1977	05/02/1979
57	Hoàng Đình Tấn	1952	Xã Hoà Mạc - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1976	03/4/1979
58	Lương Đình Tắng	1962	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1986	14/8/1988
59	Nguyễn Ngọc Thà	1952	Duy Nhất, Vũ Thư, Thái Bình		01/5/1979
60	Đoàn Chí Thanh	1926	Thanh Miện, Hải Dương	6/1948	17/4/2002
61	Hoàng Văn Thành	1962	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	9/1/1985	10/6/1987
62	Sùng A Thành	1954	Xã Nậm Mả - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	20/02/1979
63	Quản Văn Thi	1966	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1986	15/3/1988
64	Ma Văn Thinh	1964	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1984	12/7/1984
65	Đặng Hữu Thọ	1961	Xã Dần Thàng - Văn Bàn - Lào Cai	3 /1/1984	14/1/1985
66	Hà Văn Thống	1958	Xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	02/10/1978
67	Lương Văn Thường	1962	Xã Chiềng Ken - Văn Bàn - Lào Cai	4/1981	6/11/1984
68	Phùng Quang Trung	1965	Xã Khánh Yên Hạ - Văn Bàn - Lào Cai	3/1/1972	12/7/1984
69	Nông Văn Tư	1955	Xã Làng Giàng - Văn Bàn - Lào Cai	7/1978	02/3/1979

TT	Họ và tên liệt sĩ	Năm sinh	Quê quán	Ngày tháng năm nhập ngũ	Ngày tháng năm hy sinh
70	Hoàng Văn Tức	1959	Xã Dương Quỳ - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	27/3/1978
71	Trần Văn Tưng	1957	Xuân Trường - Nam Định	9/1/1976	8/3/1979
72	Hoàng Đình Van	1954	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	1/1/1972	3/1/1979
73	Trương Văn Viện	1959	Xã Võ Lao - Văn Bàn - Lào Cai	7/1/1977	15/3/1979
Tổng số 73 Liệt sĩ					

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHOÁ I (1959-1960)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Trần Quang Nghĩa	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hoàng Kim Bảo	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Thái Quang	Tày	Thường vụ Huyện ủy
4	Hà Đình Bảo	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Dương Xuân Cương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Lê Thạch Bích	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hồ Quảng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lục Văn Sơ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hoàng Văn Uyển	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Lự A Siên	Tày	Ủy viên dự khuyết
12	Phạm Thủy	Kinh	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHOÁ II (1960-1962)

TT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hoàng Kim Bảo	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Lê Thạch Bích	Kinh	Ủy viên BTV Huyện ủy
4	Hà Đình Bảo	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành

TT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
5	Dương Xuân Cương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Nguyễn Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Hà Đình Ngọt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hồ Quảng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lục Văn Sơ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Phạm Ngọc Tất	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Phạm Thủy	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Dương Tùng Thọ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Hoàng Văn Uyển	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hà Tiến Độ	Tày	Ủy viên dự khuyết
15	Lương Viết Thực	Tày	Ủy viên dự khuyết
16	Lý Văn Xa	Xã Phó	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHOÁ III (1962-1963)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Bùi Hữu Bỉnh	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó bí thư Huyện ủy
3	Lê Thạch Bích	Kinh	Phó Bí thư
4	Hoàng Ngọc Báo	Nùng	Thường vụ Huyện ủy
5	Dương Xuân Cương	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
6	Hà Đình Bảo	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hà Đình Ngọt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lý Văn Xa	Xã Phó	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Lục Văn Sơ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Phạm Thủy	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Lương Viết Thực	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Dương Tùng Thọ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Mạnh Quất	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lương Viết Vỹ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Hà Tiến Độ	Tày	Ủy viên dự khuyết
17	Trần Thanh Định	Tày	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA IV (1963-1965)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Bùi Hữu Bỉnh	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Lê Thạch Bích	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Hoàng Ngọc Báo	Nùng	Thường vụ Huyện ủy
5	Phạm Mạnh Quất	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
6	Trần Thanh Định	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hà Đình Ngọt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Trần Quang Trung	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Lương Viết Thực	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Hà Đình Bảo	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
12	La Đình Ứt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Lục Văn Sơ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lý Văn Xa	Xa Phó	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lương Viết Vỹ	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Kim Thoa	Kinh	Ủy viên dự khuyết
17	Hoàng Đình Tom	Tày	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA V (1965-1966)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Bùi Hữu Bỉnh	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Lê Thạch Bích	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư HU - Chủ tịch UB hành chính
4	Hà Đình Ngọt	Tày	UVBTV - Trưởng phòng Nông thôn
5	Phạm Mạnh Quất	Kinh	UVBTV - Huyện trưởng Công an
6	Lương Viết Vỹ	Kinh	HUV - Trưởng phòng Tổ chức
7	Nguyễn Đình Dương	Kinh	HUV - Chủ nhiệm xí nghiệp và Trưởng phòng Công Thương
8	Phùng Văn Châu	Dao	HUV - Phái viên kiểm tra, Phó Bí thư chi bộ xã Nậm Tha
9	Nguyễn Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Niên	Kinh	HUV - phụ trách khối Tuyên văn Giáo huấn

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
11	Lê Kim Khoa	Kinh	HUV - Hạt trưởng Hạt lâm nghiệp
12	Lục Văn Sơ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Hoàng Đình Tom	Tày	HUV - Bí thư Huyện đoàn
14	Hoàng Đình Thăng	Tày	HUV - Phó phòng Tổ chức HU
15	Lương Viết Thực	Tày	HUV - Trưởng ban Kiểm tra Đảng
16	Phạm Thủy	Kinh	HUV, Phụ trách Huyện đội
17	Trần Quang Trung	Kinh	HUV - Phái viên kiểm tra, phụ trách vùng cao.
18	Đặng Thị Tam	Dao	HUV - Hội trưởng Hội Phụ nữ
19	Đỗ Văn Thảng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Văn Quý	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	La Đình Ứt	Tày	HUV - Phái viên kiểm tra, Bí thư Đảng uỷ xã Võ Lao.
22	Hoàng Văn Khả	Kinh	Ủy viên dự khuyết phái viên kiểm tra.
23	Vi Ngọc Mai	Tày	UV dự khuyết - Chánh văn phòng Ủy ban hành chính huyện

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA VI (1966-1968)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Bùi Hữu Bỉnh	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Lương Viết Vỹ	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Phạm Đức	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
5	Phạm Mạnh Quất	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
6	Nguyễn Đình Dương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Trần Trọng Ba	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Phùng Văn Châu	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Hoàng Văn Khả	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Vấn Trọng Hướng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Niên	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hoàng Đình Tom	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Lương Viết Thực	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
14	Đặng Thị Tam	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Vi Ngọc Mai	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Hoàng Nguyên Phủ	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
17	La Đình Ứt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Phạm Thủy	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Văn Long	Tày	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA VII (1968-1972)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Phạm Văn San	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Lương Viết Vỹ	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Phạm Mạnh Quất	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
5	Hoàng Đình Tom	Tày	Thường vụ Huyện ủy
6	Bùi Văn Tân	Kinh	Thường vụ Huyện ủy
7	La Đình Ứt	Tày	Thường vụ Huyện ủy
8	Hoàng Binh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Trần Trọng Ba	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Vấn Trọng Hướng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Hoàng Văn Khả	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Giàng A Khoa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Lự Văn Kinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lê Lưu Lộc	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Văn Long	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Vi Ngọc Mai	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hoàng Nguyên Phủ	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Niên	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Dương Tùng Thọ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Đặng Thị Tam	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Lự A Siên	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Hoàng Đình Sằn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Hoàng Thị Sinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
24	Đồng Văn Khàng	Tày	Ủy viên dự khuyết
25	Ma Đức Tôn	Tày	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA VIII (1972-1973)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Phạm Văn San	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Nguyễn Thái Quang	Tày	Phó Bí thư
3	Lương Viết Vỹ	Kinh	Phó Bí thư
4	Lưu Duy Khải	Kinh	UV Ban Thường vụ HU
5	Dương Tùng Thọ	Tày	UV Ban Thường vụ HU
6	Hoàng Đình Tom	Tày	UV Ban Thường vụ HU
7	La Đình Ứt	Tày	UV Ban Thường vụ HU
8	Trần Trọng Ba	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lê Lưu Lộc	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hoàng Văn Long	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Vi Ngọc Mai	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hoàng Nguyên Phủ	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Bàn Hữu Phây	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Giàng A Khoa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lựu Văn Kinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Sâm	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lự A Siên	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Hoàng Đình Sằn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Thị Sinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Đặng Thị Tam	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Ma Đức Tôn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Bá Hạp	Kinh	Ủy viên dự khuyết
23	La Đình Tứ	Tày	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA IX (1973-1975)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Dương Xuân Cương	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Dương Tùng Thọ	Tày	PBT HU - CT UBND
3	Hoàng Đình Tom	Tày	Phó Bí thư - TT HU

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
4	Lê Lưu Lộc	Tày	UVBTV - PCT UBND
5	Lự A Siên	Tày	UVBTV - Huyện đội trưởng
6	Nguyễn Sâm	Kinh	UVBTV - Trưởng CA huyện
7	La Đình Út	Tày	UVBTV - Hạt trưởng Kiểm Lâm
8	Tạ Duy Hiển	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Bá Hạp	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Bàn Tiến Huyện	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Giàng A Khoa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Lự Văn Kinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Hoàng Văn Long	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Vi Ngọc Mai	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đặng Thị Tam	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
16	La Đình Tứ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Công Toàn	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Hoàng Đình Thăng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Đình Sằn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Hoàng Thị Sinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Hoàng Ngọc Quy	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Vũ Văn Duyên	Kinh	Ủy viên dự khuyết
23	Đặng Quốc Điền	Kinh	Ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA X (1976-1979)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Dương Xuân Cương	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hoàng Đình Tom	Tày	Phó Bí thư Thường trực HU
3	Dương Tùng Thọ	Tày	Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện
4	Nguyễn Sâm	Kinh	UVTV PCT kiêm Trưởng CA huyện
5	Lự A Siên	Tày	UVTV Chính trị viên ban QS huyện
6	La Đình Út	Tày	UVTV - Hạt trưởng Kiểm Lâm
7	Lê Lưu Lộc	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
8	Tạ Duy Hiển	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Mai Hồng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Bá Hạp	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ
11	Giàng A Khoa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hà Văn Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Hoàng Văn Long	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Vi Ngọc Mai	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Đặng Thị Tam	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Hà Đình Ủng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Công Toàn	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Hoàng Đình Thăng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Đình Sằn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Hoàng Thị Sinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Hoàng Ngọc Quy	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Bàn Tiến Huyện	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Vũ Văn Duyên	Kinh	Ủy viên dự khuyết
24	Đặng Quốc Điền	Kinh	Ủy viên dự khuyết

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ nhiệm kỳ 1976-1979

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được phân công
1	Hoàng Đình Tom	Tày	PBT - CT UBND (thay đ/c Thọ)
2	Hoàng Tuần	Tày	UVTV - Trưởng CA Huyện (thay đ/c Sâm)
3	Hoàng Đình Ngam	Tày	UVTV - Huyện đội trưởng
4	Nguyễn Mai Hồng	Kinh	UVTV - Trưởng phòng Nông nghiệp
5	Tạ Duy Hiển	Kinh	UVTV - Trưởng BTC Huyện uỷ

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XI (1979-1981)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Dương Xuân Cương	Kinh	Bí thư
2	Lê Lưu Lộc	Tày	Phó Bí thư - TT Huyện uỷ
3	Hoàng Đình Tom	Tày	Phó Bí thư - CT UBND huyện
4	Tạ Duy Hiển	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
5	Hà Ngọc Đông	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
6	Hoàng Ngọc Kim	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
7	Hoàng Đình Ngam	Tày	UVTV - Chỉ huy trưởng QS
8	Hoàng Tuần	Tày	UVTV - Trưởng Công an

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
9	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
10	Đinh Đình Phiệt	Kinh	UVTV - Trưởng BTG HU
11	Hoàng Long	Tày	UVTV - CT Hội ND huyện.
12	Hoàng Minh Thiết	Kinh	HUV - Trưởng ban UBKT Đảng
13	Hoàng Tuấn Khanh	Kinh	HUV - Phụ trách trường Đảng
14	Hà Đức Miều	Tày	HUV - Bí thư Huyện Đoàn
15	Trịnh Thị Cáng	Tày	HUV - Hội trưởng Phụ nữ huyện
16	Lê Văn Tuấn	Kinh	HUV - Trưởng phòng Công nghiệp
17	Ma Đức Tôn	Tày	HUV - Ủy viên thư ký UBND huyện
18	Hà Văn Viên	Tày	HUV - Phó BT ĐB xã Võ Lao, Chủ nhiệm HTX nông nghiệp
19	Phạm Thanh Mậu	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Văn Chiêu	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Đỗ Ngọc Minh	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Văn Kiều	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Dương Như Quýnh	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Bàn Tiến Huyện	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Bàn Hữu Phúc	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Lý A Chái	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Hoàng Đình Phúc	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Sùng A Súa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Đặng Tài Quý	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Phùng Quang Bạch	Kinh	Ủy viên Dự khuyết
32	Giàng A Vàng	Mông	Ủy viên Dự khuyết

Bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khóa XI (1979-1981)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Nguyễn Kim Quy	Kinh	UVTV - Trưởng Công an (Thay đ/c Tuấn T/9-1979)

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XII (1981-1986)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Dương Xuân Cương	Kinh	Bí thư Huyện uỷ

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
2	Hoàng Đình Tom	Tày	PBT TT Huyện uỷ
3	Tạ Duy Hiển	Kinh	PBT HU- Phụ trách Kinh tế
4	Lê Lưu Lộc	Tày	UVTV - CT UBND huyện
5	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - Trưởng BTC Huyện uỷ
6	Nguyễn Kim Quy	Kinh	UVTV - Trưởng CA huyện
7	Hoàng Đình Ngam	Tày	UVTV - Huyện đội trưởng
8	Hà Ngọc Đông	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
9	Hoàng Ngọc Kim	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
10	Hoàng Tuấn Khanh	Kinh	UVBCH- Trưởng BTG
11	Hà Đức Miều	Tày	UVBCH - GĐ Trường Đảng
12	Hoàng Minh Thiết	Kinh	UVBCH - Trưởng ban Kiểm tra
13	Triệu Thị Đông	kinh	Ủy viên BCH
14	Ma Đức Tôn	Tày	Ủy viên BCH
15	Hà Xuân Kiến	Tày	Ủy viên BCH
16	Nguyễn Công Toàn	Kinh	Ủy viên BCH
17	Giàng A Xè	Mông	Ủy viên BCH
18	Phạm Đức Thuận	Kinh	Ủy viên BCH
19	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	Ủy viên BCH
20	Phạm Thanh Mậu	Kinh	Ủy viên BCH
21	Lương Xuân Tùng	Kinh	Ủy viên BCH
22	Dương Như Quýnh	Kinh	Ủy viên BCH
23	Lý A Chái	Mông	Ủy viên BCH
24	Giàng A Vàng	Mông	Ủy viên BCH
25	Hà Văn Viên	Tày	Ủy viên BCH
26	Nguyễn Văn Kiều	Kinh	Ủy viên BCH
27	Bàn Tiến Huyện	Dao	Ủy viên BCH
28	Hoàng Đình Xuân	Tày	Ủy viên Dự khuyết
29	Lương Xuân Liên	Kinh	Ủy viên Dự khuyết

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khóa XII (1981-1986)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Hoàng Đình Tom	Tày	Bí thư Huyện uỷ (Thay đ/c Cương)
2	Lê Lưu Lộc	Tày	PBT - CT UBND huyện

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
3	Tạ Duy Hiển	Kinh	PBT TT Huyện uỷ
4	Phạm Thượng Hợi	Kinh	UVBCH (Q .Trưởng CA huyện)
5	Phạm Đức Thuận	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
6	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
7	Hà Đức Miều	Tày	UVBTV - Trưởng BTC Huyện uỷ

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XIII (1986-1988)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Tạ Duy Hiển	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hà Đức Miều	Tày	PBT - TT Huyện uỷ
3	Hà Ngọc Đông	Tày	PBT - CT UBND huyện
4	Hoàng Tuấn Khanh	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
5	Hoàng Minh Thiết	kinh	UVTV - Trưởng ban KT HU
6	Hà Xuân Kiến	Tày	UVTV - Trưởng BTG HU
7	Ma Đức Tôn	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
8	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
9	Phạm Đức Thuận	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
10	Nguyễn Kim Quy	Kinh	UVTV - Trưởng CA huyện
11	Phà A Dũng	Mông	UVTV - Chỉ huy trưởng QS huyện
12	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Lương Xuân Tùng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Dương Như Quýnh	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Hoàng Thế Hùng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Sơn Hải	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Trần Cảnh Hưng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Văn Kiều	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Lê Văn Quý	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Xuân San	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Vi Ngọc Sam	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Văn Sáu	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Hoàng Hữu Trạch	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Vũ Đình Trụ	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Phạm Xuân	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
26	Hoàng Thị Mai Phin	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Chảo Thị Pham	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Lý A Chái	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Hà Văn Viên	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Hoàng Đình Xuân	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Phùng Văn Phây	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Giàng A Sùng	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Hà Đình Phong	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Thị Thiết	Tày	UV Dự khuyết
35	Hà Huy Đàn	Tày	UV Dự khuyết
36	Phan Đức Nhung	Tày	UV Dự khuyết
37	Lê Văn Nhường	Kinh	UV Dự khuyết
38	Hà Văn Ủm	Tày	UV Dự khuyết

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khoá XIII (1986-1988)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Hà Xuân Thải	Tày	UVTV Trưởng Công an huyện

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XIV (1988-1991)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Tạ Duy Hiển	Kinh	Bí thư huyện uỷ
2	Hà Đức Miều	Tày	PBT TT huyện uỷ
3	Hà Ngọc Đông	Tày	PBT HU - CT UBND huyện
4	Hoàng Tuấn Khanh	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
5	Hoàng Minh Thiết	Kinh	UVTV - Trưởng ban Kiểm tra HU
6	Hà Xuân Kiến	Tày	UVTV - Trưởng BTG HU
7	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - PCT HĐND huyện
8	Hà Xuân Thải	Tày	UVTV - Trưởng CA huyện
9	Phà A Dũng	Mông	UVTV - Trưởng ban QS huyện
10	Phạm Đức Thuận	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
11	Lương Xuân Tùng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hà Đình Phong	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Đức Sâm	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
14	Lương Thị Dục	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trần Cảnh Hưng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Văn Kiều	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Văn Quý	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Vi Ngọc Sam	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Văn Sáu	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Hoàng Hữu Trạch	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Vũ Đình Trụ	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Đậu Xuân Liệu	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Hoàng Thị Mai Phin	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Chảo Thị Pham	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Phùng Văn Phây	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Tiến	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Hoàng Xuân Nguyệt	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Triệu Thừa Quảng	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Sùng A Súa	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Trí Tuệ	Kinh	UV Dự khuyết
32	Đỗ Tiến Dũng	Kinh	UV Dự khuyết
33	Hà Kim Tam	Tày	UV Dự khuyết
34	Hà Ngọc Toàn	Tày	UV Dự khuyết
35	Vi Ngọc Khang	Tày	UV Dự khuyết
36	Vàng A Sáng	Mông	UV Dự khuyết

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khoá XIV (1988-1991)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XV (1991-1996)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Tạ Duy Hiển	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hà Xuân Kiến	Tày	PBT- TT Huyện uỷ

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
3	Hà Đức Miều	Tày	PBT CT UBND huyện
4	Hoàng Tuấn Khanh	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
5	Nguyễn Trí Tuệ	Kinh	UVTV - CN UBKT HU
6	Nguyễn Ngọc Khương	Kinh	UVTV - PCT UBND
7	Phạm Quyền	Kinh	UVTV - PCT HĐND
8	Hà Xuân Thải	Tày	UVTV - Trưởng CA huyện
9	Hoàng Thị Mai Phin	Tày	UVTV - CT MTTQ huyện
10	Hà Thị Kim Trọng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Hà Xuân Tỷ	Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hà Kim Tam	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Chu Xuân Vị	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hà Văn Bàn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Đức Sâm	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Phan Đức Nhung	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
17	La Mạnh Cường	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Bùi Thị Kim Dung	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Lê Văn Quý	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Hoàng Hữu Trạch	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Hà Ngọc Toàn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Đoàn Thị Tự	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Vàng A Sáng	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Triệu Văn Chòi	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Hữu Ái	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Văn Tiến	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Triệu Tiến Tiên	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khoá XV (1991-1996)

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Lê Văn Quý	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
2	Hà Kim Tam	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
3	Nguyễn Đức Sâm	Tày	UVTV - Trưởng BTG HU
4	Đỗ Văn Cốt	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Tạ Minh Khuê	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và Tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
6	Mai Đình Định	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Cù Xuân Đương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XVI (1996-2000)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Tạ Duy Hiển	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hà Xuân Kiến	Tày	Phó Bí thư
3	Hà Đức Miều	Tày	Phó Bí thư
4	Lê Văn Quý	Kinh	UVTV - Trưởng BTC HU
5	Nguyễn Đức Sâm	Tày	UVTV - Trưởng BTG HU
6	Nguyễn Chí Tuệ	Kinh	UVTV - CN UBKT HU
7	Hà Xuân Thải	Tày	UVTV - Trưởng CA Huyện
8	Hà Kim Tam	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
9	HàThị Kim Trọng	Tày	UVTV - CT Hội Phụ nữ huyện
10	Hoàng Hữu Trạch	Tày	UV Ban Chấp hành
11	Chu Xuân Vị	Kinh	UV Ban Chấp hành
12	Hà Xuân Tỷ	Thái	UV Ban Chấp hành
13	Nguyễn Văn Thuần	Tày	UV Ban Chấp hành
14	Hà Văn Bàn	Tày	UV Ban Chấp Hành
15	Đỗ Văn Cốt	Kinh	UV Ban Chấp hành
16	Phan Đức Nhung	Tày	UV Ban Chấp hành
17	Tạ Minh Khuê	Kinh	UV Ban Chấp hành
18	Dương Thị Phúc	Kinh	UV Ban Chấp hành
19	La Mạnh Cường	Tày	UV Ban Chấp hành
20	Vũ Xuân Tuế	Kinh	UV Ban Chấp hành
21	Cầm Tiến Vinh	Tày	UV Ban Chấp hành
22	Vàng A Sáng	Mông	UV Ban Chấp hành
23	Nguyễn Quyết Tiến	Tày	UV Ban Chấp hành
24	La Đức Bình	Tày	UV Ban Chấp hành
25	Hứa Thanh Hoà	Tày	UV Ban Chấp hành
26	Hà Đình Phong	Tày	UV Ban Chấp hành
27	Lý Xuân Định	Dao	UV Ban Chấp hành
28	Phùng Văn Phây	Dao	UV Ban Chấp hành

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
29	Mai Đình Định	Kinh	UV Ban Chấp hành
30	Bùi Thị Kim Dung	Kinh	UV Ban Chấp hành
31	Trương Văn Chén	Kinh	UV Ban Chấp hành

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ khoá XVI (1996- 2000)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Nhiệm vụ được giao
1	Hà Xuân Kiến	Tày	Bí thư Huyện uỷ
2	Lê Văn Quý	Kinh	PBT- Thường trực HU
3	Hà Kim Tam	Tày	PBT- CT UBND huyện
4	Đỗ Tiến Dũng	Kinh	UVTV - Trưởng BTG HU
5	Nguyễn Văn Thuần	Tày	UVTV - Trưởng BTC HU
6	Hà Ngọc Toàn	Tày	UVBCH Huyện uỷ
7	Cù Xuân Đương	Kinh	UVBCH Huyện uỷ

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XVI (2000-2005)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Xuân Kiến	Tày	Bí thư Huyện uỷ
2	Lê Văn Quý	Kinh	Phó Bí thư TT Huyện uỷ
3	Hà Kim Tam	Tày	Phó Bí thư - CT UBND huyện
4	Trương Văn Chén	Kinh	UVTV - PCT UBND huyện
5	Nguyễn Đức Sâm	Tày	UVTV - PCT UBND huyện
6	Hà Ngọc Toàn	Tày	UVTV - CNUBKT Huyện uỷ
7	Nguyễn Văn Thuần	Tày	UVTV - Trưởng BTC Huyện uỷ
8	Đỗ Tiến Dũng	Kinh	UVTV - Trưởng BTG Huyện ủy
9	Hà Thị Kim Trọng	Tày	UVTV - PCT HĐND huyện
10	Hoàng Thanh Văn	Kinh	UVTV - Chỉ huy trưởng QS huyện
11	Hà Xuân Thải	Tày	UVTV - Trưởng Công an huyện
12	Cù Xuân Đương	Kinh	HUV - Trưởng phòng Văn hoá TT
13	Hoàng Hữu Trạch	Tày	HUV - Chánh văn phòng UBND
14	Hà Xuân Tỷ	Thái	HUV - Phó Ban Dân vận
15	Nguyễn Thanh Tân	Tày	HUV - Chánh Văn phòng Huyện uỷ
16	Lê Thị Khánh Hà	Tày	HUV - Trưởng phòng Tài chính

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
17	Phan Đức Nhung	Tày	HUV - Chủ tịch UBMTTQ
18	Tạ Minh Khuê	Kinh	HUV - Phó Phòng Giáo dục
19	Dương Thị Phúc	Kinh	HUV - Giám đốc ngân hàng
20	La Mạnh Cường	Tày	HUV - Giám đốc TTBDCT
21	Vũ Xuân Tuế	Kinh	HUV - Giám đốc TT Y tế
22	Cầm Tiến Vinh	Tày	HUV - Chủ tịch Hội Nông dân
23	Vàng A Sáng	Mông	HUV - Bí thư Đảng bộ xã Nậm Xé
24	Nguyễn Văn Tiến	Tày	HUV - Bí thư Đảng bộ Võ Lao
25	La Đức Bình	Tày	HUV - Bí thư Đảng bộ xã Nậm Xé
26	Hứa Thanh Hoà	Tày	HUV - Bí thư ĐB TT Khánh Yên
27	Hoàng Thị Thương	Tày	HUV - Chủ tịch Hội Phụ nữ
28	Lý Xuân Định	Dao	HUV - Bí thư Đảng bộ Tân Thượng
29	Ngụy Văn Luật	Kinh	HUV - Trưởng phòng nông nghiệp
30	Mai Đình Định	Kinh	HUV - Giám đốc lâm trường
31	Lý Ngọc Páo	Mông	HUV - Phó chủ nhiệm UBKT
32	Lự Thanh Hồng	Tày	HUV - Bí thư ĐB Khánh Yên Hạ
33	Lê Thanh Bảo	Tày	HUV - Bí thư Huyện đoàn

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành - Ban Thường vụ (2000-2005)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Kim Tam	Tày	Bí thư Huyện uỷ (Thay đ/c Kiến)
2	Mai Đình Định	Kinh	Phó CT UBND huyện
3	Lê Thị Khánh Hà	Tày	Phó CT UBND huyện
4	Bùi Phú Xuất	Kinh	UVTV - Trưởng Công an huyện

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XVIII (2005-2010)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Kim Tam	Tày	Bí Thư Huyện uỷ
2	Lê Văn Quý	Kinh	Phó Bí Thư TT Huyện uỷ
3	Mai Đình Định	Kinh	Phó Bí Thư CT UBND huyện
4	Hà Ngọc Toàn	Tày	UV BTV HU, CNUBKT Huyện uỷ
5	Đỗ Tiến Dũng	Kinh	UV BTV HU, Trưởng BTG Huyện uỷ
6	Lê Thị Khánh Hà	Tày	UV BTV HU, PCT UBND huyện
7	Nguyễn Văn Thuần	Tày	UV BTV HU, Trưởng BTC Huyện uỷ

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
8	Hà Thị Kim Trọng	Tày	UV BTV HU, PCT HĐND huyện
9	Bùi Phú Xuất	Kinh	UV BTV HU, Trưởng Công an huyện
10	Hoàng Thanh Văn	Kinh	UV BTV HU Chỉ huy trưởng Quân sự
11	Phan Đức Nhung	Tày	UV BTV HU Trưởng ban Dân vận HU
12	Lê Thanh Bảo	Tày	UV Ban Chấp hành
13	Lự Văn Chế	Tày	UV Ban Chấp hành
14	Hà Đình Chiên	Tày	UV Ban Chấp hành
15	Sùng A Dùng	Mông	UV Ban Chấp hành
16	Hoàng Văn Giàng	Tày	UV Ban Chấp hành
17	Bùi Thị Khánh Hà	Kinh	UV Ban Chấp hành
18	Lự Thanh Hồng	Tày	UV Ban Chấp hành
19	Hoàng Đình Kết	Tày	UV Ban Chấp hành
20	Tạ Minh Khuê	Kinh	UV Ban Chấp hành
21	Hà Huy Kiệm	Tày	UV Ban Chấp hành
22	Đinh Đình Lâm	Tày	UV Ban Chấp hành
23	Ngụy Văn Luật	Kinh	UV Ban Chấp hành
24	Chu Liên Minh	Tày	UV Ban Chấp hành
25	Phạm Thanh Nga	Kinh	UV Ban Chấp hành
26	Bùi Thị Nhài	Kinh	UV Ban Chấp hành
27	Hoàng Xuân Phóng	Tày	UV Ban Chấp hành
28	Triệu Kim Phủ	Dao	UV Ban Chấp hành
29	Hà Kim Sơn	Kinh	UV Ban Chấp hành
30	Nguyễn Thanh Tân	Tày	UV Ban Chấp hành
31	Hoàng Thị Thương	Tày	UV Ban Chấp hành
32	Hà Văn Toàn	Tày	UV Ban Chấp hành
33	Hoàng Hữu Trạch	Tày	UV Ban Chấp hành
34	Nguyễn Đức Trọng	Kinh	UV Ban Chấp hành
35	Lựu Xuân Xa	Xa phó	UV Ban Chấp hành
36	Vũ Xuân Tuế	Kinh	UV Ban Chấp hành
37	Cầm Tiến Vinh	Tày	UV Ban Chấp hành

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XIX NHIỆM KỲ 2010-2015

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hoàng Thế Hùng	Kinh	Bí thư Huyện uỷ.
2	Nguyễn Văn Thuần	Tày	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ
3	Hoàng Quốc Khánh	Kinh	Phó Bí thư H.uỷ - Chủ tịch UBND huyện.
4	Lê Thị Khánh Hà	Tày	UVBTV - Phó Chủ tịch UBND huyện.
5	Lương Văn Thông	Tày	UVBTV - Trưởng Công An.
6	Đỗ Văn Duy	Kinh	UVBTV - Phó Chủ tịch UBND huyện.
7	Hà Thị Kim Trọng	Tày	UVBTV - Trưởng ban Dân vận HU
8	Hoàng Hữu Trạch	Tày	UVBTV - Trưởng ban Tuyên giáo HU
9	Nguyễn Thanh Tân	Tày	UVBTV - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra
10	Đào Đức Sinh	Kinh	UVBTV - Chỉ huy trưởng BCH Quân sự
11	Ngô Văn Xuân	Kinh	UVBTV - Trưởng Ban Tổ chức Huyện uỷ
12	Ngụy Văn Luật	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trần Thị Việt	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hà Xuân Mão	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Tạ Ngọc Đông	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Hoàng Minh Nghiệp	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Đặng Xuân Phương	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Bùi Thị Nhài	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hoàng Thị Thương	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Cầm Tiến Vinh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Đức Trọng	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Tạ Minh Khuê	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Hà Văn Toàn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Lê Thanh Bảo	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Đinh Đình Lâm	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Tất Thắng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Bàn Phúc Lâm	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Vy Xuân Lèn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Lự Văn Chế	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Vũ Xuân Bắc	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
31	Triệu Trung Hương	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Hà Kim Sơn	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Chu Liên Minh	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Lự Thanh Hồng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Hà Đình Chiên	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Nông Đình Sỹ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Sùng A Dùng	Mông	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Nguyễn Quyết Tiến	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Nguyễn Đình Vui	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Vũ Xuân Tuế	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Hoàng Xuân Phóng	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Bùi Thị Khánh Hà	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Hà Huy Kiệm	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN KHOÁ XIX, CHUYỂN CÔNG TÁC (Nhiệm kỳ 2010 - 2015)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hoàng Xuân Phóng	Tày	Chủ tịch UB Mặt trận Tổ quốc
2	Bùi Thị Khánh Hà	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy
3	Vũ Xuân Tuế	Kinh	Trưởng phòng Y Tế huyện Văn Bàn
4	Lê Thanh Bảo	Tày	Trưởng phòng Văn hóa Thông tin
5	Tạ Ngọc Đông	Kinh	Giám đốc Ngân hàng NN&TPNT
6	Hoàng Minh Nghiệp	Kinh	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Văn Bàn
7	Hà Kim Sơn	Tày	Giám đốc Công ty TNHH Lâm

Danh sách bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khoá XIX (nhiệm kỳ 2010-2015)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Tăng Ngọc Phòng	Kinh	Bí thư Huyện ủy
2	Phạm Bình Minh	Kinh	Phó Chủ tịch UBND huyện.
3	Lê Lưu Luận	Tày	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy.
4	Trần Văn Cao	Kinh	Trưởng Công an.

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
5	Nguyễn Văn Bàn	Kinh	Trưởng phòng Nội vụ huyện Văn Bàn.
6	Phạm Toàn Thắng	Kinh	Phó Bí thư Huyện uỷ
7	Nguyễn Đăng Minh	Kinh	Chủ tịch Hội Nông dân
8	Lương Thanh Hương	Tày	Trưởng phòng Văn hóa Thông tin

Danh sách bổ sung Ban Thường vụ Huyện ủy khoá XIX (nhiệm kỳ 2010-2015)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tăng Ngọc Phòng	Bí thư Huyện ủy (Thay đ/c Hùng)
2	Hà Huy Kiệm	Trưởng BTC HU (Thay đ/c Xuân)
3	Trần Văn Cao	Trưởng Công an (Thay đ/c Thông)
4	Phạm Bình Minh	Phó Chủ tịch UBND huyện
5	Phạm Toàn Thắng	Phó Bí thư Huyện uỷ

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY KHOÁ XIX, CHUYỂN CÔNG TÁC (Nhiệm kỳ 2010-2015)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Hoàng Thế Hùng	Kinh	Bí thư Huyện uỷ
2	Hoàng Quốc Khánh	Kinh	Phó Bí thư Huyện uỷ - Chủ tịch UBND huyện
3	Ngô Văn Xuân	Kinh	Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
4	Lương Văn Thông	Tày	Trưởng Công an huyện

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN KHOÁ XX (Nhiệm kỳ 2015-2020)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Phạm Toàn Thắng	Kinh	Bí thư Huyện uỷ - Chủ tịch HĐND huyện.
2	Nguyễn Văn Thuần	Tày	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ.
3	Đỗ Văn Duy	Kinh	Phó Bí thư H.uỷ - Chủ tịch UBND huyện.
4	Nguyễn Thanh Tân	Tày	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy.
5	Hoàng Đình Tom	Tày	Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ Văn Bàn.
6	Bùi Thị Nhài	Kinh	Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ Văn Bàn.

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
7	Hà Thị Kim Trọng	Tày	Trưởng ban Dân vận Huyện uỷ Văn Bàn.
8	Hà Huy Kiệm	Tày	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
9	Trần Thị Việt	Kinh	Phó Chủ tịch Thường trực HĐND huyện.
10	Phạm Bình Minh	Kinh	Phó Chủ tịch UBND huyện
11	Đào Đức Sinh	Kinh	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện
12	Bùi Thống Nhất	Kinh	Trưởng Công an huyện
13	Nguyễn Văn Hùng	Kinh	Bí thư Đảng ủy TT Khánh Yên
14	Hà Văn Toàn	Tày	Phó Chủ tịch UBND huyện.
15	Đặng Xuân Phương	Kinh	Chánh Văn phòng Huyện ủy
16	Lê Lưu Luận	Tày	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra
17	Nguyễn Chung Thành	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ.
18	Đỗ Đăng Hảo	Kinh	Trưởng phòng Nội vụ huyện Văn Bàn.
19	Nguyễn Đăng Minh	Kinh	Chủ tịch Hội Nông dân huyện Văn Bàn
20	Sầm Thị Định	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Minh Lương.
21	Hoàng Thị Hằng	Tày	Bí thư Huyện đoàn
22	Nguyễn Mạnh Thắng	Kinh	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện
23	Sùng A Dùng	Mông	Bí thư Đảng ủy xã Nậm Chầy.
24	Hà Xuân Mão	Tày	Chánh Thanh tra huyện Văn Bàn.
25	La Xuân Thắm	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Dương Quỳ.
26	Lương Thanh Hương	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Hòa Mạc.
27	Nguyễn Hữu Thiện	Kinh	Trưởng phòng NN & PTNT huyện
28	La Tiến Thuật	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Khánh Yên Hạ.
29	Sầm Thị Hoa	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Khánh Yên Trung.
30	Hoàng Văn Quang	Kinh	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
31	Lự Thanh Hồng	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Nậm Xé.
32	Đặng Duy Hưng	Kinh	Viện trưởng VKS Nhân dân huyện
33	Nguyễn Đình Vui	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Liêm Phú
34	Nguyễn Thị Trâm	Kinh	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện.
35	Nguyễn Duy Nghiệp	Kinh	Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Văn Bàn
36	Nguyễn Văn Đầu	Dao	Bí thư Đảng ủy.
37	Tạ Minh Khuê	Kinh	Trưởng phòng Văn hoá & Thông tin huyện
38	Bùi Ánh Dương	Kinh	Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện

STT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
39	Lương Xuân Đài	Kinh	Chánh án Tòa án Nhân dân huyện
40	Trần Văn Thành	Kinh	Bí thư Đảng ủy xã Văn Sơn.
41	Nguyễn Văn Bàn	Kinh	Trưởng phòng Lao động TB&XH huyện
42	Nguyễn Tất Thắng	Tày	Phó Chủ tịch HĐND huyện.
43	Hà Văn Thảo	Tày	Bí thư Đảng ủy xã Võ Lao.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN KHOÁ XXI (Nhiệm kỳ 2020-2025)

TT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ đảm nhiệm
1	Nguyễn Thành Sinh	Kinh	TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Trần Thị Việt	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Phí Công Hoan	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
4	Nguyễn Tất Thắng	Tày	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
5	Hoàng Văn Quang	Kinh	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
6	Nguyễn Văn Bàn	Kinh	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
7	Bùi Nhị Nhài	Kinh	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ
8	Nguyễn Văn Hùng	Kinh	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện uỷ
9	Hoàng Đình Tom	Tày	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy
10	La Tiến Thuật	Tày	UVBTV, Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện
11	Bùi Thống Nhất	Kinh	UVBTV, Trưởng Công an huyện
12	Liềng A Vấn	Nùng	UVBCH, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
13	Hà Văn Toàn	Tày	UVBTV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Khánh Yên
14	Lê Xuân Quỳnh	Kinh	UVBCH, Chánh Văn phòng Huyện ủy
15	Lương Thanh Hương	Tày	UVBCH, Phó Chủ tịch UBND huyện
16	Nguyễn Văn Dần	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Nội vụ
17	Đặng Xuân Phương	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Khánh Yên Hạ
18	La Linh Dương	Tày	UVBCH, Viện trưởng Viện KSND huyện
19	Hoàng Thị Hằng	Tày	UVBCH, Chủ tịch HLH Phụ nữ huyện
20	Hứa Văn Hiên	Tày	Phó Chủ nhiệm Thường trực UBKT Huyện ủy
21	Đồng Xuân Hoàn	Tày	UVBCH, Chủ tịch Hội Nông dân huyện
22	Nguyễn Mạnh Thắng	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng GD&ĐT

TT	Họ và Tên	Dân tộc	Chức vụ đảm nhiệm
23	Nguyễn Hữu Thiện	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Nông nghiệp &PTNT
24	Vũ Xuân Thủy	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng
25	Nguyễn Khánh Toàn	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
26	Nguyễn Huy Việt	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng TN&MT
27	Trần Anh Việt	Kinh	UVBCH, Chánh Thanh tra huyện
28	Dương Văn Khu	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin
29	Đỗ Đăng Hảo	Kinh	UVBCH, Trưởng phòng Lao động - TB&XH
30	Lò Thị Huyền Trang	Tày	UVBCH, Bí thư Huyện đoàn
31	Nguyễn Văn Đầu	Dao	UVBCH, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Tân Thượng
32	Sầm Thị Định	Tày	UVBCH, Bí thư ĐU, CT HĐND xã Minh Lương
33	Sầm Thị Hoa	Tày	UVBCH, Bí thư ĐU, CT HĐND xã Khánh Yên Trung
34	Bùi Trung Kiên	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy xã Nậm Chày
35	Lê Lưu Luận	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Nậm Xây
36	Hà Xuân Mão	Tày	UVBCH, Bí thư Đảng ủy xã Liêm Phú
37	Nguyễn Chung Thành	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy xã Hòa Mạc
38	Hà Văn Thảo	Tày	UVBCH, Bí thư ĐU, CT HĐND xã Võ Lao
39	La Xuân Thắm	Tày	UVBCH, Bí thư ĐU, CT HĐND xã Dương Quỳ
40	Vàng A Tớ	Mông	Bí thư ĐU, CT HĐND xã Nậm Xé
41	Nguyễn Thị Trâm	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy xã Khánh Yên Thượng

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH CHUYỂN CÔNG TÁC, NGHỈ HƯU

TT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Nguyễn Thành Sinh	Kinh	Bí thư Huyện uỷ (chuyển công tác từ tháng 4 năm 2022)
2	Phí Công Hoan	Kinh	Bí thư Huyện ủy Huyện ủy (chuyển công tác từ tháng 2 năm 2024)
3	Trần Thị Việt	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (nghỉ hưu từ 01/11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
4	Bùi Thống Nhất	Kinh	Uỷ viên BTV Huyện ủy, Trưởng Công an huyện chuyển công tác (từ tháng 6/2023)
5	Hoàng Văn Quang	Kinh	Uỷ viên BTV Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện chuyển công tác (từ tháng 3/2024)
6	Nguyễn Quốc Hưng	Kinh	Uỷ viên BTV Huyện ủy, Trưởng Công an huyện (chuyển công tác từ 1/3/2025)
7	Bùi Thị Nhài	Kinh	Uỷ viên BTV Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện (nghỉ hưu từ 1/3/2025)
8	Hoàng Đình Tom	Tày	Uỷ viên BTV Huyện ủy, Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy (nghỉ hưu từ 1/5/2025)
9	La Linh Dương	Tày	Ủy viên BCH, Viện trưởng viện Kiểm sát Nhân dân huyện chuyển công tác từ 1/9/2024

Danh sách bổ sung Ban Thường vụ, Ban Chấp hành nhiệm kỳ (2020-2025)

TT	Họ và tên	Dân tộc	Chức vụ
1	Nguyễn Anh Chuyên	Tày	Bí thư Huyện uỷ (thay đ/c Phí Công Hoan)
2	Nguyễn Văn Bàn	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (thay đ/c Trần Thị Việt)
3	Vũ Hồng Phương	Kinh	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện (thay đ/c Phí Công Hoan)
4	Ngô Hoài Linh	Kinh	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện (thay đ/c Vũ Hồng Phương)
5	Nguyễn Quốc Hưng	Kinh	Ủy viên BTV, Trưởng Công an huyện (thay đ/c Bùi Thống Nhất)
6	Nguyễn Thị Trâm	Kinh	Ủy viên BTV, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy (thay đ/c Nguyễn Văn Bàn)
7	Đặng Xuân Phương	Kinh	Ủy viên BTV, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy, Giám đốc TTCT huyện (thay đ/c Bùi Thị Nhài)
8	Phạm Đức Huấn	Kinh	UVBCH, Bí thư Đảng ủy xã Liêm Phú

CÁC PHỤ BIỂU CHỈ TIÊU MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (1986-1990)[1]

Chỉ tiêu	1986	1987	1988	1989	1990
Diện tích cây lương thực (ha)	6086	5901	5618	5498	5609
Sản lượng lương thực quy ra thóc (tấn)	14179	13536	10992	12888	13152
Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	4380	4116	4196	4213	4227
Năng suất lúa bình quân cả năm Tạ/ha	21,2	21,3	17,8	23,9	23,6
Diện tích Ngô cả năm (ha)	733	636	682	684	604
Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	944	596	733	746	714
Diện tích sắn cả năm (ha)	769	785	621	500	542
Sản lượng sắn cả năm (tấn)	9612	9754	7763	5750	5962
Diện tích khoai lang cả năm (ha)	3	139	55	101	62
Sản lượng khoai lang cả năm (tấn)	13	626	257	465	298
Diện tích đậu các loại (ha)	221	242	82,7	124	120
Sản lượng đậu các loại (tấn)	122	110	38	49	48
Diện tích rau các loại (ha)	285	291	151	377	162
Sản lượng rau các loại (tấn)	2793	3012	1536	3715	1528
Diện tích cây lạc cả năm	100	75	12	213	35
Sản lượng lạc cả năm	66	51	9	138	24
Diện tích cây đậu tương (ha)	83	83	69	199	33
Sản lượng đậu tương (tấn)	46	39	33	125	14
Diện tích cây mía (ha)	39	40	26		
Sản lượng mía (tấn)	955	956	546		
Diện tích cây bông (ha)	312	303	206	200	185
Sản lượng bông (tấn)	81,1	82,2	60	50	55,5
Diện tích chè đã cho sản phẩm (ha)	72	29	29	35	39
Sản lượng cây chè (tấn)	91	74	73	98	105
Số lượng đàn trâu (con)	8506	8964	8809	8822	8942
Số lượng đàn bò (con)	640	658	894	656	644
Số lượng đàn lợn (con)	18190	19056	12062	12664	15288
Hộ nông dân	4897	4955	5082	6846	6684
Lao động trong nông nghiệp	12919	13450	13569	17698	18004

[1] Chi cục Thống kê Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn 1976-1990*, tr.122- 181.

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (1991-1995)[1]

Chỉ tiêu	1991	1992	1993	1994	1995
Diện tích cây lương thực (ha)	6066	6283	6370	6474	6554
Sản lượng lương thực quy ra thóc (tấn)	13879	14899	17556	17661	18842
Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	4339	4356	4362	4502	4417
Năm suất lúa bình quân cả năm Tạ/ha	23,89	25,73	32,62	32,58	35,48
Diện tích Ngô cả năm (ha)	787	869	826	851	916
Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	1023	1027	1111	1119	1309
Diện tích đậu các loại (ha)	120	202	227	252	310
Sản lượng đậu các loại (tấn)	46,8	88,9	113,1	155,2	193,8
Diện tích chè đã cho sản phẩm (ha)	29	42	42	42	42
Sản lượng cây chè (tấn)	81	118	105	151	151
Diện tích Cam, chanh, quýt (ha)	0,7	0,8	1,5	1,6	2,5
Sản lượng cam, chanh, quýt (tấn)	1,5	1,3	1,8	3	3,4
Diện tích cây mận, mơ (ha)	7,3	10	25	31,5	35
Sản lượng mận, mơ (tấn)	27	26	27	25	23
Diện tích cây chuối (ha)	25,5	20,5	17	14	17
Sản lượng chuối (tấn)	262	220	190	164	197
Số lượng đàn trâu (con)	8774	9418	9488	11061	11328
Số lượng đàn bò (con)	578	608	600	673	811
Số lượng đàn ngựa (con)	413	332	289	220	225
Số lượng đàn lợn (con)	14574	15978	16850	16533	16958
Số lượng đàn gia cầm (con)	60.148	68694	52237	69479	75390
Hộ - nhân khẩu lao động NN	7243	7665	7968	8130	8437
Diện tích cây lạc cả năm	27	40	51	62	95
Sản lượng lạc cả năm	18,9	27,2	39	49,6	55

[1] Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (1996): *Niên giám thống kê 1991-1995*, Nxb. Thóng kê, tr.36- 100.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (1995-2000)[1]

Chỉ tiêu	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Diện tích cây lương thực (ha)	6554		6605	6579	6786	6966
Sản lượng lương thực quy ra thóc (tấn)	18842	19119	19085	20556	21116	21636
Sản lượng lương thực quy ra thóc bình quân đầu người (kg)	325	318	304	316	315	315
Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	4417	4324	4396	4462	4593	4794
Sản lượng màu quy thóc (tấn)	5090	5580	5249	5565	5441	4579
Diện tích ngô cả năm (ha)	916	962	1133	1211	1365	1352
Sản lượng ngô cả năm (tấn)	1309	1717	1354	2230	2390	1482
Diện tích khoai lang (ha)	287	428	316	106	70	
Sản lượng khoai lang (tấn)	1511	2286	1940	544	350	
Diện tích sắn (ha)	655	673	699	702	654	717
Sản lượng sắn (tấn)	8515	9086	9087	9126	8190	8604
Diện tích cây lương thực khác (ha)	279	40	61	98	104	103
Sản lượng cây lương thực khác (tấn)	2195	360	198	560	1022	1145
Diện tích rau đậu (ha)	548	539	602	534	432	538
Sản lượng rau đậu (tấn)	2608	3065	3274	2998	3003	3122
Diện tích cây lạc cả năm (ha)	95	113	82	93	84	89
Sản lượng lạc cả năm (tấn)	74	73	56	52	59	62
Diện tích chè đã cho sản phẩm (ha)	70	65	25	6	6	6
Sản lượng cây chè (tấn)	151	118	18	12	20	15
Diện tích bông (ha)	200	140	126	127	204	160
Sản lượng bông (tấn)	80	56	50	51	84	67
Diện tích mía (ha)	10		48	60	78	78
Sản lượng mía (tấn)	200		1200	1560	2028	2028
Diện tích cây chuối (ha)	17	17	6	6	8	8

[1] Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2001): *Niên giám thống kế năm 2000*, Nxb. Thóng kê, tr.48 - 96.

Chỉ tiêu	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Sản lượng chuối (tấn)	197	211	71	60	60	80
Diện tích đậu tương (ha)	223	239	322	289	290	305
Sản lượng đậu tương (tấn)	174	184	177	178	188	343
Diện tích cây ăn quả (ha)	125	198	205	320	348	416
Số lượng đàn trâu (con)	11328		11939	12536	13037	13670
Số lượng đàn bò (con)	811		995	1064	1800	2125
Số lượng đàn ngựa (con)						
Số lượng đàn lợn (con)	16958		18816	29715	20300	21824
Số lượng đàn gia cầm (con)	75390		110626	121000	121000	122283
Sản lượng thủy sản (tấn)	16		51	51	38	10
Hộ - nhân khẩu lao động NN	7243					

BẢNG KÊ SỐ TRƯỜNG, LỚP, GIÁO VIÊN, HỌC SINH[1]

Tổng số	Năm học				
	1995/ 1996	1996/ 1997	1997/ 1998	1998/ 1999	1999/ 2000
Trường Mẫu giáo	1	2	2	2	2
Lớp Mẫu giáo	34	47	36	45	47
Học sinh Mẫu giáo	946	1193	883	1165	1109
Giáo viên mẫu giáo	42	53	53	52	56
Số lớp học phổ thông					618
Tổng số giáo viên phổ thông					626
Tổng số học sinh phổ thông					17371
Số trường tiểu học					23
Số trường THCS					16

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP (2001-2005)[2]

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Diện tích cây lương thực có hạt (ha)	6146	6707	6913	7071	7138	7219
Sản lượng lương thực có hạt (tấn)	18539	22416	24832	26263	27810	28776

[1] Cục thống kê Lào Cai (2000): *Niên giám thống kê năm 1999*, Nxb. Thống kê, tr.177, 183.

[2] Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2006*): Niên giám thống kế 2005*, Nxb. Thống kê, tr.56 - 98.

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Sản lượng lương thực quy ra thóc bình quân đầu người (kg)	249	264	276	281	289	293
Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	4794	4881	5008	5108	5140	5141
Sản lượng lúa (Tấn)	17057	18440	19675	20531	21387	22039
Diện tích Ngô cả năm (ha)	1352	1826	1905	1963	1998	2078
Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	1482	3976	5157	5732	6423	6737
Diện tích sắn (ha)	717	793	765	782	780	1000
Sản lượng sắn (tấn)	8604	10309	9945	10166	10140	13000
Diện tích cây lương thực khác (ha)	103	122	104	107	110	110
Sản lượng cây lương thực khác (tấn)	1145	1801	1134	1104	1176	1176
Diện tích rau đậu (ha)	538	557	655	847	918	906
Sản lượng rau đậu (tấn)	3122	3488	5272	7249	7912	7673
Diện tích cây lạc cả năm (ha)	89	84	78	157	157	149
Sản lượng lạc cả năm (tấn)	62	58,9	52	119	118	104
Diện tích chè đã cho sản phẩm (ha)	6	28	45	65	82	82
Sản lượng cây chè (tấn)	15	15	15	15	15	15
Diện tích bông (ha)	160	123	153	148	149	151
Sản lượng bông (tấn)	67	74	55	52	52	60
Diện tích mía (ha)	78	81	53	85	70	70
Sản lượng mía (tấn)	2028	2106	1484	2125	1750	1750
Diện tích cây chuối (ha)	8	29	34	56	61	64
Sản lượng chuối (tấn)	80	104	377	510	840	915
Diện tích Đậu tương (ha)	305	340	510	598	570	475
Sản lượng đậu tương (tấn)	229	237,8	515	685	570	523
Diện tích cây ăn quả (ha)	409	502	543	618	646	653
Số lượng đàn trâu (con)	14670	16627	17359	17984	19027	19325
Số lượng đàn bò (con)	2125	2861	3204	3415	3870	4208
Số lượng đàn lợn (con)	30824	36808	39861	41524	47171	48001
Số lượng đàn gia cầm (con)	172283	216836	224000	230915	236841	250012
Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	88	105	135	135	135	135
Sản lượng thủy sản (tấn)	43	49	69	73	78	80

BẢNG KÊ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, DỊCH VỤ[1]

Hoạt động	**2000**	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Số đơn vị kinh doanh thương mại, du lịch	289	300	308	320	340	362
Số người kinh doanh thương mại, du lịch	381	405	428	460	490	525
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	39800	45120	52970	62400	77450	94430
Số máy điện thoại	422	498	626	783	1025	1532

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2006-2010)

TT	Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
1	Diện tích cây lương thực có hạt (ha)	7185	7630	8189	8416	8581
2	Sản lượng lương thực có hạt (tấn)	29489	32366	32532	34810	31923
3	Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	5081	5275	5450	5643	5678
4	Sản lượng lúa (tấn)	22377	24375	24432	25105	21943
5	Diện tích Ngô cả năm (ha)	2104	2355	2739	2773	2903
6	Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	7112	7991	8100	9705	9980
7	Diện tích sắn (ha)	1200	1427	1624	1661	1419
8	Sản lượng sắn (tấn)	15600	18555	21112	21008	18447
9	Số lượng đàn trâu (con)	20271	21580	21249	23206	19027
10	Số lượng đàn bò (con)	4177	4594	4300	4693	3870
11	Số lượng đàn lợn (con)	51200	56195	64448	71160	47171
12	Số lượng đàn gia cầm (nghìn con)	294	311	294	305	298
13	Sản lượng thủy sản (tấn)	81	81	71	207	167
14	Diện tích trồng cây ăn quả (ha)	657	662	663	665	660
15	Diện tích rừng trồng mới tập trung (ha)	557	732	515	660	1175

[1] *Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2006): Niên giám thống kế 2005, Nxb.Thống kê, tr.117-121,138*

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2011-2015)

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
1	Diện tích cây lương thực có hạt (ha)	9386	9584	10182	11618	11377
2	Sản lượng lương thực có hạt (tấn)	41066	43528	46174	47007	51706
3	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người (kg)	508	531	554	558	610
4	Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	5865	6284	6522	6615	6980
5	Sản lượng lúa (tấn)	29204	31812	32958	33295	35748
6	Diện tích Ngô cả năm (ha)	3521	3300	3660	5003	4397
7	Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	11862	11716	13216	13712	15958
8	Diện tích sắn (ha)	1637	1645	1685	1687	1850
9	Sản lượng sắn (tấn)	20966	27143	27802	28004	30710
10	Số lượng đàn trâu (con)	20371	20994	21514	21970	22247
11	Số lượng đàn bò (con)	3206	3593	3502	3600	3795
12	Số lượng đàn lợn (con)	48241	50907	52947	55595	65783
13	Số lượng đàn gia cầm (nghìn con)	328	382	388	403	430
14	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	192	192	192	225	224
15	Sản lượng thủy sản (tấn)	170	172	185	195	190
16	Diện tích cây ăn quả (ha)	665	680	682	682	682
17	Diện tích rừng trồng mới tập trung (ha)	450	0	994	906	1943
18	Giá trị sản xuất lâm nghiệp (tấn)	90680	66256	72365	85382	75208

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2016-2020)

Chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Diện tích cây lương thực có hạt (ha)	11890	12363	12455	12705	12631
2	Sản lượng lương thực có hạt (tấn)	56062	57591	61767	64007	64695
3	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người (kg)	64999	66065	69856	71514	70961
4	Diện tích gieo trồng lúa cả năm (ha)	7073	7238	7356	7525	7413
5	Sản lượng lúa (tấn)	37677	37142	40432	41893	42427
6	Diện tích Ngô cả năm (ha)	4817	5125	5099	5180	5218

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
7	Sản lượng Ngô cả năm (tấn)	18385	20449	21335	22114	22268
8	Diện tích sắn (ha)	1940	1941	1419	1401	1422
9	Sản lượng sắn (tấn)	32350	23671	23671	23369	23730
10	Số lượng đàn trâu (con)	22688	22736	23006	22622	21542
11	Số lượng đàn bò (con)	3869	4236	4349	4498	4596
12	Số lượng đàn lợn (con)	667000	67542	69218	51513	43357
13	Số lượng đàn gia cầm (nghìn con)	451	457	475	668	711
14	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	240	270	285	311	358
15	Sản lượng thủy sản (tấn)	216	257	280	357	414
16	Diện tích rừng trồng mới tập trung (ha)	1788	2147	1279	614	856

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội khóa XX nhiệm kỳ 2015 - 2020

TT	Chỉ tiêu	Kết quả nhiệm kỳ 2015-2020
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	12,04%
2	Thu nhập bình quân đầu người	45 triệu đồng
3	Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	20,8%
4	Công nghiệp, xây dựng	Từ 39,1% lên 52%
5	thương mại dịch vụ	Từ 26% lên 27,2%
6	Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp	2.400 tỷ đồng
7	Tỷ lệ tán che phủ rừng	64,8%
8	Giá trị ngành chăn nuôi	733 tỷ đồng
9	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản	376 ha
10	Thu nhập khu vực nông thôn	34,8 triệu đồng
11	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	12 xã
12	Giá trị sản xuất công nghiệp	3.799 tỷ đồng
13	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	9.925 tỷ đồng
14	Thu ngân sách nhà nước	207,6 tỷ đồng
15	Đơn vị trường học các cấp	85 trường
16	Số trường đạt chuẩn quốc gia	71 trường
17	Thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa	195/195
18	Huy động vốn đầu tư cho công tác giảm nghèo	229,0 tỷ đồng
19	Tỷ lệ hộ nghèo	Giảm từ 35,17% còn 9,5%

TT	Chỉ tiêu	Kết quả nhiệm kỳ 2015-2020
20	Tỷ lệ bác sỹ /vạn dân	5,5 bác sỹ
21	Giường bệnh/vạn dân	21,6
22	Xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	22/22 xã
23	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	99%

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2021-2025)

Chỉ tiêu về phát triển kinh tế

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	12,05	13,09	13,78	13,82	14,10
2	Cơ cấu kinh tế	100	100	100	100	100
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	20,6	19,9	19,43	18,9	18
	- Công nghiệp, xây dựng	52,1	52,4	52,47	52,91	53,7
	- Thương mại, dịch vụ	27,3	27,7	28,1	28,19	28,3
3	Thu nhập bình quân đầu người	48,90	54,21	60,80	68,00	74,00
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025	1.789	3.471	6.152	3.959	5.327
5	Thu ngân sách trên địa bàn huyện	336	506	506	526	531
6	Tổng sản lượng lương thực có hạt	67.920	71.837	74.056	69.195	70.400
7	Giá trị sản phẩm trên một ha canh tác	92	96,1	103,6	105	108
8	Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng	6.100	8.075	8.580	9.251	11.528
9	Giá trị sản xuất TTCN	220,6	265	308	395	423
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ giai đoạn 2021-2025	1.060	1.305	1.709	1.975	2.350
11	Tỷ lệ che phủ rừng	65,8	66,3	67,76	68,76	68,76
12	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	10	10	10	12	16
13	Chuẩn hóa và công nhận sản phẩm OCOP	14	21	30	10	5

Chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa hằng năm	81,9	83,3	85,2	85,2	85,4
2	Tỷ lệ thôn, bản, TDP đạt tiêu chuẩn văn hóa hằng năm	87	88	91,3	91,3	91,4

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
3	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	88,2	88,2	89,3	91,6	91,6
4	Số trường trọng điểm chất lượng	4	4	4	4	4
5	Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp					
	- Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi	34,4	37	37	37	37
	- Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi	99,6	99,7	99,7	99,7	99,7
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	99,9	99,9	99,9	99,9	99,9
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi	99,7	99,7	99,7	99,7	99,7
	- Huy động học sinh HTCTTH vào học lớp 6	99,9	99,9	99,7	99,7	99,7
	- Huy động học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT, học nghề	76,7	82,5	82,5	82,5	86
6	Duy trì phổ cập giáo dục MN, TH, THCS và XMC	22	22	22	22	22
7	Tỷ lệ người biết chữ	95	96	96	96	96
8	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi giáo dục đạt trình độ THPT và tương đương	76	76	80	83	85
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	54,1	57,8	61,5	67,7	70,05
10	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	74,7	72,6	70,5	68,6	67,8
11	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp	25,3	27,4	29,5	31,4	32,2
12	Tỷ lệ thất nghiệp dưới	0,45	0,43	0,42	0,4	0,35
13	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1,05	1,05	duy trì <1.05	duy trì <1.05	duy trì <1.05
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD *(Thể thấp còi)*	20,1	19,4	19,21	19,2	19
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (*Thể cân nặng)*	15,45	14,87	14,58	14,38	14,09
15	Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế	76,8	80,2	97,3	97	97
16	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm	3,5	6,12	4,34	4,45	2,83
17	Tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt	87	87	94	94	95
18	Tỷ lệ rác thải nguy hại được thu gom, x ử lý	100	100	100	100	100

Chỉ tiêu về Quốc phòng - An ninh

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ hằng năm	86	77	95,5	95,5	100
2	Tỷ lệ giải quyết các vụ án trọng điểm hằng năm	100	100	100	100	100
	Số vụ tai nạn giao thông và va chạm giao thông	3	7	12	12	11
	Số người chết do TNGT	1	3	8	5	4
	Số người bị thương do TNGT	2	9	14	8	7
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng được yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến	0	0	60	90	95
5	Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời gian quy định cấp huyện, cấp xã	100	100	100	100	100
6	Hằng năm, tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	81,5	91,7	91,0	95,0	95,0
7	Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm về trật tự, xã hội	100	100	100	100	100
8	Số đơn vị được huấn luyện DQTV hàng năm	36	36	36	36	36
	Số dân quân được huấn luyện hàng năm	1.846	1.846	1.846	1.846	1.846
	số tự vệ được huấn luyện hàng năm	192	192	192	192	192

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TT	Tên tài liệu
1	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010): *Lịch sử* Đảng *bộ tỉnh Lào Cai (1947-2007).*
2	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 1995-2000.*
3	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2000-2005.*
4	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2005-2010.*
5	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015.*
6	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020.*
7	Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII.*
8	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái,* Tập 1 (1930-1975), Nxb. Chính trị quốc gia.
9	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Yên Bái*, Tập 2 (1975 -2000), Nxb. Chính trị quốc gia.
10	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn (1999): *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* tập 1 (1930-1954).
11	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn (1995): *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn,* tập 2 (1954-1975).
12	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn (2010): *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn*, tập 3(1975-2000).
13	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn (2020): *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn* (1947-2017).
14	Chi cục Thống kê tỉnh Hoàng Liên Sơn (1991): *15 năm xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Hoàng Liên Sơn (1976-1990).*
15	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 1995-2000.*
16	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVII trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2001-2005.*

TT	Tên tài liệu
17	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVIII trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2005-2010.*
18	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIX trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010-2015.*
19	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XX trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020.*
20	Huyện ủy Văn Bàn: *Báo cáo tổng kết năm 1991,1992, 1993,1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006,* 2007, 2008, 2009.
21	Huyện ủy Văn Bàn: *Báo cáo tổng kết năm 2010, 2011, 2012, 2013,2014, 2015, 2016, 2017.*
22	Lịch sử ngành Giáo dục huyện Văn Bàn.
23	Lịch sử truyền thống ngành Nông nghiệp huyện Văn Bàn.

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO, BAN BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĂN BÀN

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
I	**Giai đoạn 1945-1954**		
1	HÀ ĐỨC MIỀU	Phó Bí thư thường trực Huyện ủy	Chịu trách nhiệm xuất bản
2	PHẠM XUÂN PHÚC	Cán bộ Ban lịch sử Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	Biên soạn
3	NGUYỄN XUÂN SAN	Phó trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Biên soạn
4	NGUYỄN CHÍ TUỆ	Chánh Văn phòng Huyện ủy	Biên soạn
II	**Giai đoạn 1954-1975**		
1	TẠ DUY HIỂN	Bí thư Huyện ủy	Chịu trách nhiệm xuất bản
2	PHẠM XUÂN PHÚC	Cán bộ Ban lịch sử Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	Biên soạn
3	CÙ XUÂN ĐƯƠNG	Chánh Văn phòng Huyện ủy	Biên soạn
4	ĐINH THỊ TUYÊN	Cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Biên soạn
III	**Giai đoạn 1976-2000**		
1	HÀ KIM TAM	Bí thư Huyện ủy	Chỉ đạo biên soạn
2	LÊ VĂN QUÝ	Phó Bí thư thường trực Huyện ủy	Chỉ đạo biên soạn
3	HOÀNG THẾ HÙNG	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	Chỉ đạo biên soạn
4	ĐỖ TIẾN DŨNG	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	Biên soạn
5	NGUYỄN VĂN THUẦN	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	Biên soạn
6	PHAN ĐỨC NHUNG	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy	Biên soạn
7	NGỤY VĂN LUẬT	UVBCH, Chánh Văn phòng Huyện ủy	Biên soạn
8	NGUYỄN HỮU ÁI	Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	Biên soạn

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
IV	**Giai đoạn 2000 - 2015**		
1	NGUYỄN THÀNH SINH	Bí thư Huyện ủy	Chịu trách nhiệm xuất bản
2	TRẦN THỊ VIỆT	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Chỉ đạo biên soạn
3	PHAN TRUNG BÁ	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	Chỉ đạo biên soạn
4	BÙI THỊ NHÀI	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ban biên soạn
5	DƯƠNG VĂN KHU	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Ban biên soạn
6	NGUYỄN MẠNH HÀ	Phó trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ban biên soạn
7	LƯƠNG XUÂN HÙNG	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ban biên soạn
8	LÊ DŨNG MẠNH	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ban biên soạn
9	NGUYỄN THỊ NGỌC	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Ban biên soạn

Mục lục

Lời mở đầu 5

Chương 1. Văn Bàn - vùng đất, con người và truyền thống

I. Điều kiện tự nhiên, địa danh hành chính 10

II. Cư dân, văn hóa, đặc điểm kinh tế 32

III. Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân các dân tộc Văn Bàn 35

Chương 2. Đảng bộ huyện Văn Bàn ra đời, lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng quê hương; Phát triển kinh tế, xã hội (1947-1960)

I. Đảng bộ huyện Văn Bàn ra đời lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng quê hương (1947-1950) 54

II. Lãnh đạo bảo vệ thành quả cách mạng (1950-1954) ... 100

III. Lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh (1955-1957) ... 158

IV. Lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội (1958-1960) 174

Chương 3. Đảng bộ lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1961-1975)

I. Lãnh đạo địa phương thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) 195

II. Lãnh đạo địa phương vừa sản xuất,
vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại
của đế quốc Mỹ (1965-1972) 234

III. Lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội,
chi viện miền Nam, góp phần cùng cả nước chống Mỹ
cứu nước (1973-1975) 298

Chương 4. Lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976-1991)

I. Đảng bộ lãnh đạo địa phương xây dựng
chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc (1976-1980) 312

II. Lãnh đạo địa phương xây dựng chủ nghĩa xã hội
(1981-1985) 351

III. Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới (1986-1991) 385

Chương 5. Lãnh đạo địa phương đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1991-2000)

I. Lãnh đạo địa phương tiếp tục
công cuộc đổi mới (1991-1996) 423

II. Lãnh đạo địa phương thực hiện công nghiệp hóa,
hiện đại hóa (1996-2000) 460

Chương 6. Đảng bộ lãnh đạo huyện Văn Bàn từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế (2001-2015)

I. Đảng bộ lãnh đạo địa phương thực hiện
công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2001-2005) 504

II. Lãnh đạo địa phương phát triển nhanh,
toàn diện (2005- 2010) 539

III. Lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2010-2015) 588

Chương 7. Đảng bộ lãnh đạo đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh (2015-2025)

I. Đảng bộ lãnh đạo đưa Văn Bàn phát triển nhanh, bền vững (2015-2020) 663

II. Đoàn kết, dân chủ, đổi mới, lãnh đạo đưa Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh (2020-2025) 720

Kết luận 789

Phụ lục 807

Tài liệu tham khảo 877

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN VĂN BÀN
(1947-2025)

ISBN: 978-604-45-1102-3

SÁCH KHÔNG BÁN